

ALVIN
TOFFLER

THĂNG TRÂM QUYỀN LỰC

P O W E R S H I F T

②



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN



THĂNG TRẦM QUYỀN LỰC
PHẦN II

Vì điều kiện không liên hệ trực tiếp được với các dịch giả. Nhà xuất bản Thanh niên kính mời các dịch giả liên hệ với Nhà xuất bản để nhận nhuận bút. Chúng tôi thành thật xin lỗi và xin chân thành cảm ơn.

ALVIN TOFFLER

**THĂNG TRẦM
QUYỀN LỰC**

(Phần II)
Sách tham khảo

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Nguời dịch: KHÔNG ĐỨC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Alvin Toffler là một trong những nhà Tương lai học nổi tiếng. "Thăng trầm quyền lực" (Power Shift), xuất bản năm 1990 tại New York là một trong những tác phẩm nghiên cứu công phu đã khẳng định nghề nghiệp của Alvin Toffler - người đưa ra những dự báo tương lai ở cấp độ hoàn cầu.

Công trình này, "Thăng trầm quyền lực" - Tác giả đã dày công nghiên cứu, khảo sát trong 1/4 thế kỷ, với nguồn tư liệu phong phú và có chiều sâu trong cách diễn giải, đã gây nên sự quan tâm của giới nghiên cứu ở nhiều nước.

Mặc dù nhiều luận điểm của Alvin Toffler nêu trong "Thăng trầm quyền lực" còn cần phải thảo luận, tranh luận - Do nhân sinh quan và thế giới quan của tác giả - Nhưng để phục vụ yêu cầu nghiên cứu của bạn đọc, Nhà xuất bản Thanh Niên xuất bản cuốn sách để cung cấp cho bạn đọc thông tin dưới dạng **Tài liệu tham khảo** trong tủ sách tham khảo của Nhà xuất bản Thanh Niên.

Mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Nhà xuất bản Thanh Niên

PHẦN BỐN

**QUYỀN LỰC TRONG CÁC
CÔNG TY UYỂN CHUYỂN**

ĐỒ VŨ CỦA THỜI VÀNG SON

Cuộc chiến tranh để chiếm ưu thế tuyệt đối về kinh tế trong thế kỷ XXI thực sự đã bắt đầu. Các vũ khí chiến thuật chủ yếu trong cuộc đấu tranh giành quyền lực này đều có tính cách truyền thống. Chúng ta biết những tin tức này qua các “tít” lớn trên mặt báo hàng ngày - sự vận dụng tiền tệ, các chính sách bảo vệ mậu dịch, luật lệ về tài chính v.v... Thế nhưng, cũng như trong trường hợp tranh chấp quân sự, các vũ khí chiến lược thực sự hiện nay đều căn cứ vào tri thức.

Điều cần nhất cho mỗi quốc gia trong cuộc chạy đua đường trường là những sản phẩm của trí tuệ: do nghiên cứu khoa học và kỹ thuật, trình độ giáo dục của lực lượng lao động, phân mềm tinh vi, việc quản lý khôn ngoan hơn, thông tin tiên tiến, tài chính, điện tử... Đó là những tài nguyên then chốt cho quyền lực của ngày mai, và trong số các vũ khí chiến lược này, không có gì quan trọng bằng một tổ chức ưu việt - đặc biệt là bản thân tri

thức của tổ chức.

Do đó, như chúng ta sẽ thấy trong các chương sau đây, sự tiến công vào tình trạng quan liêu hiện nay là chủ yếu.

PHÁ VỠ NẠN QUAN LIÊU

Mọi người đều ghét nạn quan liêu.

Đã từ lâu lắm, những nhà kinh doanh vẫn nuôi một huyền thoại: ngành thư lại là một cơn bệnh của chính quyền. Các công chức đều được xem như những người lười biếng, ăn bám, và là thứ người hay cau có gắt gỏng không thể giao du được. Trong khi những nhà kinh doanh được mô tả là những con người năng động, có kinh nghiệm sản xuất, và nhiệt tình chiều chuộng khách hàng. Thế mà bệnh quan liêu thật ra vẫn tiềm tàng trong ngành kinh doanh, cũng như trong khu vực công quyền. Thật vậy, có rất nhiều công ty thuộc loại lớn nhất trên thế giới đều trì trệ như bị đau bệnh thấp khớp và ngổ ngáo như bất cứ một Bộ nào của chính quyền độc tài.

Ngày nay, người ta nghiên cứu để tìm những đường hướng mới cho việc tổ chức. Nhiều chính phủ đang bán rẻ các xí nghiệp công, hoặc thử nghiệm với những công việc cho tiền thưởng công lao và các sáng kiến khác trong ngành công vụ.

Thế nhưng, chỉ trong xí nghiệp mới thấy rõ

chủ lực dùng để tổ chức những hình thức mới là tiến bộ hơn cả. Không ngày nào trôi qua mà không có một bài báo, một quyển sách, hoặc bài thuyết trình công khai chỉ trích cơ cấu quyền lực già nua đầu to đít teo như một hình Kim tự tháp dựng ngược. Các tập san quản lý đã đăng tải những sự việc lịch sử của các công ty, rút kinh nghiệm về các đường lối tổ chức mới, từ việc “nghiên cứu hạ tầng” tại công ty Toshiba đến cấu trúc bao cấp của công ty điện toán Tandem. Các vị giám đốc đã được khuyến cáo nên lợi dụng tình trạng “hỗn độn”, do đó có cả nghìn công thức và mẫu mã đã được đem vào thử nghiệm, và loại bỏ cũng nhanh chóng như những câu thơ đã được sáng tác và chóng quên.

Tuy nhiên, không ai mong rằng mô hình quan liêu sẽ biến mất, ngược lại nó vẫn còn thích hợp vì một số lý do. Thế nhưng, ngày nay mọi người đề thừa nhận rằng, các công ty sẽ lui tàn dưới ngọn lửa cạnh tranh nếu họ cứ bám víu vào cấu trúc quan liêu tập trung bao cấp cổ lỗ sĩ, dù nó đã có thời phồn thịnh trong giai đoạn công nghiệp ống khói.

Xã hội trong thời đại công nghiệp ống khói, mặc dù quyền lực tối thượng vẫn ở trong tay các vị lãnh đạo tinh thần được mọi người sùng bái và thậm chí còn chống quan liêu nữa. Nhưng rõ ràng là quyền lực này vẫn được điều hành bởi những viên quan lại và nhân danh các nhà lãnh đạo của họ. Ngành cảnh sát, quân đội, các công ty, bệnh

viện, trường học, tất cả đều được tổ chức theo hình thức quan liêu, bất kể đến tư cách cá nhân hoặc cung cách hành động của những người lãnh đạo cơ quan ra sao.

Cuộc nổi dậy chống quan liêu, trong thực tế, là một cuộc tiến công đánh vào dinh luỹ quyền lực của thời kỳ công nghiệp ống khói. Nó trùng hợp với thời kỳ quá độ của nền kinh tế siêu tượng trưng thế kỷ XXI. Và nó đã giải thích tại sao, những ai đã sáng lập ra các tổ chức “hậu quan liêu” đều là có tinh thần cách mạng, dù đó là trong xí nghiệp, trong chính quyền hoặc trong xã hội dân sự.

VÔ SỐ BAN CHUYÊN MÔN

Bất cứ hệ thống quan liêu nào cũng có hai nét đặc trưng, được gọi là “Ban chuyên môn” và “Tuyến”. Bởi lẽ đó, sự khống chế quyền lực đều nằm trong tay hai loại giám đốc: các chuyên gia và các nhà quản lý.

Các chuyên gia nắm được quyền lực nhờ họ có quyền điều khiển thông tin trong các ban chuyên môn. Còn các nhà quản lý nắm được quyền lực nhờ việc chỉ đạo những thông tin xuyên qua các hệ thống. Chính hệ thống phân phối quyền lực này là xương sống của hệ thống quan liêu, hiện nay đang bị búa rìu của dư luận ở khắp mọi nơi.

Chúng ta nghĩ đến hệ thống quan liêu như là

một tổ chức tập hợp nhân viên. Nhưng, nó cũng là một cách để tập trung các “sự kiện”. Một công ty được phân bố ra làm nhiều ngành, tùy theo chức năng, thị trường, vùng hoạt động, hoặc các loại sản phẩm. Nói cho cùng chỉ là một bộ sưu tập của Ban Tham mưu, tại đây các thông tin chuyên môn và kinh nghiệm cá nhân được lưu trữ. Các tư liệu về công nghiệp được chuyển đến cho các kỹ sư, các tư liệu về mậu dịch được chuyển đến cho vụ buôn bán.

Trước khi máy điện toán ra đời, cái tổ chức “Ban chuyên môn” này là con đường chính để đi đến việc sản xuất ra của cải do tổ chức tri thức đem lại. Và cái đẹp huy hoàng của hệ thống này, trước nhất, là nó có vẻ lớn mạnh vô cùng tận. Trên thực tế, người ta có thể lập ra vô số Ban chuyên môn như thế.

Nhưng trên thực tiễn, hiện nay các công ty và chính phủ đang phát hiện ra những hạn chế nhất định đối với tính cách chuyên môn này. Trước nhất, các hạn chế được thấy rõ trong lãnh vực công cộng, vì các cơ quan nhà nước đã bành trướng đến một mức độ dễ sợ, lên đến một vị trí không bao giờ lùi được nữa.

Thí dụ, chúng ta hãy lắng nghe lời than phiền gần đây của John F. Lehman - Bộ trưởng Hải quan Hoa Kỳ, Lehman đã thú nhận với các đồng nghiệp của mình rằng tại Lầu Năm Góc, có quá nhiều Ban

chuyên môn mọc lên như nấm, đã “khiến cho tôi hoặc bất cứ một vị nào tại bàn hội nghị này đều không thể mô tả một cách chính xác... các hệ thống mà với nó, và trong khuôn khổ của nó, chúng ta phải hoạt động như thế nào”.

Các công ty tư doanh cũng đã lớn mạnh với tầm cỡ của con người lớn nhanh như thổi, nên chúng đã bắt đầu giáng những cái tát này lửa cho cái tổ chức chuyên môn hóa hép hòi. Ngày nay, tại hầu hết công ty này đến công ty khác, hệ thống “Ban chuyên môn” đang sụp đổ dưới sức nặng của chính bản thân nó. Không phải chỉ vì sự to lớn của nó đã làm cho nó trở nên không còn tác dụng.

QUYỀN LỰC CHỐNG LẠI LÝ TRÍ

Như chúng ta đã rời bỏ kỷ nguyên công nghiệp ở đằng sau, và đang bước vào một xã hội đa dạng hơn. Nền kinh tế công nghiệp ống khói cũ kỹ đã phục vụ cho một xã hội đại chúng. Nền kinh tế siêu tượng trưng ngày nay lại đang phục vụ cho một xã hội phi đại chúng. Mọi thứ, từ lối sống và sản phẩm đến các phương tiện kỹ thuật và truyền thông đều đang phát triển đa dạng hơn.

Tình trạng đa dạng mới này mang lại nhiều tính phức tạp, và đến lượt nó, chứng tỏ là các xí nghiệp ngày càng cần nhiều tư liệu hơn, nhiều thông tin hơn, và kỹ thuật hơn. Do đó, hàng khôi

tư liệu khổng lồ đã được nhét đầy vào các kho lưu trữ kia ngày càng nhiều - làm bội số lên quá sức tưởng tượng và chật cứng như nêm đến nỗi muốn bốc cháy.

Ngày nay, những biến chuyển cũng đã đi đến với “đôi hia bảy dặm”, khiến cho các văn phòng không thể nào cảng đáng nổi. Trị giá đồng Yên tăng vọt tại Tokyo trong nháy mắt đã tác động đến tình hình mậu dịch ở Zurich hoặc Luân Đôn. Một cuộc hội báo truyền hình tại Téhéran đã châm ngòi ngay tức khắc cho sự phản ứng của Washington. Một chính khách tình cờ đưa ra một sự nhận xét về thuế khóa đã khiến cho nhà đầu tư và những chuyên gia kế toán nhanh chóng đổ xô đến ngay để tái định giá các hợp đồng kinh doanh có thể ký kết.

Tốc độ chuyển biến nhanh này đã làm cho nguồn tri thức của chúng ta - về các phương tiện kỹ thuật, thị trường, dịch vụ cung ứng, dịch vụ phân phối, tiền tệ, lợi suất, những yêu cầu ưu tiên của khách hàng, và tất cả các yếu tố biến thiên khác trong kinh doanh - đều có thể trở nên lỗi thời, tàn lụi.

Toàn bộ kho tàng tư liệu, kỹ thuật, và tri thức của một công ty, do đó phải ở trong một tình trạng luôn luôn bị phế thải, nên cần phải hồi sinh, canh tân, quay vòng ngày càng nhanh hơn. Lần lượt, tình trạng này nói lên ý nghĩa là một số các kho chứa cũ hoặc các phòng lưu trữ tư liệu trong đó

người ta nhồi nhét vào bao nhiêu tri thức đã bắt đầu vỡ ra từng mảnh. Các kho khác đều trở thành vô dụng vì các thông tin chứa đầy trong đó nay đã lỗi thời. Các mối tương quan giữa tất cả các ban ngành, hoặc đơn vị ấy đối với nhau cũng thường xuyên biến đổi nữa.

Nói tóm lại, dự án thiết kế của Ban chuyên môn trong năm thứ nhất, bước sang năm thứ hai không còn thích hợp nữa. Người ta dễ dàng sắp xếp lại hoặc phân loại các thông tin đã được tồn trữ trong máy điện toán. Chỉ cần sao chép lại một hồ sơ để đưa vào trong niên giám mới. Nhưng còn nếu tính chuyện thay đổi cả tổ chức hệ thống kho, phòng thì lại khác. Bởi lẽ nhân sự và ngân sách là dành cho một dự án, nên bất cứ mưu toan nào nhằm tái thiết, kể cả cơ cấu tổ chức cũng chậm phải ngoi nổ gây ra những sự đấu đá tranh giành quyền lực. Do đó, thế giới bên ngoài biến đổi càng mau, càng làm cho hệ thống quan liêu trong xí nghiệp chia rẽ và xô xát lẫn nhau.

Thế nhưng, nỗi lo âu thực sự bắt đầu khi có sự thay đổi trên thị trường, hay nền kinh tế hoặc xã hội thì công ty cũng bị khuấy động lên những vấn đề mới hay cơ hội mới. Bỗng nhiên những người ra quyết định phải đương đầu với những tình huống mà không có thông tin nào được lưu trữ có thể đem ra áp dụng để giải quyết. Hối suất trong kinh doanh càng dồn dập chừng nào - và cứ

hằng ngày ra tăng tốc độ - thì càng có những tình huống cá biệt như trên xuất hiện bất ngờ.

Ngày 3-2-1984, Ban giám đốc của công ty Union Carbide mới khám phá ra rằng nhà máy thuốc trừ sâu của họ tại Bhopal - Ấn Độ, đã nhả ra một đám mây độc hại, gây nên một tai nạn nguy hiểm nhất từ trước tới nay trong lịch sử công nghiệp. Thảm họa này đã làm chết hơn 3.000 người, và làm bị thương 200.000 người khác. Tình hình buộc phải có quyết định ngay, thay vì phải qua những thủ tục ngoằn ngoèo như thường lệ.

Nhiều sự việc khác cũng độc đáo không kém, tuy rằng ít gây thảm họa hơn, đã rơi xuống đầu các vị giám đốc kinh doanh như những trận mưa đá. Tại Nhật Bản, những vị giám đốc điều hành của công ty Morinaga Chocolate được biết rằng có một kẻ sát nhân bí mật nào đó đang lén lút bỏ thuốc độc vào sản phẩm của họ. Công ty Guiness ở Anh bị một đòn do bê bối (xi-căng-đan) trong vấn đề quản lý kho hàng. Hãng Pennzoil và Texaco phải lao mình vào một cuộc tranh chấp pháp luật mênh mông. Công ty Manville Corporation bắt buộc phải tự phá sản để giải quyết những vụ kiện vì đã để cho công nhân của mình không được bảo vệ khi sử dụng chất a-mi-an. Công ty CBS phải đỡ một đòn tiến công bất ngờ của Ted Turner. Còn công ty hàng không United Airline phải đương đầu với việc mua đấu giá chưa từng thấy các cổ phần của các phi

công của chính họ để khỏi lọt vào tay những người khác và gây ra tình trạng đổ vỡ tại Wall Street....

Những sự việc như trên - và còn biết bao nhiêu vụ khác nhỏ hơn và ít được công bố - đã xô đẩy các nhà quản lý cũng như các văn phòng của họ, rơi vào những tình huống mà họ chưa mảy may được chuẩn bị một cách đầy đủ để sẵn sàng đối phó.

Khi xảy ra các tình huống mà không thể giao cho các văn phòng trang bị với những thông tin đã có sẵn giải quyết, các viên chức đều lúng túng ngõ ngàng. Họ lại bắt đầu đấu tranh cãi nhau về chức năng, tiền bạc, nhân sự và việc kiểm soát thông tin. Việc này làm cho hao tổn biết bao nhiêu sức lực và tình cảm con người. Thế nhưng, thay vì giải quyết các vấn đề, khôi nhân sự được tung ra đó bị đốt cháy thành ngọn lửa trong “giông tố và hỗn loạn”. Còn tồi tệ hơn nữa, cái cảnh nồi da xáo thịt này trong nội bộ công ty khiến cho nó trở nên vô tổ chức. Cái danh từ khoác lác “hợp tình, hợp lý” của các văn phòng đã bay ra ngoài cửa sổ. Quyền lực luôn luôn là một yếu tố, giờ đây thay thế lý trí để làm cơ sở cho việc quyết định.

“MÌNH VOI ĐẦU LẠC ĐÀ” VÀ NHỮNG CỦ KHOAI TÂY MỚI LUỘC

Khi một vấn đề hóc búa xảy ra - một vấn đề mà thông thường không đúng nhiệm vụ của một cơ

quan chức năng nào - phản ứng đầu tiên của công ty là làm ngơ như không biết đến nó. Lỗi phản ứng theo kiểu con đà điểu chui đầu vào đống cát này, đã xảy ra khi lần đầu tiên những chiếc xe hơi nước ngoài bắt đầu xuất hiện tại Hoa Kỳ. Những chiếc xe Opels nhỏ nhắn đầu tiên và xe Citroen hai sức ngựa, hiện ra trên các đường phố Mỹ vào cuối thập niên 50, đã khiến các vị quan chức ở Detroit nhún vai khinh thị. Thậm chí khi những chiếc xe hơi Volkswagens bắt đầu tràn ngập, bộ máy văn phòng khổng lồ của những nhà chế tạo xe hơi vẫn coi như không có việc gì xảy ra. Lúc ấy không có bộ phận nào trong nội bộ các công ty của họ có nhiệm vụ phải đối phó sự cạnh tranh của nước ngoài, vì không có ban ngành nào có được những thông tin cần thiết.

Khi các văn phòng bị ép buộc phải giải quyết một vấn đề không đúng chức năng của mình thì họ sẽ xử sự một cách máy móc rập theo những khuôn khổ cứng nhắc. Sau khi tránh né một vài lần, chắc chắn phải có người nào đó đưa ra ý kiến thành lập một bộ phận mới (do anh ấy hay chị ấy đứng đầu). Việc này đưa đến kết quả hiển nhiên là nó trở thành một đơn vị ngôn ngữ ngân sách. Và không ai muốn lãnh trách nhiệm ấy, cho nên người ta đã phải đi đến phương án giải quyết nửa vời. Phương án rất quen thuộc trong ngành “cạo giấy”, như ủy ban liên bộ hoặc một lực lượng đặc nhiệm nào đó.

Trong cơ quan nhà nước ở Washington đầy rẫy những loại uỷ ban đặc trách này. Các công ty lớn cũng thế, nó được xem như là thứ “mình voi đầu lạc đà”. Ý niệm này phối hợp dáng đi nặng nề, chậm chạp của con voi với đầu óc thông minh nhanh nhẹ của con lạc đà. Loại uỷ ban đặc trách này, thật sự, cũng chỉ là một văn phòng mới, khác chăng là thành phần đơn vị mới này gồm có nhiều thành viên trẻ, do các cơ quan, ban, ngành cũ thuyên chuyển đến. Không phải để giải quyết vấn đề nhiều lăm, mà cốt là để giữ cho đơn vị mới khỏi làm sai thủ tục cũ hoặc cắt xén bớt ngân sách đã dành cho họ. Nhiều lúc vấn đề mới này sinh ấy trông giống như một củ khoai tây luộc còn nóng bỏng, chẳng ai muốn sờ đến nó. Cho nên người ta quăng nó cho một anh chàng nào trẻ phụ trách, một kẻ ít từng trải, thiếu may mắn, hoặc bỏ nó như một đứa mồ côi, vì vừa có một vấn đề khác mới xuất hiện khẩn trương hơn.

Phải đương đầu với tất cả các vụ đấu đá nội bộ này, một chủ công ty nổi cáu đã quyết định “phá bỏ các thủ tục rườm rà quan liêu bao cấp”. Vì này bổ nhiệm một người “đứng mũi chịu sào”, trên lý thuyết, người này sẽ tìm sự hợp tác của tất cả các ban ngành liên hệ. Thế nhưng, vì thiếu thông tin cần thiết để đối phó với tình huống, người đứng mũi chịu sào này, cũng phải thu xếp để cuốn gói, theo cái hệ thống văn phòng trước đây.

Kế tiếp, vị chủ công ty quyết định tiến công trực diện vào bộ máy thư lại cấp thấp không có hiệu lực. Vị này cố thử giải quyết một cách khác, bằng cách im lặng giao nhiệm vụ này cho một người “chống bạo động” thuộc bộ tham mưu riêng của mình, thay vì phải chờ đợi cơ chế quan liêu chậm chạp, trì trệ của mình chuyển bánh. Sự cố gắng để chấm dứt công tác của các ban ngành đã có sẵn, chỉ có thể làm cho họ bị xúc phạm, đến nỗi các bộ phận cải tổ phải tiến hành một cách thận trọng để khỏi gây sự chia rẽ trong nội bộ.

Một tình huống như vậy đã xảy ra khi Tổng thống Ronald Reagan bổ nhiệm một ủy ban, lấy từ Hội đồng An ninh Quốc gia, theo truyền thống, không phải là một cơ quan điều hành, để đảm nhận các chức năng, thông thường do các Bộ Quốc phòng, Ngoại giao, hay cơ quan CIA thực hiện. Hậu quả của sự cố gắng này trong việc thương thảo với các phần tử “ôn hoà” tại Iran, với hy vọng được họ giúp đỡ để thả các con tin Mỹ, đã nổ vào mặt Tổng thống (Sau đó, Ủy ban Tower điều tra về vụ thất bại thảm hại Iranate, đã long trọng kết luận rằng vụ xì-căng-đan này có thể đã được tránh khỏi, nếu Nhà Trắng cứ “dùng hệ thống cũ” - có nghĩa là tin tưởng vào cơ chế văn phòng thường lệ, thay vì nghe lời theo Ban Tham mưu Nhà Trắng. Nhưng kết luận này không đề cập gì đến việc bộ máy văn phòng trước đây đã thất bại trong việc

thương thuyết trả các con tin, hoặc giải thoát họ bằng biện pháp quân sự, liệu nay có thành công hay không khi mà Ban Tham mưu Nhà Trắng đã thất bại).

Những trò chơi giành quyền lực tương đương như trên, cũng đã diễn ra trong nội tình mỗi Bộ, vì các đơn vị trực thuộc Bộ cũng bày trò chèn ép, lừa gạt lẫn nhau trong vấn đề kiểm soát tiền bạc, nhân sự, và tri thức. Người ta có thể nghĩ rằng việc đấu đá nội bộ sẽ ngừng vào những lúc cuộc khủng hoảng lên cao độ. Nhưng không, điều trái ngược lại xảy ra, khi có các vị giám đốc đầu ngành quân sự, cuộc khủng hoảng thường hay đem lại điều tồi tệ nhất, thay vì điều tốt nhất cho các tổ chức.

Chỉ cần đọc lịch sử các vụ tranh hùng giữa các binh chủng ngay lúc trận chiến đang khốc liệt nhất, hay những vụ đấu đá sinh tử giữa ngành tình báo Anh và các cơ quan tình báo trái hình trong thế chiến thứ II, là có thể thoáng thấy tính cách cuồng tín của các vụ đấu đá hoàn toàn có tính cách thuần túy quan liêu có thể phát sinh ngay trong lúc có tình trạng khẩn trương nhất. Ngành kinh doanh cũng không tránh khỏi trò chơi phá hoại và sự cuồng tín này. Bởi lẽ cái hình ảnh của một cơ chế văn phòng “có quy củ” là hoàn toàn giả tạo. Chỉ có quyền lực chứ không phải lý trí, mới có thể đẩy được cái kim tự tháp cổ điển đang còn làm bẩn mắt phong cảnh kinh doanh.

Do đó, mọi hy vọng nhằm thay thế cơ chế quan liêu, nó đòi hỏi nhiều hơn là chỉ thay đổi nhân sự loanh quanh, cho nghỉ việc bớt, nhập chung các đơn vị lại dưới quyền “nhóm phó giám đốc”, hoặc thậm chí còn phân tán công ty xuống thành vô số “trung tâm lợi nhuận”. Muốn cải tổ thật sự một cơ cấu xí nghiệp hay chính quyền nào, người ta phải tiến công thẳng vào vấn đề tổ chức của tri thức - và cả toàn bộ hệ thống quyền lực đều dựa vào đó. Vì hệ thống ban tham mưu đang bị khủng hoảng.

NHỮNG TUYẾN BỊ NGHỆT

Sự chuyển biến càng gia tăng tốc độ, cuộc “khủng hoảng tham mưu” càng bị đào sâu, song song với việc các “tuyến” giao thông đứt đoạn.

Các nhà kinh doanh tài ba lúc nào cũng hiểu rõ rằng sự thành công của một công ty chỉ đạt được nếu các bộ phận hoạt động của nó ăn khớp nhau. Nếu lực lượng mậu dịch vô cùng hùng hậu, nhưng khâu chế tạo không cung cấp kịp thời. Nếu khâu quảng cáo thật tuyệt vời, nhưng không bám sát vào chính sách giá cả đúng đắn. Nếu các kỹ sư không ý thức được những gì các nhà tiếp thị có thể bán. Nếu những kế toán viên chỉ làm công việc đếm từng con số như ta đếm những hạt đậu, và các luật gia chỉ nhìn qua luật pháp mà không nêu lên

những câu hỏi về kinh doanh... công ty ấy không thể thành công được.

Thế nhưng, các nhà quản lý tài ba cũng hiểu rằng nhân viên của một Bộ hoặc đơn vị rất ít khi muốn trò chuyện với những đồng nghiệp của họ trong một cơ quan khác. Trên thực tế, sự thiếu giao lưu này đúng là đã đem lại quyền lực cho những nhà quản lý cấp trung. Một lần nữa, chúng ta thấy rằng quyền kiểm soát thông tin rất quan trọng.

Những nhà quản lý cấp trung phối hợp công tác của nhiều đơn vị trực thuộc, thu thập các bản báo cáo của các chuyên viên giám đốc đang xử lý các thông tin. Đôi lúc, vị giám đốc này nhận thông tin từ một cộng sự viên cấp dưới, và chuyển xuống cho một cộng sự viên khác, như vậy họ làm một sợi dây liên lạc chính thức giữa các phòng tham mưu. Có những lúc khác, vị này có thể trao lại thông tin hàng ngang cho một vị quản lý đứng đầu một nhóm đơn vị khác. Nhưng nhiệm vụ chủ yếu của một nhà quản lý cấp trung là thu thập các thông tin trôi nổi mà các chuyên gia đã cắt manh mún ra thành từng đoạn và tổng hợp lại trước khi chuyển đạt lên cấp trên, trong cái kim tự tháp đầy quyền lực.

Nói một cách khác, trong mỗi hệ thống văn phòng, tri thức được phân chia tản mác theo hàng ngang, rồi thu hồi lại, tập trung theo hệ thống dọc.

Cơ cấu quyền lực căn cứ vào việc kiểm soát thông tin thật rõ ràng, do đó khi các chuyên gia điều khiển các ban tham mưu thì các nhà quản lý điều khiển các tuyến.

Hệ thống này đã hoạt động tuyệt vời, trong khi ngành kinh doanh tiến bước chậm chạp. Ngày nay, sự chuyển biến quá nhanh và các thông tin cần có thì quá phức tạp, khiến cho các tuyến cũng như các văn phòng tham mưu đều bị tràn ngập, nghẹt cứng những tin điện mà không có cách gì chuyển đi được.

Vì lý do đó, ngày càng có nhiều giám đốc đã vượt qua thủ tục, có được thông tin gì thì giữ kỹ, không trình lên cấp trên và không thông báo cho các đồng sự, mà lại trao đổi “ngầm” không chính thức, tiến hành thủ tục “song phương (một chính thức và một không chính thức). Thế là như thêm dầu vào lửa cho những trận chiến huynh đệ tương tàn hiện đang bùng nổ khắp nơi, thậm chí trong các cơ chế được quản lý tốt nhất.

Một lý do ít ai để ý là cho đến nay, tại sao các công ty Nhật Bản đã thành công trong việc quản lý, khi guồng máy quan liêu thư lại đang ở vào giai đoạn suy tàn. Sự thật trong công ty của Nhật có một hệ thống đặc biệt, có không khí gia đình, mà các công ty tại Hoa Kỳ và châu Âu không có.

Trong lúc các công ty Tây phương đều lê thuộc vào các ban tham mưu và tuyến, các công ty

Nhật Bản đã phủ lên trên hệ thống này, một hệ thống khác có tên là “Dokikai” (đồng kỳ hội). Hệ thống này là một sự rẽ hướng của hệ thống văn phòng chính thức - nhưng đó là một biện pháp khiến cho ngành văn phòng hữu hiệu nhiều hơn.

Trong một công ty lớn của Nhật Bản, tất cả những người cùng tuyển vào một lúc - được gọi là “lớp nhập môn” hay tập sự - thường xuyên duy trì tiếp xúc với nhau qua nghề nghiệp của họ trong công ty, và được thăng cấp khi họ có thâm niên. Sau một thời gian, các thành viên của “Dokikai” đều được phân tán qua nhiều chức vụ khác nhau, đến các vùng, và các phòng ban trong nội bộ Công ty. Một số trong bọn họ đã leo lên các bậc thang danh vọng nhanh hơn những người khác. Thế nhưng mối tình huynh đệ này, như thường được gọi, được thể hiện bằng một nếp sống chung, hoạt động xã hội vào mỗi tối, nhậu nhẹt bia và rượu Sakê, và - điều quan trọng hơn cả - là trao đổi thông tin với nhau, lấy từ các ban tham mưu, không qua hệ thống chính thức của các ban ngành.

Chính qua hình thức “Dokikai” mà những sự kiện “thật” hoặc “đúng” của một tình huống được thông báo cho nhau, khác biệt với đường lối chính thức của chính quyền. Trong “Dokikai”, các nhân viên này khi chênh choáng hơi men đã trò chuyện với nhau một cách chân tình, diễn đạt cảm nghĩ của họ trung thực, thay vì trò chuyện một cách

“tatemae” (quan phương khách sáo).

Thật là sai lầm, nếu đánh giá bể ngoài bức tranh của một công ty Nhật Bản, như là điều hành một cách tròn tru, hữu hiệu, thuận tình và không có tranh chấp, thì thật là xa sự thật. Thế nhưng tổ chức Dokikai đặt lên trên cơ chế văn phòng thành khuôn đúc thông tin - đã cho phép sự biết việc, biết người được thâm nhập vào công ty, khi mà các hệ thống chính thức và các ban tham mưu đã quá tải, nó giúp cho công ty Nhật Bản nắm được các thông tin bên lề.

Tuy nhiên vẫn không thể kéo dài bao lâu nữa sự sống còn của tổ chức, thậm chí hệ thống này cũng đến ngày phải sụp đổ. Do đó các công ty phải chạy đua để xây dựng thêm hệ thống điện tử thay phiên nhau với các hệ thống cũ kỹ của cơ chế quan liêu, và nhờ đó có thể cải tổ tận gốc, không những chỉ ở Nhật Bản, mà còn tại Hoa Kỳ, châu Âu, và trong tất cả các nền kinh tế phát triển nữa.

Điều mà chúng ta thấy là một sự khủng hoảng phát sinh ngay ở trung tâm cơ chế quan liêu. Sự biến chuyển cao tốc không chỉ đè bẹp cơ cấu tham mưu và tuyến, mà nó còn tiến công vào nguồn gốc sâu xa nhất vốn làm cơ sở cho việc xây dựng hệ thống. Với quan niệm này, ta có thể xác định trước trong công ty ai cần hiểu biết cái gì. Nó là một điều nhận định dựa trên ý kiến rằng cơ chế tổ chức chủ yếu chỉ là những bộ máy và nó vận

hành được trong một môi trường có trật tự.

Ngày nay, chúng ta hiểu rằng cơ chế tổ chức không phải là máy móc mà là nhân sự, cho nên trong một môi trường xáo trộn đầy rẫy những mâu thuẫn bất ngờ, không ổn định, thì không còn thể nào xác định trước rằng mỗi người cần nên biết cái gì.

TRI THỨC TỰ DO

Chúng ta đã thấy là các công ty đã nỗ lực ra lệnh cho thông tin bằng cách thiết kế những hệ thống quản lý thông tin điện toán MIS (Management Information System). Một số các hệ thống này nhằm mục đích củng cố hệ thống cũ bằng cách sử dụng máy điện toán và mạng lưới viễn thông để phát triển các ban tham mưu và khả năng của các tuyến viễn thông. Các hệ thống thì trong ý định thực sự có cách mạng. Họ tìm cách đè bẹp hệ thống ban tham mưu với các tuyến và thay thế bằng hệ thống thông tin tự do.

Để đánh giá đúng sự phát triển này và việc chuyển dời quyền lực ẩn tàng trong đó, cần lưu ý đến tính cách song song (mặc dù phần lớn không ai để ý), giữa cơ chế quan liêu và các máy điện toán đầu tiên của chúng ta.

Các bộ máy điện toán lớn đầu tiên do các chuyên viên điện toán vận hành đã cung cấp tư liệu cho các cơ chế quan liêu trong ngành kinh

doanh cũng như trong chính quyền. Các máy này đã gây nên nỗi lo sợ đầu tiên và công chúng ngãy nó như ngãy mõ. Người dân thường cảm thấy rằng những con quái vật máy móc ấy đúng là một công cụ khác của quyền lực có thể dùng để chống lại họ. Chính các cơ sở làm ra tư liệu mà họ đang nắm giữ cũng giống như những cơ chế quan liêu mà họ đang phục vụ.

Các máy điện toán kinh doanh đầu tiên chủ yếu được dùng vào các mục đích thường ngày là lập chương trình hàng nghìn hồ sơ trả lương. Ví dụ như hồ sơ của John Doe gồm nhiều bộ phận mà các chuyên gia điện toán gọi là “vùng tin”. Do đó, tên của mỗi người được gọi là “vùng tin đầu”, địa chỉ là “vùng tin thứ hai”, nghề nghiệp là “vùng tin thứ ba”, lương căn bản là “vùng tin thứ tư” v.v...

Theo cách này, tất cả thông tin đưa vào hồ sơ lương đã được xếp trước vào các vị trí đặc biệt trong máy điện toán - cũng như các thông tin thuộc cơ chế văn phòng đều được đưa vào các khôi hoặc ban tham mưu được chỉ định trước. Ngoài ra, các hệ thống tư liệu điện toán đầu tiên được bố trí hoàn toàn theo hệ thống hành chính, và được thiết kế một lần nữa giống như các cơ chế quan liêu. Các thông tin được tồn trữ có hệ thống trong bộ nhớ, và chính phần cứng đã thật sự tập trung quyền lực tổ chức tại đỉnh của hình tháp công ty. Bộ não nằm trong thân máy, còn để máy thì chẳng có gì là

thông minh. Một tiếng lóng được gán cho chúng một cách thích hợp là những “tên mù”.

Máy vi tính đã cách mạng tất cả những việc này. Lần đầu tiên máy vi tính đã đem trí tuệ đến cho hàng nghìn bàn giấy, phân phôi nguồn tư liệu và xử lý quyền lực. Nhưng cuộc cách mạng máy vi tính này đã không đe doạ nghiêm trọng cơ chế quan liêu bao nhiêu. Lý do vì tuy lúc bấy giờ đã có nhiều ngân hàng cung cấp tư liệu điện toán nhỏ thay vì một ngân hàng trung ương khổng lồ, các tri thức lưu giữ trong máy vẫn còn nhét đầy các thứ tư liệu cứng nhắc của các hệ thống quan liêu.

Thế nhưng ngày nay chúng ta đang ở ngay trên bờ của một cuộc cách mạng sâu rộng hơn, đó là thông tin được tổ chức như thế nào trong các nguồn cung cấp tư liệu điện toán.

Cái cơ sở tư liệu, mà chúng ta gọi là “mối liên hệ”, hiện nay cho phép những người sử dụng cộng và trừ các vùng tin và sử dụng chúng theo nhiều phương sách mới. Martin Templeman, Phó chủ tịch thứ nhất Công ty Dịch vụ phần mềm SPC, mà sản phẩm của họ đã được thiết kế cho các hảng tài chính đã nói: “Nếu tính tất cả tầm cỡ của sự thay đổi, chúng ta có thể hình dung trước rằng... các liên hệ phân cấp giữa các tư liệu sẽ có thể là một tai họa”. Các cơ sở tư liệu mới “phải được quyến sáng tạo những mối quan hệ mới”.

Nhưng những hệ thống như vậy ngày nay vẫn

còn nặng nề nên không thể dễ dàng thực hiện trên các máy vi tính.

Bước kế tiếp đã đến với việc du nhập gần đây các cơ sở tư liệu “Đa môi trường” (Hyper Media), có khả năng lưu trữ không chỉ thuần túy văn bản, mà còn có các đồ họa, âm nhạc, bài thuyết trình và những âm thanh khác. Quan trọng hơn nữa, hệ đa môi giới còn phối hợp các nguồn tư liệu và chương trình để người sử dụng có thể có nhiều linh động hơn so với các hệ thống cơ sở tư liệu trước kia.

Thậm chí trong các mối quan hệ trước kia, các tư liệu chỉ có thể phối hợp trong một số ít phương sách đặc thù. Nay hệ đa môi giới đã nhân lên một cách rộng rãi các phương sách trong đó thông tin từ nhiều vùng tin và băng từ khác nhau có thể phối hợp, tái phối hợp và thao tác. Thông tin từ các nguồn tư liệu truyền thống được cấu trúc như một cái cây, có nghĩa là bạn muốn đi từ một chiếc lá trên một cành này sang chiếc lá của một cành kia, bạn phải lui trở về thân cây trước đã. Còn đa hệ thống giống như một mạng nhện, ta có thể di chuyển từ phía, từ một thông tin này đến một thông tin khác một cách dễ dàng vì nó có quan hệ với nhau.

Mục tiêu tối hậu của những nhà tiên phong về “đa môi giới”, là những hệ thống trong đó các thông tin có thể được tập trung, định hình, và trình bày với vô số phương sách. Mục tiêu là “định hình tự do” và

“lưu thông tự do” thông tin.

Một thí dụ nổi bật về ~~loại~~ này (gọi là “Thè vua” và được công ty Apple phổ biến), lần đầu tiên đã được tác giả của nó là Bill Atkinson trưng bày tại cuộc triển lãm máy điện toán ở Boston. Những thứ ông ta triển lãm đã làm sững sót cả toạ lúc bấy giờ.

Trước tiên, xuất hiện trên màn ảnh nhỏ một bức hình anh cao bồi. Khi Atkinson chỉ vào chiếc mõ của anh cao bồi, thì những chiếc mõ khác bắt đầu xuất hiện trên màn ảnh, trong đó có mõ của một cầu thủ bóng ném. Khi Atkinson chỉ vào chiếc mõ của người cầu thủ này, thì những hình ảnh khác liên quan đến bóng ném bắt đầu hiện lên màn ảnh, cái này tiếp theo cái khác. Ông ta có khả năng đưa các thông tin từ nguồn tư liệu và phát hiện ra nhiều mõ mā qua các tư liệu loại hình rất đa dạng.

Sự việc này khác rất nhiều so với các nguồn tư liệu của máy điện toán trước kia, nên người ta có ảo giác là máy điện toán này được tự do liên tưởng rất giống như con người. Bằng cách vượt qua các loại hình quy ước, đạt đến các bộ sưu tập tư liệu khác nhau, hệ thống “đa môi giới” đã giúp cho nhà thiết kế sáng tạo ra sản phẩm mới nhờ suy tư xuyên suốt qua nguồn tri thức đã được dự trữ tự nhiên hoặc đầy óc tưởng tượng xuyên qua bộ phận điện tử của máy.

Chẳng hạn, nhà thiết kế có thể nhanh chóng

chuyển từ các tư liệu kỹ thuật sang các hình ảnh của những sản phẩm trước đây đã được chào hàng trên thị trường đến các ký hiệu trừu tượng của hóa học, nhảy sang tiểu sử những nhà khoa học nổi tiếng... Các hình ảnh video chiếu lên một loạt toán tiếp thị đang thảo luận sản phẩm, các bảng giá biểu chuyên chở, hình ảnh các nhóm công tác, giá cả dầu khí, đến các danh sách chi tiết hay tổng hợp mà một sản phẩm mới sẽ cần dùng... cộng với kết quả nghiên cứu mới nhất, những rủi ro về chính trị tại những quốc gia cung cấp các nguồn nguyên vật liệu sắp đến.

Ngoài kho tàng vĩ đại tri thức đã đạt được, ngày càng tăng trưởng nhờ có hệ “đa môi giới”, người ta cũng có thể đúc kết thông tin thành từng “lớp, tầng” để người sử dụng có thể trước hết tiếp cận với hình thức ít trừu tượng nhất của khối thông tin, rồi leo dần lên hay xuống từng bậc thang trừu tượng. Hoặc để thay đổi, có thể đưa ra những ý kiến sáng tạo bằng cách ghép các tư liệu mới vào với nhau.

Các nguồn tư liệu quy ước truyền thống đều tốt cho việc cung cấp thông tin khi bạn biết rõ bạn muốn gì. Các hệ thống “đa môi giới” thì tốt cho việc tìm tòi khi mà bạn không chắc chắn. Công ty xe hơi Ford Motor đang triển khai một “hệ thống chẩn đoán Cơ xưởng dịch vụ” dành cho các thợ máy. Để họ có thể tìm tòi và sục sạo các câu trả lời

khi nào họ không biết chắc chắn chiếc xe hơi của bạn hư chỗ nào.

Cơ quan Bảo vệ Môi sinh Hoa Kỳ đã hoàn thành một hệ thống “Siêu thử nghiệm” để giúp cho các công ty sắp xếp lựa chọn thông qua các luật lệ phức tạp và chằng chịt, chi phí đến 2 triệu kho lưu trữ bí mật. Trường Đại học Tổng hợp Cornell sử dụng một đa hệ thống cho chương trình học năm thứ hai về Y, giúp cho các sinh viên tìm tòi sục sạo các mô hình có tác động hỗ tương. Trường Đại học Tổng hợp Toledo đang triển khai một khóa học về văn chương Tây Ban Nha dựa trên cơ sở Siêu - thử - nghiệm.

Chúng ta vẫn còn lâu mới có khả năng đưa các loại tư liệu hay thông tin khác nhau vào trong một lò duy nhất và rồi tìm tòi nó một cách hoàn chỉnh mà không bị ảnh hưởng bởi những định kiến của các nhân viên soạn thảo chương trình là thông tin nào có liên quan hoặc không liên quan. Thậm chí trong hệ thống “đa môi giới”, việc liên hệ hỗ tương mà một người sử dụng có thể thực hiện vẫn còn bị lệ thuộc vào sự lập chương trình. Thế nhưng hướng nghiên cứu đã rõ ràng. Chúng ta đang nhích từng bước đến những hình thức lưu trữ và xử lý thông tin tự do (hoặc ít nhất cũng tự do hơn).

Ngành văn phòng, với tất cả những ban tham mưu kín và “tuyến”, đã loại bỏ sự khám phá và sáng tạo tinh cờ. Trái lại, các hệ thống mới, cho

phép tìm tòi một cách trực giác cũng như có hệ thống, đã mở cửa đúng cho phép mẫu cần dùng để sáng tạo.

Kết quả là một sự tự do mới đến chói cả mắt.

Sự kiện có ý nghĩa là hiện nay chúng ta đang tiến tới những mô hình đầy quyền lực tri thức chống lại quan liêu.

Thay vì một bộ nhớ nhỏ hẹp quan liêu nằm ở bên trong máy như đã có trước đây, khi mà mọi thứ đều tuần tự, có đẳng cấp và thiết kết trước, chúng ta tiến tới các thông tin theo kiểu tự do và mở rộng. Và thay vì một bộ máy chính độc nhất, và một số ít bộ xử lý khổng lồ, có khả năng to lớn, các công ty hiện nay có hàng nghìn máy tính cá nhân, và chẳng bao lâu nữa tất cả sẽ có khả năng như một máy lớn.

Hình thức bộ nhớ và xử lý thông tin này hướng mũi nhọn về phía một cuộc cách mạng sâu rộng theo đường lối chúng ta suy nghĩ, phân tích, tổng hợp và trình bày thông tin, và là một bước nhảy vọt trong sự sáng tạo có tổ chức. Thế nhưng cuối cùng nó cũng có ý nghĩa là chấm dứt tính độc tài hẹp hòi và cứng nhắc về thông tin, là sự chuyên môn hóa đã gây ra tính quan liêu trong công ty. Điều đó cũng có ý nghĩa là sự chuyển đổi quyền lực đầy nhức nhối từ tay những người bảo vệ độc quyền chuyên biệt.

Thậm chí điều này cũng chỉ nói lên một phần nào của điều vừa nói. Đối với các phương pháp ghi

vào bộ nhớ và sử dụng tri thức một cách thực sự cách mạng, hiện nay chúng ta phải thêm vào các mạng lưới truyền thông không đẳng cấp, chật chít trong các công ty, vượt ra ngoài khuôn khổ cục bộ, và làm nhịp cầu giữa những người sử dụng, không phải đơn thuần với các bộ phận chuyên môn mà còn đi lên hay đi xuống trong hệ thống dọc.

Một nhân viên trẻ ở một địa vị thấp kém nhất trong một công ty nay có thể liên lạc trực tiếp với các vị giám đốc chớp bu để giải quyết cùng một vấn đề. Và điều này thật có ý nghĩa: Một vị Tổng giám đốc đứng đầu một công ty có thể bấm nút để tiếp xúc với bất cứ một nhân viên nào ở cấp thấp theo hệ thống dọc, và cùng nhau xem những hình ảnh, đưa ra một đề nghị chung, nghiên cứu một bản đồ, hoặc phân tích trên một trang giấy mở rộng - Tất cả đều không cần đi qua các vị giám đốc cấp trung.

Do đó, trong những năm gần đây, chúng ta thấy có một sự giảm biên chế chưa từng có trong hàng ngũ của giám đốc trung gian thuộc ngành công nghiệp, điều đó có đáng ngạc nhiên hay không? Đúng là các hình thức lưu trữ thông tin mới đã “giáng một cú đấm vào mặt” sự chuyên môn hóa, những hình thức truyền thống mới đã chấm dứt sự điêu hành của hệ đẳng cấp trong công ty. Hai nguồn quyền lực then chốt của cơ chế quan liêu là: Ban chuyên môn và các Tuyến, cả hai đều bị tiến công.

TRI THỨC VÀ QUYỀN LỰC

Sau đây chúng ta sẽ bàn qua về những mối quan hệ cơ bản nhất, nhưng cũng ít ai để ý là giữa tri thức và quyền lực trong xã hội: đó là sự tương quan giữa con người phải làm thế nào để thiết lập những khái niệm và làm thế nào để tổ chức những cơ cấu.

Nói một cách ngắn gọn, đường lối mà chúng ta tổ chức tri thức thông thường sẽ xác định đường lối mà chúng ta tổ chức nhân sự và ngược lại.

Khi mà tri thức được gọi như có tính cách chuyên môn hóa và phân thành đẳng cấp trên dưới, thì các công việc kinh doanh cũng được thiết kế như vậy, nghĩa là chuyên môn hóa và đẳng cấp.

Khi tổ chức tri thức của cơ chế quan liêu tìm được cách biểu hiện cụ thể trong các định chế thực sự của đời sống - như công ty, trường học, hoặc chính quyền - các áp lực chính trị, ngân sách, và những lực lượng khác làm cho Ban chuyên môn và Tuyến bị đóng băng tại chỗ. Những thứ làm cho cơ cấu chuyên môn tri thức đóng băng tại chỗ, làm trở ngại, tắc nghẽn cho việc khám phá những tư tưởng mới.

Ngày nay, sự chuyển biến có tính cách cao tốc cũng đòi hỏi phải có những quyết định có tính cách cao tốc ngang tầm - Thế nhưng, những màn đấu đá quyền lực đã khiến cho cơ chế quan liêu trở nên trì

trệ như rùa bò. Sự cạnh tranh đòi hỏi phải có đổi mới liên tục - tuy nhiên cửa quyền đã đè bẹp mọi sáng tạo. Môi trường kinh doanh đòi hỏi phải có nhiều trực giác cũng như sự phân tích kỹ càng. Thế nhưng, cửa quyền làm mọi thứ để loại bỏ trực giác và thay thế vào đó bằng những luật lệ máy móc giáo điều, ngu dốt trông thấy.

Căn bệnh quan liêu sẽ không mất đi, và cũng không phải là quốc gia ấy sẽ suy tàn dần. Thế nhưng, vì những điều kiện của cái môi trường đã giúp cho cơ chế quan liêu được phồn thịnh - và thậm chí còn biến nó thành những bộ máy có hiệu năng cao - những điều kiện này đã thay đổi quá nhanh và một cách dứt khoát, cho nên cơ chế quan liêu không còn có thể đảm nhiệm lâu dài được nữa về các chức năng đã được giao cho nó.

Bởi lẽ môi trường kinh doanh ngày nay đang rung lên với nhiều pha kinh ngạc, nghịch đảo, và nhiều nhương toàn diện, nên khó có thể đoán trước trong một tổ chức nào đó, ai là người sẽ cần dùng những loại thông tin gì. Do đó, loại thông tin mà cả hai hạng người, giám đốc và công nhân đều cần dùng để tiến hành tốt công tác của họ, đừng nói chi đến việc đổi mới và phát huy nghiệp vụ, loại thông tin này không thể tới được những nhà quản lý và công nhân viên ở tuyến đầu, qua hệ thống công khai cũ nữa.

Điều này giải thích vì sao có hàng triệu nhân

viên thông minh, cẩn cù, nhận thấy rằng họ không thể nào đảm đương nổi nhiệm vụ của mình - Họ không thể mở những thị trường mới, chế ra các sản phẩm mới, thiết kế những mẫu mã kỹ thuật tốt hơn, đối xử với khách hàng quý hơn, hoặc làm tăng lợi nhuận - trừ phi họ bẻ cong luật lệ, hoặc luôn lách qua các thủ tục chính thức có nhiều kẽ hở. Ngày nay có biết bao nhiêu nhân viên, họ chỉ cần nhắm mắt làm ngơ trước các vi phạm thủ tục, miễn sao cho được việc. Muốn là một kẻ dám làm mà không nói, một người thích quyết định, một người chống bệnh quan liêu, một người xông xáo, họ phải đánh ngã tính của quyền.

Do đó, thông tin bắt đầu được lọt ra ngoài các nguồn tư liệu chính thức để nhập vào tất cả những mạng lưới không chính thức, các nguồn tin ngồi lê đôi mách, và mật báo và cơ chế quan liêu tìm cách dẹp bỏ. Đồng thời các công ty đã bỏ ra hàng tỷ để xây dựng mạng lưới thông tin điện tử, nhằm thay thế các cơ cấu truyền thông cũ kỹ. Nhưng tất cả những sự việc này đòi hỏi phải có những sự thay đổi lớn lao trong cơ cấu thực tế, nghĩa là cách thức mà nhân sự được sắp hạng và tổ chức thành nhóm.

Vì những lý do này, trong những năm sắp tới chúng ta sẽ thực sự được chứng kiến một ngọn sóng thần trong công tác cải tổ ngành kinh doanh, khiến cho làn sóng hiện tại đang lắc mạnh các công ty sẽ chỉ như những gợn sóng lăn tăn. Các

chuyên gia và các nhà quản lý cũng sẽ thấy rằng nguồn quyền lực kiên cố của họ sẽ bị đe doạ vì họ mất quyền điều khiển các văn phòng chuyên môn và các tuyến trước đây. Sự thay đổi quyền lực sẽ tác động trở lại trên các công ty và đối với toàn bộ các ngành công nghiệp.

Bởi vì khi chúng ta thay đổi mối quan hệ giữa tri thức và sản xuất, chúng ta đã làm rung chuyển các nền tảng của đời sống kinh tế và chính trị.

Đó là lý do tại sao chúng ta đang trên bờ của cuộc di chuyển quyền lực lớn nhất trong lịch sử kinh doanh. Và những dấu hiệu đầu tiên của sự chuyển biến lớn lao này đã thấy rõ trong các cơ chế tổ chức mới đang mọc lên như nấm chung quanh chúng ta. Chúng ta có thể gọi các tổ chức này là những “*công ty uyển chuyển*” trong tương lai.

CÔNG TY UYỂN CHUYỂN

Chúng ta hãy gặp một số các anh hùng kinh doanh ngày nay - những người như Sergio Rossi không phải là hạng quan chức oai vệ hoặc nhà tỉ phú ngồi chẽm chẽ trong một ngôi nhà chọc trời lồng kính dày cộm. Trái lại, ông ta làm việc tại nhà riêng ở vùng Val Vibrata, thuộc miền đông nước Italia, với ba nhân viên, sử dụng các máy móc kỹ thuật tối tân để sản xuất các ví đựng tiền với chất lượng cao và loại sách bỏ túi được bày bán tại các siêu thị của thành phố New York.

Không xa nơi đó lắm, chúng ta có thể gặp Mario D'Eustachio, người đứng đầu hãng Euroflex, một công ty sử dụng 200 nhân viên, chế tạo va-li cho hãng Macy. Euroflex là một hợp tác sản phẩm. Bà Pia D'Eustachio, vợ của ông Mario, phụ trách việc bán, Tito, người con trai giữ phần tài chính, Tiziana - con gái của ông bà, là người thiết kế mẫu mã va-li, và một người cháu trai tên là Polo, điều hành làm sản phẩm.

Theo tờ The Christian Science Monitor (Người hướng dẫn Khoa học Thiên chúa giáo), thì họ chỉ là 2 trong số 1.650 tiểu công ty trong thung lũng Val Vibrata, mỗi công ty trung bình chỉ có 15 công nhân. Nhưng tập thể các công ty này đã sản xuất trên một tỷ đô la mỗi năm về quần áo, đồ da, và đồ gỗ. Và Val Vibrata chỉ là một vùng nhỏ, một phần của lãnh thổ nay được gọi là nước Italia thứ ba.

Italia số một là miền Nam nông nghiệp, Italia số hai là Bắc công nghiệp, Italia số ba là vùng thôn quê và nửa thôn quê, như Val Vibrata sử dụng kỹ thuật hiện đại và gồm có các tiểu xí nghiệp, thông thường cơ sở là gia đình, nhằm góp vào cái đã được gọi là “Điều kỳ diệu Italia”.

Một mẫu mã tương tự được thấy tại những thành phố nhỏ hơn. Modena chẳng hạn, họ đã tạo công ăn việc làm cho 16.000 người trong công nghiệp quần áo dệt thêu, trong khi số lượng công nhân ở các công ty sử dụng trên 50 nhân viên giảm xuống đáng kể từ năm 1971. Công việc trong những công ty chỉ có 5 công nhân hoặc ít hơn đã tăng vọt lên, đa số các công ty này đều do gia đình quản lý.

Những đúc tính của nền kinh tế gia đình cũng đã được phát hiện ra ở mọi nơi khác. Tại Hoa Kỳ, tờ Nation's Business đã viết như sau: “Sau nhiều năm được coi như là ngắn hạn, kinh tế gia đình hiện nay là điểm nóng”. Francois M.De Visscher, thuộc công ty tài chính Smith Barney,

cho biết rằng ông muốn công ty của ông sẽ trở thành “ngân hàng đầu tư đầu tiên cho kinh tế gia đình” và mọi người, từ các chuyên gia về quản lý đến các vấn đề hôn nhân đều tập trung vào các dịch vụ thương mại đối với cái có thể gọi là “khu vực kinh tế gia đình”.

Công ty nhỏ nhất trong số các kinh tế gia đình này mang bảng tên ngắn và thể thức đơn giản, còn những công ty lớn hơn đã phối hợp các thể thức liên ngành trong số các thành viên gia đình đứng đầu ngành với các thể thức và cách tổ chức quan liêu.

Nếu nói rằng cái nhỏ bao giờ cũng đẹp, thì chỉ là một xảo ngôn, hoặc cho rằng một nền kinh tế tiên tiến không cần phải có những công ty có tầm cỡ lớn cũng có thể hoạt động, đặc biệt là khi mà nền kinh tế tổng quát phát triển một cách đồng bộ hơn. Các nhà kinh tế Ý, chẳng hạn, đang lo lắng rằng các tiểu công ty năng động của họ có thể không còn ảnh hưởng trong một thị trường châu Âu đồng bộ, và khôi cộng đồng châu Âu thiết tha bênh vực tính vĩ đại, đã khuyến khích việc sáp nhập thành quy mô lớn và thúc giục các tiểu công ty liên doanh liên kết lại với nhau trong việc kinh doanh. Thế nhưng trong khi các công ty hợp tác đầu tư với nước ngoài có thể có kết quả. Khôi cộng đồng châu Âu, mê say với công thức đại quy mô, đã tỏ ra thiển cận, thiếu sót trong việc nhận thức những mệnh lệnh có tính

cách bắt buộc của một nền kinh tế siêu tượng trưng.

Do đó, ngày càng có nhiều bằng chứng rằng các công ty khổng lồ, trụ cột của nền kinh tế công nghiệp ống khói, đã tỏ ra rất chậm chạp và không thích ứng với thế giới kinh tế đi “hia bảy dăm” ngày nay. Các tiểu công ty, không những đã tạo hầu hết công ăn việc làm cho 20 triệu người, giúp đỡ thêm cho nền kinh tế Hoa Kỳ từ năm 1977, nó còn cung cấp tối đa cho công việc đổi mới. Thế nhưng, tồi tệ nhất là các công ty khổng lồ ngày càng không thấy rõ, tình trạng lợi nhuận sút kém dần. Theo tài liệu của tờ Business Week, nghiên cứu trên một nghìn công ty lớn nhất thì: “Những công ty lớn nhất dựa trên cơ sở có đi có lại một cách công bình hợp lý là những công ty hưởng lợi nhiều nhất, trong số 67 công ty chỉ có 4 công ty duy trì được lợi nhuận cao. Còn quá nửa các công ty lớn nhất thậm chí đã không đạt được khoản tiền hoàn lại trung bình của số vốn đầu tư”.

Trong nhiều lãnh vực, số tiền tiết kiệm mà đại công ty trước đây có thể thực hiện được, nay trở nên kém dần vì các kỹ thuật hiện đại đã giúp cho giá thành sản phẩm rẻ đi, hàng hóa tồn kho ít đi, và yêu cầu về vốn thấp. Như Donald Povejsil, nguyên phó chủ tịch các dự án công ty tại Westing - House đã nhận xét: “Hầu hết những điều khẳng định cổ điển của Đại công ty đã tỏ ra có giá trị tối thiểu, hoặc đi ngược lại với sự sản xuất, hoặc tỏ ra sai lầm”.

Các tiểu công ty ngày nay có thể vay những số vốn khổng lồ của Wall Street. Các công ty này đã sẵn sàng tiếp cận với các nguồn thông tin. Và họ còn sử dụng thông tin dễ dàng hơn, vì họ không vướng vào tính nặng nề của cơ chế quan liêu.

Ngược lại, “các công ty đàn em” ngày nay đang đuổi kịp với các bậc đàn anh khổng lồ nặng nề như bị thịt. Ngoài ra chúng ta thấy rõ ràng là trong ngành kinh tế của ngày mai, các công ty lớn sẽ trở nên lệ thuộc nhiều hơn so với quá khứ vào một hạ tầng kiến trúc của những nhà cung cấp tí hon nhưng đầy quyền lực và uyển chuyển. Và đa số các công ty này đều thuộc kinh tế gia đình.

Ngày nay, sự hồi sinh của ngành tiểu kinh doanh và công ty gia đình đã tạo nên một ý thức hệ, một nền đạo đức, và một hệ thống thông tin chống lại với cơ chế quan liêu một cách sâu sắc.

Trong một gia đình, mọi việc đều được hiểu ngầm, thông cảm. Do mâu thuẫn, cơ chế quan liêu được căn cứ trên tiền đề là không có cái có thể hiểu ngầm. (Do đó, mọi thứ cần phải viết rõ ra trong một tập sách hướng dẫn điều hành và các nhân viên chỉ “căn cứ vào sách” để làm việc. Càng có nhiều thứ được hiểu ngầm bao nhiêu, thì càng đỡ diễn đạt ra thành từng lời bấy nhiêu. Càng có nhiều tri thức hoặc thông tin được mọi người biết bao nhiêu, thì càng ít các phiên họp kín và tuyến chuyền giao trong một tổ chức bấy nhiêu.

Trong một công ty mang tính quan liêu, chức vị và đồng lương của bạn hầu như được xác định rõ bởi công thức “bạn biết gì”, và công thức “bạn biết ai” không được đặt thành vấn đề. Mà sự thực điều “bạn biết ai” mới là quan trọng và nó ngày càng quan trọng hơn khi người ta tiến lên giao tiếp với thế giới bên ngoài. “Bạn biết ai” mới xác định được việc bạn tiếp cận với nguồn tri thức then chốt nhất - nói đúng ra là các thông tin nhờ ơn ai mới có, và ai là người có thể tín nhiệm được (nói khác đi, ai có nguồn tin đáng tin cậy).

Trong một công ty gia đình, không ai quấy ai. Tất cả mọi người đều biết rất rành rẽ về mọi thứ, nên việc giúp một người con trai hay con gái của mình thành công bằng cách “nâng đỡ” là việc tự nhiên. Còn trong một cơ sở quan liêu hay công ty, sự nâng đỡ được gọi là đặc quyền, đặc lợi, và được xem như là vi phạm bậc thang giá trị, nó đòi hỏi phải có quyền ưu tiên.

Sự hoà thuận và xung đột trong gia đình được khống chế bằng sự chủ quan, trực giác và đam mê của mỗi thành viên. Còn trong một cơ chế quan liêu, các quyết định đều mang tính chất phi cá nhân và khách quan. Mặc dù, như chúng ta đã thấy, những cuộc đấu đá tranh giành quyền lực có tính tương tàn đã tạo ra những quyết định quan trọng hơn là tính cách trong sáng lạnh lùng và dứt khoát, như được mô tả trong sách giáo khoa.

Nói cho cùng, trong một cơ chế quan liêu, thường chúng ta khó biết ai nắm quyền, tuy vẫn có một hệ thống và chức danh chính thức. Trong công ty kinh tế gia đình, ai cũng đều biết rõ rằng chức danh và hình thức đều không được kể đến. Quyền lực do người cha là chủ hộ nắm, hoặc thỉnh thoảng do người mẹ làm chủ hộ. Và đến khi cha hoặc mẹ qua đời, thông thường quyền lực được chuyển giao cho một thân nhân được tuyển chọn kỹ càng về tài và đức.

Tóm lại, bất cứ nơi nào mà mối quan hệ gia đình có vai trò trong việc kinh doanh thì các giá trị và luật lệ văn phòng đều bị thất bại trong khi áp dụng, nó lôi kéo theo sự lật đổ của cơ cấu quyền lực quan liêu.

Việc này quan trọng, bởi vì ngày nay sự tái sinh của nền kinh tế gia đình không phải chỉ là một hiện tượng nhất thời. Chúng ta hiện đang bước vào một kỷ nguyên “hậu quan liêu”, trong đó công ty kinh tế gia đình chỉ là một trong nhiều giải pháp thay thế cơ chế quan liêu và quyền lực mà cơ chế này ban bố.

CHẤM DỨT LOẠI CÔNG TY SẢN XUẤT HÀNG LOẠT

Không biết có bao nhiêu trẻ em lớn lên trong thế giới kỹ thuật cao đã có dịp tiếp xúc với con dao

cắt bánh. Dụng cụ nhà bếp đơn giản này một đầu là cán, và đầu kia là một lưỡi dao, dưới dao là thớt hoặc một cái khuôn. Khi đè mạnh dụng cụ trên một cục bột bánh hình trục lăn, nó cắt bột theo hình dáng một chiếc bánh ngọt. Với dụng cụ này, chúng ta có thể sản xuất ra hàng loạt bánh ngọt đồng dạng. Với thế hệ cũ, cái cắt bánh biểu tượng cho tính đều đẽu.

Thời vàng son của việc sản xuất hàng loạt, nay đã phải mờ theo dĩ vãng, không những nó đã sản xuất ra những sản phẩm y hệt nhau, mà còn cho ra lò những công ty sản xuất hàng loạt nữa.

Hãy thoáng nhìn qua bất cứ một biểu đồ tổ chức nào, may mắn là nó chỉ gồm những đường thẳng nối liền với những ô nhỏ trống, ô này giống hệt với ô kia. Hoặc hoàn lâm mới gặp một biểu đồ tổ chức với nhiều hình dáng khác nhau, tượng trưng cho sự đa dạng của các đơn vị công ty. Một hình xoáy tròn ốc, gợi ý nghĩa cho một công ty chóng lớn, hoặc một mạng lưới để nói lên nhiều mối dây liên lạc với các công ty khác, hoặc một nét chữ hoa, tượng trưng cho một đơn vị có thành tích thăng trầm.

Biểu đồ tổ chức, giống như các sản phẩm của công ty và cơ chế quan liêu đã ấn hành ra nó, đều được tiêu chuẩn hóa.

Thế nhưng, với cách tiếp thị có lựa chọn, thay thế cho cách tiếp thị hàng loạt, và việc sản xuất

theo đơn đặt hàng của khách, đã khiến cho việc chế tạo hàng loạt trở nên lỗi thời. Thế thì không phải là không logic khi chúng ta đã nghĩ rằng cách tổ chức của công ty cũng vậy, sẽ sớm phân hóa. Đặt vấn đề một cách khác, cái thời vàng son của loại công ty sản xuất bánh ngọt hàng loạt đã qua rồi. Và cũng vậy, nó kéo theo việc sụp đổ các cơ cấu quyền lực loại đại công ty sản xuất hàng loạt.

Trong cuốn “Làn sóng thứ ba” chúng tôi đã viết về những sự đổi mới như vậy, đó là giờ giấc làm việc co giãn, những món tiền thưởng đặc biệt, bất ngờ và nhiều định chế uyển chuyển khác, như việc bắt đầu đổi xử với công nhân, xem họ như là những cá nhân, và đồng thời cũng cho phép các công ty được uyển chuyển hơn nữa. Ngày nay, những ý kiến như trên rất bình thường, do đó tuần san Newsweek đã lấy tên cho một bài báo của họ như sau: “Một thoáng nhìn vào tương lai của các công ty uyển chuyển”.

Thế nhưng, cái mà cái công ty vẫn chưa nắm được, là tính uyển chuyển phải được đào sâu hơn nữa - trực tiếp đến cơ chế thực sự của tổ chức. Cấu trúc cứng nhắc, đồng phục của công ty phải được thay thế bằng những loại hình đa dạng. Sự tranh chấp nhầm biến đổi các đại công ty thành những đơn vị kinh doanh tản quyền là cả một quá trình với bước chân ngập ngừng, miễn cưỡng trong hướng đi này. Bước kế tiếp cho nhiều ngành kinh doanh sẽ là

việc thành lập ra những công ty thay đổi màu sắc hoàn toàn như con “kỳ nhông” (tức là mang nhiều tính đàn hồi uyển chuyển).

PHI THỰC DÂN HÓA NGÀNH KINH DOANH

Mỗi một đại công ty ngày nay đều có dưới quyền nó một số “thuộc địa” với những cư dân sinh sống chẳng khác nào những dân thuộc địa ở khắp nơi. Họ ngoan ngoãn vâng lời, hoặc thậm chí còn tỏ ra hèn hạ khúm núm trước mặt tập đoàn thống trị họ, nhưng sau lưng thì ra vẻ khinh khi hoặc bức mình cau có.

Nhiều người trong số chúng ta, có thể một lúc này hay lúc khác, đã nhìn thấy những vị “giám đốc lớn” của mình cũng đã phải dǎn lại những suy nghĩ của họ trước sự hiện diện của các ông chủ để gật đầu đồng ý đối với những ý kiến ngu ngốc, cười cầu tài trước những câu chuyện khôi hài vô duyên, thậm chí còn tán thưởng lối ăn mặc, cung cách, và thái độ thượng võ của những người trên họ. Những điều gì mà cấp dưới tin tưởng và cảm nghĩ đều bị chết nghẹn trong lòng khi nhìn thấy chủ. Do đó, hầu hết các công ty lớn cần đổi mới kinh khủng - phải cổ vũ cho sự phát biểu tự do.

Dưới một lớp vỏ dễ thương mềm mỏng giữa bạn hữu nam giới với nhau (và ít nhất tại Hoa Kỳ), người ta phô trương sự bình đẳng, mà cái tinh thần

chủ tớ thời thực dân vẫn còn tồn tại mạnh mẽ. Thế nhưng, dấu ấn của chủ nghĩa thực dân trong ngành kinh doanh thậm chí còn đậm nét hơn.

Cơ chế quan liêu, thực ra là một loại chủ nghĩa đế quốc, nó chỉ huy các “thuộc địa” khác nhau ẩn tàng trong các công ty. Các thuộc địa này gồm có vô số nhóm không chính thức, bị khống chế, hoặc nằm vùng, thu thập các tư liệu đã có sẵn tại bất cứ một đại công ty nào, trong khi cơ cấu chính thức lại cẩn mĩ kỵ đà của họ. Mỗi một thuộc địa này đem về nhập chung lại, làm thành một khối tri thức kín đáo, có tổ chức, đứng bên ngoài các lò thông tin chính thức của cơ chế quan liêu.

Sự chiến đấu để tái xây dựng kinh doanh theo đường lối mới hậu quan liêu chỉ là một phần của cuộc chiến đấu nhằm phi thực dân hóa ngành này, để giải phóng các nhóm bị khống chế ấy. Thực sự ta có thể nói rằng vấn đề then chốt tại các công ty hiện nay phải đương đầu là làm sao cởi trói cho những nghị lực năng nổ, đầy sáng tạo của các thuộc địa tiềm ẩn này.

KHIẾU VŨ TRÊN MẶT BÀN

Cách đây chẳng bao lâu, khi hãng Sears, Roebuck, công ty bán lẻ lớn nhất của Hoa Kỳ, loan báo một tin cài tổ quan trọng trong khâu hàng hóa của họ, vị chủ tịch bộ phận này, đồng thời là Tổng

giám đốc đã tuyên bố rằng đó là việc cần thiết vì “Chúng tôi đang cạnh tranh trên nhiều lãnh vực kinh doanh khác nhau... và chủ yếu đã bám theo một loại hình tổ chức duy nhất để cạnh tranh trên khắp các lãnh vực”. Sự việc này tuy có tiếp thu phê bình, nhưng đã làm cho công ty thành trì trệ và không đủ sức cạnh tranh.

Mặc dù những nhà lãnh đạo cấp cao là những người cảm thấy rằng, họ nên “để cho đi” hoặc nói lỏng dây cương mới có thể giải phóng nghị lực của nhân viên họ, nhưng họ đã đánh giá quá thấp là họ cần phải đi xa bao nhiêu mới thoát khỏi tệ nạn quan liêu tồn tại dai dẳng.

Nếu theo số liệu, thì phải có hàng trăm công ty đã được phân tán nhỏ thành vô số các “trung tâm sinh lợi”, với hy vọng rằng một trung tâm này sẽ hoạt động như một xí nghiệp nhỏ, hướng tới thị trường. Thậm chí một số các hoạt động tham mưu ngày nay cũng đã được thiết kế thành những trung tâm sinh lợi và phải tài trợ cho chính bản thân họ (để chứng minh sự tồn tại của mình) bằng cách bán các dịch vụ trong nhà. Thế nhưng có tốt gì đâu trong việc chè một công ty ra làm nhiều trung tâm sinh lời, nếu mỗi một trung tâm này thuần tuý chỉ là một công ty con, nó là hình ảnh thu nhỏ của một công ty mẹ - một cơ chế quan liêu mini làm tổ bên trong một cơ chế siêu quan liêu.

Cái hiện đang bắt đầu ngày nay là một sự đổi

thay vô cùng sâu rộng và có tính cách mạng, nó sẽ cắt xén bớt toàn bộ quyền lực trong kinh doanh.

Đa số các nhà quản lý Hoa Kỳ vẫn còn suy nghĩ về cơ cấu tổ chức như là một bộ máy mà mọi bộ phận của nó có thể siết chặt hay nới lỏng ra, vặn âm thanh lớn, hoặc bôi trơn được. Đây là lỗi nói ẩn dụ trong cơ chế quan liêu. Trái lại, nhiều người Nhật đã sử dụng một lỗi ẩn dụ hậu-quan-liêu, theo họ công ty là “một sinh vật đang sống”.

Lỗi định nghĩa này còn đề cập đến việc công ty được sinh ra, trưởng thành, lão hóa, và chết hoặc tái sinh dưới một hình thức mới, và nhiều vấn đề khác. Người Nhật dùng từ “Sogyo” (Bình minh) để nói về một công ty được sinh ra, và ngày nay có nhiều công ty nói đến việc có kinh nghiệm về một “tân sogyo” lần thứ hai hoặc thứ ba.

Đúng vào lúc tái sinh này mà sự thành công tồn tại lâu dài hay thất bại của công ty được xác định. Bởi vì nếu công ty mới tái sinh, nhưng lại được tổ chức theo đường lỗi quan liêu, giống như các công ty cũ nó vừa thay, thì có thể cuộc đời thứ hai của nó chỉ ngắn ngủi và không có hạnh phúc. Trái lại, nếu các công ty được đổi mới, và thiết kế theo hình thức tổ chức nào thích hợp nhất, có cơ may hội nhập với môi trường mới, giàu tính sáng tạo, sẽ tốt hơn nhiều.

Quan niệm về công ty uyển chuyển không có nghĩa là công ty này không có cơ cấu, nó chỉ gợi ý

là một công ty khi được tái sinh, có thể không còn là một con lừa nữa mà trở thành là một nhóm gồm có một con cọp, một đàn cá lưỡi cưa, một hoặc hai con lừa mini, và ai biết đâu, lại không có một bầy ong hút mật thông tin. Hình ảnh ấy là để nhấn mạnh rằng, công cuộc kinh doanh trong tương lai có thể gồm nhiều hình thức khác nhau trong phạm vi một khuôn khổ duy nhất. Chức năng nó có thể là một loại con thuyền Noe.

Để nắm được quan niệm “công ty uyển chuyển”, chúng ta cần phải lưu ý rằng cơ chế quan liêu chỉ là một trong hầu hết vô số phương án khác nhau về việc tổ chức nhân sự và thông tin. Thực sự chúng ta có một danh mục rộng rãi về các loại hình tổ chức để rút kinh nghiệm - từ các ban nhạc Jazz đến các mạng lưới tình báo, từ các bộ lạc và bộ tộc và hội đồng huynh trưởng đến các tu viện và những đội bóng đá. Mỗi một loại hình đều có mặt tốt và mặt xấu của nó. Mỗi loại đều có đường lối riêng để thu gop và phân phôi thông tin, và cách ban hành quyền lực.

Một công ty có thể đề ra việc thành lập một đơn vị kiểu tu viện trong nội bộ của mình để viết phần mềm... một toàn nghiên cứu tổ chức giống như một ban nhạc Jazz nhỏ, một mạng lưới gián điệp chia thành từng khu, với những luật lệ cần phải biết, hoạt động trong khuôn khổ luật pháp, để do thám các công ty hoặc khả năng mua lại của

họ... Và một lực lượng được tổ chức như một bộ lạc, có tính năng động cao, có đầy đủ những bản anh hùng ca cho chính họ và những nghi lễ gây xúc động cho những thành viên của họ. (Tác giả có tham dự một buổi hội mậu dịch của một công ty lớn, tại đây hình thức bộ lạc mới bắt đầu hình thành và các thành viên quá hào hứng về công việc của họ, nên họ leo lên nhảy múa trên các mặt bàn).

Với cái nhìn mới này, người ta quan niệm một công ty như là một tập hợp của những tổ chức hoàn toàn khác nhau, trong số đó có rất nhiều hình thức chống quan liêu, nên đã phản ánh tình trạng sẵn có ở một số công ty dưới một dạng gần như bao kín hoặc phôi thai. Nhiều công ty sẽ thấy mình đang chuyển dần đến một hình thức tự do chỉ vì muốn được tồn tại trong nền kinh tế phi đại chúng của ngày mai.

Cụm từ “Công ty uyển chuyển” được sử dụng vì trong tiếng Anh không có từ nào dễ tìm để mô tả một thực thể như vậy. Nhà kinh tế học người Pháp là Hubert Landier dùng từ “đa tế bào”(Polycellular) để mô tả ngành kinh doanh tương lai. Còn những người khác mô tả nó như “thần kinh” hoặc như hệ thần kinh thay vì như bộ máy. Vẫn có những người xem cái tổ chức thông tin mới như là một mạng lưới.

Dù tất cả các từ này đều nói lên một số khía cạnh của thực tế mới mẻ này, nhưng không từ nào

đáp ứng đầy đủ ý nghĩa. Bởi lẽ buổi hùng động của hình thức kinh doanh trong tương lai bao gồm tất cả các ý nghĩa ấy, và còn hơn thế nữa. Có thể dùng các từ đa tế bào hay thần kinh, có thể (hoặc cũng không thể) dùng từ “mạng lưới”. Nhưng cơ cấu tổ chức cũng có thể gồm những công ty hoàn toàn có tính cách quan liêu, vì đối với một số chức năng, tính cách quan liêu vẫn còn là chủ yếu.

Một nét chính của các công ty hậu-quan-liêu là mối tương quan giữa các bộ phận của nó không được xác định trước một cách chặt chẽ, giống như thông tin bị ép buộc mặc chiếc áo cho vừa vặn không còn hợp thời trang của cỗ máy cũ kỹ.

Thay vào đó, các bộ phận của một công ty uyển chuyển có thể trao đổi thông tin, nhân sự, và tiền bạc với nhau hoặc có thể tùy ý phối hợp với các tổ chức bên ngoài. Các tổ chức này có thể là người hàng xóm láng giềng, hoặc ngăn sông cách biển như thuộc các lục địa khác nhau. Chức năng của họ có thể phân nào giẫm chân lên nhau, giống như các nguồn thông tin đại chúng, vì những lý do khác, chức năng có thể phân nhiệm một cách hợp lý, theo vị trí địa lý, hoặc theo nguồn tài chính sử dụng. Một số công ty có thể sử dụng nhiều dịch vụ trung ương cho các bộ tham mưu cung cấp, những công ty khác có thể chọn lựa để sử dụng một số ít dịch vụ mà thôi.

Việc này đòi hỏi phải có những nguồn thông

tin tự do hơn, nhanh chóng hơn, dồi dào hơn. Điều đó có nghĩa là thông tin sẽ chằng chịt như bàn cờ, lén xuống và bên lề - những đường mòn thần kinh chạy xuyên qua các ô vuông của bảng tổ chức, nên chúng ta có thể trao đổi ý kiến, tư liệu, công thức, gợi ý trực giác, sự kiện, chiến lược, tiết lộ động tác và mỉm cười, những điều này đã trở nên chủ yếu nếu muốn đạt được hiệu năng.

Charles Jepson, giám đốc cơ quan tiếp thị của công ty Hewlett - Pacard nói rằng: "Một khi bạn đã thực hiện được câu người tốt, việc tốt trong xử lý thông tin, thì bạn sẽ đạt được thặng dư giá trị và ông nói thêm: "Vì thông tin là chất xúc tác để làm thay đổi ở mọi cấp. Đó là cái làm thành quyền lực đáng sợ".

NHỮNG XÍ NGHIỆP GIA ĐÌNH TRONG TƯƠNG LAI

Một trong những hình thức công ty phải giải thể đã phán đấu ngoan cường để thoát khỏi cơ chế quản lý quan liêu kiểu cũ là công ty của bố mẹ, được tiêu biểu bởi những nhân vật như Rossis và D'Eustachios ở Italia.

Đã có một thời mà hình như mọi tổ chức kinh doanh, trong thực tế, là những tiểu công ty cá thể của gia đình. Chủ yếu bắt đầu từ thế kỷ XIX, khi các công ty ngày càng lớn mạnh hơn, bản thân nó

lại chuyển sang hình thức các cơ quan quản lý chuyên nghiệp.

Ngày nay, như chúng ta đã biết, các công ty kinh tế gia đình độc lập, một lần nữa lại mọc lên nhiều. Nhưng ngoài ra chúng ta cũng chứng kiến việc gia tăng môn bài khai thác, đó là nhịp cầu liên tục giữa các công ty cò con với thế lực tài chính của các đại công ty nhờ đó để hoạt động. Bước đi kế tiếp hợp lý sẽ đến khi các công ty gia đình nổi bật lên, được kính trọng và đầy đủ quyền lực trong lô bộ các đại công ty.

Đa số các đại công ty đều nói xiên nói xỏ một cách hoa mỹ về “kinh tế gia đình”. Một vị chủ tịch công ty ăn mặc bảnh bao đã mỉm cười với chúng tôi qua những bản phúc trình hàng năm do cấp dưới soạn thảo, và bảo đảm với chúng tôi rằng, mỗi một cá nhân trong công ty của ông, từ vị chủ tịch xuống đến người bảo vệ, đều là một thành viên trong “một đại gia đình”.

Nhưng sự thật, cơ chế kinh doanh quan liêu không có mấy thiện cảm đối với mẫu mã tổ chức kinh tế gia đình, mà còn chống lại rất kịch liệt. Điều này được ghi nhận một cách khá phổ biến là đa số công ty đã ra lệnh cấm việc thuê mướn cả cặp vợ chồng làm nhân viên.

Những luật lệ trên đây, nhằm mục đích để phòng nạn ô dù móc ngoặc trong công ty, nay đã bắt đầu rạn nứt tại Hoa Kỳ, khi mà con số các phụ

nữ có trình độ và năng suất cao trong lực lượng lao động đã gia tăng đáng kể. Và các công ty phải đương đầu với sự khó khăn là làm sao tái định cư người vợ hay người chồng trong khi người kia đã có công ăn việc làm tốt tại địa phương.

Chúng ta hy vọng được thấy các công ty sẽ thuê mướn các cặp vợ chồng. Trong một tương lai không xa, chắc chắn chúng ta sẽ thấy một ê-kíp vợ chồng được giao cho trách nhiệm điều khiển một trung tâm sinh lợi và được cho phép - trên thực tế là được khuyến khích để điều hành nó như một kinh tế gia đình.

Hậu quả sẽ có thể cũng như vậy do việc mua lại những công ty kiểu D'Eustachion Euroflex. Trường hợp công ty này được người mua lại, liệu có còn ý nghĩa không, nếu phá vỡ tập thể gia đình đã xây dựng thành công ở địa điểm cũ từ trước tới nay. Những nhà mua lại khôn ngoan có lẽ nên nghĩ về quá khứ của công ty mà cứ giữ nguyên hình thức kinh tế gia đình.

Sự gia đình hóa, đôi khi có phần quá thơ mộng, sẽ có nhiều dịp thử thách để tranh chức đứng đầu ngành quản lý.

Một ê-kíp vợ chồng có đầy đủ quyền lực có thể là một lực lượng chính trị ghê gớm trong công ty. Sự thăng hoa của tình cảm diễn ra thành lời - một quy tắc của công ty - có thể dễ dàng nhường chỗ cho những lời to tiếng, những giọt nước mắt, và

những sự lúng túng cung thường đã xảy ra trong cuộc sống gia đình. Các công ty do đàn ông làm chủ có thể phải nhường chỗ cho các vị giám đốc phụ nữ, đã được chồng hoặc các thân nhân khác ủng hộ. Làm thế nào để trong một hệ thống như vậy mà một người chắc chắn đã làm những công việc quan trọng lại cho người con trai ngu ngốc của ông ta quản lý? Việc thừa kế sẽ được quản lý như thế nào? Không có vấn đề nào trên đây có thể được giải quyết dễ dàng?

Một mặt khác, các công ty kinh tế gia đình cũng có những điểm lợi lớn. Trái với những đại công ty văn phòng quan liêu, họ có thể có những quyết định nhanh. Họ cũng thường muốn đảm nhận những trách nhiệm rủi ro của nhà thầu. Các công ty kinh tế gia đình có thể chóng thay đổi, và thích ứng nhanh hơn với các nhu cầu của thị trường mới. Họ dễ dàng thông cảm nhau qua sự tác động thường xuyên mặt-đối-mặt và thậm chí lúc thì thầm bên gối, nhẹ nhàng và phong phú, đem lại kết quả nhiều hơn, mà chỉ có đôi chút càu nhau hoặc nhăn nhó. Các thành viên trong gia đình thích thú một cách đặc biệt được “làm chủ sở hữu” trong công ty, chứng tỏ động lực cao và rất mực trung thành, và thường lao động một cách quên mình bất kể giờ giấc.

Vì những lý do trên đây, chúng ta có thể hy vọng rằng các công ty kinh tế gia đình sẽ được sinh

sôi nổi nở trong nội bộ cũng như ở ngoại vi của công ty khổng lồ.

Một chuyên gia ngành quản lý người Pakistan tên là Syed Mumtaz Saeed đã nhận xét một cách sâu sắc như sau: “Tính phi nhân bản của kỷ nguyên công nghiệp ở phương Tây là hậu quả của việc họ hạ công tác gia đình xuống một vai trò chỉ thuần tuý có tính cách xã hội và hoàn toàn phi kinh tế. Do đó, người quản lý và người công nhân của thời đại mới này phải bị giằng xé giữa nơi làm việc và nhà ở của mình về phương diện thể xác, và giữa gia đình và cơ quan về phương diện tình cảm... Sự xung đột này là cốt lõi của những vấn đề động lực tinh thần, đạo đức và sức sản xuất trong các xã hội Tây phương hiện đại”

Saeed lập luận rằng, các quốc gia thế giới thứ ba nên loại bỏ tính phi cá nhân của cơ chế quan liêu, cũng như tính phản gia đình của Tây phương và xây dựng những nền kinh tế thực sự phải dựa vào gia đình. Ông ta lập luận như thế là để biện hộ cho việc nên giữ lại tính gia trưởng cổ điển, tính này không những bị quét sạch tại hầu hết các đại công ty ở phương Tây, mà nó còn bị suy yếu dần tại Nhật. Nhưng vấn đề này hoàn toàn khác hẳn với một công ty uyển chuyển. Vì công ty này trên lý thuyết có thể có một trung tâm sinh lợi, hoàn toàn có tính cách gia trưởng, và những trung tâm khác thì không như thế. Đơn vị này được điều hành như

một trại lính thuỷ đánh bộ, còn đơn vị kia thì giống như một cái làng. Trong công cuộc đổi mới tiến đến những hình thức đa dạng, công ty phi thực dân, như bản chất của nó, sẽ đưa đến sự giải phóng của nền kinh tế gia đình trong khuôn khổ của mô hình công ty uyển chuyển.

Thế nhưng, như chúng ta sẽ thấy tiếp, công ty kinh tế gia đình chỉ là một trong những mẫu mã kinh doanh đầy màu sắc nó sẽ lấy lại quyền lực ra khỏi tay các vị giám đốc quan liêu trong những năm gần đây.

TÙ TRƯỞNG BỘ LẠC VÀ UỶ VIÊN CÔNG TY

Cứ khoảng mười năm Hoa Kỳ lại bị một lần xâm lăng.

Gần đây, một đạo quân 400.000 người đã tung ra từ mười hai chiếc đầu cầu và lan tràn trên khắp miền đất nước, trong một chiến dịch sáu tuần lễ. Hết thời hạn ấy đạo quân triệt thoái, tan biến vào các tầng lớp xã hội chung quanh cùng với tất cả mọi thứ hậu cần, viễn thông, và máy điện toán, họ đã nắm tay nhau cùng hoạt động trong suốt cả cuộc hành quân đã chiến này.

Dù rất ít được quan tâm nghiên cứu, các kế hoạch của họ cho một chiến dịch rộng khắp này đã đưa ra những bài học cho nhiều ngành kinh doanh của Mỹ. Bởi lẽ mục tiêu của “đạo quân” này là thu thập những tin tức tình báo chi tiết mà hàng triệu quyết định kinh doanh đã căn cứ vào đó để ban hành. Ngoài ra, đường lối thật sự theo đó chiến

dịch được tổ chức sẽ giúp cho nhiều vị giám đốc nhìn thấy rõ vấn đề hơn.

Lẽ dĩ nhiên, tổ chức này có liên quan đến Phòng Kiểm tra dân số Hoa Kỳ, và cuộc điều tra dân số từng thập kỷ của cơ quan này đã rọi ánh sáng đến loại hình tương lai của xí nghiệp, công ty đa dạng. Vì nền kinh tế hậu công nghiệp ống khói ngày càng trở nên phân hóa, các công ty bắt buộc phải phát minh ra nhiều loại hình kinh doanh càng đa dạng hơn.

Điều này không phải là một lý thuyết hàn lâm, mà nó có tính cách sống còn. Nhà điều khiển học W.Ross Ashby đã đưa ra khái niệm “Tính đa dạng quyết định” nhiều năm trước đây để mô tả một trong những tiền đề cho sự sống còn của bất cứ hệ thống nào. Ngành kinh doanh hiện nay phải có tính đa dạng quyết định mới đứng vững được trong thế kỷ XXI.

Vì họ đưa ra nhiều phương án hơn để làm kinh doanh, họ sẽ phát hiện, hoặc tái khám phá ra - nhiều loại hình mà trước đây không ai quan tâm, bị che giấu, bị hiểu lầm, hoặc sử dụng sai bởi các cơ chế quan liêu. Họ sẽ thu thập ý kiến ở khắp các nơi: trong các ngành kinh doanh khác, cũng như trong các định chế phi kinh doanh như tại các cơ quan chính quyền, các đảng phái chính trị, các trường đại học, trong quân đội chảng hạn - và các

phòng điều tra dân số.

Sau đây là một mâu mă, những cái gì mà họ sẽ tìm.

TỔ CHỨC ĐẬP THEO NHỊP TIM

Đây là một tổ chức mở ra khép lại theo một quy luật tiết tấu bình thường. Một thí dụ điển hình là Phòng Điều tra Dân số Hoa Kỳ, cứ mỗi thập kỷ thì phình lên đến một độ kinh khủng, rồi treo lại, để bắt đầu đặt kế hoạch cho cuộc điều tra mười năm sắp tới, sê phình trở lại.

Thông thường được biên chế vào khoảng 7.000 viên chức thường xuyên, cơ quan này duy trì trên mươi hai trung tâm địa ở các phương khắp cả Hoa Kỳ. Thế nhưng muốn tiến hành một cuộc điều tra dân số đầy đủ, cơ quan phải thành lập một trung tâm song song, như “hình với bóng” tại mỗi trung tâm thực sự trên đây. Qua họ, hơn 1,2 triệu đơn xin việc làm được phỏng vấn để tuyển chọn 400.000 người, thật sự tản ra khắp nơi và gõ cửa tại mỗi gia đình người Mỹ. Những trung tâm bán chính thức này được thiết kế để có một đời sống một năm hoặc một năm rưỡi rồi sau đó phải giải thể. Bộ tham mưu cơ quan sẽ giảm biên chế trở lại còn khoảng 7.000 người. Thời điểm này kế hoạch lại được đặt ra cho cuộc điều tra mười năm kế tiếp trong tương lai.

Việc thực hiện một chương trình rộng lớn này mà thành công xứng đáng phải được trao tặng một huy chương về quản lý tương đương với một huy chương vàng Thế vận hội. Cuộc điều tra dân số năm 1990 thì đầy những thất bại và lầm sơ suất. Nhưng công tác này đã làm nản lòng rất nhiều vị giám đốc đứng đầu kinh doanh. Thật vậy, rất nhiều công ty sẽ nhận thấy rằng những tổ chức của chính họ, mặc dù tầm cỡ nhỏ hơn, cũng cùng chung một vấn đề như nhau. Bởi lẽ rất nhiều ngành công nghiệp cũng cần các tổ chức theo nhịp tim đập khi thắt khi mở đó.

Hiện tượng này chúng ta thấy trong các công ty đã “rồ ga” lên trong những thay đổi kiểu mẫu hàng năm, rồi “bót gà” trở lại. Trong các công ty bán lẻ đã tăng cường người phục vụ trong dịp lễ Giáng sinh, rồi sa thải bớt nhân viên trong tháng giêng. Công nhân viên ngành sản xuất phim và truyền hình cũng tương tự như vậy.

Trên thực tế, một trong những loại hình mọc nhanh như nấm ngày nay là lực lượng đặc nhiệm hoặc toán công tác, mà những thí dụ của nó, trong cuốn “Cú sốc tương lai” chúng tôi gọi là “phản ứng nhanh”. Thế nhưng những loại hình này, chỉ là những biến dạng của cái tổ chức đập theo nhịp tim mà thôi. Trong khi các loại hình “nhịp tim” thật sự mở ra và thắt lại một cách đều đặn nhịp nhàng, một toán công tác thông thường chỉ thực hiện có

mỗi một nhiệm vụ. Do đó, tổ chức này lớn lên và tàn lụi chỉ có một lần và sau đó thì giải thể. Về mặt hiệu quả, nó là một tổ chức “một nhịp tim” mà thôi.

Các tổ chức nhịp tim chỉ có những yêu cầu duy nhất là thông tin và liên lạc. Trong cuộc điều tra dân số năm 1990, các trung tâm bán chính thức thuộc Phòng Điều tra Dân số chẳng hạn, đã sử dụng một ngân khoản thiết bị về máy điện toán và viễn thông trị giá 80 triệu Mĩ kim, trong một mạng lưới tạm thời đã được thiết kế để sử dụng, hoặc để cuốn chiếu trở về với cái tổ chức thường xuyên.

Các vị giám đốc điều hành chịu trách nhiệm về những công ty hoặc đơn vị nhịp tim thường cảm thấy quyền hạn của họ cũng trôi sụt như nhịp tim vậy. Ngân khoản cạn hết khi đơn vị co cụm lại, nhân viên biến mất. Kho tàng tri thức hoặc tài năng khả dụng tàn lụi dần. Quyền hạn của ban ngành địch thủ của công ty được nới rộng thêm một cách tương đối khi mà ban ngành này tiếp tục thu hẹp lại. Trong một cơ cấu tổ chức theo nhịp tim, vị giám đốc điều hành ngày nay đang chỉ đạo một dự án to lớn, có thể một ngày nào đó là một con đười ươi 700 cân Anh, và là một con khỉ vào ngày kế tiếp. Vì rất nhiều cơ chế theo nhịp tim tác động hỗ tương với nhau, họ tạo ra một sự nhịp nhàng nào đó cho nền kinh tế.

Thế nhưng đậm theo nhịp tim, không phải chỉ là một vấn đề tâm cõi của công ty. Một số công ty có nhịp tim trồi hay sụt tuỳ theo giai đoạn tập trung hay tản quyền. Cứ mỗi lần tim đậm, các cơ cấu thông tin đều thay đổi - và do đó quyền hạn cũng chuyển dời. Việc gia tăng tốc độ và sự lớn mạnh không lường được của sự đổi thay, sẽ khiến cho nhịp tim đậm nhanh hơn trong nhiều năm trước mắt.

TỔ CHỨC LUÔNG DIỆN

Một loại hình khác cũng thường tìm được chỗ đứng trong các công việc đa dạng, đó là một công ty hoàn toàn luồng diện có khả năng hoạt động hai mặt, tuỳ theo tình huống. Công ty nhịp tim thỉnh thoảng lại khác nhau về tầm cõi và cơ cấu tổ chức. Cơ cấu tổ chức hai mặt của vị thần Janus, có thể về tầm cõi vẫn giữ nguyên như cũ, nhưng về mặt chỉ huy thì thay đổi từ một hệ thống phân cấp đến một hệ thống không phân cấp tuỳ theo nhu cầu đòi hỏi.

Một ví dụ nổi bật dễ thấy là binh chủng Không quân đặc biệt của quân đội Anh, gọi tắt là SAS, có nhiệm vụ thực hiện các nhiệm vụ giải cứu trong các cuộc đấu tranh chống khủng bố, giải thoát các con tin, và nhiều sứ mệnh khác đòi hỏi sự bất ngờ nên phải ngụy trang. Cơ quan SAS hoạt

động qua hai phương án hoàn toàn tương phản nhau. Trên bãi diễn binh, đó là một đơn vị hoàn toàn lảng muối, bóng lộn, và tuyệt đối phục tùng đội ngũ. Kỷ luật sắt như ở cấp trung đoàn, được các chàng trung sĩ hò hét ra lửa. Các đặc quyền của cấp bậc và hệ thống quân hàm được tôn trọng một cách tuyệt đối.

Thế nhưng, khi lâm trận thì cũng những con người đó, lại biểu lộ ra một thứ tác phong hoàn toàn khác hẳn. Các chiến sĩ SAS chiến đấu tuỳ theo đơn vị nhỏ, thường thường được cắt đứt khỏi căn cứ của họ, và không có một sĩ quan nào có mặt. Họ cũng có một người chỉ huy đơn vị, nhưng anh này có thể không mang quân hàm chính thức, và thường chỉ được gọi một cách đơn giản là “ông chủ”. Giữa họ với nhau, khi trên bãi diễn binh thì gọi cấp trên phải “thưa ngài”, nay chỉ gọi bằng “ông” hoặc xưng hô với nhau bằng tên. Cũng một anh chàng trung sĩ ấy lúc trước chửi bới một anh lính dưới quyền về một vi phạm nhỏ nhặt về quân phục, thì nay sẵn lòng khoan dung những chuyện chọc cười châm biếm về những “thằng ngốc ở bãi diễn binh”. Quân hàm, hệ thống cấp bậc, và đặc quyền đặc lợi dưới làn lửa đạn, đều được thay thế bằng những quy luật mới của chiến trường.

Đại tá David Stirling - người đã khởi xướng việc thành lập SAS - nhấn mạnh đến điểm là tổ

chức đơn vị nhỏ nhất của nhảy dù hoặc biệt động quân chỉ cần từ tám đến mười người, do một hạ sĩ quan lãnh đạo. Stirling cố tranh đấu để cho có một cái gì độc đáo trong lịch sử quân sự - một mô hình chiến đấu chỉ gồm có bốn người. Trong cơ quan SAS, Sterling đã viết. "Mỗi người trong toán bốn người phải được huấn luyện để có một trình độ tinh nhuệ tổng quát cao cấp về toàn bộ khả năng của SAS và ngoài ra, mỗi một người còn phải được rèn luyện thuần thục về một kỹ xảo đặc biệt dựa theo bản năng của họ nữa. Trong việc thi hành một công tác - thường là trong đêm tối, mỗi một chiến sĩ SAS trong mô hình bốn người phải vận dụng tất cả sự nhận định và suy xét và cá nhân của chính bản thân mình trong một tinh thần căng thẳng đến tuyệt đối".

Thực sự, Sterling nhấn mạnh đến con số bốn người, nhằm để tránh sự lãnh đạo truyền thống mù quáng có thể xảy ra. Mỗi nguy cơ mà mỗi một cá nhân chủ động riêng rẽ như một khẩu đại bác bắn bừa bãi, đã được hạn chế đến mức tối đa do sự lựa chọn vận động viên có tinh thần đồng đội một cách tuyệt đối. Hiệu quả đưa lại là sẽ có được một tổ chức, một đơn vị quân sự dân chủ độc đáo... Trong đó, nếu đương sự muốn gia nhập vào tổ chức ấy, phải loại bỏ cái "Ta" của anh đi cùng những cấp bậc địa vị, người chiến sĩ ấy sẽ đánh đổi tư cách giai cấp trước kia của mình để lấy

danh hiệu hội viên ràng buộc với nhau chặt chẽ như trong bất cứ một gia đình nào. Đó chính là nhờ sự rèn luyện tích cực và sự cam kết với nhau đã biến một đơn vị duy nhất có thể hoạt động hai mặt, vừa là độc tài, vừa là dân chủ, tuỳ theo tình huống đòi hỏi.

Ngành kinh doanh cũng vậy, cần phải có các hành động khác nhau, trong các hoạt động bình thường và ngay giữa hồi khủng hoảng. Thực sự, ngày nay đa số các công ty đang tạo ra nhiều trung tâm gây khủng hoảng, xử lý những kế hoạch đột xuất, và chuẩn bị chương trình rút lui có trật tự. Nhưng trên thực tế, ít có công ty nào đã có công rèn luyện tất cả các nhân viên của họ để có thể đối phó với hai tình huống mâu thuẫn nhau.

Quan niệm hiện tại về vấn đề quản lý các cuộc khủng hoảng là tạo lập ra một cơ chế “quản lý chìm”, đợi thời cơ, sẵn sàng chuẩn bị để nắm quyền lực khi xuất hiện tình trạng khẩn trương. Khả năng của nó để đối phó với vấn đề này tuỳ thuộc một cách chặt chẽ vào nguồn thông tin được tiếp cận, và việc nắm vững các đường dây liên lạc. Như Công ty Nam California Edison chẳng hạn, là cơ quan điều hành Cơ sở Sản xuất hạt nhân San Onofre, đã thiết lập một hệ thống thông tin khẩn cấp đa nguyên, hệ thống này đã sử dụng các tín hiệu viễn phương (remote sensing), âm thanh và

liên lạc video, để nối liên chặt chẽ trung tâm chỉ huy khẩn cấp của họ với các đơn vị dã chiến.

Vì chúng ta ngày càng đi sâu vào một thời kỳ biến động kinh tế và chính trị, thỉnh thoảng lại được điểm thêm bằng những vụ xé rào và tai hoạ. Chúng ta có quyền chờ đợi những cuộc khủng hoảng sẽ ủn ủn kéo tới đủ cả mọi mặt, từ tiến công bạo lực và suy thoái trong sản xuất đến những cơn khủng hoảng quốc tế bất ngờ. Vụ đổ dầu khí của Công ty Exxon, vụ sụp đổ của ngân hàng Continental Illinois, làn sóng thất bại của các ngân hàng tiết kiệm và cho vay, sự phá sản của Công ty A.H. Robins sau khi khám phá các vấn đề sức khoẻ liên quan đến dụng cụ ngừa thai nội tử cung Dakon Shield của công ty này thì đó chỉ mới là biểu hiện ban đầu của hàng loạt khủng hoảng đa dạng mà nền kinh doanh đang và sẽ phải đương đầu.

Mỗi một vụ khủng hoảng kéo theo hậu quả là sự chuyển đổi quyền lực, được thể hiện như con bù nhìn đuổi chim ăn lúa ngoài ruộng, đáng phải chê trách trùng phạt, những nhà lãnh đạo mới mọc lên, và những người khác mất uy tín và bị thay thế. Nhưng cái thế chẳng đặng đừng ngày càng gia tăng của các cuộc khủng hoảng trong một giai đoạn đổi thay có tính cách mạng này gợi cho chúng ta thấy rằng sẽ còn có các nhóm khủng hoảng và các tổ chức hai mặt sẽ lan tràn ra trên thế giới

kinh doanh ngày nay và sẽ là một bộ phận chính quy của loại công ty uyển chuyển đa dạng trong ngày mai.

TỔ CHỨC BÀN CỜ TƯỚNG

Sau thế chiến II, tại Úc đã có một sự thoả thuận giữa hai chính đảng, họ cam kết với nhau rằng, nếu một trong hai đảng của họ nắm giữ được chức vụ chót bu thì họ sẽ bổ nhiệm một thành viên của đảng đối lập kia vào chức vụ phụ tá, và cứ thế từ trên xuống dưới, từ cấp thủ tướng đến các cơ quan thấp nhất. Cái hệ thống “cài răng lược” này có nghĩa là xuyên qua những chức vụ then chốt thuộc các công ty quốc doanh, ngân hàng, công ty bảo hiểm, và thậm chí trong các trường học và các viện đại học nữa, các đảng viên Xã hội “Đỏ” xen kẽ với đảng viên Bảo thủ “Đen”.

Ngày nay, đã có một sự du nhập phương thức tổ chức ấy trong đường lối kinh doanh của ngân hàng Nhật Bản ở California: Họ sử dụng xen kẽ những người Nhật và người Mỹ tại mỗi cấp trong hệ thống quyền lực này. Nó bảo đảm cho Tokyo có thể nhận được cả một dòng sông cuồn cuộn thông tin, qua cái nhìn của những cặp mắt người Nhật, không những chỉ đơn giản ở thượng đỉnh, mà còn tự mỗi cấp của cơ chế. Quyền lực trong cái kim tự tháp này được củng cố bằng một dòng suối trực

giác thường xuyên, cùng một lúc xuất phát từ rất nhiều tầng lớp. Nhìn chung mà nói, có rất nhiều công ty quốc tế hóa không còn nghi ngờ gì nữa đã áp dụng phương pháp tổ chức của Úc và Nhật.

TỔ CHỨC CHÍNH UỶ

Các đơn vị quân đội Hồng quân của Liên Xô trước đây đã có truyền thống là không những họ có các vị chỉ huy quân sự mà còn có một hệ thống Đảng để quản lý họ nữa. Theo đó, một sĩ quan quân sự báo cáo lên cấp trên theo hệ thống cấp bậc, còn các sĩ quan chính trị báo cáo lên cho Đảng Cộng sản. Mục tiêu của họ là quân đội phải do Đảng lãnh đạo. Trong ngành kinh doanh cũng vậy, chúng ta cũng thường thấy có các “chính uỷ” được lựa chọn bởi thượng cấp và cắm họ xuống các đơn vị trực thuộc để làm tai mắt cho cấp trên, và báo lên thượng đỉnh theo những hệ thống riêng biệt thay vì phải qua hệ thống phân cấp bình thường.

Tại đây có hai kênh thông tin chính, thay vì chỉ có một kênh, nó đã vi phạm tính độc lập kẽm chặt chẽ của cơ chế quan liêu. Nó cũng phản ánh sự không tín nhiệm sâu xa của cấp lãnh đạo chớp bu đối với nguồn thông tin báo cáo được đệ trình lên họ qua các hệ thống bình thường.

Vì những đổi thay đã tiến nhanh với tốc độ

khó có thể dự đoán, các vị Tổng giám đốc sẽ dùng hệ thống “chính uy” để giúp cho cơ chế quan liêu chạy nốt đoạn đường đua chót vót một sự cố gắng tối đa để nắm giữ quyền lãnh đạo.

CƠ CHẾ QUAN LIÊU CỦA NGÀI NAM TƯỚC

Một hình ảnh rõ nhất còn tồn tại của cơ chế phong kiến ngày nay là trong các viện đại học. Tại đây mỗi khoa là một lãnh địa của một ngài Nam tước, các giáo sư không những có phẩm hàm mà còn cai quản các vị phụ tá nghiên cứu sinh. Những người này tạo thành một tập thể nô lệ. Sự nắm quyền phong kiến này như đã ăn sâu bám rễ vào (và cũng thường gây chiến với nhau trong cơ chế hành chính quan liêu của viện đại học).

Một thí dụ khác là Quốc hội Hoa Kỳ, nơi mà 535 ngài Nam tước do dân bầu, thống trị một bộ máy quan liêu khổng lồ.

Một sự kết hợp tương tự giữa cơ chế quan liêu công nghiệp và ngài Nam tước phong kiến còn được thấy trong tám Đại Công ty kế toán ở Mỹ, trong những cơ sở pháp lý lớn, trong các dịch vụ trung gian, và trong quân đội nơi mà mỗi một quân binh chủng - Lục quân, Hải quân, hoặc Không quân - là một lãnh địa hùng cứ độc lập. Tướng lãnh và các Đô đốc chịu trách nhiệm về các lãnh địa này, có thể có nhiều quyền hạn hơn các sĩ quan cao cấp giữ

những chức vụ tham mưu mà không có binh lính dưới trướng.

Trong cơ chế “văn phòng Nam tước”, cuộc chiến tranh giữa các Nam tước với nhau, thường thường họ cấu kết lại để làm suy yếu sự lãnh đạo của trung ương. Những yếu tố phong kiến trên đây vẫn còn tồn tại trong ngành kinh doanh, như chúng ta thường gọi là “tàn tích chư hầu”

Georges Masters là một kỹ sư lâu năm, đã từng phục vụ cho nhiều nhà chế tạo điện tử Hoa Kỳ, giờ đây đang giữ chức vụ phụ tá hành chánh cho Philip Ames, một cộng đồng VP thuộc một trong những công ty điện toán lớn nhất thế giới. Nếu có ai trong các nhân viên của công ty chịu khó mất thì giờ để tìm hiểu, thì họ sẽ khám phá ra rằng, Masters đã bước vào công ty chỉ ít lâu sau khi Ames đến. Và nếu họ cần tìm hiểu thêm nữa, họ sẽ khám phá ra cùng một sự việc ấy đã xảy ra trong một công ty khác trước đó, đã dùng hai người này với đúng các chức vụ hiện tại của họ.

Cùng là những đệ tử Lưu linh hạng nặng và là những người đồng sự, Masters và Ames có đời sống xã hội giống nhau. Họ và các bà vợ của họ đi nghỉ mát cùng nhau. Thực sự, Masters và Ames (hai nhân vật đều có thật, nhưng không đúng tên người) đã làm việc chung với nhau trên 15 năm. Masters luôn luôn đi theo Ames, vì Ames hy vọng tiếp tục giữ những địa vị cao hơn.

Mẫu mã này, dù được gọi là “móc cổ xe bạn vào một vì sao” hoặc “đeo theo đuôi áo của một người nào”, đều được thấy trong hầu hết mọi công ty lớn. Bởi lẽ nó giảm thiểu số lượng nhu cầu liên lạc với nhau rất nhiều - hai người đã hiểu biết nhau quá rõ nên họ có thể dự kiến những phản ứng của nhau - về một số mặt nào đó nó rất hữu hiệu, mặc dù nó vi phạm đến các quy luật chính thức về nhân sự đòi hỏi phải có sự lựa chọn “khách quan”.

Tâm lý “chư hầu” này vô cùng phức tạp, nó dính dấp đến tất cả mọi thứ, từ cái quyền đỡ đầu cho kẻ dưới, cho đến sự trao đổi tài chánh, tình dục, hoặc những ân huệ khác. Thế nhưng cốt lõi của họ, hệ thống này mang tính chất phong kiến và chủ quan nhiều hơn là quan liêu và phi cá nhân.

Sự tương quan quyền lực cũng phức tạp tương tự. Một bên là chư hầu, hoặc đàn em, phải lệ thuộc vào vị “chúa tể” hoặc người anh, người này thuộc hàng lãnh đạo trong sơ đồ tổ chức. Thế nhưng, anh chàng này có thể cũng phải hoàn toàn dựa vào đám thuộc hạ của mình, mà nhiệm vụ không chính thức của họ có thể là để che đậy sự kém cỏi của chủ nhân của mình. Thông thường sự che đậy này là bao che công việc cho chủ khi người này quá say sưa, không thể hoàn thành nhiệm vụ được. Còn bất thường, là nhờ cấp dưới đọc dùm cho mình và làm công việc giới thiệu hộ, vì không quen biết chút nào đối với công ty, ông

chủ lại là người không có khả năng đọc được.

Vì cơ chế quan liêu trở nên suy yếu dần và các đường dây của nó cũng như các lò tư liệu dâm chán lên nhau, những hình thức tân phong kiến khác với các tập tục của nó cũng đang sinh sôi nẩy nở, và tìm được một chỗ đứng trong công ty uyển chuyển đa dạng.

CƠ CHẾ CHỒN HÔI

Ở đây, một nhóm người được giao cho một vấn đề hoặc một mục tiêu khá đặc biệt, được cấp cho phương tiện, và cho phép hoạt động ngoài khuôn khổ bình thường của công ty. Nhóm “Chồn hôi” này không cần biết đến các lò tư liệu và các đường dây chính thức - có nghĩa là sự chuyên biệt hóa và hệ thống phân cấp của cơ chế quan liêu sẵn có trong công ty. Nhưng họ vận dụng nguồn năng lực vĩ đại, nhiều nguồn thông tin đã được trao đổi với tốc độ cao, ngoài các đường dây bình thường. Các thành viên trong nhóm đều được động viên mạnh mẽ tình cảm trong công tác của họ và giữa họ với nhau. Và rất thông thường, nhiều kế hoạch vĩ đại phức tạp đã được hoàn thành trong một thời gian kỷ lục.

Theo hai tác giả Hirotaka Takeuchi và Ikujiro Nonaka thuộc Viện đại học Hitotsubashi tại Nhật Bản, viết về “Trò chơi phát triển sản phẩm mới”, khi công ty Honda muốn thiết kế một chiếc xe hơi

hấp dẫn đối với thanh niên, công ty này đã tổ chức một nhóm - tuổi bình quân hai mươi bảy - và cho họ được tự do hoạt động. Theo lời một kỹ sư trẻ "Thật không thể nào tin nổi là tại sao công ty... lại cho chúng tôi được tự do làm theo ý muốn như vậy".

Khi Công ty Nippon Electric (Nec) phát triển loại máy điện toán cá nhân PC 8000 của họ, công ty đã giao kế hoạch này cho một nhóm kỹ sư mại vụ nguyên thuỷc dây chuyền sản xuất máy vi tính, trước đó họ không có kinh nghiệm nào với loại máy điện toán cá nhân PC này. Vị trưởng kế hoạch nói: "Chúng tôi được bấm nút cho khởi công từ ban lãnh đạo chớp bu để tiến hành kế hoạch, miễn là chúng tôi phải tự phát triển sản phẩm và đồng thời chịu trách nhiệm về việc chế tạo, bán ra và việc bảo trì sửa chữa loại máy này cũng do bản thân chúng tôi".

Máy điện toán cá nhân PC của công ty IBM, là một loại máy chế tạo hàng loạt của công nghiệp, đã được phát triển bởi một nhóm hầu như tự trị, lao động tại Boca Raton, bang Florida. Ngoài việc họ phải chịu sự kiểm soát từng quý một bởi các bộ chỉ huy nghiệp đoàn tại Armonk, New York, nhóm được tự do hoạt động tuỳ theo ý muốn. Nhóm cũng được phép vượt ra khuôn khổ bình thường của chính sách công ty là mua của những nhà thầu cung cấp bên ngoài. Nhiều thí dụ tương tự có thể được tìm thấy tại các công ty Apple, Hewlett Packard, Xerox, và nhiều công ty kỹ thuật cao cấp khác.

Loại hình công ty “Chồn hôi” trên cơ bản và tính chiến đấu của nó là chống quan liêu. Như đã được Takeuchi và Nonaka mô tả: Một nhóm làm kế hoạch có tính cách tự tổ chức, nó được đặt vào một tình huống “thông tin số không” - nơi mà trước đây tri thức không được áp dụng... Được kích thích, tiến trình bắt đầu tạo ra tính năng động của nó. Nhóm làm kế hoạch bắt đầu hoạt động như một công ty mới khai trương - họ thu nhận nhiều sáng kiến nhưng cũng chấp nhận mọi rủi ro, và họ tự sắp xếp một chương trình nghị sự độc lập riêng.

Các công ty “chồn hôi” thành công là nhờ đã xây dựng lên quyền lãnh đạo riêng của chính họ, căn cứ vào tài năng và sự thành thạo của họ hơn là phẩm trật chính thức. Những nhà lãnh đạo vừa mới được trao quyền này thường từ tiền tuyến của các vụ tranh chấp với nhà lãnh đạo cũ do cơ chế quan liêu bổ nhiệm để hướng dẫn và giám sát đơn vị “chồn hôi”.

NHÓM TỰ PHÁT

Chúng ta cũng đã bắt đầu chứng kiến việc mọc lên của những nhóm “tự phát”. Thay vì được cấp trên bổ nhiệm, các nhóm này được ra đời chung nhau qua mạng lưới điện tử. Các “chùm thông tin”: này còn vượt quá các công ty “chồn hôi” về tính chất chống quan liêu của nó.

Các nhóm này mọc ra khi dân chúng thích thú một cách nồng nhiệt vào một vấn đề chung đã tìm thấy qua điện tử và bắt đầu trao đổi thông tin qua các đường dây, bất chấp đúng tuyến hay phảm trật.

Trong khuôn khổ phù hợp với một đường lối rất tổng quát về các mục tiêu của công ty, nhóm này đưa ra những mục tiêu riêng của họ. Thường thường là qua trao đổi dân chủ.

Chẳng hạn, như trong nhóm quản lý kỹ sư của David Stone tại công ty Digital Equipment, các thành viên tản mác trên khắp cả thế giới đã tổ chức một cuộc “hội nghị” điện tử, trong đó mỗi thành viên của nhóm đã đưa ra những mục tiêu của kế hoạch họ.

Stone nói: “Mỗi người được tôi yêu cầu nhận xét về các mục tiêu của họ với nhau, liên quan đến việc họ có tin tưởng đến các mục tiêu ấy không, các mục tiêu có thích hợp hay không, và cần sự yểm trợ gì của người ấy để có thể thống nhất vào trong những mục tiêu của họ. Sau một tháng rưỡi của cuộc đối thoại này... mỗi chúng tôi đều viết lại nó, dựa vào những tư liệu ở đầu vào, và giờ đây chúng tôi đã sáng tạo ra một loạt mục tiêu do nhiều người đóng góp, công trình của nhóm”.

Tiến trình này, chống quan liêu từ gốc rễ, chỉ có thể thi hành chúc năng trong một bầu không khí mà mỗi cá nhân được quyền tự chủ lớn lao.

Hậu quả có thể là một dây chuyền phản ứng về tính sáng tạo. Vì lý do đó, các đơn vị như trên là thông thường nhất ở những nơi mà sự đổi mới cạnh tranh ở mức độ cao nhất. Vì các mạng lưới điện tử mở rộng ra và nối liền các công ty uyển chuyển đa dạng chung vào với nhau, những đơn vị tự phát này sẽ mọc lên nhiều, thậm chí vượt cả các đường lối công ty.

SỰ ĐA DẠNG QUYỀN LỰC

Muốn quản lý một công ty uyển chuyển để nó được đa dạng nhiều hơn đòi hỏi phải có mẫu người lãnh đạo hoàn toàn xa lạ khác hẳn một người quản lý quan liêu.

Các quan chức cao cấp sẽ khó có thể đồng nhất với nhau. Thay vì trông họ giống (và suy nghĩ giống) với các vị giám đốc do trung ương bổ nhiệm, chống lãnh đạo trong công ty đa dạng sẽ không thuần nhất, họ có cá tính, chống quan liêu, nóng nảy, bồn chồn, có ý thức chủ động, và về phương diện nhóm, họ tỏ ra có sáng kiến nhiều hơn so với các ủy viên ban quan liêu ngày nay.

Thay vì chứng tỏ có uy quyền rõ ràng, công ty đa dạng đưa ra một bức tranh phức tạp hơn, có tính cách ăn xổi ở thì, và lung linh huyền ảo: Một vị tổng giám đốc có lẽ phải giao dịch với cái viễn tượng quan liêu ngày nay, có thể xuất hiện một mó

hổ lốn, nào các tù trưởng bộ lạc, các chính uỷ, các nữ thần ích kỷ, các ngài nam tước đẹp trai và tự cao tự đại, các ngài lãnh đạo vui tính, các chuyên gia yên lặng, các nhà truyền giáo thánh kinh, và các tộc trưởng hoặc nữ tộc trưởng của các công ty kinh tế gia đình.

Các cơ chế đập theo nhịp tim, cần những vị giám đốc có thể lãnh đạo các tổ chức nhỏ cũng như các tổ chức lớn đều được cả - hoặc nói khác đi, họ cần có một hệ thống kế thừa có trật tự, nó cho phép được trao quyền chỉ huy cho các vị lãnh đạo có tài năng đa dạng, tuỳ theo giai đoạn hiện tại mà cơ chế đang trải qua.

Trong các công ty áp dụng nguyên tắc tổ chức chỉ đạo theo thể thức bàn cờ tướng và thể thức chính uỷ thường có sự tranh chấp giữa hai tuyến giao lưu. Trong tổ chức bàn cờ, cả hai đường dây đều chấm dứt tại văn phòng của vị Tổng giám đốc. Còn trong hệ thống chính uỷ, hai đường dây được chấm dứt ở những nơi khác nhau - một bên thì chuyển các bản phúc trình lên cho Tổng giám đốc, một bên thì trực tiếp đến cấp uỷ.

Tất cả các tổ chức động đến lực lượng của thông tin, đều phân phôi hoặc phân phôi quyền lực. Trong cơ chế ngài Nam tước, vị Tổng giám đốc phải luôn luôn thương lượng với những vị Nam tước giám đốc dưới quyền, xui nguyễn giục bị, làm cho họ chống đối lẫn nhau để tránh cho mình khỏi

bị cô lập, hoặc bị họ liên minh với nhau đẩy mình ra khỏi công ty.

Lãnh đạo trong các điều kiện như trên thì ít có thể vô tư mà thực chất là phải lệ thuộc nhiều hơn vào sự nhạy cảm trực giác, sự thông cảm, đồng thời với sự khôn ngoan, quả quyết, và nhiều thứ tình cảm già nua lỗi thời.

Công ty đa dạng ngày càng trở nên có tính cách chính trị hơn, với ý nghĩa là việc quản lý phải dùng tính chất chính trị mới nắm được thuộc hạ. Nó có tính chính trị với ý nghĩa là việc áp dụng quyền lực một cách có lương tâm.

Quyền lực - việc điều động tiền bạc và nguồn thông tin của công ty vốn có sức mạnh của luật pháp làm hậu thuẫn - đang chuyển đổi từ những người nắm giữ địa vị hợp pháp và chính thức sang những người có uy quyền tự nhiên dựa vào tri thức và tài năng tâm lý, chính trị.

THIẾU ĐƠN THUỐC TRỊ BÁCH BỆNH

Sau hết, hãy nói về các mạng lưới. Hình thức tổ chức này đã nhận được nhiều sự chú ý trong những năm gần đây, và đã được định nghĩa một cách quá rộng rãi, khiến cần phải được lưu ý một cách thận trọng. Đối với nhiều người, mạng lưới là một phương thuốc trị bá bệnh.

Xã hội và xí nghiệp được bủa vây bởi các thứ

mạng lưới đủ loại. Thông thường chúng ta nghĩ đến các mạng lưới như là con đường mòn không chính thức để các thông tin và ảnh hưởng tràn vào. Những người ủng hộ nam nữ bình quyền phàn nàn rằng giới “mày râu” thường cấu kết để làm cho các giám đốc nữ mất quyền thăng thưởng. Các cựu quân nhân cũng thường có những mạng lưới của chính họ để giao thiệp tiếp xúc, cũng như các cựu cảnh sát và cựu nhân viên ngành điều tra Liên bang có những hội ái hữu của họ sau khi về hưu. Đa số họ đều đảm nhiệm chức vụ là nhân viên an ninh trong xí nghiệp.

Những kẻ đồng tính luyến ái cũng có những mạng lưới hội ái hữu, nó ảnh hưởng đặc biệt đến một số ngành công nghiệp như thời trang và trang trí nội thất. Các thiểu số dân tộc cũng có những mạng lưới đồng hương rất hùng hậu - kiều dân Trung Hoa ở nước ngoài trên khắp cả vùng Đông Nam Á, những người Do Thái tại châu Âu và châu Mỹ, những người di dân mới, người dân New-York tại Texas, cái gọi là nhóm Mafia Georgia đã đến cư ngụ ở Washington khi ông Jimmy Caster làm Tổng thống, những người Ukrain đã đến Moscow dưới thời Leonid Brezhnev - họ cũng đều thành lập những mạng lưới hội đoàn giao dịch của chính họ.

Nói tóm lại, các hội đoàn không chính thức thuộc nhiều loại, thật sự đã được mọc lên trong các xã hội phức tạp.Thêm vào đấy, còn có các hội đoàn

chính thức - Masons, chẳng hạn, Mormons, hoặc các thành viên của Hội Công giáo Opus Dei.

Một thời gian lâu, vai trò và cấu trúc của các hội đoàn này đã bị các nhà kinh tế và các nhà lý thuyết kinh doanh bỏ quên. Ngày nay, các hội đoàn này được nghiên cứu như là những mẫu mã tiềm năng cấu trúc cộng đồng.

Mỗi quan tâm này gần đây được phát hiện từ những biến chuyển sâu xa của xã hội. Một biến chuyển được ghi nhận trước đây là sự sụp đổ của công tác truyền thông chính thức trong các công ty, và các lò thông tin bị ùn tắc, không còn khả năng chuyển vận các khối lượng đồ sộ công văn và thông tin cần thiết để làm ra của cải, nguồn “thông tin” đúng không đưa đến “đúng người” như trước kia đã có, và các viên chức phải nhờ cả đến những mạng lưới không chính thức nhằm giúp chuyển khối lượng thông tin.

Cũng tương tự như vậy, nền kinh tế phi đại chúng đã bắt buộc các công ty và đơn vị lao động hỗ trợ lẫn nhau với nhiều đối thủ và đa dạng hơn trước nữa. Điều này có nghĩa là cần nhiều nhân viên hơn và nhiều cuộc tiếp xúc điện tử với những người xa lạ. Nhưng đến khi một người lạ mặt kể cho chúng ta biết về một điều gì, thì làm thế nào để biết nó có chính xác không? Nếu có thể được, các vị giám đốc đa nghi thường kiểm tra lại tin này với các mạng lưới cá nhân của mình

những người mà họ quen biết và từng làm việc với nhau qua nhiều năm - để được bổ túc và xác nhận những điều mà họ đã được biết qua đường dây chính thức.

Cuối cùng, vì số lượng các vấn đề kinh doanh ngày càng tăng đòi hỏi phải có các thông tin đã được phôi kiểm, và hệ thống lò thông tin, kênh thông tin đã bị gián đoạn ừn tắc trên đường đi, các nhân viên phải dựa vào bạn bè và những mối tiếp xúc riêng của họ trong các tổ chức mà các thành viên có thể tản mác qua rất nhiều ban ngành và đơn vị.

Những mạng lưới hội đoàn này, dù chính thức hay không chính thức, đều mang những đặc tính chung, nó hướng về sự cân bằng hơn là thẳng đứng - có nghĩa là họ có một hệ thống phân cấp theo mặt bằng, hoặc là không có gì hết. Họ dễ dàng hoà mình - có khả năng thích nghi nhanh chóng, để áp ứng với những điều kiện chuyển biến. Quyền lãnh đạo đối với họ có khuynh hướng dựa vào tài năng và cá tính hơn là ngạch trật xã hội hoặc theo tổ chức. Và quyền lực hoán chuyển thường xuyên hơn, dễ dàng hơn trong cơ chế quan liêu, và cứ chuyển đổi mỗi khi có tình huống mới, đòi hỏi những tài năng mới.

Tất cả những điều đó đã đại chúng hóa quan niệm về mạng lưới hội đoàn trong cả hai ngành học thuật và quản lý. Công ty Corning. Inc là một công

ty hoạt động trên bốn lĩnh vực - viễn thông, dụng cụ trong nhà, vật tư, và khoa học phòng thí nghiệm - đã tự mô tả bản thân là “một mạng lưới toàn cầu”. Vị chủ tịch công ty, ông James R. Houghton nói: “Một mạng lưới là một nhóm tổ chức kinh doanh có tương quan với nhau trong phạm vi rộng rãi, nhiều người là chủ sở hữu... Trong phạm vi mỗi lãnh vực, có hàng loạt cơ cấu kinh doanh đa dạng, đi từ các tổ chức theo truyền thống đến các công ty vệ tinh hoàn toàn làm chủ và liên minh với các công ty khác...

“Trong mạng lưới, mọi người đều bình đẳng. Không có công ty mẹ, công ty con, bộ tham mưu của công ty không quan trọng nhiều hơn, hoặc ít hơn so với nhóm tổ chức hạ tầng. Và là thành viên của một công ty liên doanh thì cũng quan trọng ngang như làm việc ở trung tâm mạng lưới”.

Các mạng lưới có thể vô cùng hữu ích, uyển chuyển và chống lại quan liêu. Nhưng trong sự thay đổi gần đây, những điều phân biệt sơ đẳng thường bị bỏ quên.

Trong thập niên 70, một trong những nhà phân tích sớm nhất và sâu sắc nhất của cơ chế mạng lưới là Anthony Judge, lúc ấy có trụ sở tại Bruxel thuộc Liên hiệp các Hội Quốc tế, đã quan sát mật độ và số lần phản ứng của các mạng lưới nhân sự, cơ cấu của mạng lưới và các chức năng xã hội của chúng mà mức độ quan hệ của các mạng

lưới này đã chứng minh. Ông ta cũng đã so sánh các mạng lưới nhân sự với những mạng lưới vô tri, chẳng hạn như các ống dẫn dầu, lưới điện, đường xe lửa, và các mạng lưới trao đổi giải quyết các vấn đề ngoại tệ, ngoại thương trao đổi hàng hóa... Judge đã triển khai hoàn toàn một bộ từ vựng ít người biết nhưng rất hữu ích cho ý niệm mạng lưới.

Ông ta đã đưa toàn bộ các vấn đề vào trong khuôn khổ các mạng lưới tổng quát một cách xuất sắc, trình bày trong một tập sách lớn là làm thế nào các mạng lưới của ý niệm hoặc của các vấn đề được liên hệ với nhau, làm thế nào các mạng lưới tổ chức nằm chồng lên nhau, và làm thế nào mà các ý niệm và các tổ chức có liên quan với nhau.

Gần đây hơn, Netmap International, một chi nhánh của KPMG Peat Marwick, đã phát minh ra một phương pháp học để nhận diện các mạng lưới truyền thông được che giấu trong các cơ chế đa dạng như Đảng Cộng Hoà, và một công ty kế toán khổng lồ. Trong quá trình họ hợp tác với các ngành kinh doanh và các chính phủ từ Malaysia đến Thụy Điển, Leslie J.Berkes phó giám đốc của Netmap nói: "Các cơ chế đều được tái thiết kế hằng ngày để cho công việc được trôi chảy. Đó mới là cơ cấu thật. Nó là cơ chế không chính thức - cơ chế phản cơ chế... mới là cơ chế

chủ yếu. Berkes hỏi, nếu bạn không thể nào nhận diện ra nó, và theo dõi sự chuyển biến của nó, “làm thế nào bạn có thể quản lý nó được? Bạn sẽ hài lòng trong việc điều hành cái cơ chế chính thức gồm có chức tước, hệ thống giai cấp và các bảng tổ chức”.

Việc theo dõi như vậy có thể giúp cho chúng ta có một nhận thức sâu vào trong cơ chế hiện có, thế nhưng nếu như ngày nay chúng ta cứ nhiệt tình mù quáng đổi với các mạng lưới và quả quyết rằng các mạng lưới là “cái” hình thức căn bản cho tương lai, là chúng ta mặc nhiên chấp nhận sự giống nhau mà cơ chế quan liêu áp đặt, mặc dù ở mức độ cao hơn, lỏng lẻo hơn.

Giống như bất cứ cơ chế nhân sự nào khác, mạng lưới có những hạn chế cũng như các ưu điểm của nó. Cơ chế mạng lưới là tối ưu để chiến đấu chống khủng bố cũng như trong một cuộc chiến tranh du kích phân tán, nhưng nó không tuyệt vời chút nào để điều khiển các vũ khí hạt nhân chiến lược. Tại đây, điều cuối cùng mà chúng ta muốn là để cho các vị tư lệnh địa phương được tự do và không bị trói buộc. Công ty đa dạng là một ý niệm rộng rãi hơn, mặc nhiên nó là một cơ chế có khả năng bao gồm cả cái chính thức và bán chính thức, cái quan liêu và các bán tổ chức mạng lưới. Nó thậm chí còn hàm ý là một sự đa dạng nhiều hơn.

NHỮNG HẠN CHẾ TRONG SỰ ĐIỀU HÀNH

Thế nhưng, ngay cả một công ty uyển chuyển đa dạng có thể tiến xa đến đâu vẫn có những hạn chế.

Sự bung ra của “trung tâm lợi nhuận” - đã một thời có rất nhiều công ty đơn nhất phân tán ra nhiều đơn vị bán tự trị, hạch toán độc lập, mỗi một đơn vị chịu trách nhiệm về hoạt động của mình và tiền lời lỗ có thể chỉ được xem như là bước đầu tiên để tiến đến việc cuối cùng giải thể hoàn toàn công ty, và hội nhập vào trong một mạng lưới hoặc tập đoàn tư bản quốc tế của các nhà ký kết hợp đồng độc lập hoàn toàn hoặc các nhà thầu tự do. Theo mẫu mã này, mỗi công nhân là một chiến sĩ tự do, được ký kết hợp đồng với các chiến sĩ tự do khác, để thực hiện các công tác đặc biệt.

Thế nhưng không có tiến trình xã hội nào được tiếp tục mãi mãi, và cái ngày hoàn toàn cá nhân hóa lao động, giấc mơ cuối cùng của các nhà tiếp thị thần học, hãy còn quá xa. Để thay thế chúng ta có thể dự đoán rằng các trung tâm lợi nhuận có thể trở nên nhỏ hơn và đa dạng hơn, mà không biến mất vào trong hàng triệu các công ty cá nhân.

Dẫu sao, cũng chỉ có quá nhiều sự đa dạng mà bất cứ cơ chế nào cũng có thể dung nạp được và bất cứ nhóm quản lý nào cũng có thể điều hành được. Do đó, lập luận ở đây, không phải là các công

ty nên tối đa hóa sự đa dạng các hình thức cơ chế của mình, nhưng các công ty ngày nay, muốn thoát khỏi sự chết cứng của cơ chế quan liêu, cần phải tìm hiểu rất nhiều cơ sở nhiệm ý khác nhau trước đây hơn bao giờ hết. Tóm lại họ cần phải giải phóng các “thuộc địa” của họ và thậm chí còn sáng chế ra những loại hình mới nữa.

Làm như vậy, các công ty và chúng ta nữa, sẽ bỏ xa ý niệm rằng một cơ chế giống như một bộ máy, mỗi một hoạt động của nó đều được dự kiến và có tính cách máy móc, mà tiến đến một ý niệm về cơ chế gần gũi với sinh học hơn. Các hệ thống có đời sống chỉ một phần nào có tính cách máy móc và chỉ thỉnh thoảng mới dự kiến được.

Đó là lý do tại sao các mạng lưới điện tử ngày càng tiến đến các cách cấu trúc giống hệ thần kinh hơn là các cách cấu trúc kiểu tiền chế. Đó cũng là lý do tại sao David Stone, phó giám đốc ngành kỹ sư quốc tế thuộc công ty thiết bị Digital Equipment, đã nói: “Bạn không thể nào nói trước được hệ thống giao thông sẽ điều hành ra sao... Nếu bạn bị đứt đoạn giữa hai địa điểm, miễn là mạng lưới vẫn còn liên lạc được với hai điểm này, nó vẫn có thể tự động xoay xở được”. Ông ta còn nói thêm: “Chúng ta tin tưởng vào giá trị của sự truyền thống giữa bất cứ hai người nào dựa vào việc họ biết cái gì thay vì vị trí của họ trong hệ thống giai cấp”.

Đúng là một hệ thống siêu truyền thông, loại hình mới về cơ sở tư liệu, cho phép tri thức được bố trí theo nhiều đường lối vô cùng khác nhau, ý niệm về công ty đa dạng ám chỉ vào các công ty có thể hoà mình trong hàng tỷ phương kế của những vụ tranh chấp gay go, thay đổi nhanh chóng tối đa trước mắt.

Thế nhưng, việc nổi bật của công ty đa dạng uyển chuyển trong tương lai, không thể hình thành nếu không có những sự đổi thay căn bản trong mối quan hệ giữa các nhân viên và chủ của họ. Như chúng ta sẽ thấy sau đây, những sự biến chuyển này đang trên đường thực hiện. Bởi vì quyền lực đang chuyển đổi ở các cửa hiệu cũng như tại văn phòng giám đốc.

NHÂN VIÊN TỰ CHỦ

Thời tôi còn là một công nhân làm trong xí nghiệp xe hơi theo hệ thống dây chuyền, tính đến nay đã qua một phần ba thế kỷ mà vẫn chưa quên những cảm giác lúc đó. Mỗi ngày, từ lúc tiếng chuông reo bắt đầu công việc, là đám công nhân chúng tôi phải vội vàng theo tác, lặp đi lặp lại một công việc đến chán ngấy vì quen thuộc. Nhưng không được ngừng tay và phải di chuyển kịp với sự di động của máy móc. Công ty thì luôn luôn muốn cho dây chuyền vận chuyển ngày càng tăng nhanh lên.

Mọi người đều mang tâm trạng hờn oán, cứ qua mỗi chu kỳ công tác đầy áp lực đó, dù không có một lý do gì rõ ràng, từ trong yết hầu của hàng trăm công nhân vẫn trào ra những âm thanh ai oán đến kinh người. Cũng có thể đó là những tiếng khóc héo hon không nước mắt, cái âm thanh như xói vào tai con người ấy lan dần từ khu này đến khu khác khắp xí nghiệp, cuối cùng bị át lấn trong

tiếng máy ôn ào.

Khi một chiếc xe đang làm dở dang được chuyển ngang qua trước mặt, chúng tôi phải gõ đập những chỗ lồi lõm cho thật ngay thẳng, lau chùi sáng láng để rồi giao nó cho bộ phận sơn phết. Thế nhưng chúng tôi chưa kịp hoàn thành tốt công việc của mình thì xe đã theo tốc độ dây chuyền qua khỏi tay chúng tôi rồi. Sau khi xe rời khỏi chúng tôi, thì nó tiến vào khu kiểm soát, nơi đây người ta gạch chéo hay khoanh tròn những chỗ còn sót phải làm lại. Mỗi ngày suốt tám giờ hoặc mười giờ, chúng tôi phải đối đầu với cái công việc gọi là “phẩm chất”.

Thời đó, còn có các ông giám đốc, thứ người luôn luôn mặc áo trắng, thắt cà vạt, nhưng hầu hết công nhân không bao giờ tiếp xúc với họ. Những con người mặc áo trắng ấy có lăm quyền lực, không phải chỉ vì chúng tôi được họ trả tiền lương, nhưng chính vì họ là người nắm trọn tri thức trong xí nghiệp, từ mục tiêu đến thủ tục, chương trình kế hoạch... Trái lại, công nhân chúng tôi không biết một chút gì về công việc của mình ngoại trừ việc chuẩn bị cho máy động tác cần thiết. Và phải nỗ lực đáp ứng đúng yêu cầu của công tác, chúng tôi không được biết mấy may về những thông tin của xí nghiệp. Nếu như có một cửa hàng hay bộ phận nào của xí nghiệp bị đóng cửa, thì phải đến cuối cùng chúng tôi mới biết. Chúng tôi cũng chẳng có một thông tin nào về thị

trường hay sự cạnh tranh. Cũng chẳng có ai nói với chúng tôi rằng phải có sản phẩm, có máy móc mới cho thị trường.

Chúng tôi chỉ việc nhắm mắt tin tưởng vào cấp lãnh đạo quyết định mọi mặt. Họ chỉ yêu cầu chúng tôi ngày ngày đến xưởng, tay chân vận động cật lực nhưng mồm phải ngậm câm. Mặc dù lúc bấy giờ đã có liên đoàn lao công khá hùng mạnh, chúng tôi vẫn tự cảm thấy bất lực. Chỉ có đám lãnh đạo xí nghiệp mới là người có uy quyền. Họ là những người mặc áo trắng, thắt cà vạt, là giám đốc, còn chúng tôi, những công nhân đầu tắt mặt tối, chỉ là con dân của một thể chế độc tài.

Cho đến giờ tôi vẫn còn nhớ mãi những hình ảnh lao động thuở đó, mỗi khi thấy trên báo chí có một xí nghiệp mới được xây dựng. Thế nhưng, quyền lực của xí nghiệp đã biến đổi rồi, công nhân nay không giống như xưa.

GIẢI PHÓNG TÂM LINH

Hãng General Electric đặt một dàn máy phân phối điện tử ở Salisbary, miền bắc Crolley, là một mô thức khá đặc biệt, trở thành đối tượng cho 300 cơ xưởng khác bắt chước theo.

Trước kia nếu như máy móc có sự cố ngừng trệ, thì nhân viên thao tác máy như Bob Hedenskog phải báo cáo lên cấp trên, rồi đợi người

đến sửa chữa. Nhưng ngày nay thì Hodenskog quyết định lấy. Anh ta chỉ có việc gọi điện thoại cho kỹ sư GE ở Plainville Connecticut, hỏi ý kiến rồi là chưa sửa lấy. Anh ta cũng có quyền ký giấy mua đồ phụ tùng thay thế giá trị giá đến 40.000 Mỹ kim. Anh ta cũng có một nhóm nhân viên 75 người, ban chấp hành của nhóm lại có toàn quyền quyết định từ công việc sản xuất, thời khóa biểu giao hàng đến việc thuê mướn công nhân. Đồng thời, thì giờ làm việc của mỗi đơn vị trong nhóm được giảm bớt 1/3 và rút ngắn thời hạn giao hàng đến 90%.

Một số công nhân vừa mới nghe thực thi cơ chế mới lạ ấy, đã vội từ chức, lý do: sợ rằng không thể đảm đương trách nhiệm chồng chất như vậy. Nhưng trong năm đầu có 15% thôi việc và đến bốn năm sau chỉ còn có 5%. Các hăng háyc cũng chạy theo khoa học kỹ thuật cao cấp ấy. Hãng Ford Australia gần đây cũng đã áp dụng cơ chế đổi mới sản xuất loại xe EA Falcon. Tờ Financial Times đã viết: Ngược hẳn với công nghiệp truyền thống phương Tây nhắm bảo vệ “phẩm chất” do các ông giám đốc kiểm tra những gì công nhân đã làm theo chỉ thị của các kỹ sư thiết kế.

Hãng Ford chấm dứt những sai lầm khuyết điểm cũ mà dùng phương thức cải tiến thay thế để cho công nhân được tự do, chứ không thiết kế những động tác buộc họ phải tuân theo, như thế

đạt được tiêu chuẩn tốt. Và như vậy quyền lực của xí nghiệp không còn ở trong tay các vị giám đốc mà san bằng ra mọi người.

Thay vì lặp đi lặp lại một công việc như người máy, công nhân của hãng Chrysler - Mitsubishi - Diamond - Star ở Norman Illionis, mỗi người trước khi được mướn vào làm trong xí nghiệp đều biết rằng mình sẽ phải làm những công việc khác nhau. Hơn nữa, họ còn có thể để đạt những ý kiến để cải tạo phương thức sản xuất và trong tiếp xúc thân mật, họ cũng được chuẩn bị để xuất hay tiếp thu những phê bình xây dựng.

Công nhân hãng xe hơi Mazda ở Flat - Rock - Michigan thường được trải qua ba tuần lễ huấn luyện, thậm chí được học cả môn tâm lý. Từng nhóm nhỏ mới tuyển vào, được dành cho sáu phút để tưởng tượng ra 25 sáng kiến để cải tiến bồn chứa nước trong một hoa viên, và rồi cho thêm hai phút để nghĩ ra 30 kiến nghị. Người phụ trách công tác huấn luyện của Mazda nói rằng: "Trước tiên là chúng tôi tìm cách cởi mở và giải phóng tâm linh họ". Và rồi công nhân mới được huấn luyện ba tuần về chuyên môn. Hãng Mazda tính rằng tiền thuê mướn và huấn luyện mỗi một nhân viên trung bình phải mất đến 13.000 đô la.

Những hiện tượng vừa nêu, một lần nữa chứng tỏ trào lưu lịch sử biến đổi từ chế tạo ra "sản phẩm" thành ra chế tạo "tri thức", từ sáng tạo của

cải bằng cơ bắp nay chuyển thành ra tri thức. Nhưng ban cho công nhân có quyền ăn nói về công việc của mình, cũng chỉ mới là sự thay đổi trên bình diện nào đó mà thôi.

SỰ VÔ HIỆU HÓA CỦA NÔNG DÂN

Muốn hiểu rõ sâu xa về sự biến đổi quyền lực ngày nay, trước tiên chúng ta phải ngược dòng lịch sử trở về buổi đầu thời kỳ công nghiệp hóa của nước Anh và Tây Âu. Phải lắng tai nghe lời than vãn của đám công nhân vô hiệu lực, ít tin cậy được, vừa say sưa vừa dốt nát của nông dân không được dùng trong các nhà máy, dù họ là những người được lôi cuốn vào xí nghiệp trước tiên.

Mỗi xã hội tự nó đều có kỷ cương cho công việc hay thể chế. Công nhân là người phải tuân theo những nguyên tắc không thành văn đó, nên cần phải có người giám sát việc làm của họ, duy trì kỷ luật. Hơn nữa, phải có quyền để buộc mọi người phải chấp hành những nguyên tắc.

Trong xã hội nông nghiệp, nông dân ngày đêm căm cui với công việc cũng chỉ đủ để nuôi miệng, và nghề nông lấy đơn vị gia đình làm cơ sở sản xuất, cứ theo thời tiết đổi thay, mặt trời mọc là ra đồng, mặt trời lặn là về nghỉ (Nhật xuất nhi tác, nhật lạc nhi túc) - một cuộc sống đơn điệu hết ngày này qua ngày khác.

Ví như nông phu nào lười nhác, hoặc trốn tránh công việc đồng áng, thì người thân của anh ta sẽ thi hành kỷ luật anh ta, khai trừ khỏi hàng ngũ, hay đánh đập cắt phần lương thực. Trong xã hội thì gia đình là tổ chức có quyền lực tối cao, và trừ trường hợp ngoại lệ, gia đình quy định thể chế lao động. Quyền lực gia đình dựa trên áp lực xã hội là làng xã, hay làng xã là hậu thuẫn cho gia đình.

Thành phần tinh hoa (tức tri thức) của địa phương nắm trọn quyền sinh sát đối với nông dân. Tập tục xã hội có những hạn chế khắt khe với giới tính (Sexuel) và hành vi tín ngưỡng. Nông dân thường phải nhẫn nhục chịu đựng cảnh đói nghèo. Thế nhưng trong hoạt động, công tác hằng ngày so với người công nhân trong các xí nghiệp nhỏ ngày nay đi nữa, vẫn còn được tự do hơn nhiều.

Thể chế xã hội nông nghiệp duy trì hàng mấy nghìn năm, mãi đến một hai thế kỷ gần đây, đa số con người vẫn còn nhận thức rằng phương thức tổ chức công tác xã hội ấy luôn luôn là hợp lý.

DÂY CHUYỀN MỚI

Buổi đầu xuất hiện các xí nghiệp thì cơ chế mới của việc làm cũng phát sinh. Trước tiên tác động ảnh hưởng đến một thiểu số người, rồi lan dần rộng, giới nông dân ngày càng giảm bớt để biến thành công nhân trong các xí nghiệp.

Đến giai đoạn công nghiệp phát triển là làn sóng thứ hai, đời sống công nhân đói nghèo chen chúc trong các đô thị như ổ chuột, có vẻ tự do, thì cơ chế xí nghiệp lại thắt chặt hơn. Sự lao động giản đơn với khoa học kỹ thuật cũ nhằm đáp ứng cho người lao động chân tay, vận dụng tối đa sức lực của cơ bắp, nên vừa nặng nề khô cứng vừa hao phí tiền bạc. Trước khi phát sinh các mô-tơ điện nhỏ, máy móc đều phải đặt thành dây dài và điều khiển từ một dây chuyền ở trên cao. Về sau được thiết kế theo lối dây chuyền băng tải thì công nhân phải theo đó mà thao tác những động tác như cái máy.

Theo hệ thống dây chuyền thì người công nhân lao động cũng như cấp lãnh đạo cao cấp đều lệ thuộc vào mệnh lệnh của hệ thống ấy. Nên có thể nói bản thân công việc không có chút gì gọi là “kỹ thuật” mà nó còn chia sẻ ra thành những động tác đơn giản tiêu chuẩn hóa. Đến cả tầng lớp lãnh đạo cũng phải dựa theo dây chuyền đó mà hoạch định chương trình công tác. Vì không phải đảm nhiệm những công việc tại dây chuyền trực tiếp nên công việc của họ có phần tự do hơn. Nhưng cấp lãnh đạo phải tìm mọi cách để tăng năng suất, do đó văn phòng cũng biến thành công xưởng hóa, nghĩa là cũng làm việc trối chết.

Xí nghiệp của công nghiệp ống khói thường bị chỉ trích là vô nhân đạo, đánh mất nhân tính của công nhân. Nhưng dù triết gia có tư tưởng tiến bộ

nhất cũng phải thừa nhận cung cách làm việc đó là tiến bộ và khoa học.

Rất ít người bàn đến vai trò kỷ luật. Sau khi đơn vị gia đình không còn giữ vai trò điều khiển thi hành kỷ luật lao động, thì có một cơ cấu mới của quyền lực là chế độ quản lý quan liêu trở thành tổ chức chấp hành kỷ luật.

Cơ chế làm việc trong giai đoạn Làn sóng thứ hai, buổi đầu bị công nhân phản đối mãnh liệt, vì họ chỉ muốn duy trì cơ chế nông nghiệp đem vào áp dụng cho công nghiệp. Bởi vì đối với nông nghiệp thì toàn bộ gia đình lớn nhỏ đều ra đồng làm việc. Buổi đầu xí nghiệp cũng áp dụng chính sách thuê mướn cả gia đình. Nhưng cơ chế từng áp dụng hàng vạn năm cho nông nghiệp đó đưa vào xí nghiệp không hề đạt được kết quả.

Người già không thể làm kịp theo máy móc, cũng như con trẻ phải được răn đe đánh đập ngăn cản không cho chạy nhảy nô đùa. Thì giờ làm việc của các gia đình khác nhau, và công việc đồng áng thường tản漫 rời rạc. Vì vậy buổi đầu công nghiệp hóa mà lại đưa cả gia đình vào làm thì tất yếu sẽ tạo ra sự thất bại.

Bài học quá rõ ràng: Anh không thể điều khiển động cơ hơi nước hay máy dệt theo kiểu con trâu trước cái cày, cái bừa. Chung quanh kỹ thuật mới đòi hỏi phải có một kỷ luật mới khác trước - và cơ cấu quyền lực cũng phải đổi thay thích ứng với

sự điều khiển lãnh đạo của nó.

Ngày nay trong thời đại điện tử là thời đại nền kinh tế siêu tượng trưng phát triển, cần phải có cơ chế công tác mới thay thế cho cơ chế cũ.

Trong các xí nghiệp cũng như tại văn phòng của nền công nghiệp ống khói tàn dư ngày nay, vẫn còn duy trì trạng huống mây mươi năm về trước. Đặc biệt trong các quốc gia có nền công nghiệp mới, thế mà vẫn còn hàng trăm hàng ngàn công nhân làm việc theo lối dây chuyền của Làn sóng thứ hai.

Và ngày nay cũng như xưa, vẫn còn có những công nhân chưa nhận định được cuộc cách mạng chung quanh họ, dù rằng họ vẫn dùng máy điện toán và các thướt phROWSER tiễn khoa học kỹ thuật tiên tiến của Làn sóng thứ ba. Nhưng họ vẫn suy trì cơ chế công tác của Làn sóng thứ hai, và mối liên hệ quyền lực của thời xưa cũ.

Để cho công nhân mãi mãi là “những vô sản trong thời đại điện tử” những nhà tư bản như George Orwell cố thực hiện cho dây chuyền làm việc tăng nhanh, giám thị thì giờ nghỉ ngơi, hoặc nghe lén công nhân điện thoại với nhau. Nói chung, họ muốn kiểm soát từng chi tiết công tác của mỗi công nhân. Những phương thức ấy là đặc tính làm việc của nền công nghiệp hóa, nó cũng phản ánh hình thức xử lý của các công ty bảo hiểm và là tư liệu thường nhật trong các xí nghiệp khác,

thậm chí còn áp dụng cả cho các công tác bậc cao.

Căn cứ theo báo cáo của “văn phòng thẩm định của Quốc hội Hoa Kỳ”, những phương pháp ấy dần dần ứng dụng vào kỹ thuật cấp cao, càng tăng thêm kỹ thuật, chuyên môn hóa, và giữ chức vụ cao cấp. Công việc của giới trung gian tiêu thụ sản phẩm, chương trình viên máy điện toán, viên chức và nhân viên ngân hàng tín dụng đều phải chịu sự giám sát.

Phương pháp ấy phải bao lâu mới có hiệu quả? Vì nguyên tắc làm việc trong quá khứ hoàn toàn mâu thuẫn với khoa học kỹ thuật tiên tiến có nhiều khả năng mới mẻ hơn. Chúng ta thường thấy sự sáng tạo khoa học kỹ thuật mới chỉ phối hệ thống công tác xưa cũ, khoa học kỹ thuật rất dễ bị áp dụng sai hoặc lãng phí. Lịch sử lại một lần nữa, cho chúng ta thấy rõ khoa học kỹ thuật - tiên tiến đòi hỏi phương thức làm việc cũng phải tiên tiến phối hợp với tổ chức mới.

Ngày nay, có một số viên chức còn mơ tưởng muốn duy trì tình trạng “Vô sản trong thời đại điện tử”, giống như ngày xưa cứ mơ màng duy trì hiện tượng con trâu với cái cày, hay con thoi với khung dệt tay của thời đại nông nghiệp để đối phó với máy dệt, máy hơi ước của các nhà tư bản.

Nếu họ không sớm thay đổi những ngộ nhận sai lầm, thì sớm muộn gì cũng bị sức cạnh tranh của khoa học kỹ thuật tiên tiến trực xuất ra ngoài

lề hệ thống kinh tế mới. Ngày nay trong số hàng ngàn, hàng vạn việc làm từ nhà máy đến cơ quan, những công ty xí nghiệp sáng suốt đã bắt đầu thực hiện cơ chế mới cho công tác, mà đặc tính chủ yếu của nó là biến đổi thái độ đối với tri thức và quyền lực.

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC TRONG TƯƠNG LAI

Mục đích biến đổi phương thức làm việc không phải là kết quả của lòng thương người của các ông chủ, mà đó là hậu quả của gánh nặng thông tin và viễn thông, nhu cầu cần thiết trong việc sản xuất ra của cải.

Trong dĩ vãng, khi mà phần lớn các xí nghiệp trong buổi mới phôi thai, thì người sáng lập ra nó có thể biết rõ tất cả những công việc quản lý cần thiết. Nhưng rồi xí nghiệp mỗi ngày mỗi bành trướng, thì kỹ thuật cũng trở nên phức tạp, không một người nào có thể biết hết được tất cả mọi điều phải biết. Cho nên phải thuê mướn chuyên gia, những nhà quản lý cung cố việc quản lý, mà thành ra một đẳng cấp quan liêu trong xí nghiệp. Mà cũng vì gánh nặng thông tin phải được phân bổ đến các cấp quản lý.

Ngày nay, quá trình song song đang được thực hiện, ông chủ bắt đầu lệ thuộc vào tri thức của người quản lý, và người quản lý lại bắt đầu lệ

thuộc vào tri thức của công nhân. Truyền thống công nghiệp ống khói chia công ty ra làm hai thành phần là “trí óc” và “chân tay”, quan niệm công tác như thế không còn thích hợp nữa. Teruya Nagao, giáo sư về thông tin và quyết sách khoa học của đại học Tsukuba, từng nói rằng: “Sự phân chia ra lao động tri thức và chân tay, trong trạng huống khoa học kỹ thuật truyền thống có thể thích hợp, nhưng trong khi khoa học kỹ thuật - tiến bộ quá mau thì không còn đúng nữa!”

Vì khoa học kỹ thuật ngày nay vô cùng phức tạp và tiến bộ quá mau so với trước kia, công nhân đều phải học tập kỹ thuật từ đầu đến cuối. Hãng General Motors từng tuyên bố ngạo nghễ rằng: “Công nhân trong xí nghiệp họ có thể tự mình lựa chọn thiết bị trên màn ảnh, lấy giấy nháp, dụng cụ, thậm chí còn biết xí nghiệp kinh doanh ra làm sao, giá cả mỗi vật dụng, người tiêu thụ phản ứng như thế nào đối với công việc của họ”. Trong quá trình chế tạo toàn bộ máy điện toán của hãng United Research Company, người công nhân “không chỉ phải biết sự vận chuyển của máy móc trong đó như thế nào, mà còn có thể hiểu rõ xí nghiệp hoạt động ra làm sao”.

Tri thức và quyết định ngày càng được phân phối trở lại, trong chu kỳ liên tục học tập, công nhân cần phải nắm vững kỹ thuật mới, thích ứng với các hình thức tổ chức mới, và đưa ra những

kiến nghị mới.

Kết quả, theo báo cáo của Nagao thì “một công nhân chỉ biết nhất nhì phục tùng theo nguyên tắc, không phải là một công nhân giỏi”. Sự thật trong hoàn cảnh ngày nay, với đà biến chuyển quá mau lẹ, mọi quy tắc khác với xưa luôn luôn cần được thay đổi, thì người công nhân cũng cần phải được khích lệ để họ đề xuất những đề nghị cải tiến.

Đó chính vì công nhân tự họ đưa ra những quy tắc mới, nên họ mới hiểu rõ tại sao lại phải cần như vậy, và tại sao họ phải dấn thân vào đại cuộc của xí nghiệp. Do đó chứng tỏ là công nhân phải thông minh hiểu biết nhiều hơn. Đúng như vị chủ tịch của Bertelsmann, một trong những tập đoàn truyền bá môi giới thông tin trong thế giới là Reinhard Mohn từng nói: “Chỉ có đại đa số công nhân chấp nhận duy trì nguyên tắc thì nó mới tồn tại”.

Nhưng thỉnh cầu công nhân tham gia vào việc chế định quy tắc, tức là chia sẻ quyền lực mà lâu nay các vị chủ nhân từng khống chế. Điều đó là sự chuyển đổi quyền lực mà không phải vị giám đốc nào cũng dễ dàng chấp nhận.

Việc dân chủ hóa môi trường công tác cũng giống như dân chủ hóa cơ cấu chính trị, không sao thành đạt được, nếu nhân dân còn trong tình trạng dốt nát. Trái lại, nếu nhân dân được giáo dục ngày

càng cao, thì cũng đòi hỏi phải được dân chủ hơn. Trong khi khoa học kỹ thuật tiên tiến lan truyền rộng rãi, mà kỹ thuật trong công ty còn thấp kém, công nhân không được học tập chu đáo tất nhiên sẽ đi đến bị đào thải. Tập thể công nhàn được giáo dục cao, thì không thể dùng phương thức quyền uy truyền thống mà lãnh đạo. Sự thật nên khuyến khích công nhân đặt vấn đề tra hỏi, thách đố đặt giả thiết và coi như đó là phần việc của mỗi người.

Lowell S. Bain là giám đốc của hãng sản xuất xe hơi ở Shlebyville, từng mô tả vai trò của người giám đốc ngày nay như sau: "Công nhân trong xí nghiệp có thể làm áp lực - họ có thể thách thức các cấp quản lý, và không dễ gì chấp nhận quyền uy hay sự độc tài của anh. Mọi người có thể chất vấn những mục đích của xí nghiệp. Vì đúng ra anh chỉ là người trong ban giám đốc, chứ không phải là thần thánh của họ".

Rõ ràng, quyền lực trong môi trường công tác đã biến đổi. Nó không phải là cái gì kinh hoàng đáng sợ, mà chỉ là vì nhu cầu phải đáp ứng trong hệ thống sáng tạo của cải mới.

CON NGƯỜI KHÔNG THỂ THAY ĐỔI

Ngoài ra, yếu tố biến đổi quyền lực trong công việc, còn có quan niệm có thể thay đổi cho nhau. Một trong những phát minh quan trọng nhất của

cuộc cách mạng nông nghiệp là các bộ phận có thể thay đổi, và công nhân cũng như một bộ phận có thể thay đổi.

Vì vậy các giai cấp công nhân của thời công nghiệp ống khói vốn không có chút quyền lực gì. Khi nào mà những việc làm chỉ cần một chút khéo léo, và công nhân chỉ cần được huấn luyện trong mấy phút là có thể làm được thì người công nhân nào cũng như nhau. Đặc biệt trong giai đoạn công nhân dư thừa, đồng lương bị hạ thấp, thì đại biểu công đoàn cũng trở nên không có trọng lượng gì.

Một “đạo quân thất nghiệp trù bị” nào đó được chờ chực để tuỳ lúc tiếp nhận bất kỳ công việc nào khác. Nhưng tính cách ngày nay hoàn toàn khác biệt, như chúng tôi đã trình bày ở chương bảy, công nhân thất nghiệp ngày nay không giống như xưa, cứ chờ đợi và sẵn sàng gia nhập bất cứ một xí nghiệp nào. Vì nó đòi hỏi công nhân phải có kỹ năng thích hợp.

Hơn nữa, khi mà tri thức giữ vai trò trọng yếu lại tăng nhanh trong công tác, thì công tác đã trở thành cá nhân hóa - tức là không phải lúc nào cũng thay thế được. Một vị quản lý là James P.Uare, phó chủ tịch tập đoàn Index Group Inc từng tuyên bố: “Công nhân tri thức ngày càng không thể chuyển hoán vì những công cụ của mỗi công nhân tri thức dùng khác nhau, như mỗi kỹ sư dùng một thứ máy điện toán, mỗi người mỗi giới

mại bản phân tích thị trường theo phương pháp khác nhau”.

Khi một công nhân nghỉ việc, thì công ty phải tìm một công nhân khác cùng có kỹ thuật như người trước. Nhưng người có đủ điều kiện như vậy lại không có nhiều, mà giá tiền cũng khá cao. Nếu không, công ty phải huấn luyện một người mới, tốn phí cũng không phải là ít. Nhân đó giá cả phải thay đổi và tiếng nói của công nhân hay trọng lượng quyền lực cũng theo đó mà nâng lên.

Một chủ nhân phụ trách các phương án chính của kỹ nghệ Quốc phòng Mỹ cũng tuyên bố: “Mấy năm về trước anh có thể có mọi người làm cùng một việc như nhau.... Ngày nay không có tình hình đó. Bây giờ nếu như mất đi một công nhân, thì anh phải mất một thời gian sáu tháng để huấn luyện một người mới, họ mới hiểu được hệ thống trong xí nghiệp”. Lại còn công tác có tính chất đồng đội, thiếu đi một người là công việc bị đình đốn ngay.

Kết quả, thà rằng công ty mướn ít người mà trả tiền cao hơn là đông người. Hơn nữa, muốn lãnh đạo xí nghiệp vững chắc trong cảnh biến đổi quá mau lẹ ngày nay, hệ thống lãnh đạo đầy quyền uy đã lỗi thời, mà phải thay vào đó không khí mới mang tính chất bình đẳng hay hợp tác.

Xuyên qua những sự kiện trong lịch sử, chúng ta thấy rõ sự chuyển dời quyền lực trong các môi trường công tác.

HAI MỆNH LỆNH

Quy chế công tác theo đường lối mới không hẳn đã tẩy sạch quy chế cũ. Còn phải trải qua một khoảng thời gian dài trước khi biến hẳn cảnh công nhân bị bóc lột, nhưng hai khuynh hướng kinh tế cũ mới không thể tránh khỏi một cuộc chạy đua.

Trước tiên là “mệnh lệnh sáng kiến”. Hiện nay, sự chiếm hữu thị trường luôn luôn có thể bị uy hiếp, tuổi thọ của các sản phẩm cũng có hạn. Không phải chỉ trong địa hạt điện toán và may mặc, mà còn bao quát cả từ chính sách bảo hiểm đến y dược, phục vụ du lịch... luôn luôn phải cạnh tranh gian khổ trong việc theo lợi nhuận, để cho xí nghiệp tồn tại, phải liên tục sáng tạo ra sản phẩm mới, nếu không sẽ rơi vào tình trạng suy vi hay tiêu tàn.

Những công nhân có sự tự do mới có những sáng kiến hơn là những công nhân bị áp chế, bị cai quản trong cơ chế thống trị độc tài. DavisStone, phó chủ tịch hội kỹ sư điện toán thế giới DEC từng nói: “Khi anh thấy có người theo dõi việc làm của anh, thì anh không còn sáng tạo được gì cả”. Cho nên muốn công nhân có sáng tạo thì phải khích lệ họ tự chủ.

Điều đó bao hàm ý nghĩa về mối quan hệ quyền lực giữa chủ và công nhân phải biến đổi. Trước tiên người chủ phải chấp nhận những lầm

lẫn của sự thông minh. Dù đó là vô số những ý kiến tồi tệ, cũng cần để cho mọi người được có cơ hội tự do thảo luận. Vì biết đâu trong đó chẳng gặt hái được một điều hay. Và đó là cái mới, giải phóng tự do chứ không còn là sợ hãi. Vì sợ hãi là tên sát nhân của mọi sáng kiến. Vì sợ bị người chê cười, xử phạt, thậm chí mất việc, mất chén cơm, đều là tính tự tiêu huỷ mọi sáng kiến. Nhiệm vụ quan trọng trong sự quản lý công nghiệp ống khói là loại bỏ mọi lầm lỗi không chút thương tiếc. Trái lại, trong sáng kiến, có thất bại trong thí nghiệm mới thành đạt trong mục tiêu.

Có một giai thoại trong hãng IBM. Vì chủ quản hỏi ông Tom Watson, chủ sự phòng nghiên cứu - có nên khai trừ một nhân viên đã làm thiệt hại 5 triệu đô-la trong một dự án bị thất bại không? Đáng ra là Watson phải đáp là “nên khai trừ”, ông ta lại trả lời: “Đúng ra tôi phải trả tiền học phí cho nó”.

Câu chuyện không biết có thật không, nhưng nó chứng tỏ một thái độ bất mãn đối với cơ chế công nghiệp và nhấn mạnh rằng vai trò học tập rất là quan trọng.

Đối với cơ chế công tác mới, còn phải hướng về mệnh lệnh thứ hai là “Tốc độ”. Vì nền kinh tế tiên tiến đều tăng nhanh. Trong công cuộc cạnh tranh mới này, sáng kiến mới không đủ, mà xí nghiệp còn phải tung ra thị trường những sản phẩm mới

mau lẹ thì mới có thể thắng được đối phương, hay khỏi bị mô phỏng bắt chước.

Áp lực tăng nhanh cũng làm biến đổi quyền lực của hệ thống chỉ huy quan liêu vốn cố định. Dựa vào phương tiện liên lạc thông suốt trên dưới, qua lại từ phương của mạng lưới thông tin điện tử một công nhân có thể vượt qua cấp bậc mà trực tiếp báo cáo với cấp lãnh đạo.

Trong quá khứ, nhân viên nào vượt cấp bậc mà báo cáo những sáng kiến của mình, là tự rước hoa vào thân. Thế nhưng trước áp lực tăng nhanh, bắt buộc công nhân được khuyến khích rút ngắn cấp bậc khi cần thiết. Một vị quản đốc của hãng Brother Industries ở Nagoya nói rằng: “Nếu một vị quản đốc trung cấp nào cảm thấy bị lăng nhục khi có công nhân thuộc hạ báo cáo lên cấp trên không qua sự đồng ý của mình, thì kẻ ấy lập tức bị cả cấp trên lẫn cấp dưới xem thường”.

Đổi mới và tăng nhanh là hai đòn đập mạnh vào uy quyền đẳng cấp của nền công nghiệp ống khói, và phát động rộng rãi cơ chế công nghiệp của Làn sóng thứ ba.

NHU CẦU TIẾP CẬN THÔNG TIN

Qua những sự kiện vừa nêu, ngọn chồi cơ chế công tác mới quét ngang qua các khu vực kinh tế. Và công nhân ngày càng được tự chủ, thì họ càng

đòi hỏi phải có nhiều thông tin. Trong thời đại công nghiệp ống khói, những luận cứ ưu đãi công nhân lại bị thực tại của khoa học kỹ thuật lạc hậu nghiên nát, và công nhân bị kìm kẹp trong dốt nát.

Ngày nay, công nhân ngày càng tiếp cận với nhiều nguồn thông tin, vì thiếu nó việc làm của công nhân cũng hết hiệu quả. Do đó, chúng ta thấy rõ vì áp lực khoa học kỹ thuật và nhu cầu thị trường mới mà tri thức hay quyền lực được phân bố trở lại.

Tờ Newyock thời báo từng viết: “Chương trình máy điện toán đã nhắc lại đúng y hệt được việc quản lý của một giám đốc nên công nhân ở bậc thấp cũng có thể chấp hành đúng những công tác trước khi được giám đốc phó thác”.

Charles Eberle - phó chủ tịch hãng Proter và Gamble cũng phát biểu: “Thình lình anh sẽ nhận được những thông tin của những công nhân đang điều khiển máy, họ không cần đến sự điều khiển của hai ba cấp lãnh đạo”. Cấp giám thị ở bậc nhất xưa không đánh giá được hiệu năng thứ thông tin ấy, cho đến khi công nhân nắm được tin tức, họ mới bắt đầu đối phó dữ dội”.

Đĩ nhiên, không phải tất cả công nhân đều có thể chủ động đáp ứng được nhu cầu công tác, đem toàn lực tham gia và gánh hết trách nhiệm được giao phó. Và không phải cấp quản lý nào cũng

thích ứng với tác phong công tác mới. Nhưng theo đơn vị công tác rút gọn lại và công nhân được nâng cao trình độ giáo dục, thêm áp lực từ cấp thấp nhất của xí nghiệp gia tăng, kết quả mối quan hệ quyền lực được thay đổi toàn diện.

Từ thời cách mạng công nghiệp đến nay, đây không phải là lần thứ nhất cấp lãnh đạo xí nghiệp đúng đắn với mô hình biến đổi mối liên hệ công nhân trong môi trường công tác. Trong dĩ vãng, phái theo chủ thuyết Taylor coi công nhân hợp nhân tính, kết quả cũng sẽ đạt được hiệu suất cao hơn.

Cơ chế làm việc mới, sự quản lý được phối hợp chặt chẽ hơn. Như Teruya Nagao nói: "Quan niệm về mô hình quan hệ của con người quá xa xôi, không gì bằng để cho công nhân tự biết rằng mình là quan trọng. Và bây giờ thì họ thấy rõ "sự thành thật" là hơn hết.

Ngày nay cái quyền lực cao hơn hết - hơn bất cứ một cá nhân nào - đó là thị trường nhân lực. Sự thiếu sót hay dư thừa của một vài kỹ thuật vẫn quyết định cái thông số của sự tự chủ mới. Những nhân viên thảo chương trình hay các kỹ sư về không gian đều biết rằng tự mình bấm nút với việc phân bổ công nhân không khác gì nhau đều có thể "nhảy dù" đến bất cứ xí nghiệp nào. Điều đó đối với quyền lực cá nhân hay tập thể đều bị uy hiếp lớn. Dĩ nhiên với chủ đề này có thể thành cả một quyển sách.

Nhưng điều quan trọng ở đây là sự biến đổi thị trường nhân lực. Trong cơ cấu công việc, có nhiều bộ phận mới thích hợp xuất hiện.

Trong thời đại công nghiệp ống khói không hề có một cá nhân công nhân nào dám đấu tranh quyền lực với xí nghiệp, mà phải dựa vào tập thể công nhân, dùng đình công để uy hiếp mới có thể bắt buộc các cấp lãnh đạo hay quản lý cải thiện sự đài ngộ. Thật vậy, cũng chỉ có tập thể hành động mới có thể trì hoãn hay đình chỉ sự sản xuất, còn cá nhân nào chống đối cũng rất dễ dàng bị thay thế hay bổ sung. Đó là cơ sở để hình thành tổ chức công đoàn.

Nếu công đoàn giữ vững được truyền thống đoàn kết và độc lập thì các quốc gia tiên tiến trên thế giới hẳn ít người tham gia vào khoa học kỹ thuật, việc đánh mất quyền lực, hoàn toàn không phải vì công nhân đã không giống như xưa có thể thay thế bất cứ lúc nào.

Tương lai, muốn cho sự sản xuất xí nghiệp bị đình đốn, không cần phải dựa vào lực lượng tập thể to lớn của công nhân. Chỉ cần một virus trong máy điện toán đủ làm hại cả chương trình, hay tin tức bị tiết lộ cho đối phương. Một nhân viên hờn giận hay thiếu trách nhiệm cũng có thể khiến cho công ty trở thành hỗn loạn.

Tương lai, việc bài công thông tin cũng có thể là phương thức kháng nghị của một cá nhân. Thế

nhưng không có thứ pháp luật nào, cũng không có chương trình thông minh hay một biện pháp an toàn ào, để đối phó lại sự đối kháng đó. Sự phòng ngự hữu hiệu nhất cũng giống như áp lực xã hội là đến từ cấp ngang nhau, hay chỉ là sự cảm thấy phải được đối xử công bình và tôn trọng nhân phẩm nhau mà thôi.

Nhưng sự biến đổi quan trọng hơn hết là ngày càng không thể thay đổi công nhân theo ý muốn, khi công tác của mỗi công nhân ngày càng khác nhau, kỹ năng của mỗi cá nhân lại càng được đánh giá cao hơn, và họ trở thành có quyền lực.

Lý luận mác-xít cho rằng “nǎm được công cụ sản xuất” thì mới nǎm được quyền hành. Vào thời công nghiệp ống khói và trong thế kỷ trung cổ Marx nhận định rằng, công nhân nếu không giành lấy công cụ sản xuất từ trong tay tư bản, thì sẽ đời đời không có đất đứng cho mình. Nhưng ngày nay, chúng ta đang trải qua sự chuyển dời môi trường công tác. Công cụ sản xuất mà nay người công nhân nǎm được để làm chủ lấy mình không giống như thứ công cụ bỏ trong thùng hay như công cụ của xí nghiệp trong thời công nghiệp ống khói. Nó là thứ vật dụng nằm trong đầu óc của công nhân - vật dụng ấy là công cụ của xã hội tương lai, là nguồn chủ yếu sáng tạo ra của cải và quyền lực.

NÓ LÀ TRI THÚC.

ĐA NGUYÊN QUYỀN LỰC

Năm 1986, hãng chế tạo xe hơi lớn nhất Hoa Kỳ General Motors đã mua lại quyền kiểm soát công ty chế tạo máy bay Hughes - một công ty đã được sáng lập bởi nhà tỉ phú ẩn dật là Howard Hughes - với giá tiền 4,7 tỉ đô-la, số tiền so ra lớn nhất vào thời đó để mua một công ty.

Đầu thập niên 80, lần thứ tư trong thế kỷ ở Mỹ lại xuất hiện một phong trào kết hợp các công ty, và ngày càng xuất hiện nhiều cuộc hôn nhân giữa các công ty, đến nỗi tới năm 1988 đã có 3.486 cuộc thôn tính hay sáp nhập của các công ty với số tiền khổng lồ là 227 tỉ đô-la. Và đến năm 1989 thì hãng RJR - Nabisco đã phá kỷ lục thu mua có từ trước với kim ngạch là 25 tỉ đô-la.

Tóm lại, chỉ trong khoảng bốn năm, số kim ngạch của những cuộc kết hợp này tăng lên hơn 5 lần. Mức độ tăng trưởng của chúng thật khổng lồ cho dù có cả sự lạm phát trong đó.

Toàn bộ hai mươi cuộc “mua bán” lớn nhất

trong lịch sử Hoa Kỳ xảy ra từ năm 1985 - 1989, chỉ là những cuộc “hôn nhân” giữa các công ty Mỹ với nhau mà thôi. Trái lại, hiện nay hầu như không có ngày nào mà không có các “tít” hôn nhân dị chủng xuất hiện trên báo chí - Sự hợp nhất đã vượt qua biên giới quốc gia. Hãng Bridgestone của Nhật chiếm được Firestone Tire và Rubber của Mỹ, Sara Lee nuốt trọn công ty Akzo của Đức, Cadbury Schweppes của Anh nuốt chửng hãng Chocolat Poulain của Pháp, Hachette của Pháp lại mua hãng Grolier của Mỹ, Sony mua hãng phim Columbia Pictures...

Tờ Thời báo tài chính Mỹ đã viết: “Sự gia tăng bất thường trong hoạt động thôn tính thu mua các xí nghiệp ở mức độ thế giới... không hề có dấu hiệu suy giảm”. Thật ra, sự cạnh tranh để cài tổ những ngành công nghiệp then chốt có thể đang tăng tốc. Chúng không chỉ nhắm vào mục đích tước đoạt tài sản như những vụ hợp nhất trước đây ở Mỹ mà còn có những lý do khác nữa.

Điều này cho biết, trong khi nhiều cuộc kết hợp xuất phát từ cơ sở khai thác tài chánh để làm giàu thật nhanh, hay trốn thuế, thì những cuộc hợp nhất khác chỉ xuất phát từ chiến lược của chúng. Ví dụ: trong khi châu Âu đang tiến tới sự thống nhất hoàn toàn về kinh tế thì nhiều công ty lớn nhất ở đó đã hợp nhất lại với hy vọng giành được những thuận lợi ở thị trường châu Âu, và để đối phó với ưu thế của

những chàng khổng lồ là Mỹ và Nhật. Nhưng những chú rể Mỹ và Nhật cũng đang tìm kiếm các cô dâu ở châu Âu. Ngoài ra cũng có vài công ty đang nghĩ về một mức độ lớn hơn nữa, họ đang tự chuẩn bị để hoạt động trong một thị trường lớn gồm cả Mỹ, Nhật và châu Âu. Và cũng có một vài công ty đã mơ tới sự chế ngự thực sự “thị trường toàn cầu”.

Tất cả những hoạt động như điên cuồng này dẫn tới sự lo ngại sâu sắc về sự tập trung quyền lực kinh tế trong tay số ít người. Các nhà chính trị và công đoàn đã tiến công vào cái gọi “chứng điên cuồng mua bán”. Các tác giả tài chính đã so sánh nó với tính háu ăn điên cuồng của các con cá mập.

Chỉ nhìn vào khía cạnh tài chính, người ta có thể tin rằng quyền lực kinh tế tương lai sẽ thực sự bị kiểm soát bởi một nhóm nhỏ những công ty “Thống nhất” khổng lồ và có tên ti này.

Đầu tiên, thực là sai lầm khi cho rằng tất cả những công ty to lớn này sẽ vĩnh viễn hợp nhất yên ổn. Những chứng điên cuồng hợp nhất trước đây chỉ vài năm sau là tan rã hàng loạt. Chúng sắp sửa bước vào cuối chu kỳ - Những vụ ly dị, có khi là do thị trường mà chúng mong đợi bị “bốc hơi”, có khi là do va chạm văn hóa trong các công ty hợp nhất này, có khi là do chiến lược cơ bản sai ngay từ đầu. Thực sự như chúng ta đã thấy trước đây, có quá nhiều cuộc mua bán, hiện nay đã thực sự được hoạch định với ý muốn tước đoạt. Đến nỗi sau một cuộc kết hợp

khổng lồ, quá nhiều đơn vị khác nhau bị xoay tròn quanh một trung tâm, và đang co rút mức độ của công ty lại hơn là mở rộng ra.

Thứ hai, chúng ta đang chứng kiến một sự phân ly ngày càng lớn giữa thế giới tài chính và nền kinh tế gọi là “thực sự” - nền kinh tế sản xuất và phân phối sản phẩm cũng như dịch vụ, hai cú “sụp đổ đứng tim” của thị trường chứng khoán cuối thập niên 80 đã chứng minh rằng, có khi thị trường tài chính sụp đổ, dù là tạm thời - cũng không làm gián đoạn nghiêm trọng hoạt động thực sự của nền kinh tế lớn hơn. Vì tiền vốn tự nó ngày càng trở nên ít quan trọng trong sự tạo ra của cải.

Thứ ba, số lượng lớn là không cần thiết để tăng quyền lực. Nhiều công ty khổng lồ có những quyền lực to lớn, nhưng không thể triển khai chúng một cách hiệu quả được. Đó là những bài học của Mỹ ở Việt Nam.

Mức độ lớn nhỏ tự nó không bảo đảm cho chiến thắng. Tuy nhiên quan trọng hơn để biết được quyền lực sẽ phân bổ như thế nào trong bất cứ một nền kinh tế hay công nghiệp, chúng ta cần phải xem xét không chỉ có cơ cấu của nó mà còn cả mối quan hệ. Và chúng ta sẽ khám phá ra một nghịch lý đáng ngạc nhiên từ đó.

Cùng lúc, trong khi một vài công ty đang bành trướng mạnh mẽ, chúng ta cũng thấy có hiện tượng chuyển động ngược lại, là nó đang phân chia

những công tác kinh doanh lớn thành những đơn vị ngày càng nhỏ. Thậm chí còn khuyến khích sự phát triển của giới kinh doanh nhỏ. Vì vậy, sự tập trung quyền lực chỉ mới là một nửa câu chuyện. Thay vì một kiểu mẫu duy nhất, chúng ta cũng đang chứng kiến hai khuynh hướng hoàn toàn ngược nhau cùng hiện diện trong một xu hướng tổng hợp mới.

Vai trò công phá mới của tri thức trong kinh tế đã làm nẩy sinh một cơ cấu quyền lực mới là sự đa nguyên quyền lực.

TƯ NHẤT NGUYÊN TÓI ĐA NGUYÊN

Trong thập niên 80, khi chứng cuồng điên thu mua hợp nhất đạt tới đỉnh cao, thì cũng là lúc giới kinh doanh đã khám phá ra trung tâm lợi nhuận.

Các công ty bắt đầu hăng hái đua nhau phân chia thành nhiều đơn vị, và mỗi đơn vị đều hoạt động như một tổ chức kinh doanh nhỏ độc lập. Vì vậy, các công ty lớn bắt đầu chuyển từ cơ cấu nhất nguyên nội tại thành đa nguyên - cơ cấu được tạo thành bởi hàng trăm những đơn vị hạch toán độc lập.

Trong khi chỉ có vài nhà quản lý nhận thức được nó, thì cơ cấu mới này đã được thúc đẩy bởi những biến đổi trong hệ thống tri thức. Việc thành lập những trung tâm lợi nhuận riêng rẽ trong cùng

một công ty thật ra không mới lạ gì. Nhưng nó đã bị chống đối trong thời kỳ trước khi có máy điện toán, bởi vì các ông chủ khó mà kiểm soát nổi nó.

Ngay cả khi đã có máy điện toán, chính các công ty vẫn còn gặp khó khăn trong việc kiểm soát các hoạt động của quá nhiều trung tâm hạch toán riêng rẽ. Mãi tới khi máy vi tính xuất hiện trong kinh doanh thì ý kiến trung tâm lợi nhuận mới được các ông chủ chú ý tới. Nhưng vẫn còn cần thêm một điều kiện tiên quyết nữa, đó là các máy vi tính này phải được nối thành mạng với máy chính. Mạng lưới này bắt đầu xuất hiện trong thập niên 80, và vì vậy khái niệm trung tâm lợi nhuận cũng bắt đầu “bén lửa”.

Lần đầu tiên, quyền lực được chuyển xuống tới những nhân viên thường, nhờ vào máy vi tính. Với công cụ mới này, các nhân viên thường và viên chức nhỏ hưởng được quyền lực tự trị vốn trước kia chưa từng có. Nhưng khi những máy vi tính được nối với máy chính cũng cho phép các ông chủ nắm được bảng thông số chính trong vô số thông số của các đơn vị nhỏ. Thực tế, các ông chủ đã cho những đơn vị này sự tự do đáng kể trong khi vẫn giữ được chúng trong khuôn khổ hạch toán tài chính.

Do đó, cuộc cách mạng thông tin bắt đầu mở rộng mối quan hệ giữa tài chính và hoạt động sản xuất, làm cho sự tập trung tài chính có thể đi song song với sự phân tán đáng kể về quyền lực hoạt động.

Hiện nay các trung tâm lợi nhuận hầu như chỉ mới là những hình ảnh phản chiếu của các công ty mẹ, những văn phòng còn được chia ra từ văn phòng mẹ. Nhưng khi tiến đến tổ chức công ty linh hoạt uyển chuyển, thì chúng sẽ bắt đầu phân tán ra những dạng mới, và tự tạo thành hệ thống đa nguyên mới.

Nhà thờ S. Appolinaire Nuovo ở Ravenna có một tấm tranh khảm trên tường vẽ cuộc diễm hành của các thánh. Chúng ta hãy tưởng tượng ra một loại tranh khảm di động, một bức tranh bao gồm không chỉ trên tường đá phẳng mà còn nhín theo cách nhín biến đổi qua các ô cửa: cái này sau cái khác, chồng chất lên nhau, liên hệ nhau, màu sắc và hình dạng trộn lẫn, trái ngược và biến đổi liên tục.

Điều này, cùng với sự sắp xếp mới của tri thức trong cơ sở tư liệu, bắt đầu chỉ ra dạng tương lai của những liên hiệp xí nghiệp và của nền kinh tế. Thay vì dạng đẳng cấp tập trung quyền lực, bị thống trị bởi một vài tổ chức trung tâm, chúng ta đang chuyển về một dạng đa nguyên, đa chiều của quyền lực.

KIỂU QUẢN LÝ RÓC THỊT RA TỪNG MẨNH

Thực tế, bên trong các công ty với bản chất hệ thống cấp bậc của nó cũng đang tự biến đổi. Cùng

với sự tạo ra những trung tâm lợi nhuận, thập niên 80 đang chứng kiến sự san bằng của hệ thống cấp bậc hay là sự “tàn sát” tầng lớp trung gian trong tổ chức. Xu thế của bối cảnh này cũng giống như những trung tâm lợi nhuận, sự biến đổi bị điều khiển bởi nhu cầu tái chiếm quyền kiểm soát hệ thống tri thức trong giới kinh doanh.

Những nhà quản lý, viện sĩ, và các nhà kinh tế trước đây đã hò hét, đồng ca rằng: “Lớn là tốt”. Nhưng khi các công ty cắt bỏ những tầng lớp trung gian của nó, thì họ cũng chuyển giọng, làm như bất ngờ họ khám phá được “lớn không hẳn là tốt”, hay sự phi kinh tế về mức độ to nhỏ của công ty.

Những điều phi kinh tế này, chủ yếu là kết quả của sự sụp đổ của hệ thống tri thức cũ - sự phân phôi thông tin quan liêu tới các bộ phận văn phòng và những tuyến thông tin liên lạc.

Như đã chỉ ra trước đây, công việc của những nhà quản lý trung gian trong công nghiệp hầu như chỉ là tập hợp thông tin từ chung quanh, tổng hợp chúng và chuyển lên cấp trên. Đến khi các hoạt động tăng tốc và trở nên phức tạp hơn, thì các bộ phận văn phòng và các tuyến thông tin liên lạc này trở nên quá tải và hệ thống báo cáo này bắt đầu sụp đổ.

Sự gò bó và hiếu lầm đã gia tăng khi hệ thống báo cáo này sụp đổ, nó xô đẩy nhiều người vào tình trạng cam chịu, bị quan trước những điều phi lý.

Giao dịch phí tăng vọt, các nhân viên làm việc quần quật nhưng không đạt được kết quả bao nhiêu. Tất cả đều không còn chút nhuệ khí nào.

Rất nhiều nhà quản lý không biết cái gì đang xảy ra. Chỉ cho họ một bộ phận khuyết tật hay một cái máy hư, họ sẽ biết ngay cần phải làm gì. Nhưng chỉ cho họ một hệ thống tri thức lạc hậu, sụp đổ thì thậm chí họ cũng không hiểu anh đang nói cái gì!!!.

Rõ ràng là các ông chủ không thể chờ đợi những báo cáo chậm chạp theo từng bước nữa. Ngoài ra lại còn có nhiều thông tin bên ngoài hệ thống xí nghiệp, cũng như có quá nhiều thông tin được truyền đi ngay lập tức bên các máy điện toán, do đó tất cả các nhà quản lý trung gian không còn là bộ phận trợ lực nữa, mà đã trở thành một cái cổ chai - một sự cản trở mà thôi.

Đương đầu với những áp lực cạnh tranh và sự đe doạ bị xâm chiếm, các ông chủ này, những người đã trở nên lạc hậu ngay từ đầu, hiện nay đã tìm kiếm một cách tuyệt vọng những phương pháp nhằm giảm giá thành.

Phản ứng đầu tiên để giảm giá thành là ngừng kế hoạch và thải công nhân thường. Khi làm như vậy, hầu như họ đã không biết là họ đang xáo trộn hệ thống tri thức trong công ty của họ.

Vì thế, giáo sư Harold Oaklander của đại học Pace, một chuyên gia về tiết kiệm sức lao động đã

chỉ ra rằng biện pháp ngưng sản xuất - sa thải nhân công để giảm giá thành này thực ra là không có lợi cho sản xuất. Ông ta cho rằng: các hợp đồng lao động cho phép các nhân viên cao cấp được quyền đuổi các nhân viên thường khi ngưng sản xuất chỉ làm cho công việc thêm sa sút thôi. Vì mỗi công nhân bị đuổi cần phải có ba hay bốn người khác thay vào chỗ họ, mà những người này không có kiến thức cần thiết cho công việc. Những liên hệ thông tin có sẵn từ trước bị gián đoạn và kết quả là khi các công ty hoạt động trở lại, sản xuất sẽ sút giảm hơn là tăng lên.

Đúng cảm hơn, các ông chủ đã phải làm việc quần quật, cật lực để xử lý những thông tin dồn dập. Các ông chủ người Mỹ đã sa thải công nhân mà không cần lưu tâm đến những hậu quả xã hội, cũng như không biết gì về cơ cấu tri thức của công ty, thì đang được hoan nghênh vì là những người dám vứt bỏ "mõ" thừa đi. Trong khi những ông chủ người Nhật thì trái lại, họ luôn luôn xem việc buộc phải sa thải công nhân là một thất bại. Nhiều nơi ở châu Âu cũng khác, khi muốn sa thải công nhân thì các ông chủ phải thông báo cho công đoàn biết về buổi họp và tại đó họ phải thuyết phục được các công đoàn rằng không còn khả năng nào khác nữa.

Những sa thải kiểu "tùng xéo" này của các nhà quản lý trung gian là một cố gắng muộn màng, kém ý thức để tái thiết lại "siêu cơ cấu"

thông tin của công ty và tăng tốc độ thông tin liên lạc.

Công việc của các nhà quản lý trung gian hiện nay, có thể được thực hiện nhanh hơn và tốt hơn bởi máy điện toán và mạng lưới viễn thông. Như chúng ta đã biết, IBM đánh giá rằng, chỉ một phần của mạng lưới điện tử nội bộ của nó như mạng lưới phụ PROPS - đã thay thế được 40.000 nhà quản lý trung gian, hay tầng lớp công nhân áo trắng.

Với những mạng lưới mới xuất hiện mỗi ngày, thông tin liên lạc đang lan tràn khắp các mức độ, vượt qua các cấp bậc. Do đó, các ông chủ dù muốn hay không, thì các hệ thống thông tin này cũng đã làm biến đổi các cơ cấu thông tin và do vậy làm biến đổi cả cơ cấu quyền lực của công ty.

Khi chúng ta đang tạo ra những trung tâm lợi nhuận, san bằng hệ thống cấp bậc, và dời hoạt động từ những máy chính tới những máy điện toán đặt trên bàn của các nhân viên - các máy này được nối với máy chính và nối với nhau, chúng ta đang chuyển quyền lực của các công ty từ nhất nguyên thành đa nguyên.

CHỦ NGHĨA ĐỘC QUYỀN NỘI BỘ

Cuộc cách mạng thông tin đã đưa chúng ta đi theo chiều hướng đa nguyên quyền lực bằng kinh tế cách thúc đẩy giới kinh doanh đặt các hợp đồng

cung cấp cho các nhà sản xuất khác.

Các công ty lớn đang đặt hàng từ các nhà cung cấp bên ngoài và đang bỏ bớt những công việc để làm giảm bớt tính quy mô của các công xưởng. Phương pháp sản xuất trước đây là phương pháp sản xuất độc quyền mà Rockefeller đã áp dụng cho công ty Standard Oil vào đầu thế kỷ này. Ông đã cố gắng kiểm soát và thực hiện mọi giai đoạn trong quy trình sản xuất và phân phối. Trước khi bị đóng cửa vào năm 1911, do lệnh của chính quyền Mỹ, hãng Standard Oil đã tự bơm dầu, tự vận chuyển dầu trong các đường ống và bồn chứa của nó, tự tháo dầu ở các nhà máy lọc dầu và tự bán sản phẩm qua mạng lưới phân phối của nó.

Cũng tương tự như vậy, Ernest T. Weir đã đưa công ty thép National Steel lên thành một công ty sản xuất thép có lợi nhuận cao hàng đầu ở Mỹ, vào thập niên 1930, dù ông khởi đầu với một máy cán thép cũ kỹ độc nhất. Ngay từ đầu ông ta đã biết ông muốn có một công ty hoạt động “hoàn toàn nhất quán”. Thực tế National Steel đã tự kiểm soát nguồn quặng sắt, đã tự đào than, và đã tự điều hành hệ thống vận tải của nó. Weir đã được kính trọng như là một nhà tổ chức vĩ đại của công nghiệp Hoa Kỳ.

Trong các công ty này, ở mỗi giai đoạn, hệ thống cấp bậc nhất nguyên của các nhân viên đã xác định lịch trình cố định số lượng hàng tồn kho,

chống lại sự dịch chuyển giá nội bộ và quyết định mọi việc một cách tập trung. Đây là phương pháp quản lý mệnh lệnh hành chính - một loại hoàn toàn giống như kế hoạch quan liêu.

Ngược lại, ngày nay hàng hàng không Pan American World đã ký hợp đồng với những hãng khác về tất cả những khoang chở hàng trên những chuyến bay xuyên lục địa của nó. Còn hãng GM và Ford đã tuyên bố rằng họ sẽ tăng số lượng hợp đồng cung cấp từ bên ngoài lên khoảng 55%. Một bài báo trong tạp chí của Hiệp hội quản lý Hoa Kỳ - tờ Management Today, đã đăng bài: "Sự quản lý nhất quán từ trên xuống dưới của các công ty đa quốc gia đã trở nên lạc hậu". Ngay cả những cơ quan lớn của chính quyền cũng chia bớt những hoạt động cho các nhà thầu tư nhân.

Cách thay dần sự quản lý nhất quán từ trên xuống dưới đã cho phép xuất hiện sự cạnh tranh trong phương pháp sản xuất độc quyền. Trong hệ thống mới này, các công ty phải thương lượng với nhau để đạt được quyền lực thực hiện mỗi giai đoạn trong chu kỳ sản xuất và phân phối. Người ta không còn quyết định mọi việc một cách tập trung nữa, nhưng vẫn phải tiêu phí nhiều tiền bạc và thời gian để thiết lập và theo dõi các tiêu chuẩn kỹ thuật cũng như để góp nhặt và truyền đi những thông tin cần thiết trong các cuộc thương lượng.

Mỗi phương pháp đều có sự thuận lợi và bất lợi

của nó. Một thuận lợi của việc tự sản xuất là kiểm soát chặt chẽ được các nguồn cung cấp của nó. Do đó, suốt thời kỳ ngắn gần đây, IBM đã nổi bật như một công ty bách thăng vì nó tự sản xuất lấy tích thể siêu dẫn ký úc toàn cầu D.RAM.

Tuy vậy, ngày nay giá của sự quản lý nhất quán từ trên xuống dưới, chỉ nói về tiền bạc và tổn phí văn phòng không thôi, cũng đang tăng vọt. Trong khi đó, giá của sự góp nhặt thông tin thị trường và thương lượng đang giảm mạnh mẽ, vì có mạng lưới điện tử và cuộc cách mạng thông tin.

Hơn nữa, một công ty mua hàng từ những nhà cung cấp khác có thể đạt được những ưu điểm do sự bùng nổ kỹ thuật mới, không cần huấn luyện lại công nhân, không cần phải làm hàng ngàn biến đổi nhỏ trong quá trình sản xuất, quản trị và tổ chức. Ngược lại, sự tự sản xuất đang tạo ra những giới hạn nguy hiểm.

Thông thường, hàng tự sản xuất giá cũng đắt hơn. Trừ phi họ nỗ lực để cạnh tranh lại những nhà cung cấp bên ngoài, còn không thì bản thân công ty của họ do sự độc quyền nội bộ và hàng hóa tự sản xuất được gán cho một giá cao hơn. Để giữ được sự độc quyền nội bộ, các nhà cung cấp nội bộ giàu đi những tri thức mà họ kiểm soát, làm cho các sản phẩm của họ khó so sánh với những sản phẩm của các nhà cạnh tranh bên ngoài. Sự kiểm soát và giấu nhẹm các thông tin về tài chính và kỹ thuật này

làm cho sự độc quyền nội bộ khó bị phá vỡ được. Nhưng, ở đây một lần nữa chúng ta thấy rằng kỹ thuật thông tin lại đang xói mòn sự độc quyền về tri thức này, và đang tạo ra những biến động.

Gần đây, một nghiên cứu của H.I.T trên các công ty như là Xeròx và General Electric, cho thấy rằng hệ thống kiểm soát hàng tồn kho được điện toán hóa và những dạng kết hợp điện tử khác cho phép sự quản lý nhất quán từ trên xuống dưới duy trì được vài thuận lợi khi giao bớt công việc cho các nhà cung cấp bên ngoài.

Việc xử lý thông tin điện tử đã được giảm giá, cũng cải tiến vị trí của các nhà cung cấp nhỏ bên ngoài. Điều này có nghĩa là hàng hóa và dịch vụ ngày càng không còn là sản phẩm của một công ty độc quyền, mà là của một hệ thống đa nguyên. Hệ thống đa nguyên đã được tạo ra bởi những trung tâm lợi nhuận bên trong công ty, cùng lúc với sự tạo ra những hệ thống đa nguyên lớn hơn bên ngoài.

TRONG BỤNG CON VẬT KẾCH XÙ

Những điều trên đã giúp chúng ta giải thích được sự gia tăng số lượng đáng kinh ngạc của giới kinh doanh nhỏ ngày nay.

Những công ty bậc trung và nhỏ đã được công nhận như là những nòng cốt của sự tuyển dụng,

cải tổ và tổ chức kinh tế năng động. Những người phụ trách công việc kinh doanh nhỏ là những anh hùng mới (thường là nữ anh hùng) của nền kinh tế.

Tờ Financial Times ở Pháp đã viết: “Kế hoạch Nhà nước ủng hộ giới kinh doanh lớn đã bị vứt bỏ và thay vào đó các chương trình có khả năng hơn để giúp đỡ giới kinh doanh nhỏ”. Nước Anh cũng cung cấp những dịch vụ cố vấn về quản lý để giới kinh doanh nhỏ tăng được hiệu suất. Ở Mỹ tạp chí Inc đã điều tra tốc độ hoạt động của 100 nhà doanh nghiệp nhỏ hàng đầu và báo cáo rằng: “Tốc độ tăng trưởng trung bình của giới kinh doanh nhỏ trong 5 năm là “khó hiểu nổi” - tốc độ tăng trưởng ấy đủ làm kinh ngạc chúng ta và làm phán vân các công ty đã có kinh nghiệm”.

Từ một nền kinh tế bị thống trị bởi một nhóm nhỏ các công ty nhất nguyên khổng lồ, chúng ta đang tạo ra một nền kinh tế siêu tượng trưng - bởi những đơn vị nhỏ, mà vì những lý do hoạch toán tài chính, một vài đơn vị này có thể ở trong những công ty lớn hơn. Một nền kinh tế đã được xây dựng nên bởi những nhà bán lẻ, hơn là những quái vật khổng lồ. (Dù vài nhà bán lẻ này vẫn còn ở trong bụng con quái vật ấy).

Nền kinh tế đa dạng đa nguyên này đòi hỏi những dạng hợp tác mới hoàn toàn, và nó giải thích được vì sao những cái được gọi là đồng minh chiến

lược, hay là những tổ chức mới luôn luôn hình thành và phân tán không ngừng.

Kenichi Ohmane là nhà lãnh đạo sáng suốt của văn phòng Mc Kinsey ở Tokyo, đã kêu gọi mọi người hãy chú ý tới những liên doanh bộ ba bao gồm những công ty, hay một phần của các công ty ở Nhật, Mỹ và châu Âu. Những trung tâm kinh tế này, ông đã viết: “Đang hình thành trong những lãnh vực công nghiệp hàng đầu: công nghệ sinh học, điện toán, robot, bán dẫn, động cơ phản lực, năng lượng hạt nhân, sợi carbon và những nguyên liệu mới khác. Những điều này tạo ra các hệ thống đa nguyên và chúng đang vẽ lại những đường biên giới kinh doanh, theo cái cách mà chúng cũng sẽ xác định lại những biên giới quốc gia.

Ở Ý, Bruno Lamborghini là phó chủ tịch Viện nghiên cứu hợp tác kinh tế Olivetti, nói rằng: Mạng lưới của các công ty đặt cơ sở trên “liên hệ, cộng tác, thoả thuận, hợp tác nghiên cứu và kỹ thuật”. Chỉ một mình Olivetti đã gia nhập vào 50 tổ chức như vậy.

Điều kiện cạnh tranh, Lamborghini nói: “Sẽ không chỉ phụ thuộc vào những nguồn cung cấp nội bộ nữa”, mà bằng cách quan hệ với các đơn vị bên ngoài. Giống như cơ sở tư liệu, muốn thành công ngày càng có nghĩa là phải quan hệ”.

Và, đặc biệt, mỗi quan hệ sản xuất mới không cố định, cứ nhắc và đặc trưng nữa - giống như vị

trí của “tên” và “địa chỉ” trong cơ sở tư liệu kiểu cũ. Chúng đang chảy tràn và hình thành tự do như trong một siêu môi thể. Tổ chức đa nguyên mới của công ty và nền kinh tế do vậy bắt đầu phản ánh (và tăng tốc) những biến đổi trong các tổ chức tri thức.

Do đó, muốn hiểu được quyền lực trong thế giới kinh doanh tương lai, hãy quên đi điều kỳ diệu của sự tập trung toàn bộ, một thế giới bị thống trị bởi một vài công ty to lớn, mà thay vào đó hãy nghĩ về đa nguyên quyền lực.

QUAN HỆ CỦA CÁI

Trong thành phố Georgia ồn ào náo nhiệt của tiểu bang Atlanta, một công ty liên hiệp lớn nhất sử dụng khoảng 37.000 công nhân. Mỗi năm phải trả hơn 1,5 tỷ tiền lương, và chiếm một mặt bằng rộng lớn hơn 2,2 triệu m².

Tuy nhiên, liên hiệp dịch vụ khổng lồ này không phải là một công ty hay một tập đoàn, mà nó là sân bay Atlanta. Là một hệ thống đa nguyên khổng lồ, bao gồm nhiều tổ chức riêng rẽ - hết thảy từ phi cơ đến những người quản lý khách sạn, công nhân bốc dỡ hàng hóa và những công ty cho thuê xe hơi, những cơ quan Nhà nước như cục quản trị hàng không, bưu điện, hải quan, những công nhân thuộc nhiều hiệp hội khác nhau, từ hiệp hội phi công dân

dụng đến hội thợ cơ khí, và hội những người lái xe tải.

Sự tạo ra của cải cho sân bay Atlanta chính là những người quản lý khách sạn, nhà hàng, các hãng xe, và những người khác trong thành phố. Đó là chưa kể tới 56.000 người khác ở Atlanta mà công việc của họ xuất phát từ hoạt động của sân bay.

Có rất ít của cải của sân bay này được tạo ra bởi những nỗ lực riêng rẽ của một công ty hay xí nghiệp nào. Của cải được tạo ra từ hệ thống đa nguyên khổng lồ này chính là kết quả của các mối quan hệ - hay là sự liên hệ và hợp tác của tất cả mọi người. Giống như cơ sở tư liệu đã được điện toán hóa, của cải của sân bay là “quan hệ”.

Tuy nhiên, trong quá trình sáng tạo của cải, các mối quan hệ đóng một vai trò rất quan trọng (nhất là trong khái niệm phân công lao động), chúng cũng trở nên quan trọng hơn khi có càng nhiều người và nhiều ngành nghề cùng tham gia vào một hệ thống đa nguyên.

Khi số người hay số nghề tăng theo số học, thì quan hệ tăng theo “tổ hợp”. Ngoài ra những quan hệ này có thể không còn dựa trên những mệnh lệnh đơn giản nữa, mà mọi người phải gánh vác tương trợ lẫn nhau. Vì sự phụ thuộc qua lại, những người tham gia vào hệ thống đa nguyên ngày càng phải dựa vào sự đồng tâm nhất trí mới đem lại lợi ích cho nhau.

Khi tri thức được sắp xếp theo sự liên quan hay trong dạng đa môî thê - nghĩa là nó có thể được tái định hình thường xuyên - thì tổ chức cũng vậy, phải trở thành uyển chuyển linh động. Đó là lý do vì sao mà một nền kinh tế gồm các công ty nhỏ bé có tác động lẫn nhau đã tự hình thành hệ thống đa nguyên. Hệ thống kinh tế này thích hợp và tiện lợi cho việc sản xuất hơn là hệ thống công ty độc quyền cứng nhắc.

QUYỀN LỰC TRONG HỆ THỐNG ĐA NGUYÊN

Một thế hệ trước đây, các hệ thống đa nguyên có một cấu trúc khác. Nó được tổ chức trống giông như một kim tự tháp, hay có hình dạng bánh xe và các nan hoa. Một công ty lớn được vây chung quanh nó các nhà cung cấp và phân phối. Chàng khổng lồ này thống trị các công ty khác trong nhóm của nó, những người phân phối và cung cấp chủ yếu là những vệ tinh của công ty lớn này. Khách hàng và các hiệp hội công nhân cũng trở nên yếu đuối khi so với công ty mạnh mẽ này.

Đương nhiên ngày nay những công ty lớn này vẫn còn quyền lực mang những cảnh kết hợp chắp vá, nhưng tình huống đang biến đổi nhanh chóng.

Đầu tiên, các nhà cung cấp ngày nay không phải chỉ là người bán hàng hóa hay cung cấp dịch vụ nữa. Mà họ cũng đang cung cấp những thông

tin thiết yếu và ngược lại còn thu lượm những thông tin từ cơ sở tư liệu của người mua. Vì vậy, ta có thể nói họ là “bạn đồng loã” với khách hàng của họ.

Ở Công ty điện toán Apple, Tổng giám đốc John Sculley đã nói: “Ngày nay chúng ta phải dựa vào mạng lưới độc lập của những xí nghiệp bạn, bao gồm: Những nhà sản xuất phần mềm độc lập, nhà chế tạo các thiết bị ngoại vi, các nhà phân phối và bán lẻ... Một vài người phê phán một cách sai lầm rằng, những tổ chức như vậy dẫn tới sự xuất hiện của sự “kết hợp giả dối”, là một cái vỏ mong manh chỉ tồn tại vào các công ty bên ngoài”.

Sculley đã chống lại quan điểm lầm lạc đó, và ông ta cho rằng: Hệ thống đa nguyên đã tạo cho công ty Apple một nền tảng, một khả năng vượt qua các khó khăn, và thích nghi được với mọi hoàn cảnh. Và đặc biệt, trong thời kỳ khủng hoảng, các nhà cộng tác đã giúp cho công ty Apple vượt qua được mọi khó khăn để tồn tại. Tóm lại, ông ta cho rằng: Với mỗi đôla thu được từ công ty xúc tác, thì siêu cơ cấu bên ngoài sẽ tạo ra được 3 hay 4 đô la thêm vào số đô la bán được... Càng nhập lượng hàng hóa lớn thì công ty càng linh động hơn để đón các cơ may trong trường hợp có lâm biến đổi hỗn loạn.

Trước đây, các công ty thường cường điệu hoá sự hoa mỹ của quan hệ hợp tác, nhưng ngày nay

thì họ đang tự tìm kiếm những đột phá trong đó.

Dò theo những kiểu mẫu thông tin trong hệ thống đa nguyên quyền lực, chúng ta sẽ tối được cơ sở đích thật của quyền lực và sản xuất.

Thí dụ: dòng thông tin có thể là đậm đặc giữa nhà cung cấp và nhà sản xuất hay chính xác hơn là giữa các đơn vị riêng của mỗi bên. Từ đó ta thấy rằng hoạt động vận tải của bộ phận này, và hoạt động thu hàng của bộ phận kia, tạo thành một đơn vị hữu cơ duy nhất - một quan hệ then chốt. Và do đó, vì lý do hạch toán hay tài chính - hai bộ phận này - một của công ty A và một của công ty B - ngày càng xa rời khỏi mối quan hệ thực tế sản xuất. Thật ra, người của hai công ty này có thể chú ý nhiều hơn vào mối quan hệ của nhau hơn là chính công ty của họ.

Quá trình hợp tác này ở công ty Matsushita của Nhật đã được chính thức gọi là “Sự đầu tư toàn bộ trí tuệ để cao tính sản xuất”.

Ngay trong giai đoạn đầu trong công việc thiết kế sản phẩm công ty Matsushita đã tiếp xúc với các nhà thầu của họ, giúp nhau cải tiến phương thức sản xuất, để rút ngắn thời gian lại và đưa sản phẩm ra thị trường nhanh hơn.

Kozabure Sikata, chủ tịch Kyoei-kai, hiệp hội các nhà thầu của Matsushita, hy vọng rằng, hệ thống này trở thành tiêu chuẩn thực tế. Sự chia sẻ ngay từ đầu những thông tin không phải là do lòng

tốt của công ty Matsushita, mà là do yêu cầu của sự cạnh tranh. Và chúng ta có thể chắc chắn là công ty lớn như Matsushita đã biết lắng nghe một cách cẩn thận những ý kiến của 324 nhà cung cấp của họ.

Ngoài ra, các nhà cung cấp không chỉ nối liền với các công ty lớn giống như nan hoa dính với trực bánh xe, mà họ còn và sẽ liên kết với nhau ngày càng nhiều hơn. Điều đó có nghĩa là họ có một vị trí lớn mạnh hơn nhiều để tạo thành những liên minh khi cần tạo áp lực đối với một công ty lớn.

Có một lý do khác nữa để giải thích, vì sao các hệ thống đa nguyên mới này không còn cần phải gồm cả các công ty thống trị và công ty bị thống trị nữa. Với sự tan rã của các tập đoàn độc quyền, nhất nguyên thành những trung tâm lợi nhuận, nhiều xí nghiệp, khách hàng hay các nhà cung cấp không chỉ tìm cách đương đầu với những chàng khổng lồ đầy quyền lực và sức mạnh, mà còn phải đương đầu với cả những trung tâm lợi nhuận nhỏ hơn và yếu hơn họ nữa. Kích thước của công ty mẹ không còn là yếu tố chính nữa.

Do đó, thật sự khi quyền lực đã chuyển biến từ hệ thống nhất nguyên sang hệ thống đa nguyên, mà nói rằng các công ty khổng lồ sẽ thống trị bất kỳ hệ thống đa khoa nguyên nào, thì thật là đại dột.

Thực tế, các công ty lớn vẫn bị áp lực từ các

phía khách hàng, nhất là từ các khách hàng ở trong tổ chức “các hiệp hội người sử dụng”. Đường như các hiệp hội này, trong việc kinh doanh chỉ để trao đổi các thông tin về kỹ thuật, nhưng thật ra họ là một dạng mới của “cuộc vận động hành lang của các khách hàng”.

Các tổ chức người “sử dụng” này ngày càng tăng số lượng nhanh chóng và được trang bị những kỹ thuật, luật pháp và những kỹ năng khác, mà tất cả đều phô trương một sức mạnh đáng kể, và thường có thể buộc các công ty cung cấp của họ phải kính nể họ, thoả mãn mọi yêu cầu của họ, bất kể là công ty đó lớn hay nhỏ.

Những nhóm như vậy là hoạt động đặc biệt trong lãnh vực điện toán. Như hiệp hội của những người dùng phần mềm VAX và LOTUS. IBM có nhiều nhóm khách hàng và tất cả đã liên kết thành một hiệp hội quốc tế độc nhất, bao gồm khoảng 10.000 công ty, trong đó có một vài công ty lớn nhất thế giới. IBM đang khoe là công ty họ ngày càng tốt hơn vì biết lắng nghe các lời khách hàng.

Thành viên của các nhóm này có thể là khách hàng, là đối thủ cạnh tranh và các đồng minh liên doanh. Mỗi quan hệ trong giới kinh doanh bắt đầu biến đổi ngày càng thêm phức tạp.

Do đó, thật là quá đơn giản, khi cho rằng chỉ một nhóm những nhà tư bản khổng lồ nhất nguyên hay độc quyền sẽ thống trị kinh tế tương lai.

BÊN NGOÀI SỰ KẾT HỢP

Những biến đổi to lớn và không nhận thức kịp như vậy cũng buộc chúng ta phải suy nghĩ lại về vai trò thực sự của công ty. Nếu “các mối quan hệ” trong hệ thống đa nguyên tạo ra thêm quá nhiều giá trị bổ sung, thì một phần giá trị của công ty và một phần giá trị tự nó tạo ra sẽ xuất phát từ vị trí biến đổi liên tục của nó trong nền kinh tế siêu tượng trưng.

Các nhà kế toán và các nhà quản lý đang cố gắng để định lượng giá trị bổ sung và quy nó cho những bổ sung riêng hay cho các trung tâm lợi nhuận. Họ đang làm việc một cách tuỳ tiện, thường là hoàn toàn dựa trên xét đoán chủ quan. Vì các hệ thống kế toán theo truyền thống đã không xét đến giá trị quan trọng của ‘tổ chức tiền vốn’, và toàn bộ những quan hệ phức tạp và luôn luôn biến đổi này. Trong trương mục kế toán chỉ có mục “Sở hữu”, nhưng lại không đề cập đến tính chất quan trọng của tiền vốn ngày càng lớn.

Những nhà lý thuyết về quản lý đang bắt đầu một cách khá muộn màng, nói về “tổ chức tiền vốn”. Ngoài ra cũng có một loại khác nữa được gọi là “vị trí tiền vốn” (positional capital) - là vị trí chiến lược của các công việc ràng buộc nhau của hệ thống đa nguyên và siêu đa nguyên.

Trong sự tồn tại của sản nghiệp, vị trí cốt yếu

của nó là số tiền trong ngân hàng - là thứ quyền lực nằm trong túi. Bị cô lập hay hất ra khỏi vị trí đó thì có thể là một thảm họa.

Tất cả những điều này chỉ ra rằng các tập đoàn hay công ty lớn không còn là cơ quan trung tâm sáng tạo ra của cải vật chất nữa dù ở trong thế giới tư bản hay trong những nền kinh tế phát triển. Điều mà chúng ta đang thấy là các công ty lớn đã dần dần xa rời quyền sở hữu tư liệu chính để sáng tạo ra của cải. Mà quyền sở hữu này đang chuyển dần vào tay những giới kinh doanh bậc trung, nhỏ, và những tập đoàn phụ - những trung tâm lợi nhuận. Và vì có quá nhiều công việc cụ thể được thực hiện trong những đơn vị nhỏ này, nên chức năng của các ông chủ trong các tập đoàn lớn chỉ còn là thiết lập đường hướng, chỉ đạo chiến lược chung, tổ chức và tính toán tiền vốn, tranh luận và thương thuyết, và tuỳ lúc bổ sung các yếu tố sản xuất bằng thông tin.

Cách thức các công ty lớn uỷ quyền giao cho nhà thầu, trong lịch sử đã từng có tiền lệ. Cuộc cách mạng công nghiệp đã tước bỏ nhiều chức năng của gia đình truyền thống - là nó đã từng là cơ cấu then chốt của xã hội. Giáo dục được đem vào trường học, Nhà nước chăm sóc người già, công việc được thực hiện ở nhà máy. Ngày nay, các đơn vị được trang bị các kỹ thuật thông tin cao cấp nên có thể thực hiện nhiều chức năng của các tập đoàn

lớn, do đó các tập đoàn này dần dần bị tước đoạt mất ý nghĩa tồn tại truyền thống.

Gia đình không biến mất sau cuộc cách mạng công nghiệp. Nhưng trở thành nhỏ hơn, những quyền hạn bị thu hẹp lại và đánh mất quyền lực của nó đối với những bộ phận khác trong xã hội.

Điều tương tự cũng sẽ xảy ra với các tập đoàn lớn, khi chúng ta chuyển ra khỏi thời đại công nghiệp ống khói.

Tóm lại, ngay cả khi tập đoàn lớn phát triển, thì ngược lại ý nghĩa của sự hợp tác chỉ như là một cơ cấu.

Hiện tại vẫn còn là quá sớm để cho chúng ta có thể hiểu toàn diện quyền lực đa nguyên, cái đang nhanh chóng chiếm giữ vận mệnh lâu dài và dạng thức của tập đoàn. Nhưng có một điều chắc chắn là: quan niệm cho rằng một nhóm nhỏ các công ty khổng lồ sẽ thống trị nền kinh tế tương lai, chỉ là một truyện bằng tranh hài huốc của thực tế.

VĨ THANH HỆ THỐNG MỚI SÁNG TẠO CỦA CẢI

3.700 nhà hàng “Fast-food” suốt từ Mỹ, Nhật tới Hy Lạp và Guam của hãng Wendy’s International vừa giới thiệu một bữa ăn nhanh gồm có bánh mì thịt (hamburger), khoai tây chiên và Coca cho các khách hàng đang lái xe. Khách hàng chỉ cần nói hai từ “một gói” (Express Pak) thay vì phải gọi từng món ăn. Ý kiến này làm cho việc phục vụ nhanh hơn. Theo lời một người phát ngôn của hãng Wendy: “Chúng ta có thể nói trong ba giây, nhưng kết quả tích luỹ được có thể rất có ý nghĩa”.

Chuyện cải tiến kinh doanh này có vẻ như là bình thường, nhưng nó nói với chúng ta rất nhiều về tương lai của quyền lực. Vì vận tốc trao đổi thông tin của chúng ta - cả những thông tin đường như vô nghĩa - cũng liên hệ với sự phát triển của một hệ thống sáng tạo của cải hoàn toàn mới. Và hệ thống đó là nguồn gốc của những

biến đổi quyền lực rất quan trọng trong thời đại của chúng ta.

BIẾN THÁI TRONG KINH TẾ MỚI

Đĩ nhiên là việc hằng Wendy bán bánh mì nhanh chậm như thế nào cũng không phải là một biến cố gây chấn động địa cầu. Nhưng một trong những chuyện quan trọng nhất mà ta cần biết vận tốc hoạt động của bất cứ một hệ thống nào, kể cả chế độ kinh tế.

Mọi hệ thống - từ hệ thống tuân hoàn trong cơ thể con người cho đến hệ thống sáng tạo ra của cải cho xã hội - chỉ có thể hoạt động ở những tốc độ cố định. Nó không thể hoạt động quá chậm hay quá nhanh, vì nhu thế sẽ làm sụp đổ cả hệ thống. Tất cả các hệ thống đều có những hệ thống phụ cũng hoạt động ở trong một vận tốc cố định. Tiến độ của cả hệ thống có thể xem như là vận tốc trung bình của các biến đổi xảy ra trong các phần khác nhau của nó. Mỗi nền kinh tế quốc gia và mỗi hệ thống sáng tạo của cải đều hoạt động ở tiến độ đặc thù. Mỗi hệ thống đều có vận tốc độc nhất để trao đổi chất hay biến thái.

Chúng ta có thể đo vận tốc của một hệ thống sáng tạo của cải bằng nhiều cách: Theo sự phát triển của máy móc, số lượng các giao dịch thương mại vận tốc chuyển biến tri thức từ phòng thí nghiệm thành

sản phẩm thương mại, thời gian cần thiết để quyết định, thời gian tiêu phí trong phân phối...

Khi chúng ta so sánh tiến độ chung của Làn sóng thứ nhất - là các hệ thống nông nghiệp, với tiến độ của Làn sóng thứ hai - là các hệ thống công nghiệp, chúng ta có thể thấy rõ là những nền kinh tế có ống khói phát triển nhanh hơn những nền kinh tế nông nghiệp cổ truyền. Bất cứ nơi nào có cuộc cách mạng công nghiệp đi qua, nó đều tăng tốc cho sự phát triển kinh tế.

Cũng tương tự như vậy, hệ thống của sự sáng tạo của cải để cập ở đây, hoạt động với những vận tốc không thể tưởng tượng nổi, so với hai hệ thống công và nông nghiệp trước đây. Quá trình trao đổi chất hay biến thái trong nền kinh tế ngày hôm nay có thể phá huỷ hệ thống của ngày hôm trước. Tiến bộ mới được tượng trưng bằng sự tắt hay mở của một “đồng điện thể tích” (heterojunction microchip) - nó hoạt động trong tốc độ 2/1000 tỷ của giây (đồng hồ).

Trong cuốn “Cú sốc tương lai”, xuất bản lần đầu năm 1970 chúng tôi đã chứng minh rằng sự tăng tốc của các biến đổi sẽ làm xã hội biến chuyển, và đã chỉ được những gì sẽ xảy ra cho một hệ thống, khi vận tốc biến đổi lớn hơn khả năng thích ứng của nó. Chúng tôi cũng đã chứng tỏ rằng sự tăng tốc tự nó cũng có những kết quả mà chúng độc lập với bản chất của biến đổi được bao gồm

trong đó. Sự hiểu biết sâu sắc về kinh tế trong những lập luận này đã vượt ra khỏi câu thành ngữ “Thì giờ là vàng bạc”. Ảnh hưởng của sự tăng tốc thực tế ẩn chứa một quy luật kinh tế mới và đầy sức mạnh.

Quy luật này có thể phát biểu đơn giản như sau: Khi tiến độ của hoạt động kinh tế tăng lên, thì mỗi đơn vị thời gian cũng trở thành giá trị cao hơn.

Quy luật đầy sức mạnh này, như chúng ta sẽ thấy, có một ý nghĩa sâu sắc không chỉ đối với những xí nghiệp cá biệt, mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế và những quan hệ toàn cầu giữa các nền kinh tế nữa. Nó có một ý nghĩa đặc biệt đối với quan hệ giữa những người giàu và người nghèo trên thế giới.

TỐC ĐỘ THÂM NHẬP THỊ TRƯỜNG CỦA MÁY FAX

Khách hàng ngày nay muốn được phục vụ nhanh, và họ muốn có những sản phẩm tiết kiệm được thời gian trong cuộc sống của họ. Vì vậy, áp dụng lý thuyết kinh tế ở trên vào những vấn đề thực tế của cuộc sống hằng ngày, ta sẽ thấy rõ là những nhà quản lý của hãng Wendy đang cố gắng đáp ứng ngay lập tức những yêu cầu của khách hàng. Điều đó làm cho tốc độ kinh doanh của họ tăng lên. Vì trong nền văn hóa vừa sinh, thời

gian tự nó đã trở thành một sản phẩm giá trị.

Ngoài ra, trong nền kinh tế thế giới hiện nay ngày càng tranh đua, khả năng thâm nhập thị trường của sản phẩm càng trở thành chủ yếu. Vận tốc thâm nhập thị trường của các máy fax, video, và những máy điện tử khác đã làm kinh ngạc cả những nhà chế tạo và người tiêu thụ.

Máy fax đã tồn tại khoảng vài chục năm nay, với một số lượng nhỏ người sử dụng. Vào khoảng năm 1961, phòng thí nghiệm của hãng Xerox đã giới thiệu máy LDX, máy Xerography truyền đi xa những hình ảnh gần giống như máy fax ngày nay. Nhưng thời kỳ đó không có những yếu tố thuận lợi cho máy fax được phổ cập. Như là hệ thống bưu điện vẫn làm việc với hiệu quả thích hợp, dù các hệ thống điện thoại khá cũ kỹ, và những cú điện thoại đường dài quá đắt đỏ.

Bất ngờ, vào cuối thập kỷ 80, nhiều yếu tố thuận lợi đã xuất hiện, cùng lúc giá máy fax rẻ, kỹ thuật viễn thông cải tiến mạnh. Công ty AT và T phải giải thể và làm giảm giá điện thoại viễn thông ở Mỹ... Trong khi đó những dịch vụ bưu điện đã trở nên thối nát (vì làm chậm công việc giao dịch trong khi nền kinh tế đang tăng tốc). Hơn nữa, những kết quả của sự tăng tốc đã làm cho máy fax trở thành có giá trị, vì tiết kiệm được thời gian và giá tiền rẻ. Tất cả các yếu tố đó hội tụ với nhau đã mở ra một thị trường cho máy fax, và rồi nó mở rộng với vận

tốc khủng khiếp.

Mùa xuân năm 1988, dường như trong khoảnh khắc, những người nhận được một cơn giông điện thoại từ bạn bè hay những hiệp hội kinh doanh cầu mong họ đặt một máy fax. Trong vài tháng sau, hàng triệu máy fax đã kêu vo vo và tí tít khắp nước Mỹ.

Dưới những điều kiện cạnh tranh ngày nay, vận tốc đổi mới sản phẩm nhanh đến nỗi hầu như trước khi bán một sản phẩm người ta đã chuẩn bị cho một sản phẩm tốt hơn nó ra đời. Hiện nay người ta đã mua những bộ nhớ đĩa cứng 20 megabytes cho máy vi tính cá nhân, thì bây giờ họ sẽ mua những bộ nhớ với 40, 70 hay ít nhất cũng hơn 20 Megabytes chứ? Miễn là có sẵn CD-ROM (tức là bộ nhớ bán dẫn, hay là tích thể ký ức điện lô).

Về mặt thuật ngữ, các nhà tiếp thị hiện nay thường dùng một trong từ gợi lên hình ảnh của các chuyến bay vũ trụ hay chiến tranh hạt nhân - launch window (cửa sổ phóng xạ) - để nói về khoảnh khắc ngắn mà một sản phẩm tồn tại trước khi nó bị đánh bại bởi sự cạnh tranh của những kiểu mẫu tốt hơn.

Những áp lực của sự tăng tốc này dẫn tới những phương pháp sản xuất mới. Một trong những cách để tiến nhanh hơn là làm cùng một lúc những việc mà bạn thường làm lần lượt trước đây.

Đó là vì sao hiện nay ta thấy thuật ngữ “công nghệ đồng bộ” - S.E. (Simultaneous engineering)

Trước đây người ta phải thiết kế một sản phẩm mới trước, sau đó mới nghĩ tới phương thức sản xuất. Hiện nay, theo David W.Clark, phó chủ tịch của công nghệ công ty Jervis B. Webb, thì “Bạn xác định và thiết kế quy trình sản xuất cùng lúc với thiết kế sản phẩm mới”.

Đồng bộ Công nghệ (SE) đòi hỏi sự chính xác và sự kết hợp chưa từng có trước đây. Jerry Robertson của công ty kỹ thuật tự động hóa, nói rằng “Khái niệm công nghệ đồng bộ đã xuất hiện khoảng 15 năm trở lại đây. Tuy nhiên chỉ gần đây với sự tiến bộ của máy tính và cơ sở tư liệu thì công nghệ đồng bộ mới trở thành khả thi”!

Một bước tăng tốc khác là bỏ bớt hay thiết kế lại những linh kiện để làm cho sản phẩm có ít bộ phận hơn và được modul hóa - nghĩa là sản phẩm được tạo thành từ những bộ phận có thể tháo rời ra và cải tiến trên từng bộ phận riêng rẽ được. Điều này đòi hỏi sự linh động uyển chuyển và mức độ thông tin, tri thức cao hơn. IBM thiết kế trở lại bộ phận của máy in 2470 của nó, và không chỉ giảm từ 5,95 đô la/1 đơn vị, xuống còn 1,81 đô la/1 đơn vị, mà còn giảm thời gian sản xuất từ ba phút còn hai phút. Và hằng Wendy cũng vậy, chỉ cần hai từ để gọi một bữa ăn.

Một cách tăng tốc khác là sự phân phối các bộ

phận “đúng lúc”, đã được khởi xướng từ người Nhật. Thay vì phải gửi một lượng lớn một bộ phận đi từ chỗ này tới chỗ khác từng đợt không đều, thì người ta phân phôi thường xuyên một lượng nhỏ của mỗi bộ phận đúng ngay khi nó cần tới. Kết quả là cải tiến này làm tăng tốc sản xuất và giảm được vốn chết trong hàng tồn kho. Hãng Rolls-Royce của Anh báo cáo rằng: hệ thống “đúng lúc” của nó đã giảm thời gian tiêu phí trong phân phôi và hàng tồn kho khoảng 75%.

Vận tốc đáp ứng những yêu cầu của khách hàng đã trở thành một yếu tố phân phát phân biệt sản phẩm hay sự phục vụ của công ty này với công ty kia. Tất cả các đại lý du lịch, ngân hàng, công ty dịch vụ tài chính, các chi nhánh của hãng Fastfood đều ganh đua với nhau để thoả mãn hay cung cấp thông tin cho khách hàng ngay lập tức.

Trước đây, những ông chủ tìm cách tăng tốc độ sản xuất bằng cách bắt công nhân tăng tốc độ làm việc. Một trong những đóng góp to lớn đầy lòng nhân đạo của thời đại công nghiệp ống khói là chiến đấu để giới hạn tốc độ làm việc. Trong hàng ngàn nhà máy hay văn phòng lạc hậu, cuộc chiến này vẫn chưa kết thúc. Tuy nhiên theo hệ thống sáng tạo của cải mới, giá lao động tay chân là một phần của giá thành, và vận tốc được tăng lên không phải bằng mồ hôi, mà là bằng sự sắp xếp một cách thông minh công việc và sự trao đổi

thông tin bằng những hệ thống điện tử phức tạp.

Tháng 6 năm 1986, hãng Metorola Inc, thành lập một đội gồm có 24 thành viên (tên tắt của đội là Bandit) và trao cho đội một nhiệm vụ dường như không thể nào thực hiện nổi. Mục tiêu của đội là thiết kế một máy điện thoại vô tuyến và một máy điện toán có hệ thống sáng tạo sản phẩm cho thế giới. Kế hoạch mới này đòi hỏi sự chính xác rất cao, mỗi đơn vị ở đâu ra phải hoàn hảo 99,9997%. Thời gian thực hiện chỉ có 18 tháng. Ngày nay ở Boynton Beach, Florida đã có kế hoạch tạo ra những vô tuyến điện toán sáng chế sản phẩm (customized radio pages in productidn) cũng nhỏ như những sản phẩm khác. Hai mươi bảy robot làm những công việc thể xác, chỉ có một công nhân trong số 40 người là có mó tay vào sản phẩm. Đội Bandit đã thành công sớm hơn kỳ hạn là mười bảy ngày.

Hiện nay công nghiệp xe hơi, mà ta có thể xem như một con khủng long chậm chạp khi so với công nghiệp camera hay điện tử, cũng đang cố rút ngắn khung thời gian. Thành công của các nhà chế tạo xe hơi Nhật Bản là do họ có thể thiết kế và giới thiệu một mẫu mã hoàn toàn mới nhanh gấp đôi các nhà chế tạo ở châu Âu và Mỹ. Joseph L. Bower và Thoms M.Mout trong tạp chí Harward Business Review đã xem công ty Toyota như một công ty quay vòng nhanh, vì họ có “công nghiệp đồng bộ” (Sibultaneous engineering), những hệ thống thông

tin tiên tiến, những đội tự tổ chức và có sự chia sẻ thông tin với những nhà cung cấp rất sớm. Do đó, theo Hout và Bower, hãng Toyota đang ở trong một vòng phát triển nhanh chưa từng có, họ thường xuyên giới thiệu sản phẩm mới và liên tục có những cải tiến lớn và nhỏ trên những kiểu mẫu đã có.

Cũng tương tự ở ngân hàng người ta từng áp dụng những cải tiến rút ngắn thời gian cần thiết, để có được quyết định cho vay từ nhiều ngày xuống còn ba mươi phút, bằng cách gửi những thông tin cần thiết tới một nhóm chuyên gia tín dụng cùng lúc, thay vì tha nó đi hết người này đến người khác.

Kết quả của sự tăng tốc mạnh tới nỗi mà, theo cố vấn Howard M. Anderson, người sáng lập ra nhóm Yankee, các công ty hiện nay phải có một mục tiêu trên hết đó là tốc độ. Vận tốc ở mọi giá cả... siêu tốc.

Điều nổi bật là nguồn gốc hệ thống kinh tế mới này là vận tốc cao hơn bất kỳ hệ thống nào có trước đây trong lịch sử.

CỦA CẢI TƯƠNG LAI

Trong một chương trước chúng tôi đã phác hoạ các yếu tố của hệ thống mới sáng tạo của cải. Nay giờ chúng ta sẽ gộp các yếu tố đó vào một

khuôn khổ mạch lạc duy nhất để thấy rõ được tính cách mạng và sự khác biệt của hệ thống mới so với những hệ thống cũ trước đây.

1. Hệ thống mới này phụ thuộc ngày càng nhiều vào sự trao đổi tư liệu thông tin và tri thức. Nó là một hệ thống siêu tượng trưng, không trao đổi tri thức thì không sáng tạo ra của cải mới.

2. Hệ thống mới tách ra khỏi quá trình sản xuất hàng loạt để trở thành quá khứ sản xuất linh hoạt uyển chuyển hơn, theo quy cách riêng biệt hơn hay là sản xuất sản phẩm riêng lẻ. Vì những kỹ thuật mới về thông tin đã giúp rút gọn quá trình sản xuất các sản phẩm riêng lẻ, ngay cả các sản phẩm theo quy cách. Đáp ứng nhu cầu riêng biệt từng khách hàng, và nó làm giảm giá các sản phẩm này xuống tối gần bằng giá của các sản phẩm sản xuất theo lối hàng loạt.

3. Những yếu tố sản xuất truyền thống như đất đai, công nhân, nguyên vật liệu và tiền vốn trở nên ít quan trọng, vì tri thức tượng trưng đã hầu như có thể thay thế cho chúng.

4. Thay vì tiền giấy hay tiền kim loại, thông tin điện tử đã trở thành một trung gian trao đổi thực sự. Tiền vốn được di chuyển mạnh hơn, nó tập trung rất nhanh. Dù cho hiện nay có sự tập trung của tiền vốn khổng lồ, nhưng những nguồn vốn vẫn đang tăng lên gấp đôi.

5. Sản phẩm và dịch vụ được modul hóa và

định hình trong các hệ thống mà nó đòi hỏi những tiêu chuẩn cao cấp hơn, và các tiêu chuẩn này cũng phải thường xuyên thay đổi. Điều này dẫn tới một cuộc chiến giành quyền kiểm soát các thông tin cơ sở cho các tiêu chuẩn này.

6. Những bộ máy quan liêu chậm chạp được thay thế bởi những đơn vị công việc nhỏ gọn, những đội làm việc tạm thời, linh hoạt, những đồng minh trong công việc kinh doanh phức tạp và những tổ hợp. Hệ thống cấp bậc bị san bằng hay vứt bỏ để tăng tốc độ quyết định công việc. Những tổ chức truyền bá kiến thức quan liêu được thay thế bằng những hệ thống truyền bá thông tin tự do.

7. Những đơn vị đã được sắp xếp lại như vậy ngày càng biến đổi và tăng lên gấp bội. Những đơn vị đó càng nhiều thì giao dịch và thông tin giữa chúng càng phát triển và lan truyền nhiều hơn.

8. Công nhân ngày càng khó có thể thay thế được. Trước đây họ sở hữu một ít công cụ sản xuất, nhưng ngày nay công cụ mạnh mẽ để tạo ra của cải hầu như là những điều tượng trưng nằm trong đầu óc của công nhân. Vì vậy họ làm chủ một điều chính yếu trong quy trình sản xuất và thường không thay thế được.

9. Anh hùng mới ngày nay không còn là những nhà tài chính hay nhà quản lý nữa, mà là những nhà cải cách (họ ở trong hay ở ngoài các tổ

chức lớn), những người kết hợp được tri thức với hành động thực tế.

10. Sự sáng tạo của cải ngày nay được coi như là một chu kỳ kín - những thứ phế thải của chu kỳ trước sẽ là nguyên liệu của chu kỳ tiếp theo sau. Phương pháp này đòi hỏi những dự đoán khá chính xác bằng máy tính và những hiểu biết sâu sắc về khoa học và môi trường.

11. Cuộc cách mạng công nghiệp đã phân ly người sản xuất và người tiêu dùng bằng quá trình sản xuất hàng loạt. Nhưng nay họ đã đoàn tụ lại trong hệ thống sáng tạo của cải mới. Người tiêu thụ bây giờ không chỉ đóng góp tiền bạc, thị trường mà còn cả những thông tin về thiết kế - mà nó là sự sống còn của quy trình sản xuất. Cả người mua lẫn người bán chia nhau những tư liệu, thông tin và tri thức. Một ngày nào đó khách hàng có thể bấm vào những nút để hoạt hóa các quá trình sản xuất từ xa. Người tiêu thụ và nhà sản xuất hợp thành một: là người sản tiêu (prosumer).

12. Hệ thống mới tồn tại ở cả mức độ địa phương lẫn toàn cầu. Những vi kỹ thuật mạnh mẽ đã giúp thực hiện ở địa phương những việc mà trước đây chỉ có thể thực hiện ở mức độ quốc gia. Đồng thời có nhiều việc sẽ tràn qua khỏi biên giới quốc gia, hợp nhất những hoạt động trong nhiều quốc gia vào một nỗ lực sản xuất độc nhất.

Mười hai yếu tố trên đây là liên hệ qua lại và

cứng cố về vai trò tư liệu, thông tin và tri thức trong một nền kinh tế đã tăng tốc độ phát triển. Chúng xác định hệ thống cách mạng mới của sự sáng tạo của cải với kỹ thuật cao. Khi những phần nhỏ của hệ thống này hợp lại, chúng sẽ xói mòn nền tảng của cấu trúc hệ thống quyền lực sáng tạo của cải trong thời kỳ công nghiệp.

Hệ thống mới sáng tạo của cải tóm tắt ở đây giúp giải thích những biến động to lớn hiện nay đang lan truyền khắp hành tinh chúng ta. Nó là những khích động báo trước cho một sự va chạm của những hệ thống sáng tạo của cải ở mức độ chưa bao giờ thấy trước đây.

ĐIỂM NĂM

BIẾN ĐỔI QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ

NHỮNG THẬP NIÊN QUYẾT ĐỊNH

Ở Bluefield, bang West Virginia, vào ngày 9.11.1989, một nữ giáo viên đã khóc sụt sùi. Trên khắp thế giới, hàng triệu người cũng đang chia sẻ niềm vui với nàng. Dán mắt vào những chiếc màn ảnh truyền hình, nhìn thấy bức tường Berlin sụp đổ.

Ngày nay, những mảnh vụn của bức tường đã một thời chia cắt Berlin, mà thật sự là chia cắt toàn thể nước Đức, chỉ còn là những di tích của đá và xi măng lẫn với bụi cỏ vô số phiến đá lò sưởi. Việc sụp đổ bức tường đã đưa đến một phản ứng khó diễn tả tại phương Tây. Nhiều nhà tri thức và chính trị gia thiên cận đã tham gia vui mừng chung bằng những bài thi ca hùng tráng, có thể đã làm cho nhạc sĩ Beethoven phải tự hào!

Thế nhưng, ngày nay, Đông Âu đang sôi sục lên vì bất ổn. Ba Lan phải đối diện với sự sụp đổ kinh tế hoàn toàn. Quần chúng Rumani xuống đường tranh đấu. Và Tổng thống Nam Tư cũng đã

cảnh cáo rằng các “đảng phái cực hữu” và các “lực lượng bảo thủ” không khéo có thể nhen lên mồi lửa của cuộc “nội chiến và khả năng can thiệp quân sự của nước ngoài”. Việc chống Do Thái và những mối căm thù cũ về chủng tộc đang lan ra khó có thể kiểm soát. Các biên giới thời hậu chiến cần phải được đặt lại vấn đề. Sự sụp đổ quyền lực của Xô-Viết trên khắp Đông Âu, còn lâu lăm mới bão táp được dân chủ, trái lại đã mở ra một khoảng chênh không dễ cháy trong đó những tên diên rồ và những kẻ khuấy động hình như sẵn sàng để nhảy vào. Sự cố gắng của Tây Âu đi đến việc thống nhất đã bị rơi vào cơn hỗn loạn.

Trên cái quang cảnh mênh mông hỗn độn ấy của lục địa, lờ mờ hiện ra viễn ảnh đe doạ một nước Liên Xô tan vỡ ra nhiều mảnh, có thể dễ dàng lấy cò cho một thế hệ chiến tranh, dựng dậy những mối nguy cơ hật nhân, tưởng đã được thư giãn rồi.

Mỉa mai thay, thậm chí có cả hàng triệu người cũng đang lẩn mờ “đi tìm tự do”, ở các nền dân chủ đã được thiết lập tại Bắc Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản, trong khi chính bản thân các nước này cũng đang phải đối diện với một cơn khủng hoảng nội bộ sẵn sàng bùng nổ. Nền dân chủ đang bước vào những thập niên quyết định của nó. Bởi lẽ chúng ta hiện đang ở cuối thời đại dân chủ đại chúng và đó là điều duy nhất mà cái thế giới công nghiệp chưa bao giờ biết đến.

CÁC TRIỀU ĐẠI VÀ CÁC NỀN DÂN CHỦ

Trong bất cứ chế độ nào, dân chủ hoặc không dân chủ, cũng cần phải có sự hoà hợp giữa đường lối mà một dân tộc làm ra của cải và đường lối mà họ tự quản lý nhau. Nếu các hệ thống kinh tế và chính trị quá sức khác biệt nhau, hệ thống này cuối cùng cũng sẽ tiêu diệt hệ thống kia.

Trong lịch sử nhân loại trước đây chỉ có hai lần đã phát minh ra một đường lối hoàn toàn mới lạ trong việc sáng tạo ra của cải. Mà mỗi lần như vậy, chúng ta lại phát minh ra những hình thức chính quyền thích hợp với nó.

Sự phát triển của nông nghiệp đã quét sạch các nhóm bộ lạc, các băng săn bắn, và những hình thức xã hội và chính trị khác, thay thế vào đó bằng các quốc gia đô thị, các triều đại vương quốc và các đế quốc phong kiến. Cuộc cách mạng công nghiệp, đến lượt nó, đã quét sạch đa số các loại hình trên đây. Với việc sản xuất hàng loạt, việc tiêu thụ hàng loạt, và thông tin đại chúng, trong nhiều quốc gia đã mọc lên một chế độ chính trị thích hợp, “nền dân chủ đại chúng” (mass democracy).

Thế nhưng nền dân chủ đại chúng cũng đã gặp sự chống cự cay đắng. Các thế lực cũ của tập đoàn địa chủ phong kiến - giới chủ nô, giai cấp tăng lữ, và những kẻ bảo vệ cho các quyền lợi tri thức và văn hóa của họ đã chống cự lại, tập hợp với

nhau, và chiến đấu với nền công nghiệp đang lên và nền dân chủ đại chúng do công nghiệp mang lại.

Thật ra, trong tất cả xã hội ống khói, cuộc đấu đá chính trị trung ương đã không xảy ra như nhiều người tưởng tượng, giữa cánh tả và cánh hữu. Chỉ có đấu đá giữa những người ca tụng làn sóng nông nghiệp đầu tiên và những kẻ “thủ cựu” thuộc về một bên, và các lực lượng của Làn sóng công nghiệp thứ hai hoặc “sự hiện đại hóa” đứng về một bên.

Những cuộc đấu đá về quyền lực như thế thường xuyên được diễn ra dưới các chiêu bài quốc gia dân tộc hoặc tôn giáo, hoặc nhân quyền. Những sự tranh giành quyền lực này xảy ra trong cuộc sống gia đình, trong các quan hệ nam nữ, tại các trường học, trong các nghề nghiệp, trong nghệ thuật, cũng như trong chính trị. Ngày nay, cuộc xung đột mới trùm lên trên đó là sự đấu đá của một Làn sóng thứ ba, nền văn minh hậu hiện đại chống lại cả thuyết hiện đại hóa lẫn thuyết truyền thống.

Và nếu như điều này đúng là nền kinh tế mới căn cứ vào tri thức đang thay thế việc sản xuất của thời công nghiệp ống khói, thì chúng ta nên dự kiến một cuộc đấu đá lịch sử để tái tạo các cơ chế chính trị của chúng ta, làm cho nó phù hợp với nền kinh tế cách mạng hậu sản xuất hàng loạt.

Tất cả các xã hội công nghiệp đã đối diện với những cuộc khủng hoảng tập trung - khủng hoảng trong tất cả các hệ thống căn bản nhất của họ: hệ thống đô thị, hệ thống y tế, hệ thống xã hội, hệ thống chuyển vận, hệ thống môi trường. Các nhà chính khách thời đại ống khói tiếp tục giải quyết các cuộc khủng hoảng này mỗi thứ một lần, với sự thay đổi áp dụng theo các giải pháp cũ. Nhưng các giải pháp này lại không thể giải quyết được gì, vì các cơ chế hiện tại đã được thiết kế cho xã hội đại chúng.

Thêm vào đó, nền kinh tế đang lên đã đặt ra trước chúng ta nhiều vấn đề và khủng hoảng mới, nó sẽ làm vỡ ra từng mảnh những điều khẳng định và các liên minh của thời đại dân chủ đại chúng.

TRÌNH ĐỘ ĐỔI THAY

Thời đại của nền dân chủ đại chúng cũng là thời đại của sự tập trung quyền lực vĩ đại ở cấp quốc gia. Việc tập trung này phản ánh sự đang lên của kỹ thuật sản xuất hàng loạt và các thị trường quốc nội. Ngày nay, các kỹ thuật đoán kỳ làm thay đổi mọi thứ.

Hãy lấy một ổ bánh mì làm ví dụ.

Những ổ bánh mì nướng nguyên thuỷ do các lò bánh mì địa phương sản xuất. Nhưng với công nghiệp hóa các lò bánh mì của ông cụ - và - bà cụ

đều bị các siêu thị thay thế, đã mua các loại bánh từ các công ty quốc gia khổng lồ như công ty Nabisco ở Hoa Kỳ. Lạ lùng hơn là ngày nay, nhiều siêu thị Hoa Kỳ, ngoài việc bán các mặt hàng mang nhãn hiệu quốc gia, cũng đã bắt đầu tiến đến một vòng quay trở lại điểm cũ - nhưng dựa trên căn bản kỹ thuật hiện đại hơn.

Các bức ảnh, có thời gửi đến Rochester, New York, để được tập trung rửa hình, sang ảnh bởi hiệu Kodak, nay có thể được rửa và in ra nhiều bản tại mỗi một góc phố. Các việc in ấn thương mại, có thời đòi hỏi vốn đầu tư to lớn và máy móc phức tạp, nay có thể sử dụng những thiết bị nhỏ nhắn, cao cấp để sao bản tại các cửa tiệm ở ngay trong lối xóm. Những kỹ thuật tân kỳ đó đã làm cho việc sản xuất tại địa phương có thể cạnh tranh trở lại.

Thế nhưng, đồng thời, nền kinh tế tiến bộ đã chuyển các loại hình sản xuất khác sang lĩnh vực quốc tế hóa. Xe hơi, máy điện toán, và rất nhiều sản phẩm khác hiện nay không còn được chế tạo tại một quốc gia duy nhất nữa, mà đòi hỏi các thành phần và sự sáp đặt tại nhiều quốc gia. Những cặp song sinh biến động như vậy, một bên đưa cao lên tầm cõi quốc tế, đã chỉ đạo các cơ chế chính trị song song.

Xét chung chung với nhau, các biến động này giải thích tại sao chúng ta lại nhìn thấy những áp lực nhằm tản quyền chính trị trong tất cả các quốc

gia có kỹ thuật cao, từ Nhật Bản đến Hoa Kỳ, vượt qua châu Âu - đồng thời lại có những nỗ lực nhằm đẩy quyền lực lên cao cho các cơ quan siêu quốc gia đảm nhiệm.

Thái độ chính trị có ý nghĩa nhất trong biến động sau này là nỗ lực của Cộng đồng châu Âu nhằm tái tập trung quyền lực ở cấp cao hơn bằng cách thành lập một thị trường chung, cùng với việc sử dụng một đơn vị tiền tệ duy nhất và một ngân hàng trung ương duy nhất.

Nhưng sẽ là nguy cơ khi chiếc xe úi Cộng đồng châu Âu đang nỗ lực để san bằng mọi sự sai biệt và tập trung quyền hành quyết định về chính trị và kinh tế. Nhiều vùng khác lại lợi dụng việc tiến công của Cộng đồng châu Âu vào quyền lực quốc gia từ trên cao xuống để tung ra một trận tiến công song song từ phía dưới lên. "Thị trường châu Âu duy nhất", theo lời ông Jean Chemain, người đứng đầu cơ quan phát triển kinh tế khu vực chung quanh Lyon thuộc Pháp, "đem lại cho chúng ta một cơ hội bằng vàng để bẻ gãy hình thức trung ương tập quyền của Paris". Trên thực tế, toàn vùng Rhône - Alpes, trong đó có Lyon là một khu vực, đang móc nối với nhiều vùng bên ngoài nước Pháp - như Catalonia, Lombardy, và Baden-Wurttemberg - để đeo đuổi những quyền lợi chung.

Khi nền kinh tế siêu tượng trưng lan rộng, nó sẽ tạo ra những nhóm bầu cử có đại diện tại Quốc

hội tranh đấu cho việc đổi thay quyền lực một cách triệt để ở các cấp địa phương, vùng, quốc gia và toàn cầu. Các “tầng lớp chính trị” được xem như để chia rẽ những người đi bầu làm bốn nhóm khác nhau: “nhóm toàn cầu”, “nhóm quốc gia”, “nhóm vùng” và “nhóm địa phương”. Mỗi nhóm sẽ bảo vệ hết sức dữ dội các sắc thái riêng và các quyền lợi kinh tế của họ. Mỗi nhóm đều tìm kiếm các đồng minh của mình.

Mỗi nhóm sẽ lôi cuốn những nhà ủng hộ khác nhau về tài chính và công nghiệp, dựa vào quyền lợi bản thân. Nhưng mỗi nhóm cũng sẽ lôi cuốn các nghệ sĩ tài ba, các nhà văn và trí thức để họ sáng chế ra những lý luận căn bản về ý thức hệ thích hợp cho mình.

Điều này hơn nữa - là trái với quan niệm quy ước các vùng và địa phương, thay vì trở nên đồng nhất, lại biến thành đa dạng hơn. “Bạn sẽ lầm to nếu bạn nhìn vào Hoa Kỳ như một thực thể. Nhiều bang của Hoa Kỳ khác biệt nhau như ngày và đêm”, ông James Crupi, Giám đốc Trung tâm Lãnh đạo Quốc tế có căn cứ tại Dallas đã tuyên bố như trên.

Người ta không có thể đi xa như Crupi, khi ông này gợi ý “Hoa Kỳ đang đi trên con đường của họ để trở nên một nước của nhiều quốc gia đô thị. Thế nhưng nếu nhìn kỹ vào những con số thống kê của thập niên 1980 đã cho chúng ta thấy rõ những

sự khác biệt sâu sắc giữa hai bờ đại dương, miền Trung Tây và khu dầu khí, và giữa các trung tâm đô thị lớn và các vùng phụ cận. Dù cho đánh giá cách nào như trong tiến trình xây cất, mức độ sinh trưởng, các trình độ tạo công ăn việc làm, về đầu tư, hoặc về các điều kiện xã hội, những sự khác biệt này hầu như ngày càng sâu sắc hơn, thay vì thâu hẹp khoảng cách, trong phạm vi tác động của một nền kinh tế mới đi ngược lại với tính thuần nhất của thời kỳ nhà máy ống khói.

Vì các vùng và địa phương bắt đầu tự phát triển tính cách văn hóa kỹ thuật và chính trị của họ, nên các chính quyền sẽ khó khăn hơn để điều hành về kinh tế với các dụng cụ cổ điển như là các luật lệ ngân hàng trung ương, thuế khóa và kiểm tra tài chính. Việc tăng hoặc giảm mức lãi suất hoặc đặt ra một sắc thuế mới sẽ đưa đến các hậu quả khác nhau một cách triệt để tại nhiều vùng của cùng một quốc gia.

Và vì những điểm dị đồng ngày càng lớn, chúng có thể châm ngòi cho một vụ nổ của những phong trào cực đoan đòi hỏi phải có sự tự trị của vùng hoặc địa phương, hoặc một sự ly khai thật sự. Các quả bom đã có sẵn, chỉ chờ đợi nổ tung trên tất cả các nền kinh tế tiên tiến.

Trong mọi quốc gia, một số vùng đã tự coi họ như bị nhà cầm quyền trung ương gian lận về kinh tế. Những lời hứa xoa dịu những điều dị biệt địa

phương đã đem lại kết quả rất ít, như bắt cứ một kiều dân nào ở Glasgow cũng sẽ nói với bạn (sự làm sống lại tâm trạng ly khai tại Scotland, như báo chí tường thuật, đã làm cho Nữ hoàng Anh khá lo âu để bà phải biểu lộ ra trong chốn riêng tư những nỗi sợ hãi của mình về sự tan vỡ Vương quốc Anh). Còn Canada thì như nghìn cân treo trên sợi tóc.

Thế nhưng, ngoài những điểm bất bình đẳng về kinh tế, cũng còn có những điểm nóng về sự phân biệt ngôn ngữ và chủng tộc như một chén thuốc độc ngấm dần tại các địa điểm như miền Nam Tyrol, Brittary, Alsace, Flanlers, Catalonia. Một vùng Tây Âu thống nhất sẽ phải ban cho các vùng và địa phương một sự tự trị ngày càng vững mạnh - hoặc sẽ phải đập tan tất cả các phong trào ấy bằng một bàn tay sắt.

Tại Trung Âu, trong những ngày dưới ách thống trị của dòng họ Habsburgs, ở các thế kỷ thứ XIX và đầu thế kỷ XX, sự đối địch giữa các thần dân Đức, Ý, Ba Lan, Magya, Slovak và Áo đều bị chính quyền trung ương đàn áp (thẳng tay). Một khi mà quyền lực của dòng họ Habsburgs tan rã sau Thế chiến I, các nhóm này đã nhào vào nhau để bóp cổ trả thù. Sự sụp đổ của quyền lực Xô Viết tại Trung Âu đã làm sống dậy những bóng ma thời cổ. Như chúng ta đã được thấy cuộc tranh chấp đầy hung hăn đối với thiểu số người Hung tại

Rumani và người Thổ Nhĩ Kỳ tại Bulgari.

Xa hơn nữa ở miền nam, Nam Tư có thể bị chia cắt vì những người Serbs, Albanians, Croats và những nhóm dân tộc khác gây chiến tranh lẫn nhau. Và tất cả những người này đều mù tịt về các lực lượng ly tâm vĩ đại đang đe doạ làm tan vỡ chính bản thân của Liên Xô.

Thời đại công nghiệp ống khói là thời kỳ trọng đại trong việc xây dựng quốc gia, nó đã đưa đến việc kiểm soát của Trung ương đối với các cộng đồng nhỏ, các quốc gia đô thị, các vùng, và các tỉnh. Chính nhờ có sự củng cố này đã biến các thủ đô quốc gia thành những trung tâm của quyền lực quốc gia vĩ đại. Sự suy tàn của thời đại ống khói sẽ làm nguội bớt những cơn giận hờn thâm căn cố đế, những đợt thuỷ triều cảm động mênh mông và dữ dội, khi mà trọng tâm của quyền lực đã được dời đi nơi khác. Trên thế giới sẽ mọc lên như nấm các nhóm cực đoan, xem dân chủ như là chướng ngại vật đáng ghét, cần phải phá huỷ đi nếu nó đứng cản đường cho những đam mê cuồng nhiệt.

CÁC NỀN CHÍNH TRỊ TRÊN TRÁI ĐẤT

Trong suốt thời kỳ dân chủ đại chúng, nhân dân, đảng phái và các nền chính trị đều được phân loại một cách mâu mực hoặc là thuộc cánh tả hay cánh hữu. Các vấn đề giải quyết thông thường

thuộc “quốc nội” hay “quốc ngoại”. Các vấn đề này đều được đóng khung trong một khuôn khổ rõ ràng.

Hệ thống mới sáng tạo của cải đã làm cho các nhãn hiệu chính trị này, và các tập đoàn liên hiệp với chúng đều trở nên lỗi thời. Các thảm họa về môi sinh thì khó phân biệt là thuộc cánh hữu hay cánh tả, và cũng vừa liên quan đến quốc nội và quốc ngoại.

Vấn đề môi sinh rất quan trọng đối với chúng ta - từ việc ô nhiễm bầu không khí đến chất thải gây độc hại - chỉ là những phế phẩm của nền công nghiệp truyền thống, phương pháp sáng tạo ra của cải. Trái lại, hệ thống mới dùng tri thức để thay thế cho những tài nguyên vật chất áp dụng phương thức phân tán thay vì lợi dụng nguồn năng lực có hiệu quả cao tập trung sản xuất và tiềm lực của nó để có những tiến bộ thật sự trong việc tái sử dụng các kỹ thuật, sẽ củng cố niềm kỳ vọng phối hợp hài hòa sự trong sạch về sinh thái và tiến bộ về kinh tế.

Thế nhưng thật là không hợp lý nếu một hoặc hai thập niên sắp tới sẽ trôi qua mà không phát sinh sự kiện tương tự nào như Chernobyls, Bhopals hay dầu lan ra biển Alaska, di sản của thời kỳ ống khói nhà máy. Nhưng sự kiện này, sẽ dẫn đến những vụ tranh chấp đắng cay về các kỹ thuật mới và những hậu quả của nó có thể xảy ra. Các nhóm

xã hội trong phạm vi mỗi quốc gia (và, sự thật, toàn bộ các quốc gia) sẽ đòi “tiền bồi thường về môi sinh” lắn nhau và đấu đá nhau để vớ được món tiền lớn. Những nước khác sẽ đòi hỏi “tống tiền về môi sinh” hoặc “tiền chuộc” để không tiến hành các hoạt động có thể làm rơi tro bụi phóng xạ, mưa axít, thay đổi thời tiết, các chất phế thải độc hại, hoặc các sản phẩm nguy hiểm khác vượt qua biên giới của những nước láng giềng.

Liệu các nước có nền kinh tế phát triển có đi đến việc chấm dứt “trả tiền phúc lợi môi sinh” cho Brazil và Ấn Độ để ngăn chặn họ khai phá huỷ rừng núi, rừng già, hoặc các tài nguyên bảo vệ môi sinh khác chỉ vì để đối phó với vấn đề kinh tế ngắn hạn? Ngày nay, một trận động đất tại Tokyo có thể làm cho Wall Street bị giao động trong hỗn loạn. Liệu Wall Street có đóng góp gì cho chương trình đối phó với động đất của Tokyo chăng? Những vấn đề như thế thuộc tâ khuynh hay hữu khuynh? Nội địa hay nước ngoài?

Sự cố gắng để giải quyết về mặt chính trị những vấn đề như trên sẽ không những xé lẻ các liên minh xưa cũ, mà còn nuôi dưỡng thêm những kẻ quá khích - những người “cứu nhân loại” mà đối với họ thì các yêu cầu về môi sinh (theo như định nghĩa) sẽ thay thế cho những gì tốt đẹp của nền dân chủ.

VẤN ĐỀ CHỦNG TỘC BÙNG NỔ

Sự phát triển của nền kinh tế siêu tượng trưng đưa đến các cuộc đổi thay dân tộc và các cuộc di dân. Các chính sách nhập cư bất cứ lúc nào cũng là đề tài tranh luận dữ dội sẽ phải chống lại một bối cảnh đánh dấu bởi một tinh thần dân tộc cực đoan và phân biệt chủng tộc. Nó lại bộc phát ra sau nhiều thế hệ chìm trong quên lãng, không chỉ xuất hiện ở những nơi hẻo lánh xa xôi như Armenia và Azerbaijan, hoặc tại Albani và Serbie, mà còn có ở Newyork và Nagoya, Liverpool và Lyon nữa.

Ở các xã hội công nghiệp đại chúng, sự kỳ thị chủng tộc thường được thể hiện dưới hình thức đa số đàm áp thiểu số. Hình thức bệnh lý học này vẫn còn là mối đe doạ cho nền dân chủ. Những tên côn đồ da trắng trên đường phố, những tên trọc đầu, những tên ngưỡng mộ phát xít, theo lời ông Morris Deer thuộc Trung tâm Luật pháp của Người nghèo miền Nam, “đang trên đường trở thành... những tên khủng bố trong nước”.

Thế nhưng, hệ thống mới sáng tạo ra của cải đã đưa đến một nền kinh tế phi đại chúng (economic de massification) và nhiều tầng lớp xã hội đa dạng cao hơn. Do đó, ngoài việc tranh chấp theo truyền thống giữa đa số và thiểu số, các chính quyền dân chủ ngày nay còn phải đương đầu với cuộc chiến tranh công khai xảy ra giữa các nhóm

thiểu số kinh chống nhau, như đã xảy ra tại Miami chẳng hạn, giữa những người di dân Cuba và Haiti, và ở một nơi khác như tại Hoa Kỳ giữa những người Mỹ gốc Phi châu và những người Hispanics (một hòn đảo thuộc phần đảo West Indies vùng biển Đông Nam Hoa Kỳ). Tại Angeles, những người Mỹ gốc Mexico đấu đá để xin việc làm của những người Mỹ gốc Cuba. Ở thượng nguồn sông Great Neck, trên đảo Long Island, gần thành phố Newyork, tình trạng căng thẳng đã bùng lên giữa những người Do Thái di cư, vì những người này không chịu từ bỏ nếp sinh hoạt cũ của mình. Những nhóm ca nhạc người Mỹ gốc châu Phi bán những băng nhạc chống Do Thái. Các chủ tiệm người Triều Tiên và người Mỹ gốc châu Phi đụng độ nhau ở nội thành các thành phố.

Dưới danh nghĩa của hệ thống sản xuất mới, sự chống cự lại “việc hội nhập” này đang nỗi dậy khắp nơi. Thay vào đó, các nhóm dân tộc, chủng tộc và tôn giáo đều đòi hỏi có quyền và giữ gìn sự đặc biệt đáng tự hào của họ. Sự đồng hóa là lý tưởng của một xã hội công nghiệp, tương xứng với nhu cầu của xã hội này phải có một lực lượng lao động thuần nhất. Sự đa dạng là lý tưởng mới, tương xứng với tính cách phức tạp của một hệ thống mới sáng tạo ra của cải.

Trong một bầu không khí thù nghịch như vậy, các chính quyền có thể phải thoả mãn một số

nhóm nào đó, họ cố nài nỉ để bảo tồn sắc thái của họ - như nhóm người Thổ Nhĩ Kỳ tại Đức hoặc người Triều Tiên, người Philipin, và người Indonesia ở Nhật Bản, cho đến những người Bắc Phi tại Pháp. Đồng thời, các chính quyền cũng sẽ phải hoà giải giữa các nhóm này.

Công việc này ngày càng khó khăn hơn trong việc thực hiện, bởi lẽ lý tưởng của sự thuần nhất (tại Nhật chẳng hạn) hoặc của "sự hội nhập" (tại Hoa Kỳ) đã được thay thế bằng lý tưởng "bát xà lách" - một đĩa thức ăn trong đó các thành phần khác nhau đều giữ nguyên sắc thái của chúng.

Thành phố Los Angeles với khu phố Triều Tiên, với các vùng ngoại thành người Việt, với số lượng dân cư người Mỹ gốc Mêhicô đông đảo, tính sơ sƠ vào khoảng 75 tuần báo, tập san xuất bản bằng ngôn ngữ các dân tộc. Đó là không kể những người Do Thái, người Mỹ gốc Phi Châu, Nhật Bản, Trung Hoa và số lượng người Iran đông đảo, đã cung cấp một thí dụ về sự đa dạng mới. Nhưng lý tưởng bát xà lách có nghĩa là về phía các chính quyền cũng sẽ cần phải có các dụng cụ pháp lý và xã hội mới mà hiện nay họ đang thiếu. Nếu họ phải giải quyết các vụ tranh chấp ngày càng phức tạp, với tiềm năng hung bạo hơn. Thậm chí tiềm lực chống dân chủ cực đoan và bạo lực cũng mọc lên khi mà các vùng của quốc gia và siêu quốc gia đấu đá nhau để tranh giành quyền lực.

NÊN DÂN CHỦ: BỨC TRANH NHIỀU MÀU

Nên dân chủ đại chúng hàm ý phải có sự tồn tại của “quần chún”. Nó được căn cứ vào những phong trào quần chúng, các đảng phái chính trị quần chúng, và ngành truyền thông đại chúng. Thế nhưng việc gì sẽ xảy ra khi mà xã hội đại chúng bắt đầu phi đại chúng hóa, khi mà các phong trào, các đảng phái, và tất cả các ngành truyền thông đều nát vụn? Vì chúng ta đang đi đến một nền kinh tế dựa vào sức lao động không hoán chuyển được, thì chúng ta làm sao có thể cứ tiếp tục nói về “đại chúng” với ý nghĩa gì?

Nếu kỹ thuật cho phép tạo ra các sản phẩm chiêu theo thị hiếu của khách hàng, nếu các thị trường được phân tán mỏng thành những khu chợ xếp, nếu ngành truyền thông được bội số gia tăng và phục vụ liên tục những nhóm thính giả ít người, nếu thậm chí cơ cấu gia đình và văn hóa đã trở nên ngày càng phức tạp, thì tại sao chính trị lại phải cứ phỏng đoán sự tồn tại của những tập thể quần chúng thuần nhất?

Tất cả những sự biến chuyển ấy - địa phương chủ nghĩa ngày càng gia tăng, sự chống đối việc quốc tế hóa hoạt động tích cực bảo vệ môi trường, ý thức cao độ về chủng tộc và dân tộc đã phản ánh xã hội đa nguyên hóa ngày càng tăng ở những nước có nền kinh tế tiên tiến. Các biến chuyển này

nhầm chấm dứt xã hội đại chúng.

Thế nhưng với việc phân tán quần chúng, các nhu cầu của nhân dân và những đòi hỏi chính trị của họ cũng trở thành đa dạng. Đúng là khi những nhà nghiên cứu thị trường trong kinh doanh đang tìm được ngày càng nhiều các khâu khác nhau và các "vi thị trường" cho các sản phẩm, phản ánh phương thức của đời sống cũng ngày càng đa dạng, các nhà chính trị ngày càng phải đổi đầu với các yêu cầu đa dạng do các cử tri của họ trút xuống như mưa.

Trong lúc các phong trào quần chúng có thể đưa người xuống đường tại nhiều quảng trường thì tại các nước có kỹ thuật cao, các phong trào quần chúng, tuy vẫn còn là một yếu tố, ngày càng có khuynh hướng chia năm xẻ bảy. Toàn dân đồng tâm nhất trí (về tất cả nhưng chỉ đối với một số vấn đề có ưu tiên cao) ngày càng trở nên khó đạt hơn.

Do đó, hậu quả đầu tiên của sự đổ vỡ xã hội đại chúng là chính trị có một bước nhảy vọt kinh khủng, vô cùng phức tạp. Theo ngôn từ của những lần đắc cử, nhà lãnh đạo lớn của thời đại công nghiệp chỉ phải đối mặt với một nhiệm vụ tương đối đơn giản. Năm 1932 Franklin D. Roosevelt có thể tập họp được một khối khoảng sáu đoàn thể - công nhân thành thị, nông dân nghèo, những di dân ngoại tịch, những nhà tri thức. Với khối liên minh này, Đảng Dân chủ của Tổng thống đã có

thể cầm quyền tại Washington trong vòng một phần ba thế kỷ.

Ngày nay, một ứng cử viên tổng thống Hoa Kỳ không phải chỉ cần tập hợp được một liên minh gồm năm hoặc sáu đoàn thể chính, mà là cả hàng trăm nhóm khác nhau, mỗi nhóm có thời biểu riêng của mình, thay đổi thường xuyên, đa số họ đời sống chỉ có thể đếm từng tháng hoặc từng tuần mà thôi (Việc này, không chỉ đơn thuần trong vấn đề quảng cáo truyền hình, đã giúp cho việc giải thích lý do tổn phí lên cao của các cuộc bầu cử tại Hoa Kỳ).

Cái gì đang nổi bật, như chúng ta sẽ thấy, không còn phải là một nền dân chủ đại chúng, mà là một nền “dân chủ ngũ sắc” đắt tiền, biến động nhanh, nó phù hợp với một nền kinh tế đa dạng, và hoạt động theo những quy luật riêng của nó. Các sự kiện này sẽ bắt buộc chúng ta phải xác định lại ngay cả những điều khẳng định căn bản nhất của nền dân chủ.

Những nền dân chủ đại chúng được thiết kế để có thể đáp ứng chủ yếu cho những tư liệu được đưa vào hàng loạt các phong trào quần chúng, các đảng phái quần chúng, ngành truyền thông đại chúng. Các nền dân chủ này chưa biết phải làm thế nào để đáp ứng với trạng huống bức khâm dân chủ nhiều màu. Việc này đã khiến có những nền dân chủ có gấp đôi nhược điểm dễ bị tiến công bởi cái gọi là “các thiểu số nòng cốt”.

CÁC THIẾU SỐ NÒNG CỐT

Các nhà khoa học đang khám phá sự vô trật tự, bất ổn định, và hỗn loạn trong thiên nhiên và trong xã hội đã biết rằng cùng một hệ thống - dù cho là hệ thống hoá học hoặc một quốc gia sẽ phản ứng một cách khác nhau, tuỳ thuộc vào điều kiện thăng bằng hoặc mất thăng bằng của hệ thống đó. Hãy đẩy bất cứ một hệ thống nào đi quá xa hệ thống tiêu hóa, hệ thống điện toán, hệ thống giao thông đô thị, hoặc một hệ thống chính trị sẽ thấy chúng nó vi phạm ngay chính các quy luật tự ổn định và hành động một cách kỳ quái.

Khi nào môi sinh trở thành quá vô trật tự, các hệ thống không còn ngay hàng thăng lối nữa, thì việc này tạo ra những cơ hội vùng dậy cho những nhóm tí hon. Thực tế, chúng ta đang di chuyển nhanh đến một giai đoạn mới của chính trị có thể được gọi là “thời cơ” cho các thiểu số nòng cốt.

Vì các nền chính trị đã ngày càng trở nên phi đại chúng hóa, các nhà lãnh đạo có thời đã làm ăn với một số ít tập đoàn cù tri đồng đảo, nhiều hay ít có thể dự kiến về mặt chính trị, nay đang nhìn thấy các tổ chức này vỡ ra thành vô số nhóm nhỏ, có tính cách tạm thời, giải quyết đơn giản từng vấn đề một và tiếp tục liên minh, giải thể, để tái liên minh - tất cả điều đó xảy ra với tốc

độ cao.

Bất cứ nhóm nào trong số đó, lúc biết mình đang đứng trước một bước ngoặt chính trị chiến lược vào đúng lúc, có thể lợi dụng thời cơ. Năm 1919 một tay thợ máy đường sắt tên là Anton Drexler đã cầm đầu một nhóm chính trị tí hon tại Munich - một nhóm quá nhỏ, không hơn gì cái tua của rìa nón. Tại một buổi họp công khai đầu tiên, anh ta đã cố gắng mà chỉ tập họp được có 111 thành viên. Thuyết trình viên tại phiên họp ấy đã trình bày được ba mươi phút. Tên anh ta là Adolf Hitler.

Có biết bao nhiêu cách giải thích vì sao Hitler lên nhanh như vậy, nhưng có một cách có thể tìm thấy trong lý luận khoa học mới về các hệ thống mất thăng bằng. Khoa học mới này dạy cho chúng ta hiểu rõ rằng trong những lúc cực kỳ bất ổn định như loại hình đã xảy ra tại Đức vào thời điểm ấy, có ba hiện tượng nổi bật. "Cơ may tuyệt đối" đã đóng vai trò quan trọng. Các áp lực từ thế giới bên ngoài cũng là một trọng lượng đáng kể. Và sự thăng dư sản xuất dồi dào đã tạo ra các tác động của quả bóng tuyết khổng lồ.

Một ví dụ về quả bóng tuyết như chúng ta thấy trong thế giới ngày nay là do ngành truyền thông tạo ra. Bằng cách tập trung ống ngắm của một chiếc máy thu hình xách tay, một phóng viên có thể truyền hình ngay tức khắc cho cả thế giới

biết thậm chí một nhóm nhỏ xíu của những tên quá khích chính trị hoặc những tên khủng bố, và làm cho sự kiện này trở nên vô cùng quan trọng hơn là sự thật của nó. Một khi sự việc này xảy ra, nhóm trên đây biến thành “tin tức” và các ngành truyền thông khác lại đăng tải hoặc truyền đi các hoạt động trên, tạo thành những tin tức quan trọng hơn. Tin tức lan truyền nhanh như vậy tạo thành một vòng tròn quay ngược lại.

Quả bóng tuyết cũng có thể được hình thành bằng những đường lối khác. Trong một nền kinh tế liên hệ toàn cầu, một tổ chức có quyền lợi chính trị hoặc thương mại của nước ngoài, có thể bơm tiền bạc và nguyên liệu cho một nhóm tí hon nào đó, nhóm này sẽ thổi phồng sự việc lên, để rồi thu hút nhiều mồi lợi khác.

Sự may mắn, ngoài sự trợ cấp, và quá trình hình thành quả bóng tuyết, đã giúp cho việc giải tích tại sao - xuyên suốt quá trình lịch sử của nền dân chủ đại chúng - các đạo giáo quá khích, các bè đảng phái, các tập đoàn, và các hội kín đã như trãm hoa đua nở trong thời kỳ có biến động sôi sục, và tại sao một nhóm trước đây không ai đếm xỉa, bỗng dùng một cái, trở thành “nòng cốt”. Sự khác biệt trong các nền dân chủ đa nguyên là thế này, trong quá khứ, phe đa số đôi khi có thể kèm chân hoặc thắng vượt bậc những thành phần quá khích nào nguy hiểm. Nhưng làm gì được nếu không có

một đa số kết hợp?

Một ít nhóm thiểu số nòng cốt, lẽ dĩ nhiên, có thể tốt. Nhưng đa số các nhóm này gây độc hại cho nền dân chủ. Các nhóm đều thay đổi cung cách làm ăn của họ. Nhóm P-2 Masonic ở Italia đã tìm cách để giành lấy chính quyền tại quốc gia này. Liên đoàn bảo vệ Do Thái, có sự yểm trợ của các công dân Hoa Kỳ, đang mưu đồ quyền lực tại Israel. Các nhóm mang tính chất phát xít, trong đó có một số được vũ trang đầy mình, phun ra những lời lẽ hận thù chống Do Thái và phân biệt chủng tộc, và mơ ước chiếm chính quyền tại Washington. Một số thành viên trong bọn họ đã gây ra nhiều vụ đấu súng với cơ quan điều tra Liên bang. Một tổ chức người Mỹ gốc Phi châu tại Hoa Kỳ, do một tên ngưỡng mộ Hitler cầm đầu, đã thấy nàng ngũ đảng viên của hắn được bành trướng thêm nhiều nhờ được chi viện một số tiền 5 triệu đô la vay không lấy lãi. Cộng với tính chất nước thần được này, là phong trào cuồng tín tự tôn tự đại La Rouchite với những “cuộc hành quân tình báo” của nó, các chi nhánh và nhóm xung phong vươn tay từ Hoa Kỳ đến Tây Đức và México.

Tại Hoa Kỳ, các nhóm thù hận đang sinh sôi nẩy nở vì tình trạng bất an xã hội ngày càng lan rộng trong thập niên trước mắt, theo lời tiến sĩ William Tafoya, nhà chuyên gia siêu việt về tương

lai của cơ quan FBI, các nhóm này sẽ tìm cách thâm nhập các cơ quan cảnh sát Hoa Kỳ nhằm dễ dàng thực hiện các hành vi khủng bố nội địa. “Nếu tôi là kẻ phân biệt chủng tộc, có chỗ nào tốt hơn để cố che giấu các việc làm ám muội của tôi sau lá bùa sắc phục?” Ông Tafoya nêu câu hỏi như trên.

Tình trạng thất nghiệp, nghèo nàn, không cửa không nhà, và nạn mù chữ ở các thành thị là các vấn đề cản bước nuôi dưỡng sự bất an trong xã hội, ông Tafoya đã lên danh sách các cơ hội rủi ro để xảy ra các tội ác, bạo động và ẩu đả và cảnh giác rằng cái khung sườn của nền công lý xã hội đã trở nên quá lỏng lẻo như “cọng rơm khô rồi rạc” chỉ cần một tia lửa là bốc cháy.

Không phải chỉ có các tình trạng xã hội quốc nội mới là những thứ đặt thành vấn đề. Các nhóm dân di cư, những người Kurts ở Thụy Điển hoặc người Sikks ở Canada, họ mang theo mình những điều cuồng tín về chính trị và ý thức của sự bất công từ “thế giới cũ” sang thế giới mới. Ngày xưa, những người di cư bị cắt đứt hẳn với Tổ quốc quê hương họ. Ngày nay, nhờ có phương tiện viễn thông trong nháy mắt, và các chuyến bay phản lực, nền văn hóa cũ vẫn bám chặt lấy những người di tản, và các phong trào chính trị của họ đang sống ở nước ngoài. Những nhóm ấy cũng muốn chiếm lấy thế lực, không chỉ tại nước chủ nhà, mà còn ở quê hương họ nữa, gây bao nhiêu

phiền phức, căng thẳng trong những mối bang giao quốc tế.

Thời bình thì không có nghĩa lý gì cả, các nhóm ấy bước vào một giai đoạn “cắt cánh” khi mà tình hình văn hóa và xã hội đã chín muồi cho họ, và khi mà các đảng phái chính trị đã bị tê liệt hẳn hoặc chỉ ngang sức nhau trong các cuộc tranh tài, thì một nhóm liên kết tí hon cũng có thể làm cho nghiêng cán cân quyền lực.

Các quốc gia dân chủ hùng mạnh có thể dung nạp một tình trạng đa dạng rộng rãi nhất có thể có, và không có điều gì bất thường hoặc đáng kinh sợ một cách đặc biệt về sự tồn tại của những nhóm lẻ tẻ như vậy vì có nhầm gì khi mà hệ thống chính trị của họ vẫn ổn cố vững bền. Nhưng có thể yên trí mãi được không?

Chung ta đang sống trong một thế giới có quá nhiều phần tử cuồng tín. Các phe nhóm đang tìm cách để áp đặt chủ thuyết độc tài không chỉ trong một nước, mà còn trên cả toàn thể thế giới nữa. Giáo chủ Ayatollahs xúi giục giết người, kêu gọi phải ám sát Salman Rushdie, một nhà văn đã có những lời lẽ xúc phạm họ. Những kẻ phản đối việc chống phá thai đã ném bom vào các bệnh viện. Những phong trào ly khai đã để lại một đường bom xe hơi và máu để bảo vệ sắc thái dân tộc của họ. Và những tên khủng bố chính trị - tôn giáo không nghĩ điều gì khác hơn là vụt một quả

lựu đạn vào một quán cà phê hoặc hạ một chiếc 747, làm như là cái chết của một cô thư ký đi nghỉ mát hoặc một nam mậu dịch viên với tập hồ sơ đầy các danh sách sẽ là một cách để được Thượng đế cho thêm điểm.

Bởi lẽ có một quan điểm tiến bộ lỗi thời như vậy, đa số người phương Tây cho rằng những ý thức hệ cuồng tín, không hợp lý, gieo rắc hận thù ấy sẽ có ngày biến khỏi mặt đất khi xã hội trở nên “văn minh” hơn. Giáo sư Yehezkel Dror của Đại học Hebrew ở Jerusalem nói rằng: Không có gì có thể lạc quan tếu hơ thế được. Là một nhà phân tích chính sách và tương lai học được kính trọng đối với quốc tế, ông Dror đã lập luận rằng: “Những tôn giáo xung đột để xung tội, những trận thánh chiến, những thập tự chinh bắt buộc và các chiến sĩ tử vì đạo” không phải đơn thuần là những di tích của quá khứ. Đó còn là những dấu hiệu của tương lai.

Giáo sư Dror nghiên cứu về “Các ý thức hệ xâm lược có tính hung hãn cao độ” đã phân tích mỗi đe doạ quốc tế do các ý thức hệ này áp đặt. Nhưng đối với các quốc gia dân chủ, mỗi đe doạ này cũng thuộc quốc nội, bởi vì nền văn hóa và kinh tế đều được hoà tan vào trong nền kinh tế mới, phát sinh ra những vấn đề mang nặng sắc thái tình cảm mới, những nguy cơ của các nhóm thiểu số nòng cốt và sự cuồng tín toàn cầu cũng

đang leo thang song song.

Sự nổi lên của một loại hình mới về kinh tế, mà trước đây chưa bao giờ được biết đến, đang đe doạ nhiều người, và đòi hỏi những sự thay đổi nhanh trong công việc, trong lối sống và trong tập quán, đã phó mặc nhiều khối dân chúng lớn - kinh hoàng trước tương lai, trong nanh vuốt của những kẻ phản động ngoan cố. Nó gây ra nhiều kẽ hở để cho những kẻ cuồng tín đổ xô đến chiếm chỗ ngay. Nó vũ trang cho tất cả những nhóm thiểu số nào đang sống trong khủng hoảng, bọn này hy vọng được tung mình lên sân khấu quốc gia hoặc toàn cầu và chở tất cả chúng ta đến một Thời Đại Đen Tối mới.

Thay vì cái được rêu rao nhiều là : “Chấm dứt ý thức hệ”, chúng ta có thể, trong các vấn đề toàn cầu và quốc nội, nhìn thấy vô số ý thức hệ mới đang mọc lên, mỗi thứ này khiêu khích những tín đồ của mình với cái nhìn đơn giản của họ về thực tế. Thay vì câu nói trứ danh của Tổng thống Bush “nghìn điểm sáng”, chúng ta chắc chắn phải đổi mặt với một “nghìn ngọn lửa giận dữ”.

Trong khi chúng ta đang bận rộn để cử hành buổi lễ ăn mừng cái được cho là sự chấm dứt ý thức hệ, chấm dứt lịch sử và cuộc Chiến tranh lạnh, chúng ta có thể thấy mình phải đổi mặt với sự chấm dứt nền dân chủ như chúng ta đã biết nó - nền dân chủ đại chúng. Nền kinh tế phát triển dựa

vào máy điện toán, thông tin, tri thức, và giao lưu sâu rộng, đã đặt vấn đề về tất cả các tuyến phòng vệ truyền thống của nền dân chủ, và thách thức chúng ta phải tái định nghĩa chúng với các từ của thế kỷ XXI.

Muốn làm việc này, chúng ta cần phải có một bức tranh rõ ràng hơn là hệ thống này hoạt động ra sao và thế giới đã chuyển biến đến đâu rồi.

ĐẢNG VÔ HÌNH

Chẳng bao lâu sau khi ông Ronald Reagan đắc cử vào chức vụ Tổng thống Hoa Kỳ, Lee Atwater, một trong các phụ tá hàng đầu của Tổng thống (sau đó liên tiếp là giám đốc chiến dịch vận động bầu cử của ông George Bush và Chủ tịch Ủy ban Quốc gia của Đảng Cộng hoà), đã gặp các bạn hữu trong một buổi ăn trưa tại Nhà Trắng. Tính thật thà của ông này tại bàn ăn thật quá rõ ràng.

“Các bạn sẽ được nghe nói rất nhiều trong những tháng sắp tới đây về cuộc Cách mạng Reagan”, ông ta nói “Các hãng truyền thông sẽ được tin tức hàng đầu đầy rẫy những sự thay đổi lớn lao mà Tổng thống Reagan có kế hoạch tiến hành. Đừng tin vào họ”.

“Quả thật, Tổng thống Reagan muốn đem lại biết bao nhiêu sự thay đổi. Nhưng thực tế Tổng thống không thể làm được. Tổng thống Jimmy Carter trước đây đã đẩy “hệ thống” lệch đi năm độ về một phía. Nếu tại đây chúng nỗ lực làm việc rất

cần cù và nếu chúng ta vô cùng gặp may, Tổng thống Reagan mới có thể đẩy cơ chế được năm độ theo chiều nghịch lại. Đó mới thật là cuộc Cách mạng Reagan như người ta nói”.

Mặc dù ngành truyền thông tập trung vào từng cá nhân các nhà chính khách, ý kiến trên đây của ông Atwater đã nhấn mạnh đến mức độ mà một nhà lãnh đạo được nhân dân biết đến nhiều nhất, và đang ở ngôi vị cao nhất nước cũng bị tù hãm trong “cơ chế”. Cơ chế này, dĩ nhiên không phải là chủ nghĩa tư bản hoặc chủ nghĩa xã hội, mà là chủ nghĩa quan liêu. Bởi lẽ cơ chế quan liêu là hình thức quyền lực nổi bật nhất tại tất cả các quốc gia công nghiệp ống khói.

Các công chức bàn giấy là những quan chức chính quyền không được bầu lên một cách dân chủ, nhưng chủ yếu là những người khác điều hành tất cả các chính quyền căn bản hàng ngày, và đã đưa ra đa số các quyết định nặng ký nhất và được công khai lấy danh nghĩa là của các vị Tổng thống và Thủ tướng.

Ông Yoshi Tsusumi, người đứng đầu Cơ quan Trung tâm vùng Thái Bình Dương đã viết như sau: “Tất cả các chính khách Nhật Bản đều đã hoàn toàn bị lệ thuộc vào các vị thư lại của trung ương trong việc soạn thảo và thông qua các dự luật. Người ta cho trình diễn các vở kịch của Kabuki về những cuộc “bàn cãi” các dự luật dựa theo các

truyện phim do những người đứng đầu guồng máy công chức tại mỗi bộ sáng tác”.

Chúng ta có thể áp dụng những điều mô tả tương tự như trên với các mức độ mạnh yếu khác nhau cho các bộ máy dân sự của Pháp, Anh, Tây Đức và các quốc gia khác mà chúng ta có thói quen gọi là dân chủ. Các nhà lãnh đạo thường xuyên kêu trời về nỗi khổ tâm mà họ phải đổi mặt để yêu cầu bộ máy quan liêu của họ thi hành những nguyện vọng của chính mình. Sự thật là, có bao nhiêu đảng phái đã kình chống nhau trong các cuộc bầu cử “không thành vấn đề”, và cũng “không thành vấn đề” nốt là ai đã hốt phiếu nhiều nhất, mà có một đảng duy nhất luôn luôn bao giờ cũng thắng. Đó là Đảng Quan liêu Bao cấp Vô hình.

BỘ, VIỆN CỦA THẾ KỶ XXI

Nền kinh tế cách mạng mới sẽ thay đổi không chỉ ngành kinh doanh mà còn cả chính quyền nữa. Nó sẽ làm như vậy bằng cách cắt xén thêm bớt quan hệ căn bản giữa các nhà chính trị và các quan chức bàn giấy, và bằng cách cải tiến một cách triệt để chính bản thân cơ chế quan liêu.

Nó đã làm cho quyền lực thăng trầm ngay giữa các bộ máy thư lại với nhau.

Một thí dụ quan trọng hàng đầu là sự thăng tiến của Bộ Bưu điện và Vô tuyến Viễn thông Nhật

Bản (MPT). Từ năm 1949 trở đi, bộ máy có ba chức năng cẩn bản. Bộ giải quyết vấn đề thư tín, và cũng giống như nhiều cơ quan bưu điện châu Âu, Bộ đã mở thêm các dịch vụ bảo hiểm và tiết kiệm để phục vụ khách hàng. (Các dịch vụ này thoát tiên được thiết lập nhằm phục vụ các đồng bào hiện sống ở các vùng thôn quê xa xôi hẻo lánh hầu như hoàn toàn bị các ngân hàng và công ty bảo hiểm bỏ quên). Tại thủ đô Tokyo, nơi thể hiện quyền lực, Bộ Teishin-sho, như tên gọi, ngày ấy được xem là một Bộ nhỏ.

Ngày nay, với cái tên mới là MPT, Bộ này là một trong các Bộ khổng lồ của Nhật Bản, thường được chào mừng như là “Bộ của thế kỷ”. Bộ đã hoàn thành quy chế mới của mình sau năm 1985, khi mà - trong cái phải được gọi là một cú đánh ngã gục Nawabari - arasoi, hoặc một cuộc đua ngựa - Bộ đã được giao cho trọng trách phát triển toàn bộ ngành công nghiệp vô tuyến viễn thông của Nhật, từ các chương trình phát thanh và truyền hình đến vấn đề truyền thông số liệu. Do đó, Bộ đã phối hợp trong một cơ quan duy nhất các chức năng tài chánh (ngày càng lệ thuộc vào các cơ cấu vô tuyến viễn thông hiện tại) và bản thân các chức năng vô tuyến viễn thông. Không có một tổ chức phối hợp nào mà có thể có tính chiến lược hơn.

Giải thích về việc Bộ MPT thăng tiến quyền

lực, báo “Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản” đã viết!

“Một xã hội hướng về thông tin hiện đại trong đó các thông tin lưu thông một cách dễ dàng nhờ mạng lưới vô tuyến viễn thông, tự bản thân nó không đầy đủ. Khi các thông tin tràn ngập, nhân sự, hàng hóa và tiền bạc cũng tràn ngập theo. Khi các thông tin về một sản phẩm được lan rộng nhờ quảng cáo, người ta đi tìm và mua sản phẩm ấy. Sự tràn ngập thông tin được đi cùng với sự “tràn ngập vật chất” và “tràn ngập tiền mặt”. Chỉ duy nhất có bộ MPT trong tất cả các Bộ là có quyền lợi trực tiếp trong tất cả ba hiện tượng này”.

Lẽ dĩ nhiên, các chính phủ khác có thể phân bố các chức năng của các Bộ và tổng cục của họ một cách khác, thế nhưng chắc chắn không cần phải có một vị phù thuỷ nào để có thể tiên đoán rằng quyền lực sẽ tràn ngập đến các cơ quan nào được điều hành thông tin trong nền kinh tế siêu tượng trưng và giành được thẩm quyền trên các chức năng đang mở rộng.

Vì giáo dục và huấn luyện trở thành trọng tâm của hiệu năng kinh tế, vì công cuộc nghiên cứu khoa học và phát triển trở nên có ý nghĩa hơn, vì các vấn đề môi sinh ngày càng có tầm quan trọng, các cơ quan có thẩm quyền trên các lĩnh vực này sẽ tương đối có ưu thế hơn các cơ quan phục vụ trong các chức năng đã tàn.

Thế nhưng sự thăng trầm quyền lực trong nội bộ ngành thư lại chỉ là một phần nhỏ trong câu chuyện đang trình bày.

TIẾNG VO VO TOÀN BỘ

Sau nửa thế kỷ trong đó các chính phủ tiếp tục đảm nhiệm thêm nhiều trách nhiệm, những thập niên kể từ khi khởi hành của nền kinh tế siêu tượng trưng, đã chứng kiến một sự phát triển thật sự đáng kể.

Tại các nước có nền kinh tế tiên tiến, các vị nguyên thủ hoàn toàn có đường lối chính trị khác nhau như Tổng thống Ronald Reagan thuộc Đảng Cộng hoà và Tổng thống Francois Mitterand thuộc Đảng Xã hội đã bắt đầu tước bỏ một cách có hệ thống các hoạt động và chức năng của chính quyền. Các vị Tổng thống trên đã được khích lệ bởi các Tổng thống Carlos Salinas de Gortarri của Mexico, Saddam Hussein của Irak, bởi hàng chục nhà lãnh đạo khác trên khắp thế giới, và quan trọng hơn cả là bởi những nhà cải cách trên khắp vùng Tây Âu, tất cả các vị nguyên thủ này đã bắt đầu yêu cầu các Xí nghiệp quốc hữu hóa hàng đầu của nhà nước phải được giải thể, nếu không thì nhiệm vụ của họ sẽ bị thu hẹp lại để giao cho những người khác thực hiện. Việc tư hữu hóa đã lan tràn khắp mọi nơi.

Sự việc này được hiểu một cách đơn giản, rộng rãi như là một dấu hiệu của chủ nghĩa tư bản thắng chủ nghĩa xã hội. Thế nhưng tiến trình đi đến việc tư hữu hóa không thể được ghi một cách đơn giản như một chính sách “tư bản” hoặc “phản động” như đã thường được ghi. Sự chống đối lại việc tư hữu hóa và các biện pháp tương tự là không “tiến bộ”. Dù cho được công nhận hay không công nhận, nó là thế phòng ngự của Đảng Vô hình không bầu cử, đảng này đã nắm quyền lực tối thượng đối với đời sống của dân chúng, bất kể chính quyền mà họ cộng tác là “tự do” hoặc “bảo thủ”, thuộc “cánh tả” hay “cánh hữu”, “cộng sản” hay “tư bản”.

Ngoài ra, ít nhà quan sát đã để ý đến tính song hành kín đáo giữa việc đẩy mạnh tư hữu hóa trong lĩnh vực công quyền và việc cải tổ kinh doanh ngày nay trong lĩnh vực tư nhân.

Như chúng ta đã thấy, các đại công ty được chẻ nhỏ ra thành nhiều trung tâm làm ra lợi nhuận, san bằng mặt các kim tự tháp của cơ cấu tổ chức, và thiết lập các hệ thống thông tin tự do khiến cho các bộ tham mưu kín và các tuyến không còn cần thiết nữa.

Hình như ít người có suy nghĩ rằng nếu chúng ta thay đổi cơ cấu ngành kinh doanh và cứ để nguyên tổ chức chính quyền không thay đổi, chúng ta sẽ tạo ra một khoảng cách trong tổ chức, như một cặp vợ chồng không xứng đôi, có thể có hại cho cả

hai bên. Do đó, cũng giống như một cặp vợ chồng lấy nhau lâu năm, chính quyền và kinh doanh cuối cùng rồi cũng phải bắt chước cá tính của nhau. Nếu một bên được cải tổ, chúng ta cũng nên hy vọng rằng phía bên kia cũng sẽ có những sự thay đổi tương xứng¹.

LỘT BỎ ĐỂ HÀNH ĐỘNG.

Năm 1986, ông Allen Murray bàn giao chức vụ Chủ tịch công ty Mobil Corporation là công ty lớn thứ ba của Mỹ. Cũng như các công ty dầu khí khác, công ty Mobil trong những ngày đầu của thập niên 80 đã phát động một chương trình với nỗ lực lớn đa dạng hóa. Công ty đã mua lại Montgomery Ward, công ty bán lẻ khổng lồ, và Container Corporation, công ty bao bì.

Chẳng bao lâu sau khi ông Murray nhận chức vụ, thì cái búa đã bắt đầu đục dẽo. Trong vòng chưa đến hai năm ông ta đã bán rẻ 4,6 triệu đô la cổ phần, kể cả của Montgomery Ward và Container Corporation. Murray tuyên bố “Chúng tôi phải rút lui về cơ bản của công ty Mobil, chúng tôi đã ở trong ngành kinh doanh nên chúng tôi hiểu-phải làm thế nào rồi”. Các kỹ sư dầu khí, như đã cho

¹ Một nền kinh tế phát triển đòi hỏi phải có tác động thường xuyên giữa hai bên.

thấy rõ, không phải là những nhà tiếp thị giỏi về quần áo phụ nữ hoặc hộp các - tông.

Cùng một vấn đề về chức năng ấy nay đã bắt đầu được đặt ra trong chính quyền. Cái mà trong kinh doanh người ta gọi là “truất quyền”, các nhà chính trị trên khắp thế giới gọi là “tư hữu hóa”.

Do đó, Chính phủ Nhật đã quyết định rằng họ không cần phải nắm ngành kinh doanh đường sắt. Khi Chính phủ Nhật loan báo các kế hoạch bán ngành đường sắt quốc gia, nhân viên của ngành này chống đối. Trong một chiến dịch phá hoại có phôi hợp được dư luận rộng rãi gán cho Chukakuha, hoặc “Cốt lõi Middle - Core”, một nhóm cấp tiến, các thiết bị chỉ đường đã bị phá hỏng tại hai mươi bốn địa điểm thuộc bảy vùng khác nhau và giao thông tại khu vực Tokyo đã bị té liệt. Hoả hoạn đã bốc cháy tại một nhà ga. Liên hiệp ngành đường sắt tố cáo việc phá hoại. Khoảng 10 triệu hành khách có vé thường xuyên đi xe lửa đã bị trở ngại. Thế nhưng kế hoạch vẫn tiến hành, và ngành đường sắt ngày nay do tư nhân làm chủ.

Chính phủ Nhật cũng đã quyết định là họ không cầm ngành kinh doanh điện thoại. Việc này đã dẫn đến việc bán Công ty Điện thoại và Điện tín Nhật, công ty lớn nhất của Nhật Bản do một chủ nhân duy nhất cầm đầu (với khoảng 290.000 công ăn việc làm). Khi quyền sở hữu của công ty NTT này được chuyển từ khu vực nhà nước sang khu

vực tư nhân, đã có thời nó là một công ty xếp vào hàng các công ty lớn nhất trên thế giới.

Tóm lược các tin tức chính ngoài Nhật Bản cũng có những nguồn tin tương tự: Arhentina đã tư hữu hóa ba mươi công ty. Tây Đức bán công ty xe hơi Volkswagen. Pháp cũng đã giải thể công ty Matra, một công ty chế tạo quốc phòng, cùng với những công ty lớn của nhà nước như St - Gobain, Parisas, Tổng Công ty Điện lực, và thậm chí cả Havas nữa, một cơ quan chuyên quảng cáo. Nước Anh bán các cổ phần tại công ty hàng không British Aerospace và công ty vô tuyến viễn thông British Telecom. Heathrow, Gatwick và nhiều phi trường khác nay được quản lý bởi công ty BAA đã tư hữu hóa (công ty này lúc trước là cơ quan quốc doanh quản lý phi trường), và các dịch vụ xe buýt quốc doanh nay đã được tư hữu hóa. Canada bán các cổ phần của công ty hàng không Air Canada cho công chúng.

Như đã có thể dự kiến, các việc tư hữu hóa cho đến nay tổng cộng không thấm vào đâu, ví như một vết bọ chét cắn vào da con khủng long, và thậm chí mới gần đây thôi, các công ty tư nhân cũng có thể được tái quốc hữu hóa trường hợp có sự chuyển biến đột xuất tình hình chính trị, hoặc do sự sụp đổ về kinh tế có tầm cỡ toàn cầu.

Tuy nhiên, một sự tái nhận định sâu sắc đang trên đường hình thành - một bước cương quyết đầu tiên nhằm tiến tới việc giảm bớt sự bao cấp của

nhà nước và cải tạo các cơ cấu chính quyền theo những phương án phần nào song song với những sự thay đổi cơ chế trong lĩnh vực kinh tế tư doanh.

Không có điều nào trên đây để có thể nói rằng việc tư hữu hóa là chén thuốc trị bá bệnh như bà Thủ tướng Margaret Thatcher đã từng khẳng định, cũng như những nhà kinh tế thuần tuý theo phái thị trường tự do. Biện pháp này cũng thường mang theo cả một chuỗi những thất bại. Thế nhưng, vào một thời điểm mà tất cả các chính phủ đều phải đối mặt với thế giới đầy biến chuyển như một ống kính vạn hoa nhiều màu sắc, làm cho con người ngơ ngác như bác nhả quê lên tinh, những việc tư hữu hóa có thể giúp cho các nhà lãnh đạo tập trung để giải quyết các vấn đề ưu tiên chiến lược, hơn là tản mạn phung phí các tài nguyên do người đóng thuế cung cấp vào một mớ hỗn lốn của những câu chuyện bên lề làm phân tâm.

Còn có ý nghĩa hơn nữa, việc tư hữu hóa sẽ gia tăng tốc độ của thời gian xử lý trong cả hai loại hoạt động, loại được giải thể và loại được duy trì. Nó giúp đưa chính quyền trở lại cùng sánh bước với nhịp sống đang lên và của ngành kinh doanh trong nền kinh tế tượng trưng.

Thế nhưng, việc tư hữu hóa, không phải là con đường duy nhất để các chính phủ, dù ý thức hay không ý thức, đang cố gắng đối phó với những thực tại nóng hổi.

SỰ BIẾN MẤT CỦA GIAI CẤP

Chúng ta thấy trước đây có nhiều công ty, từ chế tạo xe hơi đến máy bay, đã phấn đấu để giảm mức lệ thuộc vào “hệ thống dọc” - tin cậy vào chính người của mình, mọi việc đều trong nhà đóng cửa dạy nhau, giải quyết nội bộ, hơn là ký hợp đồng với các nhà thầu cung cấp ở bên ngoài.

Nhiều chính phủ cũng vậy nữa, rõ ràng đang suy xét lại vấn đề “làm hay mua” của họ, và tự hỏi xem thật sự họ có nên điều hành các phòng thí nghiệm và các hiệu giặt ủi và thực hiện hàng nghìn nhiệm vụ khác có thể chuyển được cho các nhà thầu nước ngoài. Các chính phủ đang tiến dần đến nguyên tắc là nhiệm vụ của họ là đảm bảo việc cung cấp dịch vụ, chứ không phải để thực hiện chúng.

Dù cho chức năng cơ bản có thích hợp hoặc không thích hợp để các nhà thầu khu vực tư nhân thực hiện, nỗ lực để đi đến việc ký kết với nước ngoài là một gương soi để đánh giá lại công nghiệp theo hệ thống dọc.

Ở đây, một lần nữa cũng giống như kinh doanh, các chính phủ cũng đã bắt đầu vượt qua các giai cấp - và hơn nữa phá hoại quyền lực quan liêu. “Ngày nay có ít giai cấp ở Washington hơn dưới thời Tổng thống Roosevelt”, nhà khoa học chính trị Samuel Popkin thuộc Đại học đường California

ở San Diego đã nói. Có “ít nhà lãnh đạo hơn trước mà một vị Tổng thống có thể làm việc với họ và mong muốn hợp lý được họ cố gắng áp dụng tại các cơ quan hoặc ủy ban của họ”.

Quyền lực đã xa lánh hẳn các giai cấp già nua cũ kỹ, và đang tạo ra một hệ thống rất nhiều uyển chuyển hơn, không rõ nét hơn, và luôn luôn làm cho các trung tâm quyền lực trôi dạt từ bờ này sang bến khác.

Các phương tiện kỹ thuật giao thông mới cũng đã làm xói mòn các tầng lớp giai cấp trong chính quyền, khiến có thể hoàn toàn qua mặt không cần để ý gì đến giai cấp. Như ông Samuel Kernell, một đồng nghiệp của Popkin tại UCSD đã tuyên bố: “Khi một cơn khủng hoảng xảy ra tại bất cứ một nơi nào trên thế giới, Nhà Trắng ngay tức khắc có liên lạc với những nhân vật tại chỗ.... Những trạm chuyển tin trong nháy mắt này từ các quan sát viên tại chỗ và các vị tư lệnh đến Tổng thống đã làm đứt đoạn các tuyến thông tin cổ truyền và hệ thống chỉ huy bình thường.

Kernell nói tiếp: “Các nhà chuyên gia mà chưa tiếp cận được với những thông tin phút chót, không thể đáp ứng được với những mối quan tâm của Tổng thống”.

Thế nhưng, mặc dù những thay đổi như trên, vì công việc ngày càng phức tạp đa đoan, những sự biến động ngày càng gia tăng và cơ chế quan liêu

chậm như rùa, khiến cho các vấn đề ngày càng chồng chất nên cơ chế này không thể nào giải quyết nổi.

CÁC TOÁN BÍ MẬT VÀ NHỮNG THỢ SỬA ỐNG NUỐC

Trong những tình huống bình thường, đa số các công tác của các vị Tổng thống Hoa Kỳ hoặc Thủ tướng Nhật Bản là:

- Lựa chọn giữa các phương án (do các Bộ, Viện soạn thảo sẵn đề trình).
- Về các vấn đề mà họ chỉ hiểu một cách khái quát.
- Và sau đó là khi mà các bộ phận của guồng máy nhà nước không đủ khả năng để đi đến một sự thoả thuận với nhau.

Lẽ dĩ nhiên, phải có những quyết định mà chỉ có các vị lãnh đạo tối cao mới có quyền đưa ra những quyết định một mảnh một còn mà không thể chờ đợi các cơ quan chức năng nghiên ngẫm xem xét, những quyết định bước ngoặt, những quyết định chiến tranh và hoà bình, hoặc những quyết định đòi hỏi phải có sự bí mật tuyệt đối. Các quyết định này không thuộc chương trình, như bản chất của chúng, là những quyết định trực tiếp này sinh như thâm tâm của các vị lãnh đạo. Tuy nhiên, các quyết định này tương đối hẫu hĩnh khi mọi

việc đều “thuận buồm xuôi gió”.

Thế nhưng, khi chúng ta bước vào một giai đoạn cách mạng và một hệ thống làm giàu mới lại va chạm với các cơ cấu quyền lực được xây dựng lên chung quanh cơ chế cũ, “tình trạng bình thường” đã vỡ tan ra từng mảnh. Mỗi ngày, báo chí chạy những tí tít lớn về cuộc khủng hoảng không lường trước được hoặc một vụ phá sản. Những công việc làm ăn toàn cầu và trong nước đều bất ổn như nhau. Những biến động gia tăng tốc độ vượt khỏi tầm tay một cách không hợp lý.

Trong những điều kiện như trên, thậm chí những ngành thư lại ưu tú nhất phải bó tay, và nhiều vấn đề nghiêm trọng đã được cho phép đầu độc để biến thành những cơn khủng hoảng. “Vấn đề những kẻ không nhà” ở Hoa Kỳ chẳng hạn, không phải chỉ thuần túy là một vấn đề nhà ở không có tiện nghi, mà có nhiều vấn đề mắc míu khác - nạn nghiện rượu, xì ke ma tuý, nạn thất nghiệp, bệnh tâm thần, giá cả đất đai cao. Mỗi một vấn đề này là mối quan tâm của một cơ quan nhà nước khác nhau, mà không có cơ quan nào có thể giải quyết một cách hữu hiệu một mình vấn đề ấy và cũng không có cơ quan nào chịu nhượng ngân khoản, thẩm quyền hoặc chức năng cho một cơ quan khác. Đó không phải chỉ là người dân không có nhà để ở, mà là vấn đề không có cơ quan nào chịu nhận.

Nạn hút xì ke ma tuý cũng vậy, đòi hỏi phải có những biện pháp phối hợp đồng bộ của nhiều cơ quan nhà nước khác nhau ra tay đồng loạt: cảnh sát, y tế, trường học, ngoại giao, ngân hàng, vận tải và nhiều hơn nữa. Thế nhưng để cho tất cả các cơ quan này hành động phối hợp với nhau một cách hữu hiệu như một buổi nhạc hoà tấu thì hầu như vô kế khả thi.

Ngày nay, ngành kỹ thuật cao tốc và những biến động xã hội đã dẫn đúng đến vấn đề thuộc loại hình “chia cắt làm nhiều mảnh”. Ngày càng nhiều vấn đề bị chìm dần trong quên lãng, và nhiều cuộc chạy đua nước rút bùng lên để đốt cháy các tài nguyên của nhà nước và làm trì hoãn công việc.

Trong môi trường này, các nhà lãnh đạo chính trị đã có cơ hội để nắm quyền ngay trong các cơ quan của họ. Ngược lại, khi họ thấy các vấn đề ngày càng leo thang đi đến chỗ bế tắc, các nhà lãnh đạo chính trị thường bị ám ảnh cũ muốn dùng những biện pháp mạnh, bằng cách lập ra đủ loại lực lượng đặc nhiệm, “những nhóm mũi nhọn”, “những nhóm công tác” và “những toán bí mật” để thực hiện các công việc.

Chán nản vì thất bại, một số nhà lãnh đạo đâm ra khinh thường các viên chức dân sự của họ gây gổ vì những chuyện không đâu, để ngày càng tin tưởng vào những người thân tín, vào hành động

bí mật, vào những lệnh riêng và sắp xếp để cho ngồi chơi xơi nước và thật sự là lũng đoạn ngành công chức.

Đĩ nhiên, đây đúng là trường hợp mà Nhà Trắng của Tổng thống Reagan đã thực hiện một cách tai hại trong vụ Irangate, khi Nhà Trắng đã triển khai cái “tổ chức” bí mật của riêng chính họ để bán vũ khí cho Iran và thu hút lợi nhuận để bơm cho lực lượng quân Contra ở Nicaragua, thậm chí có vi phạm luật pháp đi nữa.

Ít kích động hơn, là khi Tổng thống Georges Bush yêu cầu Bộ Ngoại giao và Lầu Năm Góc soạn thảo các dự án để Tổng thống trình bày trước khối Nato, vào giữa năm 1989, các tập đoàn quan chức cấp trung và cao cấp của Mỹ đã phải đeo kính mát lên và cầm đầu bút chì suy nghĩ. Thế nhưng, cuối cùng họ chỉ đưa ra những đề nghị nửa vời, tầm thường về phía họ.

Tổng thống Bush đã bị nhiều áp lực chính trị, trong nước và ở nước ngoài, nên phải vận dụng nhiều lực lượng công để tung ra một chiêu tuyệt diệu nhằm đánh bại đòn sấm sét trong các chưởng mới nhất của nhà lãnh đạo Liên Xô Gorbachev. Muốn được như vậy, Tổng thống đã vứt tất cả các văn bản do các cơ quan đệ trình, và triệu tập Hội đồng Bộ trưởng và một nhóm các phụ tá cao cấp, để soạn thảo đưa ra một kế hoạch rút một ít quân đội Hoa Kỳ ra khỏi châu Âu.

Tổng thống đã được hoan nghênh tức khắc bởi các nước đồng minh của Hoa Kỳ và của công chúng Mỹ.

Cũng tương tự như vậy, Thủ tướng Tây Đức Helmut Kohl đã không để ý đến vị Bộ trưởng Ngoại giao của mình, khi lần đầu tiên ông đưa ra những nét chính trong danh sách mười điều kiện để thống nhất hai nước Đức.

Mỗi khi mà một vị lãnh đạo để cho một bộ máy văn phòng ngồi chơi xơi nước như vậy, thì trong hàng ngũ các viên chức dâng lên những lời cảnh cáo cực kỳ mạnh mẽ rằng bóng dáng của hiểm họa đang xuất hiện lờ mờ trước mắt. Sau đó lại xì tin ra cho báo nhằm làm thất bại chính sách mới này.

Thế nhưng, trong những thời buổi có nhiều biến động nhanh, đòi hỏi phải có những phản ứng cấp thời và đầy sáng tạo, phải cắt đứt các bộ viện ra khỏi vòng cương toả, đó là con đường duy nhất đúng để giải quyết được mọi việc, và nó làm cho sinh sôi nảy nở vô số các đơn vị đặc nhiệm và không chính thức, các đơn vị này càng kinh chống và chặt chẽ các cơ quan công quyền chính cống.

Tất cả các sự việc này, khi được kết hợp với việc tư hữu hóa và viễn ảnh của việc tái phối trí quyền lực cho các cấp địa phương, vùng, và siêu quốc gia, đã nhấn mạnh đến những điểm đổi thay cơ bản về tầm cỡ loại hình của cơ cấu chính quyền

ngày mai. Do đó, có thể dự kiến rằng, nếu chúng ta càng đi sâu vào nền kinh tế siêu tượng trưng, những áp lực ngày càng tăng sẽ bắt buộc các chính phủ, cũng như trước đó đã bắt buộc các công ty phải tiến hành một thủ tục cải tổ vô cùng đau đớn.

Sự hấp hối này của cơ chế thế nào cũng sẽ đến, thậm chí cho rằng các chính khách có muốn bao quát với một thế giới đầy biến động, cùng với tất cả những mối hiểm họa đã được phác họa tại chương trước đây, từ những cuộc khủng hoảng môi sinh vô tiền khoáng hậu cho đến những mối hận thù về chủng tộc như bom nổ và những sự cuồng tín gia tăng.

Cái mà chúng ta có thể mong đợi được nhìn thấy, là một sự đấu đá quyết liệt giữa các chính trị gia và các quan chức thư lại nhằm nắm quyền quyết định, khi mà chúng ta đi trên một quãng đường đầy chông gai nguy hiểm, từ một nền dân chủ đại chúng đến một nền dân chủ ghép nhiều màu sắc.

CHIẾN THUẬT THÔNG TIN

Ngày nay, chúng ta sống trong một thời đại của truyền thông nháy mắt, với một hình ảnh, biểu tượng và “sự kiện” tranh tài lẫn nhau. Thế nhưng, ngày càng có nhiều tư liệu, thông tin, và tri thức được sử dụng trong việc điều hành sự việc, vì chúng ta ngày càng đi sâu vào trong cái “xã hội thông tin” thì ngày càng trở nên khó khăn hơn cho mọi người - kể cả các nhà lãnh đạo chính trị - để có thể biết được cái gì đã xảy ra thật sự.

Người ta đã viết rất nhiều về việc truyền hình và báo chí đã làm méo mó như thế nào hình ảnh của chúng ta đối với sự thật, qua những định kiến cố ý, qua việc kiểm duyệt, và thậm chí bằng những đường lối vô tình. Những công dân thông minh đã đặt câu hỏi về tính cách khách quan chính trị của cả hai ngành truyền thông in ấn và điện tử. Tuy nhiên, có một mức độ méo mó mà đã ít được ai nghiên cứu, phân tích hoặc cảm thông.

Trong những cuộc khủng hoảng chính trị

đang diễn tiến mà các nền dân chủ có trình độ kỹ thuật cao phải đối mặt, tất cả các thành phần - chính trị gia và các quan chức, cũng như là quân đội, các nhóm cò mồi thuộc các công ty, và làn sóng đang dâng lên của các nhóm công dân - sẽ phải dùng “các chiến thuật thông tin”. Đó là những trò chơi và mưu chước về quyền lực dựa trên việc nhào nặn các thông tin - phần lớn đã được thực hiện trước khi các thông tin này đến tay ngành truyền thông.

Với tri thức đủ mọi mặt ngày càng tập trung vào quyền lực, với các tư liệu, thông tin, và kiến thức chồng chất lên nhau và tuôn ra từ các máy điện toán, các chiến thuật thông tin sẽ ngày càng trở nên có ý nghĩa hơn trong đời sống chính trị.

Trước khi chúng ta có thể hiểu được những kỹ thuật tinh vi nó sẽ hình thành quyền lực chính trị trong tương lai, chúng ta cần phải nhìn vào các phương pháp đã được sử dụng ngày nay bởi đa số những kẻ chơi trò quyền lực thành công nhất. Những kỹ thuật “cổ điển” này không được giảng dạy trong bất cứ trường học nào. Những kẻ chơi trò quyền lực chính trị khôn ngoan đều biết rõ các kỹ thuật này bằng trực giác. Các luật lệ về trò chơi này chưa được thành văn và hệ thống hóa.

Cho đến khi đạt đến điều này, mà nói đến “chính phủ mở cửa”, “công dân có đầy đủ thông tin” hoặc “công chúng có quyền biết”, đó chỉ là một cách

nói theo tu từ học. Bởi lẽ các chiến thuật thông tin này lại đặt câu hỏi về một số các điều khẳng định cơ bản nhất của chúng ta.

BÍ MẬT CỦA CÂY CỎ MỤC VÀ NHỮNG VIỆC ĐỂ LỌT TIN CÓ HƯỚNG DẪN

Ngày 4.7.1967, tại Nhà Trắng, Tổng thống Lyndon Johnson đã ký một văn kiện được gọi là Bộ Luật Tự do thông tin. Tại buổi lễ ký kết, tổng thống đã tuyên bố “tự do thông tin thật có tầm quan trọng, có tính tồn vong mà chỉ có ngành an ninh quốc gia, chứ không phải ý muốn của các viên chức nhà nước hoặc các công dân riêng biệt, mới có thể quyết định khi nào thông tin phải hạn chế”.

Tổng thống Johnson vừa mới nói như trên thì một ký giả đã hỏi ngay là anh có thể xin một bản sao của bản thảo chính cho ghi những nhận xét này. Đó là điều yêu cầu đầu tiên đã được đưa ra trong lúc đầy bối rối cảm hứng của Tổng thống về những sự tự do mới mẻ do bộ luật đảm bảo ban hành.

Tổng thống Johnson đã từ chối người ký giả một cách lạnh lùng.

“Chiến thuật giữ bí mật” là một chiến thuật thông tin đầu tiên, có lẽ xưa nhất, và được phổ biến rộng rãi nhất. Hiện nay, Chính phủ Hoa Kỳ phân loại khoảng 20 triệu văn kiện thuộc loại bí

mật mỗi năm. Hầu hết các văn kiện này thuộc các vấn đề quân sự hoặc ngoại giao - hoặc thuộc những vấn đề có thể làm rối trí nhà cầm quyền. Thế nhưng, nếu như những điều ấy có vẻ phản dân chủ và thậm chí còn đạo đức giả nữa, tại đa số các quốc gia khác còn quá bí mật hơn, định nghĩa mọi thứ từ vụ mùa cỏ mực đến việc thống kê dân số, họ đều cho tất cả là thuộc bí mật quốc gia. Một số các chính phủ tự coi mình là thương quốc. Thực sự mỗi hành động của họ đều là bí mật quốc gia, quốc phòng, trừ phi được họ công khai tuyên bố ngược lại.

Bí mật là một trong những công cụ đòn áp của quyền lực và tham nhũng nhưng nó cũng có những đức tính của nó. Trong một thế giới tràn ngập với những viên tướng kỳ quặc, những chính trị gia bạch phiến, và các nhà thần học sát nhân, những bí mật là cần thiết để bảo vệ an ninh quân sự. Hơn nữa, bí mật giúp cho các quan chức có thể nói những điều mà họ không dám hở môi trước ống kính truyền hình - kể cả những việc cần nói ra. Họ có thể công kích các chính sách của cấp trên của họ mà không công khai làm các vị này lúng túng. Họ có thể thoả hiệp ngầm với những kẻ địch. Hiểu biết phải làm thế nào và khi nào có thể sử dụng sự bí mật là một tài khéo tuyệt vời của chính khách và của viên chức.

Các bí mật gõ cửa cho việc nổi dậy của chiến

thuật - thông tin thông thường nhất đợt hai, một công cụ quyền lực cổ điển khác: “Chiến thuật tiết lộ có hướng dẫn”.

Một số bí mật được giữ kín, những bí mật khác được tiết lộ ra. Một khi vì sơ ý để bí mật lọt ra ngoài, đó chỉ là do sự bất cẩn, bất lực không giữ nổi bí mật. Những vụ để lọt bí mật ra ngoài như vậy, chắc phải làm cho các quan lớn điên đầu. “Tại sao”, một viên chức CIA hình như đã hỏi câu này “chúng ta cần phải gửi bản đánh giá Trung Quốc đến cho các Bộ Tư lệnh quân sự Hoa Kỳ ở nước ngoài vì ở đó là nơi phải hành động? Nhưng đó cũng là nơi mà tin tức có thể bị tiết lộ nữa”. Nói tóm lại, tốt hơn là nên giữ bí mật các thông tin thay vì gửi nó đến những nơi có người cần.

Trái lại “những sự tiết lộ có điều khiển” là những tên lửa thông tin, được phóng lên có định hướng và bắn vào mục tiêu chính xác.

Tại Nhật Bản, các vụ để lọt tin có mục đích đã đưa đến những hậu quả vô cùng tác hại. Vụ tai tiếng về tài chính của hãng Recruit Cosmos, đã đưa đến việc báng khỏi chức vụ Thủ tướng Noboru Takeshita năm 1989, tạo cơ hội một ngày đẹp trời để những ai xì tin thuộc giới thân cận của văn phòng công tố viện trưởng là ông Yusuke Yoshinaga, tung ra cho báo hàng ngày, như theo lời ông Takashi Kakuma, tác giả quyển sách về tham nhũng tại Nhật Bản, như sau: “Nếu không có những vụ tiết lộ bí mật ra cho

báo chí như vậy, tôi chắc chắn rằng vụ điều tra của họ đã phải ngừng rồi..."

Các thông tin viên nhà báo đã nhận được một cách thận trọng những thông tin sốt dẻo đúng thời điểm, như những bước đi của vũ công trong một điệu vũ ba lê tuyệt đẹp. Bằng cách xì các chi tiết ra cho báo chí như vậy, các vị công tố viên đã ngăn ngừa không để cho các vị tai to mặt lớn trong Bộ Tư pháp ém nhém cuộc điều tra và bảo vệ Chính phủ Takeshita và Đảng Dân Chủ tự do. Nếu không có những vụ để lọt tin có điều khiển này, chính phủ chắc hẳn sẽ còn tồn tại.

Tại Pháp cũng vậy, việc tiết lộ bí mật đã đóng một vai trò chính trị rất quan trọng trong lịch sử. Tường thuật lại những nỗi khó khăn của nước Pháp trong việc tháo gỡ ra khỏi chiến tranh Đông Dương, một văn kiện của Nhà Trắng có đoạn viết như sau: "Tiết lộ và chống tiết lộ (sic) là một chiến thuật chính trị trong nước khả dĩ chấp nhận... Thậm chí những bản phúc trình tối mật hoặc những lệnh liên quan đến chiến tranh, nhiều khi cũng được cho đăng không sót một từ trên các trang của những tờ báo chính trị".

Phổ biến nhất là những vụ để lọt tin ở London, mà theo lời ông Geoffrey Pattie, một Bộ trưởng Thương mại và Công nghiệp, chúng đã tạo thành một màn khói nghi ngò rất có hại cho mọi sự sáng tạo. Ông cho rằng các viên chức nhà nước

ngần ngại không dám nói lên một ý kiến mới, vì sợ rằng nó sẽ bị tiết lộ ngay tức khắc và biến tác giả nó thành một trò cười cho thiên hạ, trước khi ý kiến này có hy vọng được cứu xét.

“Thế nhưng trừ phi có một người nào đó đã suy nghĩ”, ông Pattie nói tiếp, “điều đó sớm hay muộn gì cũng biến thành đồng thanh tương ứng, nếu không thì không có ý kiến gì mới được đưa ra và cũng không có ý kiến nào cũ được cập nhật”.

Tại Washington, nơi mà các vụ tiết lộ có điều khiển xuất phát từ một nguồn tin vẫn không xác nhận có tên là Deep Throat đã bắt buộc tổng thống Nixon phải từ chức, và nơi mà những vụ tiết lộ có điều khiển vẫn còn là một hiện tượng hàng ngày, nỗi sợ hãi bị bật mí đang lan tràn. Ông Dave Gergen cựu giám đốc thông tin của Nhà Trắng đã nói như sau:

“Mười lăm năm trước đây các vị phụ tá tổng thống đều cảm thấy tự do để viết các memos và có quyền không đồng ý với nhau một cách nghiêm trọng và sâu sắc - và cả với Tổng thống nữa. Vụ Watergate đã chặn đứng tất cả việc này. Người ta đã nhanh chóng hiểu rằng không bao giờ nên viết bất cứ điều gì trên giấy tờ để sau này bạn sẽ mất ăn mất ngủ vì thấy nó được đăng trên trang nhất của báo Bưu điện Washington... Đừng có bao giờ nói bất cứ điều gì có thể gây ra tranh luận trong một cuộc đàm thoại mà có hơn một người khác có mặt”.

Ông còn nhấn mạnh đến hậu quả mỉa mai là “Khi mà các vấn đề thật sự vô thưởng vô phạt được đưa ra, thì cả một đội quân cán bộ - công nhân viên chức dỗ xô tới để nghiên cứu (sic). Nhưng khi có vấn đề gì quan trọng hơn thì ít người dám dính dáng vào - hầu hết lý do duy nhất là sợ bị lọt tin”!

Lẽ dĩ nhiên, cũng chính những viên chức đã công kích thậm tệ những người tiết lộ bí mật, bẩn thân họ lại rất thường là nguồn gốc duy nhất để xì ra những thông tin được tiết lộ có định hướng. Trong thời gian phục vụ tại Nhà Trắng, ông Henry Kissinger có lần đã ra lệnh thâu băng các cú điện thoại của nhân viên thuộc bộ tham mưu của mình để tìm hiểu họ có tiết lộ các thông tin gây bối rối ra cho báo chí và Quốc hội hay không. Nhưng bẩn thân ông Kissinger đã và vẫn tiếp tục là “bậc thầy trong việc tiết lộ bí mật”.

Thế nhưng, các điều bí mật và tiết lộ có điều khiển, chỉ là hai chiến thuật thông tin quen thuộc nhất đã được sử dụng trong chiến tranh chính trị và các cơ quan chính quyền. Nhưng chúng có thể không phải là quan trọng nhất.

NÉM ĐÁ GIẤU TAY

Bất cứ một tư liệu, hoặc thông tin, hoặc tri thức nào đã được truyền đi, đòi hỏi phải có điều kiện: (1) Nơi xuất xứ hoặc nơi gửi, (2) Các tuyến

hoặc ngành truyền thông để chuyển đạt bản tin, (3) Người nhận, và đương nhiên (4) Nội dung bản tin. Các nhà chơi trò quyền lực can thiệp vào mỗi một điểm này.

Hãy lấy ví dụ về người gửi.

Khi một bức thư đã đến trong số thư từ của bạn, việc đầu tiên mà chúng ta thông thường muốn biết là do ai gửi đến. Thật ra, lý lịch của người gửi là phần quan trọng nhất trong bất cứ bức thư tín nào. Ngoài các lý do khác nó còn giúp ta xác định bức thư ấy đáng tin đến mức độ nào.

Do đó mới biết tại sao người ta thường sử dụng “Chiến thuật Ném đá giấu tay”. Một nhóm công dân không đảng phái thường lấy danh nghĩa này nọ để gửi đi hàng triệu bức thư gây quỹ, thật sự có thể do một đảng phái chính trị tài trợ và kiểm soát. Một uỷ ban hoạt động chính trị với một cái tên thật kêu, có thể được điều hành bởi những tay đàn em của tập đoàn công nghiệp diều hâu. Một tổ chức có tiếng yêu nước có thể do nước ngoài giật dây. Cả hai cơ quan mật vụ KGB và CIA đã chuyển tiền dưới hình thức ngụy trang để tài trợ các nhà xuất bản, các công đoàn và những định chế khác tại các quốc gia mục tiêu của mình và nuôi dưỡng các tổ chức thân hữu. “Chiến thuật Ném đá giấu tay” là căn bản của các nhóm mũi nhọn trong tất cả các đòn chính trị.

Nhưng việc giấu tên người gửi có thể được thể

hiện dưới nhiều hình thức, trong nhiều khuôn khổ khác nhau, từ các nhà nuôi cорм tháng đến các phòng biệt giam trong trại tù.

Một nữ tù nhân can tội giết người có lần đã mô tả làm thế nào chị có thể khống chế một tên cai ngục đã tiến công chị. Chị bảo chị có thể viết một thư khiếu nại lên bộ chỉ huy trại giam. Thế nhưng, nếu anh lính canh biết được, đòi chị chắc sẽ khốn nạn hơn nữa. Chị bảo chị cũng có thể xin gặp ông trưởng trại giam và làm đơn gửi đến một nhà chính khách để khiếu nại về sự đối xử tàn nhẫn, và khẩn cầu ông nên làm áp lực đối với trại giam để gọi anh lính canh về. Thế nhưng việc này thậm chí còn rủi ro hơn.

“May mắn thay”, chị nhận xét bằng một câu nói bất hủ là “các nhà tù đều đầy rẫy những con người lý tưởng”. Do đó, chị nói “Tôi có thể kiểm ra một người bạn tù để viết đơn gửi lên nhà chính khách thay tôi”, như thế có thể che giấu được nguồn gốc thật sự của bức thư.

Các viên chức của công ty tư nhân cũng như các nhà nước thường chơi trò thay đổi trong cuộc chơi này. Khi một nhân viên loại tép riu “chơi trèo” bằng cách mạo tên của cấp trên (thường thường là không được phép) để hoạt động một thăng lợi nào đó, tức là đương sự đang sử dụng Chiến thuật Ném Đá Giấu Tay.

Một trò ảo thuật khó diễn xuất thuộc loại

chiến thuật Ném đá dấu tay đã ảnh hưởng đến chính sách của Hoa Kỳ trong cuộc chiến tranh Việt Nam! Nó được đem ra sử dụng năm 1963, khi có bản phúc trình do ông Bộ trưởng Quốc phòng Robert Mac Namara và Tướng Maxwell Taylor đã cố vấn cho Tổng thống và Quốc gia là “Cần phải có khả năng rút khỏi nhân viên Hoa Kỳ” vào cuối năm 1965.

Bảng dự báo này được yểm trợ bằng các tư liệu cho là gốc từ Sài Gòn cung cấp. Cái mà những người đọc bản phúc trình không được ai nói cho biết là hầu hết những tư liệu ghi ngày tháng xuất xứ từ Sài Gòn đã được soạn thảo tại Washington, rồi chuyển sang Sài Gòn để có thể gửi trở lại Washington xem như các tư liệu này thật sự ở mặt trận đưa về. Nguồn tin được trá hình để cho các tư liệu được nhiều chính xác hơn.

Một loại văn kiện đặc biệt Ném đá giấu tay là những văn kiện hoàn toàn ngụy tạo.

Rất ít khi được sử dụng trong việc tranh chấp hàng ngày giữa các cơ quan với nhau, loại hình này rất nổi tiếng trong các vấn đề quốc tế, nơi mà có những văn kiện được ngụy tạo một cách kỳ lạ đã có lần thay đổi cả lịch sử - chẳng hạn như bức điện tín Zimmermann đã giúp thúc đẩy Hoa Kỳ vào cuộc Thế chiến thứ I.

Năm 1986 Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã công khai trình bày một văn kiện được xem là ngụy tạo,

vì đã tường thuật một phiên họp “kín” tại Lầu Năm Góc. Văn kiện này đã trích lời ông Bộ trưởng Quốc phòng Caspar Weinberger khi ông ta nói rằng chương trình SDI, sáng kiến Phòng thủ chiến lược, sẽ “cho phép Hoa Kỳ có khả năng đe doạ Liên Xô bằng một quả đấm thôi sơn”. Nếu đúng, câu trích dẫn trên chắc hẳn đã làm cho Liên Xô cương quyết hơn trong lập trường của họ chống lại chương trình SDI.

Thế nhưng, đó chỉ là một văn kiện dởm được cho lưu hành tại Tây Đức (phỏng đoán là của Liên Xô) như là một phần của chiến dịch công khai nhằm động viên tinh thần chống SDI. Một văn kiện ngụy tạo khác về SDI đã xuất hiện trên báo chí Niger.

Gần đây hơn, một tài liệu ngụy tạo chống Nhật Bản đã xuất hiện ở Washington khi Dân biểu Tom Mc Millen đứng lên tại Hạ nghị viện đọc cái mà ông ta gọi là một “bản Tham luận nội bộ cao cấp của Chính phủ Nhật”.

Rõ ràng là được đệ trình lên cho Thủ tướng do vị “Phụ tá đặc biệt về phối hợp chính sách” của mình soạn thảo, bản tham luận kêu gọi sự đầu tư của Nhật Bản vào Hoa Kỳ nên được thực hiện tại các quận có bầu ra dân biểu để các vị này có thể dùng ảnh hưởng của mình để tác động lên các chính sách của Hoa Kỳ.

Không có gì đã có thể được hoạch toán một cách kỹ lưỡng hơn là gia tăng việc đầu tư của

Nhật Bản vào Hoa Kỳ. Thế nhưng thay đổi vì đó là một văn kiện của Chính phủ Nhật, đó là một sản phẩm giả tưởng gây khó khăn, được biết là của ông Ronald A. Morse một viên chức của chương trình Á vận thuộc Trung tâm Woodrow Wilson dành cho các nhà học giả. Ông Morse nói rằng ông đã viết tài liệu này chỉ nhằm mục đích để chứng minh một cách sống động, điều mà ông ta tin tưởng là thái độ của người Nhật hiện nay. Ông ta khẳng định rằng ông ta đã bảo cho những người nhận biết văn kiện này là dởm.

NHỮNG KẺ ĐÂM SAU LƯNG VÀ CÁC ĐƯỜNG ĐI CỦA SAU

Tất cả công hàm đều được chuyển gửi theo các tuyến. Nhưng có một tuyến đặc biệt hơn các tuyến khác.

Tất cả các giám đốc đều biết rằng bản “danh sách ký tên” án định những ai có quyền xem Memo là một công cụ của quyền lực. Đặt một ai đó ra “ngoài vòng” là một cách cắt cánh để cho họ không hoạt động được. Đôi khi, người bị cho ra rìa lại là người ngồi ở chót bu.

Khi ông John H. Kelly làm Đại sứ Hoa Kỳ tại Beirut (thủ đô nước Liban - CTND), ông đã gửi báo cáo trực tiếp về cho Hội đồng An ninh quốc gia thuộc Nhà Trắng, nhờ sử dụng các phương tiện của

CIA, thay vì qua hệ thống chỉ huy bình thường là Bộ Ngoại giao. Điều này có nghĩa là ông đã để cho ông chủ của mình, ông Bộ trưởng Ngoại giao P. Shultz ngồi chơi xơi nước.

Ông Kelly, khi ở Washington, cũng đã nhiều lần gặp Oliver North và các quan chức khác của Hội đồng An ninh quốc gia (NSC) và được biết kế hoạch của họ là bán vũ khí cho Iran để đổi lấy các con tin - một kế hoạch mà ông Schultz đã có ý kiến không tán thành.

Ông Bộ trưởng Schultz đã nổi cơn giận lôi đình khi ông biết được sự việc xảy ra ở Beirut, cho nên ông đã chửi thẳng Kelly một cách công khai, và ra lệnh chính thức cho các nhân viên Bộ Ngoại giao không được liên lạc ngoài các tuyến của Bộ, nếu không có chỉ thị rõ ràng hoặc là của Bộ trưởng hoặc là của Tổng thống. Thế nhưng, rất ít hy vọng, là cứ một cái bệnh nào như trên sẽ không bao giờ xóa bỏ được tập quán. Các tuyến cửa sau rất có ích cho những người thay đổi quyền lực.

Khi nghe được tin này, dân biểu Hamilton, Chủ tịch Uỷ ban Tình báo Quốc hội đã vô tình nói toạc ra: "Tôi cho rằng chưa bao giờ được nghe nói đến một trường hợp như vậy từ trước đến nay - hoàn toàn qua mặt ông Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ".

Sự bức bíngh có lẽ làm mờ trí nhớ của người dân biểu. Một trường hợp giống hệt như vậy về

việc đi cửa sau đã xảy ra khi mà ông Đại sứ Hoa Kỳ tại Pakistan đã liên lạc bí mật với Hội đồng An ninh quốc gia của Nhà Trắng, lại một lần nữa qua mặt ông Bộ trưởng Ngoại giao. Trong vụ thứ nhất, việc đi cửa sau đã do ông Henry Kissinger dàn dựng, thời ông ta còn đứng đầu cơ quan NSC. Ông Kissinger đã sử dụng đường dây này để sắp xếp sứ mệnh bí mật của Tổng thống Nixon đi Trung Quốc, chuyến đi này đem hậu quả là khôi phục bang giao giữa hai nước.

Kissinger là một người thích dùng "cửa sau" một cách nhiệt tình, thiết tha muôn năm lấy các thông tin không qua hệ thống quan liêu chính thức, mà qua tay mình. Tuyên bố rằng ông đã có được sự chấp thuận của Tổng thống, có lần ông đã mời Willam J. Porter, Đại sứ Hoa Kỳ tại Nam Triều Tiên trực tiếp liên lạc với mình mà không qua cấp trên của Porter, là William Roger lúc ấy làm Bộ trưởng Ngoại giao.

Trong quyển nhật ký của mình, ông Porter viết: "Đây là đường dây ngoại giao bí mật Nixon - Kissinger đang hình thành, có đủ tất cả các ám số và tất cả.... Nếu Tổng thống đồng ý cho lập một siêu mạng lưới gồm có các Đại sứ đặt dưới quyền của cố vấn an ninh của mình, mà ông Bộ trưởng Ngoại giao không hay biết gì cả, thì đó là một sự kiện mới lạ đang xảy ra trong lịch sử nước Mỹ... Mình chỉ còn biết kết luận là mình đúng là một

thằng bé nhà quê và chỉ còn biết cúi đầu”.

Khi hiệp ước SALT đang được thương thảo với Liên Xô, toán tình báo của Hoa Kỳ tại Genevarq do ông Gerard C. Smith cầm đầu. Nhưng Kissinger và các vị Tham mưu trưởng Liên quân tại Lầu Năm Góc đã bố trí một tuyến riêng để một số nhân viên văn phòng có thể liên lạc trực tiếp với họ mà ông Smith không hay biết.

Kissinger cũng đã duy trì một lối đi "cửa sau" với Moscow một lần nữa đã qua mặt Bộ Ngoại giao, bằng cách gửi công hàm đến Bộ Chính trị thông qua Anatoli Dobrynin, hơn là qua các chuyên gia liên hệ tại Bộ Ngoại giao hoặc các đồng nghiệp của họ thuộc Bộ Ngoại giao Liên Xô. Chỉ có một số ít nhân vật tại Moscow - trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư, và trong giới ngoại giao Liên Xô - là có hay biết về những công hàm đã đi qua lại như thoi đưa theo con đường này.

Việc sử dụng Chiến thuật con đường" của sau" trú danh nhất - và có lẽ là đầy số phận nhất - đã giúp cho thế giới tránh được cuộc Thế chiến thứ III.

Trường hợp này đã xảy ra trong việc đẩy lùi tên lửa Cu Ba. Nhiều bức công hàm chính thức đã được đá qua đá lại giữa Tổng thống Kennedy và nhà lãnh tụ Xô Viết Khrushchev trong khi cả thế giới nín thở. Các tên lửa Nga tại Cu Ba đã nhắm hướng bắn vào lãnh thổ Hoa Kỳ. Tổng thống

Kennedy đã ra lệnh hải quân phong toả. Đúng vào thời điểm căng thẳng cao độ ấy, Khrushchev đã phái Aleksandr Fomin, trưởng ngành mật vụ KGB của mình ở Washington đến gặp một nhà báo Mỹ là ông John Scali, mà trước kia Fomin đã có lần được gặp.

Đến ngày thứ tư của cuộc khủng hoảng, với sự nguy hiểm leo thang lúc bấy giờ, Fomin đã hỏi Scali là ông ta có nghĩ rằng liệu Hoa Kỳ có đồng ý sẽ không xâm lăng Cuba nếu Liên Xô rút các tên lửa và máy bay ném bom của họ ra khỏi Cuba chăng. Công hàm này, do ông nhà báo chuyển đến Nhà Trắng, đã cho thấy đó là bước ngoặt then chốt trong cuộc khủng hoảng.

VIỆC CAM KẾT NƯỚC ĐÔI

Thế nhưng ngay cả việc sử dụng Chiến thuật "cửa sau" cũng đơn giản, nếu so sánh với phương pháp tinh vi hơn nhiều, có thể được gọi là Chiến thuật nước đôi - là gửi các công hàm chính và phụ hoặc mâu thuẫn với nhau qua các tuyến khác nhau để thử nghiệm xem phản ứng thế nào hoặc gieo nghi ngờ và kinh chống lẫn nhau giữa những người nhận.

Đã hai lần sự việc xảy ra, khi thương thuyết về hệ thống tên lửa không điều khiển, giữa ông Kissinger và Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô Alexei

Gromyko, mỗi bên đều dựa vào việc sử dụng của sau để qua mặt hệ thống chỉ huy chính thức của mình. Trong những buổi thương thảo này, vào tháng 5/1971 và tháng 4/1972, Kissinger đã có lý do để nghi ngờ rằng phía Nga đang sử dụng Chiến Thuật Nước Đôi để chống lại mình.

Mấy năm sau đó Arkady Schevchenko một cựu phụ tá của Gromyko, đã đảo ngũ sang Hoa Kỳ và viết trong cuốn hồi ký của mình là sự nghi ngờ trước đây của Kissinger là không thích đáng. Thật ra đó không phải là một sự cam kết rõ ràng nào nhưng là một sự nhầm lẫn, đã xảy ra vì lý do có một quan chức Nga đã “thi hành dựa trên những chỉ thị đã quá ngày (date) của Moscow, vì không biết chỉ thị nào tốt hơn”. Dù có đúng hay không đúng, vấn kiện này không có liên quan tại đây. Nhưng điều rõ ràng là Tuyến Cửa Sau và Tuyến Nước Đôi là những kỹ thuật được sử dụng nhiều nhất để đổi thay quyền lực.

VỀ PHÍA NGƯỜI NHẬN

Cũng có loạn xà ngầu các trò chơi chói mắt về phía bên nhận trong thủ tục truyền thông.

Trò quý thuật thông thường nhất là Chiến thuật tiếp cận - có nghĩa là mưu mô để kiểm soát việc tiếp cận thông tin đưa lên cho cấp trên của mình, và do đó lèo lái được nguồn thông tin mà vị

này sẽ nhận. Các vị giám đốc chόp bu cũng như các thư ký tép riu đều rất biết rõ thứ trò chơi này. Những sự đấu đá lẫn nhau để được tiếp cận quá thông thường nên không đáng phải bàn thêm nữa.

Rồi đến Chiến thuật cần phải biết, rất được ưa chuộng bởi các cơ quan tình báo, các tên khủng bố, và các phong trào chính trị nằm vùng, bằng cách cách ly các tư liệu, thông tin, và tri thức và giàu kĩ không cho ai biết trừ một số giới chức có thẩm quyền “cần phải biết”.

Đối nghịch với chiến thuật này là Chiến thuật không cần biết. Một vị Bộ trưởng trong Nội các tại Nhà Trắng đã giải thích như sau:

“Liệu tôi, với tư cách là một quan chức tại Nhà Trắng, đã biết được gì? Biết được việc này có nghĩa là tôi phải làm sao? Có thể nào người đã nói cho tôi biết lại đi đến một người nào khác và nói “tôi đã thảo luận vấn đề này với Nhà Trắng rồi chăng? Điều ấy có thể làm cho tôi phải mắc mía vào một cuộc tranh cãi bất lịch sự giữa hai người khác mà tôi không biết gì cả về vấn đề họ đang chơi và cũng không có gì để liên can với... Có nhiều điều mà tôi không muốn biết chút nào”.

Chiến thuật không cần biết cũng được các cấp dưới sử dụng để bảo vệ cho cấp trên của mình, để cho vị lãnh đạo ở trong một vị thế có thể nói rằng hoàn toàn không hay biết, nếu sự việc đã đổ bể. Trong thời gian điều tra vụ Irangate một mẫu

chuyện khôi hài đã lan truyền khắp Washington như sau:

Hỏi: Có bao nhiêu vị phụ tá Nhà Trắng cần phải lắp bóng đèn cho họ?

Đáp: Không có ai cả. Họ muốn để cho Tổng thống Reagan trong bóng tối.

Cũng bằng một biểu tượng như thế, có một Chiến Thuật Bắt Buộc Phải Biết, được phổ biến hơn dưới danh hiệu CIA, hoặc memo “hãy che chở cho con lừa của bạn” (cover your ass). Ở đây người chơi trò quyền lực đoán chắc rằng một người chơi khác đã được thông báo về một việc gì, do đó nếu mọi việc đổ bể, người nhận có thể chia sẻ trách nhiệm.

Có rất nhiều trò chơi như thế này, nhưng đối với mỗi trò chơi được trình bày với những nguồn gốc, tuyển là những người tham gia sẽ có vô số quy luật và mưu chước khác nhau, được chỉ đạo ngay trong bức công hàm.

CHÀ XÁT BỨC CÔNG HÀM

Vô số loại hình lừa bịp (và tự lừa bịp) đều được tìm thấy trong các khối lượng tư liệu, thông tin và tri thức đã được trôi qua guồng máy Nhà nước làm công tác nghiên ngẫm xay xát hàng ngày. Vì khuôn khổ hạn chế của quyển sách, nên không có thể tiếp tục chứng minh và phân loại tất cả các yếu tố tại đây. Để thay thế, chúng tôi chỉ lén danh sách thêm

một số ít dưới dạng rút ngắn mà thôi.

Chiến thuật bỏ quên. Vì lý do các nền chính trị đều súc thù nghịch nhau, các công hàm chính trị thậm chí rõ ràng có tính cách lựa chọn hơn tất cả. Đặc biệt, chúng nó còn mở ra những khoảng cách sâu, nơi mà có ai đó đã áp dụng Chiến thuật bỏ quên và vứt bỏ mọi sự kiện có liên quan hoặc làm cho cân bằng quyền lực.

Chiến thuật tổng quát. Ở đây các chi tiết nào có thể dẫn đến sự đối lập tham mưu hoặc đối lập chính trị đều được che đậy bằng những bỗ sót có vẻ như vô hình. Các thông báo ngoại giao đều đầy cẩn những thí dụ - với một lối hành văn thường làm té công trí tuệ.

Các chiến thuật có thời điểm. Hình thức tiếp cận thông thường nhất đối với chiến thuật này là hoãn lại việc gửi một công hàm chờ cho đến khi quá trễ khiến bên nhận không thể hành động gì được nữa. Chẳng hạn như các văn kiện ngân sách đầy cộm đã được trút lên vai các nhà lập pháp với đòi hỏi phải được giải quyết trong mấy ngày là xong - trước khi các vị này có thể tiêu hóa và phân tích chung một cách thông minh. Các biên tập viên tại Nhà Trắng có nhiệm vụ soạn thảo các bài diễn văn của Tổng thống đều được mọi người biết rằng họ đệ trình các bản thảo diễn văn này chậm nhất nếu có thể, để cho các bộ phận tham mưu khác rất ít có thời giờ để xuyên tạc văn bản.

Chiến thuật nhỏ giọt. Ở đây, các tư liệu, thông tin và tri thức được són ra ít một vào nhiều lúc khác nhau, chứ không dồn lại thành một văn kiện duy nhất. Làm cách này thì toàn bộ vụ việc đều được làm cho vỡ ra từng mảnh để bên nhận khó nhìn thấy rõ ràng.

Chiến thuật làn sóng dâng. Khi có ai đó khiếu nại rằng mình không được thông tin đầy đủ, tay con bạc khôn ngoan bèn tung ra cho đương sự hàng đống giấy tờ, quá nhiều khiến cho bên kia bị chìm ngập không biết đâu là những sự kiện chính trong mớ bòng bong.

Chiến thuật toả hơi nước. Ở đây, một loạt tin đồn được toả ra như hơi nước trong đó có một số sự kiện có thật, để cho bên kia không thể phân biệt nổi sự kiện nào trước, sự kiện nào sau.

Chiến thuật đánh trả lại. Ở đây, một câu chuyện giả tạo được sáng tác ở nước ngoài, nó sẽ được thu nhặt lấy và báo chí trong nước in lại, tái bản. Chiến thuật này được các cơ quan tình báo và tuyên truyền sử dụng. Nhưng thỉnh thoảng cú đánh trả là vô tình hoặc có vẻ vô tình.

Cơ quan tình báo CIA có lần đã cho đăng tải một câu chuyện trong báo chí nước Ý về tên khủng bố Red Brigade. Bài báo này được trích và đưa vào một quyển sách xuất bản tại Hoa Kỳ, và bản in thử của sách được đương kim Bộ trưởng Ngoại giao lúc ấy là ông Al Haig đọc. Khi Bộ Trưởng Haig phê bình

câu chuyện này tại một buổi họp báo, những nhận xét của vị này, đến lượt nó, lại được đăng lên ấn bản đã hoàn thành của quyển sách. Thủ tục tham chiếu ấy còn phổ biến hơn là được tưởng tượng.

Chiến thuật đai nói láo. Được dựng lên bởi Bộ trưởng Tuyên truyền của Hitler là Josef Goebbels chiến thuật này dựa trên ý kiến là nếu một câu chuyện nói láo là vĩ mô khá đầy đủ, nó sẽ được sẵn sàng có nhiều tin hơn là bắt cứ một số các điều nói láo thuần tuý có tính cách vi mô. Cũng được xếp vào loại này là bản phúc trình năm 1987 do Moscow loan truyền rằng bệnh dịch Sida trên thế giới là do CIA tung ra trong quá trình thí nghiệm chiến tranh vi trùng tại Bang Meryland. Được gieo rắc rộng rãi khắp thế giới, nhưng câu chuyện đã bị các nhà khoa học Liên Xô hoàn toàn bác bỏ.

Chiến thuật nghịch đảo. Một số ít thí dụ về việc phá đám hoặc chà xát, các sự kiện đòi hỏi phải có nhiều sự phớt lờ như Chiến thuật nghịch đảo. Chiến thuật này đơn giản là chỉ cần lộn ngược bức công hàm mặt trong ra mặt ngoài. Một thí dụ như vậy đã xảy ra cách đây không lâu tại Israel. Giữa Thủ tướng Yitzhak Shamir và Bộ Trưởng Ngoại giao Shimon Peres, hai bên không ưa nhau. Đến nỗi ông Shamir đã chỉ thị cho Bộ Ngoại giao thông báo cho tất cả các Đại sứ quán của mình trên khắp thế giới rằng ông Peres không có uy tín gì để triệu tập một hội nghị quốc tế nhằm giải quyết vấn

đế Ả Rập - Israel.

Bộ tham mưu của ông Peres tại Bộ Ngoại giao tiếp nhận bức công hàm của Thủ tướng, nhưng chỉ cao sửa đi một chút ít và gửi công điện đi các nơi viết đúng những điều trái ngược lại. Sau này khi một quan chức cao cấp được hỏi là việc ấy làm thế nào đã có thể xảy ra, ông ta trả lời: “Làm thế nào mà ông có thể hỏi một câu như vậy? Đây là chiến tranh mà”.

CÁC CHIẾN SĨ ĐÁNH XÁP LÁ CÀ VÀ NHỮNG VIÊN CHỨC THAM MUỐU CỦA XE

Đưa ra danh sách dài này về các kỹ thuật được sử dụng rộng rãi để ngụy tạo các công hàm đã trôi nổi qua các cơ quan nhà nước, rõ ràng là rất ít lời tuyên bố, công hàm, hoặc “sự kiện” trong đời sống chính trị, hoặc của chính phủ mà có thể đánh giá theo mặt nổi của nó. Hầu như không có cái gì là vô thưởng vô phạt đâu. Đa số các tư liệu, thông tin, và tri thức luân lưu trong bộ máy nhà nước đều đã được biến chế quá nhiều vì lý do chính trị khiến cho thậm chí nếu chúng ta hỏi (Cuibono?) - nó phục vụ cho quyền lợi của ai? - và dù cho chúng ta có nghĩ rằng chúng ta đã tìm được câu trả lời, chúng ta vẫn không có khả năng nhìn xuyên qua “cuộn chỉ” để thấy sự thật nằm bên trong ấy.

Và tất cả những việc này đã xảy ra trước khi

ngành truyền thông xào nấu thêm nữa sự thật để đáp ứng các yêu cầu riêng của họ. Sự chà xát của các phương tiện truyền thông chỉ càng làm cho biến chất thêm các “sự kiện”.

Cái khó khăn của những gì chúng ta vừa thấy đã dẫn đến đỉnh cao của mối quan hệ giữa dân chủ và tri thức. Một quần chúng được thông tin đầy đủ được coi là điều kiện tiên quyết cho nền dân chủ. Thế nhưng chúng ta hiểu thế nào về từ “thông tin đầy đủ”?

Thu hẹp lại sự bí mật quốc gia và cho phép công chúng được tiếp cận rộng rãi với các văn kiện tài liệu là những điều cần thiết trong bất cứ một nền dân chủ nào. Thế nhưng, đó chỉ là những bước đầu yếu ớt. Bởi vì muốn hiểu các văn kiện ấy, chúng ta cần phải biết rằng chúng đã được biến chế ra sao trên con đường trao từ người này qua tay người khác, từ cấp này lên cấp khác, từ cơ quan này sang cơ quan khác trong bộ máy tiêu hóa quan liêu thư lại của chính quyền.

“Nội dung” đầy đủ của bất cứ bức công hàm nào cũng không hiện ra trên trang màn ảnh nhỏ của chiếc máy điện toán. Sự thật, nội dung chính trị quan trọng nhất của văn kiện có thể là lịch sử của thủ tục biên soạn.

Ở một mức độ còn sâu hơn nữa, sự xuất hiện lộ liễu của các chiến thuật thông tin được khai thác nhiều nhất đã gieo nghi ngờ trên bất cứ quan niệm

luyến tiếc nào cho rằng chính phủ là một hoạt động “cấp tiến” hoặc các nhà lãnh đạo đều có khả năng ban hành quyết định “có tính khách quan”.

Cựu Thủ tướng Anh Winston Churchill đã đúng khi ông từ chối đọc các bản phân tích tình báo “đã được sàng lọc và tiêu hóa”, thay vào đó, cứ muốn nhìn thấy các “tài liệu xác định với bản chính, để bản thân ông có thể rút các kết luận. Tuy nhiên, rõ ràng đó là điều không thể làm được nếu giới chức nào có thẩm quyền ban hành quyết định cũng muốn đọc tất cả những tư liệu sống, tất cả các thông tin, và bám víu vào tất cả tri thức cần thiết để quyết định.

Điều mà chúng ta đã thấy tại đây thật ra chỉ là một số ít các mánh mung trong công việc mậu dịch, được khai thác bởi những anh hùng hảo hán chính trị khôn ngoan ngoài đường và những tay chuyên làm công tác tham mưu thoát đầu tại các thủ phủ trên thế giới, từ Seoul đến Stockholm hoặc từ Bonn đến Bắc Kinh. Các chính khách và các quan chức ưu việt biết rõ như đi guốc vào bụng nhau, rằng các tư liệu, thông tin, và tri thức là những vũ khí của kẻ thù - đã được nạp đạn sẵn và sẵn sàng để nổ súng trong cuộc đấu tranh để giành quyền lực, nó góp phần vào đời sống chính trị của các quốc gia.

Thế nhưng, việc mà hầu hết bọn họ chưa được biết, là tất cả những nỗ lực và thủ thuật mưu ma

chucher quý ấy hiện nay phải được xem là đồ chơi trẻ con trong các nhà trẻ. Bởi lẽ sự đấu đá tranh giành quyền lực sẽ thay đổi khi mà tri thức về các tri thức đã trở thành nguồn gốc chính của quyền lực.

Như chúng ta sẽ thấy sau đây, chúng ta đang bước vào kỷ nguyên của các “chiến thuật siêu hình” trong các lò trí tuệ mà chúng ta gọi là chính phủ, biến chuyển toàn bộ trò chơi quyền lực thậm chí còn lên đến một cấp cao hơn nữa.

CÁC CHIẾN THUẬT SIÊU HÌNH

Một sự việc “mới toanh” không ai hề hay biết trên trường chính trị đã được đánh dấu vào năm 1989. Đó chính là cái năm mà John Sununu bước vào Nhà Trắng với tư cách là Bộ trưởng bộ tham mưu, chắc chắn đã làm ông ta được cả thế giới biết tiếng là viên chức cao cấp nhất trong “ngành điện toán”. Trong một thế giới đầy rẫy những kẻ mù mờ điện toán, ông ta là người biết đọc và biết viết điện toán đầu tiên đã chiếm lĩnh một trong những đỉnh cao danh vọng trong quyền lực chính trị.

Là một kỹ sư cơ khí, Sununu đã đậu bằng tiến sĩ ở Viện Kỹ thuật Massachusetts (MIT) và được xem như một tay phù thuỷ, có thể nhận biết và chỉnh các điểm sai lầm trong chương trình điện toán và vấn đề mẫu mã toán học ấy phải đặt nền tảng cho một lời tuyên bố về sinh thái. Mặc cho người ta suy nghĩ thế nào về quan điểm chính trị của mình cũng được, ông Sununu chắc chắn là phải hiểu rõ cái tiềm năng quyền lực của thông tin điện toán.

Trước khi đến Washington, ông Sununu đã là thống đốc bang New Hampshire. Lúc ấy, khi ông Sununu thiết trí một hệ thống kiểm soát thuế vụ và tài chính điện tử cho bang này, nhiều vị trong ngành lập pháp đã đòi được tiếp cận với các dữ liệu tồn trữ trong bộ nhớ chính của máy IBM, Sununu đã trả lời lấp lửng bằng chuyện bên lề những việc họ yêu cầu, và tuyên bố “họ sẽ nhận được những thứ mà chúng ta nghĩ rằng họ cần”.

Theo tờ tuần báo Time, ông Sununu “hình như đang cố gắng để chuyển cán cân quyền lực “bằng cách” ôm khư khư các dữ kiện điện toán tài chính của bang sát trong lòng”.

Cuối cùng, vị Thống đốc cũng phải gắng gượng trao cho một nhà lập pháp một khẩu mật để có thể tiếp cận với một số (không phải hết) các dữ liệu đang được tranh chấp. Cũng tương tự như vậy, mặc dù một tòa án của bang đã phán quyết rằng các công dân có quyền xem và xin bản sao các văn kiện công, ông Sununu đã nhấn mạnh rằng quyết định này không áp dụng cho các dữ kiện điện toán. Sununu với cương vị thống đốc bang, đã hiểu biết đầy đủ về quyền lực của tri thức đối với tri thức.

DÂN ESKIMOS VÀ NHỮNG NGƯỜI LAO ĐỘNG TRÍ ÓC

Hành động của ông Sununu ở New Hampshire

khó lòng gọi là tế nhị: Đóng dấu Tư - Mật lên một văn kiện hoặc từ chối không cho tiếp cận là một chiến thuật đã cũ mèm. Nhưng nhiều thiết bị mới, tinh xảo hơn - đa số dựa trên căn bản điện toán - hiện nay có thể sẵn sàng để cho những ai muốn sử dụng để kiểm tra các dữ liệu, thông tin và tri thức.

Thực tế chúng ta đang chứng kiến một sự đấu đá diễn ra trên cấp cao của quyền lực - tuy ít rõ ràng hơn nó phản ánh mức độ leo thang của sự trùu tượng và phức tạp trong xã hội nói chung, vì nền kinh tế siêu tượng trưng đang lan rộng khắp nơi.

Hãy lấy ví dụ về máy điện toán. Ngày nay chúng ta sử dụng các máy điện toán để xây dựng các máy điện toán. Chúng ta cũng đang triển khai hệ CASE là công nghiệp phần mềm do điện toán trợ lực. Việc này dựa vào cái mà chúng ta gọi là “phần mềm siêu đẳng” phần mềm được thiết kế để sản xuất phần mềm. Ta có thể tưởng tượng đến một tương lai trong đó hệ CASE được sử dụng để sản xuất bản thân phần mềm siêu đẳng, trong một sự thoái bộ vô tận, vì quá trình cứ leo dần lên cao hơn về mặt trùu tượng.

Cũng đại loại như vậy, vào những năm đầu của thập niên 80 “các máy tính dẹt mỏng như tờ giấy” đã được phổ biến nhanh chóng trên thế giới của doanh thương. Các chương trình điện toán này đã cho phép hàng trăm nghìn người sử dụng ghi

các con số này thành hàng, như trong một quyền sổ kế toán, và xài chúng dễ dàng. Bởi lẽ các thiết bị này có thể trình bày một cách máy móc là một sự thay đổi của một con số hoặc một biến thiên sẽ tác động đến những con số khác, do đó chúng đã tập cho cả một thế hệ người sử dụng quen với lối suy nghĩ theo các câu hỏi “cái gì nếu”. Cái gì có thể xảy ra nếu chúng ta tăng một sản phẩm 2 phần trăm? Cái gì nếu mức lãi suất tụt xuống nửa điểm? Cái gì nếu chúng ta có thể đưa ra một sản phẩm mới ra thị trường sớm hơn một tháng? Thế nhưng các máy tính dẹp giống như những sổ kế toán truyền thống, chỉ có hai chiều, và dẹp lép như một cái bàn cờ.

Năm 1989, Công ty Phát triển Hoa Sen, nhà cung cấp lớn nhất các máy điện toán dẹp đã chào hàng các mẫu mã 1-2-3 loại 3.0. Chương trình này có thể được sử dụng để chế tạo ra các máy điện toán dẹp ba chiều tương đương về mặt kế toán như cách di chuyển các con cờ vua tới lui và qua lại trên một bàn cờ chính thống. Máy tính này cho phép người sử dụng nhại theo sự thay đổi trong ngành kinh doanh hoặc trong một tiến trình thủ tục bằng những cách phức tạp và rõ ràng hơn nhiều. Nó dẫn dắt những nhánh sử dụng có thể đặt ra các câu hỏi “cái gì nếu” thông minh hơn, một mức độ cao cấp hơn nhiều.

Hệ thống mới về việc làm ra của cải đòi hỏi một lực lượng lao động hiểu biết phù hiệu truu

tượng. Luôn luôn dầm mình trong cơn lũ lụt các tư liệu chịu đựng các phương tiện truyền thông, máy điện toán, tràn ngập giấy tờ, máy fax, điện thoại, phim ảnh, biển quảng cáo, rao hàng, memos, đơn đặt hàng, hóa đơn, và cả nghìn thứ hầm bà lằng tượng trưng khác, với hàng triệu người phải bỏ thì giờ để tham dự các buổi họp, để trình bày các ý kiến của mình, để thuyết phục, thương thảo về mặt khác trao đổi hình ảnh của nhau để đóng góp cho một dân số tràn ngập thông tin.

Đúng như những người Eskimos phát huy cao độ cảm tính của họ để phân biệt về tính chất của tuyết, và các nhà nông hầu như có thể nhận xét bằng trực giác về những đổi thay của thời tiết và đất đai, những người lao động chất xám đã trở nên thích nghi với sinh thái thông tin này.

Kỹ thuật thông tin ngày càng tinh vi đã bắt buộc những ai đó đang ngồi trên quyền lực phải đi tìm những công cụ mới, cao cấp hơn để thuyết phục và hoặc để cầm đầu xã hội.

Vệ tinh, băng truyền hình hạn chế đối tượng khám phá những điều ẩn giấu, chọn mục tiêu tổng hợp, mang lưới siêu tinh báo, bỏ phiếu cấp thời, nhại kiểu, mẫu mã toán học, và các thiết bị kỹ thuật khác như thế, đã trở nên những bộ phận không thể thiếu của môi trường chính trị tại những quốc gia giàu có. Và song song với các thứ này là những phương pháp mới phát minh để sử

dụng các thông tin điện toán, nó làm cho tất cả các chiến thuật thông tin quy ước của các chính khách hoặc của nhà hành chính quan liêu trông có vẻ thô sơ và quê kệch nếu đem ra so sánh với nhau.

Thế nhưng, cùng với những sự đổi thay trong dân số nói chung, được nuôi dưỡng bởi sự chuyển đổi sang hệ thống làm ra của cải mới, phải là một sự nâng cao cải tiến song song các dụng cụ sử dụng bởi các nhà chính trị và các quan chức trong chính phủ, nhằm bám lấy quyền hành. Đó là cái mà các chiến thuật siêu đẳng là tất cả vậy.

SỰ THẬT CHỐNG LẠI QUYỀN LỰC

Bám lấy cái mà ở đây gọi là các “Chiến thuật - siêu đẳng”, người ra phải nghĩ đến kinh doanh. Những nhà đầu tư ngày thường nhìn đến “mặt hàng mới nhất” để đánh giá tính phồn vinh và lợi nhuận của một công ty. Tuy nhiên, như tạp chí Fortune có viết: “Lợi nhuận, cũng giống như lạp xưởng... được ưa thích bởi hầu hết những kẻ không biết gì nhiều về những cái gì trong ruột nó”. Do đó, các nhà đầu tư thành thạo, không những chỉ nghiên cứu các mặt hàng mới, mà cả cái gì đẳng sau nó - cái gọi là “chất lượng của lợi nhuận”.

Họ nhìn vào các con số đã xây dựng, vào những điều xác định làm cơ sở cho những con số này, và thậm chí các mô hình kế toán và máy điện

toán dùng để xây dựng chúng . Đây là sự phân tích ở cấp cao. Chúng ta có thể nói, nó là một thí dụ đơn giản về sự phân tích siêu hình.

Khi công ty GM có thể chính thức bổ sung khoảng 2 tỉ đô la vào số lợi nhuận (biểu kiến) một năm của mình bằng cách kéo dài thời gian khấu hao các nhà máy của công ty, cắt xén các bảng phúc trình về kế hoạch trả lương hưu, sửa đổi thêm bớt trị giá các mặt hàng trên các bảng danh mục, và thay đổi giá trị ước tính của những chiếc xe hơi công ty đã cho ra khỏi nhà máy, suy nghĩ đến những gì mà nhà cầm quyền hoặc các cơ quan nhà nước có thể làm đổi với công việc kế toán của họ.

Nhà cầm quyền, lẽ dĩ nhiên, đã “sôi kinh nấu sú” từ ngàn xưa, ít nhất cũng phải từ ngày phát minh ra các sổ sách kế toán kép của các thương gia Veneti của Ý vào thế kỷ XIV. Họ đã “nghiền ngẫm” đủ các loại tư liệu, thông tin và tri thức, không chỉ thuần tuý về mặt ngân sách hoặc tài chính, kể từ ngày Một của công nguyên. Cái gì mới ở đây là tài khéo của họ để chiên xào nấu nướng, hoặc cho các dữ kiện chạy qua các làn sóng cực ngắn nhờ các máy điện toán, để kiểm tra.

Các máy điện toán rất được việc: Máy đã giúp tăng rộng rãi tiềm năng biết việc, biết làm sẵn có của các giới chức ban hành quyết định. Máy đã phát triển hiệu năng của nhiều cơ quan dịch vụ.

Máy giúp xử lý nhiều chương trình đa dạng phức tạp.

Cuộc cách mạng máy điện toán giúp cho có thể thiết kế môđen - và do đó có thể hiểu biết sâu sắc hơn - những vấn đề xã hội đa dạng, từ nạn thất nghiệp đến những phí tổn y tế leo thang và những đe doạ sinh thái, bằng những phương án mà trước nay chưa bao giờ thực hiện được. Chúng ta có thể đưa vào áp dụng nhiều môđen khác nhau cho cùng một hiện tượng. Chúng ta có thể nghiên cứu sự tác động qua lại của rất nhiều yếu tố. Chúng ta có thể tạo ra nhiều cơ sở tư liệu trên một phạm vi chưa từng thấy, và phân tích các tư liệu bằng những phương pháp vô cùng tinh vi.

Nơi mà hệ thống mới làm ra của cải có thể bám rẽ được, các chính phủ và xí nghiệp không thể quản lý mà không có máy điện toán được, chúng ta cũng không thể cấm họ làm như vậy. Các chính phủ không phải có nhiều dân chủ hơn đâu trước khi phát minh ra máy điện toán và các phương tiện kỹ thuật thông tin hiện đại khác.

Thế nhưng chính trị là quyền lực, chứ không phải là sự thật. Các quyết định được ban hành không phải dựa trên cơ sở những điều phát hiện “khách quan” hoặc hiểu biết sâu sắc, mà do các lực lượng chống nhau, mỗi một lực lượng đeo đuổi lợi ích bản thân của họ theo linh tính riêng. Các máy điện tử không có thể loại bỏ các cú tránh né cần

thiết (và hữu ích) này, cú thọc sâu và chia cắt của việc đấu đá quyền lực. Thay vào đó, máy nâng việc tranh giành quyền lực lên một cấp cao hơn.

Các nhà lãnh đạo chính trị và các quan chức cao cấp hành chính bản thân họ đều xem nhẹ việc họ đã bị lệ thuộc vào các máy điện toán như thế nào - và do đó, nhược điểm của những người biết cách sử dụng máy vào các mục tiêu quyền lực. Lý do là hầu hết các máy điện toán chính quyền đang được điều hành một cách mâu mực chỉ được thực hiện ở cấp thấp nhất thay vì những cấp cao nhất trong hệ thống giải lao động chất xám. Chúng ta không bao giờ thấy các vị Tổng thống hoặc lãnh đạo đảng bấm các phím điện toán hoặc nhìn lên màn ảnh vi tính. Thế nhưng, các nhân vật ngồi ở chót bu rất ít khi lấy một quyết định, từ việc lựa chọn một kế hoạch chiến tranh đến việc đưa ra một chính sách thuế khóa, mà không dựa vào các "sự kiện" đã được các chuyên gia sử dụng máy điện toán soạn thảo ra ở một điểm nào đó.

Dù quyết định có liên quan đến chế độ lâm sàng ở các bệnh viện, viện kiểm tra nhập khẩu, hoặc khám vệ sinh các loại thịt, vào thời điểm mà bất cứ vấn đề hoặc chính sách gì được nêu lên để bỏ phiếu hoặc quyết định, nó đã được mô tả (và phản mô tả) theo các thuật ngữ như số lượng, đồng bộ, trừu tượng và tiền chế dành cho máy điện toán.

Và tại mỗi điểm trong quá trình sản xuất, từ

việc thành lập căn cứ dữ liệu đến cách thức phân loại các thông tin, đến phần mềm được dùng để phân tích chúng, nguồn thông tin được mở cửa để sử dụng hết sức tinh vi và thường là vô hình, khiến cho các chiến thuật thông tin chính trị, theo mẫu mã quy định trở thành bí mật hoặc các sự tiết lộ xem ra rất thô sơ do so sánh.

Khi chúng ta cộng thêm những sự méo mó do các chiến thuật siêu đẳng sản xuất vào các tư liệu do các quan chức và nhà chính trị có dụng ý đưa vào để chơi các “trò chơi thông tin” quy ước như đã được mô tả ở chương trước chúng ta chỉ có thể lat đến một điều kết luận:

Tri thức chính trị chỉ có thể đến tay giới chức ban hành quyết định sau khi đã kinh qua một loạt tấm kính dị dạng. Ngày mai đây bản thân những tấm rính này sẽ còn phản chiếu đến các tấm rính khác nữa.

NGÓN TAY BỊ BẮT CÓC

Nền văn học thế giới được tràn ngập nhanh chóng với những câu chuyện rùng rợn về tội ác của máy điện toán, những vụ lừa đảo ngân hàng, trinh thám “vi rút”, xuất phát từ một máy điện toán này đến phá huỷ các bộ nhớ của những máy khác.

Những bộ phim như “Trò chơi chiến tranh” đã bi thảm hóa các nguy cơ là đã để cho những kẻ

không thẩm quyền được tiếp cận với các hệ thống máy điện toán và thông tin liên lạc đang điều khiển các vũ khí hạch tâm. Theo tài liệu của một bản phúc trình đã được ấn hành tại Pháp, Mafia đã bắt cóc một giám đốc điều hành công ty IBM và cắt đứt một ngón tay của ông ta, bởi vì họ cần dấu tay của đương sự để phá vỡ một hệ thống an ninh của máy điện toán.

Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đã phát hiện hơn một chục phương pháp khác nhau đã được sử dụng trong các hoạt động gây tội ác dựa vào máy điện toán. Các hoạt động này đi từ việc chuyển đảo hoặc cắt xén các dữ liệu khi đưa vào bộ nhớ của máy điện toán, việc đặt các chỉ thị ẩn vào trong phần mềm, việc đóng mở các máy để thoát các thông tin. Được phổ biến rộng rãi nhất là những trường hợp “vi rút máy điện toán” đã chứng minh một cách hùng hồn tiềm lực phá hoại các trục giao thông và các máy điện toán quân sự và chính trị.

Nhưng có lẽ tương đối từ trước đến nay ít có ai nghĩ đến các đường lối mà theo đó các kỹ thuật tương tự có thể làm biến dạng bộ mặt chính trị.

Một ngày nọ vào năm 1986, Jennifer Kuiper, một phụ tá tham mưu của dân biểu Ed Zochau, đã nhìn thấy trên màn ảnh máy điện toán của mình hiện ra một khoảng trống trơn. Đến khi chị chỉnh máy và sử dụng trở lại, thấy hai trăm từ đã biến mất. Bốn ngày sau đó, hàng trăm từ và địa chỉ đã

biến mất trên máy điện toán của dân biểu John McCain.

Theo dân biểu Zochau, mà bản thân ông ta cũng là sáng lập ra một công ty phần mềm trước khi gia nhập chính trị: “Mỗi một cơ quan ở thành phố Capitol Hill, có thể bị phá hoại như thế này... Nó có thể làm cho công trình mà một thành viên Quốc hội đã thực hiện được đến chỗ phải ngừng việc hoàn toàn”.

Chuyên gia J.A.Tujo viết trong tờ “Thông tin giám đốc” đã nhấn mạnh rằng, với 250.000 từ điện toán được sử dụng tại các văn phòng của luật sư Hoa Kỳ, thì “một luật sư thiếu lương tâm thuộc văn phòng tư vấn của đối thủ có thể lượm lặt thông tin bằng cách tiếp cận bất hợp pháp” với máy điện toán của các vị luật sư này và việc này có thể thực hiện nhờ mua các trang thiết bị điện tử rẻ tiền tại các cửa hiệu xếp bán Radio ở góc đường.

Thế nhưng các nhà chính trị và các quan chức, thậm chí còn có thể có nhiều nhược điểm hơn nữa. Hàng nghìn máy điện toán, mà đa số các máy này được đưa vào mạng lưới, hiện đang được thay bày tại văn phòng các dân biểu, tại gia đình của các vị dân cử và những người đại diện của họ, cũng như nằm trên bàn giấy cả hàng trăm nghìn viên chức nhà nước đang điều hành mọi việc từ quota dầu đậu nành đến các tiêu chuẩn an toàn máy bay.

Việc thâm nhập trái phép và bí mật có thể

gây ra nhiều sự khó khăn không bờ bến và chuyển đổi quyền lực bằng những phương tiện bất ngờ.

Máy điện toán cũng làm gia tăng số dân chúng đi bầu trong các chiến dịch bầu cử các cấp. Do đó, các trò chơi mới, rõ ràng không phát hiện được, có thể sắm vai trò trong chính bản thân thùng phiếu.

NHÀ MÁY CHERNOBYL TRONG THÙNG PHIẾU

Tại Seoul, Nam Triều Tiên, tháng 12/1987, sau mươi sáu năm quân đội cầm quyền, một cuộc tổng tuyển cử đã được tổ chức. Hậu quả của cuộc tranh chấp cay đắng đấu đá nhau ba mặt này cuối cùng cũng đã được chấp nhận và quốc gia đang đi trên con đường xây dựng đất nước. Thế nhưng, sau khi có kết quả, nhiều quan sát viên chính trị đã ghi nhận một số điểm đặc biệt trong cuộc bầu phiếu.

Tỷ lệ số phiếu cao hơn ước tính của người thắng, được thiết lập trong những lần kiểm phiếu sớm nhất, đã giữ nguyên không thay đổi một cách lạ lùng suốt đêm, và qua các địa phương. Một ứng cử viên rất nổi tiếng thuộc đảng đối lập tỏ ý nghi ngờ về tỷ lệ thắng cử của bản thân ông ta tại tỉnh Kwangju, đã tuyên bố rằng ông ta không tin rằng mình có thể hội đủ 94 phần trăm số phiếu. Ông xác nhận rằng dù lạc quan nhất, ông cũng chỉ có thể

thắng với tỷ lệ tối đa 80 phần trăm. Nỗi nghi ngờ lớn dần cho rằng có ai đó đã phá phách không phải các thùng phiếu, mà là các máy điện toán dùng để thống kê các kết quả.

Sự nghi ngờ này chưa bao giờ được xác nhận cho đến nay như chúng ta đã biết, nhưng Maggie Ford biên tập viên của báo Financial Times tại Seoul, viện dẫn một nhà phân tích chính trị ở Washington, đã nhấn mạnh rằng “có thể vô cùng dễ dàng nếu muốn điều chỉnh một máy điện toán để có một mẫu mã kết quả quyết định khả dĩ chấp nhận được. Máy này có thể điều chỉnh theo sự nhận định của dân chúng lựa chọn khi đi bầu, theo bối cảnh địa phương, giai cấp và tuổi tác, và những biến cố xảy ra trong thời gian chiến dịch. Một mô hình như thế có thể thiết kế tầm cỡ của đa số”.

Một mô hình như thế cũng có thể xem như là có thể được sử dụng để cắt xén các kết quả bầu cử một cách rất khéo léo tại các quận, huyện then chốt, nhằm cung cấp một thắng lợi mà không để lại dấu vết một cách lộ liễu. Việc này có thể thực hiện được nếu một người thảo chương trình tinh khôn, nắm được đúng quy luật của mật khẩu, ra lệnh cho chiếc máy điện toán phải chuyển một tỷ lệ số phiếu nào đó của một ứng cử viên này sang cho một ứng cử viên khác, rồi “đóng cổng rút cầu” - hậu quả là xóa bỏ được dấu vết của việc đã làm.

Dự án Canh bầu cử của Viện Nghiên cứu

xính sách đô thị, bản thân nó dựa vào công trình của hai nhà khoa học điện toán thuộc Viện Đại học Princeton, là Jon R. Edwards và Howard Jay Strauss, đã kết luận rằng “sự ra đời của việc đếm phiếu bằng máy điện toán trong hai thập niên vừa qua đã tạo ra khả năng gian lận và làm sai sót trong bầu cử, trên một quy mô trước đây chưa từng thấy”.

Nhiều vị có trách nhiệm trong cuộc bầu cử hiện hành không đồng ý, nhưng Dự án Canh bầu cử đã được sự ủng hộ cả ông Willis H. Ware, một nhà nghiên cứu kỳ cựu tại công ty Rand Corporation. Ông Ware còn đưa ra một nhận định kinh khủng hơn: nhược điểm của các hệ thống đầu phiếu điện tử còn lớn đến nỗi “chắc chắn sẽ có một vụ Chernobyl hoặc TMI (Đảo Ba Dặm) đang chờ đợi để nổ ra trong một cuộc bầu cử nào đó, cũng đúng như là một trận động đất đang chờ đợi để xảy ra tại California”.

Hãy tô điểm thêm cho các truyện phim dự đoán khả dĩ được chấp nhận trên đây thêm vài nét bút nữa. Hãy thử tưởng điều gì đã có thể xảy ra nếu chiếc máy điện toán đã được “lắp ráp” bởi các chuyên viên, các người thảo chương trình hoặc những nhà xây dựng hệ thống đồng bộ phục vụ cho một công ty đa quốc gia, mà họ muốn cho một nghị sĩ nào đó phải rót đài. Hoặc hãy thử tưởng tượng rằng một thùng phiếu điện tử hiện thuộc quyền

kiểm soát gián tiếp, bí mật, không phải của một đảng phái hoặc một công ty mà là của một quyền lực nước ngoài. Một cuộc bầu cử có thể tiến hành bằng cách thêm hoặc bớt một con số nhỏ nhói - không ai để ý các lá phiếu lấy từ mỗi quận bầu cử. Không đời nào ai biết được.

Ứng cử viên bị treo giò.!

CHO TÔI MỘT CON SỐ

Nhược điểm đúng ra không phải nằm bên trong các máy điện toán, hoặc vào những lúc bầu cử, nhưng chính trong phương cách mà các dữ liệu do máy điện toán cung cấp, các thông tin, và tri thức đã được sử dụng và sử dụng sai.

Các chính sách và quan chức khôn ngoan, lẽ dĩ nhiên sẽ hành động như những người khôn ngoan thường làm khi được tiếp cận với những thông tin mới. Họ yêu cầu cho biết xuất xứ của các thông tin này và tính chính xác của những dữ liệu đăng sau các thông tin ấy, họ hỏi xem có bao nhiêu mẫu mã thông tin như vậy trong các cuộc đầu phiếu và nhịp độ phản ứng ra sao, họ ghi nhận xem có những gì mâu thuẫn hoặc có kẽ hở, họ đặt vấn đề về các số liệu thống kê sao mà quá “chính xác”, họ đánh giá tính hợp lý v.v...

Những người chơi trò quyền lực khôn ngoan cũng nghĩ đến các tuyến, qua đó các thông tin được

chuyển đến, và bằng trực giác họ điểm mặt xem những ai có quyền lực bản thân để có thể “chà xát” quá cảnh đang ngang qua chỗ họ.

Những kẻ khôn ngoan nhất - một thiểu số hoặc một thiểu số nhỏ - làm tất cả những công việc trên đây, nhưng đồng thời họ cũng đặt vấn đề khẳng định và thậm chí còn khẳng định sâu sắc hơn nữa, mà trên cơ sở ấy người ta đã đưa ra những điều khẳng định hời hợt hơn.

Cuối cùng, những người giàu tưởng tượng - có lẽ ít nhất trong tất cả - đặt câu hỏi về toàn thể khuôn khổ của những thông tin trên.

Các viên chức chính quyền có thể tìm thấy trong cả bốn loại người trên. Thế nhưng, tại tất cả các nước kỹ thuật cao, các viên chức đều tỏ ra quá băn khoăn lo lắng, quá căng thẳng, nên họ là những mẫu người lúc nào cũng thấy không đủ thì giờ và tập trung chú ý, nếu không muốn nói rằng họ thiếu đầu óc để suy nghĩ tinh táo hơn đến các “sự kiện” mà họ bị bắt buộc phải đưa ra các quyết định. tồi tệ hơn nữa, tất cả các cơ cấu hành chánh quan liêu đều nản không muốn suy nghĩ đến những gì ra ngoài khuôn khổ và chịu chịu xét đến cội rễ sâu xa. Những kẻ chơi trò quyền lực lợi dụng sự kiện này.

Khi ông David Stockman, người đứng đầu Cơ quan Quản trị và Ngân sách Hoa Kỳ, đề nghị cắt giảm ngân sách lên Tổng thống và bộ tham mưu

Nhà Trắng, ông ta đã lựa chọn rất kỹ lưỡng để xin cắt giảm đối với các chương trình nào chiếm chỉ có 12 phần trăm của ngân sách tổng quát. Thảo luận những việc cắt giảm ấy với các cấp trên, ông không bao giờ cần phải cung cấp các văn bản thuyết trình để chứng minh.

Kể câu chuyện ngoài phạm vi trường học, sau đó ông viết:

“Cái mà các vị ấy đã không hình dung được - bởi vì tôi không bao giờ làm cho nó rõ ràng hơn - là chúng tôi chỉ trình bày có một góc cạnh nhỏ của toàn bộ ngân sách.

... Thậm chí chúng tôi đã không đề cập tới ba chương trình vĩ đại chiếm khoảng trên “một nửa” ngân sách trong nước: An sinh xã hội, hưu bổng của cựu chiến binh, và chăm sóc y tế. Cả ba chương trình ấy đã ngốn 250 tỷ đô la mỗi năm. Các chương trình mà chúng tôi đề nghị cắt giảm đã tiết kiệm được 25 tỷ đô la. Tổng thống và Bộ Tham mưu Nhà Trắng chỉ được thấy có chút cái chỏm của quả núi băng nổi lènh bènh trên mặt biển, các vị này không thể nào thấy được khối nước đá khổng lồ nằm lù lù dưới mặt nước của núi băng...

“Không có ai đặt một câu hỏi nào về những cái gì “đã không” được trình bày.

Hoặc là các vị này cố tình không biết, vì có quá nhiều điều phải hỏi trong một lúc cấp bách, hoặc họ bị Stockman bịt mắt, ông ta là một bậc

thầy ảo thuật lanh tay trong vấn đề thống kê? Hoặc đúng ra họ bị tất cả các dữ kiện điện toán rơi xuống đâu như “mưa tuyết”?

Ngày nay, một bài diễn văn chính trị không xứng đáng được đọc lên trước công chúng, trừ phi nó được chứng minh đầy đủ với các dữ kiện thống kê lấy từ máy điện toán. Thế nhưng, hầu hết các vị có thẩm quyền quyết định ít khi hỏi về các con số đã được chế biến cho họ.

Do đó ông Sidney Jones, nguyên Thứ trưởng Bộ Thương mại, đã có lần đề nghị thành lập một Hội đồng Cố vấn Thống kê nhằm phục vụ Tổng thống. Dự kiến là các cố vấn này đã muốn trình cho Tổng thống biết rõ các con số thống kê “đếm xác chết” trong thời gian chiến tranh Việt Nam đã được chà đi xát lại như thế nào rồi. Hoặc là tại sao CIA và Lầu Năm Góc đã không thể nhất trí với nhau về các cuộc thử nghiệm hạt nhân của Liên Xô mạnh mẽ biết chừng nào, và do đó cũng không nhất trí là Liên Xô đã có vi phạm Hiệp ước cấm thử vũ khí nguyên tử của năm 1975 hay không. Hoặc là tại sao các số liệu thái quá một cách vô tội vạ để cho thấy nền kinh tế sắp đến hồi suy thoái.

Các lý do đưa cho mỗi một trường hợp đều có tính kỹ thuật cao - nhưng cũng có tính chính trị nữa, không tránh được. Thậm chí những con số có vẻ hết sức khách quan cũng đã bị gọt dẽo cho vừa khuôn khổ bởi sự giằng co của cuộc đấu đá tranh

giành quyền lực chính trị.

Văn phòng Thống kê Hoa Kỳ phải vất vả nhiều hơn hầu hết các cơ quan khác để ban hành các định nghĩa và các thủ tục thống kê, để cho người sử dụng có thể phán đoán riêng mình về hiệu lực của các số liệu cơ quan này đã đưa ra. Thế nhưng, các chuyên gia hàng đầu của văn phòng cũng phải sẵn sàng chấp nhận rằng, những sự đe dặt như thế và những điều chú thích ở cuối trang thường không ai chú ý ở Washington.

Theo lời một viên chức thống kê: “Các nhà chính trị và báo chí đều cóc cần. Tất cả những điều họ nói là: “Cho tôi một con số!”

Có hai lý do để biện minh cho việc này. Một là hoàn toàn cả tin. Mặc dù như chúng ta đã học hỏi được của thế hệ trước về chất lượng dởm của các dữ kiện có vẻ rất chính xác của máy điện toán, nhưng theo lời một viên chức thống kê phụ trách về ngành an bài điện tử và kế hoạch “các tư liệu do máy điện toán cung cấp vẫn được xem như Thánh kinh”.

Nhưng có một lý do sâu sắc hơn, bởi lẽ các nhà chiến thuật chính trị không phải cần tìm tòi nghiên cứu “sự thật” khoa bảng hoặc thậm chí sự chính xác đơn thuần. Điều mà họ đang tìm kiếm là đạn dược để dùng trong các cuộc chiến tranh thông tin. Dữ liệu, thông tin và tri thức không cần phải “chính xác” hoặc “trung thực” mới có thể quăng một đối thủ xuống nước được.

MẤT LÒNG TIN CÁC KHO TƯ LIỆU

Các chính phủ ngày càng tin tưởng vào các kho dữ liệu do máy điện toán cung cấp. Trong khi ông Sununu ngăn cấm việc tiếp cận các dữ liệu là một thí dụ về các chiến thuật thông tin thông thường trong công tác, còn việc quấy phá kho dữ liệu là một thí dụ về các chiến thuật siêu đẳng.

Các nhà chiến thuật siêu đẳng tiến công vào kho dữ liệu không phải bằng cách kiểm tra việc tiếp cận nơi tồn trữ, mà bằng cách xác định xem cái gì có thể chứa hay không nên chứa vào trong ấy, đó là mối quan tâm hàng đầu.

Bảng câu hỏi mười năm thống kê được sử dụng tại Hoa Kỳ phải được Quốc hội chấp thuận. Một quan chức thống kê cao cấp đã nói: "Quốc hội đã gây ép chúng tôi rất nhiều. Chúng tôi đã làm một cuộc kiểm tra về tình trạng tài chính của một công ty mục đích làm thử nghiệm. Chúng tôi đã được Quốc hội hướng dẫn là "không nên" thu góp các tư liệu này vì nó có thể đã được sử dụng để cùp trợ cấp liên bang dành cho các nhà nông". Các công ty thuộc mọi ngành công nghiệp cũng gây áp lực cho Sở Thống kê để đặt câu hỏi, hoặc tránh không đặt câu hỏi về một số vấn đề. Chẳng hạn, như đã được yêu cầu đặt câu hỏi về những căn hộ lưu động trong cuộc kiểm tra về nhà ở, để cung cấp các tư liệu cần thiết cho một công ty trong công cuộc kinh

doanh này vì số lượng câu hỏi có thể được ghi vào bảng câu hỏi luôn luôn bị hạn chế, các tay cò mồi đấu đá lẫn nhau dữ dội và gây sức ép rất mạnh đối với Sở Thống kê.

Không có vấn đề là các kho dữ liệu đã được máy điện toán cung cấp ra làm sao và có tính “khách quan” thế nào để phản ánh đúng các giá trị và tương quan quyền lực của xã hội.

Thế nhưng, việc kiểm tra những cái gì mà ngày nay đang được xử lý tại các kho tư liệu đang mọc lên như nấm, chỉ là một chiến thuật siêu đẳng đơn giản nhất. Tế nhị hơn nhiều là những nỗ lực để kiểm tra phương cách mà các tư liệu đã được phân ra làm nhiều loại hoặc hạng mục.

Đã lâu lắm trước khi bước vào thời đại máy vi tính, vào thời điểm mà chính phủ Hoa Kỳ đang quan tâm đến việc tập trung quá mức trong công nghiệp xe hơi, công ty General Motors có dùng một người cò mồi để ngồi tại một bộ phận ít người biết, hội đồng những người sử dụng các thống kê liên bang. Nhiệm vụ của người này là phải đảm bảo rằng các số liệu đưa vào công nghiệp đều đã được kết hợp với nhau, nên chúng không thể phân tán một cách công khai được - Do đó, mức độ tập trung kinh tế có thể được thực hiện dưới hình thức bộ phận công nghiệp thuộc quyền điều khiển của ba công ty “bộ ba chớp bu” là bao nhiêu phần trăm, nhưng không khi nào bởi một mình công ty chớp

bu - General Motors.

Ngoài ra người ta đang sử dụng các hệ thống hiện đại để đặt tên, sắp xếp và phân loại các dữ liệu được đưa vào các kho tồn trữ tư liệu. Nhờ sự trợ lực của các máy điện toán, cùng một dữ liệu ấy có thể “cắt bỏ” hoặc phân loại lại bằng nhiều cách khác nhau. Do đó, những trận chiến chính trị khốc liệt đã được nổ ra ngày càng nhiều vì các vấn đề không đáng kể, trừu tượng và có vẻ kỹ thuật mà thôi.

Nhiều cuộc đấu đá tranh giành quyền lực đã xảy ra vì các biểu tượng được dùng trong các kho tư liệu và tầm quan trọng tương đối gán cho chúng nó. Nếu bạn muốn biết có bao nhiêu nàng tiên có thể nhảy múa trên một chiếc đầu đạn trái phá, bạn có đếm những vầng hào quang trên trán họ hay những chiếc đòn thụ cầm họ đang gẩy? Các giường bệnh viện, thật là dễ đếm như thế, đôi khi lại được ước đoán đó là chỉ dấu con số các cơ sở y tế trong một cộng đồng.

Muốn có được một hình ảnh trung thực của các nhu cầu sức khoẻ dân chúng, liệu người ta có đếm các bệnh nhân chăng? Hay các phương pháp trị liệu? Hy vọng được cứu sống? Nạn trẻ em tử vong? Việc lựa chọn một biểu hiện hoặc một nhóm biểu hiện sẽ tác động đến đầu ra của máy điện toán.

Các nhà chiến thuật siêu đảng đã biết rõ

nguyên lý WYMIWYG - Nhân nào quả nấy.

Các nhóm chuyên gia, các toán chuyên viên của Nhà nước, những tay cò mồi, và nhiều kẻ khác thường xuyên hỏi vặn vẹo với các câu hỏi như trên. Khi một số những người tham dự không đủ khôn khéo để đặt những câu hỏi hóc búa hoặc không đủ sức để hiểu ẩn ý của một vụ việc, những người khác có thể làm và thay thế họ. Làm như vậy, đúng ra là họ sẽ đấu tranh cho chính các quyền lợi thương mại hoặc địa phương của bản thân họ. Khi hai bên đối đáp bằng những tiếng lóng kỹ thuật cao cấp, những cuộc tranh chấp, trên thực tế, thường thường, sặc mùi chính trị.

Hầu hết những vụ đụng độ nhau lẻ tẻ thường xảy ra ngoài tầm mắt của công chúng, và ở cương vị rất kém, so sánh với cấp bậc của các quan chức cao cấp và thành viên trong Nội Các, những vị này rất ít có thì giờ hoặc ít muốn tò mò tìm hiểu mặt trái của mỗi một trường hợp. Thiếu sự hiểu biết như vậy và không có được sự đào tạo cần thiết để đánh bộc phá qua cả dãy hàng rào phòng thủ của bản thân các sự kiện và bán sự kiện, giới thẩm quyền ban hành quyết định bị bắt buộc phải dựa vào các chuyên gia kỹ thuật nhiều hơn.

Việc theo dõi nhiều sự biến thiên, cộng thêm với bước nhảy vọt vĩ đại về khả năng chế biến dữ liệu nhờ có máy điện toán, đã làm thay đổi các vấn đề mà giới ra quyết định phải đổi mới, từ việc đổi

thông tin đến việc bôi thực thông tin.

: Việc bôi thực này cũng có nghĩa là sự giải thích trở nên quan trọng hơn là chỉ thu thập các thông tin một cách đơn thuần. Dữ liệu (nhiều chất lượng biến dạng) thì đầy rẫy. Hiểu biết được các dữ liệu thì hiểu lầm. Thế nhưng nhấn mạnh việc giải thích có nghĩa là phải giải quyết ở cấp cao hơn trong hệ thống lao động trí tuệ. Việc này làm cho thay đổi tương quan quyền lực giữa các chuyên viên với nhau. Nó cũng nâng cấp sân chơi chiến thuật thông tin lên một vị trí cao hơn nhiều, ở bậc siêu đẳng.

Một công trình thành tựu đã được thực hiện bởi các hệ thống quan sát vệ tinh mới nhất dùng để theo dõi việc thi hành các hiệp ước kiểm soát vũ khí Xô - Mỹ. Các vệ tinh mới phóng vừa qua đã cung cấp một trận lụt dữ kiện - từ các vị trí của mình trên vũ trụ, các vệ tinh có thể phát hiện ra những đồ vật nhỏ bé khoảng vài inches - khiến cho các thông dịch viên bị chìm ngập trong lũ lụt. Ông Thomas Rona, Phó Giám đốc cơ quan Khoa học Nhà Trắng có nói: "Trước kia, các vấn đề hầu hết đều có liên quan đến việc nhận định các tư liệu. Nay là liên quan các vấn đề thanh lọc và giải đoán nhiều hơn.

Khối lượng khổng lồ các tư liệu, theo báo cáo của tuần báo "Khoa học" "đã doạ quật ngã thậm chí cả những đạo quân phân tích gia", dẫn đến sức

ép làm cho chức năng suy luận trở thành có tính cách máy móc.

Việc này, đến lượt nó, lại cỗ vũ cho sự tin tưởng vào tình báo nhân tạo và những dụng cụ “chế tạo trí thức” khác. Thế như, sử dụng các loại dụng cụ này đã nâng trình độ trừu tượng lên càng cao hơn, và đã chôn vùi những điều khẳng định chỉ trích hệ thống này dưới nhiều tầng lớp dày suy luận.

Trong ngành kinh doanh, theo tờ tuần báo Datamation “Các công ty phải cẩn thận để gắn chặt những khả năng suy luận” của các hệ thống chuyên viên vào các hệ thống máy điện toán hiện đại của mình. Có khoảng 2.200 hệ thống chuyên viên như vậy đã đang hoạt động tại Bắc Mỹ, phục vụ đủ mọi thứ từ việc xác định thường được ban hành dựa trên cả đống sự kiện phức tạp, không rõ ràng, lộn xộn, khó tin trên các ý kiến, hình ảnh và đề nghị, và đúng là giả dối một cách lô liêu, nhằm gây ra sự chuyển đổi quyền lực.

Thế nhưng, ý nghĩa của các dụng cụ này, là những quyết định đã được đưa ra một cách sáng suốt thì sau đó được “ăn sâu” và trở nên vô hình như có thể nói. Và mâu thuẫn hơn nữa, chính cái hệ thống đã cung cấp những thông tin rõ ràng, bản thân nó đã trở nên mờ mịt hơn đối với những người sử dụng cuối cùng.

Không có lý do gì để tránh không sử dụng

tình báo nhân tạo và các hệ thống chuyên viên. Nhưng nó đòi hỏi phải có một quá trình xử lý lâu dài với nhiều chi tiết quan trọng dành cho dân chủ.

Các nền chính trị không phải đã tốt đẹp hơn ở dưới thời vàng son Nghiêu Thuấn xưa kia. Từ nhà Tân bên Trung Quốc đến dòng họ Borgia ở Ý, những kẻ cầm quyền bính trong thiên hạ luôn luôn sử dụng sự thật để phục vụ cho quyền lợi của mình. Cái mà ngày nay đang chuyển biến một cách trọng đại là ở cấp bộ nào các trò chơi chất xám đang diễn xuất.

Thế giới sẽ đổi mới với nhiều màn kịch mới sẽ được đưa trình diễn trên sân khấu chính trị trong những thập niên trước mắt, những mối nguy cơ của tai họa sinh thái toàn cầu, sự phá vỡ thế quân bình quân sự kéo dài quá lâu - những vụ kinh tế bùng nổ, các cuộc cách mạng kỹ thuật. Mỗi một vấn đề trên đây đòi hỏi phải có biện pháp chính trị thông minh, dựa vào một sự nhận định sáng suốt về các mối đe doạ và tiềm lực.

Thế nhưng phải chính xác thế nào là các hình ảnh của sự thật để dựa theo đó các chính phủ ban hành những quyết định có tính tồn tại của mình? Làm thế nào các hình ảnh này có thể chính xác, khi mà tất cả các tư liệu thông tin chỗ dựa của các hình ảnh này đều đầy rẫy nhược điểm trước việc “chà xát siêu đẳng” tiến công liên tục và vô hình?

DÂN TỘC MA

Mùa xuân năm 1989, khi Tiến sĩ James Hansen, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Không gian Goddard của cơ quan NASA, chuẩn bị để trình bày trước Quốc hội Hoa Kỳ về “tác động của nhà kính” - tình trạng nóng lên của khí hậu - ông đã nộp văn bản bài thuyết trình để xin phép Cơ quan Quản trị và Ngân sách của Nhà Trắng. Ông Hansen tin tưởng vững chắc rằng nay đã đến lúc chính phủ Hoa Kỳ phải lấy những biện pháp mạnh để ngăn ngừa hạn hán và những ảnh hưởng khác khi khí hậu nóng dần.

Thế nhưng, khi ông nhận lại văn bản bài thuyết trình, ông đã phát hiện ra rằng Cơ quan Quản trị và Ngân sách (OMB) đã thêm một đoạn văn, gieo nghi ngờ đối với bằng chứng khoa học về sức nóng của hành tinh, và làm cho địa vị của ông lung lay rất nhiều. Ông ta phản đối bị thua trong cuộc nội chiến này, nên sau đó đã cho công bố các quan điểm cá nhân của mình qua báo chí.

Đằng sau vụ đụng độ này giữa nhà nước và một trong những nhà khoa học hàng đầu của chính phủ, còn có một trận chiến bàn giấy ít người biết. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ và Cơ quan Bảo vệ sinh thái, cả hai đều muốn rằng Hoa Kỳ phải đóng vai trò lãnh đạo quốc tế trong việc chống lại vấn đề nhà kính. Ngược lại, cơ quan OMB và Bộ Năng

lượng chỉ yểm trợ nửa vời phương án này.

Khi ông Hansen đưa vấn đề này ra phản đối trên ngành truyền thông, Thượng nghị sĩ AL Gore, một trong số ít thành viên của Quốc hội có sự hiểu biết cao về kỹ thuật, đã yêu cầu OMB “phải chứng minh cơ sở nào của họ đã đưa ra những điều kết luận của mình. Tôi muốn xác định... các mô hình khí hậu mà họ đã sử dụng”.

Việc đề cập đến các “mô hình” chắc chắn là một sự gợi ý rằng cuộc chiến đấu nên được tiến hành ở cấp siêu chiến thuật. Bởi lẽ ngày càng có nhiều chương trình và chính sách của nhà nước hình thành do những điều giả thiết và bán giả thiết được đưa sâu vào trong các mô hình máy điện toán phức tạp.

Do đó, trong khi Thượng nghị sĩ Gore tại Thượng viện đang đặt vấn đề về mẫu mã máy điện toán mà bên phe chậm tiến đặt tin tưởng vào, thì ông Sununu tại Nhà Trắng cũng đang thách đố tính xác tín của những mẫu mã đã cung cấp thuốc đạn cho phe bên kia. Tuần báo “Insight” đã viết: “Ông ta ngồi trên đỉnh cao của nền khoa học và suy nghĩ rằng các mẫu máy điện toán dự báo sức nóng quan trọng đều quá xưa cũ để có thể đáng tin cậy cho sự hành động”.

Ngày nay, dù cho chúng ta đang đề cập đến kinh tế, chi phí cho sức khoẻ, vũ khí chiến lược, thâm thủng ngân sách, chất thải độc hại, hoặc

chính sách thuế khóa, đằng sau của hầu hết mọi vấn đề chính trị trọng đại, chúng ta đều thấy có những người sáng tạo mẫu và phản tạo mẫu, họ đang cung cấp các nguyên liệu cho loại hình bút chiến chính trị này.

Một mẫu mã có hệ thống có thể giúp chúng ta hình dung được các hiện tượng phức tạp này. Nó gồm có một danh sách biến thiên, mỗi một con số biến thiên này được cấp cho một trọng lượng, dựa vào ý nghĩa gán cho nó. Máy điện toán làm cho có thể xây dựng những mẫu mã với rất nhiều con số biến thiên hơn là các dữ kiện cô đơn không tả hữu. Nó cũng giúp chúng ta nghiên cứu cái gì sẽ xảy ra khi các con số biến thiên được cấp những trọng lượng khác nhau hoặc liên hệ với nhau trong các phương án để lựa chọn.

Thế nhưng không có vấn đề các dữ liệu cuối cùng ở đâu ra có thể xuất hiện “cứng nhắc” ra sao, tất cả các mẫu mã đến cuối cùng, và không thể tránh thoát được, đều căn cứ trên những điều giả định “linh hoạt”. Thế nhưng, các quyết định về tầm quan trọng nhiều hay ít được gán cho bất cứ một con số biến thiên nào, hoặc trọng lượng của chúng, đều thường “linh hoạt” một cách trực giác hoặc độc đoán.

Hậu quả là những địch thủ chính trị cản chiến, có tài sử dụng các chiến thuật siêu hình, đã đấu đá nhau một cách tàn bạo về trọng lượng, các

con số biến thiên, và cung cách chúng nó liên hệ với nhau. Mặc dù có những sức ép chính trị đã làm cho chao đảo kết quả, hậu quả của những việc đấu đá như vậy đã đưa đến việc máy điện toán đã in ấn các dữ liệu gói ghém, có ảnh hưởng sâu đậm, có vẻ vô tư và giá trị thả nổi.

Các mẫu mã được sử dụng nhằm phát triển và lựa chọn các chính sách, đánh giá hiệu năng của chương trình và để đặt các câu hỏi “Cái gì nếu.” Thế nhưng, như chúng ta đã được học hỏi từ bộ tài liệu “Chiến tranh các tư liệu”, một công trình nghiên cứu mới đây về mô hình nhà nước, những mẫu mã này cũng có thể được sử dụng để “cho vào bóng tối một vấn đề hoặc tạo niềm tin cho vị thế một chính sách đã đưa ra trước đây... để trì hoãn việc lấy quyết định, để gây sự quan tâm tượng trưng thay vì thực sự đổi với một quyết định, để làm cho lầm lẫn hoặc rối trí việc ban hành quyết định v.v và v.v...”

Các tác giả đã kết luận: “Việc sử dụng mẫu mã thường xảy ra ngày càng nhiều đối với nhu cầu chính trị và ý thức hệ cũng như nhu cầu về kỹ thuật (quyết định cụ thể). Các tác giả chú thích rằng việc này cần thiết bởi lẽ “các mẫu mã máy điện toán có ảnh hưởng đến việc “ai nhận được cái gì”.

Một công trình nghiên cứu của Sở Nghiên cứu Quốc hội, chẳng hạn, đã nhấn mạnh rằng việc cắt

giảm các chương trình xã hội của Chính phủ trong thập niên 80 đã xô đẩy ít nhất 557.000 người Mỹ vào trong sự nghèo khổ. Con số này đã cung cấp thuốc đạn cho các chính khách chống lại việc cắt giảm này. Nhưng con số này không căn cứ vào việc thống kê những người nghèo. Thay vào đó, giống như số lượng ngày càng tăng của những con số thống kê khác, nó là hậu quả của những tiền đề để tranh luận đã được xây dựng theo một mô hình cố ý cho thấy cái gì có thể xảy ra nếu những việc cắt giảm ngân sách đã không được thực hiện.

Đúng là các chiến thuật siêu hình đã trở nên rời rạc thế nào ấy vì các dữ liệu điện toán tràn ngập trong các cơ quan nhà nước được chứng minh qua trận bút chiến đã nổ ra về vấn đề những người mất tích và cái gì mà các kỹ thuật gia của phòng thống kê gọi bằng những từ “giải quyết điểm nóng”.

Vào tháng 11/1989, các thành phố Newyork, Houston, Chicago và Los Angeles đã đeo đuổi một vụ kiện chống Phòng Thống kê Hoa Kỳ để bắt buộc cơ quan này thay đổi cách thống kê. Nhiều đoàn thể dân quyền, Hội đồng và các Thị trưởng, và những tổ chức khác đã tham gia việc này.

Trong bất cứ một cuộc thống kê nào, cũng có một số nhóm bị đếm thiếu. Những nhóm người nghèo, quá cảnh, và không nhà ở đều khó kiểm tra hơn. Những người nước ngoài không có giấy tờ có lẽ

không muốn thống kê. Nhiều người khác đã thoát khỏi mạng lưới thông tin vì những lý do khác. Dù lấy lý do gì đi nữa, việc kiểm tra thiểu người có thể có các hậu quả chính trị khôn lường.

Vì Washington gửi hàng tỷ đô la tiền thuế trả lại cho các thành phố và bang, các thành phố có thể bị tước mất những ngân khoản liên bang, nếu không thì họ có thể có quyền hưởng. Vì lý do các ghế dân biểu tại Hạ viện được tính theo dân số mỗi bang, các bang đông dân có thể bị gian lận không được đại diện đầy đủ. Sự việc này, đến lượt nó, có thể làm cho các bang bị thiệt thòi nhiều quyền lợi khác. Thông tin không đầy đủ đó có thể chuyển đổi quyền lực.

Để bù đắp cho việc kiểm thiểu, các máy điện toán của cơ quan Thống kê, tìm thấy một ngôi nhà nào thiểu thông tin hiện nay đã đưa vào chương trình để cho rằng những người không được thống kê vẫn còn có những đặc điểm giống như những người sống kề cận. Do đó, máy điện toán điền các dữ liệu thiếu sót vào, làm như là các dữ liệu này đã được những người vắng mặt cung cấp.

Hậu quả là có hàng triệu người phỏng đoán là hiện diện, thật ra đó là một số ma, mà các đặc điểm của họ chúng ta chỉ đoán mò thôi. Giải quyết điểm nóng có thể là phương cách tốt để bù cho những điều không biết, hơn là trước đây cứ sử dụng các phương pháp thống kê, nhưng, vì có

những kỹ thuật như trên, những điều giả thiết của máy được xem như có thể bị tranh luận. Trên cương độ của những giả thiết này - như chúng có thể được thông báo - các cử tri ở Indiana đã mất một đại diện tại Quốc hội, chiếc ghế dân biểu này được phân phối lại cho bang Florida thay vào đó. "Giải quyết điểm nóng" đã thay đổi quyền lực.

Thế nhưng, nói tóm lại, một sân khấu mới để đấu tranh chính trị đang được dàn dựng, một trận chiến về những giả thiết nằm sau những giả thiết khác, thường thường là bám sâu trong phần mềm của máy điện toán phức tạp. Nó là một sự tranh chấp về các vấn đề siêu hình. Nó phản ánh sự thăng tiến của nền kinh tế siêu tượng trưng. Nền kinh tế mới này không thể tồn tại được một giây đồng hồ mà không có sự tiếp xúc với con người, không có óc tưởng tượng, trực giác, sự chăm nom săn sóc, lòng thương hại, sự nhạy cảm tâm lý, và nhiều phẩm chất khác mà chúng ta có thể nhận định ở con người hơn là với máy móc. Thế nhưng cũng luôn luôn đòi hỏi đến tri thức ngày càng phức tạp và trừu tượng, căn cứ vào dữ liệu và thông tin ào ào như núi lở - tất cả những thứ ấy bị chi phối bởi tài xoay xở chính trị ngày càng điêu luyện.

Điều mà nhìn vào các chiến thuật thông tin, và đặc điểm là các chiến thuật siêu hình mới, đã cho chúng ta bài học, là các luật lệ giới hạn sự bí mật của nhà nước chỉ mới sờ đến lớp vỏ mỏng nhất

bên ngoài của vấn đề tri thức dân chủ. Nền kinh tế, theo đúng bản chất của nó, đòi hỏi phải có sự tự do trao đổi các tư tưởng, các lý thuyết sáng tạo, và đặt câu hỏi về uy quyền. Và còn...

Mặc dù có chính sách công khai (glasnost), mặc dù có pháp chế về tự do thông tin, mặc dù có nhiều kẽ hở và sự khó khăn mà các chính phủ ngày nay phải đối mặt để cố giữ kín công việc - mặc dù có tất cả những thứ này và còn nữa - thực sự các hoạt động của những người đang nắm quyền bính trong tay chắc chắn ngày sẽ càng rắc rối hơn, chứ không bớt.

Đó là sự “bí mật - siêu hình” của quyền lực.

MỘT THỊ TRƯỜNG CHO ĐIỆP VIÊN

Một trong những nhà văn hài hước nhất nước Mỹ, ông Art Buchwald, có lần đã tưởng tượng ra một cuộc họp mặt của các điệp viên tại quán cà phê Mozart ở miền Đông Berlin, trong đó có cả George Smilay, nhân vật giả tưởng nổi tiếng của nhà văn John le Carre: “Có bạn nào biết có ai muốn mua các kế hoạch phòng thủ của Hiệp ước Varsava tại miền hàng lang phía bắc?” Buchwald được Smiley hỏi.

“Hãy quên việc ấy đi, Smiley”, câu trả lời như vậy. “Không còn thị trường nào để bán các bí mật quốc phòng nữa đâu, chiến tranh lạnh đã chấm dứt và Moscow đang cho không các kế hoạch của Hiệp ước Varsava, không mua chúng nữa”

Cột báo của Buchwald rất khôi hài như thường lệ. Nhưng tiếng cười to nhất phải xuất phát từ các điệp viên thật sự của thế giới, khác xa với các điệp viên giả tưởng. Bởi lẽ trong các ngành kinh doanh trăm hoa đua nở của những thập niên

trước mắt, ngành gián điệp sẽ là một trong những ngành lớn nhất. Các điệp viên không những chỉ tồn tại mà thôi, chúng ta còn sẽ thấy toàn thể công nghiệp điệp viên sẽ được cách mạng hóa.

Vì toàn thể xã hội sẽ chuyển biến sang một hệ thống mới tạo ra của cải căn cứ vào tri thức, các chức năng thông tin của các chính phủ năm, và một số loại hình tri thức đánh cắp, tri thức bí mật, đều có giá trị cao hơn, chứ không ít, đối với những kẻ nào cần chúng.

Đến lượt mình, việc này sẽ thách đố tất cả các ý kiến quy ước về dân chủ và thông tin. Vì thậm chí chúng ta để sang một bên các hoạt động trá hình và đề phòng trong nước, và thay vào đó tập trung vào công tác “thuần tuý” của điệp viên - việc thâu gop và giải thích các tin tức tình báo nước ngoài - chúng ta sẽ thấy một hệ thống nổi cộm lên nó vượt quá những gì chúng ta đã biết trước đây là gián điệp.

Còn vượt quá xa bao nhiêu sẽ trở nên rõ ràng hơn khi chúng ta chỉ cần nhìn lui một thoáng qua.

BUỒM LUỢN VÀ BOM RƠI

Các điệp viên đều đã quá bù đầu với công việc cũng kể từ ngày quyển “Sách của người chết” của Ai Cập đã định nghĩa ngành gián điệp là một tội lỗi nguy hại của linh hồn. Thế nhưng từ thời các

vua Pharaon đến khi chấm dứt Thế chiến II, các kỹ thuật của ngành gián điệp vẫn còn cổ xưa, và những điệp viên trước đây, cũng như những nhà khoa học lúc trước, phần lớn chỉ là những kẻ nghiệp dư không được đào tạo.

Trong những năm đầu tiên của thế kỷ XX, Robert Baden Powell, sau này là người sáng lập phong trào Hướng Đạo Sinh, đã giả dạng là một người săn đuổi bướm có dóm chấm khi ông ta du ngoạn trên vùng Balkans, phác họa sơ đồ các thành lũy và che giấu các đường nét đại cương bằng những nét vẽ cầu kỳ những cánh bướm (Baden Powell nhấn mạnh rằng những khách nhiệt tình, nếu xem công việc gián điệp như một môn thể thao, có thể thực hiện nhiều công trình đặc ý nhất)

Một điệp viên tự học khác là viên Đại úy người Nhật tên Giichi Tanaka. Sau khi đã phục vụ tại ban tham mưu của Phòng Tuỳ viên Quân lực Nhật Bản ở Moscow, học nói tiếng Nga, và khai rằng mình có tham gia Giáo hội chính thống của Nga, Tanaka được hưởng hai tháng phép để trở về Tokyo, do đó có thể thám sát các con đường xe lửa xuyên Xibéri và miền Đông Trung Quốc, rồi trở lại nhiệm sở, đem theo các tư liệu tình báo đã được Tokyo sử dụng để đặt kế hoạch cho cuộc chiến tranh Nga - Nhật năm 1905. Rất nhiều tác phẩm văn chương viết về gián điệp ngày nay vẫn đề cao

tính dũng cảm của những nhân vật bất khuất không biết sợ là gì, đeo đuổi các bí mật quân sự.

Thế nhưng, cuộc cách mạng công nghiệp, đã thay đổi chiến tranh. Quân đội quân chúng thi hành nghĩa vụ quân sự, việc cơ động hóa chuyển vận, khẩu súng liên thanh, việc sản xuất hàng loạt xe tăng và máy bay, và cả ý niệm một cuộc chiến tranh toàn diện, đó là tất cả những sản phẩm của Làn Sóng Thứ Hai thuộc thời đại công nghiệp ống khói. Tiềm năng huỷ diệt hàng loạt lớn dần, cùng với việc tăng trưởng của sản xuất hàng loạt đã đạt đến điểm cuối cùng của nước cờ bí về vũ khí hạch tâm của Hoa Kỳ - Liên Xô.

Việc công nghiệp hóa tình báo đã nối tiếp theo việc công nghiệp hóa chiến tranh. Trong những năm đầu của thế kỷ XX, ngành điệp viên trở nên có hệ thống hóa hơn, với việc thành lập cơ quan mật vụ Okhrana của Sa hoàng, người tiền phong của cơ quan KGB, đã dẫn đầu ngành tình báo. Các trường gián điệp đã được tổ chức. Các điệp viên đã bắt đầu được đào tạo một cách chuyên nghiệp.

Tuy nhiên, một nhóm bằng nấm tay những điệp viên dù được đào tạo kỹ chăng nữa cũng không thể đủ thoả mãn lâu dài hơn thị trường tình báo ngày càng lớn rộng. Do đó, đúng như một sản phẩm cá thể ngồi ở hàng ghế sau khi đến dây chuyền lắp ráp khâu sản xuất trong nhà máy, nhiều cố gắng đã được thực hiện để đưa đến việc

sản xuất hàng loạt các dữ kiện tình báo.

Vào đầu thế kỷ XX, người Nhật không còn dựa một cách tuyệt đối vào một nhóm nhỏ những điệp viên hoàn toàn như Tanaka, mà vào hàng nghìn lính bộ binh gián điệp, như đã có những người di cư đã ổn định ở Trung Quốc hoặc Siberi, những người nấu bếp, đầy tớ, và các công nhân nhà máy, họ báo cáo về tình hình các nước chủ nhà của mình. Tình báo Nhật Bản, nối đuôi theo mẫu mã sản xuất nhà máy, đã sử dụng các “công nhân gián điệp” vụng về để sản xuất thông tin hàng hóa, từ đó xây dựng một guồng máy thu lại ngày càng lớn để xử lý những gì đã “chiếm được”.

Sau cuộc cách mạng 1917 ở Liên Xô, Lê nin đã thành lập đội ngũ “rabcors” hoặc “Các nhà viết báo nhân dân” - hàng nghìn công nhân bình thường đã được động viên để viết bài đăng lên báo, tố cáo những kẻ được dự đoán là phá hoại và phản quốc chống cách mạng. Ý kiến phải có hàng loạt các phóng viên nhà báo nghiệp dư được đưa vào áp dụng trong ngành tình báo nước ngoài nữa, và vào năm 1929 đã có sẵn ba nghìn cái gọi là “rabcors” ở Pháp, kể cả các công nhân làm việc tại các khu hải quân công xưởng của nhà nước và các ngành công nghiệp quốc phòng, họ được yêu cầu viết gửi về báo chí Cộng sản để trình bày các điều kiện lao động tồi tệ của mình. Thế nhưng, những sự đóng góp này đã cung cấp những cái nhìn trực giác hữu ích

vào việc sản xuất chiến tranh, và những bức thư
nhiều sự tiết lộ nhất đã không được đăng báo mà
lại gửi về Moscow. Đó cũng là một sự nỗ lực để thu
thập hàng loạt các tư liệu tình báo cấp thấp do các
diệp viên nghiệp dư cung cấp.

Thế nhưng, ngành tình báo cấp cao phải được
giao phó cho những nhà tình báo chuyên nghiệp đã
được đào tạo kỹ lưỡng. Richard Sorge, sinh ra tại
Baku và lớn lên ở Berlin, đã thành một trong
những tay gián điệp tài ba nhất trong lịch sử. Nhờ
thời thơ ấu đã ở Đức, Sorge có thể thâm nhập Đảng
Quốc xã và được gửi sang Nhật với danh nghĩa là
một phóng viên tích cực ủng hộ Hitler của tờ báo
Frankfurt - một lớp vỏ đã giúp cho anh ta có thể
tiếp cận với các quan chức chòp bu của Đức và
Nhật và các nhà ngoại giao tại Tokyo.

Liên Xô lúc ấy lo sợ khủng khiếp việc Nhật
Bản sẽ tiến công bất ngờ vào Siberia. Nhưng Sorge
đã nghiêm chỉnh báo cho họ biết rằng việc ấy
không bao giờ có thể xảy ra, những thay vào đó
Liên Xô sẽ có thể bị tấn công bởi Quốc xã.
Năm 1941, Sorge thực sự đã gửi về Moscow những
tin tức đầu tiên về cuộc xâm lăng Liên Xô sắp tới
của Quốc xã, và cảnh giác rằng đã có 150 Sư đoàn
quân Đức đang tập trung để chuẩn bị. Thậm chí
Sorge còn xác định thời điểm - 22.6.1941. Nhưng
Stanlin đã không đếm xỉa đến thông tin của anh.

Sorge đang chuẩn bị báo động cho Moscow

biết việc tiến công Trân Châu Cảng sắp tới của Nhật Bản - một lần nữa cũng đưa ra ngày tháng chính xác - thì anh đã bị bắt và sau đó bị Nhật xử tử hình. Do đó, Sorge đã được Đại tướng Douglas Mac Arthur mô tả như là “một gương sáng ngời về sức tàn phá thành công của ngành gián điệp”. Sự nghiệp của Sorge chắc chắn còn đặt nặng tầm quan trọng đến giá trị liên tục về sự dũng cảm và đầy mưu lược của một điệp viên đơn độc và là người tình báo bậc thầy.

Thế chiến II cũng chứng kiến những thành tựu trong mọi lĩnh vực, từ mật mã đến giải mã, từ các phi cơ do thám, vô tuyến và ra đa, các kỹ thuật đặt nền tảng cho sự sản xuất hàng loạt về tin tình báo, thật sự đã có một vài tài liệu có giá trị khá cao.

CÁC XE HÒM CỦA ĐIỆN KREMLIN

Các kỹ thuật tiến bộ vô cùng to lớn đã được nghe và thấy khắp nơi, từ sự tự động hóa, sự thu thập những dữ kiện được cung cấp hàng loạt. Các vệ tinh nhân tạo, môn quang học tiến bộ và thiết bị vẽ hình ảnh nghe nhìn được ghi liên tục khắp hành tinh. Các dụng cụ nhạy âm bao phủ các thuỷ lô chiến lược, và những dụng cụ điện tử khác rải rác khắp thế giới từ châu Úc đến Na Uy.

Kỹ thuật tình báo áp dụng hiện nay bao gồm

nhiều ký hiệu tình báo, nó bao hàm một cách tuân tự, về mặt thông tin, điện tử và máy đo xa “radint”, bao hàm các ký hiệu gửi đến radar hoặc từ radar gửi đi, và tình báo hình ảnh - gồm có chụp hình, tia hồng ngoại và các dụng cụ do thám khác. Tất cả đều sử dụng các máy điện toán lớn nhất và hiện đại nhất trên trái đất. Quá bao trùm, tốn kém, và đầy quyền lực là, những hệ thống này đã đẩy lui các thông tin tình báo do người thu nhập được, hoặc “Humint” xuống hàng thứ yếu.

William E.Burrows, tác giả của một công trình nghiên cứu về gián điệp vũ trụ, đã tóm lược hệ thống cao - kỹ thuật này bằng những câu sau đây:

“Các hệ thống viễn thám mà mỗi bên có thể theo dõi xét phía bên kia và hầu hết các phần còn lại của thế giới nhiều vô kể, khiến cho trở thành quá vô dụng, và quá tản mát nên không thể có một sự chuẩn bị nào cho một cuộc tiến công toàn diện có thể thực hiện nổi mà không phản ứng dây chuyền cho nhiều vụ bão động đa diện khác.... Các lệnh lạc đưa ra cho đội quân di chuyển, cho máy bay cất cánh, và cho thường dân trú ẩn phải được truyền đi tương đối nhanh qua những vùng đất mênh mông, và những gì truyền đi đều có thể được nghe chặn, mọi thứ cần thiết để tiến hành chiến tranh phải được di chuyển, và cái gì đã di chuyển đều có thể bị chụp ảnh”.

Các lỗ tai nghe lén khổng lồ đang bay trên

bầu trời có thể theo dõi tất cả các bức điện quân sự, ngoại giao và thương mại được chuyển gửi qua điện đàm, telex, truyền thanh, fax, hoặc các phương tiện khác qua vệ tinh hoặc các hệ thống vi sóng. Thậm chí chúng có khả năng nghe lén các quan chức cõi bự của điện Kremlin đang ngồi trong các xe hòm kính của họ và các nhà khoa học Trung Hoa tại công trường vũ khí hạch tâm Lop Nor (Trung Quốc sau đó bỏ phương tiện truyền thông qua không gian và thiết lập các đường dây liên lạc an toàn dưới mặt đất).

Có nhiều hạn chế nghiêm trọng cho tất cả những sự việc này. Mặc dù họ khoác lác nói về các khả năng “điệp viên trên trời” của mình. Hoa Kỳ phải đỏ mắt khi phát hiện ra rằng Liên Xô, mà người ta tưởng rằng họ đã phá huỷ 239 hỏa tiễn SS-23 đã bí mật chuyển 24 tên lửa này sang Đông Đức. Cũng còn có những thất bại khác nữa. Một số lượng mật mã ngày càng nhiều không thể phá vỡ được nữa vì lý do các kỹ thuật hiện đại trong việc mã hóa. Thời tiết vẫn còn gây trở ngại cho một viễn cảnh thám ánh. Đối phương cũng có thể sử dụng các phương pháp điện tử của chính họ để gây hoả mù hoặc phá rối các hệ thống thu thập thông tin của bên kia. Thế nhưng, việc thu thập hàng loạt các dữ kiện sản xuất nhà máy đã có thể thực hiện một cách huy hoàng.

Lẽ cố nhiên, không phải tất cả các dữ kiện

tình báo đều cần phải có kỹ thuật cao hoặc phải đội lốt để do thám. Một số lượng lớn thông tin đều được rút ra từ các “nguồn gốc công khai” - như đọc kỹ báo chí, nghe các đài phát thanh nước ngoài, nghiên cứu các thống kê nhà nước đưa ra, tham dự các buổi hội nghị khoa học và thương mại - tất cả những thứ đó, khi nhập vào với các tư liệu bí mật, đều trở thành nguyên liệu cho nhà máy xay tình báo.

Để xử lý tất cả các dữ liệu này, từ cả hai nguồn nhân sự và kỹ thuật, một cơ chế quan liêu ngày càng bành trướng đến chóng mặt đã áp dụng nguyên tắc phân công lao động của nhà máy, chia cắt việc sản xuất ra làm nhiều bước theo dây chuyền. Quá trình xử lý bắt đầu bằng việc nhận định các nhu cầu của khách, thu thập các nguyên liệu từ cả hai nguồn công khai và bí mật, phiên dịch, giải mã, và những sự chuẩn bị khác, rồi tiếp nối bằng việc phân tích và đúc kết lại thành những bản phúc trình được phổ biến rộng khắp cho khách hàng.

Đa số các công ty ngày nay đã rút kinh nghiệm là cái hình thức dây chuyền sản xuất này không hữu hiệu. Như chúng ta đã thấy, trong nền kinh tế mới, người ta đã loại bỏ việc giải quyết từng bước hoặc cho tiến hành đồng thời các khâu. Cơ chế hành chánh quan liêu thì quá rùa bò và

công kẽm nặng nề. Các thị trường biến chuyển rất nhanh. Bản thân của việc sản xuất hàng loạt cũng đang nhường bước cho việc “sản xuất linh hoạt”, các sản phẩm ngày càng chiêu theo ý người tiêu dùng. Hậu quả đối với nhiều ngành công nghiệp là một cuộc khủng hoảng sâu đậm.

Cũng không ngạc nhiên, ngành tình báo cũng đang thấy mình rơi vào khủng hoảng. Các kỹ thuật thu thập thông tin mới đã vô cùng hữu hiệu, nên nay chúng đã tạo ra những khoảng chân không trong việc xử lý máy ảnh điện toán và lắng nghe rất nhiều cú điện thoại, nó làm tràn ngập các cơ quan tình báo với những trận lũ lụt thông tin khiến kho không thể nào xử lý một cách xứng đáng được. Hiện nay các kỹ thuật này càng ngày càng làm “tê liệt sự phân tích”.

Tìm cho được một bản thông tin chính xác, phân tích nó một cách hợp lý, và cung cấp cho người khách hàng vào đúng lúc, đó là những bài toán khó khăn hơn là thu thập dấu tay nó ở bất cứ một chỗ nào thấy được.

Do đó, ngày nay, vì thế giới đang chuyển dần đến một hệ thống tạo ra của cải mới, chiếm chỗ cho hệ thống ống khói nhà máy, các hoạt động tình báo phải đổi mới với một cuộc khủng hoảng tổ chức lại, song song với cuộc khủng hoảng nó đã bắt kịp chính bản thân nền kinh tế.

NHỮNG KẺ TRANH TÀI CHÍNH YẾU

Công tác điệp viên giúp nghành tình báo suy nghĩ đến một ngành kinh doanh vĩ đại. Sự thật, không phải là nói ngoa khi cho rằng Cơ quan Tình báo Trung ương Hoa Kỳ được gán cho cái biệt danh công ty.

Cũng như trong bất cứ nghành công nghiệp nào, tại đây có một số ít công ty khổng lồ và vô số công ty nhỏ hơn. Trong toàn bộ công nghiệp gián điệp, các nhà sản xuất Hoa Kỳ là những người chơi trội nhất. Họ gồm có, cơ quan CIA, Cục Tình báo quốc phòng của Lầu Năm Góc, và trùm lên trên tất cả là Cục An ninh quốc gia và cơ quan Thám thính quốc gia, tất cả các cơ quan này đều chịu trách nhiệm về hầu hết việc sưu tập các tư liệu thông tin kỹ thuật “technic”. Ngoài ra, còn có các đơn vị tình báo quân sự chuyên môn được tăng phái cho các bộ tư lệnh quân sự khác nhau. Ít được biết đến là các đơn vị tình báo nhỏ, thường thường được CIA cho mượn nhân viên để hoạt động, như tại Bộ Ngoại giao, Bộ Năng lượng Ngân khố, Bộ Thương mại, và rải rác cùng khắp các cơ quan nhà nước. Chung nhau lại, họ hình thành “cộng đồng tình báo Hoa Kỳ”.

Liên Xô, về phần mình, dựa một phần vào cơ quan KGB (mặt khác cơ quan này có các chức năng an ninh quốc nội) để sưu tập tình báo nước ngoài,

và vào cơ quan GRU, cơ quan chuyên môn về các công tác gián điệp quân sự và kỹ thuật. Liên Xô cũng có một mạng lưới rộng lớn các vệ tinh, các đài mặt đất, máy bay do thám, và nhiều phương tiện khác để nghe ngóng các đường dây liên lạc quốc tế và các hoạt động hạch tâm trên khắp thế giới.

Nước Anh - nổi danh với những bài phân tích tuyệt vời và số lượng những điệp viên chuột chui đặt tại Liên Xô đã thành công trong việc kiên trì đào xới trong các cơ quan tình báo của bên kia - dựa vào Sở Tình báo mật của mình, có tên là MI6, và cơ quan tương đương với Cục An ninh quốc gia của Hoa Kỳ, gọi là Bộ chỉ huy truyền tin Chính phủ, viết tắt là GCHQ.

Cơ quan tình báo của Pháp là DGSE, cũng được gọi là Hồ tắm hoặc "Bể bơi" và được bổ sung bởi cơ quan GCR, hoặc cơ quan Kiểm tra vô tuyến điện, thường xuyên sắm vai ca sĩ phụ so với các cơ quan Âu Mỹ khác Hồ tắm uy tín dần dần được tăng lên, mặc dù thành tích của mình Keystone Kops trong cái gọi là vụ Hòa bình xanh, đã dẫn đến việc làm chìm chiếc tàu Rainbow Warrior, một thuyền thuộc nhóm phản đối chống hạt nhân (anti - nuke?)

Cơ quan tình báo được đánh giá cao của Israel là Mossad, thường có tên là "Viện" và Sở tin tức Liên bang cũng đều là những cơ quan cung cấp tình báo quan trọng, cũng như ba cục tình báo

chính của Nhật Bản. Cơ quan đầu tiên trong bộ ba này là Naicho, hoặc Văn phòng Nghiên cứu Nội các, một tổ chức nhỏ, có nhiệm vụ báo cáo trực tiếp lên Thủ tướng Chính phủ. Cơ quan Naicho nhập chung các thông tin rút từ tình báo quân sự, từ các tổ chức tư nhân và từ các cơ quan báo chí Jiji, và từ cơ quan Chosa Besshitsu, hoặc "Chobetsu", cơ quan này quản lý việc do thám điện tử, và không thám, chủ yếu tập trung vào Bắc Triều Tiên, Trung Quốc và Liên Xô. Năm 1986, tám mươi tư năm sau khi Giichi Tanaka được nhìn thẳng vào đường xe lửa xuyên Xibeia, Liên Xô đã phát hiện ra một cái thùng chứa nằm trên đường xe lửa. Thông tin kỹ thuật đã chiếm chỗ của thông tin nhân sự.

Nói tóm lại, thực tế mỗi một nước đều tổ chức tình báo tương đương là một cơ quan để sưu tập tình báo nước ngoài. Ngoài ra, một số định chế phi chính phủ, từ các công ty dầu khí khổng lồ, cho đến tòa thánh Vatican, đều điều hành các hoạt động tình báo sâu rộng. Nói chung, các tổ chức này hợp thành các công nghiệp "dịch vụ" lớn nhất thế giới.

TRAO ĐỔI CÁC BÍ MẬT

Tất cả các "công ty" này là bộ phận của một thị trường thông tin rộng lớn. Bộ phận của bất cứ nền kinh tế công nghiệp nào cũng có việc cung cấp

hàng hóa hoặc dịch vụ, không phải cho “những người tiêu dùng chót”, nhưng từ một ngành kinh doanh này đến một ngành kinh doanh khác. Trong ngành tình báo cũng vậy, các điệp viên đã có những sự làm ăn với nhau lâu dài.

Edward Gleichen, một gián điệp người Anh vào đầu thế kỷ XX, đã kiểm tra các công sự phòng thủ của Maroc, thỉnh thoảng được dân chúng địa phương có cảm tình giúp đỡ, theo như lời ông báo cáo, họ đã giúp đỡ tôi để “chụp các góc cạnh và các triển đồ”. Các tư liệu tình báo này được trao cho Pháp, lúc ấy đang lo “bình định các thô dân”. Những gì mà người Anh được trao đổi lại thì không thấy ghi, nhưng cách thức hàng đổi hàng này, như nhà kinh tế học Adam Smith đã đặt tên cho nó, không phải mọc rậm đằng sau phong cảnh, mà đang lớn mạnh.

Cũng rất giống như các công ty trên toàn cầu ngày nay, các cơ quan gián điệp đều liên kết với nhau thành các liên minh và tập đoàn. Kể từ 1947, một bản hiệp ước mật được biết dưới danh hiệu Hiệp ước An ninh quốc tế đã liên hiệp các cơ quan như Cục An ninh quốc gia (NSA) Hoa Kỳ, cơ quan GCHQ của Anh và các đồng nghiệp của họ ở Canada, Úc và Nezeland. Sau đó, tổ chức Hiệp Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) cũng gia nhập hiệp ước này. (Thế nhưng, kể từ 1986, Nezeland đã bị đuổi ra khỏi hiệp ước tham gia tình báo này, vì

nước này đã cấm các tàu bè Mỹ có trang bị vũ khí hạt nhân được vào các hải cảng của họ). Các thành viên của tổ chức trên đây thường có những mối giao lưu khó khăn với nhau, chia sẻ các thông tin và những sự sai lầm, tố cáo lẫn nhau để lọt tin tức ra ngoài, hoặc bị dịch thâm nhập, hoặc không chịu trao một số điều bí mật họ có.

Tập đoàn tình báo hiện đại lớn số hai thế giới, kể từ khi chấm dứt Thế chiến thứ hai cho đến thập niên 90, lẽ dĩ nhiên là do Moscow lãnh đạo và bao gồm hầu hết các nước Đông Âu, cộng với Cuba.

Một trường hợp đã chứng minh mối quan hệ của họ có liên can đến James D. Harper, một kỹ sư điện đã về hưu tại California, có người vợ làm việc cho hãng Systems Control, một nhà thầu quốc phòng của Hoa Kỳ. Với giá 250.000 đô la, Harper đã bán một số lớn tài liệu của Systems Control cho Zdzislaw Przychodzien, giả danh là một viên chức của Bộ Công nghiệp, Cơ khí Ba Lan, tên là Sluzba Bezpieczenstwa.

Các tài liệu liên quan đến vấn đề tên lửa có đường đạn đạo của quốc phòng Hoa Kỳ, đã được gửi nhanh bằng đường thuỷ đến Varsava, được phân loại lựa chọn, sao chép, rồi được trao cho các sĩ quan chuyên môn của cơ quan tình báo Liên Xô KGB. Được biết rằng KGB đã hàng ngày “đòi hỏi” các dịch vụ vệ tinh phải cung cấp với những yêu cầu đặc biệt.

Câu chuyện của Harper được tái diễn nhiều lần với các cơ quan tình báo Đông Đức, Bulgari, Hungary và Rumani khi Đông Âu còn dưới quyền thống trị của Liên Xô. Trong khi tất cả các quốc gia này cũng đeo đuổi các quyền lợi thay rõ riêng tư của họ, về phương diện cơ cấu, họ liên kết với Liên Xô, thậm chí họ vẫn tiếp tục cộng tác với Liên Xô một thời gian sau khi các chính phủ cộng sản của họ đã bị lật đổ.

Thế nhưng không phải ai cũng là thành viên của hai khối tình báo lớn trên đây. Và cũng không phải các thành viên đều chỉ quan hệ mậu dịch với nhau. Nhiều quan hệ mua bán khác cũng đã có. Tại nhiều quốc gia, khi một chế độ mới hoặc một đảng khác lên nắm chính quyền, một trong các quyết định của chính phủ mới (không khi nào được thảo luận công khai), là việc lựa chọn một “tay bán tin tức tình báo” hoặc “tay bán sĩ”.

Một thí dụ điển hình là trường hợp của Tổng thống Raul Alfonsin, người đứng đầu cái Chính phủ dân chủ đầu tiên của Argentina, sau khi tập đoàn quân phiệt đổ. Năm 1985, những người có trách nhiệm trong nội các dân sự của tổng thống đã thảo luận vấn đề này. Những nguồn cung cấp chính mà Argentina thể móc nối được là cơ quan CIA, Pháp, Anh hoặc cơ quan tình báo Mossad của Israel. Theo thoả thuận, các điệp viên Argentina sẽ cung cấp cho bạn hàng của mình với các thông tin về một số

quốc gia, để đổi lấy nguồn thông tin về các nước mà tình báo Archentina không có thể cung cấp hoặc không dám thâm nhập.

Nước Anh đã đứng ngoài, vì cuộc chiến tranh Falkland/Malvinas hãy còn tươi roi, mà họ phải chống lại Archentina? Còn CIA thì sao? Cơ quan tình báo này trước đây đã có quan hệ với chế độ cũ ở Buenos Aires, và dù sao tốt hơn hết là nên tránh cả hai siêu cường. Pháp có thể là một khả năng đấy, nhưng trong lúc mạnh ở châu Phi, họ lại yếu kém trên lãnh thổ của miền Nam Mỹ, nơi mà, nói cho cùng, Archentina có các quyền lợi chính đáng của mình. “Chao ôi” một quan chức Archentina đã nói “vấn đề là trong phạm vi tình báo, không ai biết được là họ đang làm ăn với ai”.

Những vấn đề tương đương như vậy, không nghi ngờ gì nữa, cũng đang được bàn cãi tại tất cả các quốc gia Đông Âu nay đã nổi lồng quan hệ của mình với Moscow và thậm chí bây giờ đây họ đang tìm các bạn đồng hành tình báo mới với các nước Tây Âu và bất cứ nơi nào khác.

Ngay cả tại Hoa Kỳ, tập quán trao đổi tình báo cũng đổi thay khi có một chính phủ mới lên cầm quyền. Nam Phi chẳng hạn, vì thiếu vẹt tình riêng, nên đã nhận các tin tức tình báo về các quốc gia da đen láng giềng của mình từ phía Hoa Kỳ lẫn Anh. Sự việc này gồm có thông tin về Hội đồng dân tộc Phi (ANC), là phong trào da đen đổi lập chủ

yếu tại Nam Phi.

Tổng thống Jimmy Carter đã cấm việc trao đổi các tư liệu tình báo Hoa Kỳ với Nam Phi. Chính quyền Reagan đã mở lại được dây bí mật này.

Nếu lịch sử bí mật của ngành tình báo thế giới có bao giờ được để ngỏ, tất cả các loại hình chằng chịt những quan hệ không chính thức sẽ bị lộ tẩy hết. Chẳng hạn những kiều dân Úc ở Chi Lê đã hoạt động dưới sự chỉ đạo của CIA để lật đổ chính phủ Allende lúc trước. Pháp đã đi đêm với Bồ Đào Nha và Maroc, cũng là một thí dụ, hoặc Rumani với Tổ chức Giải phóng Palestine. Liên Xô đã thu thập các thông tin về các cuộc hành quân trên không và trên biển của Israel và trao cho Lybie. Còn Israel thì cung cấp thông tin cho Hoa Kỳ.

Có lẽ vụ đi đêm quan trọng nhất đã được thực hiện năm 1989 trong chuyến đi thăm Hoa Kỳ của hai cựu quan chức chớp bu của cơ quan mật vụ KGB - là Phó Giám đốc Fiodor Sherbak và Valentin Zvezdenkov, trưởng ngành cộng tác chống khủng bố của KGB - tại đây họ đã gặp cựu giám đốc CIA là William Colby và các quan chức đương nhiệm để ký kết một bản thoả hiệp trao đổi thông tin có liên quan đến ma tuý và khủng bố.

Những vụ đi đêm bí mật chằng chịt như vậy đã khiến cho một quốc gia có thể núp bóng sau một

nước khác để làm những hành động mà đối với luật pháp nước họ có thể coi như bất hợp pháp hoặc cần phải đặt vấn đề. Bộ Chỉ huy truyền tin Chính Phủ GCHQ (Anh) chẳng hạn, đã nắm một danh sách những người Mỹ mà số điện thoại của họ cần cho Cục An ninh quốc gia NSA (Hoa Kỳ). Việc trao đổi lén lút các bí mật trên bình diện quốc tế đã làm lũng đoạn tất cả các sự hạn chế trong quốc nội về việc thu thập tình báo.

NHỮNG TÊN KHỔNG LỒ ĐE DOẠ

Vì thế giới tình báo phải đáp ứng với nền kinh tế siêu tượng trưng, đang mọc lên trên thị trường đối thông tin này sẽ đòi hỏi nhiều sản phẩm mới, và những tên khổng lồ mới sẽ nổi lên để khống chế thị trường.

Đang hiện ra trong một tương lai không quá xa lăm đâu, là sự gián đoạn hoặc sự suy thoái đầu của liên minh gián điệp UKUSA-NATO (Anh Mỹ - khối Hiệp Ước Bắc Đại Tây Dương). Vì các nước chư hầu trước đây của Liên Xô đã rũ áo ra đi, mỗi nước lại phải làm ăn riêng lẻ với các cơ quan gián điệp phương Tây, cái “thế quân bình” tình báo thế giới phải nghiêng theo.

Ngoài ra, vì Nhật và Đức đảm nhiệm ngày càng nhiều vai trò và chính trị rộng lớn hơn (và có lẽ cả vai trò chính trị), phù hợp với sức mạnh kinh

tế vĩ đại của họ, đến lượt chúng nó sẽ kích thích vai trò tình báo và phản tình báo tại các nước láng giềng giữa những bạn đồng nghiệp với nhau, các đồng minh và địch thủ. (Chúng ta có thể dự đoán chẳng hạn, rằng với việc thống nhất nước Đức, Bonn sẽ được trao cho một số mạng lưới điệp viên và các “vốn liếng” tình báo trước đây do những kiều dân Đông Đức quản lý tại Hoa Kỳ, Pháp, Anh hoặc những quốc gia khác).

Bản thân các nước Nhật và Đức cũng có thể hình thành cái nhân của một tập đoàn mới, mang tính chất ít quyền lực hơn. Trong bất cứ tình huống nào, cũng sẽ gây ngạc nhiên nếu cả Sở Tin tức Liên bang lẫn Cục Tình báo Chobetsu đã không được hưởng các khoản tăng cù thể trong ngân sách (chắc chắn là được trả hình hoặc nút bông trong ngân sách của cơ quan khác).

Những biến chuyển của sự đổi thay quyền lực trong thế giới tình báo giàu mặt trái hình phản ánh sự “tác động hổ tương sức mạnh” mới (để dùng một cụm từ được Liên Xô ưa thích). Vì hệ thống mới làm ra của cải đã tăng thêm sức mạnh cho sự tranh tài giữa các quốc gia kỹ thuật cao, nó cũng sẽ làm thay đổi thứ tự ưu tiên của các dịch vụ điệp viên chủ yếu. Ba chủ đề đặc biệt sẽ chỉ đạo sự quan tâm hàng đầu của các điệp viên trong tương lai: kinh tế, kỹ thuật và sinh thái.

MÁY BAY CHIẾN ĐẤU VÀ “CÁC DANH SÁCH CANH CHÙNG”

Năm 1975, một số cố vấn người Palastin cho Chính phủ Irak đã nhận được một công hàm với lời lẽ thẳng thừng. Irak, trong quá trình chuyển biến đường lối chính trị của họ từ Liên Xô sang các nước phương Tây, muốn tìm thị trường để mua sáu chiếc máy bay quân sự, lúc bấy giờ trị giá 300 triệu đô la. Viên cố vấn, tên là Said K. Abunish, đã tìm cách thương lượng để mua của một công ty Anh, nhưng Chính phủ Anh không bảo đảm có thể cung cấp các bộ phận rời. Do đó, Irak quay sang phía người Pháp, Pháp đã đồng ý bán cho họ các máy bay Mirage F-I và bảo đảm cung cấp các bộ phận rời. Nhưng Irak cảm thấy rằng Pháp tính giá cắt cổ cho mình. Theo lời ông Aburish, thì ông ta được Irak triệu hồi cho biết: “Hãy vứt bỏ những cái gì ông đang làm, và tìm xem tại tạp chủng ấy họ chém đep các nước khác ra sao. Ông có quyền chỉ tiêu không giới hạn - hãy sử dụng nó để hối lộ, mua chuộc hoặc hiếp đáp bất cứ người nào”.

Khôi hài thay, khi Aburish kể lại câu chuyện này, cuối cùng ông ta lại tìm thấy thông tin ông ta cần trong hồ sơ của Viện Hòa bình tại Stockholm, không đúng là một người bạn của các tay lái buôn máy bay chiến đấu. Khi nguyên Thủ tướng Pháp Jacques Chirac đến thăm Baghdad chẳng bao lâu

sau đó, Saddam Husein, người hùng của Irak đã đầy một tờ giấy đến trước mặt ông, có ghi giá tiền mà Pháp đã tính với các nước khác. Theo lời ông Aburish, Thủ tướng Chirac, “đã tự nguyện, ngay tại chỗ, giảm bớt 1.750.000 đô la trên giá tiền của mỗi chiếc máy bay”. Các chiến đấu cơ này tiếp tục bay đi tham chiến trong suốt thời gian có cuộc chiến tranh Iran - Irak đã chấm dứt năm 1988.

Đây là hoạt động tình báo thương mại truyền thống được tiến hành nhân danh một chính phủ. Tầm cỡ của lợi nhuận - chẳng hạn 1,75 triệu đô la nhân cho 60 máy bay, vào khoảng trên 100 triệu đô la - so với số tiền hối lộ khiếm tốn mà Aburish nói rằng ông ta đã phải chi ra, chứng tỏ khả năng kiểm lời vô tận liên quan đến việc thu nhập tình báo kinh tế. Đó thường là một hoạt động với mức rủi ro thấp, nhưng lợi nhuận cao.

Thế nhưng vụ Aburish chỉ là một củ khoai tây nhỏ. Nó là một thí dụ về cái có thể được gọi là “tình báo vĩ mô”.

Hãy so sánh với khả năng được hưởng lợi của “tình báo vĩ mô”.

Khi Anh thương lượng về việc xin gia nhập vào khối thị trường chung năm 1973, các nhà thương thuyết của họ đã được trang bị với những thông tin do việc xem lén các công hàm của các quốc gia châu Âu khác, thật khó mà đo lường kết quả của việc mặc cả đã đạt được, nhưng so sánh

với nhau, thì số 100 triệu đô la của Irak được hưởng giống như một số tiền mặt không đáng kể. Đó là tình báo vĩ mô.

Hiện nay, Cục An ninh Quốc gia và cơ quan GCHQ của Anh, cả hai đều giữ cái gọi là “Danh sách canh chừng” các công ty hoặc tổ chức mà họ cần thiết phải theo dõi nhiều hơn thường lệ. Danh sách này gồm có các ngân hàng, các công ty dầu khí, và các nhà buôn đồ dùng, mà hoạt động của họ có thể làm cho đẩy đưa qua lại giá cả trên thế giới của dầu và ngũ cốc.

Liên Xô cũng vậy, họ quan tâm rất nhiều đến dữ liệu kinh tế. Ông Raymond Tate, một cựu viên chức của Cục An ninh Quốc gia đã nói: “Liên Xô trong nhiều năm đã chi phối rất nhiều thị trường thương mại trên thế giới” bằng cách sử dụng các khả năng tình báo của họ.

Nhưng theo ông Lioel Olmer, một cựu Thứ trưởng Thương mại tại Hoa Kỳ, chính Nhật Bản mới có một hệ thống tình báo kinh tế tinh vi và có tổ chức nhất trên thế giới, thông qua một mạng lưới các “công nhân viên” - một từ mà tôi không sử dụng một cách tiết kiệm - tại các cơ quan mậu dịch xuất khẩu. JETRO (tổ chức mậu dịch nước ngoài) là người cung cấp chủ yếu các dữ kiện. Các công ty mậu dịch Nhật sống và chết vì thông tin, và họ đã hoạt động tích cực khắp mọi nơi, từ châu Phi đến Đông Âu. Chúng ta không biết có bao nhiêu thông

tin họ thu góp đã được chia sẻ với chính quyền, nhưng chúng ta dự đoán có lẽ là hầu hết các thông tin ấy”.

Khi ông Olmer còn phục vụ tại Bộ Thương mại, ông ta có nói: “Chúng ta đã bỏ mất một năm để cố gắng chứng minh rằng Nhật đã vận dụng bí mật trị giá đồng yên - trong khoảng thời gian xoay quanh năm 1983. Chúng ta đã đưa ra bằng chứng không khó khăn gì để chứng minh rằng chính phủ Nhật chỉ huy dàn nhạc tạo ra các âm thanh trầm bổng trong trị giá của đồng tiền tệ. Đó là tình báo vĩ mô.

Năm 1988 - 1989 một cuộc cạnh tranh thương mại quan trọng loại thi kéo dài đã nổ ra giữa Nhật và Hoa Kỳ về các điều khoản sản xuất hỗn hợp loại máy bay chiến đấu FSX. Trong các cuộc thương lượng này, ông Olmer nói “sẽ hữu ích hơn nhiều nếu chính phủ chúng ta được hiểu biết hơn về những ý đồ thực sự của chính phủ Nhật. Liệu họ có muốn xem dự án FSX là một cái bục nhảy để từ đó giúp cho Nhật phát triển ngành kinh doanh loại máy bay phản lực thương mại chở hành khách để cạnh tranh với chính chúng ta? Tất cả những cái gì chúng ta nhận được là hàng loạt những mâu thuẫn”. Tại đây chúng cũng vậy, điều đang bị thử thách không phải là việc bán một số máy bay, mà là toàn bộ các ngành công nghiệp.

Thế nhưng, chỉ có những trận đánh du kích

nhỏ trong một cuộc chiến tranh tình báo kinh tế, ngày càng trở nên có hệ thống đi vào trọng tâm chính sách của nhà nước và chiến lược của các công ty, giống như các thập niên quyết định trước mắt.

Các cơ quan tình báo hàng đầu trên thế giới ngày càng bị đưa đẩy sâu vào ngành gián điệp kinh tế, do nhiều yếu tố quy tụ lại với nhau. Trước hết, với sự gián đoạn của cuộc Chiến tranh lạnh, tất cả các cơ quan tình báo chính đáng đi tìm kiếm những sự kiện mới để chứng minh cho ngân sách của họ. Thứ hai, vì hệ thống tạo của cải mới bắt buộc nhiều ngành công nghiệp phải toàn cầu hóa, ngày càng có nhiều công ty có những quyền lợi ở nước ngoài cần phải nuôi dưỡng hoặc bảo vệ. Các công ty này gia tăng sức ép đối với các chính phủ để có được sự ủng hộ chính trị và tình báo kinh tế có thể vượt khỏi tầm tay của một công ty cá thể. Dù cho tình báo công có được dùng hay không được dùng cho quyền lợi tư nhân, những sức ép này chỉ có thể được xem như là những sự cam kết toàn cầu.

Thế nhưng, vượt khỏi việc này là một sự kiện gây sững sốt, hoàn toàn bao quát. Vì các công ty, nhằm mục đích điều hành trong nền kinh tế siêu tượng trưng mới, trở nên lệ thuộc hơn bao giờ hết vào điện tử, xây dựng các mạng lưới rộng khắp bao trùm cả thế giới, chuyển các tư liệu vượt qua biên giới, trao đổi trực tiếp các tư liệu giữa những máy

điện toán của công ty và các máy của những công ty khác, toàn bộ hệ thống kinh doanh càng trở thành nhược điểm cho việc thâm nhập điện tử bởi các tổ chức tình báo như NSA hoặc GCHQ, Chobetsu, và các đồng nghiệp Liên Xô của họ. Dòng nước lũ các tư liệu chính xác về kinh doanh, một khi càng ít được tiếp cận, sẽ hiện ra là một đối tượng rộng rãi, vô cùng quyến rũ cho các cơ quan tình báo.

Cuối cùng, vì những sự may rủi tăng lên theo nhịp độ đấu đá về thương mại toàn cầu, những sự đấu đá về tình báo cũng được đun nóng song song, dẫn đến sự tương quan tình báo trong việc chạy đua vũ trang. Nếu một cơ quan gián điệp của một nước nào đã xé rào, ngay lập tức, tất cả các nước khác cũng muốn làm cho hơn bằng cách chạy đua theo, mà mỗi một nước cờ của họ đều gây thử thách.

Nghề điệp viên, lớn mạnh hơn bao giờ hết trong thế kỷ vừa qua sẽ bị bó buộc phải yểm trợ không những các mục tiêu của nhà nước mà còn đối với sách lược của công ty nữa, với sự khẳng định rằng quyền lực của công ty chắc chắn sẽ đóng góp cho quyền lực của quốc gia. Đó là tại sao chúng ta phải mong đợi nhiều thông tin do thám tình vi hơn về các hoạt động mua màng và hầm mỏ, nhiều vụ nghe lén hơn các cuộc thương thảo mậu dịch quan trọng, ăn cắp nhiều hơn các phần mềm,

nhiều việc bán đấu giá các dữ liệu ăn cắp v.v... Toàn bộ khí tài quân sự để theo dõi điện tử có thể được dồn vào dịch vụ thương mại, cùng với nhiều đội ngũ chuyên viên nhân sự nhất định trả lời một cách chính xác các loại câu hỏi mà Olmer không tìm được câu trả lời trong những năm ông làm việc ở Bộ Thương mại Hoa Kỳ.

Tất cả những sự việc đó sẽ dẫn đến việc nở rộng kỹ thuật ám số hoặc mã hóa và giải mã, vì các công ty cũng như cá nhân đều tìm cách để bảo vệ những điều bí mật của họ tránh trước những con mắt và lỗ tai hiếu kỳ muốn biết việc kẻ khác. Nó cũng sẽ mở cửa cho tham nhũng - việc tuồn ra cửa sau những tư liệu của nhà nước quản lý cho các công ty tư, do nhân viên hoặc cựu nhân viên chính quyền bán. Trong tình huống không có luật pháp quốc tế để áp dụng, nó cũng sẽ nhen lên ngòi lửa của các vụ tranh chấp quốc tế cay đắng.

TUYẾN X CHỐNG LẠI JAMES BOND

Cũng giống như lực lượng quân sự, sức mạnh kinh tế ngày càng dựa vào tri thức. Kỹ thuật cao là tri thức được đóng đặc. Vì nền kinh tế siêu tượng trưng ngày càng phát triển, giá trị của kỹ thuật dẫn đạo vút bay lên cao.

Tháng 1/1985 gần 200.000 tấn thép các-bon Rumani 96 - in được đưa đến Bắc Mỹ và đã được

bán hạ giá 40% so với thép Canada đồng loại. Câu chuyện về chuyến hàng chở tàu thuỷ này đã bắt đầu 13 năm trước đó, khi nhà độc tài Rumani Ceausescu đã đặt chương trình phát triển hạch tâm của quốc gia mình dưới sự lãnh đạo của DIE, tổ chức tình báo nước ngoài của nước này.

Theo lời ông Ion Pacepa, nguyên lãnh đạo cơ quan DIE người đã đảo ngũ sang phương Tây, thì những toán kỹ sư được đào tạo về tình báo đã được cấp giấy tờ giả mạo và gửi ra nước ngoài để tìm kiếm việc làm trong ngành công nghiệp hạch tâm. Theo ông Pacepa, các điệp viên - kỹ thuật này thật sự đã bám trụ ở các công ty General Electric, Combustion Engineering, các cơ quan đồng nghiệp Canada của họ hoặc các chi nhánh, cũng như ở Siemens, Kraftwerke Union, AEG ở Tây Đức và Ansaldo Nuclear Impante ở Ý. Tình báo kỹ thuật chẳng mấy chốc được đóng thùng chở về Bucarest.

Do nắm biết được là Canada đang gặp khó khăn để bán các lò phản ứng CANDU của họ, Ceausescu, thông qua cơ quan tình báo DIE đã gợi ý rằng ông ta có thể mua đến hai mươi lò phản ứng CANDU. Thực tế, ngày 27 - 10 - 1977, Rumani đã ký một thoả ước với Canada theo đó bốn lò sẽ được hoàn toàn xây dựng bởi Canada, số còn lại, có sự trợ giúp của Rumani, mà đa số bọn họ là nhân viên DIE.

Hậu quả là theo ông Pacepa, “cơ quan DIE chẳng mấy chốc đã nắm được số lượng tin tức tình báo lên đến vào khoảng 75% kỹ thuật của lò phản ứng CANDU - 600 một hệ thống an toàn hiện đại cho các nhà máy hạt nhân, kỹ thuật và thiết bị để sản xuất nước năng, và các dự án kiến trúc và xây dựng các nhà máy hạch tâm đã được thiết lập tại Canada, Tây Đức và Pháp”.

Còn hay hơn nữa, là Rumani có khả năng nói ngọt để đóng góp cho Canada vay 1 tỷ đô la, nói là để phần nào dùng vào việc trả tiền cho các công ty Canada liên quan đến kế hoạch, phần còn lại của các phí tổn mà Rumani phải trả cho Canada dưới hình thức mậu dịch trao đổi hoặc hàng đổi hàng.

Vào tháng 3/1982, toàn bộ công cuộc thương mại này đã tan ra nước, như nó phải như vậy. Thế nhưng Rumani đã bỏ túi được một khoản tiền ứng trước là 20 triệu đô la. Ngoài ra, Rumani cũng đã nắm được phần lớn các kỹ thuật họ cần thiết. Tất cả những gì họ cần phải làm lúc bấy giờ là gửi hàng hóa sang Canada, trong khuôn khổ của việc mậu dịch hàng đổi hàng. Do đó, mới biết tại sao thép của Rumani đã đi vào Canada và bắt đầu bán phá giá sản phẩm quốc nội của nước này.

Kế hoạch của Rumani, là phối hợp việc gián điệp kỹ thuật với việc trấn lột kinh tế, xem ra ít thông thường bằng việc đã xuất hiện trong một thế giới mà các phí tổn nghiên cứu đều phi mã và phí

tổn để đánh cắp kỹ thuật thì rẻ mạt nếu so sánh với nhau.

Trên thực tế, nói theo lời Bá tước de Marenches, nguyên giám đốc ngành tình báo Pháp thì: “Trong bất cứ một cơ quan tình báo nào xứng đáng với danh nghĩa của nó, bạn sẽ dễ dàng gặp phải những trường hợp mà ngân sách toàn niêm đã được dùng để tài trợ chi có hoạt động duy nhất mà thôi. Lê dĩ nhiên ngành tình báo không được trả tiền trên thực tế, mà được hưởng các lợi nhuận công nghiệp của một nước”.

Sự việc này không phải chỉ riêng khía cạnh quân sự - đã giải thích tại sao các điệp viên bu quanh bất cứ trung tâm kỹ thuật mới phát sinh, tại sao Liên Xô và các nước khác đã tập trung ở Silicon Valley, tại sao Liên Xô thậm chí còn cố sức mua cho được ba ngân hàng ở California, mà một trong các ngân hàng ấy đã có nhiều công ty ở Silicon Valley vay tiền. Do đó mới biết tại sao Nhật Bản cũng vậy, là một mục tiêu chính ngày nay. Theo lời một cựu quan chức KGB làm việc tại đây “thậm chí cả thiết bị nghe đặc biệt do các viên chức KGB sở tại dùng để nghe lén việc liên lạc truyền thanh giữa các toán kiểm soát thuộc ngành Cảnh sát quốc gia Nhật cũng đều đều đánh cắp của Nhật”.

Toàn bộ hệ thống của Rumani đều được phỏng theo mô hình to lớn hơn nhiều của bộ máy

gián điệp kỹ thuật do Liên Xô xây dựng và tập trung vào cái gọi là Tuyến X của ngành KGB, mà Cục T, là ban khoa học và kỹ thuật.

Một bản phúc trình năm 1987 của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, căn cứ trên các tư liệu của CIA đã cho thấy rằng một phần ba của các viên chức thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Liên Xô, thực tế, đều được biết hoặc nghi ngờ là các nhân viên KGB hoặc GRU. “Là nước chủ nhà đón trên 200 cuộc triển lãm thương mại và khoảng 100 phái đoàn kinh doanh phương Tây đến tham dự hàng năm, và kiểm tra hàng nghìn thứ hàng hóa mỗi năm đã cho phép các viên chức của họ tiếp cận được với các trang thiết bị nhập khẩu một cách kinh khủng ...” Liên Xô quan tâm đặc biệt đến người máy, kỹ thuật thám hiểm đáy biển, và các chất hóa công nghiệp.

Vì thiếu ngoại tệ mạnh, nên khó có nhiều quốc gia có thể mua được chính thức các kỹ thuật và sự biết việc trong đó, họ bị lôi cuốn không thể cưỡng được nên phải xoay xở một cách bất hợp pháp để có. Việc này dẫn đến việc gia tăng sắp đến trong vấn đề gián điệp kỹ thuật do các nước nghèo thuộc châu Phi, châu Á và Nam Mỹ thực hiện. Nếu các nước này không thể sử dụng tri thức mà các kỹ sư hoặc sinh viên của họ đánh cắp được, thì ít nhất họ cũng có thể bán lại tri thức này. Quả thật, một trong những mặt thường ít được để ý của công tác

gián điệp kỹ thuật là cái người ta gọi là “thị trường bán lại”.

Ngoài ra, vì tri thức hơn bao giờ hết trở thành trung tâm của quyền lực kinh tế, quân sự và chính trị, nên gián điệp kỹ thuật đã gây ra nhiều sự đụng chạm ngày càng tăng giữa những quốc gia đồng minh trước kia.

Nên ghi nhận rằng gần đây, tình báo Pháp bị tố cáo là đã nghe lén các phương tiện truyền thông vượt Đại Tây Dương của hãng IBM, và chuyển chúng cho nhóm Bull, và cũng đã cấp điệp viên tại các công ty điện toán Hoa Kỳ.

Cũng có nhân chứng nữa, là CoCom.

CoCom là Ủy ban phối hợp đặt căn cứ tại Paris về việc kiểm tra xuất khẩu đa phương, được thiết lập bởi 16 quốc gia nhằm ngăn chặn việc tiết lộ các phương tiện kỹ thuật cao cấp của phương Tây sang khối Xô Viết trước đây. CoCom, sân khấu của sự bất đồng leo thang giữa các thành viên của Ủy ban, giờ đây phải đối mặt với một sự đổ vỡ có thể xảy ra. Các thành viên của CoCom ngày càng cảm thấy bị hạn chế trong vấn đề mậu dịch, và tố cáo lẫn nhau để chiếm đoạt ưu thế thương mại.

Dựa theo sáng kiến của châu Âu và Nhật, nhiều biện pháp đang được tiến hành nhằm cắt giảm bớt danh sách các kỹ thuật được hạn chế và các nước bị cấm vận. Nhưng đến năm 1983, khi Hoa Kỳ, lực lượng chủ yếu đứng đầu lưng

CoCom, đã đề nghị xóa tên Trung Quốc ra khỏi danh sách, có tiếng la hét nỗi lên. Theo giáo sư Takehiko Yamamoto thuộc trường Tổng hợp Shizuota, các quốc gia Tây Âu “lo sợ rằng ... Hoa Kỳ muốn chiếm lĩnh thị trường Trung Quốc... Nên đã phản đối một cách hùng hồn đề nghị này và bóp mũi nó luôn không cho thấy ánh sáng mặt trời”.

Nhật gần đây đã bị lúng túng bởi vụ Toshiba. Vụ việc này chia mũi nhọn vào việc chi nhánh của công ty Toshiba đã bán ra một cách bất hợp pháp cho Liên Xô các thiết bị rất hiện đại dùng để mài nhẵn cánh quạt gió trong động cơ đẩy của tiêm thuỷ đinh. Trước sức áp mạnh mẽ của Hoa Kỳ, Nhật Bản phải kiểm soát chặt chẽ việc xuất khẩu hàng hóa trong nước để ngăn chặn một sự tái diễn như trên. Thế nhưng, một hậu quả trông thấy là Nhật tự cắt đứt bản thân mình ra khỏi thị trường Trung Quốc. Do đó, việc xuất khẩu dụng cụ máy móc sang Trung Quốc tụt xuống khoảng 65,9% chỉ mới mỗi một năm 1987 mà thôi đã thấy rõ. Do đó, Nhật Bản rất giận dữ, khi một trung tâm máy móc Cincinnati Milacron đã xuất hiện tại Thượng Hải.

Loại hình chiến tranh thương mại này hiện đang đe doạ nổ tung cơ quan CoCom. Ngoài ra, việc hội nhập vào nền kinh tế châu Âu có nghĩa là việc kiểm tra xuất khẩu của cá thể các quốc gia châu Âu đã bị yếu đi từ khi hàng hóa có thể luân lưu một cách tự do giữa 12 quốc gia Cộng đồng

châu Âu.

Sự tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu siêu tượng trưng cũng đem theo với nó, như chúng ta đã thấy, sự thành lập các nhóm kinh doanh xuyên quốc gia hoặc đa quốc gia, cũng đồng thời với các liên minh thương mại đa hệ, vượt biên và các liên doanh. Sự kiện này làm gia tăng các tri thức trôi nổi, và làm cho nó càng khó kiểm soát hơn.

Vì các lý do này, kỹ thuật sẽ nhập vào với kinh tế để làm một đối tượng ưu tiên hàng đầu cho các điệp viên thế giới. Điệp viên trong tương lai ít có vẻ giống như James Bond, chủ yếu sử dụng hai đấm thoi sơn của mình, mà giống như một kỹ sư của tuyến X, đang sống bình dị trong một khu phố và cũng không bao giờ làm điều gì mạnh hơn là sang trang một quyển sách giáo khoa hoặc sờ vào một chiếc máy vi tính.

CÁC CUỘC CHIẾN TRANH SINH THÁI SẮP ĐẾN

Một công cuộc kinh doanh thứ ba đang hình thành cho các điệp viên của ngày mai là môi sinh. Các vấn đề sinh thái ngày càng vượt biên giới quốc gia, do đó sự ô nhiễm từ vùng sông Rhin sẽ tác động đến Hà Lan cũng như Đức, những trận mưa axít không cần biết đến biên giới, và việc phá trụi rừng vùng Amazon đã trở thành một mối quan tâm toàn cầu.

Các tri thức về sinh thái ngày càng tăng cũng có thể giúp làm giảm bớt những bài toán như trên, nhưng nó cũng mở đường cho việc sử dụng một cách tinh vi môi sinh của một quốc gia bởi những người đưa ra chính sách chính trị khác. Một thí dụ sống sượng khác là việc Thổ Nhĩ Kỳ loan báo năm 1989 là họ sẽ cắt đứt nguồn nước của sông Euphrates để ngưng cung cấp cho Irak và Syria trong thời gian một tháng. Việc cúp nước đã đe doạ cho ngành nông nghiệp của Irak và việc tiếp tế điện lực của Syria. Theo Thổ Nhĩ Kỳ, mục đích của họ là do công tác sửa chữa đập nước Atatuck. Nhưng những kẻ hoài nghi có quyền nghĩ rằng chắc có con lươn nào nằm dưới tảng đá chăng.

Dọc vùng biên giới miền Nam của Thổ Nhĩ Kỳ về phía Irak và Syria là những căn cứ địa hẻo lánh của những người Kurd ly khai thuộc Đảng Công nhân Kurd Mác xít (KPW) - các chiến sĩ KPW đã lén lút đi qua biên giới để thâm nhập vào Thổ Nhĩ Kỳ. Về phần mình, Thổ Nhĩ Kỳ đã yêu cầu Irak và Syria bảo vệ biên giới và ngăn chặn những vụ thâm nhập như trên. Nhưng các vụ thâm nhập đã không chấp dứt, và tiếp theo đó là việc Thổ Nhĩ Kỳ loan báo đóng cửa đập nước. Sự việc này, đến lượt nó lại được tiếp theo bởi một vụ đột kích của quân du kích đã để lại 28 xác chết tại một ngôi làng của Thổ Nhĩ Kỳ trên đường biên giới Irak. Báo chí Thổ Nhĩ Kỳ kêu gọi phải trả đũa lại các căn cứ du kích

nằm trên lãnh thổ do Syria kiểm soát.

Dù cho việc cắt đứt nguồn nước là do có hay không có ý đồ chia mũi nhọn vào các chính phủ Iraq và Syria để họ phải có biện pháp quân sự đối với quân du kích, nó là một biến cố gây nhiều phức tạp rắc rối có tầm quan trọng thuộc về sinh thái, sẽ có thể trở nên phổ biến hơn và tinh vi hơn nhiều trong những thập niên trước mắt. Một ngày nào đó, các quốc gia có thể thả các loại côn trùng làm huỷ hoại tính di truyền để chống lại một kẻ thù hoặc tìm cách đổi thay thời tiết.

Khi nào cái ngày đó đến, tình báo sẽ cung cấp đạn dược cho các cuộc chiến tranh sinh thái.

Thế nhưng, về mặt tích cực hơn, vì nhờ có những hệ thống vệ tinh xa xăm của họ đưa tín hiệu về trái đất, các cơ quan tình báo có thể được giao cho đúng chức năng là kiểm tra việc thi hành các thoả ước về môi sinh, như hiện nay họ đang kiểm tra các hiệp ước về kiểm soát vũ khí.

Tình báo sinh thái sẽ được đồng bộ hóa chặt chẽ hơn với các kế hoạch chính trị và quân sự, vì cả hai thủ chiến tranh sinh thái và hiệp ước sinh thái sẽ là các bộ phận của một hệ thống toàn cầu mới.

Sự phát triển của hệ thống mới tạo ra của cải do đó đã bắt đầu thay đổi một trong các chức năng quốc tế của quốc gia việc sưu tập tình báo nước ngoài. Thế nhưng, những gì chúng ta đã xem thoáng qua từ trước đến nay, chỉ là những sự thay

đổi hời hụt bê ngoài. Còn nhiều điều bí ẩn khác đang nằm trong kho.

TU HỮU HÓA NGÀNH GIÁN ĐIỆP

Chúng ta đang được chứng kiến một sự phôi hợp tình báo giữa chính phủ và ngành kinh doanh tư nhân trên một quy mô rộng lớn chưa bao giờ thấy tại các nước kinh tế tư bản.

Các chính phủ và công ty đã từ lâu đều có làm ăn buôn bán với nhau. Một số các công ty khổng lồ từ lâu đã bao che cho những nhân viên nhà nước. Chẳng hạn như, công ty Bechtel Corporation là công ty xây dựng đặt trụ sở tại San Francisco, với những hợp đồng trị giá hàng trăm triệu đô la, ký kết với các nước Trung Đông, đã cung cấp nhiều công ăn việc làm giả hiệu cho các chuyên viên CIA. Để đổi lại, công ty Bechtel đã nhận được các tin tình báo có giá trị thương mại từ phía CIA.

Có một thời các công ty kinh doanh của Hoa Kỳ đã trả lương cho khoảng hai trăm nhân viên tình báo phục vụ tại nước ngoài trên danh nghĩa là giám đốc điều hành. Các công ty đều được bồi hoàn các phí tổn này. Mặt khác, trong khi rất nhiều quốc gia chỉ “mong muốn” là giới kinh doanh thương của mình hợp tác với ngành tình báo và họ có thể gây áp lực nếu bị từ chối, Hoa Kỳ lại không

làm như vậy. Các giám đốc công ty Hoa Kỳ, kể cả những người có tiếp xúc với các chính khách nước ngoài cấp cho, cũng rất ít khi được yêu cầu điều này.

Đường ranh giới giữa tình báo công và tư vẫn tiếp tục bị xóa mờ, vì các công ty siêu quốc gia mọc lên như nấm, nên nhiều nơi đã xây dựng mạng lưới tình báo tư nhân của chính họ - gọi là "bán CIA", như đã có tên. Đây là sự thật đối với các công ty dầu khí hoặc ngân hàng châu Âu và các nhà buôn Nhật, cũng như đối với các công ty xây dựng Mỹ. Được dự đoán là có những sự tiếp xúc giữa một số các tổ chức "bán CIA" này và các đơn vị tình báo của chính các quốc gia họ hoặc các nước chủ nhà.

Việc hoạt động song song của các tổ chức "bán tình báo" tại nước ngoài, đó là sự triển khai mới gần đây của cái gọi là các đơn vị "tình báo tranh tài" thuộc ngành công nghiệp quốc nội, như đã được mô tả tại chương 14. Trong khi được thiết kế để hoạt động trong khuôn khổ luật pháp, các đơn vị này áp dụng, ít nhất cũng trên một mức độ thô sơ, đa số các phương pháp và kỹ xảo giống như đã được sử dụng bởi các hoạt động tình báo nhà nước. Những khả năng liên hệ bán chính thức với nhà nước được gia tăng khi các công ty kinh doanh này thuê các điệp viên và các chuyên viên phân tích cũ trước đây đã hoạt động trong hàng ngũ của Nhà nước.

Những mối quan hệ loạn luân ấy sẽ được nhân lên gấp bội như là hậu quả của việc cải tổ cơ cấu kinh doanh thế giới hiện đang được hình thành, nó dẫn dắt đến những liên minh kinh doanh đa quốc gia phức hợp. Một công ty đang đưa vào sử dụng một “liên minh chiến lược” với một công ty khác có thể chẳng bao giờ biết là một số hoạt động của người đồng nghiệp của mình thật sự là các hoạt động gián điệp nhằm phục vụ quyền lợi cho một chính phủ nào đó. Hoặc công ty này muốn biết và nhờ vào các điệp viên của chính phủ mình tìm hiểu giúp.

Điều không thể tránh được, là những sự thay đổi này sẽ lôi kéo ra ánh sáng của công luận biết bao nhiêu hoạt động kinh doanh “tư nhân” trước đây, khoác lên chúng một màu sắc chính trị và phát pháp lệnh cho một loạt loại hình tố cáo, phản tố cáo, làm nổ tung và những xì căng đan nẩy lửa.

Một sự thay đổi khác song song với những phát triển mới đây trong kinh doanh là chuyển tâm quan trọng từ việc sản xuất đại trà việc cung cấp tình báo theo yêu cầu của khách hàng. Các nhà làm quyết định của Nhà nước ngày càng đòi hỏi nhiều hơn các loại thông tin có đối tượng, cá biệt, và chính xác. Việc này đòi hỏi hoặc một loạt thông tin theo yêu cầu của khách hàng hoặc tối thiểu, một sự phân tích theo ý khách hàng.

Để đáp ứng yêu cầu này - đặc biệt trong các

lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật và sinh thái - đòi hỏi phải có các thông tin chiến thuật rất chính xác, về một loạt vấn đề rất rộng lớn, mà thậm chí cơ quan sản xuất tình báo lớn nhất, như CIA cũng sẽ không đủ khả năng để tuyển dụng, duy trì, trả lương cho tất cả các công ty đang làm: Họ sẽ ký hợp đồng nhiều hơn với bên ngoài, đập tan hệ thống dọc của các hoạt động sản xuất đại trà.

Các cơ quan gián điệp cũng đã ký một số hợp đồng với bên ngoài. Cục tình báo Mỹ và tình báo Pháp cả hai đều có thuê mướn những tay gangster và Mafia để thực hiện các công tác mà họ không thấy thích thú. Các cơ quan tình báo cũng đã thường thiết lập các cuộc kinh doanh giả dạng như cái “Công ty Áo mưa tuyệt hảo nước ngoài”, được sử dụng như một chiêu bài do mạng lưới điệp viên Ban nhạc đỏ trong công tác của họ chống lại Đảng Quốc xã trong Thế chiến thứ hai, hoặc các hàng hàng không do CIA làm “chủ sở hữu” đã được sử dụng trong thời gian chiến tranh Việt Nam. Tuy nhiên, các điệp viên sẽ sớm bị bắt buộc phải dựa vào những nhà cung cấp và các cố vấn ở bên ngoài đến một mức độ rộng lớn chưa bao giờ thấy.

Cơ sở cho việc “ngoại viễn” này đã được đặt nền móng do sự sinh sôi nẩy nở của các tiệm nghiên cứu tư, chuyên trị đủ mọi thứ bệnh, từ việc phân tích các rủi ro chính trị đến việc tìm kiếm các thông tin kỹ thuật. Các thông tin về sự rủi ro Môi

trường trong Kinh doanh, như một công ty ở Long Beach, California, có lúc cũng đã phạm những sai lầm quá cỡ, nhưng nó cũng đã được tín nhiệm vì đã báo cho các khách hàng của mình biết rằng Tổng thống Ai Cập Anwar Sadat có thể sẽ bị ám sát. Quả thật, ông ta đã bị như vậy, mười tháng sau. Nó cũng đã dự báo một cách đúng đắn về việc Irak xâm lăng Iran sớm hơn 9 tháng. Kể từ năm 1985 trở đi, ngay cả trước khi các cửa hiệu như trên mở rộng, dãy đã có một số cửa hiệu thông tin như vậy.

Nhiều cửa hiệu đã dùng các viên chức cao cấp hoặc các nhân viên tình báo. Tập thể quan trọng nhất là Hiệp hội Kissinger, đã có một hoặc nhiều lần sử dụng Brent Scowcroft, cố vấn an ninh quốc gia của Tổng thống Bush, Lawrence Eaglburger, nhân vật số hai tại Bộ Ngoại giao, William Simon, nguyên là Bộ trưởng Ngân Khố, và dĩ nhiên, cả bản thân Henry Kissinger, có thời là cố vấn an ninh quốc gia và là Bộ trưởng Ngoại giao. Các quan chức có liên quan đến tình báo thường hay ra vào các công ty này - trong số đó có cả William F. Colby, nguyên giám đốc CIA, ông này đã mở cửa hiệu riêng tại Washington sau khi rời khỏi chức vụ. Ông Colby nói: "Công việc kinh doanh đánh giá có nhiều mặt giống như công tác tình báo".

Các công ty tình báo tư nhân có thể làm "bình phong" cho các chính phủ đã thuê mướn họ, họ có thể thu hút những chuyên gia lành nghề nhất ở thị

trường tự do, hơn là trong các công sở dân sự, họ cũng có thể thực hiện các công tác đòi hỏi sự an toàn tuyệt đối, mà các cơ quan gián điệp lớn, do bản chất thư lại không thích hợp.

Thế nhưng cái mà chúng ta thấy rõ nhất là một sự phối hợp quá chặt chẽ hoặc một sự thâm nhập hỗn tương rất sâu đậm của ngành kinh doanh và Nhà nước trong việc tìm kiếm tin tức tình báo.

Ý NGHĨA MỚI CỦA “TÌNH BÁO TƯ NHÂN”

Thế nhưng, sự lớn lên của việc “tư hữu hóa” ngành tình báo thật sự đã diễn ra không phải trên mặt đất, mà là trên không gian. Năm quốc gia: Hoa Kỳ, Nhật, Pháp, Ấn Độ và cả Liên Xô nữa, hiện nay đều bán rao các dữ liệu cho các vệ tinh không gian của mình sưu tập được.

Tiến trình này bắt đầu từ năm 1972, khi cơ quan hàng không không gian Nasa của Hoa Kỳ đưa vào quỹ đạo vệ tinh Landsat đầu tiên để sử dụng về mặt dân sự. Hiện nay đã có hai loại vệ tinh này - Landsat 5 và 6 và một vệ tinh thứ ba dự kiến sẽ được phóng lên một ngày gần đây. Bay trong quỹ đạo cách mặt đất 438 dặm, những vệ tinh Landsat truyền về quả đất các tín hiệu thông thường được sử dụng trong việc khai thác khoáng sản, dự báo mùa màng, các hoạt động lâm sản, và các nhiệm vụ tương đương.

Những hình ảnh của Landsat đều được tự động truyền xuống cho khoảng 15 quốc gia, mỗi nước này chịu đóng lệ phí mỗi năm 600.000 USD, nên nhận được đều đặn một dòng suối hình ảnh qua tín hiệu. Một số các tín hiệu này mang ý nghĩa quân sự. Do đó, Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ, bắn thân họ là một khách hàng mua tín hiệu của Landsat. Các vệ tinh Landsat cũng được sử dụng bởi giới quân sự Nhật để mắt đến miền đông Siberi. Năm 1984 một nhà khoa học Hoa Kỳ, Tiến sĩ John Miller, thuộc trường đại học Tổng hợp Alaska, nhờ sử dụng các bức ảnh của Landsat, nên đã có khả năng phát hiện được công cuộc thí nghiệm của Liên Xô được thiết kế để cho thấy liệu các tên lửa hạch tâm có thể được phóng đi từ tiêm thuỷ đinh đang hoạt động dưới lớp băng của miền Bắc Băng Dương chăng.

Đến ngày 21-2-1986, Pháp đã phóng thành công vệ tinh SPOT và đi vào tranh tài với Landsat, kể từ ngày ấy, các nhà khoa học và quân chung đã có khả năng nghiên cứu các hoạt động quân sự và công nghiệp tại bất kỳ nơi nào trên mặt đất. Sự độc quyền của Mỹ và Liên Xô về mặt tình báo không gian đã bị vỡ toang.

Trong khi các hình ảnh vệ tinh của Spot và Landsat không đủ tốt để sử dụng về mặt quân sự, nó cũng còn rất hữu ích. Do đó, các nước không có vệ tinh riêng của mình là một thị trường thương

mại cho các dữ kiện có sẵn về tình báo quân sự của họ.

Điểm đặc biệt hơn nữa, là các khách hàng hiện nay có thể mua những hình ảnh và các băng tín hiệu từ nhiều nguồn cung cấp, rồi nhập các dữ liệu này vào các máy điện toán để sử dụng, và đạt đến kết quả là các thông tin đúc kết này phong phú hơn nhiều so với do một nguồn cung cấp.

Quả thật, đây là một ngành công nghiệp rất thành tựu mà ít tốn công sức, ngoài việc xử lý các tín hiệu từ một hoặc nhiều loại vệ tinh này.

Các công nghiệp này bao gồm từ Viện Nghiên cứu Môi trường của bang Michigan, đến Trung tâm Lượng giá Viễn phương tại Riyadh, và viện Instituto de Pesquisas Espaciais tại São Paulo. Một công ty ở Atlanta có tên là ERDAS, INC, đến lượt mình cũng viết các phần mềm về những hình ảnh “trị giá gia tăng” này cho hai trăm máy điện toán trên thế giới.

Có lẽ thí dụ tốt nhất trong việc giải toả độc quyền về dữ liệu tình báo là công trình của mạng lưới Truyền thông vũ trụ SMN đặt căn cứ tại Stockholm, tổ chức này mua các tín hiệu của SPOT lẫn LANDSAT, dồn tất cả vào máy điện toán, và sản xuất ra các hình ảnh để cung cấp cho báo chí thế giới. Đúng như vậy, nguồn tin tình báo của công trình này không bị bỏ quên, và mạng lưới Truyền thông Vũ trụ đã mô tả công tác của mình

phản ánh được “khắp nơi trên thế giới, những nơi mà công tác truyền hình thường bị hạn chế trong sự tiếp cận hoặc vượt quá tầm tay, chẳng hạn như các biên giới bị đóng cửa, những vùng dễ xảy ra chiến tranh, hiện tại đang khủng hoảng hoặc bị thiên tai”.

SMN đã phổ biến công khai các hình ảnh cho thấy Liên Xô đang bí mật chuẩn bị một chương trình tàu con thoi tại Tyuratam, các dữ liệu về một khu chế biến tia laser khổng lồ của Liên Xô. Đó có thể là một bộ phận của một hệ thống tên lửa, phát hiện một địa điểm chứa tên lửa của Trung Quốc tại Ả Rập Saudi, khu dự án vũ khí hạch tâm của Pakistan tại Kahuta, và thường xuyên theo dõi vùng vịnh Persique trong thời gian có cuộc đụng độ quân sự tại đây.

Nét bút quyết định không phải ở trên bức tường, mà ở trên nền trời. Các trung tâm tình báo vũ trụ sẽ tiếp tục bị mất độc quyền, vì có nhiều vệ tinh bổ sung và nhiều kỹ thuật điện toán mới đều sẵn sàng cho việc sử dụng. Các quốc gia như Irak và Brazil đã đi sâu vào việc phát triển vệ tinh. Các nước khác, kể cả Ai Cập và Argentina, đang phát triển khả năng phóng tên lửa, và Inscom, một liên doanh Brazil - Trung Quốc, đang nhằm mục đích phối hợp kẻ biết việc, người biết làm của chương trình vệ tinh của Brazil với các khả năng phóng pháo của Trung Quốc.

Cái mà có một thời chỉ là đặc quyền đặc lợi của các siêu cường và những điệp viên của họ, ngày càng được các cường quốc nhỏ hơn sử dụng nhiều, và ít nhất ở một mức độ nào đó, có thể nằm trong tầm tay của các cá nhân sử dụng và của ngành truyền thông thế giới.

Thật vậy, với việc này bản thân ngành truyền thông đã trở thành một đối thủ chính để tranh tài với những lò sản xuất tình báo. Một vị quan chức cao cấp trước đây của Nhà Trắng có nói câu: “Khi lần đầu tiên bước chân vào Nhà Trắng, tôi đã là nạn nhân của sự “tôn sùng bí mật” - khi một văn kiện được đóng dấu “Mật”, thì cứ coi như là thật sự có giá trị. Tôi sớm phát hiện ra rằng, tôi thường được đọc một số tài liệu mà trước đây tôi đã đọc trong tờ báo Financial Times rồi. Thậm chí còn nhanh hơn nữa, các chương trình truyền hình trực tiếp thường đã thôi những cú đấm làm vỡ mặt các điệp viên”.

Việc tiếp tục tư hữu hóa và “truyền thông hóa” ngành tình báo hoặc “bán tình báo” sẽ đòi hỏi những điệp viên bậc thầy phải cải tiến các hoạt động tình báo của mình, đúng như các công ty trước đây đã phải làm về mặt điện toán. Ngành gián điệp cũng vậy, sẽ phải ép mình vào trong khuôn khổ hệ thống tạo ra của cải mới trên hành tinh này. Tuy nhiên, ngành gián điệp phải đổi mới với những vấn đề mà các ngành công nghiệp khác không có.

MÂU THUẬN Ở CỐT LÕI

Các khách hàng sử dụng tình báo, là viên chức chính trị và nhà làm chính sách, nay không còn đau khổ vì nạn thiếu thông tin nữa. Họ bị bội thực thông tin.

Trận lũ lụt gây ra do việc sản xuất hàng loạt các dữ kiện hiện nay lúc nào cũng có sẵn. Và việc quá tải dữ liệu này có nghĩa là việc sưu tầm dữ liệu không còn là vấn đề chủ yếu nữa của các điệp viên. Vấn đề là làm sao cho có giá trị những gì đã sưu tập được và cung cấp kết quả cho những nhà làm quyết định đang cần dùng đến nó.

Việc này đang biến công tác kinh doanh của điệp viên đến chỗ phải dựa rất nhiều vào các hệ thống chuyên viên và tình báo nhân tạo cũng như các đồ phụ tùng máy điện toán đối với vấn đề phân tích. Thế nhưng kỹ thuật, một mình nó không giải quyết nổi - vấn đề tê liệt trong phân tích. Nó đòi hỏi một sự tiếp cận hoàn toàn mới đối với tri thức.

Vì những sự tiết lộ các thông tin mật có thể dẫn đến những hậu quả khủng khiếp, kể cả cái chết của những kẻ đưa tin, các cơ quan tình báo CIA và tiểu CIA trên thế giới đã áp dụng nguyên tắc “cách ly”. Các nhà phân tích đang công tác trên một vấn đề, rất ít khi có cơ hội nhìn thấy toàn thể bức tranh, mà chỉ được cung cấp những mẩu thông tin có chừng mực, trên một cơ sở hạn chế chỉ cần

biết để đủ làm. Và thường là không có cách nào để đánh giá mức độ tin cậy của các mảng tin họ nhận được. Trên lý thuyết, mẫu thông tin được trả lại để nhập chung và đưa lên một cấp cao hơn khi thông tin được chuyển lên theo hệ thống phân cấp.

Tuy nhiên, chúng ta cũng đã nhìn thấy lý thuyết này trước đây, trong các công ty văn phòng. Và chúng ta cũng đã nhìn thấy như vậy vì những sự biến chuyển gia tăng tốc độ và môi sinh trở nên đầy bão tố hơn, nên hệ thống này thành ra quá chậm và rất mù mờ về quá nhiều yếu tố.

Đây không phải là một câu chuyện thừa, Thượng nghị sĩ Sam Nunn, chuyên gia hàng đầu các vấn đề quân sự tại Thượng viện Hoa Kỳ, đã công khai công kích các cơ quan tình báo là đã bị thời cuộc bỏ xa với những biến cố đi hia bảy dặm tại châu Âu, khiến cho Quốc hội không tài nào đưa những quyết định hợp lý đối với ngân sách quân sự Hoa Kỳ. Các phí tổn để nghị đã lạc hậu một cách vô cùng tai hại.

Đúng là nhằm mục đích khắc phục những vấn đề như trên nên các công ty ưu việt nhất ngày nay đã cho phép các nhân viên của mình được tiếp cận với nhiều thông tin hơn, và để cho họ được liên lạc truyền thông tự do bên ngoài các tuyến và tuy ý muốn vượt khỏi hệ thống cũng được. Thế nhưng, những sáng kiến như vậy vấp ngay vào sự cần thiết phải bảo vệ bí mật tối đa trong ngành công

nghiệp gián điệp. Các điệp viên bị ràng buộc bởi hai lần dây.

Sợi “dây buộc” này lại được thắt chặt với sợi dây kia. Bởi vì nhiều tin tức tình báo không những chỉ chạm trổ mà thôi, lại còn vô dụng đối với nhu cầu của những nhà làm quyết định, họ là “các khách hàng”.

Ông Lionel Olmer, nguyên thứ trưởng Bộ Thương mại có nói câu: “Chúng tôi cần có sự kiểm tra kỹ lưỡng hơn của các quan chức ở cấp làm chính sách do đó họ không đúng là những người tiêu thụ, mà là những người tạo hình cho tiến trình xử lý. Thông qua ngành công nghiệp, như chúng ta đã biết, các khách hàng đã được kéo và tiến trình thiết kế, và các nhóm người sử dụng đã được tổ chức thành những mạng lưới để ủng hộ các nhà sản xuất. Ranh giới giữa sản xuất và tiêu thụ bị xóa nhòa.

Điều gợi ý của ông Olmer là các nhà chính sách cao cấp đã giúp để “tạo hình” tiến trình xử lý tình báo là hợp lý. Nhưng ngày càng nhiều các chính khách và quan chức nhúng tay vào việc “tái tạo hình thủ tục”, thì càng có nguy cơ là những bản ước tính đê trình lên cho Tổng thống và Thủ tướng sẽ chỉ bộc lộ những gì mà các vị này muốn nghe - hay nói khác hơn là chỉ phản ánh các quan điểm hẹp hòi của một đảng hay một phe phái mà thôi. Việc này sẽ vẫn còn làm méo mó thêm các thông

tin đã được uốn nắn săn như chiếc bánh mì mặn bởi những nhà chiến thuật thông tin và các nhà siêu chiến thuật đã công tác trong việc này ngay từ lúc mới bắt đầu.

Nếu các tin tức tình báo bị vặt vẹo bởi một quốc gia thù địch, như chuyện thỉnh thoảng được xảy ra khi có các “điệp viên hai mặt”, thì hậu quả có thể khủng khiếp. Nhưng việc này cũng có khả năng đúng khi nó được vặt vẹo vì nhu cầu chính trị bởi một người nào đó thuộc phe nhóm của mình. Cuộc cách mạng lịch sử hiện nay đang đổi mới với ngành công nghiệp tình báo, mang nó vượt quá việc sản xuất hàng loạt, và đặt nó nằm ngang trên con đường khai quang của hệ thống mới tạo ra của cải đang đi tới. Giống như các ngành công nghiệp khác, công nghiệp tình báo phải đổi mới với những cuộc tranh tài từ những giới không thích hợp. Cũng giống như các ngành công nghiệp khác, ngành này phải tổ chức những cuộc liên minh mới, luôn luôn thay đổi. Giống như các ngành công nghiệp khác, ngành này phải thay đổi lại cơ cấu tổ chức của mình, và cũng giống như công nghiệp, nó phải chế biến những sản phẩm của mình theo nhu cầu của khách hàng, phải đặt lại vấn đề về những sứ mệnh đặc biệt nhất của mình.

Ông J. Conrad từng viết: “Một người có những hoạt động công khai nhất, cũng phải có một bộ mặt bí mật dành cho các hoạt động này”. Những

nước dân chủ cũng vậy, dù phải hành động công khai thế nào, cũng phải có những hành động bí mật của mình.

Nếu các hoạt động tình báo thường tạo khó khăn cho Quốc hội, và thậm chí cả Tổng thống trong việc kiểm soát, trở nên quá chằng chịt với các hoạt động hàng ngày của xã hội, nên đã quá tản quyền, quá tan biến vào với ngành kinh doanh và các quyền lợi riêng tư khác khiến cho việc kiểm soát thật sự trở nên bất lực, và nền dân chủ sẽ gặp những nguy hiểm chết người.

Ngược lại, ngày nào mà còn có một số quốc gia được lãnh đạo bởi những kẻ khủng bố hung hăn, thích tra tấn và độc tài, hoặc bởi những tên cuồng sát được trang bị hơn bao giờ hết các vũ khí giết người, thì các nền dân chủ không thể nào tồn tại được nếu không có những sự bí mật, và những cơ quan mật vụ.

Chúng ta làm thế nào quản lý những điều bí mật ấy - và thực tế, cả tri thức nói chung - đã trở thành vấn đề chính trị cốt lõi trong thời đại Thăng trầm quyền lực.

THÔNG TIN TƯƠNG LAI

Với một tấm hộ chiếu Irish (Irish Passport) ở trên tay, người khách lạ tại khách sạn Teheran như đang sốt ruột chờ đợi một tín hiệu từ xa.

Lắc lư một chiếc bánh chocolat có hình dáng một chìa khoá, người khách chờ đợi đến sốt ruột ấy là Robert Mc Farlane, vị cố vấn an ninh quốc gia của nhiệm kỳ Tổng thống Reagan. Chiếc bánh như một nhóm quà tồn tại mãi không giải thoát được, chỉ vì Mc Farlane đến Teheran là để yêu cầu phỏng thích những con tin của Hoa Kỳ nhưng không gặp may. Với việc đi cửa sau, bán vũ khí cho phái ôn hoà của Teheran. Sự vụ này, dẫn đến hậu quả tai tiếng không tốt cho suốt hai nhiệm kỳ của Tổng thống Reagan.

Cũng do đó mà nổi bật lên việc bán vũ khí cho Trung Đông, nhân viên Cục tình báo Trung ương (CIA), những tướng lãnh về hưu tiếng tăm, những sĩ quan anh dũng của thuỷ quân lục chiến và những bí thư lỗi lạc - phải ra tường trình trước

Thượng, Hạ Nghị viện Hoa Kỳ, được trực tiếp truyền bá trên vô tuyến truyền hình thế giới lôi cuốn bao tầng lớp người xem.

Thế nhưng, mọi người đều không lưu ý đến một điểm quan trọng. Cuộc đấu tranh chính trị ở Washington chủ yếu không phải là các phân tử khủng bố, các chủ ngân hàng bí mật, phái ôn hòa ở Iran hay nhóm phản loạn ở Nicaragua. Sự phẫn nộ giữa Toà Nhà Trắng và Quốc hội Hoa Kỳ là tranh nhau xem ai là người có quyền lực trong nền ngoại giao Hoa Kỳ. Trọng điểm tranh giành quyền lực xảy ra ở đây là chỉ vì toà Bạch Ốc không thông báo cho Quốc hội kế hoạch hành động mà chỉ âm thầm quyết định.

Đảng Dân chủ Mỹ muốn chứng minh rằng kế hoạch hành động ấy là theo mệnh lệnh của Tổng thống. Trong khi nghị viện Đảng Cộng hòa thì biện hộ chứng minh rằng đó là quyết định của những phần tử thuộc hạ quá nhiệt tâm không liên quan đến Tổng thống, cho nên toàn bộ điều tra và thông tin đại chúng đều không lưu ý đến điểm chênh lệch nhau về quyền lực ngoại giao - mà lại thành vấn đề tranh chấp “Ai biết, cái gì, khi nào” và vụ Irangate trở thành cuộc chiến về thông tin.

Dánh lạc trí nhớ, bác bỏ chứng cứ bí mật, tiết lộ và bịa đặt vẫn có thể cung cấp nguồn thông tin phong phú giúp cho sự hiểu biết mà theo truyền thống người sử dụng và lạm dụng. Nhưng quan

trọng hơn cả vụ bê bối (scandale) lần này để ra một xu hướng mới trong nền chính trị tương lai, tức không chỉ là tư liệu, thông tin và tri thức đều biến thành chính trị hóa mạnh lớn trong lịch sử. Cũng không phải gián điệp, mà chính là hệ thống sáng tạo của cải mới là đòn thúc đẩy chúng ta phải đâm đầu vào thời đại chính trị thông tin.

ĐÓI KHÁT TRI THỨC

Quyền lực của một nước luôn luôn thiết lập trên sự khống chế bạo lực, của cải và tri thức. Nhưng ngày nay mối liên hệ giữa ba yếu tố đó hoàn toàn biến đổi. Do mô hình kinh tế siêu tượng trưng đã đẩy mối liên hệ thông tin (tức tri thức) thành vấn đề trọng yếu trên trường chính trị.

Từ quyền chế tạo riêng tư đến việc mờ phỏng, từ chính sách điện tín viễn thông đến bí mật điện toán, từ vấn đề giáo dục đến giao dịch nội bộ và vai trò môi giới trung gian, chung quy chỉ là góc nổi của một tảng băng.

Trên trường chính trị thế giới, vấn đề thông tin ngày càng được chú ý, rõ nhất là trong phiên họp thứ 101 của Quốc hội Hoa Kỳ, đã đưa ra trên 100 đề án thông tin cần được thảo luận. Trong đó có 26 đề án bàn về việc chính phủ Liên bang sẽ thu thuế về khoản phổ biến thông tin cho nhân dân, và nên phổ biến như thế nào cho hữu hiệu. Ngày nay,

bất cứ người nào có máy vi tính cá nhân đều có thể trực tiếp bắt được kho tư liệu của nhà nước, hay yêu cầu các thư... Thế nhưng phải phổ biến như thế nào? Chính phủ có thể hợp đồng với các xí nghiệp tư để thực hiện phân phối và điều tra thu thuế không? Nhiều thư viện, các trung tâm nghiên cứu của trường đại học và các luật sư dân sự tự do đều cho rằng thông tin của nhà nước nên miễn phí và phổ biến sát đại chúng. Nhưng các công ty tư cung cấp thông tin phục vụ đại chúng thì cần phải được thu tiền.

Tuy nhiên vấn đề thông tin tương lai sẽ còn lan rộng hơn nhiều.

Hơn nữa, trong khi chúng ta đã đi sâu vào nền kinh tế siêu tượng trưng, sáng tạo ra của cải mới, vấn đề thông tin cần được chính xác chứ không mơ hồ xa xôi. Khi mà đại chúng ngày càng dựa vào sự sử dụng phù hiệu tượng trưng mà sinh sống, thì càng chú ý đến ảnh hưởng tạo ra quyền lực của nó. Một trong những vấn đề chủ yếu là ngày càng đòi hỏi phải có “quyền biết”, nhất là khi nó có ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề phúc lợi. Năm 1985, theo sự điều tra của Cục Thống kê lao động Mỹ, thì trong số 2,2 triệu công nhân bị nghỉ việc ít nhất là nửa số đó không được thông báo biết trước 24 giờ. Đến năm 1987, tổ chức Công đoàn mới yêu cầu Quốc hội bắt buộc các xí nghiệp phải có kế hoạch trong việc cho công

nhân nghỉ việc, phải báo cho công nhân 6 ngày trước, đồng thời cũng thông báo cho chính quyền tiểu bang hay thành phố như vậy.

Giới chủ kinh liệt phản đối dự luật ấy, cho rằng nếu phải thông báo trước những tin tức như vậy, sẽ phá huỷ kế hoạch cứu vãn của công ty. Nếu tin tức giảm bớt công nhân của xí nghiệp bị tiết lộ ra ngoài, thì còn có ai dám đầu tư, dám hợp tác hay buôn bán với công ty nữa.

Năm 1988, thủ đô Washington lại nổi cộm lên sự kiện này, phía Quốc hội thì nhất trí tán thành dự án nêu trên, trong khi Nhà Trắng lại không nhất trí. Cuối cùng, đạo luật vẫn được thông qua, mặc dù Tổng thống phủ quyết. Bây giờ công nhân Hoa Kỳ có quyền được biết vào lúc nào thì mình phải nghỉ việc, và đến lúc nào thì xí nghiệp sụp đổ.

Ngoài việc làm ra, công nhân Hoa Kỳ còn muốn biết những sự việc khác. Chung quanh các đoàn thể và các cộng đồng của Hoa Kỳ yêu cầu các cơ quan thuộc chính phủ và các công ty cho biết tư liệu phương pháp xử lý các vật phế thải và khí độc ô nhiễm môi trường.

Bởi vì, cách đây không lâu họ biết rằng: Trong khoảng năm 1957 đến 1975, công xưởng vũ khí hạt nhân Aiken, thuộc miền Nam Carolina, ít ra đã có 60 lần chất phóng xạ bị rò rỉ. Sự kiện ô nhiễm phóng xạ vô cùng trầm trọng, dường như mỗi năm có một lần, thế nhưng, cư dân lân cận đó

cũng như đại chúng chưa bao giờ được thông báo. Thậm chí các chuyên gia khoa học có tìm nghe đì nữa cũng như không. Đến năm 1988, sự việc được trình bày trước Quốc hội Hoa Kỳ.

Công xưởng ấy là do công ty E.I du Pont de Nemours kết hợp với chính phủ Hoa Kỳ, và DuPont bị tố cáo là che giấu sự thật. Công ty tức khắc phủ nhận, và nói rằng chính họ đã từng báo cáo sự kiện độc hại ấy cho Bộ Năng Lượng Mỹ. Thế là, Bộ Năng lượng phải đứng ra cảng đáng những lỗi lầm để bảo vệ cơ mật quân sự. Hoạt động nhấn chìm cơ mật quân sự là truyền thống của kế hoạch Manhattan (nó là kế hoạch sản xuất bom nguyên tử trong Thế chiến II). Tuy nhiên Bộ trưởng Năng lượng là John S. Herington đấu tranh cho rằng nên đề cao tiêu chuẩn an toàn cùng với công bố sự thật nhưng những nhà quản lý về năng lượng vẫn một mực chống đối.

Cuối cùng, Quốc hội Hoa Kỳ đã ra một đạo luật buộc các xí nghiệp đối với bất cứ loại độc hại và phế liệu nguy hiểm nào, đều phải công khai công bố cho dân quanh đó và toàn quốc. Áp lực yêu cầu cần phải công khai tất cả độc hại môi sinh đó không phải chỉ có ở Mỹ, cũng như không phải chỉ giới hạn trong phạm vi quốc nội.

Cư dân ở Osaka Nhật cũng tổ chức thành mạng lưới đòi quyền hiểu biết, ở Kansai họ lôi kéo quần chúng du lâm thị trấn và văn phòng thị

trường, yêu cầu Nhà nước từ nay không được hạn chế thông tin. Trong số 12 điều khoản yêu sách chính phủ, thì có 6 điều được chấp nhận thông qua, còn các điều khác bị phủ nhận. Trong số đó có một điều khoản quan trọng là yêu cầu Nhà nước phải công khai thông báo về kim ngạch chi tiêu. Phản ứng của các nhà chức trách ở Osaka so ra lại có nghệ thuật hơn. Trong khi đoàn biểu tình yêu cầu cơ quan thị trường phải công bố tư liệu về việc mua bức tranh của danh họa Modigham hiện đang bày tại Viện bảo tàng thành phố, các nhà chức trách im lặng không trả lời. Thật ra, căn bản không thể trả lời, thế là áp lực vẫn còn tiếp tục. Những phong trào gây áp lực nổi lên, có thể nói song hành với sự phát triển điện toán, thông tin và viễn thông, bắt buộc các nhà chức trách ngày càng lưu ý đến vấn đề tri thức liên quan đến chính trị, những gì thuộc cơ mật, công khai tiếp xúc hay quyền riêng tư.

Từ năm 1966, Chính phủ Hoa Kỳ thông qua Đạo luật Tự do thông tin, các nước khác lần lượt bắt chước. Năm 1970, Đan Mạch và Na Uy cũng thông qua đạo luật tương tự, tiếp theo năm 1971 là Pháp, Hà Lan và năm 1982 là Canada và Úc. Tuy nhiên, Đạo luật Tự do thông tin vẫn còn trong cấp Nhà nước, ngày nay các địa phương như huyện, tỉnh và các đô thị đều bắt đầu đòi hỏi quyền tự do như vậy. Ở Nhật, mặc dù Nhà nước vẫn chưa

thông qua Đạo luật Tự do thông tin, nhưng đã có 5 tỉnh, 5 thị trấn và 2 đặc khu thông qua Đạo luật này từ năm 1985.

Cũng trong giai đoạn này nổi lên cao trào thông qua Đạo luật Bảo vệ quyền bảo mật riêng tư (có cuộc sống riêng).

Năm 1973 Đạo luật này được thông qua ở Thụy Điển và tiếp đến năm 1974 ở Mỹ, 1978 ở Canada, Đan Mạch, Pháp, Tây Đức và năm 1984 ở Anh. Nhiều nước thành lập cơ cấu “bảo vệ tư liệu” (data protection) là tổ chức đặc biệt để phòng bị lạm dụng máy điện toán xâm phạm đến quyền sống riêng, động chạm đến nhân quyền. Phương pháp và điều kiện tuy mỗi nước mỗi khác nhưng hiệu quả và mô hình thì như nhau, là nơi nào mô hình kinh tế siêu tượng trưng phát triển, thì vấn đề thông tin ngày càng mang ý nghĩa chính trị hóa.

QUẢ BOM KHỦNG BỐ VÀ NẠN NHÂN SINH

Trên thế giới, sự tôn thờ bảo mật và cuộc tranh giành thông tin công khai của các đoàn thể được triển khai trên khắp mọi nơi. Đã có lúc chủ đề này được tranh luận quyết liệt và lộn xộn.

Thí dụ, có lúc mọi người đòi hỏi thông tin phải được công khai hóa, rồi có lúc lại đòi hỏi phải đặt vấn đề an toàn. Như tháng 12 năm 1988, chuyến

máy bay của Scotland, bay qua Lockerlie bị bọn khủng bố đặt quá bom nổ, giết hại 29 hành khách. Mà theo tin tức báo chí, thì trước khi tai nạn xảy ra, các nhà chức trách đã được cảnh cáo. Quần chúng phẫn nộ bắt đầu đặt câu hỏi: Vì có gì mọi người lại không biết được sự cảnh cáo đó. Thế rồi thay vì phẫn nộ đối với những phần tử khủng bố, lại quay sang chống đối các nhà chức trách.

Hạ Nghị viện lập tức thành lập tổ điều tra. Sau đó, tổ này công bố một bảng danh sách dài về các vấn đề an ninh trước khi Cục Quản lý Hàng không Liên bang cung cấp cho các công ty Hàng không. Kết quả là Bộ trưởng Bộ Giao thông vô cùng phẫn nộ buộc tội rằng hành động của tổ điều tra này có thể đe doạ sinh mệnh của hành khách vì công khai hoá những biện pháp an toàn.

Tuy nhiên, nữ tổ trưởng của tổ Điều tra là Cardine Collins, cực lực phản đối thái độ của ông Bộ trưởng. Bà cho rằng bảng công bố tất cả các quy tắc an ninh của FAA là để bảo vệ hành khách. Thế nhưng, mỗi năm các công ty hàng không của Mỹ tiếp nhận hàng 200 lần thông báo hăm doạ khủng bố bằng bom nổ chậm. Nếu cứ mỗi lần bị hăm doạ đều công bố thì có thể làm tê liệt ngành hàng không và khiến cho những phần tử khủng bố chỉ cần một cú điện thoại là có đủ quyền lực làm tê liệt ngành hàng không.

Cuối cùng, các ngành lập pháp, hành pháp và

hàng không cùng quyết định là phải áp dụng biện pháp điều tra, kiểm soát chứ không phải công khai thông báo tất cả.

Tháng 12 năm 1989, sau thảm kịch Soland một năm, Công ty Hàng không North West Airlines lại bị hăm doạ rằng chuyến bay từ Paris đến Detroit bị đặt bom. Rút kinh nghiệm thảm họa năm trước, hãng North West quyết định cần thông báo cho các hành khách mua vé máy bay và nói cho họ biết trước khi lên máy bay và yêu cầu họ vui lòng giúp đỡ trong việc bố trí an toàn trên chuyến bay nếu họ muốn.

Về sau hành khách vẫn kiên quyết đáp chuyến bay đó. Cuối cùng chuyến bay được thực hiện an toàn.

Đòi hỏi mở rộng công khai hóa mọi thông tin, lại dụng chạm đến Đạo luật bảo vệ cuộc sống riêng tư. Một trong số những sự kiện gây xung động nhất xuất phát từ thông tin là bệnh Sida lan tràn. Khi bệnh này bành trướng khắp các nước, làm mọi người điên đầu, thậm chí các phần tử cực đoan đòi hỏi phải đánh dấu những bệnh nhân bằng chữ cách ly. Các bậc phụ huynh yêu cầu không cho trẻ bị nhiễm bệnh Sida đến trường học (vì sợ lây bệnh cho con em họ). Cùng lúc, Bộ trưởng Giáo dục của Hoa Kỳ là William Bennet yêu cầu phải kiểm tra cả các ngành, các cơ quan đoàn thể có dính dáng đến bệnh Sida, như tất cả

bệnh nhân trong bệnh viện. Những bộ phận làm giấy giá thú, đám di nhân và tội nhân. Bennet còn đề nghị, nếu trắc nghiệm người nào có bệnh, thì những cặp vợ chồng phổi ngẫu hay những người có quan hệ giới tính trước đây của họ đều phải tự động được lưu ý tới.

Đề nghị của ông ta đưa đến cơn bão táp phản đối, từ phía giới chức y tế công cộng, các luật sư và những người theo chủ thuyết tự do, vì họ chỉ tán thành việc tự nguyện kiểm tra. Nực cười là chính người chủ trương bảo vệ quyền sống riêng tư lại là kẻ đòi hỏi công khai hóa những thông tin về Sida.

Một số người nhận định rằng sự kiểm nghiệm không đủ tính chất thuyết phục. Vì một khi kết quả kiểm nghiệm được công bố, kẻ nhuốm bệnh sẽ bị mất việc làm, bị đuổi học và còn chịu bao sự đồi xử đau lòng của xã hội. Do đó, nếu cưỡng bức kiểm nghiệm thì sẽ xảy ra hiện tượng nhiều nạn nhân Sida giấu bệnh hơn là tự đi điều trị ở bệnh viện. Kiến nghị của Bennet bị sự phản kích kịch liệt của Cục Y tế công cộng là Everett Koop...

Cuộc tranh luận về bệnh Sida khắp mọi nơi vẫn đang gay cấn chưa giải quyết được, đó là mối liên hệ về quyền tự do cá nhân và tập thể, cũng như mâu thuẫn về quyền sống riêng tư với đòi hỏi công khai hóa mở rộng thông tin, vẫn chưa có cách giải quyết ổn thoả.

Ngoài ra, còn bao vấn đề như quyền trước tác, quyền sáng chế, cơ mật mậu dịch, thương mại, giao dịch nội bộ v.v... đều là chủ đề thông tin chính trị trong tương lai. Khi mà mô hình kinh tế siêu tượng trưng mỗi ngày bành trướng thì những vấn đề đạo đức trong thông tin cũng phải được đặt ra sao cho thích đáng. Ngày nay, thì mọi người đều nhất trí là những gì liên hệ đến đạo đức đã bị đánh mất, và những quyền sách chính trị đã từ lâu đổi đầu với nền đạo đức chân không bi thảm.

Trên thế giới còn lắm nơi thiếu hẵn những điều cơ bản nhất về tự do thông tin, và phải đổi mới với một nền văn hóa áp bức, kiểm duyệt gắt gao báo chí và thiên chấp những điều cơ mật. Trái lại, trong cơ chế dân chủ của nền khoa học kỹ thuật cao cấp sự tự do tư tưởng được bảo vệ che chở thành quyền cơ bản, thì thông tin chính trị được nâng lên cấp cao hơn.

Tuy nhiên, chúng ta chỉ mới bước vào giai đoạn đầu của thông tin chính trị trong các xã hội có nền khoa học kỹ thuật tiên tiến. Trước mắt, chúng ta còn phải tranh đấu với những vấn đề đơn giản hơn.

HỆ THỐNG ỦY CHẾ TOÀN CẦU

Tính chất phát triển của khoa học kỹ thuật toàn cầu, bao trùm các vấn đề như tiền tệ, điện tín

viễn thông, môi giới trung gian thông tin tạo thành hệ thống ức chế đảo ngược nền văn hóa mới, khiến chính sách thông tin của nước này ảnh hưởng đến nước khác.

Sau khi đài khí tượng Chernobyl phát hiện đám mây ô nhiễm hạt nhân bay về phía không phận châu Âu, thế là nỗi lèn làn sóng chống đối Liên Xô dữ dội, vì các nhà chức trách Liên Xô không dự báo kịp thời cho các nước khác biết hiểm họa đó. Và các nước đòi hỏi cái quyền phải được biết và được biết tức khắc những gì xảy ra.

Ý nghĩa của sự việc vừa nêu là, không có một nước nào có quyền che giấu sự thật. Và rồi thành ra một đạo luật đạo đức thông tin không thành văn vượt lên trên quyền lợi quốc gia. Lại thêm một thảm họa khác: Vụ động đất ở Armenia, chính phủ Liên Xô lập tức thông báo cho toàn thế giới, để tránh đi sự dâm lên trên lối lầm trước.

Thật ra, khi môi giới thông tin ngày càng phát triển mạnh trong việc loan truyền tin tức, xúc tiến mô hình kinh tế siêu tượng trưng vận chuyển, lại đi phong tỏa mọi thông tin trong nước thì đó là một tai họa.

Chính quyền Anh cũng đã có lúc quên mất điều cấm này. Khi tác giả Peter Wright hoàn thành cuốn Spycatcher, nội dung là phê bình tổ

chức gián điệp của Anh trước kia, thì nội các của bà Thatcher cấm không cho xuất bản. Peter Wright bèn đưa qua Mỹ xuất bản, lại là quyển sách bán chạy nhất (best - seller). Đài truyền hình và báo chí đều đề cập đến sự việc đó, do quá trình hồi chuyển ngược, buộc chính quyền Anh phải nhượng bộ, và tác phẩm của Peter Wright khi trở về Anh cũng trở thành sách bán chạy nhất.

Sự lợi dụng môi giới thông tin nước ngoài để ảnh hưởng trở lại nền chính trị của trong nước, cũng đã trở thành hiện tượng ngày càng phổ biến. Khi Thủ tướng Kohl phủ nhận những việc xí nghiệp Tây Đức trợ giúp cho Muamma el- Qaddafi Liby xây dựng một công xưởng chế tạo vũ khí hóa học ở cách thành phố Tripoli 50 dặm. Đơn vị tình báo Mỹ dùng vệ tinh nắm được chứng cứ, giao cho môi giới thông tin châu Âu và Mỹ...

Sự việc khiến tạp chí Stern ở Tây Đức phải triển khai một cuộc phỏng vấn sâu đậm, cuối cùng chính quyền Tây Đức phải đỏ mặt tía tai thừa nhận có biết sự việc đó nhưng không rõ lắm...

Qua các sự việc vừa nêu, chúng ta thấy rằng vấn đề thông tin đã biến thành điểm tranh luận chính trị quốc gia và quốc tế. Điều ấy cũng chứng tỏ rằng quyền lực ngày càng dựa vào tri thức. Sự biến đổi quyền lực mang tính lịch sử ngày càng bộc lộ vai trò chính trị thông tin có trọng lượng dữ dội.

DANH HIỆU KỸ BINH

Ở Thái Lan có quang cảnh rất phổ biến là các quầy hàng bày bán trên đường phố, nơi đây người ta có thể mua những băng video, băng nhạc và các thứ sản phẩm khác với giá rẻ. Lý do rất đơn giản, đó là những ấn bản có lại đang được lưu hành trên thế giới mà không tốn đồng tiền nào. Nói một cách khác là bản quyền tác giả, nhà xuất bản và các công ty thu băng ghi hình quay phim đã bị đánh cắp lợi nhuận.

Tại Ai Cập, có những nhà xuất bản ngầm xuất bản những tác phẩm của phương Tây, mà không chi trả một chút gì cho tác quyền và.

Tạp chí Trung Đông (Middle East) ở London từng nêu ra: "Việc in trộm sách báo ở Trung Đông đã thành quy mô, chỉ thua Viễn Đông và Pakistan". Chính quyền Hồng Kông, một lần đột kích kiểm tra 27 tiệm sách, bắt được 61 người đang chuẩn bị tái sản xuất 647 đầu sách. Thế nhưng để nâng cao tiềm năng xuất khẩu, việc in trộm sách báo không hợp pháp đã xảy ra ở nhiều nước mà lại còn được khuyến khích. Hơn nữa, khoa học kỹ thuật mới đã tạo cho việc in trộm dễ dàng và giá rẻ.

Từ thập niên 80, vì nạn trộm cắp bản quyền video mỗi năm, kỹ nghệ điện ảnh Mỹ thiệt hại 750 triệu đô la. Hollywood quyết định phải đổi phó.

Khi phim Indiana Jones and the Temple of Doom được đưa ra thị trường, mỗi bản phim đều có dấu mật mã đặc biệt để chứng thực là bản chính, cũng là cách thức để dễ truy nã những ai in trộm và phát hành. Từ đó trở đi, các hãng phim lớn đều bắt đầu dùng một thứ mật mã tương tự.

Nhưng đến năm 1989, ở Đài Loan còn có 1200 cửa tiệm Movie - TV, mà mỗi cửa tiệm nhỏ như vậy có thể cung ứng cho đám thanh niên xem những phim mới nhất của Mỹ được in trộm. Đến nỗi thanh thiếu niên phải sắp hàng mới được xem các phim Video đó. Hành động phi pháp đó lại rất phổ biến, khiến cho các rạp chiếu phim lớn bị lỗ. Đến khi bị áp lực của Hollywood, chính quyền Đài Loan mới ra lệnh cấm đoán.

Song song với các vụ in sang băng trộm còn có cuộc chiến tranh giành quyền sáng tạo, vì có nhiều nước không chịu chi trả quyền sáng chế sản phẩm mới. Thêm vào đó, việc giả mạo cũng dần dần trở thành kỹ nghệ mới trên thế giới, những thiết kế giá rẻ cùng với những sản phẩm của nó tràn ngập thị trường thế giới. Quan trọng hơn cả là việc in trộm phần mềm của điện toán. Không phải chỉ cung cấp cho số ít cá nhân sử dụng, mà còn bán phổ biến, khắp các nước trên thế giới. Vì công việc trộm đạo in ấn ngày càng quá dễ, chung quy đều do sự phát minh khoa học kỹ thuật mới.

Năm 1989, vấn đề bảo vệ quyền lợi “tài sản

trí tuệ" - cũng tức là nền tảng của hệ thống mới sáng tạo của cải, gây ra sự cọ sát về chính trị giữa các nước với nhau. Tài sản trí tuệ là nỗ lực sáng tạo của con người trong địa hạt khoa học bao gồm Khoa học kỹ thuật, nghệ thuật, văn học, mẫu mã thiết kế và những hoạt động của tri thức nói chung mang tính chất vô hình. Nó phát triển với mô hình kinh tế siêu tượng trưng, và trở thành công cụ có giá trị cao hơn cả kinh tế và chính trị.

Trong cuộc họp về mậu dịch ở Washington, các đại biểu đã đòi hỏi các xí nghiệp của Mỹ phải áp dụng sự chế tài đối với Thái Lan trong việc mậu dịch để trừng phạt nước này về sự giả mạo sản phẩm và in trộm bằng hình đúp thứ. Họ đưa ra yêu sách nếu Thái Lan không chịu ngăn chặn những hành vi phi pháp nêu trên, thì Hoa Kỳ sẽ trả đũa, đánh thuế cao các hàng xuất khẩu của Thái Lan như hoa nhân tạo, đá ốp lát, đậu khô và các thiết bị điện tín viễn thông.

Thật ra, Thái Lan cũng không hẳn là kẻ trộm đạo to lớn lắm, nhưng phản ứng của Washington chứng minh rằng trong xã hội có khoa học kỹ thuật thì hình thái sản phẩm mới ngày càng quan trọng.

Năm 1989, những người nắm quyền sáng tạo trong các ngành nghề như âm nhạc, điện toán, xuất bản đã đòi hỏi chính quyền Mỹ phải có hành động ngăn chặn 12 quốc gia, vì họ đã làm tổn hại cho giới doanh nghiệp Mỹ, mỗi năm phải

mất 1,3 tỷ đô la. Trong số 12 nước đó, có Trung Quốc lục địa, Ả Rập, Ấn Độ, malaixia, Đài Loan và Philippin. Hiện nay, vấn đề bảo lợi thuộc tài sản trí tuệ, không phải chỉ Mỹ là ó, mà cả cộng đồng châu Âu và Nhật đều quan tâm. Thị trường châu Âu đã từng kêu gọi hải quan toàn cầu quản chế chặt chẽ sản phẩm giả mạo, và nghiêm phạt đối với những vụ trộm đạo in ấn.

Trong thương trường gần đây, “Hiệp định chung về quan thuế mậu dịch toàn cầu” (General Agreement on Tariffs and Trade - gọi tắt là GATT) đã được triển khai thành cuộc chiến về việc bảo vệ quyền lợi tài sản trí tuệ. Các nước tiên tiến tất nhiên tán thành hiệp định đó, trong khi các nước kém mở mang lại phản đối. Một sinh viên của ẢRập, người đã mua sách in trộm, đã có những suy tư được xem như đại biểu của các nước phương Tây tuy là cao quý nhưng chủ yếu vẫn là nhằm vào lợi ích của các nhà xuất bản”.

Nhưng, thái độ lo âu của các nước có nền khoa học kỹ thuật tiên tiến là phải. Chung quy tài sản trí tuệ là một thứ tư sản vô hình, nó giống như thứ tư sản hữu hình? Hay đúng hơn là cần phải xác định trở lại về quan niệm tài sản?

Nhà cựu ngoại giao kiêm tương lai học là Havlan Cleveland từng viết rằng: “Thật là điên cuồng khi chối bỏ hay cự tuyệt không cho kẻ khác dự phần vào những gì mà nó không thể có”, và ông

còn nhấn mạnh:

“Điều mà mọi người đều biết, không phải là thiết lập sự “bảo vệ” tại các xí nghiệp lớn hay các nước giàu có, mà phải nên hấp thu và sử dụng tri thức mới của các nước hay các xí nghiệp. “Tài sản trí tuệ” làm sao có thể bảo vệ được? Vấn đề tự nó đặt ra thật hỗn tạp, không thích đáng chút nào”.

Cách lý luận như vậy, thường được coi như là hậu thuẫn cho quan điểm giải phóng và tự do thông tin toàn thế giới. Đây là giấc mơ được hiện thực của các nước nghèo nàn lạc hậu, nương vào đó mà vay khoa học kỹ thuật tiên tiến, hòng phát triển tương lai của họ. Thế nhưng, đó chưa phải là giải đáp thỏa đáng đối với những nước có nền khoa học kỹ thuật cao. Vì đến một ngày nào đó, khoa học kỹ thuật sáng tạo của thế giới đình trệ phát triển thì sao? Hay vì bị giả mạo bắt chước, cho nên các xí nghiệp không thể thu hồi được lợi nhuận mà kinh phí đã bỏ ra để đầu tư nghiên cứu, và cũng không thể tiếp tục nghiên cứu những đề tài mới nữa. Trong khi thế giới đều cần đến tri thức, văn hóa, nghệ thuật, và khoa học tiên tiến, từ bên ngoài. Nhưng, như vậy cần phải có những quy luật trao đổi giữa các nền văn minh với nhau. Và quy luật chủ yếu là khuyến khích mọi sáng tạo chứ nào có thu gom hạn hẹp nó lại.

Việc bảo vệ các tài sản vô hình như ý niệm, văn hóa, hình ảnh, lý luận, các phương trình khoa

học, phần mềm trong điện toán v.v... ngày càng trở thành chủ đề chính trị to lớn trên thế giới.

Trong tác phẩm *The New Sovereigns* (chủ quyền trên các vùng lãnh thổ mới) của hai tác giả Abdul A. Said và Luiz R. Simmons đã viết: “Tính chất quyền lực phát sinh do sự giàu nghèo chênh lệch, còn ngày nay lại do ở trình độ tri thức cao thấp, đặc biệt là khoa học kỹ thuật cùng với việc khống chế tri thức trong phạm vi chính trị và kinh tế”.

Trong thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, nguyên nhân gây ra chiến tranh giữa các quốc gia là tranh chiếm nguyên vật liệu nhằm đáp ứng cho nền kinh tế công nghiệp ống khói. Nhưng sang thế kỷ XXI cơ sở của tất cả nguyên vật liệu lại là tri thức. Cuộc cách mạng xã hội và chiến tranh, tương lai chủ yếu cũng chỉ là chiếm đoạt tri thức. Nếu quả thực như vậy, môi giới trung gian trong tương lai sẽ giữ vai trò gì?

SỰ SÁNG TẠO HÌNH ẢNH

Người làm thay đổi lịch sử thông tin đại chúng là Benjamin Day, lúc ông ta chỉ mới 23 tuổi. Năm 1833, dân số thành phố New York chỉ có 218.000 người, nhưng đã có 4.500 đăng ký mua báo. Thời ấy tiền lương công nhân mỗi ngày 75 xu (0,75 đô la) một tờ báo ở New York giá 6 xu nên không phải ai cũng mua được. Phương tiện in báo, là sáp chữ bằng tay, nên mỗi giờ chỉ in được vài trăm tờ.

Đến B. Day là thay đổi tất cả.

Ngày 3-9-1833 là ngày phát hành tờ New York Sun, với giá 1 xu một tờ. Day thuê trẻ con đem báo ra bán khắp các ngả đường trong thành phố, một sáng kiến mới trong thời bấy giờ. Mỗi tuần ông bỏ ra 4 đô la thuê người đến săn tin ở tòa án và ở cơ quan cảnh sát, đó là những “ký giả” mới nhất. Kết quả, chỉ trong vòng 4 tháng, tờ Sun trở thành tờ báo lớn nhất ở New York. Năm 1835, Day mua máy in mới, loại chạy bằng hơi nước, và tờ

Sun tiến đến phát hành và thu tiền mỗi ngày 20.000 ấn bản. Ông phát minh ra thứ báo dân chúng, tức là thứ báo nêu ra các thứ tội phạm.

Đồng thời còn tung ra các nhân vật “đIÊN KHÙNG” Henrry Hetherington với Twopenny Dispatch ở Anh và Emile de Giradin với La Presse ở Pháp. Việc hạ giá báo chí không chỉ có ý nghĩa về thương trường mà còn có hiệu quả chính trị lâu dài. Dựa theo báo chí giáo dục quần chúng và các kích thích hội đoàn công nghiệp phát triển, đồng thời cũng tạo điều kiện cho giai cấp vô sản tham dự vào đời sống chính trị trong nước.

Đến năm 1870, các giai tầng chính trị đều phải chú ý đến cái gọi là “dư luận” trên báo chí. Một nhà tư tưởng của Pháp phái nói: “Ngày nay, không một chính phủ nào của châu Âu không chú trọng đến vấn đề dư luận”.

Một thế kỷ sau, lại có một người “đIÊN KHÙNG” nhảy ra thay thế Denjamin Day, đó là Ted Turner, một người to lớn, tính nóng nảy nhưng khá thông minh. Sau khi thừa kế một công ty quảng cáo to lớn của cha, người đã tự tử, Turner mua ngay một đài phát thanh và một đài truyền hình, và đang ngơ ngác chưa biết làm gì, thì thình lình ông ta phát hiện ra rằng: nhân dân Mỹ bắt đầu thích xem các đài truyền hình dùng dây cable nhưng trong truyền hình không có chương trình và quảng cáo, cùng lúc không gian lại có thứ gọi là “vệ tinh”.

Turner bèn chủ trương tung ra các chương trình cho chiếu trên đài truyền hình Atlanta, và xuyên qua vệ tinh đưa các chương trình cần thiết đến các truyền hình dùng dây cable. Cùng lúc, ông ta thiết lập quảng cáo một “loại mua bán” phục vụ dân chúng truyền bá khắp trong nước, giúp các nhà quảng cáo. Không cần phải giao dịch với các đài truyền hình, ông biến Atlanta thành “đài truyền hình cao cấp” và là vương quốc vững như bàn đá.

Đến ngày 1-6-1980, Turner lại đưa ra một chiêu pháp mới, thành lập “mạng lưới truyền hình gà con” tức là mạng lưới truyền hình dùng cable - Cabbe New Network - gọi tắt là CNN. Buổi đầu CNN ra đời mọi người đều chê cười. Thậm chí Wall Street cũng tin rằng thế nào cũng thất bại, vì từ trước tới giờ chưa có ai khai thác kinh doanh mạng lưới truyền hình suốt ngày đêm 24 trên 24 bao giờ.

Thế nhưng, ngày nay thì CNN đã trở thành đài truyền hình có ảnh hưởng lớn nhất Hoa Kỳ. Kênh truyền hình của Nhà Trắng cũng phải chuyển sang đài CNN. Ngoài lâu Năm Góc ra, các toà Đại sứ cũng như hàng triệu cơ quan và gia đình trên nước Mỹ đều phải dùng CNN.

Và mong ước của Turner còn vượt xa biên thùy nước Mỹ. Ngày nay, mạng lưới truyền hình của CNN đã trải ra các nước trên toàn cầu, luôn luôn cung cấp những hình ảnh tin tức sốt dẻo nhất

xảy ra trên thế giới, từ vụ ám sát Tổng thống Ai Cập, cảnh đàn áp dãm máu ở Thiên An Môn Trung Quốc, đến sự xâm nhập của Mỹ ở Panama.

Một trong những băng thu hình mà Turner thích thú nhất, thường giữ làm của riêng, là cuốn băng tiếp xúc với Fidel Castro, Chủ tịch nước Cộng hòa Cuba. Trong cuộc hội kiến ấy Castro đã thành thật nói rằng ông thường theo dõi tin tức của đài CNN. Turner không bao giờ rụt rè trong việc đề cao công ty của mình, liền hỏi ngay Castro có muốn tuyên bố đôi lời với quần chúng trước ống camera. Vì Chủ tịch nước phả xong khói xì gà và đáp ngay: "Sao lại không?". Cuốn băng quang cáo ấy không đưa ra trên truyền hình, nhưng Turner luôn luôn đưa nó ra khoe với bạn bè.

Turner, đúng là một quái nhân, đẹp trai, tiếng nói dõng dạc, dáng điệu lả lùng, có sức mạnh như trâu, và là một cầu thủ khoẻ trong đội bóng rổ Atlanta Braves, là chủ nhân của thư viện của điện ảnh MGM, được các nhà bình luận gán cho danh hiệu "cái loa lớn của miền Nam".

Ngoại trừ là con người cực lực ủng hộ sự cạnh tranh trong thị trường tự do, trước khi nổi phongg thiênn tình sử lăng mạn với nữ minh tinh Janne Fonda, Turner là nhân vật trợ cấp quan trọng cho công cuộc vận động hòa bình. Thậm chí, ông còn nhảy bổ vào trò chơi "thiện chí" ở Moscow, trong khi ông cũng hoạt động chính trị, kinh tế. Trên

mạng lưới truyền hình của ông cũng thường đề cập đến vấn đề bảo vệ môi sinh.

Ngày nay, Turner là một trong số ít người nhìn thấy xa hay ý thức được tính chất cách mệnh của vai trò thông tin đại chúng và trong địa bàn này ông có những đổi mới vượt xa Benjamin Day. Những nỗ lực của Turner, về lâu về dài, chắc chắn sẽ gây ra sự biến đổi quyền lực trong nhiều quốc gia.

XÃ HỘI ĐA KÊNH

Cuốn sách “Cú sốc tương lai” xuất bản năm 1970, trong đó chúng tôi đã từng phân tích rằng, khán giả truyền hình ngày càng chia ra thành những nhóm nhỏ vì nhu cầu khác nhau. Tương lai, phần lớn những tin tức cũng như văn nghệ tiêu khiển đều do truyền hình phổ biến.

Sự bùng nổ nghệ thuật hình ảnh tự nó có nguyên nhân.

Trước tiên là con người luôn luôn có ý hướng thay đổi hình ảnh nghệ thuật tượng trưng. Vì nó là thú ngôn ngữ của tất cả ngôn ngữ, cơ sở của tin tức. Tuy rằng sự khác biệt của xã hội cũng đòi hỏi những thay đổi phù hiệu khác nhau. Sự biến đổi của hệ thống kinh tế có ý nghĩa tượng trưng đòi hỏi những giải tỏa về hệ thống tình cảm, vượt khỏi những gì đầm lầy cũ kỹ. Kinh tế càng tiến triển càng đòi hỏi nỗ lực sáng tạo những phù hiệu ở tầm

cao hơn. Sự nỗ lực ấy lại cần được tiếp xúc với một lượng thông tin tự do. Nó cần đến những công nhân có khả năng thích nghi mau lẹ, mẫn cảm với những dự báo, nắm được phương thức thay đổi, tổ chức giỏi theo đà sinh hoạt hàng ngày.

Những công nhân giỏi là người của thế giới, mau lẹ với những ý niệm và hình thái mới, nắm vững được nhu cầu của khách hàng, những biến đổi chính trị, kinh tế, biết được mọi áp lực cạnh tranh, biến đổi văn hóa và có khả năng quản lý mọi mặt.

Trình độ tri thức rộng lớn ấy không thể nào chỉ dựa vào sự học hỏi ở nhà trường hay những sách kỹ thuật bổ túc, mà phải trộn nhau vào nguồn thông tin đại chúng, tức là những gì trình bày trên truyền hình, báo chí, đài phát thanh, thậm chí cả đến những mục giải trí, tiêu khiển. Vì rằng các loại tiết mục ngày nay, đều có bao hàm các phương thức sinh hoạt, mối quan hệ giao tế, các vấn đề xã hội, cho đến những khách hàng nước ngoài và thị trường tri thức.

Có những chương trình, như Murphy Brown, với minh tinh Cadide Bergen, vô tình hay cố ý dựng lên những bi kịch xoay quanh những tin tức đang lưu hành. Ngay cả khi không cố ý, chương trình vẫn có những hình ảnh thực tại, những “nội dung tình cờ”.

Những bối cảnh và chi tiết của tiết mục như

quang cảnh, xe cộ trên đường phố, kiến trúc, điện thoại, máy đối đáp, cũng như những hoạt cảnh mà những tình tiết khó chú ý vẫn thường có những trạng huống sinh hoạt thực tại.

Tất cả những chi tiết sẽ ghi vào ký ức người xem, tồn tại trong trí, hình thành những nhận thức của mỗi người đối với thế giới. Không cứ nó là tốt hay xấu đều ảnh hưởng đến thái độ của con người đối với việc làm trong xí nghiệp, đương nhiên ngày càng ảnh hưởng đến sức sản xuất trong kinh tế. Do đó, tiêu khiển vui chơi không chỉ là vui chơi.

Tóm lại, trong phương thức truyền bá kinh tế mới, ngoài việc giáo dục kiến thức và kỹ thuật ra còn ảnh hưởng đối với việc phổ biến văn hóa. Thành ra trong khi phát triển thị trường đồng thời những cải tổ cũng được tiến hành. Và mọi phạm trù đều tổ chức trở lại. Bất luận này là hay hay dở, tất cả những gì gọi là cũ kỹ, trong xí nghiệp, trong chính trị, nghỉ ngơi hay làm việc, báo chí hay nghệ thuật, những giới hạn của nó đều đổ vỡ, và chúng ta bị cuốn lôi vào trận cuồng phong phân tán, với muôn vàn hình ảnh biến đổi của cái kính vạn hoa.

ĐẾN GIAI ĐOẠN TUYỂN CHỌN

Đến bây giờ, các nhà sản xuất truyền hình cũng chỉ mới có mấy mạng lưới chính. Nhưng ở

Mỹ, việc phân tán quần chúng ngày càng tiến triển, quyền lực cũng theo đó bị dội bom.

Sự độc quyền của ba hệ thống ABC, NBC và CBS không còn nữa, mà ngày nay ở Mỹ đã có 72 đài truyền hình đủ các loại, tương lai sẽ còn có nhiều hơn. Họ có sỡm mạng lưới truyền hình kịch, mạng lưới phổ biến tin tức thị trường tiêu thụ, và mạng lưới khoa học viễn tưởng. Ngoài ra còn có kênh phổ biến giáo dục đường và “Toàn quốc đại học truyền hình” gọi tắt là NCT, dùng vệ tinh trực tiếp phổ biến các chương trình đặc biệt cho sinh viên!

Trong cuốn “Cú sốc tương lai” (Future Shock) xuất bản năm 1970, tôi đã báo trước, “Sự phát minh máy thu hình video sẽ gia tăng, đài truyền hình, chương trình phát hình trực tiếp từ vệ tinh sẽ phát triển đủ các chủng loại”.

Hiện nay 57% (1990) gia đình ở Mỹ có trang bị máy truyền hình và theo sự đoán bảo thủ thì chỉ trong vòng 10 năm sau sẽ đạt đến 67%. Những gia đình có máy truyền hình sẽ chọn lựa những kênh mình thích trong số 27 kênh, và không bao lâu sẽ tiến đến số 50 kênh, gồm đủ các tiết mục, từ ca hát của người da đen, học tiếng Tây Ban Nha đến giới thiệu kiến thức y học chuyên môn v.v....

Trước tiên, phân chia thông tin đại chúng truyền hình thành nhiều nhóm nhỏ. Các loại video cassette và truyền hình rộng rãi từ vệ tinh lại chia

quần chúng thành nhiều nhóm nhỏ hơn, vì chương trình video cassette có đến mấy ngàn thứ khác nhau. Gần đây, đã có 4 công ty truyền hình hợp tác lại chuẩn bị 108 kênh truyền hình cao cấp hay rõ nét (high definition T.V) gồm đủ các chương trình cung cấp cho nhân dân Mỹ.

Ngoài ra, ở Mỹ còn có 3 mạng lưới truyền hình độc lập ngày càng phát ra nhiều chương trình, ít nhất cũng gấp 4 lần so với trước. Lại còn có những tập đoàn truyền hình tập hợp lại với nhau tranh thủ tung ra những chương trình hấp dẫn nhất.

Người phụ trách chương trình ca nhạc của đài truyền hình ABC là Robert Iger từng tuyên bố: “Tiếng chính yếu của khán giả truyền hình ngày nay là” chọn lựa” - điều làm năm 1980 về trước chúng ta không có - thì nay lại có rồi”.

Nhưng ngày nay, 3 công ty truyền hình lớn là CBS, ABC, NBC lại không có điểm chủ yếu vừa nêu, vì cả 3 đều thuộc về hệ thống tổ chức công nghiệp ống khói, thứ công nghiệp của làn sóng thứ II, chỉ quen với đối tượng đại chúng, chứ không phải là những nhóm nhỏ trong mô thức biến chuyển của thời đại, hằng Genaral Motors cũng lâm vào tình cảnh đầy khó khăn như các công ty truyền hình. Trong tương lai số mệnh của 3 đài truyền hình sẽ ra làm sao, thì người sáng lập ra đài truyền hình độc lập là Al Burton, đã nói một

câu chí lý: “Trước kia, ở Mỹ chỉ có ba mạng lưới hay đài phát thanh lớn, nhưng ngày nay không còn ai nhắc nhở được tên của nó”.

ĐẾN LƯỢT CÁC ĐÀI TRUYỀN HÌNH CHÂU ÂU

Hiện tượng thông tin đại chúng sớm được phân tán thành nhóm nhỏ ở Hoa Kỳ, thì bây giờ châu Âu cũng đã bắt kịp.

Công nghiệp quảng bá thông tin ở Mỹ đều thuộc tư doanh, trong khi đa phần các nước châu Âu, các đài phát thanh và truyền hình đều thuộc về Nhà nước, quần chúng, khán thính giả phải trả tiền.

Kết quả, quần chúng chọn lựa tiết mục, chương trình so ra ít hơn ở Mỹ.

Ngày nay, châu Âu đã cải cách nhiều. Hiện tại, họ đã có hơn 50 đài truyền hình bắt trực tiếp từ vệ tinh “Vệ tinh truyền thông Anh (British Satellite Broadcasting - gọi tắt là BSB) đã có 5 kênh truyền hình, và cùng cạnh tranh với nó có Sky Television (*) Truyền hình trên không) có sáu kênh khác.

Sự cạnh tranh của hai hãng truyền hình ST và BSB cũng rất kịch liệt, chỉ nhằm tiêu diệt nhau, chứ không nhằm vào việc thu hồi lại vốn đầu tư. Căn cứ theo sự thống kê của hãng quảng cáo lớn nhất là Saatchi và Saatchi, chỉ trong 10 năm, hơn nửa số gia đình Anh sẽ trang bị máy truyền hình

phát từ vệ tinh đủ các chương trình và đồng thời số doanh thu quảng cáo cũng sẽ đạt đến 3 tỷ đô la. Gần đây nhất, các băng hình phát từ vệ tinh bán rất chạy, ít nhất đã thu được trên 700.000 đô la.

Trước kia quần chúng ở Anh chỉ xem chương trình của hai kênh trên đài truyền hình BBC, từ năm 1982 họ cũng có đến 4 kênh. Nhưng chẳng bao lâu nữa, họ sẽ có 15 kênh, phát từ vệ tinh đến từng gia đình.

Ở Pháp đến năm 1988 mới chấm dứt chính sách độc quyền khống chế truyền hình, và phát triển kênh thứ 5. Rồi trong một thời gian ngắn, từ 4 đài truyền hình quốc doanh tăng lên thành sáu, trong số đó có 4 đài thuộc tư nhân. Ngoài ra Pháp còn hoan nghênh trả tiền cho hai kênh truyền hình nữa là Thụy Sĩ và Hà Lan.

Ở Ý, có đài truyền hình Nhà nước là Rai, gần đây có ít nhất 4 mạng lưới cạnh tranh. Riêng đài truyền hình của Rome đã có đến 25 kênh.

Ở Đức, ngoại trừ phát triển hai kênh thuộc thương nghiệp, từ năm 1985, vội vàng phát triển các đài truyền hình. Ngày nay đã có 6 triệu gia đình ở Tây Đức trang bị máy truyền hình. Và Tây Ban Nha cũng không ngoại lệ, gần đây đã có 3 mạng lưới truyền hình tư nhân đang cạnh tranh với đài Nhà nước.

Do tình hình phát triển quá mau lẹ, có thể khi sách này xuất bản, những con số vừa nêu đã

thành lạc hậu. Hơn nữa, khó lòng ai biết được, trong tương lai châu Âu sẽ tung ra bao nhiêu dài truyền hình mới, đó là chưa kể đến sau khi nền kinh tế Đông Âu được khai phóng.

Về truyền hình cao cấp hay rõ nét (HDTV) thì Nhật đang dẫn đầu, nhưng về việc mở rộng dài truyền hình với các nước chậm hơn một bước. Nhưng cứ xem các tiên lệ, thì chỉ cần Nhật có quyết định, là họ sẽ đuổi kịp dễ dàng.

Có hai sự kiện xem như mâu thuẫn đang phát triển 1- Các công ty truyền hình đang tiến đến giai đoạn hợp tác với nhau chật chẽ. 2- Nhưng các kênh mới và các loại thông tin đại chúng ngày càng đa nguyên hóa.

MẬU DỊCH TOÀN CẦU

Sự hiện hữu của thị trường hình ảnh toàn cầu đã khiến cho các công ty truyền hình đưa ra một kết luận khá đơn giản, là đã đến giai đoạn “Quốc tế hóa”.

Nhưng, cách suy luận đơn giản như vậy là sai.

Sự tiến triển của hệ thống sáng tạo của cải mới đã khiến những nhà sản xuất và phân phối tiêu thụ đều phải quốc tế hóa. Thế rồi, các nhà sản xuất chế tạo và các nhà phân phối tiêu thụ lớn trên thế giới bắt đầu liên kết với nhau tiến công thị trường thế giới. Thí dụ như công ty WPP của Anh

thừa cơ hội đồng đô la mất giá đã thôn tính J.Walter Thompson và Ogilivy và Mather, là hai nhà quảng cáo lớn của Mỹ. Và dựa vào tính cách quảng cáo của một công ty quảng cáo to lớn mà Saatchi đã nuốt chửng công ty Compton Advertising và Dancer Fitzgerald Sample, và một công ty khác.

Trên lý thuyết, công ty quảng cáo siêu quốc gia dùng hệ thống thông tin đại chúng toàn cầu để quảng cáo thì không thành vấn đề. Chỉ cần vận dụng một chi nhánh quảng cáo, phiên dịch ra các thứ tiếng, là công ty có thể ngồi mà hưởng lợi.

Chiến lược “bán ra toàn cầu” là sáng kiến của Theodore Levitt, giáo sư đại học Harward. Ông cho rằng: “Nhu cầu và dục vọng của con người trong thế giới hoàn toàn giống nhau”. Rồi ông nhấn mạnh “Sản phẩm cũng như nhãn hiệu nên quốc tế hóa”. Tức là cùng một loại sản phẩm thì cùng quảng cáo như nhau, là có thể bán khắp thế giới.

Lý thuyết “bán khắp toàn cầu” thật vô cùng sai lầm. Vì như thế là cho rằng thị trường thế giới và các khu vực không có gì khác biệt. Thật ra, trên thế giới còn có lắm khu vực mà thị trường đại chúng còn ở trong giai đoạn chưa phát triển, có một số dừng trong phạm vi thị trường đại chúng, lại có một số đã tiến sâu vào thời đại của nền kinh tế tiên tiến, thị trường phân chung (nghĩa là nhu cầu mỗi giới mỗi khác), họ đòi hỏi những sản phẩm

dặc ché hay cá nhân hóa. Cho nên, ý tưởng tiêu thụ đồng dạng hóa sản phẩm và quảng cáo như nhau cho ba thị trường khác nhau vừa nêu trên là điều không thể thực hiện được.

Hơn nữa, lý luận của Levitt đã lâng quên coi thường sự chênh lệch giữa các nền văn hóa, nhất là vào giai đoạn như hiện nay, vai trò văn hóa ngày càng trở nên quan trọng. Năm 1988, nhà thương nghiệp ngân hàng của Anh là Hill Samuel đã từng đề cập: "Mặc dù thị trường châu Âu hợp nhất, cũng không thể nói rằng các nước biến thành một khối đồng nhất. Như các bà nội trợ của Pháp thì thích máy giặt mở nắp ở trên bề mặt, trong khi các bà nội trợ Anh thì lại thích mở nắp ở phía trước. Người Đức thì cho việc trị bệnh huyết áp rất là quan trọng, trong khi ở Anh lại không cho đó là quan trọng. Người Pháp đặc biệt rất lưu tâm đến các trạng thái tiêu hóa và nhịp đập của tim, trong khi người Anh không mấy biết đến các bệnh đó, Nhìn chung, các nước ở châu Âu đối với vấn đề ăn uống, thái độ, cái đẹp, việc làm, vui chơi, tình ái, cho đến thái độ chính trị cũng mỗi nước một khác biệt.

Nếu cứ thực thi giải pháp bán khắp toàn cầu, các xí nghiệp sẽ bị thảm họa. Nhật báo Wall Street đã nêu ra một tí lớn trên trang đầu là áp dụng lý thuyết của Levitt sẽ đưa đến thất bại. Bài báo mô tả cảnh hấp hối của hãng bút máy Parker khi đuổi theo công thức vừa nêu.

Sự thật, trừ một vài ngoại lệ, còn văn hóa cũng như sản phẩm khác đã bắt đầu đi vào giai đoạn phân chung hóa (de - messiying). Sự biến đổi tổ chức thông tin đại chúng quá mau lẹ cũng đủ chứng minh sự kiện đó. Cho nên, trong tương lai, bất cứ là chính khách hay các nhà tiếp thị đều phải đổi mới với thị trường mang tính chất đa dạng. Và nếu các sản phẩm đồng loạt tiến công vào thị trường thế giới bị thảm bại, thì các nhà chính trị cùng với chính sách cũng nên theo đó mà rút cho mình bài học kinh nghiệm.

Trong tương lai thị trường thế giới ngày càng đa dạng. Do đó việc quốc tế hóa không thể chỉ nhầm vào ý niệm hay sản phẩm đồng dạng, đồng chung. Nên thay vì như dự báo Marshall McLuhan, nhà lý thuyết của Canada, là tương lai sẽ lại có khuynh hướng về một “thế giới thôn” (Global Village). Mọi người lại có khuynh hướng về một “thế giới thôn” hoàn toàn khác biệt nhau, mà lại có hệ thống thông tin đại chúng mới liên kết nhất tuyến. Nhưng tất cả đều nỗ lực duy trì hay đề cao sự khác biệt nhau về cá tính văn hóa, chủng tộc, quốc gia và chính trị.

QUÝ TỘC MỚI

Việc quốc tế hóa thông tin đại chúng rất cần thiết cho nền kinh tế mới, ngày càng tiến triển qua

mau. Hàng Sony của Nhật đã bỏ ra 5 tỷ Mỹ kim để mua xưởng phim Columbia của Mỹ, không phải chỉ mua toàn bộ phim trường lớn nhất của Hollywood, mà còn bao gồm 220 viện điện ảnh và 23.000 cơ sở truyền hình. Sự kiện này làm chấn động giới nghệ thuật. Sony cũng đang chuẩn bị bán các loại băng video 8mm và các phần cứng phần mềm. Nhưng tất cả chỉ là nhầm vào việc cải tổ một phần cơ cấu công nghiệp điện ảnh.

Một khía cạnh hiệu lực trong việc mua bán này là dựng lên một lớp dân quý tộc trong giới thông tin đại chúng. Một trong số quý tộc đó được coi như người tiên phong vốn người Mỹ gốc Úc tên là Murdoch.

Murdoch từng nổi tiếng là người nhiều gian lận, không phẩm cách, hà hiếp áp chế công đoàn, và là tay cạnh tranh dũng mãnh đầy thủ đoạn. Nhưng ông ta cũng là người có tầm nhìn xa, nắm bắt được khoa học kỹ thuật mũi nhọn của thời đại. Ngoại trừ vai trò khống chế báo chí ở Úc, ở Mỹ và châu Âu, Murdoch còn âm thầm thực hiện kế hoạch thành lập một vương quốc thông tin đại chúng.

Ông có nhiều cổ phần trong công ty Fox Broadcasting, khống chế các tiết mục chương trình truyền hình hàng ngàn giờ, nắm trọn mạng lưới truyền hình Fox và tuần san “Hướng dẫn truyền hình” ở Mỹ. Tại châu Âu, Murdoch là người tiên

phong dùng mạng lưới phát hình trực tiếp từ vệ tinh, có 90% cổ phần trong kênh Sky ở Anh là mạng lưới truyền hình thể thao và lợi dụng hệ thống báo chí tại London của mình, thành lập mạng lưới báo chí truyền hình 24/24 giờ. Ngoài ra, ông còn thiết lập chương trình 55 điểm (Joint venture) hợp tác với Amstel một công ty ở Anh, sản xuất các đĩa thu hình từ vệ tinh.

Mặc dù trong nghiệp thông tin đại chúng, Murdoch vận dụng chiến lược theo hệ thống dọc từ trên xuống dưới, nhưng các công nghiệp khác, như chúng ta thấy, đã dần dần thoát ly khỏi hệ thống dọc. Và dù thành công hay thất bại, Murdoch luôn luôn thổi một nguồn năng lực mới vào toàn bộ công nghiệp báo chí và truyền tin của ông.

Ở Anh, cũng có một quái kiệt trong thông tin đại chúng là Robert Maxwell, người mà phía sau lưng được mọi người mệnh danh là “con quỷ múa rối” hay “hắc toán phong” hoặc gọi là “đội trưởng Bob”, người chuyên xuất bản các loại đặc san cổ quái. Maxwell sinh ra ở Tiệp, gia nhập quân đội Anh trong Thế chiến II và về sau trúng cử vào Quốc hội.

Khởi nghiệp vào công việc xuất bản sách giáo kho, Maxwell từ từ nắm các bộ phận chủ yếu của truyền hình, rồi tạo cho mình một vương quốc về thông tin đại chúng, bao gồm các đài truyền hình TF1 ở Pháp, kênh 10 ở Tây Ban Nha, trung tâm truyền hình ở Anh và một đài truyền hình âm

nhạc. Ngoài ra còn có các tạp chí, các nhật báo và cơ sở xuất bản Mac Milan ở Mỹ.

Khác hẳn với Maxwell và Turner, Rein Hard Mohn là một con người khiêm tốn, không những có ý tưởng sâu sắc của một triết gia mà còn thận trọng trong việc quản lý, đầy tinh thần trách nhiệm xã hội, rất chú trọng đến sự tham dự của công nhân trong việc làm.

Mohn, người Đức trong Thế chiến II là một tù binh ở Carcordia Kansas, ông có cảm tình đối với nền dân chủ Mỹ, nhất là các sách The Month Club. Sau chiến tranh ông trở về thị trấn nhỏ ở Đức là Guetersloh, tiếp tục công việc của tổ nghiệp là xuất bản Kinh Thánh. Rồi tiến hành đến thành lập tập đoàn Bertelsmann - tạo ra một vương quốc thông tin đại chúng. Ngoài cơ sở sách báo, ghi âm ở Đức, Tây Ban Nha, Mỹ, Brasil và các cơ sở ở 18 nước khác, tập đoàn Bertelsmann còn có một tập đoàn xuất bản ở Mỹ là Bantam Doubleday Dell, Plaza y Janes ở Tây Ban Nha, và 37 loại tạp chí ở 5 nước nữa. Ngoài ra còn có công ty sản xuất băng ghi âm 2 CA và nhiều đài phát thanh, đài truyền hình.

Ở Ý có đài truyền hình Silvio Berlussconi nắm 60% doanh thu về quảng cáo cả nước, gần đây đã tràn sang Pháp, mua cổ phần kênh 5. Silvio cũng có nhiều cổ phần trong đài truyền hình của Đức, ngoài ra còn làm tổng đại lý phát hành quảng cáo toàn châu Âu ở Moscow. Gần đây, còn đặt

mạng lưới thông tin đại chúng ở Nam Tư, Tây Ban Nha và Tuynisi.

TIẾN LÊN ĐƯ LUẬN TOÀN CẦU

Sự thay đổi quyền lực của cải trong thông tin đại chúng luôn luôn đưa đến những cuộc tranh luận sôi nổi. Sự bành trướng mạnh của vương quốc thông tin đại chúng ngày nay khiến mọi người phải lo âu, bản thân các mạng lưới thông tin đều cảm thấy bị uy hiếp.

Hơn nữa, sự tập trung tài sản nằm trong tay các nhà quý tộc mới thông tin đại chúng như Murdoch và Berlusconi gợi lại hình ảnh những ông hoàng thời xưa như Willian Randolph Hearst ở Hoa Kỳ hay Lord Northcliffe ở Anh, những người có thế lực chính trị quá lớn, mà thế giới chẳng hề kính nể.

Hiện nay, đã có lời chỉ trích khá phổ biến là thông tin đại chúng mới trên toàn cầu trong tương lai sẽ khiến cho thế giới ngày càng tiến tới sự đồng hóa.

Nhưng, sách lược “Tiêu thụ toàn cầu” bị thất bại đủ chứng minh rằng sự thật không đến nỗi như vậy.

Khi các kênh truyền hình giảm bớt đi, thì thông tin đại chúng mới có khả năng tạo ra sự đồng hóa, vì quần chúng ít lựa chọn. Sự phát triển

trong tương lai lại ngược lại, không kể là nội dung chương trình hay dở, điểm chủ yếu là nội dung của nó đều mang tính đa dạng. Sự biến đổi này cũng có ý nghĩa to lớn đối với văn hóa và chính trị.

Chính quyền của các nước có nền khoa học kỹ thuật cao, trong tương lai sẽ phải đổi đầu với hiện tượng thông tin đa dạng, xung đột những nghiệp vụ thương mại mới lạ, với văn hóa và chính trị xuất phát bùng nổ từ quần chúng. Cho nên “chính sách động viên quần chúng” và việc thiết lập “trung cầu dân ý” sẽ trở nên khó khăn hơn trong môi trường thông tin đại chúng. Bản thân sự lựa chọn thông tin đại chúng phát triển cũng gắn liền với tính dân chủ, và các nhà chính trị càng ngày càng gặp nhiều khó khăn.

Nỗi lo âu thứ hai là quan điểm chính trị của các nhà quý tộc mới trong giới thông tin đại chúng. Murdoch là nhà bảo thủ, còn Maxwell là người của Đảng Lao Động Anh, Turner là nhà tri thức độc lập không có quan điểm nhất định. Lại cũng có người sẵn sàng bán linh hồn cho Tổng thống Pháp Mitterand, có người lại đi trùm mềm chung giường với kẻ khác. Và trong mỗi thứ cáo trạng dường như đều có ý kiến ngược lại.

Nhưng quan điểm chính trị của cá nhân không quan trọng bằng quyền lợi chung của nó. Dĩ nhiên, mỗi nhà quý tộc mới đều là nhà tư bản trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Do đó mà chúng ta

có thể giả thiết rằng sự thăng trầm của xí nghiệp trong vương quốc đến với họ là quan trọng hơn cả.

Vấn đề đối với các nhà quý tộc thông tin đại chúng, không cứ là thuộc cánh tả hay cánh hữu, thông thường họ vẫn ủng hộ mô hình đường lối chủ nghĩa quốc tế, nghĩa là ủng hộ mô hình kinh doanh của hệ thống sáng tạo của cải mang tính chất siêu quốc gia. Các nhà quý tộc thông tin đại chúng nhất trí truyền bá lý tưởng cộng đồng.

Nhưng đồng thời với hiện tượng quốc tế hóa, họ cũng hiểu rõ thông tin đại chúng, muốn đạt được lợi nhuận, tất phải phân chung hóa thị trường. Nghĩa là phải thích hợp với khẩu vị quần chúng từng vùng. Cù nhìn vào các khẩu hiệu “Nghĩ đến toàn cầu”, “hoạt động theo địa phương” là thấy rõ sách lược kinh doanh của các nhà quý tộc mới.

Tuy nhiên, sự tồn tại của giới quý tộc mới và quyền lực trong vương quốc thông tin đại chúng, có thể ảnh hưởng đến quyền lực toàn cầu và các lãnh tụ trong các nước. Nhất là khi các nhà quý tộc mới đang giữ vai trò biến đổi kịch liệt thị trường “ý kiến toàn cầu”.

Thế kỷ qua, các nhà lãnh đạo chính trị trong các nước đều phải luôn đối phó với mặt trận “Dân ý” trong nước. Nhưng trong tương lai, họ sẽ phải đối đầu với mặt trận “ý kiến toàn cầu”. Trước kia, các ông vua truyền thống đại chúng như Benjamin

Day, Henry Hetherington hay Emile de Girardin đem giai cấp bần cùng trong nước thành quyền lực chính trị. Còn hoạt động ngày nay các ông hoàng thông tin đại chúng sẽ đưa hàng triệu người để tạo ra quyền lực chính trị toàn cầu.

Nhưng ngày nay, ý kiến thế giới đối với các nước dễ bị coi thường hay ít hiệu lực, như ý kiến cộng đồng thế giới giải cứu được nạn nhân của trại tập trung Auschwitz cũng không chế tài được sự tàn sát dã man của Khmer Đỏ Campuchia, hay sự đàn áp sinh viên học sinh ở Thiên An Môn...

Tuy nhiên, “ý kiến toàn cầu” cũng đôi lúc có hiệu lực, như vụ Anatoly Shcharansky được sống sót ở Nga, hay Andrei Sakharov...

Đĩ nhiên, hệ thống thông tin đại chúng toàn cầu không thể khiến các nước ngoan ngoãn tuân thủ như những hướng đạo sinh. Nhưng “ý kiến toàn cầu” lại có giá trị cao đối với những thách thức. Do giới quý tộc mới thông tin đại chúng được tổ hợp trong toàn cầu, nên tiếng nói của người ngoài so ra có trọng lượng hơn là tiếng nói người trong nước.

Như Nam Phi có thể phủ nhận sự chế tài mâu dịch của toàn cầu, đã làm nền kinh tế của họ bị thiệt hại. Nhưng những viên chức chính quyền của họ chắc phải biết rõ rằng “ý kiến toàn cầu” hiển nhiên sẽ ảnh hưởng đối với toàn cầu.

Mặc dù toàn thế giới không hẳn đã nhất trí

áp dụng chế tài mậu dịch đối với một nước nào có hành động quá sai trái, nhưng đường như các tổ chức ngân hàng quốc tế vẫn có thể cự tuyệt không cho các nước lỗi lầm này vay tiền. Ngân hàng tư doanh có thể bị đảo điên, đầu tư ngoại quốc cũng như các khách du lịch đều quay đầu sang nơi khác.

Tồi tệ hơn nữa, là dù có công ty hay nước nào muốn trao đổi thương mại với nước ấy cũng sẽ gặp nhiều khó khăn. Quyền lực đàm phán được cân bằng giữa đôi bên là khi nào thế giới đổi với hình ảnh của nước đó, có những biến đổi.

Trong khi “ý kiến toàn cầu” ngày càng trở nên quan trọng song song với sự phát triển hệ thống thông tin đại chúng, thì các minh tinh cũng biết tận dụng hệ thống đó như một vũ khí độc đáo của họ. Nó không chỉ dùng để giải cứu những tội nhân chính trị phạm hay giúp đỡ những vùng thiên tai hoặc chí ít cũng có thể hô hào chống ô nhiễm môi trường.

Các nhà quý tộc khi thiết lập được vương quốc thông tin đại chúng không hề nghĩ tới là ngày nay vương quốc của họ đã biến thành một công cụ mới của cơ cấu quyền lực thế giới.

Sau đây, chúng ta sẽ thấy sự biến đổi thông tin đại chúng quá mau lẹ sẽ đóng vai trò cuộc cách mệnh thế giới như thế nào?

VĂN ĐỀ THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

Ngày 30 - 6-1988 Sở cảnh sát khu vực Sheriff ở thị trấn Victor - California, gần Los Angeles nhận được đơn kêu ca của dân chúng. Rằng có 5 người đàn ông México tụ tập ca hát, nhậu nhẹt gây náo động suốt cả 12 tiếng đồng hồ, lại còn phóng uế bừa bãi trên thảm cỏ. Các viên cảnh sát đến nơi giải quyết sự việc dùng bạo lực để đem lại an ninh giống như ăn cơm bữa, không ngờ rằng sinh ra lôi thôi.

Số là trong khi họ vận dụng côn quyền đấm đá nǎm gã ga đen thì có người hàng xóm gần đó sẵn có máy quay hình video thế là xuyên qua cửa sổ, anh ta thu trọn hình ảnh cảnh tượng đó.

Sau khi cuốn băng video dài bốn phút đó được công bố tại thị trấn Latino, lập tức gây sự phẫn nộ trong quần chúng. Thế là nổi lên phong trào đòi hỏi bảo vệ dân quyền và đưa các cảnh sát viên ra toà, tố cáo rằng họ đã dùng bạo lực không cần thiết. Vị lãnh tụ của Viện công lý xã hội, một tổ chức của dân quyền địa phương, là Armando Navarro phải tuyên bố: "Suốt 21 năm hoạt động

trong cộng đồng, tôi chưa bao giờ chứng kiến một vụ đàn áp có tính diễn hình như vậy”.

Luật sư biện hộ cho cảnh sát, cương quyết rằng cuốn băng video đó không ghi đầy đủ. Sự thật, vì không ghi được những sự việc xảy ra trước khi cảnh sát dùng bạo lực. Và theo viên cảnh sát khai báo, thì đối phương đã dùng bạo lực trước.

Sự việc này càng to chuyện, khi mà người thu hình đó biến mất. Khi đó, người đại diện của sứ quán México xuất hiện giữa phiên tòa, trình bày tất cả những gì liên quan đến sự kỳ thị giữa Mỹ và México. Kết quả toà án Liên bang phán quyết viên cảnh sát có lỗi và phải bồi thường cho những người México 1 triệu đô la.

Sự việc vừa nêu không giống chút nào với cuộc cách mệnh lật đổ chính quyền ở xí nghiệp cũng xảy ra trong năm 1988. Những phân tử cách mệnh này chưa nghe biết gì về sự việc xảy ra tại thành phố Victor – California, nhưng trên đường phố của thủ đô Prague, sinh viên học sinh lại đặt các máy truyền hình chiếu lên những hình ảnh đàn áp thô bạo của Nhà nước Tiệp tìm cách dập tắt phong trào chống chính phủ, các sinh viên cũng cho chiếu những băng ghi hình các buổi diễn thuyết của nhà soạn kịch Waclav Havel, người đã từng là tù chính trị trở thành Tổng thống. Ở một nơi khác là Đài Loan, thì đảng đối lập dùng video camera và máy phim để thu những hình ảnh mà

họ gọi là hành động bạo lực của Nhà nước.

Thế lực phản đối trên toàn thế giới đều sử dụng công cụ thông tin đại chúng mới hoặc sử dụng công cụ với phương pháp mới, nhằm đả kích hay lật đổ cơ cấu quyền lực xưa cũ của các nước.

“Cải cách văn minh hiện nay là do điện toán, vệ tinh trực tiếp truyền hình và những công trình sáng tạo mới khác đã đưa đến những giải pháp để lựa chọn”.

MÔ THỨC THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

Muốn hiểu rõ quyền lực của thông tin đại chúng, thì phải xét nó ở một góc độ lịch sử, và phải phân biệt ba mô thức khác nhau của sự truyền thông.

Cách tốt nhất để hiểu rõ quyền lực đó là phải đặt cuộc cách mạng thông tin đại chúng này ngay trong bối cảnh lịch sử và phải phân biệt ba mô thức khác nhau của tổ chức truyền thông.

Đơn giản mà nói, trong xã hội nông nghiệp của làn sóng thứ nhất cách truyền thông tin tức chỉ mặt đối mặt hay từ miệng người này truyền sang miệng người khác từng nhóm nhỏ. Trong thời đại chưa có báo chí, đài phát thanh hay truyền hình, muốn truyền bá tin tức gì đến đại chúng thì chỉ có việc phải tập trung mọi người thành một đám đông. Như thế, quần chúng trở thành môi giới

thứ nhất truyền bá tin tức.

Quần chúng có thể để đạt những thông tin lên cấp lãnh đạo. Và lượng quần chúng lớn, nhỏ hay nhiều, ít tự nó đã là thông tin rồi. Nhưng dù quần chúng tổ bày một tin tức gì đi nữa, nó vẫn là một sự duy nhất nhất trí với nhau: “Anh không phải là kẻ cô độc”. Quần chúng giữ một vai trò quan trọng trong lịch sử, tuy nhiên vai trò kể như mỗi giới thông tin đó có cái khuyết điểm là thông thường bị chông tàn hay sớm phôi pha.

Vào thời kỳ khoa học kỹ thuật chưa phát triển, loài người vẫn có một thứ môi giới thông tin đại chúng. Đó là thời trung cổ, ở phương Tây và các nhà thờ Thiên Chúa giáo duy nhất chính là cơ cấu môi giới truyền bá thông tin, và cũng chỉ có duy nhất cơ cấu đó có thể truyền đạt mọi tin tức đến quần chúng.

Thời đại công nghiệp ống khói của làn sóng văn minh thứ hai, hệ thống sáng tạo của cải là công xưởng sản xuất hàng loạt sản phẩm. Nó cần sự truyền đạt thông tin đường dài, do đó mà phát sinh ra bưu điện, điện tín, điện thoại. Nhưng rồi công xưởng cũng cần đến sức lao động đầy tính chất, do đó mà có những phát minh về khoa học kỹ thuật thông tin đại chúng. Báo chí, điện ảnh, phát thanh, truyền hình đều có thể cùng lúc đem những thông tin giống nhau phổ biến đến hàng vạn người khác nhau. Từ đó nó thành ra công cụ chủ yếu của đại chúng trong xã hội công nghiệp hóa.

Hệ thống mới của Làn sóng thứ ba lại phản ánh nhu cầu của nền kinh tế “sau thời đại sản xuất hàng loạt” (post - mass - production economy). Nó giống như các xí nghiệp uyển chuyển đa dạng, thiết kế những sản phẩm đặc biệt nhiều quy cách, đáp ứng nhu cầu khác nhau của người tiêu dùng.

Hệ thống mới sáng tạo của cải đòi hỏi người lao động và năng lực lao động phải cần có tính đa dạng ở mức độ cao của thông tin đại chúng.

Trong cuốn “Cú sốc tương lai” và “Làn sóng thứ ba” chúng tôi cũng đã nói đến sự phân hóa quần chúng trong xã hội, và nó đã trở thành đặc tính của hệ thống thông tin đại chúng. Nhưng đó chỉ mới là một trong những trạng thái của chúng.

SỰ DUNG HOÀ TRONG THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

Phản nhiều những thông tin đại chúng trong thời kỳ Làn sóng thứ hai mỗi thứ đều hoạt động riêng biệt độc lập. Trong khi những thông tin đại chúng mới thì lại liên kết và dung hợp với nhau, từ tư liệu hình ảnh đến phù hiệu tượng trưng đều hội thông qua lại với nhau.

Và trong tờ báo, phòng tin tức luôn luôn mở máy truyền hình để lúc nào cũng có thể chụp bắt những tin tức mới nhất, phần đóng ký giả thường trú ở Washington đều theo dõi dài truyền hình CNN của Hoa Kỳ để có những bài viết gửi về cho

các kênh thông tin đại chúng trong nước của họ. Do đó, đài truyền hình từ môi giới đến truyền bá tin tức nay đã trở thành nguồn cung cấp thông tin.

Những sản phẩm đàm thoại trên đài truyền hình thành chủ đề hay đối tượng đàm thoại trên báo. Mọi người đều dùng đến fax, điện toán, máy chữ điện tử, số vị hóa hình ảnh mạng lưới điện tử, vệ tinh hay các thủ khoa học kỹ thuật đều hỗ trợ liên hệ.

Chính sự hỗ trợ liên hệ hay thâm nhập đậm đặc ấy mới tạo cho mỗi thứ truyền thông riêng rẽ kết hợp thành hệ thống. Rồi do sự tổng hòa và quốc tế hóa đó, nó làm giảm giá thực lực mỗi ngành truyền thông, kênh truyền hình, sách báo hay các thủ khoa học kỹ thuật khác. Nhưng nói chung thế lực toàn bộ hệ thống thông tin đại chúng đã trưởng thành mau lẹ và toả ra khắp hành tinh. Tương lai chúng ta sẽ thấy không phải là sự thống trị video, mà là “hỗn hợp của mọi thứ truyền thông” (media - fusion).

THUNG LŨNG DỐT NÁT

Trước khi “hỗn hợp” (fusion) phải có sự khuếch tán (diffusion), vì mỗi nước trên thế giới ngày nay không thể bế quan cách biệt với thế giới. Biên giới dù được phòng vệ nghiêm ngặt đến đâu cũng không cản ngăn được tin tức thâm nhập. Như

dưới thời Ceausescu kiểm chế kiểm duyệt rất ngặt, đa số nhân dân Rumani vẫn có thể bắt được đài truyền hình của Bulgari xuyên qua biên giới (và ngược lại, dân Bulgari bắt đài truyền hình của Liên Xô). Trước khi cuộc cách mệnh bùng nổ, nhân dân Rumani đã biết được tên tuổi những người bất đồng chính kiến đối lập chống Ceausescu bị tù tội vì đòi hỏi nhân quyền. Những tên tuổi quen thuộc này thường được các ngành truyền thông ngoại quốc tung vào Rumani.

Tin tức phổ biến vượt qua ranh giới các nước không phải là chuyện lạ. Từ lâu, đài phát thanh Hoa Kỳ, đài Tiếng nói Tự do của châu Âu và đài BBC của Anh, và những làn sóng ngắn khác liên tiếp phát tin vào các nước Cộng sản. Vụ trấn áp ở quảng trường Thiên An Môn Bắc Kinh được đài phát thanh Hoa Kỳ mỗi ngày phát tin mười một tiếng, ít ra cũng được 100 triệu người Trung Quốc đại lục đón nghe. Thậm chí, họ còn bày cho nhân dân tìm cách tránh né những làn sóng phá hoại của Nhà nước.

Nhưng ngày nay, những phần tử cách mệnh đã bắt đầu biết vận dụng chiến thuật thông tin đại chúng.

CHIẾN LƯỢC THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

Sự kiện truyền thông của làn sóng văn minh thứ nhất, thứ hai hay thứ ba đều có thể vì nhu cầu

mà tổng hợp lại hay đối kháng lẫn nhau.

Thí dụ tốt nhất là tôn giáo.

Người thường được mõi lợi lớn nhất trong cuộc cách mệnh ở Đông Âu năm 1989 lại là nhà thờ Thiên chúa giáo.

Sở dĩ giáo hội còn nắm giữ được quyền lực trong thế giới ngày nay, là vì họ có ảnh hưởng lớn về tinh thần đạo đức và tài nguyên kinh tế. Nhưng cũng chính vì họ vẫn liên tục duy trì được một hệ thống truyền thông đại chúng. Thật vậy, mỗi sáng chủ nhật, họ lại rao truyền trước một đám đông quần chúng đông đảo. Nên chương trình truyền hình ngày nay dù có hay đến đâu cũng không bì được với khả năng truyền bá của giáo hội. Huống chi hàng tuần giữa giáo hội và giáo đồ luôn tiếp xúc với nhau. Ngoài ra, ngày nay giáo hội còn có sách báo và các phương tiện thông tin đại chúng khác tăng cường phổ biến trong quần chúng.

Cũng vì giáo hội tụ tập được đông đảo quần chúng, cho nên không một Nhà nước nào dám coi thường quyền lực của họ. Ngay trong các chế độ độc tài, giáo hội dù bị uy hiếp họ vẫn tồn tại.

Do đó, các phong trào vận động phản đối Nhà nước, dù là kinh tế hay chính trị đều dựa vào lực lượng của tôn giáo mà hoạt động. Như Iran muốn danh nghĩa tôn giáo cướp đoạt chính quyền, Đảng Cách mệnh Dân chủ của Nam Triều Tiên cũng dựa vào lực lượng của Thiên chúa và Cơ đốc giáo mà

hoạt động.

Kênh truyền đạt của giáo hội thường do linh mục hay mục sư nói ra từ bục giảng về những nỗi cơ cực đói nghèo, thiếu thốn của quần chúng, nhưng khi được loan truyền ra đại chúng thì ý nghĩa đã bị biến dạng, và tất cả quy ra thành vấn đề của tôn giáo.

Vì vậy, nhà lãnh đạo của Iran là Khomeini đã khôn khéo đem sự oán hờn của giai cấp, chủ nghĩa ái quốc và nhiệt cuồng tôn giáo hỗn hợp làm một là: niềm tin Allah + oán hận chủ nghĩa đế quốc + chống đối tư bản = tạo thành cái mồi lửa cuồng nhiệt đối phó với Trung Đông.

Khomeini còn khôn ngoan hơn là đem phương tiện thông tin của Làn sóng văn minh thứ nhất, tức là những lời tiên tri thuyết pháp của giáo chủ truyền thẳng đến tín đồ bằng những phương tiện thông tin đại chúng của làn sóng thứ ba: bằng truyền hình, băng phát thanh, tung ra khắp, nhà thờ tu viện để phổ biến cho các tín đồ.

Chống lại Khomeini, Quốc vương Shah chỉ vận dụng phương tiện truyền thông đại chúng của Làn sóng văn minh thứ hai là báo chí truyền thanh, truyền hình. Nhưng khi Khomeini lật đổ được Shah, Khomeini cũng thôn tính khống chế luôn những phương tiện đó.

THẾ HỆ MÀN MẠC

Năm 1984, George Orwell xuất bản một cuốn sách miêu tả sự khống chế của các chính quyền độc tài. Các chính quyền được mô tả trong đó hoàn toàn trọn những công cụ thông tin đại chúng. Quyển sách trở thành công cụ phản đối mãnh liệt chế độ kiểm soát tư tưởng, báo chí, dư luận, do đó nó bị cấm lưu hành ở Liên Xô trong mấy thập niên liền.

Cuốn sách đã thúc đẩy được tinh thần nhân dân chống lại chế độ độc tài, nhưng những miêu tả cảnh tượng tương lai trong sáng trong sách ấy đáng được đặt thành nghi vấn.

Orwell ước đoán rằng kỹ thuật cao cấp của máy truyền hình hai chiều, không chỉ có thể dùng phổ biến chính lệnh của Nhà nước, mà đồng thời cũng có thể giúp cho Nhà nước giám sát con người. Nhưng ông lại đánh giá quá thấp mức xâm phạm quyền lợi tiềm ẩn riêng tư ngày nay. Hơn nữa, ông cũng không thấy cuộc cách mạng quan trọng trong

thời đại chúng ta là của nền kinh tế dựa trên sức lực cơ bắp đã chuyển sang sự phụ thuộc vào trí óc.

Cũng do đó, Orwel không sao dự kiến được khả năng tăng nhanh khủng khiếp của công cụ truyền thông ngày nay. Từ truyền hình cao cấp hay rõ nét đến các mạng lưới điện tử trực tiếp xuống âm... số lượng và các loại khoa học kỹ thuật truyền thông nhiều đến kinh ngạc, lại còn cải tiến quá mau khiến các chuyên gia đến bối rối.

Tuy nhiên sự phát triển bừa bãi, càng làm nổi bật Làn sóng thứ ba của ngành truyền thông đại chúng trong tương lai. Cơ sở mũi nhọn nền kinh tế điện tử sẽ thiết lập sáu hệ thống đặc biệt, trước mắt đã có một số người đề ra những phương án, đó là “Sáu chìa khóa tương lai”: hỗ trợ (interactivity), di động (mobility) chuyển hoán (convertibility), liên tiếp (connectivity), sự phổ biến và quốc tế hóa.

Khi mà sáu yếu tố cơ bản đó kết hợp lại những biến đổi toàn bộ, không phải chỉ là cách trao đổi tin tức giữa chúng ta với người khác, mà còn là phương thức tư duy của chúng ta về thế giới quan, cùng mối liên hệ của chúng ta với các chính quyền khác nhau. Sau khi sáu yếu tố đặc biệt đó tổ hợp lại, sẽ khiến cho chính quyền cũng như các đảng đối lập không thể nào thao túng được cách tư duy, hình ảnh, tư liệu, tin tức và tri thức giống như trước nữa.

NÔ LỆ CỦA TRÒ CHƠI GOLF

Trên đại lộ Santa Monica ở Los Angeles có một building thấp và dài, cơ ngơi của cựu Tổng giám đốc công ty điện ảnh 20 th Century - Fox là Gordon Stulberg kết hợp với Bernard Luskin, nhà tâm lý tư liệu, mở ra trò chơi hài hước. Luskin vốn là trưởng khoa đại học cộng đồng, và từng là người đảm trách Hiệp hội giáo dục vi tính ở California. Hai người cùng nhau phụ trách huấn luyện giáo dục cơ sở “truyền thông hỗ tương hoạt động của Hoa Kỳ” (American Interactive Media, gọi tắt là AIM) và chuẩn bị xúc tiến thực hiện khoa học kỹ thuật tối tân nhất là đĩa Compact với công dụng hỗ tương hoạt động (Interactive).

Kế hoạch của AIM là khai triển trò chơi trong đĩa Compact trên màn ảnh của truyền hình để cho khán giả có thể vừa xem vừa xen vào những hoạt động với một công cụ điều khiển từ xa (remote) ở trên tay, người sử dụng chỉ cần ấn vào nút điều khiển thì tự cái đĩa Compact gọi là “chơi côn cầu (golf)” đưa ra hình ảnh cầu thủ để đua tài với khán giả vừa hoạt động trò chơi, thao tác như một nô lệ của cầu thủ côn cầu trên màn ảnh. Người chơi có thể chọn cho mình nhóm nào và các thứ... Khán giả có thể điều khiển cầu thủ theo các hướng khi nghiêng qua trái, khi ngả qua phải, và còn có thể khống chế tất cả những động tác trên màn ảnh.

AIM còn đưa các loại đĩa Compact khác bao gồm các trò chơi, những truyện trong Kinh Thánh, những cảnh du lịch trên thế giới, cho đến những chỉ dạy về hình ảnh được khai triển trong tờ Time-Life v.v...

Hãng điện tử lớn nhất của Hà Lan là Philips, chỉ là một trong những công ty phối hợp với AIM - nhằm phát triển khoa học kỹ thuật mũi nhọn này, mục đích của họ là muốn biến đổi máy truyền hình (TV) từ trạng thái bị động sang chủ động.

Ngoài ra, ở miền bắc California, tập đoàn United Artists, phối hợp với nhóm Video trong bối cảnh thành lập công ty IGN (Intirative Game Networlds) cũng nhằm vào mục đích vừa nêu. Trước mắt, họ đang chuẩn bị một loại truyền hình để cho khán giả mỗi nhà có thể trực tiếp tham dự vào các chương trình của đài như Jeopardy hay Whell of Fortune (vòng quay may rủi), người tham dự có thể trực tiếp từ nhà gửi đáp số đến bộ phận điện toán của công ty truyền hình, số đúng sẽ được thưởng...

Nhưng cơ cấu truyền thông hoạt động hỗ trợ tương (interative) luôn luôn thăng cấp, khiến cho các máy truyền hình gia đình có được công năng của một máy vi tính cá nhân. Ngoại trừ đĩa compact hay cassette ra máy truyền hình còn mở ra nhiều hướng sử dụng. Một chuyên gia đã nói: "Trước mắt Nhật còn dẫn đầu về công nghiệp

truyền hình, trong khi Mỹ lại dẫn đầu công nghiệp điện toán, nhưng sự giới hạn ngày càng lờ mờ". Tương lai, hai thứ khoa học kỹ thuật ấy kết hợp lại, thì quyền lực từ đài truyền hình cũng sẽ chuyển trả về trong tay quần chúng, để người xem là quần chúng có thể cải tạo lại hình ảnh trên màn ảnh theo ý muốn và sự dung hợp khoa học kỹ thuật mới này sẽ chuyển đổi quyền lực từ Nhật trở về Hoa Kỳ. Không biết đó có là sự thật hay không, nhưng trên thế giới ngày nay, hai nền khoa học kỹ thuật vĩ đại đó đang được khai triển xúc tiến theo hướng hổ tương hoạt động của truyền hình video.

ĐỜI SỐNG XA HOA THOÁI HÓA

Nguyên lý thứ hai của hệ thống mới là *tính di động*. Điện thoại vô tuyến, điện thoại trong cabin máy bay, hơn nữa, điện thoại không dây và điện thoại trong xe hơi đã bắt đầu khiến cho người sử dụng có ý niệm liên lạc từ nơi này sang nơi khác trong khi di chuyển.

Buổi đầu, tại Mỹ trong xe hơi có điện thoại thì đã bị coi như là một thứ xa hoa thoái hóa (giống hệt như tình trạng điện thoại trong thế kỷ XIX), những hiện tượng ấy ngày nay ở Mỹ đã trở thành phổ biến.

Hiện nay, có một hiệp hội gọi là Phonepoint (điện thoại di động) gồm có các đại biểu: bưu điện

Đức, điện tín Pháp và công ty điện thoại Nynox ở Newyok chung nhau xúc tiến một thứ điện thoại bỏ túi tinh vi (pocket phones). Máy điện thoại di động ấy không chỉ dùng mở rộng môi trường truyền thông, mà còn là công cụ nâng cao lực sản xuất của nhân viên bán hàng, công nhân quản lý các tuyến, thày thuốc...

Khi vì công tác hay vui chơi mà con người phải di động nhiều nơi, thì ngày càng cần có một công cụ truyền thông mang theo bên mình dễ dàng, mà giá rẻ. Do nhu cầu đó mà trong tương lai rất có thể phát minh ra một thứ truyền hình, điện thoại gọi là Dick Tracy dưới hình thức như một đồng hồ đeo tay. Điện thoại di động chỉ là dựa theo nguyên tắc "di động tính", khai triển ra các loại sản phẩm mới. Hàng Sony gần đây đã đưa ra phát minh loại photocopy bỏ túi chỉ nặng 130 gr lại còn tung ra máy fax trên xe hơi, video bỏ túi, vi tính trên đầu gối...

Tính có thể hoán cải (convertibility) là nguyên lý thứ ba của hệ thống truyền thông mới có khả năng chuyển hóa tin tức từ hệ thống môi giới này đến môi giới khác. Thí dụ như tương lai những lời chúng ta nói ra thì chuyển thành chữ viết trong bộ phận in ấn và ngược lại. Hoặc giả máy ghi lại những mệnh lệnh của vị chủ quản rồi sau đó in ra thành văn kiện.

Các loại máy móc này trong tương lai sẽ biến

đổi phương thức tổ chức từ nhân viên đến văn phòng, cũng có thể chứng tỏ khả năng đọc viết trong sinh hoạt hàng ngày không còn là quan trọng. Nhưng những sự kiện ấy chỉ là những cải tiến nhỏ. Tương lai có thể tự động phiên dịch những văn kiện thương mại từ ngôn ngữ này qua ngôn ngữ khác. Nước Pháp đã phát triển một hệ thống thông dịch thô sơ, Nhật và cộng đồng châu Âu đều khẩu, trương nghiên cứu một hệ thống tự động phiên dịch thật tinh vi.

Đặc tính nguyên lý thứ tư là liên tiếp tính, nó đã biến thành khẩu hiệu máy vi tính và điện tử truyền thông toàn cầu. Họ đều hy vọng rằng tất cả những thiết bị đều có thể nối tiếp cùng các thiết bị khác, dù rằng nó là những sản phẩm khác nhau giữa các quốc gia.

Mặc dù cuộc chiến bàn cãi về tiêu chuẩn đang sôi nổi, nhưng các công ty xí nghiệp lớn vẫn nỗ lực khai triển kỹ thuật liên tiếp tính.

HƠN CẢ LÒNG TRẮC ẨN

Đặc tính thứ năm trong hệ thống mới là phổ biến khắp nơi (Ubiquitization). Có nghĩa là hầu hết các cấp bậc kinh tế (không cứ tiên tiến hay lạc hậu), mọi quốc gia mọi khu vực đều có đầy đủ hệ thống truyền thông tối tân.

Điều khiển chính quyền hiện tại các nước lo

ngai nhất là nhân dân dần dần chia ra hai trạng thái cực đoan là: một bên có thông tin phong phú còn một bên lại quá nghèo nàn. Chính quyền không giải quyết được vấn đề này thế tất phải đổi đầu với một tương lai hỗn loạn. Nhưng sự phân cực nguy hiểm đó thật khó mà tránh được.

Thật ra, trong xã hội tương lai vấn đề thông tin càng ngày càng cần được bình đẳng, không phải chỉ vì lòng trắc ẩn hay chính quyền có lòng từ bi, mà chính là vì thế giới đã khai thác ra cái gọi là định luật “phổ biến khắp nơi” (Law of Ubiquity). Chỉ vì định luật ấy là nhân tố mạnh của thương nghiệp cũng như trên trường chính trị, trong quá trình thiết lập cơ cấu điện tử, mọi người đều có ý hướng phân bổ các kênh truyền thông ra rộng rãi hơn là giữ làm riêng.

Buổi ban sơ điện thoại từng bị coi là một thứ xa xỉ. Mọi người không thể nào tưởng tượng được rằng tương lai mỗi người đều có thể có một máy điện thoại. Tại sao mỗi người lại có một cái?

Thế mà ngày nay tại các nước có nền khoa học kỹ thuật tiên tiến, không kể giàu nghèo, dường như mỗi người đều có điện thoại. Nguyên nhân là vì càng có nhiều người dùng đến hệ thống ấy, thì hiệu năng cản hộ có điện thoại nó càng lớn càng có giá trị, nhất là đối với các hộ thương nghiệp.

Hệ thống bưu điện lúc đầu cũng giống như vậy. Kinh tế công nghiệp cần gửi những hóa đơn

quảng cáo, báo chí, sách vở... do đó mà hệ thống bưu điện ngày càng phát triển. Ngày nay, máy fax bắt đầu thay thế hệ thống thư tín.

Tính đến 1989, toàn nước Mỹ có 2,5 triệu máy fax, mỗi năm có chuyển gửi hàng tỷ trang văn kiện. Số người sử dụng máy fax mỗi năm mỗi tăng gấp bội.

Đối với những người được gọi là có phong phú về thông tin, càng rõ là tự họ đã khuếch trương tính phổ biến khắp nơi của hệ thống thông tin, càng đạt được nhiều lợi ích về kinh tế. Cũng do đó mà có sự giàu nghèo về thông tin.

Rồi do định luật phổ biến khắp nơi đó, mà trong tương lai những gia đình nghèo nàn nhất đều có thể bắt đầu có điện thoại, video và fax. Các môn khoa học kỹ thuật mũi nhọn khác như thông tin điện tử ngày càng phổ biến, việc chi phí có thể công, có thể tư, người sử dụng trả được bù lỗ cho người không trả nổi.

Cuối cùng, mạng lưới tối tân phổ biến toàn cầu từ bản thế giới với các thứ tiền tệ lưu thông từ Zurich đến Hongkong, Hongkong đến Na Uy, từ Na Uy đến Tokyo, từ Tokyo đến Wall Street... Thông tin cũng theo dấu vết con đường đó mà lưu thông.

Sự kết hợp sau nguyên lý nêu trên, sẽ tạo ra một hệ thống thần kinh mang tính cách mệnh khắp hành tinh, có thể truyền bá mau lẹ một số

lượng tư liệu, thông tin và tri thức. Hệ thống thần kinh ấy ngày càng thích hợp với thời đại, càng thông minh và cũng càng phức tạp.

CHỦ NGHĨA ĐIỆN TỬ

Hệ thống thông tin đại chúng mới có thể nói là sản phẩm đáp ứng nhu cầu sáng tạo của cải. Nó không chỉ khiêu chiến với những người đang có quyền lực, mà còn nêu cao giải pháp chính trị mới, nó có những cù tri và những đồng minh mới.

Cũng giống như thế kỷ thứ XVIII, khi công nghiệp ống khói phát triển đã làm biến đổi cơ chế chính trị do thiếu suy luận khoa học, con người ngày nay cũng khó lòng tưởng tượng được tương lai giới chính trị sẽ vận dụng được sự phát triển mới lạ của hệ thống thông tin đại chúng ra sao.

Hãy lấy bộ phận truyền thông hỗ tương tác động làm thí dụ.

Tương lai, chúng ta không chỉ xem truyền hình không, mà còn có thể sử dụng màn ảnh đó như một máy vi tính, thì có thể làm thay đổi cả cách thức bầu cử. Nếu hoạt động hỗ tương có thể đưa lên màn ảnh đó những con số điều tra ý dân chính xác, thì việc bầu cử không phải chỉ trả lời được vấn đề “Có - Không”, mà còn có thể lợi dụng truyền hình để khai triển những vấn đề, những yêu cầu khá phức tạp và chính xác.

Một ứng cử viên sau khi trúng cử, có thể thực hiện chương trình đã đề ra một cách hoàn hảo không? Hay năng lực phản ứng của ứng cử viên đối với vấn đề con tin, những cuộc bạo động của các chủng tộc, thảm kịch vũ khí hạch tâm... như thế nào? Tương lai, cử tri không cần phải xem những đối thoại tranh cử của các ứng cử viên trên máy truyền hình mà xuyên qua truyền hình có thể xem ứng cử viên cùng với cử chỉ thảo luận các vấn đề. Hơn nữa, chúng ta có thể hy vọng, với sự phát triển khoa học kỹ thuật, sẽ làm biến đổi các hình thái tổ chức chính trị.

Nhiều nhà tương lai học, hệ thống chuyên gia và những tư nhân đã từ lâu nghĩ đến việc thiết lập một trò chơi chính trị, điện tử trong đông đảo nhân dân. Và cuối thập niên 1960, giáo sư Jose Villegas ở đại học Cornell đã phát minh ra một mô thức vừa là trò chơi vừa giáo dục chính trị cho dân thiểu số ở các khu, thậm chí còn để đạt được những ý kiến chống đối.

Nhưng lúc đó vẫn chưa có đầy đủ kỹ thuật. Mạng lưới truyền thông hỗ trợ hoạt động mở rộng, trong tương lai hàng triệu gia đình có thể chơi trò chơi chính trị điện tử - nhân dân cũng có thể dùng hệ thống này đầu phiếu, tự động tổ chức “đảng điện tử” hay “nhóm vận động điện tử” để gây áp lực với các nhóm khác.

Nhưng chúng ta cũng có thể tưởng tượng sẽ

có một thứ điện tử phá hoại chống trả, không chỉ có thể là công cụ lợi hại trị đối kháng, yêu sách. Vào lúc 2h25' chiều ngày 15 tháng 1 năm 1990, những kỹ sư của công ty AT và T ở Bedminster, New Jersey, đều nhận thấy hiện trên 75 màn hình hệ thống thông tin điện thoại đường dài và mỗi cái báo hiệu của ngọn đèn đỏ, điều đó cũng phát sinh những phiến toái. Thật vậy, trong nháy mắt toàn bộ hệ thống điện thoại đường dài toàn nước Mỹ bị sự cố, kéo dài tới 9 tiếng đồng hồ, khiến cho ít nhất 65 triệu cú điện thoại đình trệ.

Điều tra viên của công ty AT và T nhận định rằng, sự cố xảy ra là do chương trình điện toán đưa đến nhầm lẫn. Nhưng lại không có khả năng tính “bắt bài trừ” những bàn tay có ý phá hoại. Bởi vì ngày 15 -1 cũng là ngày kỷ niệm sinh nhật của bác sĩ Martin Luther King, người chiến sĩ tranh đấu nhân quyền ở Mỹ, và những người dân da đen rất oán hận là chính quyền Hoa Kỳ đem ngày kỷ niệm này làm thành ngày nghỉ. Dĩ nhiên, cũng có thể chỉ là tình cờ trùng hợp, nhưng cũng chứng tỏ trong tương lai không phải là không có người dùng phương thức ấy làm công cụ đấu tranh chính trị.

Trong mô hình kinh tế mới đã tiềm tàng tình hình chính trị khẩn trương, hơn nữa có liên quan đến vấn đề tri thức ngày càng lan rộng.

PHÂN CHIA THÔNG TIN

Ngày nay “định luật phổ biến tồn tại” chưa thực hiện được, nên trong xã hội có nền khoa học kỹ thuật cao, đặc biệt là ở Mỹ, tình trạng thông tin phân chia chưa thật đều, sự “phân chia thông tin” sâu thẳm thăm như thung lũng Grand Canyon.

Ngày nay, trong các xã hội có nền khoa học kỹ thuật cao, vẫn còn tồn tại một “quần chúng quá thấp” không chữa trị được. Vấn đề “quần chúng quá thấp” của xã hội không phải là không ảnh hưởng đến xã hội giàu sang, đầy đủ, mà còn là mối hăm doạ về an ninh, hòa bình, thậm chí còn có thể uy hiếp cả chế độ dân chủ.

Nhìn một cách thiển cận thì cho rằng: tình trạng quá thấp của xã hội là do con người thất nghiệp tạo nên, nhưng sự thật lại có một nguyên nhân khác.

Rõ ràng nhất là: việc làm trong tương lai ngày càng cần kỹ xảo thông tin cao, cũng có thể nói là mặc dù có nhiều việc làm để thu nhận, nhưng lớp quần chúng quá thấp này vẫn không đạt được tiêu chuẩn yêu cầu về tri thức.

Hơn nữa, cái tri thức mà công việc ngày nay đòi hỏi, không phải chỉ là cái tri thức có tính cách chuyên môn thôi, mà còn là toàn bộ công việc trong một bối cảnh văn hóa như thời giờ, y phục, tác phong lịch sự, tiền bạc, quan hệ nhân quả của

ngôn ngữ. Ngoài ra, công nhân còn phải có khả năng nắm vững cũng như trao đổi thông tin.

Những kỹ năng văn hóa đó, không chỉ dựa trong sách vở hay các khoa huấn luyện, là đòi hỏi con người phải chẳng có năng lực đầy đủ về ứng phó tiến thoái, nó là thứ tri thức tích luỹ qua những tiếp xúc với thông tin đại chúng hàng ngày. Đó là từ môi giới truyền thông mà con người học được quy tắc xã hội và những thực tế phải xử sự trong công việc.

Đặc tính của môi giới truyền thông, những hình ảnh nó đưa ra, mục tiêu quần chúng mà nó nhắm đến, cùng sự quay ngược trở về, đều gây ra ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề nghề nghiệp và gia tăng thấp kém. Hơn nữa, tần số truyền thông phát triển sẽ làm cho khoảng cách giữa “giai cấp thấp kém” và giai cấp “chủ lưu” trong xã hội ngày càng to rộng.

Hiệu trưởng của Trường Đại học truyền hình quốc gia (National College Television) Mỹ, là Jeffrey Moritz, đã dùng vệ tinh trực tiếp phát các chương trình đại học cho sinh viên toàn quốc mỗi tuần 42 tiết.

Trường cho biết có 700.000 sinh viên ghi tên, tuổi từ 18 đến 34 tuổi. Họ là những nhân tài dự bị, là những người lãnh đạo tương lai cho đất nước. Họ là thành phần trẻ đối lập cực đoan với “giai tầng thấp kém” (Cứ theo Moritz tuyên bố thì trong số

sinh viên của trường ít nhất là có được hai vị tổng thống Mỹ tương lai, hàng trăm nghị sĩ và dân biểu, và hàng ngàn ông giám đốc tương lai).

Moritz mô tả đám sinh viên đó như sau:

“Những sinh viên 20 tuổi ngày nay, từ thuở có lịch sử đến giờ, là thế hệ biết sử dụng truyền hình video nhất... Hai mươi năm về trước, hằng Sesame Street như đi trong mây, đặc biệt có dự định giáo dục thiếu nhi và mẫu giáo (trẻ con trước tuổi đến trường) với kỹ thuật truyền hình.

Những khán thính giả do hằng Sasame Street tạo nên bấy giờ là kẻ thay đổi truyền hình”

Họ đưa ra những chương trình đều là trên truyền hình Mỹ hay là chương trình giáo dục phát ra các kênh và không còn là mạng lưới truyền thông đại chúng của làn sóng thứ hai.

Moritz dùng từ “Sercenie” (thế hệ màn bạc) để miêu tả lớp tuổi trẻ ngồi nuốt video, họ đã xem hàng vạn giờ video truyền hình đến nỗi họ đã thấm cả thứ “triết lý truyền hình”. Họ không chỉ suy tư về các loại logic khác nhau, mà còn có thói quen lợi dụng màn bạc làm việc, nhân đó mà họ thành ra người thăm dò tìm kiếm những hoạt động hỗ trợ phục vụ cho sản xuất và khách hàng. Trước hết là họ có thói quen chọn lựa.

Sự phân chia ra khoảng cách giữa lớp tuổi trẻ của giai tầng thấp kém và “thế hệ màn ảnh video” ngày nay ở Hoa Kỳ, châu Âu và Nhật cũng như

các nước có nền khoa học kỹ thuật cao, đều trở thành một đặc điểm, trừ phi phải bắt một nhịp cầu thông tin giữa hai đẳng cấp.

NHỮNG ĐỒNG MINH MỚI

Trong hệ thống kinh tế lấy tri thức làm cơ sở, vấn đề chính trị quan trọng nhất trong nước không phải là sự phân phối của cải, mà là phân phối thông tin và truyền thông để tạo ra của cải.

Sự biến đổi tính chất cách mạng trang bị hệ thống sáng tạo của cải ấy, đã khiến cho các nhà chính trị những người theo chủ nghĩa thực dụng, những nhà chính luận, không phân biệt tả khuynh hay hữu khuynh, phái bảo thủ hay quá khích, nam hay nữ đều phải có thái độ tư duy về ý niệm chính trị của thời công nghiệp ống khói, hình như đối với ngày nay tất cả đã lỗi thời.

Công bình xã hội và tự do, tương lai tuỳ thuộc vào việc xã hội xử lý như thế nào về ba vấn đề nền tảng là: giáo dục, kỹ thuật thông tin (bao gồm thông tin đại chúng) và tự do tư tưởng.

Về giáo dục, phải đổi thay những quan niệm khá sâu sắc, mà từ lâu không tính đến như: kích cỡ trường lớp, thù lao cho giáo viên, truyền thống tranh cãi về việc sắp đặt chương trình. Giống như mạng lưới truyền hình trong làn sóng thứ hai (hay là trong thời công nghiệp ống khói), hệ thống giáo

dục đại chúng của chúng ta đã trở nên lỗi thời. Giống như chương trình truyền hình, tương lai giáo dục cần phải có nhiều kênh, phổ biến với nhiều chương trình, nội dung khác nhau. Nhà trường nên để cho học sinh được chọn lựa môn học nhiều hơn, thì mới có thể thích ứng được với làn sóng thứ ba của xã hội tương lai, và khiến cho học sinh trở thành người có ích trong nền kinh tế tương lai.

Giáo dục và sáu nguyên lý (hỗn tương, di động, chuyển hoán, liên tiếp, phổ biến và quốc tế hóa) của hệ thống thông tin đại chúng đều trên ngày càng kết hợp chặt chẽ và mật thiết.

Đáng chú ý hơn, vấn đề giáo dục cũng không chỉ là nhiệm vụ của cha mẹ, thầy hoặc thiểu số giáo sư hay các nhà cải cách, mà còn là trách nhiệm của các xí nghiệp, các cơ sở kinh doanh, vì các nhà lãnh đạo xí nghiệp ngày càng phát hiện rằng: giữa giáo dục và lực cạnh tranh toàn cầu có mối quan hệ mật thiết.

Ưu tiên thứ hai là xúc tiến gấp việc phổ cập máy vi tính kỹ thuật thông tin và mũi nhọn khoa học kỹ thuật thông tin đại chúng. Đến thế kỷ XXI, quốc gia nào không thiết lập cơ sở điện tử thì đừng nói đến chuyện kinh tế, kinh doanh (bao gồm điện toán, tư liệu truyền thông, và các thứ môi giới thông tin mới). Nó cũng đòi hỏi việc huấn luyện gấp rút nhân dân sử dụng hệ thống thông tin, cũng như các phương tiện giao thông: xe cộ, xa lộ,

xe lửa và các cơ sở khác giống như trong thời kỳ công nghiệp ống khói.

Đĩ nhiên, không phải mỗi cá nhân đều trở thành kỹ sư điện tử, hay chuyên viên điện toán, cũng không phải giống như mỗi người đều phải biết lái xe. Nhưng mỗi người đều cần phải biết hệ thống thông tin đại chúng sử dụng như thế nào, cũng như các máy vi tính, máy fax và các loại sản phẩm vô tuyến truyền thông tiến bộ. Tương lai muôn xây dựng một nền kinh tế mũi nhọn (tiến bộ) tất phải vận dụng gấp định luật “phổ biến tồn tại” (Law of Ubiquity cũng có nghĩa là khiến cho mọi người)(không kể giàu nghèo) đều có thể cùng có tối đa hệ thống truyền đạt.

Cuối cùng, nếu bản chất của nền kinh tế mới là tri thức, thì ưu tiên tối cao cũng phải cái gì khác. Ý nghĩa sự tồn tại của quốc gia là quyền lực. Không cứ nhân dân phải đóng góp mọi thứ kinh tế, quốc gia muốn duy trì quyền lực thì phải tranh thủ nắm lấy hệ thống truyền thông cách mệnh và hạn chế sự tự do thông tin.

Giống như sau buổi đầu cách mạng công nghiệp, khi những phát minh về thông tin đại chúng, quốc gia bèn dùng những công cụ ấy khống chế tư tưởng.

(Tất cả tư tưởng đều bị khống chế bất cứ là cái gì từ hình ảnh đến sự truyền bá thông tin)

Không có một xã hội nào có thể dung thứ

hoàn toàn cho tự do thông tin, có một số bí mật cần phải được giữ kín là điều cần thiết cho sự sinh tồn của xã hội. Có lúc xã hội như lâm vào một tình cảnh cực kỳ gay go khủng hoảng, mà lại cho tự do thông tin thì có khác nào cho mọi người gây hoả hoạn, tự do đổ đầu vào lửa. Tự do thông báo tuyệt đối cũng giống như các thứ tuyệt đối khác trên thế giới không thể có được.

Nhưng xã hội ngày càng hướng về nền kinh tế siêu tượng trưng càng cần dung nạp sự tự do tư tưởng và sự mở rộng những ý kiến khác nhau. Chính phủ nào ngày càng bóp nghẹt sự tự do lưu thông tư liệu, thông tin và tri thức, thì quốc gia ấy càng chậm tiến vào mô hình kinh tế mới.

Trong thời đại nông nghiệp, những ý tưởng mới thường thường uy hiếp sự sinh tồn. Hàng mây thế kỷ, trong xã hội đều vận dụng một phương thức sản xuất như nhau, thì bất cứ một sự thay đổi nào đều làm dao động toàn bộ cơ sở kinh tế nên càng phải lánh xa các tư tưởng tự do.

Sau khi cuộc cách mạng khoa học và công nghiệp vùng lên, mọi người mới có những khái niệm mới khác nhau, đó là vấn đề tự do tâm linh là nhu cầu của tiến bộ. Nhưng cũng chỉ có thiểu số đạt được hiện tượng tự do khi cuộc cách mạng sáng tạo của cải mới vùng lên, thì người dự trong hệ thống đó cần phải được tự do phát huy những sáng kiến, từ việc thiết kế sản phẩm mới, đến những

kiến thức về khoa học, lý luận, điện toán...

Mô hình kinh tế siêu tượng trưng luôn luôn cần đến những sáng kiến mới, những ý niệm lạ, bao gồm cả ý niệm về chính trị.

Sự đấu tranh được tự do biểu hiện tư tưởng, trước kia chỉ dành cho một thiểu số phần tử tri thức chuyên môn, nhưng ngày nay là trách nhiệm chung của mọi người trong nền kinh tế tiến bộ, giống như tương xứng với giáo dục và tiếp cận với môi giới thông tin mới, đều không phải là chính sách chính xác của tự do tư tưởng, mà chính là điều kiện tất yếu của nền kinh tế cạnh tranh.

Sự thể hiện các giai tầng là cơ sở của chính sách liên minh mới sẽ hình thành trong xã hội tương lai, đem bước đầu của nền cách mạng đặt thành hai nhóm đối lập: một là các nhà tri thức khoa học, nghệ thuật và các quan chức tự do, hai là các nhà quản lý tiên tiến, các nhà tư bản và các cổ đông, kết hợp làm một khối, cùng chung nhau nỗ lực cải cách hệ thống giáo dục, để cho điện toán và các môi giới thông tin mới vận dụng phổ biến rộng rãi, tự do diễn đạt tư tưởng.

Tổ hợp chính trị đó trong nền kinh tế của thế kỷ XXI sẽ bảo đảm cho cả tri thức và kinh tế tiên tiến.

Đối với K.Marx, tự do là nhu cầu của nhận thức, và hy vọng rằng cơ cấu của nền kinh tế thế kỷ XXI sẽ phát hiện mẹ của tự do là nhu cầu.

VĨ THANH: MONG MỎI MỘT THỜI ĐẠI HẮC ÁM MỚI

Chúng ta đang đứng trước một cuộc đổi thay quyền lực vô cùng quan trọng. Chúng ta có thể xây dựng một nền dân chủ mới cho thế kỷ XXI, hoặc là lui trở về một thời đại hắc ám mới.

Một đường là đem quyền lực chuyển từ tay Nhà nước cho cá nhân, còn một con đường là đe doạ bóp nghẹt cá nhân thành con số không. Trong một tương lai có thể thấy trước, là dù ở trạng huống nào, Nhà nước cũng không chịu từ bỏ quyền lực. Không gì có thể ngăn được Nhà nước gom hết tài sản vào trong tay mình và sử dụng nó nhằm mục đích củng cố quyền lực của họ. Có thể có một biến đổi duy nhất, như chúng ta đã bắt đầu thấy là khả năng của Nhà nước quản lý mọi hoạt động.

Nền kinh tế mới được thịnh vượng,ắt phải dựa trên sự phát biểu ý kiến tự do hơn, sự hiểu biết cảm thông tốt hơn giữa người thống trị và kẻ bị trị, sự tham gia đóng đảo của quần chúng trong

việc quyết định chính sách. Nó không cần một bộ máy thư lại cồng kềnh, và có thể tản quyền nhiều hơn và có một chính quyền bén nhạy hơn. Nó có thể tạo ra độc lập nhiều hơn cho cá nhân, đây là một sự chuyển dời quyền lực ra khỏi tay Nhà nước, không phải thông qua cảnh điêu linh tàn lụi mà là lòng nhân đạo.

Thế nhưng, bất cứ một liên minh mới nào của các nhóm dân chủ cũng sẽ phải đối mặt với ba lực lượng khổng lồ, chúng đang thi nhau chạy đua để tập trung tham gia một cuộc thập tự chinh trên khắp thế giới, mà nếu chúng ta không thận trọng, sẽ đẩy chúng ta trở lại một thời đại hắc ám mới như thời trung cổ.

CƠN CUỐNG TÍN

Tôn giáo có tổ chức, dưới bất cứ dạng thức nào, đã thực sự chiếm độc quyền trong việc sản xuất và phổ biến cái tri thức trừu tượng trong thời kỳ tiền công nghiệp ống khói, trước thời có ánh sáng văn minh, trước cả lúc khai sinh nền dân chủ phương Tây. Và ngày nay nhiều lực lượng đang bù đầu để tìm cách khôi phục sự độc quyền kiểm soát của trí tuệ.

Sự phục hưng của các tập đoàn tôn giáo, chính trị trên khắp thế giới hình như không có ý nghĩa gì đối với sự phát triển của máy điện toán và

nền kinh tế mới. Thế nhưng nó có đây.

Hệ thống sáng tạo của cải dựa vào tri thức, mà máy điện toán là biểu tượng, đã chấm dứt vai trò thống trị thế giới suốt trong ba thế kỷ của các quốc gia công nghiệp. Đối với các quốc gia “công nghiệp ống khói” giai đoạn lịch sử này được đánh dấu bằng cuộc chiến tranh trí tuệ giữa hai bên, một bên là lực lượng tôn giáo liên minh với giới quyền quý ưu tú của thời đại nông nghiệp, một bên là lực lượng thế tục tranh đấu cho chủ nghĩa hiện đại hóa công nghiệp và nền dân chủ đại chúng.

Vào giữa thời đại công nghiệp, các lực lượng thế tục (secularisme) đã tìm cách khống chế hệ thống tôn giáo, làm suy yếu ảnh hưởng của nó đối với trường học, đối với đạo đức, và ngay cả bản thân của quốc gia nữa.

Khoảng thập niên 60, một số của Tạp chí Thời đại (times) đã đưa ra vấn đề “Thượng đế đã chết rồi chăng?” làm Giáo hội Thiên chúa bức xúc đã triệu tập Công đồng Vatican II, một trong những biến cố quan trọng nhất của giáo hội qua nhiều thế kỷ. Ở phương Tây, nơi mà khí thế của chủ nghĩa công nghiệp đã chiến thắng lẫy lừng, khiến ba tôn giáo lớn cảm thấy lực lượng của họ ở lãnh vực xã hội, đạo đức và chính trị đều sa sút.

Nhưng chính vào lúc này, máy điện toán đã thực sự bắt đầu thay đổi lối sáng tạo ra của cải. Kỹ thuật đã làm cho viên chức bàn giấy trở nên lỗi

thời, nền kinh tế dựa vào nhà máy đã bắt đầu rời nhanh ra khỏi các phòng thí nghiệm, một thiểu số công ty và cơ sở quốc doanh, để được đưa vào sử dụng đại trà.

Cùng một lúc với tiến trình cách mạng này, mà tiến bộ nhất là tại Hoa Kỳ, nổi lên phong trào Hippy, mở cuộc tấn công gay gắt vào nền tảng văn hóa của thời đại công nghiệp, luôn cả chủ nghĩa thế tục của nó nữa.

Đi cùng với mái tóc để dài, là sự chán ngấy khoa học kỹ thuật, sự hứng thú rộng lớn về chủ nghĩa thần bí, ma tuý, các tín ngưỡng phương Đông, chiêm tinh học và các tà đạo. Phong trào này quan sát xã hội công nghiệp căm thù những gì họ đã thấy, và kêu gào phải quay về với cái quả khứ hào quang đầy huyền thoại. Với khẩu hiệu “hãy thôi mơ mộng và trở về với những thực tại tầm thường”, những cặp kính đèn cổ xưa, các xâu tràng hạt của những nhà sư Ấn Độ, và những chiếc khăn bit đầu là biểu tượng của phong trào Hippy, nhằm vứt bỏ toàn bộ những gì của thời kỳ nhà máy ống khói. Và thiết tha mong mỏi trở về nền văn hóa tiền công nghiệp. Đó là hạt giống của phong trào Thời Đại Mới mà ngày nay đang vùng lên, mọc lan tràn như cây cỏ, và đâm chồi nẩy lộc, cùng với muôn vàn điều thần bí, và cuộc tìm kiếm mọi sự linh thiêng.

Vào những năm 1970 - 1980, dấu hiệu của

cuộc khủng hoảng trong xã hội công nghiệp cũ đã xuất hiện khắp mọi nơi. Các phế sản của nền công nghiệp thải ra trong môi trường sinh thái đã đe doạ sự sống còn của con người. Trước những sản phẩm mang tính chất khoa học kỹ thuật cao và sản phẩm phục vụ mới, làm cho các ngành công nghiệp cơ bản bắt đầu thu hẹp lại. Các công trình đô thị, các hệ thống y tế, giáo dục của xã hội công nghiệp cũ, tất cả đều chìm trong cuộc khủng hoảng. Những công ty lớn nhất bắt buộc phải tổ chức xây dựng lại, thế lực của các công đoàn đã tàn lụi dần. Các cộng đồng xã hội bị rách nát vì những xung đột về đạo đức, bị tàn phá huỷ hoại bởi nạn xì ke ma tuý, tội ác, gia đình tan nát, và nhiều đổ vỡ đau đớn khác.

Bị nhục mạ bởi phong trào Hippy ngoại đạo, họ bác bỏ tinh thần Cơ đốc giáo truyền thống, đau khổ trước sự đổ vỡ của cuộc sống quen thuộc, các vị lãnh đạo tinh thần Thiên chúa giáo cũng bắt đầu phản công mãnh liệt chủ nghĩa thế tục. Sự việc chẳng mấy chốc đã trở thành một hoạt động chính trị có hiệu suất, tối ưu. Ở đây, một lần nữa, lại là một sự chối bỏ dứt khoát cái hiện tại dơ bẩn, đau khổ và đi tìm những cái giá trị tuyệt đối hiện tại dơ bẩn, đau khổ và đi tìm những cái giá trị tuyệt đối thực tiễn của quá khứ. Phong trào Hippy và chống Hippy, những người ngoại đạo và Thiên chúa giáo, dù cho khác nhau thế nào đi nữa, đều

chung sức dột kích tiến công xã hội thế tục.

Những người phát động cuộc tiến công này đều không tự nhận là kẻ thù của nền dân chủ. Nếu nói như thế thì phần đông họ sẽ nổi giận. Một số người Hippy là những người đấu tranh cho tự do. Thế nhưng cái thế tục mà họ đang tiến công ấy lại là một trong những cột trụ chống đỡ chế độ dân chủ ngày nay.

Cùng lúc đó ở nhiều nơi trên thế giới, có dấu hiệu hồi sinh các tôn giáo, tiếp theo là sự hưng khởi của phái chính thống cực đoan. Tại Trung Đông, bắt đầu từ lúc chấm dứt Thế chiến I, các nhà lãnh đạo như Ataturk ở Thổ Nhĩ Kỳ, Reza Shah và vua Shah ở Iran đã lên nắm chính quyền. Họ là những người đã quyết tâm “hiện đại hóa” đất nước mình. Họ bắt đầu xây dựng những xã hội thế tục, ở đó những người lãnh đạo tôn giáo và giáo đồ cuồng tín bị bắt buộc giữ một địa vị thấp kém.

Thế nhưng, các chế độ thế tục này được coi như là tiếp tục có liên quan mật thiết với chủ nghĩa thực dân của phương Tây. Bóc lột và tham nhũng đầy rẫy, gây ra bao xúc phạm tinh thần oán hận trong nhân dân. Các phần tử ưu tú của cấp thống trị dùng nhiều thời gian để trượt tuyết tại Gstaad và đàm phán với các ngân hàng tư nhân của họ ở Zurich hơn là phân phối thu nhập đồng đều cho dân chúng. Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, các cơ quan tình báo của nhiều cường quốc

công nghiệp trên thế giới, tư bản cũng như cộng sản, vì quyền lợi đôi khi đã chi viện cho các phần tử quá khích của tôn giáo ở Trung Đông.

Tất cả những sự kiện trên đây tiếp tục duy trì những ngọn lửa giáo điều của các tôn giáo, để cuối cùng làm biểu tượng cho chủ nghĩa cuồng tín với sự tiến công toàn diện vào thế giới ngày nay và chủ nghĩa thế tục mà thế giới này ca tụng.

Nếu nền văn minh công nghiệp, cái nôi của chủ nghĩa thế tục đã không bị khủng hoảng về đạo đức và xã hội, cuộc tiến công điên cuồng này có thể sẽ gây ít tai hại hơn, và văn minh công nghiệp đã không còn là một mẫu mực rất hấp dẫn để các quốc gia của thế giới noi gương. Thật vậy, các quốc gia công nghiệp, giờ đây đang bị chia rẽ trầm trọng trong nội bộ, nên không còn là những nhà vô địch bách chiến bách thắng như trước. Nay giờ, những kẻ bắt cóc con tin, các tên khủng bố, những tù trưởng dầu hỏa đều có khả năng điều khiển các quốc gia công nghiệp theo sở thích của mình.

Do đó, ngay sau khi thời đại công nghiệp ống khói chấm dứt, cái triết học thế tục là chúa tể đang ngự trị của họ bị tiến công từ bên trong lẫn bên ngoài, từ mọi phía, và phái chính thống và tôn giáo nói chung thừa cơ cất cánh.

Ở Liên Xô, Mikhail Gorbachev đã cố gắng để thay đổi nền kinh tế và hệ thống chính trị của nước mình, thì ngọn lửa giáo điều của Hồi giáo đã

bắt đầu liếm quanh toàn thể vùng biên giới phía Nam của những nước cộng hoà Xô Viết. Chẳng mấy chốc những người dân Azerbaijan Hồi giáo và những người dân Armenian Thiên chúa giáo đã sát hại lẫn nhau qua dãy núi Caucase. Và khi quân đội Liên Xô cùng với các địa phương quân được phái đến để lập lại trật tự, Chính phủ Iran đã cảnh cáo Moscow chớ nên sử dụng vũ lực chống lại những người Hồi giáo. Ngọn lửa hận thù càng bùng lên mạnh hơn. Vì những cải cách của ông Gorbachev đã mở rộng quyền tự do phát biểu ý kiến, cho nên cũng có cả dấu hiệu hồi sinh của Thiên chúa giáo chính thống.

Ở những nơi khác cũng có những hiện tượng tương tự. Ở Israel, những người Do Thái thế tục (Vô thần) bị đánh đập, và xe cộ của họ bị những người Do Thái cuồng tín ném đá. Tư tưởng và mẫu xã hội của những người cuồng tín hay chính thống Do Thái này được hình thành từ mấy thế kỷ theo kiểu bộ lạc nhỏ trong thời tiền công nghiệp ở Đông Âu, và các cộng đồng ở Trung Đông. Tại Ấn Độ, những người Hồi giáo quá khích đã tiến công qua biên giới Kachmir, còn phái Ấn Độ giáo chính thống đánh phá trên khắp phần đất còn lại của tiểu lục địa.

Tại Nhật, nơi mà Phật giáo và Thần đạo chung sống với nhau, nơi không thể mô tả tôn giáo bằng những từ ngữ phương Tây, do đó quan niệm

thật sự của đạo giáo có thể được áp dụng. Thế nhưng đã có những bằng chứng cho thấy rằng có một sự ưa thích trở lại các hình thức cũ của Thần đạo, đã khiến cho chế độ quân phiệt trước Thế chiến II có cơ hội khai thác vì những mục đích chính trị riêng tư của họ. Năm 1989, Bộ Giáo dục đã ban hành một nghị định bắt buộc học sinh phải được dạy dỗ tôn kính Thiên Hoàng, vì người là giáo sĩ tối cao của Thần đạo.

Cái gì đã xảy ra, đó là một cuộc tiến công rộng lớn vào những tư tưởng của thời đại văn minh công nghiệp đã khai sinh.

Trong khi tất cả các phong trào tôn giáo này đương nhiên là khác nhau về nhiều mặt, thường chống lấn nhau nữa, trong khi có một phần từ rất cực đoan, và một số khác thì không, tất cả bọn họ, dù Thiên chúa giáo hoặc tân thời đại (New Age), Do Thái hoặc Hồi giáo, đều thống nhất ở một điểm là chống lại chủ nghĩa thế tục, trong khi chủ nghĩa này là cơ sở triết học của nền dân chủ đại chúng.

Chính vì vậy mà ngày nay chủ nghĩa thế tục rút lui ở khắp các quốc gia trên thế giới. Thế thì những người đề xướng nền dân chủ đã làm gì để thay thế cho chỗ ấy? Cho đến lúc này, những mô thức dân chủ mới với khoa học kỹ thuật cao vẫn chưa làm được việc đổi mới cơ cấu chính trị đại chúng đã lỗi thời cũng như những ức thuyết triết học làm cơ sở cho chúng.

Tôn giáo không phải là kẻ thù của dân chủ. Trong một xã hội thế tục đa thần, với một ranh giới rõ rệt giữa đời và đạo, tình trạng thật sự đa dạng của tín ngưỡng và không tín ngưỡng đã giúp cho nền dân chủ thêm phong phú và năng động. Trong nhiều quốc gia, các phong trào tôn giáo đã tạo nên một lực lượng đối trọng để chống lại sự áp bức của Nhà nước. Giáo điều như thế không phải là một mối đe doạ. Tuy vậy, trong phong trào phục sinh tôn giáo rộng lớn ở khắp mọi nơi, chỉ không chỉ ở Iran, các phần tử cuồng tín đang trợ giúp những ai dùng thần quyền thống trị tinh linh, và những giới khác thì vô tình ủng hộ họ.

Những tôn giáo nào phổ biến với mong muốn truyền bá khắp thế giới và che chở nhân loại, đều có thể phù hợp với dân chủ. Thậm chí luôn cả những tôn giáo chủ trương khống chế độc đoán mọi mặt sinh hoạt của tín đồ, nhưng không thực thi khống chế người ngoại đạo, đều có thể phù hợp với dân chủ.

Không thể dung hợp được là những tôn giáo nào (ngay cả những ý thức hệ chính trị) kết hợp chủ nghĩa thống trị cực đoan và chủ nghĩa phổ biến khắp hoàn vũ. Những phong trào kết hợp như thế sẽ xung đột với bất cứ định nghĩa nào của dân chủ. Thế mà trên thế giới ngày nay, một số phong trào tôn giáo phát triển nhanh chóng nhất và có thể lực nhất lại đang phổ diễn sự kết hợp chết

người này.

Quyết tâm của họ là nắm quyền khống chế sinh hoạt và tư tưởng loài người của các quốc gia, các lục địa và luôn cả địa cầu. Họ quyết tâm đem giáo điều của họ thực thi trên mọi lãnh vực đời sống con người. Họ quyết tâm nắm chủ quyền quốc gia ở bất cứ nơi nào họ có thể, đồng thời đập tan sự tự do mà chế độ dân chủ thực hiện. Họ là đại biểu của thời hắc ám mới.

NỀN SINH THÁI NẮM QUYỀN

Đồng thời trên khắp thế giới, một làn sóng xanh cũng đang lan rộng. Cái phong trào làm sạch môi trường này là chủ yếu - một thí dụ cụ thể cho thấy người dân bình thường trên khắp thế giới đang dẫn dắt các nhà lãnh đạo của họ. Đã được vấn đề sinh thái lên hàng đầu sổ tay của thế giới, là do một loạt các tai hoạ kinh khủng đã xảy ra ở nhiều nơi, từ vụ hòn đảo ba dặm (Three Mile Island), và Chernobyl cho đến Bhopal và vụ vết dầu loang ở Alaska. Rõ ràng còn nhiều vấn đề ở trước mắt.

Xã hội công nghiệp đã phát triển quá mức của nó, không thể cứ tiếp tục để rác rưởi độc hại trong sân sau của chúng ta, đốt trụi các khu rừng, vứt phế liệu hóa học xuống các đại dương, và chọc thủng những lỗ trong tầng khí quyển Ozon. Phong

trào bảo vệ sinh thái tại khắp nơi trên thế giới là phản ứng của bản năng sinh tồn chống lại mối nguy cơ của địa cầu.

Thế nhưng phong trào này cũng có một phần nào phản dân chủ. Vì trong số những người này có kẻ chủ trương trở lại thời đại hắc ám tối tăm. Số người này đã sẵn sàng hành động khủng bố để lái phong trào bảo vệ sinh thái đi hướng khác nhằm theo đuổi các mục tiêu riêng về chính trị và tôn giáo của họ.

Vì vấn đề phức tạp và nan giải cho nên phong trào xanh có thể bị phân chia ít nhất ra làm bốn phái hệ. Phái hệ thứ nhất cứ tiếp tục con đường vận động dân chủ hợp pháp và phi bạo lực. Nhưng sau những bi kịch và nguy cơ sinh thái, một phái hệ thứ hai ra mắt thực ra chúng đã có ở dạng phôi thai) từ phần tử sinh thái bạo lực diễn biến thành phần tử sinh thái khủng bố để tăng cường nhu cầu của mình.

Một phái hệ tiếp theo làm cho phong trào bảo vệ môi trường càng bồng bột hơn, nội bộ phong trào đã có những trận chiến với ý thức hình thái đối lập. Một mặt nữa là những người chủ trương sự tiến bộ khoa học kỹ thuật và kinh tế trong khuôn khổ những luật lệ ràng buộc chặt chẽ đối với môi sinh. Họ không muốn bỏ mặc cho trí tưởng tượng và óc thông minh hoành hành, họ tin tưởng ở khả năng của con người có thể thiết kế các phương tiện

kỹ thuật dùng ít tài nguyên hơn, bớt làm ô nhiễm môi trường, và tái tạo các chất thải thành những tài nguyên có thể sử dụng lại. Họ lập luận rằng sự khủng hoảng sinh thái hiện nay đòi hỏi phải có những sự thay đổi phương tiện kỹ thuật. Hướng về ngày mai, đó là dòng suối chính của những nhà sinh thái. Thế nhưng, đấu tranh với họ để nắm quyền kiểm soát ý thức của phong trào, là những người tự xưng mình là *chính thống*, họ muốn nhấn chìm xã hội vào trong tình trạng bán khai tiền kỹ thuật, và một lối sống khắc khổ đạo hạnh. Họ là những nhà “thần học môi sinh”, và một số quan điểm của họ ăn khớp với tư tưởng của những nhà tôn giáo cực đoan quá khích.

Các nhà thần học môi sinh nhấn mạnh rằng: Không có khoa học kỹ thuật nào đáng được tín nhiệm, vì vậy chúng ta át phải trở về trạng thái nghèo khó của thời kỳ tiền kỹ thuật, một viễn ảnh mà họ còn như là một cầu chúc phúc hơn là một điều nguyễn rủa.

Trong một loạt bài đăng trong tạp chí New Perspectives Quarterly (Quan điểm mới ấn hành từng quý (ba tháng)) đã đưa ra những ý kiến chính để tranh luận thật rõ ràng. Đối với những nhà tư tưởng hướng về nguồn (phục cổ), luận đê này không những tương quan với sinh thái, mà cũng tương quan với tôn giáo. Họ mong muốn khôi phục lại một thế giới thấm nhuần tôn giáo đã không có

mặt tại phương Tây kể từ thời Trung cổ. Phong trào sinh thái đã tạo một phương tiện di chuyển thuận lợi cho họ.

Nhóm này thu hẹp lịch sử những mối quan hệ của chúng ta với thiên nhiên, chỉ còn là những hình ảnh trong Kinh Thánh. Trước hết đã có một thời “Vàng son” về môi sinh, khi loài người rời khỏi “vườn địa đàng” cùng một lúc với thời đại công nghiệp xuất hiện, trong đó con “quỷ” - phương tiện kỹ thuật - quản lý công việc cả người. Nay chúng ta phải quá cảnh để lên một “thiên đàng” mới, hoàn toàn ổn định và hài hòa; nếu không chúng ta phải đổi mặt với “ngày tận thế”

Rất nhiều nhà thần học sinh thái ca tụng tính cách khả quý của nếp sống nông thôn trong thời trung cổ. Họ luôn luôn lợi dụng loại tỷ dụ kiểu phương Tây này (kỳ thực là kiểu tín ngưỡng Cơ đốc) để giải thích sự quan hệ phức tạp giữa chúng ta và thiên nhiên.

Hiện nay, Rudolf Bahre, một lý thuyết gia về màu xanh có nhiều ảnh hưởng đang sống ở Tây Đức, đã nhận định một cách rõ ràng rằng, điều cần thiết là “thần học” chứ không phải là môi trường - sự ra đời của một thời đại hoàng kim mới, nó sẽ vun trồng tính cao quý trong con người. Ông trở về với thế kỷ XIII để trích dẫn lời của Meister Eckhart, người sáng lập ra khoa học thần bí của Đức, ông này trước đây đã sống tại “thung lũng

sông Rhin nay bị tước đoạt” và đã chỉ cho chúng ta biết rằng, tất cả các sinh vật đều có Thượng đế ở trong lòng. Bahre cũng đã tìm thấy tư tưởng này trong một bài thơ của Mechtilde ở Magdebourg, một nhà tư tưởng Thiên chúa giáo khác của thế kỷ XIII, và trích dẫn câu thơ hay của nữ tác giả này ngụ ý rằng: Tất cả các sinh vật đều là: “Một hóa thân của ân điển” (a flash of grace).

Do đó, sự cứu nguy sinh thái, đối với ông ta, là một vấn đề tôn giáo, một vấn đề mà hành tinh thế tục này không tài nào có thể giải đáp được. Thậm chí Bahre cũng tán thành lời nhận xét của giáo chủ Khomeini về Gorbachev, là nhà lãnh đạo Xô Viết này nên cầu thánh Allah hơn là mong đợi ở những sự cải cách kinh tế để giải quyết những vấn đề của Liên Xô.

Một lý thuyết gia khác, Wolfgang Sachs của trường Đại học Tổng hợp Pennsylvania, đã tiến công viễn Worldwatch, một trung tâm nghiên cứu môi sinh đứng hàng đầu, vì “dự báo hiện đại đặc biệt” của trung tâm, và Amory Lovins, thuộc phái bảo thủ với chủ trương phải có hiệu suất năng lượng cao hơn. Trong khi đó, yêu cầu của Sachs là vấn đề “lo liệu tốt việc nhà” theo truyền thống hướng dẫn gia đình tự cấp tự túc.

Ivan Illich là một trong những nhà quan sát xã hội có sức tưởng tượng lớn nhất của chúng ta (người Mỹ và là tác giả nhiều công trình sáng giá

về lý thuyết sinh thái) đã phản đối “thuyết quản lý phát xít” và chủ nghĩa Luddit ngày ngô. Thế nhưng cái mà ông ta đề nghị là “đủ ấm no thôi không cần phát triển tiến bộ”, tóm lại là ngừng trệ.

Đối với Illich, sự nghèo nàn là điều kiện đương nhiên của nhân loại, phải chấp nhận mà thôi, cho nên cần phát triển tiến bộ để làm gì? Ông nói rằng hệ thống mới để tạo ra của cải, trái lại đã tiêm một liều thuốc hồi sinh vào cái logique quá kiệt sức của chủ nghĩa công nghiệp. Tác giả không kịp thấy rằng hệ thống kỹ thuật mới dựa vào tri thức, thực sự đã mâu thuẫn về nhiều điểm với cái logic công nghiệp cũ.

Luận cứ trên đây đối với Illich cũng rất thâm học. Thượng đế là mô hình để tiếp xúc với vũ trụ, vào thời điểm mà sự sinh tồn thuần tuý được chấp nhận như bình thường và tự nhiên, chúng ta nên quay trở về tình trạng đó. Chừng nào mà thượng đế còn ngự trị trên tinh thần như thời Trung cổ, thì nhân loại và thiên nhiên luôn luôn được thăng bằng. “Con người là kẻ tạo nên sự mất quân bình” chính cuộc cách mạng khoa học lật đổ cán cân quân bình. Illich cho rằng cái quan niệm của một “hệ thống môi trường, thông qua vô số bộ máy tái sinh, có thể điều hoà một cách khoa học “chỉ là một trò lừa bịp và ảo mộng. Rõ ràng ông ta ám chỉ, sự trở về một thế giới khổ hạnh xung quanh Thượng đế mới tốt thôi.

Ngành tu từ học về sinh thái thần quyền có chứa đựng trong nội dung của nó nhiều lời nói xa xôi bóng gió đến quan điểm của Chúa : Cuộc đời có vay có trả không thể nào tránh khỏi. Như các nhà văn Linda Bilues và Mark Byford đã ghi chú, các nhà thần học Xanh nhấn mạnh đến điểm “ăn xài xa xỉ là có tội”, trong khi sự tác hại môi trường được xem như là một “hình phạt đối với sự tiêu xài vô độ, sự thiếu đạo đức, lăng phí”. Như lời rao giảng trong ngày chủ nhật, có hàm ý là chúng ta nên “sám hối và sửa đổi hành vi”. Nếu không, thì chúng ta sẽ đối mặt với lửa và diêm sinh.

Ở đây khó có thể là nơi để cố gắng giải quyết các vấn đề sâu sắc nêu lên do sự tranh luận môi trường - cũng có ý nghĩa như một cuộc tranh luận triết học mà các nhà tư tưởng của Thời đại văn minh ánh sáng đã nêu lên vào lúc bình minh của kỷ nguyên công nghiệp. Thế nhưng, điều quan trọng cần ghi nhận là sự hài hòa giữa các quan điểm của những nhà thần giáo môi trường và phái giáo điều hồi sinh, cùng với sự thù hận sâu xa của họ đối với nền dân chủ thế tục.

Thú chủ nghĩa cực đoan này và phái hệ tôn giáo cuồng nhiệt, đều cùng nhấn mạnh: Lo cho dân chúng trở nên đạo đức, hoặc là lo bảo vệ môi trường, sự chọn lựa của cá nhân ắt phải hạn chế, loại luận điểm này nhất định là nhằm công kích toàn diện vấn đề nhân quyền. Trên thực tế, rất

nhiều nhà vận động bảo vệ môi trường đều công khai lo lắng về sự xuất hiện các giáo chủ màu xanh, hoặc những tên phát xít môi trường, họ muốn áp đặt mô hình cứu nguy của riêng mình. Cho nên, Bahre đưa ra lời cảnh cáo rằng: “Trong những cơn khủng hoảng sâu sắc của nhân loại, lãnh tụ uy quyền luôn luôn đóng vai trò trọng yếu. Nguy cơ khủng hoảng càng lớn, vai trò của lãnh tụ uy quyền càng đậm nét. Dù muốn hay không, chúng ta sẽ có một phát xít xanh Hitler, tuy thuộc... sự thay đổi về văn hóa sẽ tiến bộ đến đâu trước khi có vụ Chernobyl kế tiếp”.

Người ta có thể khen ngợi tính chính trực và óc sáng tạo của một nhà tư tưởng như Illich, chắc chắn ông ta không phải phát xít, trong khi nhìn nhận quan điểm chống dân chủ sâu đậm của ông ta trong quá trình tìm tòi sự tuyệt đối, sự ổn định, thăng bằng và thành tâm. Nhà xã hội học Pháp Alain Touraine, khi phê bình các nhà thần học sinh thái đã đưa ra lời cảnh cáo: “Nếu chúng ta bác bỏ lý trí nhân danh sự cứu nguy màng khí quyển bị tụt hết ozon chúng ta sẽ chấp nhận nguy cơ tái sinh của một phái màu xanh chính thống hoặc một phái thần học sinh thái kiểu Khom ini.

Nếu mối lo sợ trên đây là thái quá, chúng ta có thể hồi tưởng lại phong trào thanh niên Wandervogel (đàn chim di trú) của những năm 1920 ở Đức. Ngày nay ở Đức phong trào màu xanh

là hiểu chiến nhất. Phong trào thanh niên Phiêu lưu (Wandervogel) là các phần tử Hippy Xanh, của nước cộng hoà Weimar, mang túi lũ hành, đeo đàn guitar, đội hoa tươi lảng du ở nông thôn, cù hành những buổi nhạc hội kiểu Woodstock, để cao sinh hoạt tinh thần, truyền bá lý tưởng trở về với thiên nhiên.

Mười năm sau, Hitler lên nắm chính quyền, cũng tán dương giá trị của thời đại tiền công nghiệp, miêu tả sự không tưởng của Đức quốc xã là một thứ mà trong đó “người thợ rèn lại một lần nữa lấy búa đập đe, còn bác nông phu vẫn con râu đi trước cái cày”. Mượn lời của giáo sư Stern ở trường đại học Luân Đôn, Hitler nhắc lại “hài ca mục đồng thời đại tiền công nghiệp”. Các nhà tư tưởng của Hitler luôn luôn đề cao vật hữu cơ (organic), nhấn mạnh tính quan trọng của tính thiết thân sinh lý, và dùng phương pháp suy luận sinh vật học bênh vực sự căm thù chủng tộc thấp hèn nhất. Georges L. Mosse đã viết trong quyển “Nguy cơ của ý thức hệ Đức” rằng: “Hàng chục vạn thanh niên đã gia nhập phong trào thanh niên ấy, và đa số họ thấy rằng thích ứng với luận điểm ý thức của các phần tử Nazi không phải là sự tình gì khó khăn lắm”.

Ai có thể tưởng tượng được rằng một đảng “màu xanh mới” với những người đeo băng tay, mang giày ống, bắt buộc những người khác trong

xã hội phải theo quan điểm về thiên nhiên của mình? Trong khuôn khổ các điều kiện bình thường lẽ dĩ nhiên là không được, thế nhưng cái gì sẽ xảy ra nếu các điều kiện “không bình thường”?

Hãy nghĩ đến những hậu quả của một thảm họa môi trường khác giống như sự kiện ở Bhopal, sẽ xảy ra tại các đô thị ở Seattle, Stuttgart hoặc Sheffield... tiếp theo là các khủng hoảng này nối tiếp khủng hoảng kia ở khắp mọi nơi... và sau đó là sự hỗn loạn và tham nhũng dễ sợ trước nỗ lực cứu trợ cho thảm họa thiên tai... Thêm vào đó phái tôn giáo chính thống cao rao rằng tai nạn này là do Thượng đế trừng phạt “sự tự do quá trớn” và vô đạo đức. Hãy vẽ lên một bức tranh về những sự việc ấy xảy ra giữa một thời điểm có cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng. Hãy tưởng tượng đến một “Hitler - môi sinh” hấp dẫn, có tài ăn nói, sẽ hứa hẹn không những chỉ giải quyết cuộc khủng hoảng tức thời, mà còn “thanh lọc” xã hội về mặt vật chất lẫn tinh thần, và chính trị nữa - nếu hắn ta được ban cho những quyền lực ngoài hiến pháp.

Một số nhà thần học sinh thái ngày nay có quan niệm sức mài hoang đường như Hitler và những tư tưởng gia của ông ta trước đây. Nhóm tuyên truyền Đức Quốc xã đã từng ca tụng thời Trung cổ, đặc biệt là thời gian Đế quốc La Mã thần thánh thống trị châu Âu, là một thời kỳ mà nền văn hóa đạt đến đỉnh cao nhất.

Ngày nay, một nhà truyền giáo sinh thái Anh quốc, có viết trong bức thư gửi cho tạp chí Kinh tế như sau: “Các mục tiêu của nhóm truyền giáo Xanh như bản thân tôi chẳng hạn... là phải quay trở về với châu Âu thuộc một quá khứ xa xôi... từ lúc La Mã sụp đổ cho đến khi Hoàng đế Charlemagne hùng cường, “trong đó đơn vị cơ sở của xã hội là một tổ chức nông thôn, không được lớn hơn một thôn ấp đồng quê bao nhiêu... Con đường duy nhất để loài người sống hài hòa với thiên nhiên là nên sống ở mức độ vừa đủ sinh tồn”.

Cái mà các nhà chủ trương thuyết trung cổ môi trường đã không nói với chúng ta là cái giá của chính trị. Họ rất ít khi cho thấy rằng tính dân chủ đã rõ ràng thiếu vắng tại các ngôi làng quê thơ mộng ấy mà họ chiếm giữ để làm cho tốt hơn những ngôi làng đều do những tộc trưởng tàn phá nhất cai trị, cộng với tôn giáo khống chế tâm linh, sự ngu dốt của phong kiến và bạo lực. Đây là cái văn hóa mà các phần tử Đức quốc xã ca tụng. Không phải là không có nghĩa, cái thời kỳ giữa sự suy tàn của La Mã và sự hưng thịnh của Charlemagne đã được gọi là thời đại Hắc ám mà chúng ta đã biết.

Những nhà thần học môi trường có thể bị thắt bại bởi chính họ.

Họ chỉ còn lại là một nhóm ở ven biển xa xôi của phong trào sinh thái. Nhưng thật là sai lầm

khi coi rằng họ là một hiện tượng cá biệt và không đáng kể. Sự hồi sinh của tôn giáo và những phong trào xanh cũng vậy, đều nuôi dưỡng những kẻ quá khích, bọn này rất sung sướng được quăng bớt xuống biển những cái gì gọi là dân chủ để cho nhẹ thuyền. Ở những điểm cực đoan của nó, cả hai phong trào này có thể hội tụ lại với nhau để áp đặt những hạn chế mới về nhân viên và thái độ chính trị, nhân danh cả Thượng đế, lấn mội trường xanh. Chung sức với nhau, họ đang đẩy mạnh sự đổi thay quyền lực về với quá khứ.

TINH THẦN BÀI NGOẠI

Một đặc tính khác của ngôi làng Thời đại Hắc ám là tinh thần bài ngoại cực đoan, sự oán ghét người ngoài, thậm chí đối với những người ở ngay làng kế cận. Theo sự ra đời của thời đại “công nghiệp ống khói” sự trung thành cá nhân và tập thể được chuyển từ thôn xã đến quốc gia. Thế nhưng tinh thần bài ngoại, lòng yêu nước cực đoan, sự oán ghét người ngoài, người lạ mặt, người nước ngoài vẫn tiếp tục là một công cụ của quyền lực Nhà nước.

Ngày nay, việc chuyển sang một nền kinh tế dựa vào tri thức, đòi hỏi phải có sự lệ thuộc hỗ tương giữa các quốc gia với nhau hơn thời đại của nền kinh tế ống khói mà nó đã thay thế. Điều

không thể tránh được, tình trạng này đã hạn chế phạm vi hoạt động độc lập của các quốc gia. Sự kiện này đến lượt nó, đã dẫn đến một phản ứng có tính bài ngoại trong mọi thứ, từ thương mại đến văn hóa.

Ngày nay, chính phủ các nước khắp châu Âu đang tự củng cố lực lượng để tiến công mãnh liệt vào nền văn hóa ngoại nhập, chủ yếu là truyền hình và phim ảnh, vì lý do có sự đồng bộ của thị trường châu Âu. Đặc biệt là họ đang hoảng hốt lo sợ về vấn đề cung cấp tin tức do bên ngoài đem lại.

Báo Le Monde của Pháp tố cáo các nước Cộng đồng châu Âu với kế hoạch “Truyền hình không biên giới” của mình, cơ nguy có đưa đến việc giàn chiếm lĩnh thị trường của các nhà sản xuất và phân phối gốc Anglo-Saxon, những người đã có quyết định dứt khoát trong vấn đề thiết lập mạng lưới toàn châu Âu. Người châu Âu rất lo lắng về các kế hoạch thành lập một mạng lưới truyền thanh truyền hình qua vệ tinh của Maroc, bằng tiếng A-rập dành cho 11 triệu người hoặc hơn nữa gồm những người di cư từ Bắc Phi sang châu Âu, mà đa số là người Hồi giáo. Mỗi lo âu càng sâu đậm hơn khi những người Hồi giáo chính thống đã thắng trong các kỳ đầu phiếu tại một nước Algéri vô thần.

Tuy vậy, đây chỉ mới là một phần của những gì sắp xảy ra. Kỹ thuật vệ tinh nhân tạo và các

dụng cụ truyền thông mới khác đang để mở cửa các nền văn hóa quốc gia. Theo quan điểm của một chuyên viên vệ tinh là Dan Goldin của cơ quan TRW, chắc chắn một ngày nào đó khi các máy thu hình gia dụng tiếp nhận từ vệ tinh được bán với giá rất rẻ thì hàng triệu người trên thế giới có thể thu được làn sóng của các chương trình từ các nước ngoài, một chương trình tạp kỹ Brazil, bản tin tức thời sự của Nigeria, một kịch bản của Triều Tiên, chương trình truyền thông trao đổi như vậy, đe doạ chủ quyền quốc gia, mà các chính phủ tìm cách bảo vệ và nhân lên nhằm phục vụ những mục đích riêng tư của mình.

Khi mà những nỗi lo sợ về nguy cơ mất gốc nền văn hóa ngày càng tăng lên bởi làn sóng di dân ô ạt, sự đồng hóa sẽ trở thành một vấn đề bùng nổ.

Những người cổ vũ cho một thị trường châu Âu hợp nhất, đốc thúc các nước mở rộng cửa cho việc lưu thông tiền vốn, văn hóa và nhân dân. Họ hy vọng đem “chủ nghĩa siêu dân tộc” thay thế cho tính tự chủ chủ nghĩa dân tộc truyền thống.

Thế nhưng, chính bởi vì nền kinh tế mới ngày càng trở nên đồng bộ hơn trên toàn cầu, các nước đều xuất khẩu nạn thất nghiệp, nạn ô nhiễm môi trường, xuất khẩu văn hóa cùng với các sản phẩm và dịch vụ khác, cho nên chúng ta thấy, ở thế giới khoa học kỹ thuật càng cao, chủ nghĩa dân tộc có

khả năng phục sinh ngày càng lớn.

Tại Pháp có phong trào Le Penist, chống đối ác liệt Ả-Rập, do một tay lính lê dương giải ngũ cầm đầu, anh này đánh giá các luồng hơi độc của Đức Quốc xã ngày trước là “không đáng kể” và kêu gọi phải gây cho được những cảm xúc bài ngoại đến khiếp người. Thế mà đảng của ông ta chiếm mười ghế tại nghị viện châu Âu.

Đảng Cộng hoà của Tây Đức, do một tay cựu binh sĩ SS là Franz Schoenhuber thành lập, đã tiến công không những vào các công nhân di cư người Thổ Nhĩ Kỳ, mà thậm chí còn nhắm vào những người thuộc dân tộc Đức nhập cảnh từ Ba Lan và Liên Xô, những người này được gán cho tội giật công ăn việc làm, nhà ở, và tiền hưu bỗng ra khỏi tay những “người Đức chính thống”. Có liên hệ với phong trào Le Penist ở Pháp và những đảng quá khích tại nhiều nơi khác ở châu Âu, Đảng Cộng hoà này đã giành được mười một ghế tại Quốc hội Tây Đức năm 1989, và sáu ghế tại nghị viện châu Âu.

Dưới chiêu bài phải đề cao “những người Đức trước hết” (Schoenhuber), giống như Hitler sau Hoà ước Versailles trước đây, đã mô tả nước Đức, hiện nay là một trong những quốc gia giàu nhất thế giới, nhưng là quốc gia phải “hy sinh”.

Một nhà phân tích Đức là Josef Joffe, viết trong tờ nhật báo Wall Street rằng, Schoenhuber

đã phát động lời kêu gọi dùng vũ lực chống lại các nước khác trên thế giới, bởi vì các nước này đang tìm cách kìm hãm nước Đức bằng cách xiêng xích nước này với quá khứ, có nghĩa là cả thế giới không muốn để cho nước Đức quên đi tội ác của Hitler ngày trước (Về sau, Schoenhuber ra khỏi đảng ấy, vì cho rằng đảng quá cực đoan)

Bất cứ một quốc gia nào vẫn tiếp tục ủng hộ mạnh mẽ các tội của thế hệ trước đó, đương nhiên, có thể mong đến hồi trả đũa, khẳng định lại niềm tự hào dân tộc họ. Nhưng tự hào về gì? Thay vì kêu gọi nước Đức trở thành một nước lãnh đạo thế giới, bằng cách phát huy nền dân chủ tiến bộ hơn cho thế kỷ XXI, những người theo đảng dân tộc mới đã kêu gọi phải sử dụng các phương tiện phản dân chủ của nước Đức ngày trước. Do đó đã cung cấp cho các quốc gia lân bang của họ một lý do tốt để không muốn cho nước này quên tội ác của mình.

Tiếp theo sự sụp đổ của bức tường Berlin, sự thống nhất nước Đức trên thực tế diễn tiến êm thắm và nhanh chóng, những gì xảy ra tại Bonn và Berlin (thành phố này không còn nghi ngờ gì nữa, sẽ sớm trở thành thủ đô của quốc gia một lần nữa) đã lây lan khắp cả châu Âu, và đa số các quốc gia trên lục địa này đang canh chừng những người của Đảng Cộng hòa Đức.

Nhiều phong trào dân tộc tương tự đã xuất

hiện trên khắp cả châu Âu, từ Bỉ đến Ý và Tây Ban Nha, tại những nơi mà nền văn hóa được tự do giao lưu, các phương tiện truyền thông và những kẻ di dân vượt qua biên giới đang đe doạ các ý niệm quốc gia dân tộc cũ xưa.

Sự bồng bột của chủ nghĩa bài ngoại không chỉ hạn chế ở châu Âu, mà ở Mỹ sự phục hưng của chủ nghĩa dân tộc cũng đang lớn mạnh. Nó được nuôi dưỡng bởi nỗi lo sợ Hoa Kỳ đang suy thoái về kinh tế và quân sự, một nỗi chán chường vì bị gắn là trùm đế quốc, là những con người vật chất, thích bạo động, thiếu văn hóa... thậm chí một người Mỹ bình thường không quan tâm đến chính trị cũng đáp ứng lời mị dân của chủ nghĩa dân tộc.

Sự chống di dân lên, được cổ vũ bởi một số phần tử cực đoan, rêu rao rằng làn sóng di cư từ Mehico làm thiệt hại môi trường sinh thái của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, loại chủ nghĩa bảo vệ dân tộc tính hồi sinh này chỉ mới là chứng cớ biểu lộ chủ nghĩa dân tộc mới được huy động phát cờ ủng hộ.

Năm 1990, Pháp viện Tối cao của Hoa Kỳ phán quyết rằng, đố quốc kỳ là một hình thức phát biểu chính trị tự do, được bảo vệ bởi Bộ luật Nhân quyền của Hoa Kỳ. Sự thế này gây ra một phản ứng cao độ. Đài truyền thanh nhện của quân chúng thính giả nhiều cú điện thoại phẫn nộ, đến nỗi Nhà Trắng phải lập tức kiến nghị tu chỉnh bản Hiến pháp, phế bỏ sự thi hành điều này.

Một sự việc khác mới xuất hiện gần đây là “đả kích hàng hóa Nhật” một loại vận động của thời nay mà những người theo chủ nghĩa bảo hộ và một số thường dân Mỹ thi thoảng vì lo ngại cán cân mậu dịch Mỹ - Nhật chênh lệch, và việc người Nhật mua bất động sản và xí nghiệp Mỹ.

Trong lúc đó, tại Nhật, một phong trào siêu quốc gia song song đang lan tràn. Những người quốc gia nổi dậy, kêu gọi phải sửa đổi hiến pháp chấp thuận xây dựng một lực lượng quân sự có sức tiến công. Họ nói rằng: “Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật đã không làm điều gì “đáng hổ thẹn” một luận điểm làm cho Trung Quốc và các quốc gia lân cận từng bị người Nhật xâm chiếm không mấy an tâm. Chỉ vì gợi ý rằng Nhật hoàng HiroHito có thể có một phần trách nhiệm trong thế chiến thứ hai mà thị trưởng đảo Nagasaki, ông Hitoshi Motoshima đã trở thành nạn nhân của một vụ mưu sát. Một nhật báo hàng đầu, tờ Asahi Shimbun, một phóng viên của họ trước đó đã bị ám sát do những phần tử quốc gia cực đoan, đã cảnh cáo rằng, những vụ bạo hành như vậy sẽ đưa đến chế độ phát xít. Thế nhưng, những phần tử quá khích vẫn tuyên xưng rằng Nhật có một quốc hồn và một ngôn ngữ đặc biệt ưu việt hơn bất cứ quốc gia nào khác. Sự tôn thờ “chủ nghĩa đại hòa” (Yamatoism), một chủ nghĩa đã đề cao ý niệm tôn vinh duy nhất, đã được cổ vũ để làm đối trọng cho

sự đánh mất sắc thái quốc gia do kết quả của việc Âu hóa trong thời hậu chiến.

Từ trong chiến tranh, đã bị Hoa Kỳ đối xử với mình như là một ông chủ, và đau khổ vì cứ bị những nước khác luôn luôn công kích vì các chính sách kinh tế của mình đã đem lại nhiều kết quả vô cùng rực rỡ, một số người Nhật đang muốn lắng nghe tiếng gọi của dân tộc. Lòng yêu nước ôn ào này đã được xuất hiện, tay nắm tay với sự bùng nổ tài chính dữ dội trên sân khấu thế giới, và một khả năng quân sự lớn mạnh nhanh, kết hợp với những thế lực phản dân chủ nhất trong xã hội Nhật Bản.

Cuối cùng, cái đã làm cho phong trào dân tộc hồi sinh được bành trướng phi thường như vậy là sự trỗi dậy của nó được coi như là một lực lượng chính trị đầy quyền lực tại Liên Xô và tại các nước ở Đông Âu. Trên thực tế, còn hơn hẳn các cuộc nổi dậy dân chủ, các biến động ở Đông Âu có thể được miêu tả như là các cuộc nổi dậy chủ nghĩa dân tộc của các quốc gia đã từng phục tùng theo ý của Liên Xô gần nửa thế kỷ.

Xây dựng lại ý niệm “dân tộc” là một trong những nhiệm vụ đầy nhiệt tình và quan trọng nhất để đổi mới với thế giới trong những thập niên quyết định trước mắt chúng ta, và duy trì sự điều khiển quốc gia đối với một số chức năng, hơn là cút thả cho chúng được địa phương hóa hoặc toàn bộ

hóa, đó là vấn đề chủ yếu. Thế nhưng tinh thần bộ lạc và dân tộc mù quáng, cả hai đều nguy hiểm và thoái hóa. Và khi được gắn liền với quan niệm chủng tộc hoặc tính tự tôn do Thượng đế ban cho, chúng sẽ cho ra đời bạo lực hoặc đàn áp.

Cũng có ý nghĩa như vậy tại Liên Xô, khi mà những cơn cuồng vọng về chủng tộc đã làm rung chuyển bản thân Nhà nước, chúng thường được gắn liền với vấn đề sinh thái và giáo điều tôn giáo. Các chủ đề về môi sinh đã được khai thác để động viên tình cảm chủng tộc chống lại Moscow. Tại Tashkent có một phong trào gọi là Birlik, khởi đầu bằng cuộc bao vây một công xưởng điện tử đã mang sắc thái Hồi giáo chính cống. Và đáng chú ý hơn là các yêu sách của các nhóm dân thiểu số ở những vùng Baltic, Armenia, Azerbaijan, Georgia và nhiều phần đất khác của Liên Xô đòi quyền tự trị hoặc độc lập là sự bột phát của chủ nghĩa chủng tộc ở trong đa số dân Đại Nga. Nhà sử học Paul Jonhson, khi viết về văn hào Tolstoi, đã mô tả chủ nghĩa dân tộc của Nga bằng những thuật ngữ mà ngày nay chúng ta có thể dùng. Theo ông Johnson, đó là một tinh thần “yêu nước cực đoan” niềm tin tuyệt đối rằng dân Nga là một dân tộc đặc biệt, có những đức tính đặc đáo (thể hiện qua người nông dân) và được Thượng đế chỉ định để thực hiện một vai trò tối thượng trên thế giới này.

Thái độ này được biểu thị dưới một hình thức cực đoan trong cái tổ chức Pamyat, bài Do thái, bài ngoại ngày nay. Họ tuyên bố là đã có ba mươi chi nhánh trên khắp lãnh thổ Liên bang Xô Viết, và riêng tại Moscow có 20.000 đoàn viên, và có quan hệ chặt chẽ với quân đội lục cơ quan tình báo KGB, cũng như nhận được sự ủng hộ của giới quan viên trung cấp của chính phủ. Rất nhiều tác giả nổi tiếng và nhân vật văn hóa là hội viên của tổ chức. Tổ chức Pamyat này hiện thời bị tố cáo là gây tội ác bởi khuếch trương lòng thù hận, giống phong trào Trăm Đèn (Black Hundreds) chuyên tổ chức những cuộc tàn sát người Do Thái dưới thời Sa hoàng hồi đầu thế kỷ này.

Pamyat và những nhóm tương tự được miêu tả là những người chỉ quan tâm đến việc bảo tồn các lâu đài cổ, hoặc bảo vệ môi trường, nhưng mục tiêu chính của họ là tái tạo xã hội lấp thon xã làm nền tảng, được những nhà chính thống Xanh ca ngợi. Một số người kêu gọi phục hồi đế chế Sa hoàng, liên hệ với phái tôn giáo chính thống.

Giống như Schoenhuber ở Đức, tuy phủ nhận tinh thần bài Do Thái, nhưng lại lên tiếng ủng hộ những điều giả dối của thời đại Hitler về người Do Thái, Pamyat một mặt tỏ ra vẻ thanh bạch, một mặt lại đưa ra những lời chỉ trích kịch liệt “chủ nghĩa tư ân quốc tế và cộng tế hội” (International Zionism and Freemasonry) và các hội viên đe doạ

thực hiện những cuộc tàn sát người Do Thái.

Pamyat còn đưa ra một bản tuyên ngôn tiến công tất cả người nào đã giảm bớt con số các nhà thờ, đền đài, tu viện, và các lăng tẩm của những vị anh hùng dân tộc, và đã làm ô nhiễm môi trường của đất nước đến một trạng thái tai họa khủng khiếp. Tổ chức đã thiết tha kêu gọi mọi người trở về với đất đai “đả đảo các đô thị lớn” và “sự hồi sinh” định chế cổ sơ của nông dân”.

Do đó, tại đây chúng ta thấy có một tinh thần bài ngoại có tính chủng tộc, rõ ràng là gắn liền với chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa phục cổ sinh thái - tất cả ba thứ ấy được đóng gói chung trong vỏ Thời đại Hắc ám.

Đây là một sự hội tụ các lực lượng dã bùng nổ có thể làm nổ tung các nền dân chủ hiện tại, tại bất cứ nơi nào nó hiện hữu. Trong một tình huống tồi tệ nhất, có thể tưởng tượng đó là một thử kỳ thi chủng tộc, hoặc bộ lạc, sinh thái phát xít hay trạng thái thần học, một công thức mạnh nhất để huỷ diệt nhân quyền, tự do tín ngưỡng, và quyền tư hữu tài sản.

Một tình trạng như thế khó xuất hiện, trừ phi là hậu quả của một cuộc khủng hoảng hoặc thảm họa lớn lao nào đó, một chứng bệnh uốn ván môi trường kết hợp với sự rối loạn sinh thái với cuộc khủng hoảng kinh tế rộng lớn, hoạt động khủng bố hoặc chiến tranh.

Nhưng người ta không cần phải tưởng tượng đến hậu quả tồi tệ nhất mới rùng mình ghê sợ. Không cần phải có những phong trào như vậy, hoặc sự quy tụ của chúng, mới chiếm được quyền điều khiển một đất nước, nhằm hạn chế một cách thô bạo hoặc huỷ diệt một hình thức dân chủ nào đó. Mà thậm chí trong các quốc gia có nền kỹ thuật cao, cũng đã bị huỷ hoại, bởi vì càng ngày nó càng không phù hợp với cái xã hội và nền kinh tế đang xuất hiện.

Các chính phủ chịu sự thống trị và bị ảnh hưởng nặng nề của những phần tử quá khích, họ đã đặt nhãn hiệu tôn giáo thần học sinh thái, hay chủ nghĩa dân tộc lên trên các giá trị dân chủ, thì không thể duy trì hình thái dân chủ lâu hơn.

Ngày nay trên toàn thế giới, hệ thống sáng tạo của cải tiến tiến đang lan rộng, mở rộng những cơ hội lớn cho việc xây dựng dân chủ. Đây là lần đầu tiên, như chúng ta thấy, sự tự do phát biểu ý kiến không chỉ là tốt về mặt chính trị mà còn là một sự cần thiết đối với nền kinh tế. Thế nhưng, vì lý do xã hội công nghiệp cũ đang bước vào vòng quay chót của chiếc máy bay chui đầu hạ cánh, những lực lượng đối trọng đã được hình thành, có thể huỷ diệt cả nền dân chủ hay tự chọn một nền kinh tế tiến bộ.

Để cứu vãn cả sự phát triển lẩn nền dân chủ, các hệ thống chính trị cần phẩm nhảy vọt qua một

giai đoạn mới, cũng như bản thân của nền kinh tế đang thực hiện. Dù cho sự thách đố lớn lao này có thể khắc phục được hay không, sẽ quyết định phương hướng đổi thay quyền lực tối hậu đang tiến đến này, sẽ bảo vệ cá nhân hay bắt cá nhân làm nô lệ.

Trong kỷ nguyên đổi thay quyền lực trước mắt, cuộc đấu tranh ý thức hệ hàng đầu sẽ không còn xảy ra nữa giữa nền dân chủ tư bản và cộng sản, nhưng là giữa nền dân chủ của thế kỷ XXI và bóng đen lạc hậu của thời Trung cổ.

PHẦN THỨ SÁU

BIẾN ĐỔI QUYỀN LỰC TOÀN CẦU

Một vài sự biến đổi quyền lực trong thời bình đã làm mọi người kinh ngạc, như sự biến đổi kéo theo sự tan rã mau lẹ khỏi Xô Viết. Quyền lực to lớn tập trung ở Moscow hơn nửa thế kỷ, tình hình đảo ngược lại ở Varsava, Prague, Budapest, Bucarest và Berlin. Chỉ trong một vài tháng, khỏi Đông Âu đã tan rã.

Sự biến chuyển thứ hai kéo theo sau sự tan vỡ của cái gọi là "Phương Nam". Các quốc gia kém mở mang (gọi tắt là LDC) chưa bao giờ có thể thiết lập một mặt trận thống nhất thực sự để đối đầu với giới công nghiệp, mặc dù những nỗ lực bắt đầu trước đó rất lâu, ngay khi hội nghị Bandung ở Indonesia vào năm 1955. Trong thập niên 1970, Liên Hợp Quốc đã thảo luận về nhu cầu chung của Phương Nam. Các chương trình thay đổi kỹ thuật và những hình thức hợp tác khác giữa "Nam-Nam" đã được đề ra. Các chiến dịch bắt đầu trao đổi và các điều ước thương mại giữa Bắc và Nam. Quyền lực đã thực sự biến đổi, nhưng không phải theo cách thức mà những người phát ngôn cho một Phương Nam liên kết hằng mong đợi.

Thay vào đó, điều xảy ra là sự chia rẽ của các quốc gia kém mở mang thành nhiều nhóm, đứng riêng rẽ cùng với những nhu cầu khác nhau. Một nhóm gồm có các quốc gia nghèo, vẫn tuỳ thuộc hầu hết vào Làn sóng văn minh thứ nhất là sức lao động nông dân. Nhóm khác gồm có các quốc gia

như Brasil, Ấn Độ, Trung Quốc thực sự có sức mạnh của Làn sóng thứ hai là công nghiệp, nhưng đa số nhân dân vẫn còn sinh sống trong nền nông nghiệp tiền kỹ nghệ. Sau hết, có những quốc gia như Singapore, Đài Loan, Nam Triều Tiên, thật sự đã hoàn thành nền công nghiệp hóa và đang tiến mau vào Làn sóng thứ ba có khoa học kỹ thuật cao. Nếu như quyền lực của khối Đông Âu tan rã, thì khối Nam cũng thế. Sự vùng dậy của Nhật và châu Âu đã trở thành đối thủ của nước Mỹ, dẫn đến sự cạnh tranh kịch liệt, tranh giành quyền lực thống trị trong thế kỷ XXI, tạo nên sự chuyển biến quyền lực lần thứ ba.

Trong khi các nhà chính trị, các nhà ngoại giao và báo chí vẫn coi sự chuyển biến quyền lực này như là hiện tượng biệt lập riêng rẽ, nhưng là sự liên kết sâu sa giữa ba hiện tượng. Cấu trúc toàn cầu phản ánh sự thống trị của làn sóng công nghiệp thứ hai đã tan vỡ giống như quả cầu bồng thủy tinh dưới cái nén của chiếc búa lớn.

Tất nhiên, trước những biến chuyển lịch sử mang tính chất trọng đại, nảy sinh từ nhiều nguyên nhân, không có một sự giải thích đơn thuần nào có thể hoàn toàn sáng tỏ được. Thu gọn lịch sử vào bất cứ một lực lượng đơn thuần hay phản ánh một nhân tố nào là lãng quên đi tính cách phức tạp, yếu tố tình cờ và vai trò của nhiều cá nhân, cùng những sự di biệt khác. Nhưng coi

lịch sử như là một sự kế tục của những sự tình cờ không liên quan gì với nhau hoặc không có quy luật nhất định nào, thì đó cũng là một cách vỗ đoán.

Các kiểu quyền lực toàn cầu trong tương lai chỉ có thể nhìn thoáng qua, thay vì nhìn ở mỗi sự chuyển biến chính yếu của mỗi phần như là những biến cố cô lập. Và sự thật, chúng ta có thể thấy rằng ba hình thái quyền lực có sức chuyển dời cả thời đại làm sụp đổ chủ nghĩa công nghiệp là sự phát triển nền kinh tế điều khiển bằng tri thức mới.

KIM TỰ THÁP VÀ THÁM HIỂM MẶT TRĂNG

Kể từ sau Thế chiến II, khoa học và kỹ thuật đã tiến bộ phi thường. Ví như không có gì xảy ra nữa, chỉ với sự phát minh máy điện toán, và tìm ra được ADN (Acide Deoxyribo Nucleotid - mã di truyền) cũng đã là một cuộc cách mạng trong lịch sử khoa học kỹ thuật sau Thế chiến II. Nhưng thực tế còn nhiều hơn thế nữa.

Chúng ta không những phát triển khoa học kỹ thuật, mà còn khám phá bản chất thiên nhiên mỗi lúc một sâu xa. Cho nên không phải chúng ta chỉ đổi mặt giao tiếp với các vật thể to lớn, trái lại chúng ta còn xử lý một loại chất liệu mỏng nhỏ đến nỗi không sao tưởng được. Theo thuật ngữ khoa học mà nói “thì các điện tử bên trong nó chỉ có thể di chuyển ở hai chiều”. Chúng ta có thể kéo được những sợi dây mà chiều rộng chỉ bằng 20 phần tỷ mét (20 nanomét). Và chúng ta có thể ngay lập tức kết hợp từng nguyên tử thành sự

vật. Đây không còn là sự tiến bộ mà là một biến cố.

Vào năm 1989, Viện cơ giới quốc gia Hoa Kỳ (The U.S National Academy of Engineering) - đã liệt kê 10 công trình cơ giới thành tựu quan trọng nhất trong hai mươi lăm năm qua. Đầu bảng là sự kiện phi thuyền Apollo đổ bộ lên mặt trăng trong lịch sử được đánh giá ngang hàng với việc người xưa xây dựng Kim tự tháp. Tiếp đến là sự khai triển vệ tinh nhân tạo, bộ phận vi xử lý (micro-processors), tia laser, máy bay phản lực, sản phẩm công nghệ di truyền và những sản phẩm mũi nhọn. Từ đầu thập niên 1950, khi hệ thống làm ra của cải mới nảy sinh trên đất Mỹ, con người lần đầu tiên trong lịch sử, đã mở một con đường đến các vì sao, nhận thức được đời sống của các loại sinh vật, và phát sinh những công cụ trí tuệ quan trọng ngang bằng sự phát minh ra chữ viết của người xưa. Thời gian chỉ trong một thế hệ (generation) mà loài người đã được những thành tựu vĩ đại kinh khủng.

Không phải chỉ có kiến thức về khoa học hay kỹ thuật đã và sắp thực hiện được những tiến bộ huy hoàng đáng lưu ý. Mà thực ra là từ lý thuyết tổ chức đến âm nhạc, từ hệ thống nghiên cứu sinh thái đến nhận thức về não của chúng ta, từ ngôn ngữ đến lý luận học tập, từ trong trạng thái mất quân bình đến thời hỗn loạn, nghiên cứu cơ

cấu khuyếch toán (dissipative structure), không một cơ sở tri thức nào không mang tính chất cách mạng hóa. Mặc dù như vậy, các nhà nghiên cứu đang đua tranh nhau trong lĩnh vực mạng lưới thần kinh và trí thông minh nhân tạo, họ đang cung cấp một loại tri thức mới cho tri thức.

Những tiến bộ đầy biến động này xem ra như không có liên quan gì đến vấn đề ngoại giao chính trị của thế giới, thật ra nó liên quan mật thiết đến sự kiện chính trị lực địa ngày nay. Tri thức (knowledge) là biến số tranh giành quyền lực trên toàn cầu ngày nay.

THAY CŨ ĐỔI MỚI

Muốn có một thí dụ, chúng ta hãy xét đến biến cố tri thức phát sinh ra quyền lực ở Liên Xô.

Như chúng ta đã thấy, sự chuyển biến quyền lực có tính chất lịch sử ngày nay, đã tạo thành hai nguồn lực cơ bản nhất của quyền lực là bạo lực và của cải, nay tuỳ thuộc vào nguồn lực thứ ba là Tri thức. Cũng vì khoa học kỹ thuật lan tràn đặt trên cơ sở tri thức, và sự trao đổi tư tưởng đòi hỏi tự do, nên các nước Mỹ, châu Âu và Nhật đã có một nền kinh tế vượt xa các nước xã hội chủ nghĩa. Nhưng những khoa học kỹ thuật giống nhau cũng có thể tạo ra những bước nhảy vọt lớn mạnh về quân sự. Một chiến đấu cơ ngày nay là tương đương với một

máy điện toán có cánh. Hiệu quả của nó hầu như hoàn toàn tuỳ thuộc vào kiến thức đóng gói trong bộ phận điện tử hàng không. Hệ thống vũ khí và tri thức ẩn tàng trong vỏ não của phi công. Năm 1982 trong cuộc chiến ở Trung Đông, 80 chiến đấu cơ của Liên Xô chế tạo cung cấp cho Syrie đều bị phi công Do Thái huỷ diệt hoàn toàn, trong khi phi cơ của Do Thái không hề mất một chiếc khiến tập thể kế hoạch quân sự của Liên Xô đâm ra phát sốt, cho đến xe tăng của Liên Xô cũng bị vũ khí Do Thái phá hủy.

Mặc dù Liên Xô cũng có những chuyên gia khoa học quân sự lỗi lạc, có thừa khả năng tiêu huỷ cả địa cầu này ra tro. Thế nhưng họ không đuổi theo kịp các loại vũ khí và hệ thống chiến lược phòng vệ có kỹ thuật cao. Loại hình chỉ đạo tin học của vũ khí cổ điển (thật ra không còn chút gì là cổ điển cả) ngày càng tinh vi phức tạp đã uy hiếp được các ưu thế quân sự của Liên Xô lâu nay hằng duy trì tại các nước Đông Âu.

Đồng thời sự tập trung tri thức cao độ trong hệ thống sáng kiến chiến lược phòng ngự (SDI - Strategic Defence Initiative) trên căn bản cũng phủ nhận giá trị hoả tiễn tầm xa của Xô viết. Các nhà phê bình của hệ thống sáng kiến chiến lược phòng ngự (SDI) than phiền rằng hệ thống ấy không bao giờ hoạt động, nhưng lại rất có khả năng cảnh cáo Moscow. Thực ra, nếu như hệ thống

SDI có thể tập hợp tất cả phi đạn hạch tâm của Liên Xô, trước khi tập kích đến lãnh thổ Hoa Kỳ, thì nó sẽ trở thành vô hiệu lực. Điều đó cũng có nghĩa là Hoa Kỳ không lo sợ bị trả đũa, mà có thể chủ động khống chế đối phương trước.

Mặt khác, có vẻ hợp lý là nếu hệ thống SDI chỉ có một bộ phận có hiệu quả, thì chỉ phong toả được phần nào chứ không thể toàn bộ có đầu đạn. Điều đó sẽ khiến cho những nhà hoạch định chiến tranh của Liên Xô ngạc nhiên không dò la được những phi đạn lưu trữ của đối phương. Không kể đến một trường hợp khác, hệ thống SDI được nâng cao lên trước, trên lý thuyết Liên Xô có sử dụng vũ khí hạch tâm đi nữa (tuy nhiên không bao giờ có như vậy), bản thân Moscow cũng đầy nguy hiểm. Vì vậy, Liên Xô phải đương đầu với sự đe doạ trên mặt đất cũng như trong không gian.

Phải đương đầu với một thực tại hiển nhiên ở trước mắt, lại thêm bản thân kinh tế suy thoái, Moscow phải nhận định một cách hợp lý: với cái giá tổn phí quá cao, Liên Xô không thể nào dùng quân lực để bảo vệ cả khu Đông Âu.

Cuối cùng, những biến động phát sinh ở Liên Xô, không phải do ở quân sự hay kinh tế, mà chính là yếu tố “K” (Tức tri thức) - Ngày nay thế lực quân sự và kinh tế ngày càng tuỳ thuộc vào tri thức mới.

Yếu tố K cũng giúp để giải thích sự phân hóa

trong các quốc gia đang phát triển (developing countries) và vì sao mà ba yếu tố khác nhau cùng vùng dậy. Thí dụ, một khi hệ thống kinh tế tiên tiến nhất bắt đầu chuyển hướng qua khoa học kỹ thuật điện toán và cơ sở thông tin chỉ đạo, sản xuất ra những phụ gia giá trị cao, thì họ đem những gì trước đây dựa trên lao động cơ bắp, chuyển đến những nước mà cơ sở thông tin chỉ đạo còn thấp kém như Nam Triều Tiên, Đài Loan, Singapore, và ngày nay là Thái Lan cùng các nước khác. Nói một cách khác, tuỳ theo mô hình sáng tạo của cải của Làn sóng thứ ba mà các nước châu Âu, Nhật và Mỹ quốc đã chuyển hướng, họ sẽ đem nền văn minh của làn sóng thứ hai chuyển giao cho các nước trong khối thứ ba. Nhân đó mà nền công nghiệp của các nước tiến xa, và bỏ lại sau lưng họ những nước kém phát triển (gọi tắt là LDC).

Những nước có nền “kinh tế công nghiệp hóa mới” (newly industrialized economies) hay gọi tắt là NIE ngày nay đang quay đầu chạy đua chuyển giao nền công nghiệp của “Làn sóng thứ hai” đầy ô nhiễm với nhiều căn bệnh cung cấp cho các nước có nền kinh tế lạc hậu nghèo nàn hơn, để họ có điều kiện chuyển sang mô hình sản xuất tập trung tri thức hơn. Các nền kinh tế phát triển khác biệt nhau ấy đã làm phân hóa các nước kém phát triển với nhau.

Hãy nhìn trở lại công cuộc cạnh tranh giữa các nước tư bản với nhau châu Âu, Nhật và Mỹ. Sau thế chiến II, có thể nói chính sách của Mỹ rất thành công, một mặt họ giúp cho châu Âu và Nhật xây dựng lại nền kinh tế, một mặt thúc đẩy họ xây dựng lại cơ cấu công nghiệp bị đổ vỡ hoàn toàn trong chiến tranh. Điều này có nghĩa là châu Âu và Nhật có cơ hội bắt đầu làm mới lại, tận dụng khoa học kỹ thuật mới để thay thế cho những thiết bị quá cũ kỹ của thời tiền chiến. Trong khi đó Hoa Kỳ không hề bị chiến tranh tàn phá, nên cơ sở công nghiệp của nước này chỉ cần thay thế từ từ.

Vì nhiều lý do, bao gồm cả nhiều nhân tố, một nền văn hóa có định hướng tương lai, và sự kích động kinh tế của khu vực, kết quả từ cuộc chiến Việt Nam. Và dĩ nhiên, bởi cuộc sống quá khó khăn và tinh thần sáng tạo của thế hệ thời hậu chiến mà Nhật đi sau về trước, vượt lên địa vị hàng đầu, mắt họ luôn luôn hướng về thế kỷ XXI. Nền văn hóa luôn luôn đặt nặng vấn đề giáo dục, kiến thức doanh nghiệp và vai trò quan trọng của tri thức. Người Nhật chụp lấy máy điện toán và tất cả những gì xuất phát từ điện tử, khoa học kỹ thuật tin học với một tinh thần đam mê nồng nhiệt.

Nền kinh tế của Nhật từ cũ đổi ra mới với hệ thống sáng tạo của cải, ngày càng tăng vọt đến kinh ngạc. Nhưng kết quả đó đã đẩy Nhật vào cuộc cạnh tranh không thể tránh khỏi đối với Mỹ. Cuối

cùng châu Âu, sau những năm khủng hoảng thiếu trí tuệ, đâm hoảng sợ, vội vã bắt đầu phát động sự hợp nhất về kinh tế và chính trị giữa các nước để thành lập một Cộng đồng châu Âu.

Chúng ta sẽ quay trở lại bàn đến sự phát triển này, nhưng giờ đây cần phải nhận thức điều quan trọng sau đây: từng bước một, hệ thống làm ra của cải dựa trên cơ sở tri thức mới là một sự đóng góp chính yếu trong quá trình biến đổi quyền lực có tính chất lịch sử hiện nay đang tái tạo thế giới chúng ta. Sau đây chúng ta sẽ thấy sự thật ấy đã ảnh hưởng đến toàn thế giới đáng kinh ngạc biết bao.

NHANH VÀ CHẬM⁽¹⁾

Quyền lực thế giới ngày nay đang trải qua tình trạng không cân bằng, sự giàu nghèo giữa các quốc gia quá khác biệt. Quyền lực phân phôi không công bằng ấy ảnh hưởng đến cuộc sống của hàng triệu triệu con người, một khi hệ thống sáng tạo của cải mới được phổ cập sẽ có sự biến đổi mau lẹ.

Nhưng con người sau cuộc tiến hóa, hệ thống thần kinh lại có thể xử lý những thông tin một cách mau lẹ hơn. Đối với hệ thống kinh tế cổ xưa và tiên tiến mà nói thì cùng chung một đạo lý ấy. Theo lịch sử, quyền lực được sử dụng từ hệ thống chậm chạp chuyển sang hệ thống nhanh lẹ - nói về cá nhân hay quốc gia cũng thế thôi.

Trong hệ thống kinh tế nhanh nhẹn này, khoa học kỹ thuật tiên tiến làm tăng nhanh độ sản xuất. Nhưng đó mới là điều tối thiểu. Thật ra còn có nhiều

⁽¹⁾ Mục này đã in cuối phần đã xuất bản, nay để bảo đảm tính liên tục, chúng tôi vẫn in tiếp.

nhân tố mới quyết định sự nhanh chậm của hệ thống kinh tế như: Tốc độ giao dịch, thời gian cần thiết để quyết định (nhất là quyết định liên quan đến việc đầu tư), tốc độ hình thành các quan niệm mới, tốc độ tung ra thị trường những quan niệm mới, lưu thông tiền vốn, cho đến những điều cực kỳ quan trọng là số liệu, thông tin, toàn bộ tri thức trong hệ thống kinh tế phải điều động nhanh. Hệ thống kinh tế “nhanh” sáng tạo ra của cải và quyền lực, nó bỏ xa hệ thống kinh tế trì trệ chậm chạp.

Ngược lại trong xã hội nông nghiệp, quá trình tiến triển kinh tế từ từ như sự di động của các tảng băng hà. Nghi thức truyền thống dốt nát làm hạn chế khả năng chọn lựa của xã hội. Phương thức liên lạc cổ xưa làm cho giao thông trở thành khó khăn, trong hệ thống thị trường chưa phát triển, trước khi quyết định đầu tư, theo truyền thống người ta phó thác cho cấp chỉ huy kỹ thuật suy nghĩ quyết định. Theo nhà kinh tế học Don Lavoie thì “truyền thống là dựa vào các thứ quy tắc hay các điều cấm kỵ để bảo tồn những cái gì, kỹ thuật chỉ làm cho quá trình diễn biến của sinh vật và văn hóa trở nên chậm chạp để thích hợp với kỹ thuật xưa”. Nguyên do chỉ vì đa số con người trong cuộc sống tồn luân luôn đứng trên bờ thiếu thốn, khi muốn tiến hành một cuộc thí nghiệm nào đều thấy là nguy hiểm. Cho nên kẽ sáng tạo ra cái mới luôn luôn bị đàn áp, do đó mà phương pháp sáng

tạo ra của cải tiến triển chậm chạp cần phải trải qua nhiều thế hệ quan sát may mới thấy rõ. Cuối cùng cũng xuất hiện những đổi mới, nhưng cũng bị đình trệ hàng mấy trăm năm.

Cách mạng công nghiệp đã đột phá cả vùng trời đất mênh mông, nền kinh tế mới đã gia tốc thay thế những gì cũ kỹ. Hệ thống truyền bá và đường sá đã được cải thiện. Các xí nghiệp tiền phong muốn kiếm tìm lợi nhuận, là phải tìm kiếm các thứ canh tân.. Xã hội đã có thể nhờ vào doanh thu dồi dào mà giảm bớt phí thí nghiệm. Một nhà kinh tế học nổi tiếng là Lavoovie đã nói: “Hiện nay vấn đề thí nghiệm ít tốn kém hơn nhiều, phương pháp sản xuất (có thể) biến đổi nhanh chóng hơn”.

Tuy nhiên, tất cả những điều trên đây chỉ mới mở đầu cho mô hình kinh tế siêu tượng trưng mà thôi. Những mã số trên bao thuốc thơm, máy điện toán của Federal Expressy, máy đọc quang học (the scanner) trên quầy thu ngân của hãng Safewa, máy tự động tính tiền trong ngân hàng, mạng lưới thông tin của máy vi tính phổ cập khắp toàn cầu, người máy trên không, cho đến tin tức hóa về tư bản... Tất cả đó là hình thành bước đi cơ bản hệ thống kinh tế của thế kỷ XXI. Hệ thống kinh tế của thế kỷ sắp tới là tốc độ vận tác của phản ứng tức khắc (Real - time). Toàn bộ chu kỳ hệ thống sáng tạo của cải sẽ phát sinh ra cái gì?

Trong hệ thống chu kỳ ấy, các thứ thông tin

qua lại không ngừng nghỉ - Từ khoa học kỹ thuật tin học sáng chế ra các thứ cảm ứng, máy đọc quang học ở các tiệm buôn, cho đến xe cộ, phi cơ, tàu bè, cùng vệ tinh nhân tạo liên quan đến việc truyền bá thông tin. Những người quản lý có thể bất cứ thời khắc nào, tìm hỏi bất cứ công cụ giao thông nào đang biến động ở đâu? Dính liền với các thứ tin tức ấy, còn có vấn đề. Kết quả điều tra dân ý dân tình, không phút nào dừng, cho đến việc theo dõi hàng ngàn thông tin xuất phát ở các nguồn khác nhau. Các thứ hiệu quả tốc ấy là do việc tiết giảm thời gian của mỗi đơn vị để đạt được giá trị càng cao hơn trước. Cho nên mới phát sinh việc đổi diện với vòng quay, khiến đã nhanh lại càng nhanh hơn nữa, kết quả ấy không phải chỉ là tiến hóa, mà là mang tính chất cách mạng. Ngay cả các công tác quản lý tiến bộ nhất ngày nay, cùng phương thức lưu thông tài nguyên và các thứ tiết tấu phản ứng tức khắc cũng không có cách gì xếp chung lại luận bàn được. Huống chi, ngày nay tính tách rời phương thức tác nghiệp ấy, còn có khoảng cách khá dài, bẩn thỉu thời gian cũng đã thành biến số càng ngày càng là then chốt trong quá trình sản xuất. Cho nên kết quả tri thức được dùng để rút ngắn khoảng cách của thời gian. Quốc gia có khoa - kỹ cao thì thần kinh kinh tế phản ứng ngày càng nhanh. Đối với những nước mà khoa học kỹ thuật quá thấp hay không có khoa học kỹ thuật sẽ phát sinh những ảnh

hương gì, hiện nay chưa được mọi người lưu ý.

Cứ theo thời gian biến đổi mỗi ngày mỗi có giá trị, thì hình như nhân tố sản xuất truyền thống là nguyên liệu và nhân công lại càng ngày càng mất đi giá trị. Sau đây, chúng ta sẽ phát hiện ra rằng: Hiệu quả tăng nhanh có thể tức khắc biến đổi tất cả chiến lược phát triển kinh tế.

TRỞ VỀ CỐ HƯƠNG

Hệ thống sáng tạo của cải mới, bao gồm các thứ thị trường, ngân hàng, trung tâm sản xuất và phòng thí nghiệm tổ hợp lại thành mạng lưới toàn cầu. Giữa những đơn vị ấy, lượng trao đổi, số liệu thông tin và tri thức luôn luôn mỗi ngày mỗi bành trướng, ngoài ra còn tương hỗ qua lại tức khắc. Đó là hệ thống kinh tế “nhanh lẹ” của ngày mai. Hiện tượng gia tốc hay nhanh lẹ ấy của guồng máy biến đổi của cải, chính là nguyên động lực của nền kinh tế tiến bộ. Nó cũng là nguồn gốc của sức mạnh vĩ đại. Tách ra khỏi nó tức là bị loại trừ ra khỏi tương lai.

Cứ theo dòng chủ lưu của hệ thống sáng tạo của cải mới của toàn thế giới biến đổi, một nước muốn tiêu thụ một sản phẩm nào tức phải theo từng nước nếu có sản phẩm mà mình định mua. Nói như thế tức là: với hệ thống kinh tế trì trệ tất phải có phản ứng thần kinh mau lẹ, nếu không thì

có thể mất cả cơ hội thương thảo đầu tư và hợp đồng, hoặc bị đào thải ra ngoài cục diện. Đó là những dấu hiệu sớm nhất của sự phát triển.

Năm 1980 ở Mỹ mỗi năm chi tiêu cho khoản áo quần là 12 tỷ đô la, trong đó một nửa số lượng là do các xưởng ở hải ngoại cung cấp vì giá nhân công ở đây rẻ như Haiti và Hồng Kông v... Nhưng tương lai phần lớn công việc này sẽ chuyển hồi trở về Mỹ, mà lý do chỉ là vì “tốc độ”. Tất nhiên, khi xí nghiệp đầu tư ra nước ngoài hay quyết định mua một thứ hàng gì, thì phải chịu các thứ thuế khóa, nào thuế quan, nào vấn đề hối suất và còn chịu những ảnh hưởng về các yếu tố biến đổi khác. Nhưng về lâu về dài, sự biến động về cơ cấu giá cả mới là quan trọng (một phần là do sự xuất hiện vùng dây của hệ thống sáng tạo của cải mới), mà phải chuyển trả về Mỹ, Nhật và châu Âu các xí nghiệp và các hợp đồng đã ký với nước ngoài. Công ty Tandy là công ty chế tạo và bán sản phẩm điện tử, trước đây không lâu, đã chuyển việc sản xuất “máy tính màu Tandy” từ Nam Triều Tiên về lại Texas. Nhà máy ở Nam Triều Tiên là nhà máy từ động, nhưng nhà máy ở Texas lại hoạt động trên cơ sở “dây chuyền liên tục hoàn toàn” và có trang bị thí nghiệm tinh vi hơn. Ở Virginia, Tandy đã xây dựng một nhà máy tự động không cần đến nhân công, và trong một ngày nó có thể sản xuất 5.000 hệ thống loa phóng thanh (enclosure). Những sản

Phẩm này cung cấp cho các nhà chế tạo Nhật, mà trước đây người Nhật từng sản xuất với giá lao động rẻ ở Caribe. Công nghiệp điện toán tất nhiên là có tốc độ cực nhanh. Nhưng ngày nay trong một ngành công nghiệp chậm hơn, như công ty Arrow, là một trong những công ty may áo sơ mi lớn nhất của Mỹ, sau 15 năm hoạt động ở hải ngoại, mới rồi cũng đã chuyển 20% số sản xuất của công ty về nước Mỹ. Công ty Frederick Atking INC chuyên mua hàng cho các công ty bách hóa ở Mỹ, chỉ trong ba năm gần đây đã tăng số kim ngạch mua hàng từ 5% lên đến 40%. Những biến đổi nói trên, ít ra có thể tìm hiểu một phần, là trong hoạt động kinh tế yếu tố thời gian càng ngày càng quan trọng.

Vấn đề này đã được tạp chí Forbes trình bày: “Đối với các xí nghiệp may quần áo trong nước, khoa học kỹ thuật mới đang đem lại doanh thu hơn hẳn các xí nghiệp đối thủ ở châu Á. Do trào lưu biến ảo không thường, đến nỗi mỗi năm mẫu mã thời trang thay đổi đến 5, 6 lần, khiến các nhà bán lẻ không muốn còn hàng tồn kho. Điều này đòi hỏi các nhà sản xuất quần áo phải có phản ứng nhanh, cung cấp đủ kiểu, đủ cỡ, đủ màu với số lượng nhỏ. Còn các nhà cung cấp ở châu Á, cách xa nửa vòng trái đất, nên một số cần phải có những đơn đặt hàng trước ba tháng hoặc hơn”. Ngược lại, ngay giữa mùa buôn bán đất, tập đoàn Bennettor ở Italia cũng có thể giao hàng trong vòng từ 2 đến 3

tuần theo đơn đặt hàng. Hãng Haggar Apparel ở Dallas, trước khi phải mất 7 tuần lễ mới có thể cung cấp quần áo cho 2.500 khách hàng của mình, nay nhờ vào sự vận hành của mạng lưới điện tử, chỉ cần có 2 ngày là đã giao hàng đủ.

Hãy so sánh tình hình của các xưởng chế tạo ở Trung Quốc đang cần sắt thép. Vào năm 1988 Trung Quốc lâm vào cảnh thiếu sắt thép nhất trong lịch sử. Trong khi những nhà chế tạo kêu gào được cung cấp sắt thép, thì 40% sản lượng sắt thép hàng năm của đất nước nằm chết trong kho của Tổng công ty kho tàng và vận chuyển của Trung Quốc (STGC). Tại sao vậy? Bởi vì công ty này đã làm điều mà nhân dân các nước có hệ thống kinh tế nhanh nhẹn không sao tưởng tượng nổi, đó là mỗi năm họ chỉ giao hàng có hai lần. Việc thiếu thép khiến cho giá thép lên cao như tên lửa, rồi gây ra nạn chợ đen, việc gian lận lan tràn, các xí nghiệp lâm vào tình trạng khủng hoảng, phá sản. Thế mà người quản lý công ty STGC không hề mảy may quan tâm, cũng chẳng chịu gia tăng việc giao hàng. Tất nhiên đó là một ví dụ có vẻ cực đoan, nhưng không phải là một ví dụ độc nhất.

Bức tường ngăn cách giữa một bên là các nước nhanh nhẹn, một bên là các nước chậm chạp trì trệ cứ mỗi ngày mỗi lên cao. Những phương án đầu tư hợp tác giữa hai quốc gia “nhanh nhẹn và chậm chạp” đa phần bị đổ gãy, nguyên nhân chỉ vì trình độ văn

hóa và khoa học kỹ thuật chênh lệch. Sự cung ứng hàng hóa của các quốc gia phát triển chậm thường không đúng kỳ hạn như cam kết, do đó mà việc mua bán trở thành chìm xuồng. Sinh hoạt kinh tế khác nhau trong thế giới khiến cho sự giao lưu văn hóa khó mà tiên tiến. Những cán bộ lãnh đạo trong các nước này phần lớn không hiểu rõ tầm quan trọng của thời gian như thế nào đối với các quốc gia nhanh nhẹn. Nhân đó làm họ cho rằng đối với việc đòi hỏi tốc độ nhanh nhẹn là phi lý, bá đạo. Thế nhưng đối với các nước nhanh nhẹn thì không có gì quan trọng bằng thời gian. Giao hàng chậm trễ thì cũng tệ hại như không giao hàng.

Do không đủ tin cậy, cần phải thương thảo trở lại, gây ra những tổn thất thiệt hại, cho đến việc phúc đáp, thông tin chậm trễ không đạt yêu cầu, những thứ đó làm cho giá trị thành phẩm tăng lên. Nó làm giảm mất ưu thế cạnh tranh của lao động giá rẻ trong nền kinh tế trì trệ. Đồng thời sự trễ nải kéo dài, thời gian sai lệch, tính chất thất thường, sự việc quan liêu, chưa kể quyết định chậm chạp cũng làm tăng thêm giá cả sản phẩm - những sự kiện ấy không thúc đẩy cho sự tiến triển mà thường gây ra tệ nạn hối lộ. Hệ thống kinh tế tiến bộ luôn luôn coi tốc độ là quyết định quan trọng. Một số những nhà quản lý coi quyết định đang tiến hành (decisions in process) gọi tắt là DIP là một thứ “bán thành phẩm” cũng quan trọng

giống như giá cả một thành phẩm. Họ đang chủ trương lấy “trình tự quyết định song song” để đă phá chế độ quan liêu. Họ hay nói đến “tốc độ thâm nhập thị trường”, “phản ứng nhanh” “vòng quay nhanh”, cho đến việc “chủ động cạnh tranh thời gian”. Như các hệ thống “giao hàng đúng lúc” càng ngày càng đòi hỏi thời điểm phải chính xác. Điều ấy chứng tỏ người bán hàng phải đáp ứng những đòi hỏi về giờ giấc một cách nghiêm chỉnh hơn trước, và hạn chế tối đa việc đòi hỏi thời gian.

Do đó người mua hàng ở nước ngoài càng ngày càng đòi hỏi phải giao hàng thường xuyên và đúng thời hạn. Cho nên những người cung cấp sản phẩm ở các nước trì trệ buộc phải duy trì hàng tồn kho khá lớn, hay phải kéo dài thời hạn tồn kho, với nguy cơ hàng tồn kho có thể bị hạ giá hay bị đào thải không bán được. Những đòi hỏi cấp bách mới trong hoạt động kinh tế ngày nay đã quá rõ ràng. Việc cung cấp hàng hóa của các nước đang phát triển tất phải thúc đẩy nâng cao tốc độ kỹ thuật của chính họ, đạt đến tiêu chuẩn thế giới, nếu không thì thị trường của họ sẽ bị thảm cảnh đào thải ra ngoài, trở thành nạn nhân của tác dụng “chạy nhanh”.

VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC

Theo hệ thống sáng tạo của cái mới, trên thế giới xuất hiện trực tiếp hoặc gián tiếp ba biến số

lớn nổi bật, càng làm tăng thêm nhiều nước nghèo sẽ bị cô lập hay đứng ngoài hệ thống kinh tế sôi động ấy chỉ vì mang tính chất trì trệ chậm chạp.

Các nước kém phát triển cuối cùng có hay không có một sức mạnh kinh tế? Câu giải đáp trước nhất là phải tìm hiểu họ muốn bán thứ gì và cho nước nào. Chúng ta có thể thấy rõ thứ tài nguyên mà chỉ có một thiểu số quốc gia trong một thời điểm nào đó có thể cung cấp cho toàn cầu những khu vực nào của nó mà thôi: đó là vị trí chiến lược.

Thông thường các nhà kinh tế học không sao nhận thức được rằng vị trí chiến lược quân sự là tài nguyên có thể bán được. Nhưng đối với các nước kém phát triển mà nói, thì đó là một tài nguyên kinh tế không có khẩu trừ gì cả. Những nước có chủ trương tìm kiếm sức mạnh chính trị, quân sự lại thường chuẩn bị mua thứ tài nguyên đó. Ngày nay nhiều nước kém phát triển đều đem vị trí địa lý hay các khu thiết lập quân sự của họ để nhượng hay cho một nước khác thuê, vì những mục tiêu quân sự, chính trị hay tình báo.

Trong gần một nửa thế kỷ “chiến tranh lạnh” dù là nước nghèo nhất đi nữa, chỉ cần có một vị trí chiến lược thích đáng, thì cũng có cái gì đó có thể nhượng lại cho nước nào trả giá cao nhất. Một số nước như Ai Cập tìm cách bán ân huệ của họ cho một siêu cường, rồi sau đó bán cho một siêu cường

khác. Nhưng khi mối quan hệ giữa các siêu cường giải toả một tầng băng, là một tin lành cho thế giới, thì với 1 số nước lại là một tin xấu. Vì những nước này đã từng thành công trong việc bán các vị trí chiến lược của họ. Từ nay trở đi, hai khách hàng vĩ đại tranh nhau qua vị trí chiến lược chắc chắn không còn thi đua nhau mặc cả như họ đã làm trước đây. Ngoài ra do việc thiết lập hậu cần được cải thiện, phi cơ và phạm vi công phá của phi đạn đã mở rộng, tiềm thuỷ định đã chờ được trọng lượng quá lớn, cho đến vai trò quân sự trên không trung đã tăng tiến nhanh, thì nhu cầu về các căn cứ, các trạm sửa chữa, cung cấp ở nước ngoài sẽ giảm đi. Do đó các nước kém phát triển phải thấy, nghĩ đến giai đoạn kết thúc rồi. Trừ phi được thay thế bằng những hình thức viện trợ quốc tế khác, nếu không thì danh nghĩa “viện trợ nước ngoài”, viện trợ quân sự với hàng tỷ đô la sẽ không có nữa. Hãy tính đến thế lực cường quyền trong tương lai (không kể là ai) còn muốn tiếp tục thiết lập căn cứ ở nước ngoài, đặt các trạm vệ tinh thám thính hay phi trường, hải cảng đi nữa, thì hợp đồng cho thuê cũng chỉ trong một giai đoạn ngắn mà thôi. Sự biến đổi quá mau ngày nay làm cho tất cả các quan hệ liên minh trở thành tinh tế và tạm thời hơn, không khuyến khích các cường quốc có những đầu tư dài hạn ở những địa phương xa xôi nhất định như trước nữa. Tương lai, thực tế chiến tranh, tiềm

tàng ở sự uy hiếp và các thứ bạo loạn sẽ xảy ra ở những nơi bất ngờ nhất. Do đó, giới quân sự của các cường quốc sẽ tiếp tục tăng cường các lực lượng cơ động nhanh lẹ. Sử dụng hải quân và các hoạt động không quân chứ không cần thiết lập những cơ sở cố định. Tất cả điều này sẽ làm giảm sức mạnh mặc cả của những nước có địa điểm then chốt cho mướn hay nhượng địa. Cuối cùng sự vùng dậy trở lại của sức mạnh quân sự Nhật trong Thái Bình Dương, rất có thể khiến các nước như Philipin và ở Đông Nam Á sẽ có thể hoan nghênh sự lưu trú của lực lượng Mỹ hay nước nào khác để đối đầu với sự uy hiếp của Nhật. Đi xa hơn một chút, điều ấy rất có thể khiến các nước kém phát triển chẳng những không lấy tiền thuê mướn, mà còn mong mỏi “miễn phí” để có được sự bảo vệ.

Những cuộc chiến tranh mới mẻ bùng nổ ở các khu vực cũng như những vụ bạo động bên trong của các nước sẽ làm cho việc buôn bán vũ khí tiếp tục phát triển. Nhưng dù xảy ra việc gì, cần đến viện trợ của Mỹ hay Liên Xô cũng sẽ không được dễ dàng như xưa. Điều đó sẽ đánh đổ cán cân quyền lực mong manh trong các nước kém phát triển (như giữa Ấn Độ và Pakistan chẳng hạn), đồng thời cũng gây ra sự thay đổi mạnh mẽ quyền lực nội bộ của các nước kém phát triển, đặc biệt giữa các nhóm cấp trên có liên hệ với chương trình viện trợ, chương trình cung cấp quân sự và các

hoạt động tình báo (đôi khi là sự tham nhũng). Tóm lại thời hoàng kim của chiến tranh lạnh đã qua rồi. Làn sóng chuyển đổi quyền lực trong tương lai phức tạp hơn nhiều. Và thị trường cho các vị trí chiến lược trong các nước kém phát triển sẽ không còn như cũ nữa.

VẤN ĐỀ NGUYÊN LIỆU

Một quả đấm thứ hai như đang đợi chờ đập vào những nước đặt kế hoạch phát triển của họ trên cơ sở xuất khẩu nguyên liệu như đồng hay bô-xít. Ở đây, sự biến đổi quyền lực cũng đang chập chờn trước mắt.

Sự sản xuất hàng loạt đòi hỏi tiêu hao nhiều mà tài nguyên lại ít. Ngược lại, theo phương pháp phổ biến, sản xuất không hàng loạt mà là nhiều kiểu mẫu khác nhau, người ta lại cần nhiều thứ tài nguyên khác nhau, mà đặc biệt sự tiêu hao lại ít đi.

Hơn nữa, hệ thống sản xuất mới trên toàn cầu gia tăng thay thế hệ thống cũ, điều đó chứng tỏ rằng ngày nay vấn đề tài nguyên còn cần thiết, nhưng đến ngày mai thì có thể không còn giá trị gì nữa. Giống như vậy, đối với tất cả các công nghiệp khai mỏ, đường sắt, hải cảng và các phương tiện thiết lập để vận chuyển các tài nguyên rồi cũng chẳng có giá trị gì. Trái lại những gì là rác rưởi chẳng đáng giá một đồng, một cắc của ngày nay,

cũng có thể đột nhiên trở thành giá trị cao trong tương lai.

Trong quá khứ, dầu mỏ bị xem là đồ bỏ, cho đến khi có khoa học kỹ thuật mới, nhất là máy nổ đốt bên trong (loại diesel?) làm cho nó trở thành lẽ “sống còn”. Titanium vốn là một thứ bột trắng ít dùng, cho đến khi chế phi cơ và tàu ngầm thì nó trở thành có giá trị. Nhưng thời đó, tốc độ khoa học kỹ thuật mới còn là quá chậm, không như ngày nay, tất nhiên nó đã được thay đổi rồi. Hãy đưa ra một ví dụ, như thể siêu dẫn đã làm giảm thấp những tổn phí về việc truyền dẫn năng lượng. Tương lai đối với nhu cầu năng lượng của đại chúng sẽ giảm bớt. Cùng lúc thể siêu dẫn cũng đòi hỏi những nguyên liệu mới để sử dụng nó. Cơ cấu mới chống ô nhiễm của xe hơi không còn phụ thuộc vào chất platinum. Sự chế tạo dược phẩm mới sẽ cần đến những chất hữu cơ, điều ấy không phải con người ngày nay không biết đến. Cuối cùng những biến đổi ấy sẽ khiến các nước nghèo trở thành những nước cung cấp tài nguyên quan trọng, và đồng thời làm giảm sút các nước có nguồn xuất khẩu to lớn.

Điều đáng nói hơn nữa là Unberto Columbo - chủ tịch Uỷ ban khoa học kỹ thuật cộng đồng châu Âu - từng tuyên bố: “Trong các xã hội tiên tiến và giàu có sự thu nhập của đầu người trong nước mỗi ngày mỗi gia tăng thì sự tiêu hao tài nguyên, và

nguồn năng lượng mỗi ngày mỗi giảm bớt. “Columbo còn đưa ra những con số của quỹ tiền tệ quốc tế: “Năm 1984 Nhật chỉ sử dụng 60% nguyên liệu tương đương với sản lượng sản xuất của năm 1978”. Tri thức tiên tiến giúp chúng ta càng ngày càng sản xuất ra nhiều sản phẩm nhưng lại càng ít dùng đến nguyên liệu. Trong quá trình đó quyền lực sẽ không còn ở trong tay người sản xuất ra nguyên liệu nữa. Ngoài ra tri thức khoa học phát triển quá mau, cũng làm tăng thêm khả năng sáng tạo ra những chất thay thế cho nguyên liệu cần nhập khẩu. Thật vậy, hệ thống kinh tế tiên tiến có rất nhiều khả năng “từ không làm ra có” như tạo ra các chất Nanocomposite là thứ nguyên liệu tinh vi. Các nước có khoa học kỹ thuật cao càng ngày càng hiểu rõ “vi xử lý” những vật liệu thô sơ, cũng càng ngày càng không lệ thuộc đến việc nhập khẩu những nguyên liệu từ nước ngoài.

Khó mà nắm vững hệ thống của cải mới, vì nó biến đổi quá mau, nên không thể bị ràng buộc vì một vài nguyên liệu “không thể có hay khiếm khuyết” được. Do đó, quyền lực sẽ từ kẻ nắm trong tay những nguồn sản xuất số lớn nguyên liệu, chuyển dời sang người nắm được số lớn nguồn vật tư mà trước kia cho là quan trọng. Hơn nữa lại từ những tay này chuyển sang những kẻ có thừa tri thức để sáng tạo ra những nguyên liệu mới.

GIÁ NHÂN CÔNG RẺ

Tất cả những gì vừa nêu đã tiêu tan. Nhưng còn một đòn thứ ba khiến các quốc gia kém phát triển khó mà hưởng thụ, hơn nữa còn biến đổi các mối quan hệ quyền lực giữa họ với nhau. Kể từ sau khi thời đại công nghiệp bắt đầu phát triển, các nhà sản xuất tư bản chủ nghĩa theo đuổi tìm kiếm giá nhân công rẻ. Sau khi chiến tranh thế giới lần 2 kết thúc, việc săn lùng nguồn lao động rẻ ở nước ngoài đã thành một phong trào lao xao như ong.

Nhiều nước đang phát triển đánh cuộc toàn bộ tiền đồ kinh tế của họ trên lý luận rằng “bán lao động giá rẻ sẽ có thể tiến đến sự nghiệp hiện đại hóa”. Một số khác như bốn con rồng nhỏ của Đông Á là Nam Triều Tiên, Đài Loan, Hồng Kông và Singapore, thậm chí đã thắng trò đánh cuộc này. Thành tựu ấy là do tinh thần làm việc của một nền văn hóa vững chắc, và các yếu tố đặc hữu của họ. Trong đó còn có một sự thật phũ phàng là cuộc chiến ở Triều Tiên năm 1950 và cuộc chiến ở Việt Nam năm 1960 -1970 đã đổ vào những khu vực ở Đông Á hàng tỷ đô la. Do sự thành công của các con rồng châu Á đó, ngày nay hầu như người nào cũng tin rằng: từ nguyên liệu nông sản phẩm xuất khẩu, chuyển sang xuất khẩu những sản phẩm chế tạo bằng giá nhân công rẻ là con đường đưa đến phát triển. Tuy nhiên theo quan điểm dài hạn, lại

không có cái để so sánh với hiện tượng gần như hoang đường này. Trò chơi của lao động giá rẻ đến nay vẫn còn được sử dụng tại nhiều nơi trên thế giới. Ngay cho đến bây giờ Nhật đang chuyển sang các hợp đồng và xí nghiệp của họ từ Đài Loan, Hồng Kông sang Thái Lan, Philipener, Malaixia và đại lục Trung Quốc. Vì tiền lương ở Đài Loan, Hồng Kông đã lên cao, trong khi ở những nước sau này chỉ bằng 1/10 của Nhật. Đối với các nước giàu có chắc chắn vẫn còn nhiều cơ hội để họ tìm những lao động rẻ trong các nước kém phát triển.

Thế nhưng cũng giống như việc thuê mướn các căn cứ quân sự, hay xuất khẩu khoáng sản, việc bán lao động giá rẻ cũng chỉ đạt tới giới hạn của nó. Lý do rất đơn giản, trong hệ thống sáng tạo của cải mới xuất hiện, lao động giá rẻ càng ngày càng tăng giá. Theo hệ thống của cải mới mở rộng thì bản thân giá thành lao động chiếm một tỷ lệ nhỏ trong sản xuất thành phẩm. Trong một số ngành công nghiệp ngày nay chi phí về lao động chỉ chiếm 10% của toàn bộ sản xuất thành phẩm. Đem tổng sản lượng thành phẩm chỉ chiếm 10% chi phí mà tiết giảm đi 1% thì chúng tôi đã hạ thấp 1/1000 của thành phẩm. Một cách tương đối so sánh với khoa học kỹ thuật tiến bộ, và lưu thông thông tin mau lẹ, giảm thấp lượng tồn kho hay giảm bớt tổ chức sẽ tiết giảm được giá thành phẩm vượt xa hơn là bất cứ sự tiết kiệm nào trích từ tiền

công lao động. Đó là lý do vì sao một xí nghiệp tiên tiến ở Nhật, hay Mỹ chỉ dùng số ít nhân viên có trình độ giáo dục cao và trả lương cao vẫn có lợi hơn so với cơ sở kinh doanh kém, nhân viên giúp việc phần lớn không có trình độ giáo dục cao và đồng lương quá thấp. Đúng như Columbo đã nói: “Lao động giá rẻ không đủ để bảo đảm ưu thế thị trường đối với các nước đang phát triển”.

SIÊU TỐC ĐỘ

Sự phân chia ra một bên là nền kinh tế nhanh nhẹn, gia tốc một bên là nền kinh tế trì trệ, trong quá trình phân chia ấy có thể bao gồm toàn bộ cái gọi là “phương Nam” sẽ gây ra một sự chuyển đổi quyền lực to lớn trên toàn thế giới, và đem lại cho cả hành tinh một cú sốc lớn. Ngày nay đối với dân số quá đông trong các nước nghèo khổ trên hành tinh này, hệ thống sáng tạo của cải mới cũng có khả năng đem lại cho họ một đời sống sáng sủa.

Trong khi các xưởng chế tạo ở nhiều nước chậm phát triển hiện đang chờ nguyên liệu thép, cũng như cùng lúc các hệ thống kinh tế truyền thống chậm chạp lê từng bước, thì Mỹ, Nhật, châu Âu, và cả Liên Xô khập khẽnh một chân lại đang đem toàn lực xúc tiến kế hoạch chế tạo những máy bay phản lực siêu âm (hypersonic), có khả năng trọng tải 250 tấn vừa hành khách và hàng hóa bay

theo tốc độ 5, nghĩa là xuất phát từ Tokyo (Nhật) đến New York (Mỹ), Sidney (Úc), London (Anh) và Los Angeles (Mỹ) chỉ mất 2 giờ 30 phút. Nguyên giám đốc nổi tiếng của cơ sở nghiên cứu chứng khoán Nomura, và nay là Cố vấn cao cấp cho Viện nghiên cứu Mitsui là Tokuyama - Jiro, đang cầm đầu một nhóm nghiên cứu kế hoạch để đối phó với 15 nước gọi là 3T: tức là Thông tin điện tử (Telecommunication), giao thông vận tải (Transport) và du lịch (Tourism). Kế hoạch này được Ủy ban Hợp tác kinh tế Thái Bình Dương đỡ đầu. Mục tiêu tập trung vào ba hạng mục vừa nêu là nhân tố then chốt có khả năng ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế tương lai trong các khu vực. Tokuyama từng phân tích: đến cuối thế kỷ này lưu lượng giao thông trên không của khu vực Thái Bình Dương có khả năng lên đến 134 triệu lần. Ông cũng chứng minh, theo thống kê của Hiệp hội xí nghiệp hàng không Nhật (The Society of Japanese Aerospace Companies) tương lai phải chế tạo từ 500 đến 1000 chiếc phản lực siêu âm. Phần nhiều trong số đó đều bay trên các tuyến ở châu Á, đẩy nhanh sự phát triển kinh tế của vùng này, đồng thời cũng xúc tiến mau lẹ hệ thống viễn thông. Trong một chương của bài luận văn nghiên cứu 3T, Tokuyama nói rõ: Sự phát triển này rất thích hợp đối với các phương diện thương mại, xã hội cũng như chính trị. Đồng thời ông cũng mô tả nội dung báo cáo của một

công ty xây dựng Nhật - họ đề nghị xây dựng một hòn đảo nhân tạo với bờ dài 5 km để làm sân bay tăng thêm giá trị hàng không (Value Add Airport) - VAA. Sân bay này một mặt có thể dùng cho máy bay phản lực siêu âm lên xuống, một mặt dùng làm trung tâm hội nghị quốc tế, có khu buôn bán cùng các phương tiện khác, nối liền với khu vực đông dân bằng xa lộ.

Trong khi đó tại Texas, nhà tỷ phú H. Ross Perot cũng đang xây dựng sân bay với những cơ sở chế tạo sản xuất tiên tiến chung quanh. Theo ông ta suy nghĩ, nơi đây máy bay sẽ lên xuống ngày đêm, và chở đến những bộ phận để chế biến hay lắp ráp suốt đêm tại cơ xưởng ở sân bay, để sáng hôm sau, các máy bay phản lực sẽ mang thành phẩm đến khắp nơi trên thế giới. Trong lãnh vực viễn thông điện tử, các hệ thống kinh tế tiên tiến vì tương lai hệ thống siêu tốc độ vận chuyển cũng vội vàng đầu tư hàng tỷ đô la để củng cố mạng lưới điện tử theo nhu cầu. Mạng lưới siêu trí tuệ cũng đang mở rộng mau lẹ. Trước mắt một số các nhà tiếng tăm đang có kế hoạch xúc tiến, sáng tạo một mạng lưới điện tử siêu cấp nối liền hàng ngàn phòng thí nghiệm và các nhóm nghiên cứu trên toàn nước Mỹ (Những mạng lưới hiện có chuyển 1,5 triệu mẩu tin trong một giây đồng hồ đã bị xem là quá chậm. Mạng lưới đang được đề nghị mỗi giây có thể chuyển 3 tỷ mẩu tin). Người đề xướng ra mạng lưới ấy nhận định

rằng: Hệ thống mạng lưới mới rất cần thiết vì mạng lưới hiện có so ra quá chậm vì đã bị tắc nghẽn và quá tải. Họ lập luận rằng dự án này đáng được Chính phủ ủng hộ vì nó có thể giúp cho Mỹ giữ được vị trí hàng đầu đối với châu Âu và Nhật trong lãnh vực mà Mỹ từng dẫn đầu.

Tuy nhiên đây chỉ là một phương án đặc biệt so ra không khác mấy với bài học phổ thông. Theo lời của Mitch Kapor - người sáng lập ra công ty phát triển thể mềm Hoa Sen, một cơ sở chế tạo khổng lồ - “Chúng ta cần xây dựng một hệ thống mạng lưới thông tin mang tính toàn quốc. Mạng lưới chuyển tải ấy cần đầy đủ, có thể so sánh với việc xây dựng hệ thống xa lộ trên toàn nước Mỹ trong thập niên 50-60”. Có một thí dụ thích hợp đó là nhu cầu mạng lưới thông tin điện tử ngày nay giống như nhu cầu hệ thống công lộ và đường sắt trong buổi đầu của cuộc cách mạng công nghiệp.

Cho nên sự biến đổi đang phát sinh ngày nay là: sự xuất hiện của hệ thống thần kinh điện tử trong nền kinh tế. Không có hệ thống thần kinh ấy bất cứ quốc gia nào dù có bao nhiêu công nghiệp ống khói cũng chắc chắn sẽ bị đào thải mà thôi.

RẠNH GIỚI ĐIỆN TỬ

Đối với nước kém phát triển (cũng như đối với các nước khác trên thế giới), xuất phát của quyền

lực đều là từ khẩu súng, túi tiền và quyển sách, hoặc trong ngày nay là máy điện toán. Trừ phi chúng ta muốn có thế giới trong trạng thái vô chính phủ, với hàng tỷ con người nghèo đói, nhao nhao chờ từng bữa ăn, hoặc tệ hơn nữa, là những nhân vật lãnh đạo không ổn định, điều khiển một guồng máy Nhà nước hỗn loạn (tuy lúc có thể bấm nút phóng phi đạn hay phát động cuộc chiến tranh hóa học vi trùng). Nếu không thì chúng ta cần phải có một chiến lược toàn cầu, hầu ngăn chặn nguy cơ chia phân ra quốc gia tiến nhanh và quốc gia trì trệ.

Một công trình nghiên cứu về “những đòi hỏi tình báo cho những năm 1990” do các chuyên gia học viện ở Mỹ thực hiện (Intelligence Requirements of 1990's) từng trình bày rằng: Chỉ trong vòng mấy năm trở lại đây, các nước kém phát triển sẽ có những vũ khí mới tinh vi, trong khi kho vũ khí to lớn của họ được tăng thêm hoả lực một cách kinh khủng. Tại sao vậy? Vì theo sức mạnh kinh tế của các nước kém phát triển bị suy giảm, những nhà cai trị của họ sẽ đứng trước thế lực chính trị chống đối và bất ổn định. Trong tình trạng như vậy, họ có thể sẽ áp dụng những biện pháp mà từ xa xưa các nhà thống trị đã từng hành động là: giành cho được hình thái nguyên thuỷ của quyền lực: là sức mạnh quân sự.

Nhưng nhược điểm quan trọng của các nước kém phát triển vẫn là tri thức liên quan đến kinh

tế. Con đường quyền lực và phát triển kinh tế của thế kỷ XXI không còn là con đường khai phá từ nguyên liệu và gân cốt của con người. Mà như chúng ta đã thấy là phải vận dụng con đường Tâm Trí mà thôi. Do đó nếu không thấu triệt được vai trò mới mẻ của tri thức trong hệ thống sáng tạo của cải, và theo đó mà không đẩy mạnh hiệu lực tăng nhanh thì bất cứ chiến lược phát triển kinh tế nào cũng đều không có ý nghĩa gì cả. Do vai trò đóng góp của tri thức càng ngày càng thành then chốt trong hoạt động kinh tế (theo định nghĩa của chúng tôi thì tri thức là bao gồm những điều kiện như giả thiết, giá trị, hình ảnh, sự kích động cùng với khả năng kỹ thuật chính xác). Những nước như Bresil, Nicarawa, Bangladest, Haiti... cần phải suy sét làm thế nào mới có thể đạt đến con đường tốt đẹp là sáng tạo được các thứ tài nguyên đó.

Sự thật ở trước mắt là tại miền đông bắc Bresil hay bất cứ một nơi nào trên thế giới, mà trẻ con phải khổn khổ do không được học hành hay do thiếu dinh dưỡng mà tâm trí không phát triển thì nơi đó chúng tỏ vĩnh viễn không có tương lai. Điều cần thiết là các nước ấy phải vứt bỏ mô thức xưa cũ của thời đại công nghiệp, mà thay thế vào phương thức giáo dục mới mẻ mang tính chất cách mạng. Tìm kiếm tri thức ở những nơi khác cũng là điều tất yếu. Có khi phải đập phá một số truyền thống, thậm chí có thể dùng con đường phi pháp. Ngày

nay việc ăn cắp kỹ thuật bí mật cũng là nghiệp vụ khá lưu hành trên toàn cầu. Chúng tôi nghĩ rằng các nước kém phát triển khôn ngoan cũng sẽ tham gia vào cuộc săn đuổi phi pháp này.

Ngoài ra còn một lối thu hoạch tri thức nữa là: thu hút tri thức bằng cách khai thông một số trẻ ngai, hoặc lôi kéo một nhóm nghiên cứu, có thể trong một phạm vi nhỏ mà đạt được mục đích. Như có một số nước khôn ngoan nhận định rằng: trên thế giới mỗi nơi đều có một thiểu số phần tử có khả năng có thể lợi dụng. Thiếu số này thường bị áp bức hay có thể bị hại, chỉ cần chụp được cơ hội thì bọn họ có ngay biện pháp giúp đỡ cho nền kinh tế hoạt động trở nên hữu hiệu. Đó là những Hoa kiều ở Đông Nam Á, người Ấn Độ ở miền Đông Phi, người Do Thái ở Mỹ, người Nhật ở Brasil... Tất cả họ đều đã đóng vai trò ấy. Những người đó khi bị đưa đến một nền văn hoá khác, không phải chỉ mang theo năng lực, cùng sự nhạy bén về kỹ thuật và thương mại, mà còn tâm thái yêu chuộng tri thức - Họ như kẻ đói khát một thứ thông tin mới mẻ, những quan niệm, những kỹ thuật. Nhóm người ấy còn đưa lại một loại khí lực kinh tế từ ngoài đến. Họ làm việc hết mình để có những phát minh mới lạ, dạy dỗ con cái họ và dù cho họ trở nên giàu có trong quá trình phấn đấu, họ vẫn tiếp tục khuyến khích và tự mình thúc đẩy mau lẹ phát triển hệ thống kinh tế nước chủ nhà. Chắc chắn

chúng ta sẽ thấy các nước kém phát triển săn tìm từ xứ các nhóm người ưu tú đó, lôi kéo họ về định cư trong nước mình, với hy vọng họ chích chất Adrenaline cần thiết cho nền kinh tế. (Trong chiến tranh thế giới lần thứ 2 giới quân sự Nhật đã thực sự thảo ra kế hoạch chuẩn bị đưa những người Do Thái lang thang ở châu Âu sang đông bắc Trung Quốc (lúc đó gọi là Mãn Châu quốc) để thực hiện mục đích nói trên. Tuy nhiên kế hoạch gọi là "Fugu" cuối cùng không thực hiện được).

Những chính phủ sáng suốt cũng biết khuyến khích tuyên truyền rộng rãi các hội, các tổ chức tư nhân, vì chính những tổ chức này mới có thể có những báo chí, hội họp, thảo luận, ra nước ngoài tham quan du lịch, trao đổi thông tin, đẩy nhanh các đoàn thể mậu dịch, các nhà ngân hàng, ký giả, những kỹ sư chất dẻo, kỹ sư thiết lập chương trình, tổ hợp thành những hiệp hội có thể bổ sung cho các lãnh vực liên quan nhau, trao đổi nhanh các nguồn thông tin về cái gì làm được và cái gì không làm được. Vai trò chủ yếu của những đoàn thể ấy là môi giới thông tin lại thường bị lãng quên. Chính phủ nào lo lắng về sự phát triển kinh tế tất phải thừa nhận rằng sự tự do tư tưởng sẽ đem lại ý nghĩa mới trong hoạt động kinh tế. Nếu không cho tự do lưu hành quan niệm mới (trong đó bao gồm các quan niệm chính trị và kinh tế không tốt đối với guồng máy chính trị đương nhiệm), như

thể rõ ràng chứng tỏ Nhà nước ấy yếu ngay từ xương tuỷ. Hơn nữa cũng chứng tỏ người nắm quyền tự coi địa vị mình quan trọng hơn là việc cải tiến điều kiện sinh hoạt kinh tế cho nhân dân. Thường là chính phủ tự nhận định phải kết hợp với thế giới mới, thì nhất định sẽ mở rộng quyền tự do cho công chúng được thảo luận công khai. Ngoài ra còn có một số Nhà nước sẵn sàng tham gia vào “liên minh tri thức” cũng là cách cùng với các quốc gia khác hay các xí nghiệp trên thế giới kết hợp giao du mật thiết, để thăm dò khả năng phát triển khoa học kỹ thuật tương lai, nhất là phương diện sản xuất các nguyên liệu mới. Những chính phủ ấy không chịu tử thủ với những tín điều dân tộc cổ hủ lỗi thời, họ sẽ theo đuổi lợi ích quốc gia một cách cuồng nhiệt, nhưng cũng rất khôn khéo và sáng suốt. Xứ Brasil đã từng từ chối khoản tiền quyền lợi kỹ thuật mà các xí nghiệp dược phẩm ngoại quốc trả cho họ. Lý do thật rõ ràng: Sức khoẻ con người cao hơn là vấn đề tiền bạc. Tương lai, các chính phủ ấy sẽ thích thú trả tiền về các thứ nguyên lợi kỹ thuật ấy. Nhưng tiền đề là: khoản tiền ấy cần lưu lại trong nước họ trong một thời gian nhất định, cùng dùng vào việc tài trợ cho chương trình nghiên cứu tiền hành hợp tác với các chuyên gia và xí nghiệp chế dược đang có ở trong nước. Trong chương trình hợp tác nghiên cứu chế tạo ra sản phẩm, lợi nhuận có thể do nước chủ nhà

và xí nghiệp nhiều nước cùng hưởng. Áp dụng phương thức trả tiền quyền lợi ấy, đổi với việc chuyển dời kỹ thuật và bản thân họ đều có lợi. Do đó chủ nghĩa quốc gia có hiệu quả sẽ thay thế cho chủ nghĩa quốc gia lối thời đang tự huỷ.

Cũng giống như vậy, các chính phủ sáng suốt nhiệt liệt hoan nghênh các máy điện toán tối tân đem vào nước họ, mà không quan tâm đến người sáng tạo là ai. Họ không có chủ trương mượn bức tường ngăn cản của quan thuế để thiết lập cho mình một xí nghiệp điện tử. Bởi vì cách thức ấy không chỉ đem sản phẩm điện toán mà đồng thời cũng đem cả tri thức kỹ thuật tiên tiến vứt bỏ ra ngoài mất.

Brasil từng lợi dụng các thứ ngăn cản loại trừ các thứ điện toán và thể mềm của ngoại quốc để tự mình thiết lập công nghiệp điện tử. Thế nhưng những sản phẩm điện tử của họ không sao sánh kịp với sản phẩm của nước ngoài. Điều này chứng tỏ: ngân hàng, các nhà chế tạo cùng các xí nghiệp của Brasil đều dùng một số khoa học kỹ thuật mà hiệu suất không đủ để cạnh tranh với ngoại quốc. Họ đã cạnh tranh với một cánh tay bị trói sau lưng, nên quốc gia đã không lời mà chỉ có lỗ. Brasil đã vi phạm quy luật đầu tiên của hệ thống sáng tạo của cải mới. Xí nghiệp biến đổi trì trệ có thể theo đó mà làm bất cứ cái gì, nhưng khi đụng đến các sản nghiệp nhanh lẹ thì anh hãy tránh né sang

một bên - nhất là khi xử lý đến tài nguyên quan trọng: đó là sản nghiệp tri thức.

Các nước kém phát triển không nên phạm vào các thứ lầm lõi vừa nêu, chúng ta có thể suy nghiệm: có một số nước thậm chí còn có thể đầu tư một cách khiêm tốn vào một số quỹ kinh doanh tại Mỹ, châu Âu, hay Nhật, với điều kiện là những nhân viên kỹ thuật, những nhà khoa học và sinh viên của họ theo tiền đầu tư của họ mà chia sẻ những bí quyết làm ăn, học kỹ thuật của các xí nghiệp mà họ đầu tư vào. Bằng cách như vậy, những nước Brasil, Indonesia, Nicaragua hay Ai Cập đều có thể là những người đứng hàng đầu của nền công nghiệp tương lai. Nếu được quản lý thích đáng, khôn ngoan, kế hoạch ấy thật đáng giá, thậm chí còn có thể lượm được tiền.

Quan trọng hơn hết là các nước kém phát triển nên đứng ở góc độ hoàn toàn mới mà nhìn về nền nông nghiệp của mình. Chớ coi nông nghiệp như là một bộ phận lạc hậu, mà là một bộ phận tiến bộ và có hiệu suất với sự trợ giúp của máy điện toán, di truyền học, vệ tinh nhân tạo cùng các ngành khoa học kỹ thuật khác, thì có thể một ngày nào đó nó trở thành như bất cứ một thứ công xưởng, một nhà máy sắt thép hay hầm mỏ nào. Ngoài ra nông nghiệp cũng không tự giới hạn trong vai trò chỉ cung cấp lương thực, mà càng ngày nông nghiệp càng đóng vai trò gia tăng nhanh các

nguồn năng lực, cùng mở ra một hướng mới sản xuất nguyên liệu. Nhưng đó chỉ là nêu ra một vài quan niệm chứng nghiệm trong vài năm tới.

Tuy nhiên bất cứ nước nào nếu không có cách tham dự vào hệ thống kinh tế biến động quá mau trên toàn cầu, cùng mạng lưới điện tử và thông tin của nó thì mọi nỗ lực vừa kể trên cũng chỉ là thứ bàn luận suông. Sự phân phối viễn thông điện tử chênh lệch trong thế giới ngày nay, thậm chí còn sinh ra tình trạng nghiêm trọng hơn là phân phối lương thực chênh lệch. Hiện nay toàn thế giới có 600 triệu máy điện thoại, trong đó 450 triệu tập trung vào 9 (chín) nước. Muốn biết rõ về sự phân phối không cân xứng về máy điện toán, các kho tư liệu, sách báo kỹ thuật, ngân khoản chi tiêu cho nghiên cứu, đủ rõ hơn tất cả các con số về tổng sản ngạch quốc dân do các nhà kinh tế học đưa ra. Để thâm nhập vào hệ thống thế giới mới, những nước như Trung Quốc, Brasil, Mehico, Indonesia, Ấn Độ cũng như Liên Xô và các nước ở Đông Âu phải tìm đến cội nguồn, giúp họ tự thiết lập cho được một hệ thống mạng lưới điện tử. Hệ thống ấy không phải chỉ bao gồm điện thoại phục vụ, mà phải bao gồm một mạng lưới tối tân hiện đại hóa tiếp xúc với toàn thế giới, một hệ thống có số liệu cao tốc. Đối với các nước trì trệ, có một nguồn tin tốt nhất là, ngày nay họ có thể từ “làn sóng thứ nhất” trực tiếp nhay vọt đến hệ thống thông tin của “làn sóng thứ

3" mà không phải qua hệ thống của làn sóng thứ hai đầy tổn phí. Công ty Motorola công bố kế hoạch Iridium System, sắp bố trí trong quỹ đạo thấp 77 vệ tinh nhân tạo nhỏ. Như vậy những dân cư ở miền Bắc cực Liên Xô, cũng như trong khu vực sa mạc của Trung Quốc lục địa hay các miền đất Phi châu xa xôi đều có thể dùng điện thoại vô tuyến, máy phát thanh hay truyền hình. Ngày nay vệ tinh nhân tạo có thể đem tin tức loan truyền khắp nơi trên thế giới. Mỹ, Nhật và châu Âu cung cấp sản phẩm, sản xuất đại quy mô và ráo riết cạnh tranh sẽ hạ thấp giá thành phẩm các mặt hàng. Cho nên mấu chốt phát triển kinh tế càng ngày càng rõ ràng, khoảng cách trong lãnh vực điện tử và thông tin sẽ được san bằng. Khoảng cách ấy không phải giữa khoảng phương Nam và phương Bắc mà là giữa trạng thái nhanh lẹ hay chậm chạp mà thôi.

CÂN BẰNG QUYỀN LỰC

Sự thay đổi quyền lực, dù mới bắt đầu trong những năm gần đây, nhưng xem ra mọi người đều đã tranh nhau nắm lấy tương lai.

Do nơi tình hình, phương Đông “trời đất lộn nhào”, “phương Nam” mỗi ngày mỗi chia rẽ nghiêm trọng, châu Âu, Nhật, Mỹ, lực lượng lãnh đạo các nước “phương Tây” hay xung đột với nhau, khiến các nhà ngoại giao tối tấp dum đầu lại để mưu cầu thiết lập một nền trật tự mới cho toàn cầu. Thế giới trước mắt chúng ta đang đầy dẫy những cuộc hội đàm thượng đỉnh, các hội nghị với những điều ước cùng nhiệm vụ.

Tuy nhiên, không cứ là nghiên ngẫm như thế nào, đã lật qua lật lại vấn đề, nhai văn nuốt chữ ra làm sao, hay dựa vào thành phần văn tự mà kiến tạo quyền lực mới toàn cầu, sao bằng mỗi người trong nhóm tự đem trình diện trước thế giới chất lượng quyền lực của mình.

Ngày nay, Mỹ và Liên Xô hai cường quốc như

đã lui vào quá khứ rồi phải không? Nếu đúng như vậy, thì rồi sẽ có bao nhiêu siêu cường mới nữa đứng lên thay thế? Có một số người nhận định rằng: châu Âu, Nhật và Mỹ sẽ kết hợp thành một tổ chức chặt chẽ. Lại có số dự đoán rằng: toàn thế giới sẽ phân chia ra thành bảy, tám tập đoàn khu vực. Có số thì tin tưởng, hai cực của thế giới sẽ biến đổi thành một khối ngũ biên tinh (năm sao biên giới), Trung Quốc chiếm một biên, Ấn Độ chiếm một biên, châu Âu mới tương lai là từ đường bờ biển phía Tây kéo dài đến biên giới Liên Xô, hay cũng có thể vượt qua biên giới đó. Không ai có thể giải đáp câu hỏi khó khăn này. Nhưng căn cứ theo phép biến đổi quyền lực có thể giúp cho việc giải đáp. Phép ấy làm cho chúng ta tỉnh ngộ: cứ theo mức độ tình hình chính trị ổn định cùng xác suất nhân tố trưởng thành. Dù có thể có những nhân tố khác tác dụng dìu nữa, nhưng sức mạnh (bạo lực), của cải, và tri thức là ba dòng chủ lưu to lớn của quyền lực. Phần nhiều các nguồn quyền lực khác đều do ba dòng chủ lưu đó mà ra cả. Và ba dòng chủ lưu ấy trước mắt mỗi dòng đều đặt mình trong quá trình của công cuộc cách mạng. Hãy lấy bạo lực làm thí dụ.

SỐNG CHẾT CỦA DÂN CHỦ HÓA

Do quá nhiều người nói đến “Hoà bình sắp đến”, cho nên sức chú ý ấy như có một khoảng

trống đáng sợ. Đó là căn cứ theo sự chuẩn bị gấp rút về quân sự của hai siêu cường trên thế giới, mà các nước khác cũng cạnh tranh việc vá víu khoảng trống trên mặt đất của họ. Đây là một thí dụ: Ấn Độ vốn cho mọi người một ấn tượng tốt: Mặc dù là một nước lạc hậu, nhưng yêu chuộng hoà bình. Thế mà từ Năm 1986 đến nay lại là nước mua vũ khí nhiều nhất trên thế giới. năm 1987 tính số vũ khí của họ mua có thể đổi đâu với Iran mà vẫn dư thừa. Phương sách đó đã khiến Nhật phê phán đả kích, nhưng New Delhi đã mạnh bạo phản bác. Nay Ấn Độ đã có vũ khí hạt nhân, và cũng hy vọng sẽ kiến tạo được phi đạn có tầm xa 1500 dặm. Pakistan cũng có sẵn vũ khí hạt nhân ở biên giới. Tại Trung Quốc nhờ viện trợ cũng đã kiến tạo sản xuất được phi đạn tầm ngắn.

Theo lời Cục trưởng Cục Tình báo Trung ương của Mỹ là W. Webster thì trong vòng 10 năm nữa sẽ có 15 quốc gia có khả năng sản xuất phi đạn. Trong số đó phần nhiều có lẽ là do tình hình khẩn trương ở Trung Đông. Trước mắt là Ai Cập, Irak, Arhentina đang có đề án hợp tác khai triển phi đạn. Ngoài ra, những tình huống khiến mọi người sợ hãi không phải là ít. Ở Liên Xô tại các nơi có sự xung đột về chủng tộc đều bố trí vũ khí hạt nhân. Kết quả khiến một số chuyên gia phải suy đoán đến đứng ngồi không yên. Có hay không, một ngày nào đó quân đội của một nước Cộng hoà thoát ly sẽ

năm được một số vũ khí hạt nhân? Cũng do mối nguy hiểm thực tại quá to lớn nên Moscow đã vì tình hình khẩn trương của Baltic mà rút hết vũ khí hạch tâm. Một cán bộ cao cấp của Liên Xô trong cuộc xã giao đã nói với tôi (tác giả): Xưa tôi phản đối hệ thống vũ khí chiến lược phòng ngự SDI, nhưng ngày nay tôi lại chủ trương duy trì hệ thống phòng ngự chiến lược ấy.

Nếu như Liên bang Cộng hòa Xô Viết đổ vỡ thì địa cầu này sẽ đột nhiên có đến hơn 10 quốc gia có vũ khí hạt nhân. Sự thật, Liên Xô (hay bất cứ quốc gia nào có vũ khí hạt nhân) phát sinh nội chiến, thì tổ chức phản loạn không thể không có khả năng năm được vũ khí hạt nhân. Càng khiến người người sợ hãi là có một số khám phá phát giác rằng trong các quốc gia (có lẽ Irak và Liby) đang kiến thiết công xưởng sản xuất vũ khí hóa học và vi trùng.

Tóm lại, trước mắt vũ khí được phân bố trên toàn thế giới (nhất là hạch tâm) vừa không cố định mà cũng chẳng ổn định chút nào. Cho nên nguồn chủ yếu của quyền lực trong dĩ vãng chỉ tập trung trong một số ít siêu cường mà thôi, nay lại phân tán rộng ra, mỗi nguy gây thành tiếng vang khá phổ cập.

Đó cũng là lúc bản chất bạo lực phát sinh ra những biến đổi rộng lớn. Càng ngày càng dựa nhiều vào vi điện tử, tia lazer, nhân công trí tuệ, vệ tinh nhân tạo, thông tin điện tử, cho đến việc mô phỏng máy điện toán, và tri thức phần mềm,

các mô hình tập họp khoa học kỹ thuật mũi nhọn. Cho nên một chiến đấu cơ F-16 cần đến 125.000 chương trình điện toán và ngày nay một phi cơ chiến đấu mũi nhọn (Advanced Tactical Fighter) trên biển nghi thức cần đến 1.000.000 chương trình. Những biến hóa thay đổi hệ thống quân lực toàn cầu, không phải chỉ là đem quyền lực di chuyển từ chỗ này đến chỗ nọ. Căn bản của chúng là đem lại cho toàn cầu vui nhộn này một sự biến đổi mang tính chất cách mạng.

Một nghị sĩ quốc hội Nhật là Shitoro Ishihara), tác giả một cuốn sách mỏng đã tạo nên gió mưa tại Washington. Số là ông nêu ra ý: Không kể là Mỹ hay Liên Xô, muốn cải thiện vũ khí hạt nhân đến độ chuẩn xác tinh vi cũng cần đến khoa học kỹ thuật Nhật bản chế tạo ra các linh kiện bán dẫn. Ông cũng từng trình bày ở Mỹ rằng: Tình huống ngày nay không kể các nước khuếch trương quân lực như thế nào, chỉ cần Nhật Bản ngưng bán ra các loại bán dẫn cao cấp, thì kế hoạch của họ không sao triển khai được. Như thế nếu Nhật chỉ bán cho Liên Xô loại linh kiện cao cấp này mà ngưng cung ứng cho Mỹ thì cán cân quân lực sẽ chênh lệch ngay. Nhưng có một số người Mỹ lại nói rằng: Nếu Nhật có ý tưởng giờ trò ấy thì nước này sẽ bị chiếm cứ ngay. Dương nhiên trong niên đại này các sự kiện vừa nêu có thể xảy ra lắm. Lời của Ishihara cường điệu bạo lực có thể ỷ lại vào tri

thức càng ngày càng tăng, đó là phản ánh chân thực, sự biến đổi mang tính lịch sử quyền lực ngày nay.

BIỂN CẢ TU BẢN

Như các chương trên đã trình bày, cột trụ thứ hai của hình tam giác quyền lực là của cải. Hệ thống sáng tạo của cải mới phổ cập trên toàn cầu, cũng đang trải qua những biến đổi sâu xa.

Tùy theo mức độ hoàn chỉnh tới đâu của các xí nghiệp về mặt sản xuất và kinh phí mà mua luôn xí nghiệp nước ngoài, cùng thu hút chất xám các nơi trên toàn cầu. Họ cũng không tránh khỏi cảnh có nhiều quốc gia cần nguồn vốn mới. Mà nguồn vốn cũng cần quay nhanh. Vì vậy, chúng ta thấy rõ sự cạnh tranh để “tự do hóa” thị trường tư bản, và cũng để cho con thoi đầu tư có thể tự do xuyên qua các ranh giới quốc gia...

Như vừa nói qua, kết quả là sau khi ranh giới quốc gia bị triệt tiêu, làn sóng đại dương tư bản tràn ngập. Như vậy tức đem quyền lực từ ngân hàng trung ương cùng trong tay chính phủ nào đó di chuyển ra đi, một mặt phá hoại toàn bộ chủ quyền, một mặt đưa vào mối nguy của nguồn vốn mới lan tràn toàn cầu.

Tháng 10 năm 1987, sau vụ đổ vỡ của Wall Street không bao lâu, trên tờ “Thời báo Newyork

chúng tôi đã viết như sau: “Thiết lập một đơn vị tài chánh duy nhất mà khai phóng triệt để, chỉ có một số hệ thống tiền vốn quy định quá thấp, cũng giống như kiến tạo một chiếc tàu dầu siêu cấp không có vách ngăn kín. Nếu có sự gián cách thích đáng hoặc một khoảng trống, như thế dù có bộ phận nào của hệ thống bị phá hoại cũng vẫn có thể sống được. Không có khoảng cách ấy thì rõ ràng thân tàu bị một lỗ thủng là cả chiếc tàu sẽ chìm.

Về sau, Cục chuẩn bị của Liên bang Mỹ (Federal Reserve Board) chủ tịch là Alan Greenspan cùng đưa ra lời cảnh báo nhận thấy chứng khoán xí nghiệp quốc gia đã xuất hiện ra ngoài biên giới của nó, thành siêu quốc gia, nhiều nước đã tiến hành mua bán, tiêu thụ, đầu tư, đề cao một cách đại quy mô về tai họa đổ vỡ. Những xí nghiệp ấy đã bồi thường cho một vài nước: Ông Greenspan cũng đề xuất rằng: Sự kiện ấy sẽ dẫn dắt “sự hỗn loạn dây chuyền” từ quốc gia này đến quốc gia khác.

Căn cứ theo nguồn vốn đã trở thành toàn cầu hóa, chính quyền của các nước đối với cội nguồn quyền lực có thể sẽ mất sự khống chế là nhân tố then chốt. Thí dụ: Việc châu Âu thống nhất tiền tệ có khả năng làm giảm sút việc sử dụng nền kinh tế mang tính đòn hồi của riêng mình. Lại còn một dự đoán nữa là việc thống nhất tiền tệ sẽ khống chế chủ quyền độc lập của mỗi nước vì các dự án được giao phó cho vị trưởng quan hành chính khỏi Cộng

đồng châu Âu. Các quyền khống chế sẽ vượt hẳn quyền lực của chính phủ Liên bang Mỹ quốc đối với các tiểu bang của họ. Đó là sự di chuyển toàn diện quyền lực của trung ương tập quyền.

Như thế trong lúc tiến hành đổi mới và phân phôi các thứ quyền lực, như chúng ta từng thấy, toàn bộ hệ thống của cải biến thành mô hình siêu tượng trưng. Thì cũng giống như trạng huống của bạo lực, của cải đồng thời cũng tiến hành hai động tác di chuyển và chuyển hình.

CƠ CẤU MỚI CỦA TRI THỨC

Bây giờ chúng ta bàn đến cột thứ ba của tam giác hình là Tri thức.

Trong mấy thập niên gần đây, ngọn lửa điện toán khá phổ cập lan tràn, khiến cho hệ thống tri thức, bị coi giống như sự phát minh của kỹ thuật ánh loát trong thế kỷ thứ 15 (hoặc từ khi phát minh ra chữ viết), có sự biến hóa vô cùng quan trọng. Cùng gắn liền với sự biến hoá ấy và khiến mọi người kinh sợ là sự phổ cập mạng lưới mới và môi giới mới (các thứ mạng lưới và môi giới ấy đều dùng vào việc truyền bá tri thức, hình thành những thông số và thông tin).

Hãy coi như không có những biến đổi khác, chỉ làm sáng tỏ hai điểm phát triển ấy cũng đáng gọi là “cách mạng tri thức” rồi. Nhưng chúng ta

biết rằng: còn có những biến động liên quan khác, đó là sự biến đổi toàn bộ hệ thống tri thức của thế giới về khoa học kỹ thuật cao cấp, hoặc gọi nó là “thông tin thế” (info - sphere).

Những biến đổi tốc độ cao siêu ngày nay chỉ rõ: bất cứ “sự thật” nào đã có, đều có thể trở nên lạc hậu mau lẹ. Và căn cứ theo những diễn tiến của tri thức phát sinh cũng đều bị đào thải quá mau lẹ. Để khắc phục các thứ “nhân tố thông thường” ấy, trước mắt các nhà bác học đang cố gắng thiết lập những công cụ tổ chức và khoa học kỹ thuật mới, hòng gia tốc sự nghiên cứu và phát triển khoa học. Đó cũng là cách thức làm cho quá trình học tập thêm mau lẹ. Việc thay cũ đổi mới của tri thức càng ngày càng mau.

Càng quan trọng không kém là: khoa học kỹ thuật xã hội cao cấp cũng bắt đầu nhận thức rằng, tri thức tác dụng đến nó. Như đã thấy trước đây, trong hoạt động xí nghiệp và chính trị hằng ngày cũng cần đến tri thức, và mỗi ngày càng trở nên trừu tượng. Giáo điều truyền thống đang tan rã. Nhưng số liệu hay thông tin đồng dạng có thể đưa vào điện toán, còn các phương thức khác nhau không quan trọng thì tập hợp lại hay là phân chia ra, giúp cho người sử dụng căn cứ theo góc độ khác nhau của mỗi thứ mà cùng quan sát vấn đề như nhau, cùng hợp lại thành biết bao tri thức mới.

Đồng thời phát triển hệ thống chuyên gia và

nhân công trí tuệ, cũng cung cấp phương pháp mới cho tri thức chuyên nghiệp tập trung. Chính do nơi thay đổi tất cả đó, chúng ta thấy rõ: đối với sự nhận thức lý luận, lý luận học tập, “Fuzzy logic” thần kinh sinh vật học, cùng các nguồn cảm hứng trí tuệ của con người đều phát triển mỗi ngày mỗi nhiều. Tất cả những sự phát triển ấy đều là một bộ phận của kết cấu tri thức (architecture of knowledge).

Tóm lại, bản thân tri thức cũng đang tiến triển, so với bạo lực và của cải không chỉ có phần vượt qua mà còn biến đổi sâu rộng hơn nữa là khác. Điều ấy cũng chứng tỏ: ba yếu tố (bạo lực, của cải và tri thức) tổ hợp thành tam giác quyền lực đang đồng bộ tiến hành cuộc cách mạng. Và cùng với thời gian trôi chảy mà hai dòng quyền lực kia sẽ mỗi ngày mỗi lệ thuộc vào tri thức. Cho nên đó là bối cảnh to rộng của mỗi nền văn minh và lẽ thịnh suy của các quốc gia, chúng ta phải hiểu rõ các thứ bối cảnh đó. Nó cũng trợ giúp chúng ta chứng minh rằng: Vì sao mà con đường phần đông quyền lực ngày nay nắm giữ đều dắt dẫn đến sai lầm.

CÂN CÂN LIÊN XÔ

Các nhà ngoại giao vui vẻ nói đến sự quân bình quyền lực. Phép biến đổi quyền lực khiến chúng ta chẳng những cần hiểu rõ “cân bằng quyền lực” (balance of power) còn phải được thêm

vào về quyền lực cân bằng (power of balance)

Về quốc gia (hoặc là liên minh) có thể chia ra làm ba loại: một loại là quyền lực chủ yếu cơ bản được thiết lập trên trong ba chân của tam giác hình (bạo lực, của cải, tri thức), một loại là thiết lập cơ bản trên hai chân. Ngoài ra còn một loại dùng sức ảnh hưởng toàn cầu của nó mà thiết lập được quyền lực hoàn chỉnh trên cả ba chân.

Tưởng như là hiểu rõ tương lai, Mỹ, Nhật và châu Âu sẽ tranh giành nhau quyền lực toàn cầu khốc liệt ra làm sao. Chắc chắn chúng ta sẽ thấu triệt được ba giọng chủ lưu của quyền lực, nhất là đối với dòng thứ ba là tri thức, cần đặc biệt chú ý. Vì rằng tri thức sẽ càng ngày càng có thể giữ vai trò chủ chốt của hai giá trị kia (bạo lực và của cải). Cái gọi là tri thức cơ sở, không cứ chỉ là khoa học kỹ thuật hay những hạng mục truyền thông giáo dục nào. Nó bao trùm cả khái niệm chiến lược của một quốc gia, thiết lập thực thi tình báo ở nước ngoài, nhận thức được cơ bản văn hóa của nước khác, văn hóa và hình thái ý thức có ảnh hưởng đối với các nước, cùng quan niệm mới, thông tin mới, và tưởng tượng mới đạt được mức độ lưu thông.

Ngoại trừ ba trụ cột vừa kể, phép tắc biến đổi quyền lực còn dẫn đến một quan điểm hữu dụng: Chúng ta có thể thăm dò trong một khoảng thời gian nào đó, bạo lực và của cải với tri thức có sự quan hệ hỗ tương. Hãy xem quan niệm “Cân bằng

quyền lực” (cùng với “quyền lực cân bằng” kết hợp với nhau đi rất xa) chúng ta có thể phát hiện ra: Xuyên suốt thời kỳ chiến tranh lạnh, cơ sở quyền lực của Mỹ đã xâm nhập sâu rộng trong các nước. Mỹ không phải chỉ là một nước có quân lực hùng mạnh, mà còn có một ảnh hưởng lớn về kinh tế, không nước nào bì kịp. Đồng thời còn đóng vai trò của kẻ cung ứng tri thức phong phú cho toàn cầu từ khoa học kỹ thuật tinh mật đến văn hóa đại chúng. Điều ấy kết cấu thành quyền lực tri thức là bộ phận lớn của quốc gia được mọi người biết đến.

Trong cuộc chạy đua của thời kỳ chiến tranh lạnh, kết quả cuối cùng nằm trong quyền lực cân bằng của Mỹ quốc, chứ không phải của Liên Xô.

Từ quan điểm ấy, chủ yếu là việc khống chế thế giới ngày nay vẫn còn là nửa tri nửa giải. Cũng quan điểm ấy có thể giúp chúng ta hiểu rõ: châu Âu, Mỹ và Nhật trong cuộc cạnh tranh nhau di vào tương lai, khó tránh một cuộc đổ lửa trước mắt, cuối cùng mỗi nước ngày nay tự tiến hành ra làm sao?

TAM GIÁC QUYỀN LỰC: TOKYO - BERLIN - WASHINGTON

Mãi cho tới gần đây, Nhật vẫn là quốc gia chỉ có một chân. Nếu ảnh hưởng quốc tế của một quốc gia xuất phát chủ yếu từ tiềm năng quân sự, của cải, và tri thức, thì ảnh hưởng của Nhật mãi tới gần đây vẫn đứng bằng một chân của tam giác quyền lực, giống hệt như Liên Xô. Thay vì vũ khí nguyên tử và sức mạnh của Hồng quân, Nhật chỉ có tiền và rất nhiều tiền. Nhưng những cái ghế một chân hiển nhiên là không thể đứng lâu được, và ngay cả của cải cũng có giới hạn của nó. Vì vậy ngày nay Nhật đang cố gắng đạt được sự cân bằng về quyền lực.

CÂY SÚNG NHẬT BẢN

Gần đây, một mặt do Washington bắt buộc các nước phải chi xuất khoản tiền lớn về quân sự, cho nên Nhật mới mở rộng một chút về vũ trang

quân sự. Sự kiện một nước Nhật có vũ khí hạt nhân là điều không được nghĩ tới, từ sau sự kiện Hiroshima, nhưng ngày nay nó không còn được quan tâm nữa, dường như đó là chuyện ngoài lề. Và điều đó đã trở thành những tia hy vọng cho một số người Nhật hiếu chiến.

Ngân sách chi cho quân sự của Nhật hiện nay đang đứng hàng thứ ba trên thế giới, chỉ sau Hoa Kỳ và Liên Xô. Phe diều hâu ở Nhật, cứ theo sự phê bình chỉ trích của mọi người đối với họ, hiện nay họ đang muốn mở rộng vai trò quân sự ra khỏi hải phận Nhật ngay tức khắc, muốn viết lại những hiệp ước an ninh với các nước lân cận, muốn có một vai trò sen đầm khu vực và họ muốn trang bị cho hải quân một hàng không mẫu hạm để cho quyền lực của Nhật được triển khai ở một bán kính rộng hơn.

Liên hiệp công nghiệp quân sự Nhật vừa mới hình thành đang nôn nóng chế tạo những chiến đấu cơ, phi đạn và các vũ khí tiên tiến khác. Các công ty như Fuji, Kawasaki, Nissan, Mitsubishi và Komatsu là những công ty thuộc công nghiệp nặng, đang chế tạo những sản phẩm quân sự theo sự cho phép của Mỹ. Sau những thương lượng gay gắt với Hoa Kỳ, một dự án liên doanh đang tiến hành để chế tạo chiến đấu cơ tối tân FSX với hệ thống chống ra-da, vật liệu composit tinh vi, và các kỹ thuật tiên tiến khác, Nhật cũng được nghiên cứu

về phòng thủ phi đạn.

Ngày nay Nhật không phải là kẻ muối đi xâm lược cũng không phải là người thiếu trách nhiệm. Quân đội của Nhật, từ sau Thế chiến II đã bị kiểm soát chặt chẽ bởi các nhà lãnh đạo dân sự, và nhìn chung thì hiện nay người Nhật chuộng hoà bình hơn người Mỹ rất nhiều. Tuy nhiên, thật khó biết là thứ tình cảm đó sẽ kéo dài được bao lâu, trong khi các cọ xát giữa Washington và Tokyo ngày càng tăng. Không có gì rõ ràng về vai trò quân sự của Nhật ở Đông Nam Á, trong tương lai, có hai điểm đáng lo ngại: 1 - Lực lượng quân sự của Hoa Kỳ bị suy yếu, hay rút lui; 2- Chiến tranh hay cách mạng đe doạ những đầu tư khổng lồ của Nhật trong khu vực này.

Với những biến động chính trị cháy bùng từ Bắc Kinh đến Hồng Kông, và Manila, các nước láng giềng của Nhật, một mặt lo sợ sự tái vũ trang của Nhật, một mặt thì nhìn về thất bại của Mỹ trước Việt Nam, sự rút quân của Mỹ ở Nam Triều Tiên và những cắt giảm quân sự nói chung.

Nhật đang tiến tới thành lập một lực lượng quân sự đủ hiệu quả, để bắt đầu chứng tỏ, trong cung cách lịch sự nhất là: lực lượng quân sự của Mỹ không còn cần thiết ở Nhật hay trong khu vực Đông Nam Á nữa.

Năm 1988, cựu thủ tướng của Nhật là Noboru Takeshita đã đưa ra một viễn cảnh rõ ràng về việc

xây dựng lực lượng quân sự. Ông nói tại Học viện Quốc phòng Nhật rằng: “Nhật cần quyền lực quân sự để cho phù hợp với sức mạnh kinh tế khổng lồ của nó” Nhật đang đua tranh cân bằng tam giác quyền lực của nó.

NGƯỜI KINH TẾ KHỔNG LỒ

Chân thứ hai quyền lực của Nhật là của cải là quá dư thừa. Từ năm 1986 Nhật đã trở thành ông chủ nợ lớn nhất thế giới. Năm 1987 tất cả giá trị chứng khoán của thị trường chứng khoán Tokyo đã vượt quá giá trị chứng khoán của thị trường chứng khoán ở Newyork. Những ngân hàng lớn nhất thế giới và các công ty chứng khoán trên thế giới đều là của người Nhật. Người Nhật đã mua đứt những bất động sản của Mỹ, bao những công trình kiến trúc lớn như Radio City Music Hall và các công ty như Columbia Pictures, đã dẫn đến làn sóng chống Nhật trên đất Mỹ. Ở châu Âu và Úc cũng xảy ra những cảnh tượng tự.

Trong khí đó, chính phủ Hoa Kỳ đã trở nên lệ thuộc vào những nhà đầu tư người Nhật, vì gần một phần ba tài khoản thiếu hụt ngân sách là nhờ vào khoản đầu tư này. Điều đó khiến cho không ít người lo sợ rằng, nếu khoản đầu tư này thình lình mất đi thì nền kinh tế Hoa Kỳ có thể bị băng hoại.

Sự tích lũy các yếu tố như vậy đã làm tăng

những dự đoán rằng, Nhật sẽ trở thành một chàng kinh tế khổng lồ và trong 50 năm tới sẽ khống chế địa cầu này.

Nhưng hoả tiễn kinh tế của Nhật không bao giờ có thể bay vào quỹ đạo được. Xu hướng xuất khẩu hàng hóa và đặc biệt là tiền vốn, sẽ gặp ngày càng nhiều những cản trở khắc nghiệt và những điều khoản tồi tệ về đầu tư và thương mại. Tóm lại, sự cản trở sẽ gia tăng trong các quốc gia giàu có, làm cho các nhà đầu tư Nhật quay về với các quốc gia kém phát triển, nơi mà sự rủi ro lắn may mắn đều có thể nhiều hơn.

Nếu phần lớn quân đội Mỹ được rút khỏi châu Âu, điều chắc chắn sẽ xảy ra, thì mức thâm thủng ngân sách của Hoa Kỳ sẽ giảm xuống, điều này sẽ cung cấp sức mạnh của đồng đô la và làm suy yếu đồng Yên. Và do đó làm chậm lại sức bành trướng ra nước ngoài của Nhật. Điều này với những điều khác sẽ làm tăng giá thành mua dầu của Nhật vì nó được bán bằng đô la.

Theo sự đòi hỏi của người tiêu dùng tìm sự thoải mái và nhàn hạ, cũng như dựa vào sự tiết kiệm công việc làm tăng nhanh nhân số người già, mức tiết kiệm Nhật giảm, chính sự phát triển vừa nêu làm nền kinh tế Nhật dừng lại.

Tồi tệ hơn như mọi người Nhật đều biết, hệ thống kinh tế Nhật được đặt trên một bong bóng bất động sản bao la, chỉ cần một cú châm nhỏ đủ

nổ tung. Và khi đó, thị trường chứng khoán Tokyo sẽ ảnh hưởng ngay lập tức tới Wall Street, Zurich và London.

Ngoài ra, Nhật có thói quen thờ ơ về các vấn đề xã hội và chính trị. Hệ thống chính trị đã mất uy tín, tham nhũng và nặng nề của cả hai đảng, đều là lạc hậu đối với tình hình mới (Đảng Tự do dân chủ thì phụ thuộc quá nhiều vào cử tri nông thôn và cần một cơ sở thành thị mạnh hơn. Đảng Xã hội thì ở thành thị, nhưng không thể phủi sạch được những giáo điều kinh tế và chính trị lạc hậu của họ).

Thập niên sắp tới sẽ cho thấy một nước Nhật kém ổn định hơn hiện nay, vì kỷ nguyên tăng trưởng theo một đường thẳng đã kết thúc.

CUỘC ĐUA CỦA CÁC TRƯỜNG TỰ

Điều quan trọng nhất là lực lượng quân sự cũng như của cải đều ngày càng phụ thuộc vào tri thức. Sau những giờ học ở trường, các học sinh Nhật thường phải đi tới một trường tư (Juku) hay một trường luyện thi để đạt được những thành tích thứ hạng cao hơn. Hàng mấy chục năm nay, Nhật là nước có hệ thống trường tư lớn nhất, họ đã cố sức mở rộng nguồn quyền lực cơ bản nhất của đất nước - là cơ sở tri thức.

Ngay từ năm 1970 Nhật đã tự ý thức và hăng

hái lao vào cuộc chạy đua xây dựng nền kinh tế trên cơ sở tin học. Nhật bắt đầu xây dựng khả năng nghiên cứu và phát triển kỹ thuật còn sớm hơn nữa. Năm 1965 trong số 10.000 công nhân lao động, thì số nhà khoa học và kỹ sư của Nhật chỉ xấp xỉ 1/3 của Mỹ, thế nhưng đến năm 1986 thì tỷ lệ chuyên môn của Nhật đã vượt qua Mỹ. Mật độ tri thức của lực lượng lao động Nhật đang tăng với tốc độ tên lửa.

Nhật đang vươn tới mọi lãnh vực tiên tiến từ công nghệ sinh học cho tới không gian. Họ có một nguồn vốn dồi dào cho sự nghiên cứu, phát triển và cho những đầu tư trong các công ty công nghệ cao cấp vừa hình thành vật liệu xây dựng mới và người máy (robot). Năm 1990, Nhật trở thành nước thứ ba, phỏng phi thuyền không gian không người lên mặt trăng, sau Mỹ và Liên Xô. Thành công của họ trong việc sản xuất mạch bán dẫn đang làm kinh ngạc thế giới.

Nhưng cuộc chạy đua Marathon về kỹ thuật, khoa học của thế giới chỉ mới bắt đầu, và cơ sở kỹ thuật của Nhật nói chung vẫn còn lạc hậu. Hiện nay Nhật phải xài 1/3 số tiền thu được trong việc buôn bán để mua bản quyền phát minh, sáng chế của nước ngoài, mà 60% số đó là của Mỹ. Nhật tỏ ra kém trong các lĩnh vực như: Cơ cấu xử lý vi tính song hành (Parallel computing architectures), động lực học vận hành lưu trữ vi tính

(computational fluid dynamics), xạ tuyến phân tương thức (phased array) và những kỹ thuật tiên tiến khác có liên hệ tới radar.

Ngoài ra, dù rất mạnh trong việc sản xuất mạch vi tính và phần cứng, nhưng Nhật vẫn còn yếu trong lãnh vực phần mềm ngày càng quan trọng. Cố gắng đã được quảng cáo rầm beng trong bước nhảy vọt vĩ đại, dự án cho thế hệ điện toán thứ năm, cho đến bây giờ vẫn làm mọi người thất vọng. Được tài trợ bởi MITI, Bộ Công nghiệp và Ngoại thương (Ministry of International Trade and Industry) dự án này của Nhật được coi như tương đương với dự án Sputnik, thăm dò không gian đầu tiên của Liên Xô. Dự án này xem ra lạc quan đến nỗi năm 1986 tiến sĩ Akira Ishikawa của trường Đại học Aoyama Gakuin ở Tokyo đã nói rằng: “Người Nhật đã coi máy tính thế hệ thứ năm này như là một chứng thư bảo đảm cho cuộc sinh tồn trong tương lai, đồng thời cũng là con đường đưa tới tự cấp tự túc...”. Đến năm 1988, rõ ràng là dự án này đã lún sâu vào những khó khăn, đã gấp nhiều phiên toái, vì kế hoạch không chu đáo, kỹ thuật thất bại trong việc tạo ra những sản phẩm thực sự có ý nghĩa về thương mại. Khoảng năm 1989, phương án đó có đưa ra một ít thành quả đầy khiêm tốn, nhưng có lẽ, điều đó chứng minh rằng Nhật vẫn còn chậm chân trong sự phát triển các phần mềm (Meta software) cao cấp, đó là phầm

mềm được dùng để sản xuất ra các phần mềm khác.

Trong bản điều tra mới nhất gần đây, 9,8% công ty xí nghiệp Nhật thừa nhận rằng Mỹ hơn hẳn trong lãnh vực “phần mềm”, 92% đồng ý rằng Hoa Kỳ vẫn là quốc gia hàng đầu trong các lãnh vực vị trí thông minh nhân tạo và siêu vi tính, 76% cũng nghĩ như vậy về phương diện công nghệ và thiết kế được hỗ trợ bằng máy tính.

Trong những chặng chạy đua về nghiên cứu và phát triển, Hoa Kỳ vẫn là nước dẫn đầu. Nhật đang ở giai đoạn chạy nhanh, nhưng vẫn còn quá nhiều chặng để đi tiếp.

Tuy nhiên, quyền lực của tri thức, không phải chỉ là vấn đề khoa học và kỹ thuật. Người Nhật biết rõ điều này hơn người Mỹ. Trong bàn cờ và chiến tranh cũng như trong cạnh tranh về thương mại và khoa học, sự kiện “biết người biết ta” vẫn là một quy luật sống còn. Về phương diện này Nhật vẫn còn đi trước trong mấy năm. Chắc chắn là Nhật biết rõ Hoa Kỳ hơn là Hoa Kỳ biết về họ. Bởi vì hàng mấy chục năm nay phụ thuộc về quân sự và chính trị cho nên những quyết định của Hoa Kỳ có một ảnh hưởng to lớn ở Nhật. Do đó Nhật cần biết thật rõ về Hoa Kỳ.

Vì thế, mấy chục năm nay, người Nhật đã đi du lịch khắp nước Mỹ, từ Silicon Valley tới Washington và Wall Street, từ Harward và MIT

tới Stanford, thăm viếng hàng ngàn cơ sở kinh doanh, văn phòng chính phủ, phòng thí nghiệm, trường học và gia đình, học hỏi cẩn thận càng nhiều càng tốt về cái tạo nên sự thành công của Hoa Kỳ, không chỉ học về thương mại và chính trị mà cả văn hóa, tâm lý, xã hội. Điều này không hẳn là một hành vi gián điệp kinh doanh (dù có một ít chuyện đã xảy ra) mà chỉ là sự biểu lộ tính tò mò quá đáng của nước Nhật về thế giới bên ngoài và những tìm kiếm của họ về một mẫu mực chính yếu.

Từ sau cuộc cách mạng Minh Trị, tức là sau 300 năm cách biệt với thế giới bên ngoài, Nhật đã chạy đua để xóa bỏ sự ngu dốt của mình, và đã trở thành một quốc gia ham đọc báo nhất trên thế giới, một quốc gia ham tiếp thu nhiều quan điểm nước ngoài nhất và ham đi du lịch nhất thế giới.

Tính tò mò mạnh mẽ này hoàn toàn trái ngược với quan niệm địa phương tính của Hoa Kỳ. Với sự kiêu hãnh về quyền lực thống trị thế giới, do thị trường nội địa quá rộng lớn, khiến họ coi những hàng xuất khẩu như là đồ dư thừa, do có quá nhiều cái vinh hạnh của kẻ chiến thắng và chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc vô ý thức của người da trắng, nước Mỹ có cần gì phải biết thêm về nước Nhật, ngoại trừ những điều lật lùng như Geisha và nhà tắm công cộng cũng như sau này mới lưu ý tới các tôn giáo và đường lối chính sách.

Trong khi 24.000 sinh viên Nhật hăm hở đi học ở Mỹ, thì chưa có tới 1.000 người Mỹ tình nguyện đến Nhật để học hành.

Sự thật, Nhật đã làm việc chăm chỉ hơn bất kỳ quốc gia nào khác để mở rộng tầm tri thức của họ, và điều này cho biết tại sao, Nhật quá giỏi trong việc đem sản phẩm của họ thâm nhập vào thị trường Mỹ, trong khi đó các công ty Mỹ gặp khó khăn rất nhiều khi đưa hàng Mỹ vào thị trường Nhật, cho dù toàn bộ hàng rào mậu dịch được tháo gỡ ngay.

Nhưng toàn bộ cơ sở tri thức của Nhật vẫn còn khiếm khuyết trong nhiều ngành. Đối với nhân chủng học người Nhật rất lờ mờ, cũng như không nhận rõ được vai trò quan trọng của họ trên nền kinh tế toàn cầu.

Hệ thống giáo dục nhảy vọt của Nhật đã từng được nhiều nhà giáo dục các nhà lãnh đạo kinh doanh Hoa Kỳ xem như một mẫu mực, thực ra đó là sự thổi phồng quá độ. Còn ở tại Nhật thì bị chỉ trích dữ dội, vì họ đã áp dụng một phương pháp quá nghiêm khắc và chà đạp mọi khả năng sáng tạo. Trong cấp bậc thấp nhất như các lớp tiểu học, hiệp hội thầy giáo cũng như hệ thống giáo dục quan liêu bóp chết bất cứ đề nghị cải tiến nào. Giáo dục cao đẳng của Nhật không được sự nổi tiếng như những sản phẩm của nó.

Nhật đang dẫn đầu thế giới về việc triển khai

những mạng lưới điện tử siêu trí tuệ và trong việc phát triển truyền hình rõ nét cao độ. Nhưng họ chậm hơn Mỹ và châu Âu trong việc phổ biến thông tin đại chúng, và phát triển đầy đủ truyền hình hữu tuyến cũng như trực tiếp truyền hình qua vệ tinh, những sự kiện sẽ đa dạng hóa hình ảnh và ý tưởng là điều cần thiết trong việc thúc đẩy những cải tiến về văn hóa.

Tuy nhiên, lĩnh vực mà Nhật yếu nhất là việc xuất khẩu văn hóa. Ngày nay, Nhật có những tác giả kiệt xuất, những nghệ sĩ, kiến trúc sư, các nhà biên đạo múa ba lê và các nhà làm phim vĩ đại, nhưng chỉ có một số ít được người nước ngoài biết đến và cũng chỉ thu được những ảnh hưởng nhỏ bé.

Trong nỗ lực để cân bằng quyền lực, Nhật đã mở một mặt trận xung kích văn hóa. Trước tiên là trong các lãnh vực có liên quan đến kinh tế, như là thiết kế thời trang và công nghiệp. Hiện nay họ cũng đang tiến bộ về lãnh vực nghệ thuật quần chúng, bao gồm cả T.V điện ảnh, âm nhạc và khiêu vũ, cũng như văn hóa và mỹ thuật. Gần đây, do Hiệp hội Chấn hưng Nghệ thuật Nhật đưa ra giải thưởng Văn hóa cao nhất (Praemium Imperiale) được coi như là một giải thưởng tương đương với giải Nobel, đủ thấy rằng Nhật muốn có một vai trò quan trọng trong những sự kiện văn hóa thế giới.

Tuy nhiên, Nhật đang gặp phải những trở ngại to lớn trong việc truyền bá văn hóa ra nước

ngoài, đó là do ngôn ngữ của Nhật. Có một vài học giả người Nhật theo chủ nghĩa dân tộc cứ khăng khăng cho rằng: tiếng Nhật mang tính chất thần bí và rất khó dịch, hơn nữa đó là thứ tiếng độc nhất vô nhị vì nó có "hồn" của nó. Nhưng các nhà thơ cũng như các dịch giả đều biết rằng tất cả các ngôn ngữ đều không thể dịch một cách hoàn hảo được, vì chúng có những phân loại và ẩn ý khác nhau. Một thất bại to lớn của Nhật trong nỗ lực cân bằng quyền lực thế giới là chỉ có 125 triệu người trên địa cầu này nói tiếng Nhật. Đó là lý do vì sao Nhật kiên nhẫn trong việc đẩy mạnh nghiên cứu việc dịch thuật bằng máy điện toán.

Ngoài ra, Nhật đang gặp một thách thức là làm sao để đối phó với sự đa nguyên hóa đang tới gần của một xã hội mà nó đã bị tuyên truyền đến độ tin tưởng rằng tính đồng chủng nhất nguyên là đạo đức. Hơn mươi năm trước nhà Nhân chủng học Kazuko Tsurumi của trường đại học Sophia đã chỉ ra rằng các nhà lãnh đạo Nhật không biết nhiều về sự đa dạng ở Nhật. Nhưng đó là sự đang dang trong khuôn khổ của một xã hội công nghiệp đồng chủng trong làn sóng thứ hai. Khi nước Nhật bước vào kỷ nguyên thông tin của làn sóng thứ ba, nó sẽ phải đương đầu với những áp lực dị chủng săn sàng bùng nổ.

Sự đối kháng với tình trạng phát triển đa nguyên về xã hội, kinh tế và văn hóa sẽ liên hệ

trực tiếp với sự yếu đuối của nước Nhật về lâu về dài. Ngày nay người Nhật không còn là những con mảnh thú kinh tế như họ đã từng bị buộc tội nữa. Và quyền lực quốc gia của họ không còn dựa trên một chân đột nhất trong tam giác quyền lực nữa. Nhưng trong sự cạnh tranh quyền lực quan trọng nhất, tức là sự phát minh và phổ biến quan niệm, tư tưởng, thông tin, hình ảnh và tri thức, họ vẫn còn là kẻ đi sau Hoa Kỳ.

Với nhiều nguồn quyền lực khác nhau để khai triển, giới kinh doanh và các nhà lãnh đạo chính trị của Nhật rõ ràng thiếu một chiến lược toàn cầu. Đó là sự đồng tâm về những mục tiêu then chốt về nội thương. Trong đó bao gồm sự mở rộng kinh tế trong nước và giảm nhu cầu nhập khẩu, cải tiến đời sống bằng cách gia tăng giờ nghỉ và cải tạo lại môi trường bị ô nhiễm quá nặng nề.

Nhưng trong chính sách kinh tế đối ngoại, ý kiến của cấp lãnh đạo bị phân tán, không đồng nhất, không có cách gì xác định được vai trò của Nhật trong thế giới tương lai. Một chiến lược đề nghị trước đây là thế giới sẽ được chia thành những khu vực, và Nhật sẽ không chế vùng Đông Á Thái Bình Dương. Điều này có nghĩa là Nhật phải chuẩn bị cho vai trò quyền lực của mình như cảnh sát cả khu vực này. Chính sách đó sẽ làm giảm sự công kích của Mỹ và châu Âu đối với Nhật về chế độ bảo vệ mậu dịch.

Một sách lược thứ hai gợi ý rằng Nhật nên tập trung vào các quốc gia đang phát triển, bất cứ là ở khu vực nào. Một bản khác của kế hoạch này là đề nghị Nhật nên tập trung vào việc tạo ra những siêu cơ cấu điện tử mà các quốc gia này đang cần đến để gia nhập vào nền kinh tế thế giới. Một chiến lược như vậy sẽ thoả mãn nhu cầu thiết yếu cho các quốc gia chậm tiến trên thế giới, khiến họ phải ỷ lại vào lực lượng kỹ thuật của Nhật, dùng mạng lưới điện tử mà buộc chặt nền kinh tế các quốc gia đó trong phạm vi thế lực của Nhật.

Một chiến lược thứ ba, hiện nay có lẽ đang được tổ chức rộng rãi nhất, xem như Nhật hoạt động toàn thế giới, không giới hạn bất kỳ vùng riêng biệt nào. Những người ủng hộ chiến lược này đang thúc đẩy một chiến dịch toàn cầu, không phải vì áô ảnh cứu tinh một sự thống trị thế giới, mà vì họ tin rằng nền kinh tế Nhật quá lớn, quá biến đổi và phát triển quá nhanh nên không thể ở trong một vùng duy nhất hay một nhóm quốc gia nào.

Nhóm có tư tưởng toàn cầu này đã thúc giục Nhật phái các tàu hải quân tới giúp đỡ Hoa Kỳ và các đồng minh bảo vệ vùng vịnh Trung Đông trong suốt cuộc chiến tranh Iran - Irak. Nhóm này cũng đồng ý cho Tây Âu vay nợ, và đồng ý đóng vai trò ngoại giao ngày càng lớn hơn trong trường quốc tế, đồng ý đảm nhận những vị trí chính trong quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), ngân hàng thế giới và các cơ cấu

toàn cầu khác.

Khi nào Nhật quyết định theo đuổi mêt trong ba chiến lược vừa nêu, thật khó mà minh xác. Phương pháp hành sự của Nhật thường chia ra nhiều hướng khác nhau. Tuy nhiên các nhà quan sát sắc sảo vẫn có thể đoán được họ chọn hướng nào. Đến lúc đó, thế giới sẽ bắt đầu đàm nhận được ảnh hưởng thực sự vươn tới của nước Nhật trong tương lai.

SÁCH LUỢC ĐÔNG TIẾN

Mâu thuẫn trong thế giới tư bản sẽ gia tăng, khi các tham vọng của Nhật va chạm với những tham vọng của các nước Mỹ và châu Âu. Điều đó gợi cho chúng ta nhớ lại những dòng đã được viết vào ngày 23-8-1915:

“Một liên bang của châu Âu có thể xuất hiện nhưng cuối cùng để làm gì? Mục đích chỉ nhằm ngăn chặn chủ nghĩa xã hội ở châu Âu, liên minh bảo vệ những nguồn lợi... khỏi rơi vào tay Mỹ và Nhật”.

Người viết những dòng này khi đó chỉ là một nhà cách mạng không tên tuổi là Vladimir Ilich Lenin, chưa phải là người lãnh đạo Liên Xô. Ông ta sẽ làm gì trong những biến cố như ngày nay?

Giống như sự đổ vỡ của chủ nghĩa cộng sản, cuộc chạy đua để tiến tới thống nhất châu Âu là

kết quả của làn sóng thứ ba và hệ thống sáng tạo của cải mới của nó. Chủ toạ của Hội đồng Bộ trưởng ngoại giao của khối thị trường chung châu Âu là Gianni de Michelis nói: “Sự thống nhất là một đáp ứng chính trị xuất phát từ nhu cầu chuyển từ xã hội công nghiệp sang một xã hội hậu công nghiệp”. De Michelis đã tiên đoán một sự bùng nổ kinh tế khổng lồ khi kinh tế thị trường lan rộng sang Đông Âu. Nhưng thực tế tình trạng không có tốt đẹp như vậy.

Sự sụp đổ chính quyền Macxits ở Đông Âu đã cho người dân ở đó được hưởng hương vị của tự do và một làn gió hy vọng. Nhưng nó cũng biến đổi cả cuộc đấu tranh bộ ba giữa Mỹ, Nhật và châu Âu, nó tạo ra một quyền lực chân không, và đặt châu Âu vào một tình huống đầy bất ngờ, không kịp chuẩn bị một chiến lược gì cả.

Chúng ta hãy giả sử rằng vùng này hãy còn hoà bình, mặc dù những hận thù dân tộc đang sôi sục ở Nam Tư, Bulgari và Rumani và các nơi khác. Giả sử rằng những kẻ mị dân không khuấy động những cuộc họp về biên giới giữa người Đức, người Ba Lan, người Hung và người Rumani sẽ không có những cuộc đàm áp quan sự, nội chiến hay biến động chính trị khác. Giả sử thêm rằng Liên Xô sẽ không can thiệp vào những phần đất đầy diên cuồng này. (Một tờ báo Xô Viết úc đoán rằng khái niệm thực sự của một Liên bang cộng hoà xã hội

chủ nghĩa Xô Viết có thể biến mất trên bản đồ chính trị thế giới).

Nếu, ngược lại sự ổn định tương đối được duy trì, thì chắc chắn là Đông Âu đang mong chờ Tây Âu tràn vào khi Liên Xô rút lui, và khi đó theo quan điểm thực tiễn mà nói, cái gọi là Tây Âu là chỉ nước Đức.

Nhưng cái mà dĩ nhiên Đông Âu không được phép làm, ít nhất cũng một thời gian rất dài, là vượt ra khỏi tình trạng công nghiệp ống khói.

Những người Đông Âu sẽ nâng niu sự độc lập mà họ đạt được vô cùng khó khăn này, và họ sẽ kết hợp lại thành những liên bang để họ có thể nâng cao quyền lực thương lượng với Tây Âu. Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ là James Baker, đã đề nghị một liên minh giữa người Ba Lan, Hung và Tiệp. Nhưng cho dù phục sinh một đế quốc Áo Hung và Hoàng đế Franz Josef tái sinh (một vài người Tiệp trẻ tuổi muốn Tổng thống - Tác giả kịch Vaclav Havel của họ được gọi là Vua) hay thành lập một Liên bang Đông Âu nữa, cũng không thể nào ngăn cản được ảnh hưởng mới của Tây Âu.

Nguyên nhân có thể thấy rõ, khi chúng ta so sánh các tam giác quyền lực - kinh tế, quân sự và tri thức giữa Trung Âu và Tây Âu.

Cộng đồng châu Âu dù không kể tới sự kết hợp thêm một quốc gia nào nữa, vẫn mang về cho cựu lục địa một quyền lực, đủ cả ba mặt to lớn.

Nhin lướt qua tiềm năng quân sự của châu Âu, bỏ qua hai khối NATO và Vacsava và hãy tưởng tượng rằng phần lớn quân đội Mỹ và Liên Xô đã rút lui, Tây Âu vẫn làm chủ được sức mạnh quân sự to lớn.

Đầu tháng 10 -1988, Thủ tướng Tây Đức là Helmut Kohl đề nghị thành lập một quân đội “tổn châu Âu”. Dù ông đã luôn luôn hát điệp khúc cộng tác với Mỹ, nhưng giọng điệu “Mỹ rút về nước” vẫn âm vang một cách rõ ràng. Khi sự đe doạ của Liên Xô đã chấm dứt, người Đức thấy là sự bảo vệ của Mỹ không còn cần thiết nữa. Thực sự là một sự triệt thoái hoàn toàn của quân đội Mỹ sẽ làm tăng gấp đôi chi phí thiết lập quân sự của Tây Âu. Nhưng cho dù cái giá có tăng lên gấp ba lần nữa, mà chia đều ra cho nhiều nước vẫn có thể hoàn toàn chấp nhận được. Kết quả là xuất hiện một châu Âu rất mạnh về quân sự.

Nếu có ai hồ nghi rằng tương lai ai là người lãnh đạo quân đội châu Âu, thì hãy nhìn vào một vài con số sau đây sẽ thấy ngay. Mãi tới ngày nay, Pháp và Tây Đức hầu như vẫn cân bằng về quân sự. Quân đội Pháp có 466.000 thì quân Đức là 494.000. Pháp có 21 tàu ngầm, Tây Đức 24; Pháp có 9 phi đội Mirager và Jaguar, Tây Đức có 21 phi đội Tornados, F4-Fs và Alphas.

Tuy nhiên, sự thống nhất hai nước Đức đã làm đảo lộn hình ảnh cân bằng này. Với sự thống 500

nhất hai lực lượng Đông Tây Đức, phí tổn quân sự Đức tăng 40%, quân đội tăng 50% và năng lực chiến đấu cơ tăng 3 lần hơn Pháp. Sự thống nhất của Đức làm cho chủ trương chính sách của cựu Tổng thống là Giscard d'Estaing được mọi người chú ý, ông tuyên bố: "Lực lượng quân sự của Pháp nên cân bằng với những lực lượng khác trên lục địa của chúng ta, tức là nói phải tương đương với lực lượng của Đức".

Dĩ nhiên là Pháp có vũ khí hạt nhân và lực lượng tiến công nổi tiếng, Anh cũng có một lực lượng hạt nhân riêng. Nhưng cũng có thể xác nhận rằng, chỉ cần nước Đức tuyên bố là cần thì có thể chỉ trong một đêm là họ có ngay vũ khí hạt nhân. Đó là sự kiện mà Anh, Pháp và toàn thế giới đều biết rõ.

Chuyện càng làm xáo trộn cán cân quân sự bên trong châu Âu, hơn nữa là trước đêm ký kết phải tiêu huỷ vũ khí hạt nhân, Liên Xô đã bí mật chuyển tới Đông Đức 24 tên lửa tầm trung SS23. Do sự thống nhất, những tên lửa này đã trở thành tài sản của quân đội Đức thống nhất và đó là điều cuối cùng Liên Xô không muốn.

Trong khi toàn bộ các cuộc hội đàm giữa các chính khách châu Âu diễn ra trong sự đoàn kết, ngọt ngào và nhẹ nhàng, thì các tướng lĩnh của các phe đang cảm nhận những con số lực lượng quân sự của các nước. Năng lực chiến đấu không thể bị cản

trở do sự tính toán, và cũng không ai tin chắc rằng sự việc 1870, 1914, 1939 có thể tái diễn. Nhưng sự so sánh thô thiển này thôi cũng chứng tỏ rằng: trừ phi có những tình trạng quá khẩn cấp (thí dụ như cần sử dụng đến vũ khí hạt nhân) không thì quân đội các nước ở châu Âu không có nước nào động viên quân đội dễ dàng như nước Đức.

Nhân dân Đức ngày nay không còn là những người cuồng tín Đức quốc xã. Họ đã thâm nhập trong sự sung túc, trong các giá trị dân chủ trung lưu, họ không còn hiếu chiến. Tuy nhiên, bao giờ lực lượng Tây Âu được tập trung để dập tắt những biến động ở Đông Âu thì quyết định quan trọng sẽ là của Berlin, chứ không phải Paris hay Bruxel.

Mặc tất cả những lời xoi mói thường xuyên của Washington về sự thờ ơ của châu Âu không “chia xẻ gánh nặng quốc phòng” nhưng châu Âu mới hiện nay, tự bản thân nó đã là một lực lượng quân sự quan trọng.

SAU BUỔI SÁNG CHÂU ÂU

Quân đội châu Âu trong tương lai sẽ ngự trị trên một nền kinh tế khổng lồ, đó là cái chân thứ hai của tam giác quyền lực. Cộng đồng châu Âu, dù không tính tới sự gia nhập thêm nước nào nữa, chỉ với 12 thành viên của nó đã là to lớn rồi. Với 320 triệu dân, nó giữ một tổng sản phẩm quốc gia

bằng với Hoa Kỳ và gấp một rưỡi (1,5) Nhật. Nhìn chung, các quốc gia châu Âu chiếm giữ 20% mậu dịch quốc tế, nhiều hơn Mỹ và Nhật.

Cùng với lãnh vực quân sự, các quyết định then chốt về tài chính của châu Âu sẽ một lần nữa được thực hiện bởi Berlin trong Bộ Tài chính Đức và ngân hàng Đức (Deutschebank) phản ánh thực tế kinh tế giữ vai trò lãnh đạo. Nền kinh tế của nước Đức thống nhất đạt tới 1,4 ngàn tỉ và gấp 1,5 lần quốc gia đứng thứ nhì châu Âu là Pháp.

Phải cam chịu về sự không cân đối quyền lực này, nhưng rất lo sợ, cho nên lãnh đạo khối Tây Âu là Pháp đang hối thúc thành lập một liên bang EC chặt chẽ và mạnh hơn, với giả thiết rằng Liên bang này sẽ giới hạn được hành động tự do của Đức. Nhưng khi EC đòi có một tiền tệ chung và một trung tâm ngân hàng, cũng như nhận lãnh vai trò sen đầm trong khu vực, thì sau khi nước Đức thống nhất thì sức ảnh hưởng của nó đối với toàn thể châu Âu cũng theo đó mà tăng thêm chứ không giảm sút chút nào. Tuy nhiên sự xuất hiện của hệ thống Trung tâm Đức chỉ là một phần của chiến lược Đông tiến, dù chưa bộc lộ cũng đã khiến mọi người kinh hãi.

Vì chiến lược kinh tế vừa phát sinh này đang được phát triển bởi các chính phủ và các tập đoàn trong khối EC là giành lấy thuận lợi về lao động rẻ ở Tiệp, Hung, Ba Lan và các quốc gia Đông Âu

khác, cũng như dùng nó cho sự sản xuất hàng loạt với giá thấp. Các sản phẩm được sản xuất không phải chủ yếu là dành cho người Đông Âu mà là nhằm xuất khẩu sang Tây Âu.

Tóm lại, công nghiệp ống khói thì phát triển ở Đông Âu, còn ở Tây Âu thì phát triển điện toán và sản phẩm tiêu dùng. Nước Đức thống nhất bấy giờ không hoạt động như một trung tâm của cộng đồng Tây Âu mà như là một quản lý cho hệ thống chung cả lục địa.

Sự thực hiện của chiến lược kinh tế rộng lớn này, sẽ làm chuyển dời quyền lực bá chủ ở Đông Âu từ tay Liên Xô sang tay Tây Âu và Đức, những người chiếm vị trí này trong vài thập niên tới sẽ gặp rất nhiều xáo trộn và khó khăn.

Chiến lược Đông tiến hình thành nhanh chóng này sẽ tạo ra tiền đề rằng, Liên Xô sẽ quay về với sự bận tâm về các vấn đề quốc nội của nó, và họ sẽ chuyển sự chú ý quân sự tới vùng Hồi giáo ở phía Nam Liên Xô cũng như Trung Quốc và Thái Bình Dương, hơn là về phía châu Âu. Hoặc là do những giao dịch kinh tế có thể thực hiện được ở Liên Xô, và điều đó sẽ làm dịu đi những chống đối của họ đối với việc Đức hóa Đông Âu. Điều này sẽ phụ thuộc vào tình hình chính trị trong nước của Liên Xô cũng như những biến cố không lường được ở Trung Quốc và châu Á nói chung.

Chiến lược Đông tiến cũng tạo ra tiền đề

rằng, tự thân khối EC có thể mở ra những lời hứa hẹn tươi sáng cho Tây Âu, một vận tốc tăng trưởng năng suất từ 4,5% đến 7% và từ 2 đến 5 triệu công việc mới trong mười hai nước thanh viên, hiệu quả sản xuất sẽ cao hơn, khả năng cạnh tranh mậu dịch thế giới sẽ mạnh hơn, lợi nhuận cao hơn.

Nhưng, trước mắt kế hoạch của khối EC vẫn đặt trên quan điểm lạc hậu về nền kinh tế đại quy mô, nó chỉ thích hợp để áp dụng cho sản xuất theo cơ chế công nghiệp ống khói, hơn là cho các nền kinh tế tiên tiến tổ chức theo cơ chế thông tin và các hoạt động dịch vụ.

Ngoài ra, trong khi hệ thống sáng tạo của cải mới phát triển trên tính chất dị chủng (heterogeneity), nhấn mạnh tính chất sản xuất số lượng nhỏ mà đa dạng và địa phương hóa, phân chia thị trường và phân tán tài chính, thì chiếc xe hủ lô EC, mặc dù oang oang nói ngược lại, nhưng đang định san bằng những khác biệt.

Chiến lược Đông Âu áp dụng cũng gặp những vấn đề như vậy. Đầu tiên là nó phải ổn định cho được tình hình chính trị trong những xứ y như là thuộc địa này. Nhưng cuộc đua về phía dân chủ hóa, với quốc hội và đa đảng không bảo đảm được là xú xích và bánh mì sẽ nằm yên trên bàn.

Nếu những điều kiện kinh tế tồi tệ này không được cải tiến mau lẹ, thì sự tệ hại trong những quốc hội, đảng phái và bầu cử có thể thoái hóa thành

những hỗn loạn xã hội, sự tham nhũng, khủng bố ngoài thị trường. Và có thể quay trở về chủ nghĩa quân phiệt hay phát xít, loại thể chế quân sự quen thuộc với khu vực này trước Thế chiến II. Có lẽ sự giúp đỡ của các nhà đầu tư nước ngoài để duy trì sự ổn định và trật tự là điều kiện tối cần thiết cho khu vực này.

Sau tình trạng hối hả ban đầu do tiền vốn của phương Tây đổ vào, người dân Đông Âu sẽ ngày càng căm ghét tình trạng thuộc địa kiểu mới này. Sự căm ghét sẽ đun sôi tinh thần chống đối. Sự kiệt quệ về kinh tế sẽ bị quy cho các nhà đầu tư nước ngoài, để quốc chủ nghĩa và những kẻ làm bung xung ở địa phương (những con tốt thí, những kẻ giơ đầu chịu tội). Các khoản vay khẩn cấp sẽ tiếp nối nhau để duy trì nền kinh tế, và rồi sẽ tới lúc họ yêu cầu hoãn nợ và xóa nợ.

Coi như không có gì xảy ra, tiền đề cơ bản của “chiến lược Đông Âu” chính yếu là giá nhân công rẻ, cũng cần đặt lại vấn đề. Như chúng ta đã biết, nhân công rẻ ngày nay cũng đã ngày càng đắt. Vì giá nhân công trong tỉ lệ thành phẩm của sản phẩm đã từ từ bị hạ thấp, cho nên ngoại trừ các sản nghiệp quá lạc hậu không nói, còn sự tiết kiệm nhân công, tức nhân công đóng góp vào giá thành sản phẩm trở nên quá nhỏ.

Cùng lúc chúng ta cũng phát hiện ra rằng nền kinh tế chậm chạp không dễ gì đuổi kịp nền

kinh tế tiên tiến mau lẹ. Tại Ba Lan, cho đến gần đây nhất, chỉ có việc chuyển tiền từ nhà ngân hàng này đến ngân hàng khác cũng phải mất thời gian từ một tháng đến sáu tuần lễ. Sự đổi mới toàn bộ Đông Âu so với yêu cầu của Tây Âu quá chậm chạp và sự thiết lập cơ sở điện khí hầu như là con số không. Tất cả những điều đó sẽ khiến cho “chiến lược Đông tiến” phải trả giá đắt hơn cái gì đã thể hiện. Cuối cùng nếu bộ phận quan trọng của nền công nghiệp ống khói của phương Tây có thể chuyển sang Đông Âu, Chính phủ các nước Tây Âu cũng có thể bị gia tăng áp lực ngày càng mạnh từ phía những hiệp hội công đoàn áo xanh, gia tăng đòi hỏi phúc lợi và bảo vệ lao động.

Đặc biệt tại Đức, thế lực chính trị phản đối ngày càng bành trướng như đảng Dân chủ sẽ phối hợp với cánh phát xít mới cánh hữu nêu cao chủ nghĩa dân tộc, công kích chính sách thuê mướn đám người này. Cùng lúc đảng Áo xanh cũng đứng lên phản đối đem công nhân nước ngoài rẽ tiền và tiến công vào đám công nghiệp ô nhiễm chuyển sang Đông Âu, nơi đã từng bị ô nhiễm nhất thế giới.

Nếu có một ngày nào đó, Đảng Dân chủ liên kết với Đảng Áo xanh nắm quyền nước Đức, và nó sẽ gây ra sức ảnh hưởng lớn khắp châu Âu, làm cho sự phát triển khoa học kỹ thuật của châu Âu chậm bước lại, vì đảng Dân chủ từ lâu có những va

chạm mạnh giữa công nhân và khoa học kỹ thuật. Đảng Áo xanh thì ăn cánh với Luddites, là phái chủ trương rằng máy móc tạo ra sự thất nghiệp và khoa học kỹ thuật đưa con người đến bệnh hoạn.

Ngân hàng châu Âu tái thiết và phát triển được thành lập do sự tài trợ của các nước phương Tây và Nhật. Với tính chất canh tân và phong cách lãnh đạo của Jacques Attali, ngân hàng này có thể dùng khoa học kỹ thuật và phát triển kinh tế làm chìa khóa tiến công vào Đông Âu. Nhưng đó là một quá trình không dễ thực hiện.

Cho nên tương lai trong mười năm nữa, cứ theo đà ván đề châu Âu tiềm tàng bắt đầu xuất hiện cơn sốt thương nghiệp và chính trị của chiến lược Đông tiến từ từ nguội lạnh. Nguồn tài lực châu Âu hùng hậu, nhưng cho đến bây giờ, họ sẽ vận dụng chiến lược như thế nào, lại vẫn còn là dấu hỏi lớn.

TÙ LÝ LUẬN CÁNH TẢ ĐẾN PHÙ HIỆU HỌC

So với Nhật và Mỹ, tương lai quyền lực của châu Âu lớn nhỏ, tuỳ thuộc vào yếu tố thứ ba là cơ sở tri thức.

Nếu lấy giải thưởng Nobel và những nhà nghiên cứu thực nghiệm xuất sắc cùng các cơ cấu tổ chức khoa học làm thước đo, thì Tây Âu không có gì đáng lo ngại lắm. Năng lực nguyên tử, hàng

không và người máy robot đều phát triển khá mạnh. Việc nghiên cứu thẻ siêu dẫn của họ hơi chậm, nhưng cũng đã có một chân dung. Về lâu về dài, khoa học kỹ thuật của cộng đồng châu Âu cũng sẽ được tài trợ để tiến lên.

Trong phương diện này, nước Đức sẽ dẫn đầu. Các nhà khoa học Tây Đức được hưởng ngân sách nghiên cứu lớn nhất châu Âu, Tây Đức có nhiều Patents ở Mỹ, gấp 2,5 của Anh và Pháp. Từ năm 1984, Tây Đức được giải về khoa học hàng năm, nhất là về kỹ thuật máy quét, kính hiển vi (Scaning tunneling microscope), cùng hiệu ứng lượng tử Hall.

Nhưng châu Âu (gồm cả Đức) trong lãnh vực quan trọng về điện toán và khoa học kỹ thuật thông tin, nhất là việc chế tạo vi mạch điện tử (chip manufacture) và vi tính siêu cấp (supercomputers) vẫn chưa đuổi kịp Nhật và Hoa Kỳ. Sự thất bại gần đây của công ty điện toán Nixdorf ở Tây Đức, bị hãng Siemens mua đứt. Lại còn thêm vấn đề đối diện với hãng Norsk Data ở Na-Uy (Norway) và hãng Philips ở Hòa Lan (Holland) càng phơi bày sự yếu kém của châu Âu về lãnh vực truyền thông và điện toán.

Nguyên nhân chậm tiến trong viễn thông điện tử của châu Âu, do bưu điện và điện tín độc quyền lũng đoạn.

Đồng thời vấn đề giáo dục ở châu Âu cũng

giống như ở Mỹ quốc thuộc hệ thống trung ương tập quyền, mang nặng hình thức chủ nghĩa và cứng rắn. Tuy nhiên văn hóa châu Âu vẫn có uy tín và xuất khẩu nhiều hơn Nhật Bản, nhưng nói về mặt sáng tạo và nghệ thuật đại chúng cùng các hình thái sống động thì châu Âu vẫn thua xa Hoa Kỳ. Dĩ nhiên, cũng có người nói, về mặt nào đó thôi còn mặt đạo đức và mỹ học thì châu Âu vẫn hơn Hoa Kỳ. Nhưng trong tình trạng biến đổi quá mau ngày nay, kỹ thuật truyền hình trở thành lạm phát, thì lại có thể nói về văn hóa quần chúng thì Hoa Kỳ vẫn dẫn đầu thế giới.

Sau thế chiến, về phương diện tư tưởng và ý thức, Tây Âu xuất khẩu chủ yếu là lý thuyết Marxist. Cũng có một thời xuất khẩu chủ nghĩa hiện sinh, sau đó là học thuyết cơ cấu và gần đây nhất là phù hiệu học (semiology). Hiện giờ thì thị trường tư tưởng toàn cầu cái gì cũng suy đồi.

Nhưng ngày nay chính trị ở châu Âu đang có một sản phẩm dẫn đầu, đó là mô hình xã hội dân chủ, mang hình thái lý tưởng rất quan trọng. Nếu không bị khống chế và uốn cong bởi một thiểu số vận động sinh thái, thì lý tưởng đó đã lan tràn khắp thị trường Mỹ, Nhật, Đông Âu và Liên Xô.

Cuối cùng, nếu so sánh ba khối: Mỹ chú trọng vào hiện tại, Nhật luôn luôn ý thức về tương lai, thì châu Âu lại tưởng niệm về dĩ vãng. Đúng như câu ngụ ngôn khôi hài sau đây: Có năm người dân

Anh muốn thay một bóng đèn, trong khi một người thay, thì bốn người khác lại bảo rằng bóng đèn cũ tốt hơn.

Vì những lý do đó, trừ phi Tây Âu mở tung được cơ sở tri thức, tạo được hệ thống kinh tế thống nhất, xây dựng được cơ cấu quân sự mới mẻ, nếu không thì không sao có thể tạo được thế cân bằng quyền lực.

Đối với sự kiện chuyển dời quyền lực từ khu vực đến toàn cầu, châu Âu có cả một sách lược vĩ đại, nhưng nó có tính chất tái sinh, chứ không phải là thứ phát triển mới mẻ gì, đúng như các nhà địa lý chính trị hay nói, mang tâm trạng đất cát thì chỉ khống chế được cái gì thuộc dĩ vãng.

NGƯỜI KHỔNG LỒ BỊ THƯƠNG

Nói đến người khổng lồ bị thương, khiến chúng ta nghĩ đến Hoa Kỳ. Dĩ nhiên, đối với Hoa Kỳ trong tam giác quyền lực thì quân sự là quan trọng nhất. Vì quân lực của châu Âu và Nhật, chủ yếu vẫn là lực lượng có tính chất khu vực, khả năng hoạt động của nó chỉ giới hạn trong một phạm vi nào đó thôi. Trái lại lực lượng quân sự của Hoa Kỳ và Liên Xô, dù đã cắt giảm, vẫn còn có đủ khả năng hoạt động khắp địa cầu.

Nhưng do tình hình nội bộ Liên Xô lủng củng, Hồng quân còn cần phải đối phó với các phong trào

đòi độc lập, sự xung đột chủng tộc, và tiềm năng bất ổn dọc đường biên giới giữa Iran và Trung Quốc. Trong khi nguồn quân lực của Hoa Kỳ có đầy đủ thực lực để khai triển bất cứ ở đâu (Thí dụ Mỹ có đến 14 chiếc hàng không mẫu hạm, trong khi Liên Xô chỉ có 4 và châu Âu cũng chỉ có 6). Khả năng quân sự toàn cầu của Mỹ so với các quốc gia khác thật hoàn toàn khác biệt.

Quân lực Hoa Kỳ mặc dù vĩ đại, lại còn đặt dưới quyền điều khiển chặt chẽ của giới quân sự và do các sĩ quan tướng tá được giáo dục đại học điều hành. Nhưng vẫn còn ràng buộc trong chiến lược toàn cầu quá xưa cũ, đó là quan niệm chiến lược quá chú trọng đến sự uy hiếp của Liên Xô đối với Tây Âu. Kết quả, gây ra sự hỗn loạn giữa nguồn lợi quốc gia và dịch vụ ưu tiên, đó là do đầu não cấp lãnh đạo nhận định sai lầm.

Cũng vì nguyên nhân đó mà Quốc hội gây áp lực, yêu cầu cắt giảm dự toán ngân sách quốc phòng, hoàn toàn không phải xuất phát từ quan điểm phản ứng của thế giới, mà chính là vì yếu tố chính trị nội bộ của Mỹ.

Hoa Kỳ không có quan điểm chiến lược hoàn chỉnh, điều đó chứng tỏ trong các khoản chi tiêu của quốc phòng, phần lớn đều dùng vào việc chế tạo những hệ thống vũ khí không thích hợp, thêm vào đó là sự phối hợp sai lầm về không, thời gian, quốc phòng bao che các nhà thầu thành lâng phí,

hay như câu ngạn ngữ “700 đô - là một cái búa vàng”. Đồng thời, cũng biểu hiện những hành động liều lĩnh như lật đổ Manuel Noriega ở Panama. Hiện nay lập trường giải quyết những sự việc trọng đại trên toàn cầu của Hoa Kỳ chỉ là những phản ứng bị động, không giống như ngày xưa họ luôn luôn chủ động hướng dẫn.

Rồi đây, quân lực Hoa Kỳ sẽ triệt thoái khỏi châu Âu. Ít có ai bàn đến điểm là, nếu điều kiện chiến lược khu vực Thái Bình Dương biến đổi, như tình hình đại lục Trung Quốc rối ren, Nhật tái vũ trang, Philippin xảy ra nội chiến và Liên Xô lại tiếp tục quan tâm đến khu vực này, thì Hoa Kỳ rất có thể đưa quân lực trở lại Thái Bình Dương, chiến lược chuyển quân từ châu Âu sang Thái Bình Dương, thì không quân và hải quân có lợi hơn là lục quân. Những người Nhật hằng lo về các nước láng giềng nên hoan nghênh cuộc đổ quân của Mỹ tại Thái Bình Dương.

Tại những nơi xảy ra những cuộc bạo động hay hỗn loạn cực nguy hiểm đì nữa, Hoa Kỳ cũng không còn giữ được vai trò cảnh sát trên toàn cầu nữa (không kể là vì lợi ích của bản thân hay là thay mặt cho người khác). Nhưng cũng chỉ có quân lực Hoa Kỳ mới có khả năng liên minh với bất cứ nước nào hay tổ chức quốc tế, để cùng giải quyết những cuộc xung đột mang tính khu vực uy hiếp đến nền hòa bình toàn cầu. Và trong những thập niên tương lai, sẽ có

nhiều nước mong mỏi có người đóng vai trò cứu hoả như vậy.

NGÂN SÁCH GIẢM BỚT THÂM HỤT

Nếu hình thành chiến lược quân sự mới, có thể sẽ ảnh hưởng đến một trong tam giác quân lực của Hoa Kỳ, tức là kinh tế. Quân lực của Mỹ từ cơ sở số lượng của làn sóng thứ hai, đã chuyển sang cơ động, tốc độ và phạm vi động viên theo hình thức của làn sóng thứ ba. Đó là xu hướng tổ chức theo mô hình nhỏ, có thể do hệ thống kinh tế của Mỹ bơm hơi cho nguồn năng lực mới.

Do áp lực địa phương, quốc hội cắt giảm ngân sách quốc phòng. Sự kiện ấy có thể gây tai hại cho kế hoạch nghiên cứu và phát triển của Hoa Kỳ, đồng thời cũng khiến cho tốc độ tiến triển của hệ thống kinh tế chậm lại (cho đến bây giờ, kinh tế Mỹ vẫn cou theo kế hoạch của Lâu Năm Góc).

Nhưng một khi Mỹ rút quân ra khỏi châu Âu, có nhiên một mặt, ngân sách quân sự của châu Âu phải gia tăng, một mặt giúp cho ngân sách Hoa Kỳ bớt bị thâm thủng, và bớt phải i lại vào ngân sách của Nhật. Trong thời gian ngắn có thể tạo ra sự thất nghiệp, nhưng điều đó có thể làm hạ thấp lạm suất, và gia tăng đầu tư.

Tài chánh của Liên bang sau khi được giải toa, không chắc nó có được dùng để tiến hành

những công cuộc cải cách xã hội lâu dài, nhưng ít ra cũng có một bộ phận đầu tư vào giáo dục, săn sóc nhi đồng, huấn luyện nghề nghiệp, và các hướng khác. Các hướng sử dụng ấy nếu có kế hoạch sáng suốt thích đáng, sẽ là mồi lửa động lực kinh tế cho hậu thế.

Đã có nhiều sự thảo luận cho rằng kinh tế Mỹ suy thoái. Thật ra, sau Thế chiến II, Mỹ đã có chiến lược giúp cho châu Âu và Nhật phục hưng thành công. Tuy rằng có nhiều người ngộ nhận, nhưng cứ xem vào khả năng sản xuất và tỉ lệ mức thu nhập tổng số trên toàn cầu của Mỹ ngày nay, thì so với 50 năm về trước chưa có gì là biến đổi.

(Chỉ có sau thế chiến, hệ thống kinh tế của châu Âu và Nhật bị suy sụp trầm trọng, phải trải qua thời gian thanh thủ về nguồn. Nhưng từ sau thập niên 1970, Hoa Kỳ vẫn giữ vững được tư thế của mình)

Nhưng cuối cùng công nghiệp sản xuất không phải là mục tiêu quan trọng trong hệ thống kinh tế. Và trong hệ thống kinh tế siêu tượng trưng thì bộ môn thông tin và phục vụ mới là tiêu biểu chính, mà hai bộ môn này thì Hoa Kỳ vượt cả châu Âu lẫn Nhật. Kết quả vấn đề thất nghiệp ở Mỹ không trở thành nghiêm trọng như ở châu Âu.

Trong hệ thống kinh tế mới cần cẩn mẫn dịch bị nghiêng lệch thâm thủng là điều mà Washington lo sợ nhất, nhưng phải suy tư theo

góc độ mới. Đầu tiên, cái án tượng phổ biến cho rằng khả năng xuất khẩu của Hoa Kỳ bị thu hẹp là không chính xác. Từ thập niên 1980 Mỹ xuất khẩu toàn thế giới tăng lên 61%, tốc độ xuất khẩu tăng lên 1,5, riêng đối với Nhật tăng lên 114% nhưng nhập khẩu lại vọt lên 200%. Hiện nay sự chênh lệch đang được thu hẹp lại. Nhưng quan trọng hơn hết là: hệ thống kinh tế chuyển qua hướng phục vụ nhân dân trong nước, có thể là hiện tượng hoàn toàn lành mạnh, nhưng trong hệ thống đó có những sản phẩm mới không thể xuất khẩu được, thí dụ như y dược cho sức khoẻ hoặc là giáo dục.

Nghiêm trọng hơn, nhân dân Mỹ phàn nàn về “hai sự thâm thúy” thì cả hai đều tiếp tục giảm bớt. Nhưng, nghiêm trọng hơn là cơ cấu lạc hậu và tình hình xã hội rối ren, đang thâm nhập vào lãnh thổ Hoa Kỳ, cũng có thể đưa đến tình trạng xâu xé giữa gia đình và xã hội, các đoàn thể và chủng tộc.

Ngoài ra, nạn ma tuý lan tràn trong xã hội, cũng có thể sẽ tạo thành khoảng cách bất hòa giữa thành viên với quốc gia và thành viên với thành viên.

CHỌN MẶT GỬI VÀNG

Đối với việc phân tích và dự đoán sự tiêu trưởng quyền lực toàn cầu, đa số không những chỉ đưa ra những giả thiết quá đơn giản mà còn định

nghĩa quá sai lạc. Thí dụ như tác phẩm “Thăng trầm quyền lực” của Paul Kennedy, mà lý luận của nó có một ảnh hưởng khá lớn trong quần chúng, là đại chúng hóa quan niệm suy thoái của Hoa Kỳ. Mà trên cơ bản, tác giả chỉ căn cứ vào chỉ tiêu tư bản và quân lực mà cân đo lực lượng một quốc gia. Tuy rằng Kennedy cũng đề cập đến các hình thái ý thức, tôn giáo và văn hóa cùng các thứ, nhưng đặt ảnh hưởng giá trị quá thấp. Thật ra, tác động của những yếu tố ấy trước đây chưa có, nhất là Kennedy đã coi nhẹ vai trò tri thức, mà trên thực tế nó đã trở thành lực lượng chủ thể của quân sự và tư bản, đó là trung tâm biến đổi quyền lực trong thời đại chúng ta.

Ngoài ra, quyền lực như chúng ta thấy, không phải chỉ là vấn đề có bao nhiêu (số lượng) mà còn là có tốt không, nghĩa là chất và lượng của quyền lực đều quan trọng như nhau. Hơn nữa, quyền lực của một quốc gia không phải chỉ căn cứ vào quyền lực quốc gia khác để quy định, mà chính là liên hệ chặt chẽ với bản thân mục đích của nó. Quyền lực tương ứng với từng mục tiêu (tức là phản ánh một giá trị) và có thể không tương ứng với mục tiêu khác.

Châu Âu chỉ nhắm vào địa phương, trong khi Nhật thì ngần ngừ giữa địa phương và toàn cầu, đặc biệt Hoa Kỳ là hướng về toàn cầu. Là nước đã từng dắt dẫn thế giới hơn nửa thế kỷ, ngày nay

Hoa Kỳ không thể thu gọn tầm mắt của họ trong khu vực được.

Điều đó cũng không phải chỉ là yếu tố tâm lý, mà từ lâu nền kinh tế Mỹ đã có các mối liên hệ với nhiều khu vực trên thế giới. Các mối liên hệ đó ngày nay đã lan rộng và khăng khít, cho nên nếu cắt đứt mối liên hệ đó với bất cứ khu vực nào trong thế giới, hậu quả của nó không sao tưởng tượng được. Vì thế mà không một nhà chính trị lãnh đạo nào ở Hoa Kỳ dám gây ra tình trạng cắt đứt đó.

Đối với Nhật cũng có thể có trạng huống như vậy, và châu Âu cũng thế. Cho nên, bất cứ chế độ bảo hộ mậu dịch nào bị đe doạ nghiêm trọng (thí dụ như nói rằng nền kinh tế khủng hoảng, thì sự nhiễu loạn có thể liên hệ hỗ tương đến cả ba trung tâm lớn của chủ nghĩa tư bản). Huống chi con số bộ ba đó tự nó cũng không ổn định, nó là ba, nhưng cục diện thường là hai chọi một.

Dĩ nhiên, trong thế kỷ XXI sẽ có nhiều quốc gia và khu vực cùng nhau tranh giành hệ thống quyền lực. Lúc bấy giờ sẽ có những chiến lược mới và liên minh lật lùng ra đời. Có những quốc gia mà địa vị từ lâu lu mờ, thình lình lật lại trang sử và đột nhiên xuất hiện trong cuộc sống của chúng ta. Như ngay hiện giờ, khi lanh tụ các nước châu Âu tiếp xúc với Hoa Thịnh Đốn đều là tính việc thiết lập một liên minh mới không nói gì đến Moscow.

Trong đó có một số kiến nghị đặc biệt hạn hẹp

trong một phạm vi nào thôii, như vấn đề liên kết về truyền hình HDTV hoặc về kỹ thuật nói chung. Nhưng tâm lý mọi người vẫn đoán được rõ ràng: Tờ nhật báo lớn của Đức là Stuttgarter Zeitung từng viết rằng: “Mối liên hệ mật thiết giữa Mỹ và châu Âu có thể mang lại cho cả đôi bên những mối lợi lớn... và họ có thể ứng phó với người đối thủ của cộng đồng là Nhật”.

Nhưng nếu như việc quy hoạch chiến lược trường kỳ của Mỹ bị lầm lẫn, và xoay chiều lịch sử vào hướng đối nghịch, nói một cách khác là vô tình hay cố ý đẩy Nhật liên kết với Đức chia nhau thế lực kinh tế toàn cầu. Giống như xí nghiệp JVC của Nhật ngày nay đã vội vàng dời văn phòng tổng bộ châu Âu của họ về Berlin. Và hãng Mitsubishi cũng của Nhật đã thiết lập mối quan hệ với công ty hàng không Messers Chmitt của Đức. Và Hoa Kỳ cũng có thể mở rộng thành một thị trường cộng đồng Bắc Mỹ, cũng không sao chấp nhận được trò chơi áp bức toàn cầu lâu dài như vậy, hậu quả cuối cùng không sao tránh khỏi cuộc Thế chiến III đầy thảm hại. Nhưng, Hoa Kỳ và Nhật quay lại liên kết với nhau, thì kết quả sẽ có những sự đột biến.

Từ sau Thế chiến II, mối liên hệ giữa Mỹ và Nhật chưa có bao giờ tồi tệ như ngày nay. Vực thẳm ngăn cách giữa đôi bên có thể ngày càng mở rộng, khơi sâu. Những phần tử hiếu chiến ít trách nhiệm của cả đôi bên cũng có thể dùng tiền bạc

hay lá phiếu châm ngòi bùng nổ...

Một cựu nghị sĩ quốc hội của Nhật là Shintaro- Ishihara từng dự đoán, một ngày nào đó Mỹ có thể chiếm Nhật để cản trở việc Nhật sản xuất tinh phiến và cung cấp cho Liên Xô, tức là có thể có cuộc chiến toàn diện giữa Mỹ và Nhật. Đã hay đó là những dự đoán điên cuồng, nhưng trong ý thức của nhân dân hai nước không phải là không có.

Trong thế giới luôn luôn đầy những bất ngờ và ngạc nhiên, thì không có gì không thể xảy ra. Nhưng cứ nghĩ đến sự dụng độ xã hội đầy nguy hiểm dù là người có mưu đồ tranh giành bá quyền của Mỹ hay Nhật đi nữa cũng phải run sợ toát mồ hôi. Vì thử chiến tranh đó sẽ đưa nhân loại của hành tinh chìm trong cơn ác mộng đen tối hàng mấy trăm năm mới phục hồi được. Nếu châu Âu áp dụng quan niệm bảo vệ khu vực, quay lưng lại mặc cho Hoa Kỳ và Nhật cạnh tranh quyền lực trên Thái Bình Dương, thì cuộc cạnh tranh đó sẽ ngày càng bành trướng. Và quan niệm “pháo đài châu Âu” phong toả mọi cuộc chiến tranh ngoại lai thì khác nào đem cái chết để đánh đổi lấy hòa bình.

Trong tình thế khó khăn như vậy, Mỹ có thể đóng nhiều vai trò, biến mình thành châu Âu hay Nhật, nói chung thành lá bài trong cuộc chiến toàn cầu, có thể Mỹ đóng vai trò trung gian, hoặc giả cũng có thể giữ vai trò chủ tịch trong một khối liên minh

vào buổi đầu thế kỷ XXI nhưng liên minh với ai?

Muốn phân tích thấu đáo “tam giác quyền lực” chúng ta phải trở lại nghiên cứu lần nữa mối quan hệ ba yếu tố: Bạo lực, của cải và tri thức, mới có thể thấy được kết quả quyền lực trong các yếu tố tổ hợp khác nhau.

Thí dụ, qua sự phân tách, chúng ta thấy nếu Hoa Kỳ và châu Âu liên kết thật tình thì họ sẽ tạo được thế mạnh về quân sự (như tăng thêm sức mạnh cho khối NATO), kết hợp với một thị trường to lớn và của cải (tuy nhiên các bộ phận vẫn tương đương với công nghiệp ống khói). Đồng thời, kết hợp được khoa học kỹ thuật của Mỹ và châu Âu, sẽ tạo thành lực lượng văn hóa khá mạnh. Do mối quan hệ văn hóa và huyết thống lâu dài, sẽ tạo cho sự kết hợp của họ trở nên tự nhiên.

Còn đối với sự liên minh Nhật, khiến người ta nhớ lại thập niên 1930. Nhật gấp rút chỉnh đốn quân lực, cành tả nấm chính quyền, đồng thời cũng thúc đẩy Nhật tiến mạnh trên đường lối phát triển quốc gia đặt nhẹ vấn đề mở rộng thị trường cho sản phẩm và tư bản. Về mặt quân sự thì Nhật tiến hành giao dịch với Liên Xô, thậm chí đối với đại lục Trung Quốc còn mở rộng nhiều mối quan hệ táo bạo. Nếu Nhật bị châu Âu cho ra rìa, thậm chí cả Mỹ nữa (điều đó có thể tưởng tượng được), thì chẳng khác nào toàn cầu đã đặt cho mình một quả bom nổ chậm.

Trái lại, nếu bình tĩnh thẩm định, chúng ta có thể xét thấy, mặc dù tình hình giữa Mỹ và Nhật vô cùng khẩn trương, nhưng thực tế đôi bên vẫn còn có thể liên kết với nhau. Cuối cùng sẽ tạo ra những ảnh hưởng hoàn toàn khác nhau trên thế giới.

Trong ý kiến quần chúng, thế giới ngày nay có thể trong một đêm đã có những thay đổi. Tuy thoát nghe có vẻ kỳ lạ, nhưng nếu Mỹ - Nhật liên kết, để cân bằng lực lượng với "quả tim lục địa" châu Âu, thì sẽ tạo ngay một dự toán ngân sách quân sự to lớn kết hợp của khối thứ 1 và khối 3, đồng thời cũng mở rộng hai hệ thống kinh tế, đầy mạnh cơ sở khoa học kỹ thuật của hai khối trưởng thành mau lẹ. Sự liên minh này sẽ hình thành một chiến lược chiếm đoạt tay đôi hoặc là mở rộng phạm vi thế lực chiếm đóng. Trong phạm vi thế lực đó sẽ tạo nên sự trưởng thành một hệ thống kinh tế toàn cầu. Đó là khu vực Thái Bình Dương, đúng là "quả tim đại dương" ứng đối với quả tim lục địa.

Giữa hai sự kiện liên kết khác nhau ấy, Hoa Kỳ cũng tự thấy khó khăn trong việc lựa chọn. Nhưng ngoài những điều kiện vừa nói trên, còn một yếu tố là sự liên minh đó sẽ tạo nên những nỗi kinh hoàng khác nhau.

Do ở Washington cũng như Tokyo hoặc châu Âu rất ít có người đề cập đến, cho nên những nhà chiến lược của các nước giàu có và đầy quyền lực hầu như đều lăng quên điều vừa nói. Nhưng về lâu

về dài, nó sẽ tạo nên ảnh hưởng sâu đậm trong các nước.

Trong cuộc liên minh Âu - Mỹ mà không có Nhật, thì trên cơ bản là cuộc liên kết chủng tộc thuần nhất, vì cùng là giống da trắng. Nhưng trên thế giới ngày nay giống da trắng lại là giống ít người. Trái lại, cuộc liên minh Hoa Kỳ Nhật dù rằng giữa hai nước có nhiều thành kiến về chủng tộc, nhưng lại là một cuộc liên minh quyền lực giữa các chủng tộc với nhau, đó là nhân dân trên khắp khu vực toàn cầu, dù không cùng một ngôn ngữ.

Lịch sử không thể theo dõi như theo dõi chiếc xe lửa chạy trên đường ray mà dự đoán tương lai. Trong thời đại quyền lực đầy biến đổi, các cuộc cách mạng làm chấn động cả địa cầu, thì mọi hình thức kết hợp quyền lực đều có thể xảy ra. Châu Âu luôn luôn lo lắng về thế lực của Hồi giáo, có thể gây ra những áp lực ở phía Nam. Trung Quốc có khả năng xảy ra nội chiến. Những lá bài bất ngờ, những kịch bản lạ lùng, có thể tưởng tượng được lắm. Các nước khác trên thế giới không chắc chắn cứ ngồi mà nhìn Mỹ-Nhật - châu Âu chia nhau miếng bánh quá vĩ đại.

Trong cuộc cạnh tranh quyền lực toàn cầu, các nhà chiến lược của Washington, Tokyo, Bruxel, và Berlin có thể đã có kế hoạch chọn phía nào rồi. Quyết định của Washington (không cứ là ý thức hay không ý thức) chắc chắn sẽ tạo thành ảnh

hưởng tương lai trên khắp địa cầu, từ Trung Quốc đến Liên Xô, đến Trung Đông, châu Phi và các vùng châu Mỹ la tinh.

Như thế đối với cuộc tranh giành quyền lực trên chiến trường tư bản chủ nghĩa, chúng ta có thể đưa ra một kết luận chăng? Trong những biến đổi quyền lực tiếp theo, ai là kẻ chiến thắng cuối cùng?

Câu giải đáp, như chúng ta sẽ thấy sau đây, là chúng ta đã đặt sai vấn đề!!!

NHỮNG KIẾM KHÁCH TOÀN CẦU

Thứ hỏi những quốc gia nào sẽ thống trị thế kỷ XXI ? Nhưng thực tế đó là một câu hỏi sai, hay ít nhất là cách đặt câu hỏi không đúng, bởi vì hỏi như vậy tức bỏ quên vấn đề cái gì là sự thay đổi lớn nhất trong những sự kiện quốc tế, kể từ khi có tổ chức quốc gia, đó là sự xuất hiện những đầu sỏ hay những tay kiếm khách trên đấu trường quốc tế.

Một nhóm đầu thủ mới mưu cầu quyền lực đã nhảy vọt lên vũ đài thế giới và giành giụt những miếng béo bở nhất, mà trước đây chỉ do các quốc gia khác chiếm giữ một mình. Trong số đó, có số thì tốt, có số thì chắc chắn là đồ ma quỷ.

SỰ PHỤC HƯNG CỦA ĐẠO GIÁO

Khi một người say máu như Ayatollah Khomeini kêu gọi một thánh tử đạo hãy tìm cách giết Salman Rushdie, tác giả quyển tiểu thuyết

"Những vần thơ của quý sa tăng" đã bị Khomeini tố cáo là phỉ báng đạo Hồi. Vị giáo chủ này đã gửi một công hàm có tính cách lịch sử cho tất cả các chính phủ trên thế giới. Bức công hàm được truyền thông ngay tức khắc qua vệ tinh, truyền hình và in ấn trên báo chí. Thế nhưng, bức công hàm đó hoàn toàn bị hiểu lầm.

Người ta có thể lý luận rằng, tác phẩm của Rushdie, có thể rất khó chịu, nó làm mất lòng nhiều người Hồi giáo, nó đã chế nhạo toàn bộ đạo này và đã xúc phạm đến kinh Coran. Thật sự Khomeini cũng đã nói lên tất cả những điều vừa kể. Nhưng đó không phải là ý nghĩa thật sự của bức công hàm.

Khomeini muốn nói cho thế giới biết rằng, quốc gia Nhà nước không còn là diễn viên duy nhất và cũng không phải là quan trọng nhất trên vũ đài thế giới nữa.

Ngoài mặt, Khomeini hình như muốn nói rằng Iran, bản thân nó là một quốc gia có chủ quyền, đã có "quyền" ra lệnh cho các công dân, các nước khác cũng có quyền ngang như vậy. Khi tuyên bố quyền này, và đe doạ sẽ áp dụng sự khủng bố, Khomeini hình như đã thành lính bắn ra bằng ná cao su viên đá quyền lực, từ một vấn đề nội bộ của một nước đưa lên cao bắt cả thế giới phải chú ý.

Trong một thế giới đang phải chứng kiến một

nền kinh tế và các phương tiện truyền thông đã toàn cầu hóa, Khomeini lại còn muốn đòi hỏi toàn cầu hóa việc không chế tư tưởng.

Trong những thời đại trước đây, nhiều tôn giáo cũng đã khẳng định một quyền tương tự, và đã hoả thiêu những kẻ phản đạo, cùng hành quyết... Thế nhưng, khi đe doạ thực hiện một vụ ám sát vượt núi vượt biển như vậy, Khomeini đã hành động táo bạo hơn là chỉ tiến công S. Rushdie, một công dân Anh. Thật ra, ông ta đang thách thức về quyền căn bản của bất cứ một quốc gia nào, là quyền bảo vệ các công dân tại quốc nội.

Cái mà Khomeini đã thật sự báo cho chúng ta biết là các quốc gia có *chủ quyền* ấy, không còn có chủ quyền gì nữa cả, nhưng phải lệ thuộc dưới chủ quyền cao hơn của người Shiite, mà chỉ có mình ông ta có thể định nghĩa tức là một tôn giáo hoặc một nhà thờ có những quyền để thay thế các quyền của một Nhà nước đơn thuần.

Thực tế, ông ta đang thách đố toàn bộ cơ cấu của luật pháp và tập quán quốc tế “hiện đại”, mà cho đến nay đã được xây dựng dựa trên cơ sở khẳng định rằng các quốc gia là những đơn vị cơ bản, những diễn viên chính trên sân khấu toàn cầu. Sự khẳng định này đã mô tả rằng hành tinh chúng ta được phân chia một cách chặt chẽ ra làm nhiều quốc gia, mỗi nước có quốc kỳ và quân đội riêng của mình, có lãnh thổ ghi rõ ràng trên bản

đồ, một ghế ngồi tại Liên Hợp Quốc và một số quyền lợi pháp lý được ấn định hợp lý.

Không phải ngẫu nhiên mà hâu khắp thế giới hình như đều cho rằng Khomeini là mẫu người tàn bạo của kỷ nguyên tiền công nghiệp hóa. Ông ta thật sự là mẫu người của thời Trung cổ ấy. Sự kiện ông đã khẳng định ưu quyền của tôn giáo trên các quốc gia - Nhà nước, có thể so sánh tương đương với học thuyết mà các vị giáo hoàng Trung cổ đã tuyên bố trong hàng bao thế kỷ tranh chấp đẫm máu giữa giáo hội và Nhà nước trước đây.

Lý do này quan trọng là rất có thể chúng ta sẽ quay về với loại hệ thống thế giới có sẵn trước khi có chế độ công nghiệp, trước khi quyền lực chính trị được đóng khung trong những thực tại đã được ấn định rõ ràng.

Thế giới trước thời kỳ công nghiệp ống khói là một mớ hỗn lốn những đô thị - Nhà nước, các cảng biển tặc, các lãnh địa phong kiến, các phong trào tôn giáo và những thực tại khác. Tất cả đều chen lấn nhau để giành quyền lực và đòi hỏi quyền hạn, mà ngày nay chúng ta gọi là quốc gia, thời đó rất ít và mơ hồ, đó là một hệ thống không thuần chủng.

Trái lại, hệ thống quốc gia - Nhà nước đã tiến hóa qua các thế kỷ công nghiệp ống khói, nó đã được tiêu chuẩn hóa và đồng dạng hơn.

Chúng ta đang quay trở về, một lần nữa với một hệ thống toàn cầu phức tạp hơn nhiều mà duy

nhất chỉ có trong một thế giới chuyển biến nhanh với ngành khoa học kỹ thuật cao, với phương tiện truyền thông trong nháy mắt, với tên lửa hạch tâm, và chiến tranh hóa học. Đây là một bước nhảy vọt, nó đẩy chúng ta về phía trước, đồng thời cũng có thể giật lùi và là lực đẩy tôn giáo một lần nữa vào trung tâm của vũ đài thế giới, cho nên không phải chỉ riêng có những kẻ quá khích như đạo Hồi.

Một trường hợp điển hình hoàn toàn khác hẳn là quyền lực đang lớn mạnh trên thế giới của giáo hội Thiên chúa giáo. Quyền lực ngoại giao của Đức Giáo hoàng đã thể hiện gần đây trong nhiều vụ biến chuyển về chính trị quan trọng, từ Philippin đến Panama.

Đức giáo hoàng không phải là phần tử cuồng nhiệt và không với tay đến các tôn giáo khác. Ngài đã thẳng thừng tuyên bố chống lại sự bạo động giữa các chủng tộc. Thế nhưng, vọng lên từ một quá khứ xa xăm tiền thế tục, đã vắng nghe trong tiếng gọi của Ngài, là nên có một “châu Âu theo đạo Chúa”

Những sự khuấy động tôn giáo như thế là bộ phận của sự tiến công vào thành trì thế tục, từ lâu cơ chế dân chủ đã được củng cố trong thời đại công nghiệp và giữ một khoảng cách lớn giữa đạo và đời. Nếu châu Âu theo Thiên chúa giáo, nghĩa là tách rời với thế tục, thì những người ngoại đạo biết sống ở đâu cho thích hợp, hoặc những người Ấn Độ giáo,

Do Thái giáo, hay 11 triệu dân Hồi giáo di dân đã được khuyến khích đến châu Âu nhằm cung cấp nguồn lao động rẻ, như đã thấy gần đây. Một số chức sắc Hồi giáo thật sự đã mơ đến một châu Âu Hồi giáo hóa. Như viên Giám đốc Viện Văn hóa Hồi giáo tại Paris có nói như sau: Chỉ cần một ít năm nữa thôi, Paris sẽ là thủ đô của Hồi quốc, đúng như Baghdad và Cairo là thủ phủ của những vùng đất khác.

Trò chơi quyền lực toàn cầu đang nổi bật lên trong những thập niên sắp đến, không thể nào hiểu được, nếu không xét chung với thế lực đang lên của Hồi giáo, Thiên chúa giáo và các tôn giáo khác, hoặc của các vụ xung đột khắp nơi trên thế giới và trong đó có cuộc thánh chiến.

ĐẾ QUỐC CỦA MA TÚÝ

Các tôn giáo không phải là lực lượng duy nhất đã nổi lên để thách thức quyền lực của các quốc gia - Nhà nước như trên. Trong công cuộc nghiên cứu vĩ đại về việc kinh doanh ma tuý trên toàn cầu, James Mills đã viết như sau: "... Đế quốc Bí Mật ngày nay có nhiều quyền lực hơn, nhiều tài sản hơn và nhiều địa vị pháp lý, xã hội hơn nhiều quốc gia đã có. Đế quốc này không có lá cờ nào bay pháp phôi trên kỳ đài của Liên Hợp Quốc, nhưng nó cũng có những đạo quân đông đảo hơn, những cơ sở

tình báo có khả năng hơn và nhiều dịch vụ ngoại giao có ảnh hưởng quan trọng hơn là của nhiều quốc gia hiện có”.

Khả năng của một tập đoàn ma tuý để có thể mua chuộc tham nhũng, khủng bố và làm tê liệt Chính phủ Columbia trong nhiều năm qua. Lần đầu tiên nó đã thay đổi cán cân mậu dịch của mình và gợi ý rằng những nhóm ngoài vòng pháp luật khác, mà không nhất thiết phải là những tay buôn lậu ma tuý, cũng có khả năng làm được nhiều việc.

Một biện pháp nhằm đe doạ tập đoàn ma tuý là lực lượng an ninh khổng lồ mà Tổng thống Bush của Hoa Kỳ và các vị lãnh đạo của các nước Peru, Bolivia và Columbia đã đề ra, khi các vị này triệu tập cái gọi là “Phiên họp thượng đỉnh về ma tuý” tại Catagena. Columbia đã tiếp tế một phi đội máy bay tiêm kích và cả một hạm đội tàu hải quân, người nhái, những toán SWAT (tay súng im lặng) chống khủng bố và hàng ngàn binh sĩ. Tất cả các lực lượng ấy không phải dàn ra để chống một nước thù địch, mà là để chống lại một mạng lưới Mafia già đình.

Các chính phủ ngày càng cảm thấy khó khăn hơn trong việc giải quyết với những diễn viên mới trên sân khấu quốc tế. Vì các chính phủ đã quá quan liêu bao cấp, thời gian phản ứng của họ chậm. Họ lại vướng mắc với bao nhiêu mối quan hệ nước ngoài, đòi hỏi phải hội ý và thoả thuận với các đồng minh, và phải thoả mãn quyền lợi của biết

bao nhiêu nhóm chính trị quốc nội, cho nên họ phải mất quá nhiều thì giờ để có thể đáp ứng các sáng kiến của những tay trùm ma tuý hoặc những kẻ cuồng tín tôn giáo và những tên khủng bố.

Trái lại, đa số những tay kiém khách toàn cầu, những tên du kích và đặc biệt là những tập đoàn ma tuý đều không có tính quan liêu hoặc chút kiến thức sơ đẳng về văn phòng. Một tên đầu sỏ có tài thô thiển này hô hào bắn nhanh và kèm theo tác động rợn người, hoặc chết chóc. Trong những trường hợp khác, không biết rõ ai là những kẻ cầm đầu thực sự. Các chính phủ thường lúng túng vụng về trong các cuộc đấu đá với bọn chúng. Có thể thương lượng với ai đây? Nếu có thể thương lượng, làm sao có thể biết được người đang thương lượng với ta có thật lời không? Họ có thể trả lời các con tin, chặn đứng việc tuồn ma tuý, đề phòng các vụ đánh bom ở các tòa đại sứ, hoặc chặt đầu bọn cướp bóc được không?

Một số ít các luật pháp quốc tế đã làm giảm thiểu tình trạng vô chính phủ trên toàn cầu trong quá khứ, nay đem ứng phó với những tình hình thực tế mới, đã tỏ ra hoàn toàn bất lực.

Thế giới ngày nay là do các vệ tinh, tia laser, máy điện toán, vũ khí bỏ túi, nhắm mục tiêu chính xác, và việc lựa chọn các loại vi khuẩn để tiến công người hoặc máy vi tính, hiện nay các quốc gia của chúng ta đã biết cả rồi. Thế mà chính phủ các nước

sẽ phát hiện họ đang gặp những kẻ thù rất ương ngạnh, mà trong số bọn chúng có những tổ chức không lớn hơn một phần triệu cơ sở của chúng ta.

“KẾ ÁP BÚC” BỊ PHÂN TÁN

Trong khi các quốc gia đang tỏ ra không đủ khả năng để đối phó với những tên khủng bố hoặc những nhà tôn giáo quá khích gần như man rợ, thì họ cũng nhận thấy ngày càng khó khăn hơn trong việc điều hành các công ty toàn cầu, những công ty này đã chuyển đổi các hoạt động, ngân quỹ, ô nhiễm môi trường và nhân viên vượt qua biên giới.

Việc tài chính được tự do hóa đã cổ vũ mọc lên khoảng 600 đại công ty, thường được gọi là “Công ty siêu quốc gia” mà hiện nay có tổng số khoảng một phần năm của tỉ lệ trị giá gia tăng trên việc sản xuất nông nghiệp và công nghiệp trên thế giới.

Thế nhưng, từ “siêu quốc gia” nay đã lỗi thời. Các đại công ty không còn có quốc tịch nữa.

Cho đến một quá khứ gần đây, các công ty hoạt động trên khắp thế giới đã đặc biệt thuộc về một quốc gia này hay quốc gia khác. IBM đã được khẳng định là một công ty của Mỹ không ai tranh cãi. Nhưng trong khuôn khổ một hệ thống sáng tạo ra của cái mới, các công ty của nhiều quốc gia liên minh với nhau để thành lập những “liên minh” và “quần chúng” toàn cầu, ngày nay thật khó mà xác

định được tính chất quốc gia của công ty. Trong nhiều khía cạnh IBM Nhật là một công ty của Nhật. Hãng Ford có 25% cổ phần trong công ty Mazda. Công ty General Motors làm chủ nhiều cổ phần trong hãng Isuzu, Honda sản xuất xe hơi ở Mỹ và chuyển về Nhật. Cố vấn quản lý Kenichi Ohmae có viết như sau: “Thật khó mà xác định quốc tịch của các công ty toàn cầu. Các công ty này treo cờ quốc gia của khách hàng, chứ không phải của quốc gia mình”.

Còn quốc tịch của “các tín dụng quốc tế” (Visa International) là gì? Cơ quan đầu não của họ đặt tại Hoa Kỳ, nhưng nó là sở hữu của 21.000 tổ chức tài chánh thuộc 187 quốc gia và lãnh thổ khác nhau. Các ban Giám đốc trung ương và địa phương của họ đều được thiết lập để ngăn ngừa không cho bất cứ quốc gia nào chiếm được 51% số phiếu.

Với những vụ tiếp quản vượt biên giới, nhập chung các công ty kinh doanh, và mua lại các công ty khác gia tăng, chủ quyền của một xí nghiệp có thể, theo nguyên tắc, đổi thay từ quốc gia này qua tay quốc gia khác trong một đêm là xong. Do đó các công ty thực sự trở nên vô quốc gia hay là xuyên quốc gia nhiều hơn. Họ rút vốn từ nhiều quốc gia khác nhau và những nhân viên quản trị ưu tú nhiều nơi, tạo công ăn việc làm cũng như phân phối nguồn lợi nhuận cho các cổ đông ở nhiều nước.

Những đổi thay như vậy sẽ buộc chúng ta

phải suy nghĩ trở lại về các khái niệm chủ nghĩa kinh tế quốc gia hóa, chủ nghĩa thực dân mới và chủ nghĩa đế quốc. Thí dụ như trong một bài báo nói rằng: nhân dân châu Mỹ La tinh thường tin rằng những tên đế quốc Mỹ đã hút hết siêu lợi nhuận của nước họ. Nhưng, nếu trong tương lai các “siêu lợi nhuận” đó do một hoạt động kinh doanh tại Mehico lại được phân tán cho các nhà đầu tư ở khắp Nhật, Tây Âu hoặc Brazil, hoặc thậm chí có ngày nào đó có cả Trung Quốc đại lục nữa, thế thì cuối cùng ai mới là tay thực dân mới đây?

Cái gì xảy ra, nếu một công ty đa quốc gia nào đó, trên danh nghĩa đặt trụ sở tại Macao, hay tại Caracotd, nhưng khối cổ phần của họ lại do 100.000 cổ đông của trên 10 quốc gia thay nhau làm chủ, và việc mậu dịch của họ lan trên năm, sáu thị trường chứng khoán, từ Bombay và Sydney đến Paris và Hồng Kông? Lúc đó là cái gì? Nếu thậm chí những nhà đầu tư, bản thân họ cũng thuộc đa quốc gia? Lúc đó là cái gì? Nếu những nhà quản lý cũng từ năm châu đến? Lúc ấy, quốc gia nào là tên áp bức?

Trong khi họ đánh mất bản sắc quốc gia thuần tuý của họ, toàn bộ mối quan hệ giữa các công ty toàn cầu và chính phủ quốc gia đều thay đổi. Trong quá khứ, các chính phủ “quốc nội” của những công ty này đã đấu tranh cho quyền lợi của họ trong nền kinh tế thế giới, cố gắng gây áp lực về

ngoại giao cho mình. Và khi cần phải bảo vệ cho các cuộc đầu tư và nhân dân, họ lại đe doạ, hoặc áp dụng thật sự biện pháp quân sự.

Trong những năm đầu của thập kỷ 1970, do lệnh của ITT cùng các công ty khác của Mỹ, cơ quan tình báo CIA thực sự đã mưu mô nhầm lật đổ chính phủ Allende tại Chile. Trong tương lai, các chính phủ có thể rất ít sẵn sàng để đáp ứng những tiếng kêu cứu từ các công ty, mà nay không còn là quốc gia, hoặc đã thành siêu quốc gia hoặc là xuyên quốc gia.

Như thế, cái gì sẽ xảy ra khi mà các tay khủng bố, du kích cầm tù, hoặc một quốc gia thù địch nào đó đã đe doạ nhân viên và các thương tiện thuộc một trong những công ty lớn xuyên quốc gia? Công ty này phải quay về đâu để xin cứu giúp? Hoặc họ phải nhẹ nhàng huỷ bỏ các cuộc đầu tư của mình?

VỆ SĨ CỦA CÔNG TY

Sức mạnh quân sự là thứ vũ khí mà các quốc gia - Nhà nước đều có sẵn, trong khi những kẻ cạnh tranh quyền lực khác đặc biệt thiếu. Thế nhưng, nếu các lực lượng quốc gia hoặc liên chính phủ không thể đem lại trật tự, thì một ngày mới sẽ bắt đầu, khi mà các công ty xuyên quốc gia, sẽ quyết định là đã đến lúc cần thiết phải đưa ra các

lực lượng tự vệ riêng của họ.

Sự kiện này nghe có vẻ khó tin, nhưng không phải là không có tiền lệ đã xảy ra trong lịch sử. Ngài Francis Drake đã tiến hành cuộc chiến tranh, không phải thuần tuý chống lại các chiến hạm Tây Ban Nha ngày trước, chờ đầy những khối bạc, mà để gây chiến với các thành phố dọc theo bờ biển Thái Bình Dương vùng Nam Mỹ, Trung Mỹ và Mehico, ông ta đã được tài trợ bởi các nhà đầu tư tư nhân.

Thật hoàn toàn đẹp mắt nếu tưởng tượng rằng ở thế kỷ XXI sẽ có những loại hình công ty trang bị bởi các lính đánh thuê của Ý.

Trong cuốn tiểu thuyết "Đoàn quân Ma", nhà văn Alfred Coppel đã mô tả đúng tình huống này. một tình huống trong đó một đại công ty dầu khí đã tổ chức đội quân riêng của mình để bảo vệ các bãi dầu khí chống lại một cuộc đình công khủng bố được dự kiến. Công ty đã phải hành động như vậy vì lẽ họ không thể nhờ chính quyền quốc gia của họ bảo vệ quyền lợi.

Dù cho câu truyện phim đã tưởng này có vẻ quá khích đến đâu, cũng có phần nào hợp lý trong ấy. Sự bất lực của Nhà nước đứng trước sự khủng bố, mặc dù họ có quân đội dưới quyền chỉ huy, đã bắt buộc một số các công ty lớn phải ra tay nắm lấy các vấn đề này, họ phải thuê những tài xế thuần thục, vũ trang cho các vệ sĩ cá nhân, các chuyên

viên an ninh tài ba... Do đó khi Iran bắt cóc một số nhân viên làm con tin, nhà tỷ phú Ross Perot đã thuê các cựu chiến sĩ mũ xanh (Thuỷ quân lục chiến Mỹ) để xâm nhập vào Iran và giải thoát cho các nhân viên này. Từ đây chỉ còn có một bước ngắn nữa thôi để đi đến việc sử dụng các đạo quân đánh thuê.

LIÊN HỢP QUỐC PHẢI MỞ RỘNG

Nếu các bộ luật quốc tế mới không được soạn thảo và những cơ quan mới không được thành lập để thi hành những điều cưỡng bách, hoặc những tên kiểm khách toàn cầu, các công ty liên quốc gia, các tôn giáo và các lực lượng tương tự không chịu cùi người đại diện tham gia trong cơ quan ấy, thì rõ ràng là chúng ta đang tiến tới sự hỗn loạn.

Người ta đang đưa ra những đề nghị sót dẻo và cấp bách cho tất cả các loại định chế toàn cầu mới, để giải quyết vấn đề môi trường, kiểm soát vũ khí, tiền tệ, du lịch, vô tuyến viễn thông, cũng như các vấn đề kinh tế địa phương mà mọi người đều quan tâm. Nhưng nên để cho ai chỉ huy các cơ quan này? Một mình các quốc gia - Nhà nước chăng?

Nhu cầu của các công ty siêu quốc gia, ngày càng không được chính phủ và các tổ chức liên chính phủ quan tâm đáp ứng, thì họ có thể chấm dứt chức năng của chính phủ mà yêu cầu được trực

tiếp tham gia vào các tổ chức của thế giới.

Thật ra không quá khó để tưởng tượng đến một “Hội đồng toàn cầu của các công ty thế giới” (Global Council of Global Corporations) được mọc lên để cổ vũ cho các công ty kiểu mới này và cung cấp một đối trọng chung đối với quyền lực quốc gia - Nhà nước. Thay phiên nhau, các công ty lớn có thể yêu cầu được cử đại diện nhân danh của công ty, như là thành viên của giai cấp mới, trong khuôn khổ các tổ chức như Liên Hiệp Quốc, Ngân hàng Thế giới, hoặc GATT.

Trước sự phát triển đa dạng và quyền lực của những tay kiếm khách toàn cầu, Liên Hợp Quốc, từ trước đến nay chỉ sắm một vai trò không hơn không kém một hiệp hội thương mại của các quốc gia. Có lẽ ngày nay bắt buộc phải cung cấp để ghế đại diện cho những tổ chức phi quốc gia nữa (ngoài vai trò cố vấn tượng trưng hiện nay đã được chấp thuận cho một số nhóm phi chính phủ, hoặc viết là NGO).

Thay vì mỗi quốc gia bầu một phiếu, có thể sẽ phải tạo thêm ra những loại hình bổ sung để bỏ phiếu, dành cho các công ty liên doanh, các tôn giáo, và những thực thể khác. Nó sẽ nhân rộng ra rất nhiều dịch vụ yểm trợ trên thế giới. Mặt khác, nếu các quốc gia - Nhà nước đã thành lập và điều hành Liên Hiệp Quốc từ chối không nhận thêm đại diện, các tổ chức chống đối có thể mọc lên, vì các

công ty toàn cầu đang phát triển rộng khắp và tập trung lực lượng.

Thế nhưng dù cho những dự đoán như trên có được chứng minh đúng đắn trong tương lai hay không, các tay kiềm khách toàn cầu, các công ty, tập đoàn tội ác, tôn giáo, và những thứ khác, ngày nay đã chia sẻ, trên thực tế, quyền lực với các quốc gia - Nhà nước.

CÁC TỔ CHỨC TOÀN CẦU KIẾU MỚI

Vấn đề là một số những kiềm khách không quốc gia cần phải được có đại diện trong các tổ chức quốc tế, có quan hệ chặt chẽ với việc thiết kế của các tổ chức mới trên vũ đài thế giới. Một vấn đề then chốt mà các kiến trúc sư của một trận tự mới toàn cầu là liệu quyền lực sẽ phát triển theo hệ thống dọc hay theo hệ thống ngang?

Một thí dụ rõ ràng về tổ chức dọc là Cộng đồng châu Âu, họ tìm cách xây dựng, thực sự là một loại siêu chính phủ, và muốn theo lời của nhiều nhà phê bình, thu hẹp quyền hạn của các quốc gia châu Âu hiện tại thành những tinh trong một nước, hơn là những quốc gia có chủ quyền, bằng cách áp đặt những vòng kiểm soát siêu quốc gia lên trên tiền tệ, ngân hàng trung ương, các loại hình giáo dục, môi trường, nông nghiệp, và thậm chí trên cả ngân sách quốc gia nữa.

Cái mẫu mã dọc theo truyền thống này tìm cách giải quyết các vấn đề bằng cách cứ cộng thêm một nắc nữa vào hệ thống phân cấp của quyền lực. Đó là định chế kiến thức “cao tầng”.

Ngoài ra còn một mẫu mã khác, thích hợp với các loại hình tổ chức đang nổi bật trong thế giới kinh doanh, và các nền kinh tế tiên tiến, sẽ làm bẹp hệ thống phân cấp hơn là nâng nó lên cao. Mẫu mã này dựa vào những mạng lưới các liên minh, tập đoàn tư bản tài phiệt, các cơ quan chức năng đặc biệt, để thực hiện các đầu mối quá nhiều cho bất kỳ một quốc gia đơn phương nào. Trong hệ thống này, không có cấp trên kiểm tra xuống đến tận cùng cơ sở và những cơ quan chuyên môn không được tập hợp lại theo hệ thống phân cấp, dưới quyền chỉ huy của một bộ phận trung ương không được chuyên môn hóa. Nó tương đương với loại hình “hạ tầng” kiến trúc. Nó hoạt động song song với loại công ty linh hoạt.

Trên khắp thế giới ngày nay, cộng đồng châu Âu được theo dõi chặt chẽ, và rất thông thường được xem như là mẫu mã duy nhất cho các tổ chức địa phương. Do đó, đề nghị bắt chước mẫu mã của cộng đồng châu Âu, đã được nghe người ta nói đến rất nhiều, từ Maghreb (Đức) và Trung Đông đến vùng quần đảo Caribe và Thái Bình Dương. Một giải pháp còn tiến bộ hơn nhiều là thắt lại với nhau các tổ chức thực hiện có tại

mỗi địa phương trên, mà không đặt lên họ một hình thức kiểm soát nào cả. Thể thức này cũng có thể áp dụng giữa các quốc gia với nhau.

Nhật và Hoa Kỳ chẳng hạn, ràng buộc với nhau rất chặt chẽ về kinh tế, chính trị, và quân sự, khiến cho các quyết định của nước này có hậu quả mạnh tức thời tới nước kia. Với những tình huống ấy, sẽ có ngày nào đó, Nhật thật sự sẽ đòi phải có cho họ những ghế dân biểu tại Quốc hội Hoa Kỳ. Ngược lại, Hoa Kỳ chắc chắn sẽ đòi hỏi có sự đại diện tương đương ở Quốc hội Nhật. Theo chiều hướng này, sẽ ra đời nghị viện đầu tiên, trong đa số các quốc hội hoặc cơ cấu lập pháp “qua biên giới” có tiềm năng.

Tính dân chủ dự kiến rằng, những ai bị chi phối bởi một quyết định đều có quyền tham gia vào việc biên soạn thảo ra quyết định ấy. Nếu đúng như vậy thì đa số các quốc gia, trên thực tế đều nên có chiếc ghế đại diện của mình tại Quốc hội Hoa Kỳ. Vì các quyết định của quốc hội này có tác động đến đời sống của họ, hơn là các quyết định của những chính khách trong nước của họ.

Thế giới ngày càng trở nên toàn cầu hóa, và hệ thống sáng tạo của cải mới mẻ phổ cập, các yêu cầu tham gia chính trị vượt qua biên giới (thậm chí cả việc đầu phiếu), sẽ nổi lên như bọt xà phòng từ phía đông đảo nhân dân ở các nước. Ngày nay họ đều cảm thấy bản thân bị loại ra khỏi các quyết

định đã tác động đến cuộc sống của họ.

Nhưng bất cứ loại hình nào mà các tổ chức toàn cầu của ngày mai dự liệu, họ cũng sẽ phải quan tâm nhiều hơn, cả tích cực lẫn tiêu cực, đến các tay kiềm khích toàn cầu.

Liệu các nhóm như tôn giáo và các công ty toàn cầu, cũng như các nghiệp đoàn xuyên quốc gia, các đảng phái chính trị, các phong trào sinh thái, các tổ chức nhân quyền, và các thực thể khác thuộc xã hội dân sự, sẽ được đại diện đến mức nào tại các định chế hiện nay đang dự được thiết kế cho thế giới ngày mai?

Làm thế nào người ta có thể giữ được một khoảng cách giữa đạo và đời ở trên mức độ toàn cầu để có thể tránh được những cuộc đẫm máu ghê người và áp bức, thường là hậu quả của hai thứ hoà tan lại với nhau. Làm sao để các tên khủng bố hoặc sát nhân, các hung thần chiến tranh và những tên đồ tể ma tuý có thể bị cách ly ra khỏi những người lương thiện? Tiếng nói chân chính toàn cầu nào có thể đưa ra cho các dân tộc thiểu số thường bị áp bức tại quốc nội? Cuộc phòng vệ bằng tên lửa hoặc các biện pháp phòng vệ bằng chiến tranh hóa học nào nên tuỳ thuộc địa phương hoặc thuộc toàn cầu, thay vì cứ để cho các quốc gia chịu trách nhiệm?

Những vấn đề đầy nguy hiểm có thể phát sinh trong tương lai không mấy xa này, không một

ai có thể trả lời một cách giáo điều. Không còn nghi ngờ gì nữa, bản thân vấn đề đều có vẻ kỳ lạ, là trong một thế giới vẫn quan niệm rằng chính nó đã được tổ chức chung quanh những quốc gia - Nhà nước. Nhưng vào lúc bình minh của thời đại công nghiệp ống khói, không có gì trong có vẻ lạ lùng hơn, cấp tiến hơn, mà cũng đầy nguy hiểm hơn là ý kiến của các nhà cách mạng Pháp, Anh, Mỹ. Khi họ suy nghĩ rằng các dân tộc và các nghị viện nên kiểm tra các vị vua thay vì ngược lại, và nếu thiếu đại diện của dân, sẽ đưa đến sự hỗn loạn.

Trong nhiều quốc gia, những ý kiến như trên có thể gây ra những sự phản đối bất tận, dựa trên căn bản yêu nước. Trong thế kỷ XIX, nhà văn Pháp là Charler Mauras đã phát biểu ý kiến "Trong các quyền tự do của con người, không có gì quý bằng sự độc lập của Tổ quốc". Nhưng, chủ quyền tuyệt đối và độc lập luôn luôn có tính huyền thoại.

Chỉ có những quốc gia nào không muốn chọn hệ thống mới làm ra của cải, mới có thể luôn luôn tránh khỏi bị liên hệ với nền kinh tế toàn cầu mới. Những quốc gia nào thực sự nối liền với thế giới bên ngoài sẽ bắt buộc phải bị lôi cuốn vào một hệ thống toàn cầu lệ thuộc lẫn nhau. Trong đó không chỉ riêng có sự tồn tại của quốc gia, mà còn có cả những tay kiêm khách toàn cầu mới nữa.

Chúng ta đang chứng kiến một sự thay đổi quyền lực đầy ý nghĩa, từ cá thể hoặc nhóm quốc

gia - Nhà nước đến các tay kiêm khách toàn cầu. Điều này không có chút ý nghĩa nào cả so với cuộc cách mạng toàn cầu kế tiếp trong các mô hình chính trị.

Sự đổi thay hướng đến một hệ thống đa dạng nổi dậy trong thế giới, sẽ tăng trưởng mạnh, nếu quyền lực của các nước lớn đang phân hóa, như đã được thấy là có khả năng xảy ra. Liên Xô rất dễ vỡ, với một Gorbachov cố gắng nắm giữ một cách tuyệt vọng những nước cộng hòa chung lại với nhau trong một khuôn khổ rất lỏng lẻo. Thế nhưng một số các bộ phận chắc chắn thế nào cũng vỡ ra từng mảnh và sẽ mang những hình hài kỳ lạ trong những thập niên sắp tới. Dù có hay không có một thành phần nào của hậu Liên bang Xô Viết, một số vùng chắc chắn sẽ bị lôi cuốn vào trong cơn gió xoáy của châu Âu do Đức quốc thống trị, còn các vùng khác thì lọt vào vòng cương toả của Nhật đang hình thành mối ảnh hưởng của họ tại châu Á.

Thế nhưng, những sự quan tâm về kinh tế đơn thuần lý trí, có thể bị làn sóng tôn giáo đang dâng lên quét sạch một cách dễ dàng cùng với sự đấu đá chủng tộc. Do đó, Ukraine, Cộng hòa Nga và Biêlorussi sẽ nhập thành một khối không lồ dựa vào nền văn hóa Slave và một nhà thờ chính thống đã được tăng cường sinh lực dồi dào. Còn Hồi giáo thì có thể keo sơn gắn bó với nhau trong một số nước Cộng-hòa Trung Á.

Trung Quốc cũng vậy, có thể bị phân tán với những vùng công nghiệp phát triển hàng đầu ở tại miền Nam và miền Đông, cắt đứt những mối quan hệ của mình với các vùng khác trong nước, lấy thôn quê làm gốc và tạo thành những thực thể mới với Hồng Kông, Đài Loan, Singapore và có thể với một nước Triều Tiên thống nhất. Hậu quả có thể là một cộng đồng kinh tế Khổng giáo vĩ đại mới, có thể ngăn chặn được sự nổi dậy của Nhật.

Nếu khẳng định rằng những sự thay đổi như thế sẽ xảy ra mà không có cuộc nội chiến và những cuộc tranh chấp khác, hoặc nó có thể được chặn lại trong khuôn khổ cái khuôn mẫu cũ của một trật tự thế giới dựa vào quốc gia, thì thật là cận thị và không có đầu óc tưởng tượng chút nào. Cái điều chắc chắn duy nhất là ngày mai sẽ phải làm cho tất cả chúng ta đều ngạc nhiên.

Cái gì sẽ rõ ràng sáng sủa, là khi mà hệ thống tạo ra của cái mới hình thành trên khắp hành tinh, nó sẽ làm đảo lộn tất cả các quan niệm của chúng ta về sự phát triển kinh tế trong cái gọi là Miền Nam, sự nổ bung những xã hội chủ nghĩa ở miền Đông, quăng các nước đồng minh vào cuộc tranh tài giết chóc, và kêu gọi lập ra một trật tự mới hoàn cầu, khác xa và đầy kịch tính, đa dạng mà cũng đầy rủi ro, đồng thời cũng đầy hy vọng và kinh khủng hoang mang.

Tri thức mới đã lật úp cái thế giới mà chúng

ta biết, và làm rung chuyển những cột trụ quyền lực, nó giữ cho quyền lực được đứng vững tại chỗ. Nghiên cứu sự đồ võ, và một lần nữa sẵn sàng để tạo thành một nền văn minh mới, chúng ta đang đứng sát cánh với nhau hiện nay tại Điểm Không.

VĨ THANH TỰ DO - TRẬT TỰ - MAY MẮN

Cuốn sách này đã kể lại một câu chuyện cách mạng quan trọng nhất trong lịch sử quyền lực, một sự thay đổi đang tái tạo lại diện mạo cho hành tinh của chúng ta. Xuyên suốt thế hệ vừa qua, hàng triệu danh từ đã được dùng để mô tả sự bùng nổ về mặt kỹ thuật, xã hội, môi sinh, và văn hóa. Thế nhưng, tương đối ít "từ" đã cố gắng phân tích sự chuyển hóa bản thân tính chất quyền lực - chính nó đã dẫn đến nhiều sự thay đổi khác.

Chúng ta đã thấy, ở mọi bình diện của đời sống, từ kinh doanh đến chính quyền và các vấn đề quốc tế, quyền lực đang chuyển dời.

Quyền lực là một trong các hiện tượng xã hội cơ bản nhất, và nó được gắn liền với bản chất thật sự của vũ trụ.

Ba trăm năm trôi qua, nền khoa học phương Tây đã mô tả thế giới như một chiếc đồng hồ hoặc một bộ máy, trong đó, những nguyên nhân khả dĩ

biết được đã đưa đến những hậu quả có thể dự kiến. Nó dựa theo thuyết định mệnh, là một vụ trù hoàn toàn có trật tự, mà một khi đã được vận hành, nó sẽ lập trước các chương trình cho tất cả các hoạt động tiếp theo.

Nếu đúng đó là một sự mô tả chính xác của một thế giới thật sự, tất cả chúng ta đều phải bất lực. Bởi lẽ nếu những điều kiện sơ khởi trong bất cứ quá trình nào cũng đã định đoạt được kết quả của nó, thì sự can thiệp của con người không thể nào thay đổi được kết quả này. Một vũ trụ như cỗ máy, được vận hành bởi một động cơ quyền lực, do Thượng đế hoặc do một chức năng nào khác, sẽ là một vũ trụ trong đó không ai có quyền đối với bất cứ cái gì, hoặc với bất cứ ai. Chỉ có, tốt nhất, là một ảo tưởng quyền lực.

Quyền lực, nói tóm lại, dựa vào những chỗ đứt trong sợi dây nhân quả mà xuất hiện, đó là những biến cố đã không được đưa tất cả trước vào chương trình. Nói một cách khác, như vậy quyền lực đã dựa vào sự may mắn hiện có trong vũ trụ và trong thái độ cá nhân.

Thế nhưng, quyền lực không thể hoạt động trong một vũ trụ hoàn toàn những sự bất ngờ được đâu. Nếu các biến cố và thái độ thật sự vô mục đích, chúng ta cũng sẽ hoàn toàn bất lực như nhau để áp đặt ý muốn của chúng ta. Nếu không có một số động tác thường xuyên nào đó, nếu không có

một sự đầm đặn như máy và tính cách dự kiến, thì cuộc sống sẽ ép buộc chúng ta phải có hàng loạt sự lựa chọn vô tận và không mục đích. Mỗi sự lựa chọn đều có những hậu quả không chủ đích, và vì thế làm cho chúng ta trở thành những tù nhân bất lực của số phận.

Do đó, quyền lực bao hàm một thế giới kết hợp những sự may mắn và cần thiết, sự hỗn loạn và trật tự.

Thế nhưng, quyền lực cũng được gắn liền với quy luật sinh vật lý của cá nhân, và vai trò của chính phủ, hoặc thông thường hơn là của Nhà nước.

Sự thè xảy ra như vậy, là do tất cả chúng ta đều chia sẻ một niềm khao khát không thể cưỡng, căn cứ vào tâm sinh lý, mong có một trật tự phần nào cho cuộc sống hàng ngày của mình, cùng với sự ham muốn những điều mới lạ. Nó là nhu cầu về trật tự, nó cung cấp chính cho lời giải thích, cho sự hiện diện của Nhà nước.

Ít nhất là từ khi Rousseau cho ra đời cuốn Khế ước xã hội và sự chấm dứt quyền hạn thiêng liêng của các vị vua chúa, thì Nhà nước được xem như là người đã ký hợp đồng với quốc dân. Một hợp đồng để đảm bảo hoặc đem lại nền trật tự cần thiết cho xã hội. Nếu không được Nhà nước cung cấp binh lính, cảnh sát và bộ máy kiểm tra, chúng ta sẽ được báo cho biết rằng, những băng đảng hoặc

các tên côn đồ sẽ chiếm tất cả các con đường phố. Nạn cuồng đoạt, hãm hiếp, trộm cướp và giết người sẽ tước đoạt đến rỏ áo cuối cùng của “manh áo vẫn minh mỏng dính”.

Sự đòi hỏi thật khó mà từ chối. Thật vậy, bằng chứng đã tràn ngập về sự thiếu sót của cái mà chúng ta đã mô tả trên đây là hệ thống quyền lực dọc - trật tự áp đặt từ trên xuống - cuộc sống vội vàng sẽ biến thành một cơn hãi hùng. Thành phố Beirut đã có một thời quá tươi đẹp, nay hỏi thử các cư dân ở đó xem, cuộc sống sẽ có một ý nghĩa gì, tại một nơi mà không có chính phủ nào đầy đủ quyền lực để trị dân?

Thế nhưng, nếu chức năng đầu tiên của một Nhà nước là đảm bảo trật tự, thì bao nhiêu mới gọi là đủ? Và liệu chức năng này có thể thay đổi hay không, khi mà các xã hội sử dụng nhiều hệ thống khác nhau về cách tạo ra của cải.?

Khi một nhà nước đặt bàn tay sắt lên mọi mặt của cuộc đời sống hàng ngày, thậm chí làm câm nín những lời chỉ trích nhẹ nhàng nhất buộc dân chúng phải trở về nhà mình trong nỗi lo sợ, kiểm duyệt các tin tức, đóng cửa các rạp hát, huỷ bỏ các hộ chiếu, gõ cửa các nhà dân vào lúc hai giờ sáng bắt lôi cha mẹ đi, trước tiếng kêu khóc của con cái họ, ai là người được phục vụ đây? Người dân cần phải được hưởng một số tối thiểu trật tự, hoặc bản thân Nhà nước phải tự kiềm chế khỏi bạo

hành?

Đến khi nào thì luật lệ sẽ đem lại ổn định cần thiết cho nền kinh tế và khi nào nó bóp nghẹt sự phát triển cần thiết?

Nói tóm lại, đã có một sự tương quan theo Marx, giữa hai loại trật tự: một bên là “trật tự xã hội cần thiết”, một bên là “trật tự thặng dư”. Trật tự thặng dư là thứ trật tự phụ trội được áp dụng không phải vì quyền lợi của xã hội, nhưng đặc biệt dành riêng cho quyền lợi của những người cầm quyền Nhà nước. Thật sự thặng dư là đối lập với trật tự đem lại lợi ích và cần thiết cho xã hội. Chế độ nào đã thiết lập trật tự thặng dư để đè nặng lên trên những người dân đau khổ, chính bản thân họ không còn xứng đáng để tồn tại theo định nghĩa của Rousseau.

Những Nhà nước nào mà duy trì một trật tự bóc lột, sẽ mất cái mà Khổng Tử gọi là Thừa thiên mệnh. Ngày nay, họ cũng đã đánh mất tính cách đạo đức hợp pháp của mình trong một thế giới lệ thuộc lẫn nhau. Trong cái hệ thống mới hiện nay đang nổi bật, là cái mà Nhà nước này không những đã làm cho dư luận toàn cầu chú ý mà còn bị các Nhà nước hợp pháp đạo đức lên án nữa.

Yếu tố cách mạng mới, một sự thay đổi do hệ thống tạo ra của cải mới đem lại là một sự thay đổi trên bình diện trật tự xã hội cần thiết. Bởi lẽ sự kiện mới là, khi các quốc gia đang trong thời kỳ

quá độ để tiến lên một nền kinh tế phát triển siêu tượng trưng, thì họ cần nhiều quy luật bản thân theo hệ thống ngang và ít bị kiểm soát của cấp trên đưa xuống. Nói một cách gọn là cơ chế độc tài làm ngợp thở sự tiến bộ của nền kinh tế mới.

Thường khi các sinh viên tập lái máy bay, các ngón tay họ cứ khu khu nắm thật chặt các cần lái đến nỗi gân xanh. Các huấn luyện viên khuyên họ nên nói lỏng tay lái. Việc nắm tay lái quá chặt cũng nguy hiểm như không nắm tay lái. Ngày nay cũng vậy, như các cuộc khủng bố ở nhiều nước đã chứng minh, rằng Nhà nước nào mà cố gắng kiểm soát quá mức dân chúng và nền kinh tế của mình, cuối cùng sẽ đích thân phá huỷ chính sự trật tự mà họ đang mưu tìm. Nhà nước nào có biện pháp nhẹ nhàng nhất, có thể thực hiện được nhiều nhất, cũng là tăng cường quyền lực của chính bản thân.

Vấn đề này có thể, đúng là có thể, là những tin tức xấu cho những kẻ độc tài. Nhưng đó cũng khá đủ là những tín hiệu đe doạ làm đen tối cả một chân trời để xua đuổi sự lạc quan tếu.

Các bạn nào đã đọc cuốn sách này đến đây, chắc đã hiểu rằng sách không đưa ra những lời hứa hẹn hão huyền. Việc sử dụng bạo lực như là một nguồn quyền lực sẽ không biến mất nhanh đâu. Sinh viên và những người chống đối vẫn tiếp tục bị bắn chết tại các quảng trường trên khắp thế giới. Các lực lượng quân đội vẫn tiếp tục rầm rộ

kéo qua biên giới. Các chính phủ vẫn tiếp tục sử dụng bạo lực khi họ còn tưởng tượng rằng bạo lực phục vụ cho các mục tiêu của chính mình. Nhà nước chẳng bao giờ quăng đi khẩu súng.

Tương đương như vậy, việc kiểm soát nguồn của cải meph mông, dù bởi các tư nhân hoặc bởi các viên chức Nhà nước, sẽ tiếp tục đem lại quyền lực rộng lớn cho họ. Của cải vẫn tiếp tục là một công cụ quyền lực đáng nể sợ.

Thế nhưng, mặc dù có những biệt lê và mảnh thăng bằng, mâu thuẫn và lộn xộn, chúng ta đang chứng kiến một trong những sự thay đổi quan trọng lịch sử của quyền lực.

Bởi lẽ nay không còn ai tranh cãi rằng tri thức, nguồn gốc của quyền lực có phẩm chất cao nhất trong tất cả, đang chứng tỏ tầm quan trọng ngay với một phần tỷ giây đồng hồ trôi qua.

Do đó, sự đổi thay quyền lực quan trọng nhất trong tất cả, không phải là việc của một người, một đảng, một định chế, hoặc một quốc gia này chuyển sang quốc gia khác.

Đây là điều bí mật đầy nguy hiểm, nhưng cũng đầy hưng phấn của Thời đại biến đổi quyền lực.

NHẬN ĐỊNH

Vì chủ đề được tranh luận nhiều nên bất kỳ cuốn sách nào nói về quyền lực đều hy vọng là nêu rõ được những giả thiết chính yếu, hơn nữa cố làm sáng tỏ cả những mô thức căn bản của nó. Không có bản tường trình nào là hoàn hảo vì nó không thể xác định hay nhận thức toàn bộ giả thiết của quyền lực. Tuy nhiên một nỗ lực thành công phần nào có thể giúp ích cho cả người viết lẫn người đọc. Vì vậy dưới đây là một vài giả thiết làm cơ sở cho cuốn *Thăng trầm quyền lực*.

1. Quyền lực vốn có trong mọi hệ thống xã hội và trong mọi mối quan hệ của con người. Nó không phải là một vật dụng mà là một trạng thái của tất cả và bất kỳ mối quan hệ nào giữa con người. Do đó, nó tồn tại và trung tính, thực chất nó không tốt cũng không xấu.

2. Hệ thống quyền lực bao gồm mọi người, không ai đứng ngoài nó. Nhưng sự măt mát quyền lực của người này không phải luôn luôn là sự tăng

quyền lực cho người khác.

3. Hệ thống quyền lực trong bất cứ xã hội nào cũng được phân chia thành những hệ thống quyền lực phụ, nhỏ dần đan kết với nhau. Sự hoán nghịch nối những hệ thống phụ này với hệ thống phụ khác và với những hệ thống lớn hơn mà chúng là phần tử. Những cá nhân dù có liên hệ với nhau, thuộc về nhiều hệ thống quyền lực phụ khác nhau.

4. Những người giống nhau có thể là người nhiều quyền lực ở trong nhà nhưng ít quyền lực ở cơ quan...

5. Vì quan hệ của con người biến đổi liên tục, nên quan hệ quyền lực cũng vậy.

6. Vì con người vốn có những nhu cầu và ước vọng, những điều chỉ được thoả mãn khi họ nắm giữ quyền lực, nên quyền lực của xã hội biến chuyển theo sự chấp nhận hay chối bỏ những nhu cầu và ước vọng đó.

7. Vì nhu cầu và ước vọng biến đổi cao độ, cho nên những phương thức đạt được hay từ bỏ chúng cũng biến đổi cùng cực. Do đó, có nhiều công cụ hay đòn bẩy quyền lực khác nhau. Tuy vậy, bạo lực, của cải và tri thức là yếu tố cơ bản nhất trong chúng. Hầu hết những nguồn quyền lực khác đều xuất phát từ đó.

8. Bạo lực chủ yếu dùng để trừng phạt, là nguồn quyền lực ít linh hoạt nhất. Của cải được dùng để khen thưởng lẫn trừng phạt, và có thể

chuyển thành nhiều nguồn khác, là một công cụ quyền lực rất uyển chuyển. Tuy vậy, tri thức mới là nguồn quyền lực cơ bản và linh hoạt nhất, vì một người có tri thức có thể tạo ra của cải, và có thể thuyết phục những người khác để hoàn tất những phương thức mình mong ước, ngoài những điều lý thú mà tự mình đã lãnh hội được. Tri thức tạo ra quyền lực có phẩm chất cao nhất.

9. Quan hệ của các giai cấp, chủng tộc, giới tính, nghề nghiệp, quốc gia và những nhóm xã hội khác biến đổi liên tục bởi những biến chuyển về dân số, kinh tế, kỹ thuật, văn hóa và những yếu tố khác. Những biến đổi này dẫn tới mâu thuẫn và chuyển thành sự tái phân bố những nguồn quyền lực.

10. Mâu thuẫn là một sự kiện luôn luôn tồn tại trong xã hội.

11. Những đấu tranh quyền lực không nhất thiết là xấu.

12. Sự dao động gây ra do những biến đổi hỗ tương trong những hệ thống phụ khác nhau, có thể chuyển hóa để tạo ra những biến đổi chính của quyền lực ở mức độ của hệ thống lớn hơn mà chúng là thành phần. Nguyên lý này hoạt động ở mọi mức độ. Mâu thuẫn nội tâm trong một cá nhân có thể làm sụp đổ cả gia đình, mâu thuẫn quyền lực giữa các bộ phận có thể làm phá sản cả công ty, đấu tranh quyền lực giữa các địa phương có thể

phân chia cả quốc gia.

13. Ở bất cứ thời điểm nào, một trong số nhiều hệ thống quyền lực phụ của một hệ thống mẹ là tương đối quân bình, trong khi những cái khác lại mất quân bình trầm trọng. Sự quân bình không nhất thiết là một mẫu mực giá trị.

14. Khi những hệ thống quyền lực mất cân bằng đột ngột, thì có vẻ như những biến chuyển kỳ lạ có thể xảy ra. Đó là vì khi một hệ thống hay hệ thống phụ không vững chắc thì những ảnh hưởng không tỷ lệ sẽ được nhân lên gấp đôi. Thu tóm vào cho nhiều quyền lực cũng có thể chỉ tạo ra những kết quả nhỏ bé. Những biến cố nhỏ cũng có thể gây ra sự sụp đổ của một tập đoàn. Một lát bánh mì nước bị khét có thể dẫn tới một cuộc ly dị.

15. Vật chất biến đổi. Hệ thống càng không ổn định thì vật chất càng biến đổi.

16. Sự cân bằng quyền lực là một điều kiện không thể có. Ngay khi đạt được sự cân bằng, sự biến đổi lập tức tạo ra những không cân bằng mới. Vì vậy phải cố gắng hiệu chỉnh những không cân bằng cũ.

17. Những không cân bằng ở mức độ này có thể là cân bằng ở mức độ khác. Vì vậy có thể tồn tại một cân bằng quyền lực giữa hai hay nhiều thực thể, ngay cả khi những không cân bằng tồn tại giữa những hệ thống phụ khác.

18. Hiển nhiên là không thể có toàn bộ các hệ

thống xã hội và các hệ thống phụ đang cân bằng hoàn hảo và quyền lực được chia đều giữa tất cả các nhóm. Những tác động cơ bản có thể cần thiết để xóa sổ một tập đoàn áp bức, nhưng một vài mức độ mất cân bằng lại là một chức năng để xã hội tự nó biến đổi.

19. Sự cân bằng hoàn hảo phải được hiểu là không có biến đổi và không những không thể được mà còn không thể mong đợi nữa. Trong một thế giới mà có hàng triệu người đói nghèo, thì ý tưởng ngừng những biến đổi không chỉ là vô ích, mà còn là vô đạo đức. Do đó, sự tồn tại vài mức độ mất cân bằng dĩ nhiên là đạo đức. Cái vô đạo đức là cái nó làm đồng cứng sự phân bố không đều của các nguồn tạo ra quyền lực. Nó là vô đạo đức gấp đôi khi sự phân bố ít phụ thuộc vào chủng tộc, giới tính, hay những điểm bẩm sinh khác.

20. Tri thức được phân bố kém hơn vũ khí và của cải nhiều. Do đó một sự phân bố lại tri thức (đặc biệt là tri thức về kiến thức) là quan trọng hơn nhiều, và có thể dẫn tới một sự phân bố lại những nguồn quyền lực chính khác.

21. Tập trung cao độ các nguồn quyền lực là nguy hiểm (thí dụ như Hitler, Stalin...).

22. Tập trung quyền lực quá ít cũng nguy hiểm tương đương. Vì không có một chính quyền vững mạnh mà Lyban đã từ một quốc gia nghèo biến thành một quốc gia hỗn loạn vô chính phủ.

Những lý do của các nhóm đưa ra để giành quyền lực không ăn nhập gì với bất kỳ quan niệm nào của pháp luật và tòa án, hay bất kỳ những điều khoản hiến pháp có hiệu lực nào...

23. Nếu cả sự tập trung cao độ và sự tập trung quá ít quyền lực đều tạo ra sự khủng khiếp cho xã hội, thì bao nhiêu quyền lực được tập trung là quá nhiều? Có cơ sở cho sự xét đoán không? Có sở đạo đức cho sự xét đoán tập trung quyền lực quá nhiều hay quá ít hên hê trực tiếp tới sự khác biệt giữa mệnh lệnh “cần thiết chung cho xã hội” và “mệnh lệnh dư thừa”.

24. Quyền lực đã ban cho một tập đoàn nên vừa đủ để cung cấp một mức độ an toàn cho nó chống lại những đe doạ thực sự (không phải là lý tưởng) bên ngoài cộng với một ít mệnh lệnh bên trong và sự lịch sự. Mức độ mệnh lệnh này là cần thiết ban ra quá cõi và trên mức độ hoạt động cần thiết của một xã hội dân sự, hay mệnh lệnh ban ra chỉ để làm trường tồn một tập đoàn là vô đạo đức.

25. Có một cơ sở đạo đức cho việc chống đối hay ngay cả xóa sổ một quốc gia mà nó ban ra “mệnh lệnh dư thừa”.

MỤC LỤC

Trang

PHẦN BỐN: QUYỀN LỰC TRONG CÁC CÔNG TY UYỂN CHUYỂN

ĐỒ VÔ CỦA THỜI VÀNG SON

- Phá vỡ nagnet quan liêu	10
- Vô số ban chuyên môn	12
- Quyền lực chống lại lý trí	14
- Mình voi đâu lạc đà và những củ khoai tây mới luộc	18
- Những tuyến bịt nghẹt	23
- Tri thức tự do	28
- Tri thức và quyền lực	37

CÔNG TY UYỂN CHUYỂN

- Chấm dứt loại công ty sản xuất hàng loạt	47
- Phi thực dân hóa ngành kinh doanh	50
- Khiêu vũ trên mặt bàn	51
- Những xí nghiệp gia đình trong tương lai	57

561

TÙ TRƯỞNG BỘ LẠC VÀ UỶ VIÊN CÔNG TY	63
- Tổ chức đậm theo nhịp tim	65
- Tổ chức lưỡng diện	68
- Tổ chức bàn cờ tướng	73
- Tổ chức chính ủy	74
- Cơ chế quan liêu	75
- Cơ chế chồn hôi	78
- Nhóm tự phát	80
- Sự đa dạng quyền lực	82
- Thiếu đơn thuốc trị bá bệnh	84
- Những hạn chế trong sự điều hành	91
NHÂN VIÊN TỰ CHỦ	94
- Giải phóng tâm linh	96
- Sự vô hiệu hoá của nông dân	99
- Dây chuyền mới	100
- Chế độ công tác trong tương lai	105
- Con người không thể thay đổi	108
- Hai mệnh lệnh	111
- Nhu cầu tiếp cận thông tin	113
ĐA NGUYÊN QUYỀN LỰC	118
- Từ nhất nguyên tới đa nguyên	122
- Kiểu quản lý róc thịt ra từng mảnh	124
- Chủ nghĩa độc quyền nội bộ	128
- Trong bụng con vật kềch xù	132
- Quan hệ của cải	135
- Quyền lực trong hệ thống đa nguyên	137

- Bên ngoài sự kết hợp	142
VĨ THANH: HỆ THỐNG MỚI SÁNG TẠO	
CỦA CẢI	145
- Biến thái trong kinh tế mới	146
- Tốc độ xâm nhập thị trường của máy Fax	148
- Của cải tương lai	154
PHẦN NĂM: BIẾN ĐỔI QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ	159
NHỮNG THẬP NIÊN QUYẾT ĐỊNH	160
- Các triều đại và các nền dân chủ	162
- Trình độ đổi thay	164
- Các nền chính trị trên trái đất	170
- Ván đề chủng tộc bùng nổ	173
- Nền dân chủ: bức tranh nhiều màu	176
- Các thiểu số nòng cốt	179
ĐÁNG VÔ HÌNH	188
- Bộ, viện của thế kỷ XXI	190
- Tiếng vo vo toàn bộ	193
- Lột bỏ để hành động	195
- Sự biến mất của giai cấp	199
- Các toán bí mật và những thợ sửa chữa ống nước	201
CHIẾN THUẬT THÔNG TIN	207
- Bí mật của cây cổ mực và những việc để lọt tin có hướng dẫn	209
- Ném đá giấu tay	214
	563

- Nhũng kẻ dâm sau lưng và các đường đi của sau	219
- Việc cam kết nước đôi	223
- Về phía người nhận	224
- Chà xát bức công hàm	226
- Các chiến sĩ đánh giáp lá cà và nhũng viên chức tham mưu cưa xé	230
CÁC CHIẾN THUẬT SIÊU HÌNH	234
- Dân Eskimos và nhũng người lao động trí óc	235
- Sự thật chống lại quyền lực	239
- Ngón tay bị bắt cóc	243
- Nhà máy CHERNOBYL trong thùng phiếu	246
- Cho tôi một con số.	249
- Mất lòng tin các kho tư liệu	254
- Dân tộc ma	261
MỘT THỊ TRƯỜNG CHO ĐIỆP VIÊN	269
- Bướm lượn và bom rơi	270
- Các xe hòm của điện Kremlin	275
- Nhũng kẻ tranh tài chính yếu	280
- Trao đổi các bí mật	282
- Nhũng tên khổng lồ đe doạ	288
- Máy bay chiến đấu và các danh sách canh chừng	290
- Tuyến X chống lại James Bond	296

- Các cuộc chiến tranh sinh thái sắp đến	303
- Tư hữu hóa ngành gián điệp	306
- Ý nghĩa mới của tình báo tư nhân	311
- Mâu thuẫn ở cốt lõi	316
THÔNG TIN TƯƠNG LAI	321
- Đói khát tri thức	323
- Quả bom khủng bố và nạn nhân sinh	328
- Hệ thống ức chế toàn cầu	332
- Danh hiệu kỳ binh	335
SỰ SÁNG TẠO HÌNH ẢNH	341
- Xã hội đa kênh	345
- Đến giai đoạn tuyển chọn	347
- Đến lượt các dãi truyền hình châu Âu	350
- Mậu dịch toàn cầu	352
- Quý tộc mới	355
- Tiến lên dư luận toàn cầu	359
VẤN ĐỀ THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG	364
- Mô thức thông tin đại chúng	366
- Sự dung hoà trong thông tin đại chúng	368
- Thung lũng dốt nát	369
- Chiến lược thông tin đại chúng	370
THẾ HỆ MÀN BẠC	373
- Nô lệ của trò chơi Golf	375
- Đời sống xa hoa thoái hóa	377
- Hơn cả lòng trắc ẩn	379
	565

- Chủ nghĩa điện tử	382
- Phân chia thông tin	385
- Những đồng minh mới	388
VĨ THANH: MONG MỎI MỘT THỜI ĐẠI HẮC ÁM MỚI	393
- Cơn cuồng tín	394
- Nền sinh thái nấm quyền	403
- Tinh thần bài ngoại	414
PHẦN SÁU: BIẾN ĐỔI QUYỀN LỰC TOÀN CẦU	427
KIM TỰ THÁP VÀ THÁM HIỂM	
MẶT TRĂNG	431
- Thay cũ đổi mới	433
NHANH VÀ CHẬM	439
- Trở về cổ hương	443
- Vị trí chiến lược	448
- Vấn đề nguyên liệu	452
- Giá nhân công rẻ	455
- Siêu tốc độ	457
- Ranh giới điện tử.	460
CÂN BẰNG QUYỀN LỰC	470
- Sống chết của dân chủ hóa	471
- Biển cả tư bản	475
- Cơ cấu mới của tri thức	477
- Cân cân Liên Xô	479

TAM GIÁC QUYỀN LỰC: TOKYO-BECLIN, WASHINGTON	482
- Cây súng Nhật Bản	482
- Người kinh tế khổng lồ	485
- Cuộc đua của các trường tư	487
- Sách lược Đông tiến	497
- Sau buổi sáng châu Âu	502
- Từ lý luận cánh tả đến phù hiệu học	508
- Người khổng lồ bị thương	511
- Ngân sách giảm bớt thâm hụt	514
- Chọn mặt gửi vàng	516
NHỮNG KIẾM KHÁCH TOÀN CẦU	525
- Sự phục hưng của đạo giáo	525
- Đế quốc của mạt tuý	530
- “Kẻ áp bức” bị phân tán	533
- Vệ sĩ của công ty	536
- Liên hợp quốc phải mở rộng	538
- Các tổ chức toàn cầu kiểu mới	540
VĨ THANH: TỰ DO- TRẬT TỰ- MAY MẮN NHẬN ĐỊNH	548

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN 62 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: (84.04)9434044 - FAX: 04.8229078
CHI NHÁNH: 270 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU Q. 3. TP. HỒ CHÍ MINH

THẮNG TRẦM
QUYỀN LỰC
CỦA ALVIN TOFFLER

CHIẾU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
MAI THỜI CHÍNH
CHIẾU TRÁCH NỘI DUNG
PHẠM ĐỨC
BIÊN TẬP: KHÁNH VÂN
VẼ BÌA: TRẦN ĐẠI THẮNG
SỬA BẢN IN: QUANG VŨ

In 800. Khoảng 13 x 19. Tại Công ty in Ba Đình - Thanh Hoá.
Giấy trich ngang kế hoạch xuất bản số: 34/1681 CXB
In xong nộp lưu chiểu năm 2002

A L V I N
T O F F L E R

THĂNG TRÂM QUYỀN LỰC

P O W E R S H I F T



SAU CÙ SỐC TƯƠNG LAI VÀ LAN SÔNG THỨ BA A. TOFFLER VIẾT THĂNG TRÂM QUYỀN LỰC. MỘT CÔNG TRÌNH KHẢO SÁT, NGHIÊN CỨU, SUY NGÂM 1/4 THẾ KỶ.

THĂNG TRÂM QUYỀN LỰC LÀM CHO CHÚNG TA PHẢI BỎ MẮT VỚI NHỮNG VĂN ĐẾ CỦA TƯ DUY TƯƠNG LAI NHÂN LOẠI ĐẤY BIẾN ĐỘNG. TẤT NHUYÊN ĐÂY KHÔNG PHẢI LÀ NHỮNG TIỀN DOAN ÁO VỌNG VÀ CÒN NHIỀU ĐIỀU NGƯỜI ĐỌC CẨM NGHỊ LUẬN VỚI TÁC GIÀ VÀ CHI CÔ THỰC TIẾN MỚI LÀ NGƯỜI KIẾM NGHIỆM VÀ PHẦN QUYẾT CUỐI CÙNG.

THẾ GIỚI BIẾN ĐỔI RA SAO? QUYỀN LỰC SẼ CHUYỂN HÓA NHƯ THẾ NÀO? CHIẾN TRANH THÔNG TIN SẼ RA SAO? NÊN VĂN MINH MỚI GỒM NHỮNG VĂN ĐẾ GI? LÀM THẾ NÀO ĐỂ BỐI PHỐ VỚI NHỮNG VĂN ĐẾ TOÀN CẦU? V.V... MỘT LOẠT CÁC VĂN ĐẾ LUÔN LUÔN VĂN ĐỘNG BIẾN CHUYỂN THẬT MAU LÉ MÀ CHUNG TA KHÔNG THỂ LÀM NGŪ, BIẾM NHIỀN DŨNG NGOÀI KHÔNG BIẾT TỎI VÀ KHÔNG SUY SET...

GIÁ : 54.000